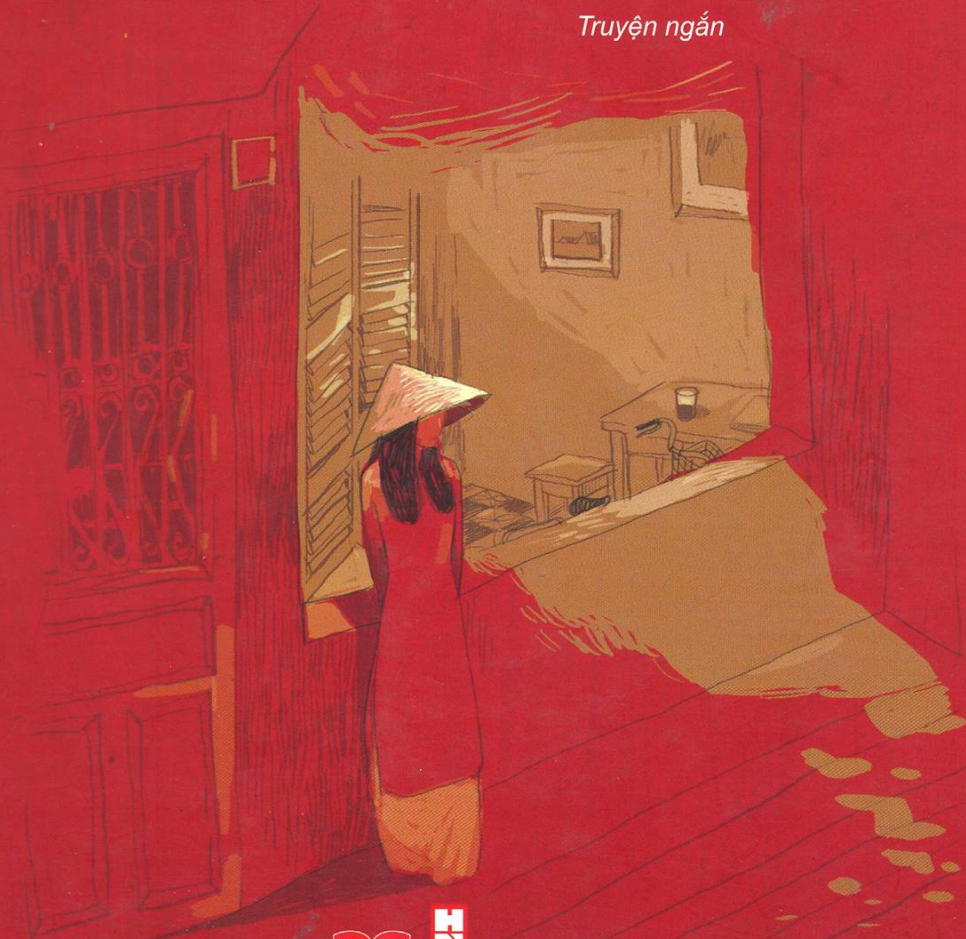


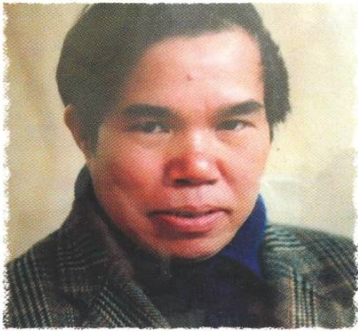
MA VẮN KHÀNG

100 truyện ngắn 2

Truyện ngắn



NHÀ XUẤT BẢN
HỘI NHÀ VĂN



MA VĂN KHÁNG

Họ và tên khai sinh: Đinh Trọng Đoàn

Bút danh: Ma Văn Kháng

Sinh ngày: 1/12/1936

Quê quán: Phố Kim Hoa, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

Giải thưởng Văn học:

- Giải thưởng Văn học Đông Nam Á (ASEAN) 1998
- Giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật đợt 1 năm 2001
- Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học Nghệ thuật đợt 4 năm 2012

Các tác phẩm đã xuất bản:

- **Tiểu thuyết** (18 cuốn): *Đồng bạc trắng hoa xòe*, *Mùa lá rụng trong vườn*, *Đám cưới không có giấy giá thú*, *Một mình một ngựa*, *Chim én liệng trời cao...*
- **Truyện ngắn:** *Tuyển tập 100 truyện ngắn...*
- **Hồi ký:** *Năm tháng nhọc nhằn*, *năm tháng nhớ thương*
- **Tiểu luận văn học:** *Phút giây huyền diệu*; *Nhà văn, anh là ai?*

MA VẤN KHÁNG

100 truyện ngắn ❷

100 TRUYỆN NGẮN MA VĂN KHÁNG 2

Bản quyền tác phẩm © Ma Văn Kháng và Công ty TNHH TM & DV Văn hóa Đình Tị, 2016

Trong thời hạn hợp đồng xuất bản độc quyền giữa tác giả cuốn sách với Công ty TNHH TM & DV Văn hóa Đình Tị, mọi hoạt động công bố, xuất bản, trích đăng... tác phẩm dưới mọi hình thức mà chưa được Đình Tị đồng ý đều bị coi là xâm phạm bản quyền.

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Ma Văn Kháng
100 truyện ngắn Ma Văn Kháng : Truyện ngắn / Ma Văn Kháng. - H. : Nxb. Hội Nhà văn ; Công ty Văn hoá Đình Tị. - 24cm
T.2. - 2017. - 532tr.

1. Văn học hiện đại 2. Truyện ngắn 3. Việt Nam
895.922334 - dc23

HVK0033p-CIP

MA VẮN KHÁNG

100 truyện ngắn ②

Truyện ngắn



NHÀ XUẤT BẢN
HỘI NHÀ VĂN

Mấy lời thưa cùng bạn đọc

Truyện ngắn đầu tay của tôi là truyện *Phố cũt* in trên báo *Văn học*, tiền thân của báo *Văn nghệ* ngày nay, tháng 3 năm 1961. Từ bấy đến nay đã là trên năm mươi năm. Trên năm mươi năm tôi vẫn chung thủy một cuộc tình với một thể loại tự sự khó viết hay nhất trong cái gọi là văn xuôi nghệ thuật.

Có được một truyện ngắn hay với tôi bao giờ cũng là một thử thách, một ước ao, một run sợ, run sợ trước cái nghiệt ngã của hoàn cảnh; muốn làm một cái gì đó thật thỏa sức trong một khuôn khổ eo hẹp. Run sợ vì năng khiếu nữa! Viết truyện ngắn hơn một lần đòi hỏi phải có khiếu năng riêng. Bởi vì đã có những lúc tưởng như có nó trong tay rồi mà hóa ra mình tự lừa mình. Vì đã đầy đủ tất cả, nào cốt truyện, nào tình tiết, nào nhân vật, nào ngôn ngữ... mà vẫn thấy thiếu thiếu một cái gì đó như là thiếu một linh hồn quanh quất ám ảnh, cái tạo ra duyên, tạo ra trường hấp dẫn, tạo ra hương vị, phẩm chất văn học đích thực.

Khó lắm! Cái đẹp của truyện ngắn muôn màu là cái đẹp của chính cuộc sống luôn hiện ra như một thực thể không đáy và mình luôn là kẻ phải mò mẫm dò tìm. Dò tìm trong say mê thì may ra mới thấy được. Vâng, tôi đã thật sự là say mê với thể loại rất đáng trút tất cả say mê đời mình vào nó. Dầu vẫn biết rằng chế ngự mình luôn là một cảm giác bất lực.

Nhưng mà thôi, đã gọi là tình yêu thì tại sao lại không dốc lòng mà thi thố tỏ bày! Tôi đã thi thố và tỏ bày một cách chân thành. Và thú thực tôi đã rất trân trọng, nâng niu những gì tôi đã làm ra. Chẳng hạn, đó là những *Vệ sĩ của quan châu; San Cha Chải, Hoa gạo đỏ; Seo Ly, kẻ khuấy động tình trường; Bò nông ở biển; Một chiều đông gió; Heo may, gió lộng; Chim di trú vừa bay vừa ngủ; Trái chín cây; Chuyến đò ngang cuối ngày...* Bởi vì dấu thế nào thì chúng cũng đã có mặt trên trang sách, đọc chúng thấy không khí ảnh hình màu sắc một thời đã qua. Bởi vì chúng có mang dấu ấn riêng của tôi, những dấu ấn cả hay lẫn chưa hay và kể cả dở nữa.

Cuối cùng, tôi không thể không xin được bày tỏ ở đây lời cảm ơn với Nhà xuất bản Hội Nhà văn và Công ty TNHH TM & DV Văn hóa Đình Tị, một địa chỉ văn học tin cậy và yêu mến, đã giúp tôi thực hiện tuyển lựa, in ấn và phát hành bộ sách 100 truyện ngắn chọn lọc trong số những truyện ngắn tôi đã viết trong nửa thế kỷ vừa qua, ước ao lớn nhất của một đời văn của tôi.

Ma Văn Kháng

Nghệ thuật truyện ngắn Ma Văn Kháng

Sáu mươi lăm năm tuổi đời, bốn mươi năm cầm bút và một gia tài gồm 15 tiểu thuyết, 19 tập truyện ngắn... đó chỉ là những con số - nhưng là những con số biết nói - gọi về nhà văn Ma Văn Kháng hôm nay, một Ma Văn Kháng đang thời sung sức, đang hứa hẹn những vụ mùa bội thu hơn sau Giải thưởng Văn học ASEAN năm 1998. Với tâm niệm: “Văn chương là chuyện đời thông qua việc đào bới bản thể ở chiều sâu tâm hồn chứ đâu phải là hót lấy cái vầng bọt nổi trên bề mặt của ngoại vật”, nhà giáo - nhà văn Đinh Trọng Đoàn đã đem đến cho người đọc bao nỗi băn khoăn, day dứt, trăn trở về thế sự nhân sinh qua những tác phẩm in đậm phong cách của một cây bút văn xuôi này, xem nó là một trong những yếu tố cần thiết, quan trọng tạo nên sự hấp dẫn riêng trong truyện ngắn của ông.

Hầu hết truyện ngắn của Ma Văn Kháng đều có cốt truyện đơn giản, không có nhiều tình huống nổi bật, then chốt, không có xung đột và mâu thuẫn lớn song mỗi tác phẩm đều cho thấy sự bút phá, đóng góp đầy sáng tạo của tác giả. Khảo sát truyện ngắn Ma Văn Kháng từ sau năm 1975 đến nay chúng tôi cho rằng ông thường vận dụng một số thủ pháp nghệ thuật chính để tạo cốt truyện.

1. Sử dụng nghệ thuật liệt kê, tăng cấp

Cốt truyện được hình thành nhờ sự sắp xếp của nhiều câu chuyện nhỏ, nhiều sự kiện nối tiếp nhau xoay quanh một hạt nhân tính chất, một vấn đề cơ bản. Việc liệt kê hàng loạt những câu chuyện nhỏ cùng mô típ, bản chất mỗi lúc một tăng cấp, mở rộng tạo nên các lớp nội dung tư tưởng phong phú trong tác phẩm. Những truyện ngắn tiêu biểu cho kiểu cốt truyện được xây dựng bằng biện pháp này phải kể đến: *Seo Ly, kẻ khuấy động tình trường*; *Người cuối cùng về làng Lận*; *Thầy Khiển*; *Vòng quay cổ điển*; *Mã Đại Câu, người quét chợ Mường Cang...*

Trong *Seo Ly, kẻ khuấy động tình trường*, tác giả lần lượt liệt kê từng cuộc tình của Seo Ly với đủ loại đàn ông từ kẻ thường dân áo vải đến quan chức, từ quan chức cũ đến quan chức mới: từ ông Chủ tịch Giàng A Páo đến Bí thư Huyện ủy Cư A Tráng... Mỗi câu chuyện, sự kiện đều na ná như nhau nhưng cứ tăng dần mức độ để cuối cùng là chuyện ông Bí thư Huyện ủy già do tình điều về cũng bị lột truồng cùng Seo Ly điếu phở! Đám đàn ông ham mê Uyển trong *Vòng quay cổ điển* cũng vậy. Câu chuyện nhỏ kể về một ông góa vợ tuổi đã cổ lai hy, một ông chủ tịch về hưu, một ông trung tá công an vợ ở xa... đến với Uyển. Càng những người đến sau, những bậc trưởng giả quan chức càng bị bốn cột trêu ghẹo, càng thấy hiện lên sự xấu xa, thấp hèn, đê tiện của con người cũng như nổi đôn đau cho thân phận những người đàn bà đẹp, cho cái đẹp trong dòng đời.

Cách liệt kê các câu chuyện, sự kiện cùng loại quay quanh một vấn đề trung tâm không hề khiến cho câu chuyện trở nên nhàm chán, trái lại, bởi nó xảy ra trong những hoàn cảnh, địa vị khác nhau của nhân vật nên nó vẫn tạo nên những bất ngờ, hứng thú, hấp dẫn với người đọc khi theo dõi cốt truyện. Trong *Thầy Khiển*, một lần thầy “chơi khăm” ông Chiên, ông Sự là một lần “chơi độc” hơn và cứ như vậy ông Chiên, ông Sự cũng bị bẽ mặt hơn. Ở *Thấp một tuần hương*, mỗi lần dấn thân

hoạt động chính trị của ông Tương Bằng là một lúc gần dở, vô nghĩa hơn. Thái độ của bà Nhân (*Trung du, chiều mưa buồn*) ngày một tệ bạc hơn với đứa em gái để rồi đỉnh cao là việc bà ta chẳng những vô cảm trước cái chết của đứa em khốn khổ mà còn thốt ra lời ghen tỵ: *“Tiên sư nó chứ, chết như nó cũng sướng! Thế mà cứ làm ra vẻ ta đây nghèo khổ. Minh dễ bằng nó à!”* Những chi tiết, sự kiện theo cốt truyện dần dần được tập hợp đầy đủ để rồi cất lên những suy nghĩ khắc khoải của nhà văn về sự ích kỷ, tàn nhẫn ở con người, Trong *Vệ sĩ của quan châu*, Khun ngày càng thể hiện hình ảnh một thằng người - ngợm đầy bản năng thú tính bạo liệt. Hấn là sự tồn tại của một thứ vũ khí giết người, của sự u mê tăm tối, của cái gọi là phi nhân tính. Bản năng “bán khai kinh thiên động địa” ở hấn mỗi lúc một ghê sợ hơn đến độ chủ của hấn - quan châu Vàng A Ký cũng phải dựng mình: *“Nó không phải là con tôi. Còn, nó là cái gì chính tôi cũng không biết.”* Hành động của Mã Đại Câu (*Mã Đại Câu, người quét chợ Muồng Cang*) hai lần theo quân Trung Quốc là hai lần ngu xuẩn, lần sau tệ hại hơn lần trước. Sự u mê trong nhận thức khiến cho cả khi nòng súng ngắn của tên sĩ quan chĩa vào người, lão vẫn còn gào lên: *“Ngộ là người Hán tây, ngộ gốc pên Tàu tấy”*. Mã Đại Câu chết mà vẫn chẳng hiểu vì sao lão chết, chết mà vẫn không thoát khỏi sự lầm lạc, tăm tối.

Ngoài ra, Ma Văn Kháng khi sử dụng phép liệt kê tăng cấp để tạo cốt truyện còn đưa thêm vào phần kết những câu chuyện trên song vẫn mang ý bổ sung, nhấn mạnh cho tư tưởng chủ đề. Trong *Giàng Tả, kẻ lang thang*, bên cạnh câu chuyện về Giàng Tả khi xưa khỏe mạnh, chân chất, tốt bụng, khi thì làm thuê cho ta, khi thì làm cho giặc còn có câu chuyện về Giàng Tả hôm nay qua những đánh giá của ông Chủ tịch xã, qua những hành động của chính nhân vật... để rồi người kể chuyện khẳng định về một Giàng Tả bao giờ cũng thẳng ngay,

trong sáng như con suối giữa rừng già. Trong *Nợ đời*, tác giả để cho người kể chuyện sau này gặp lại lão Lục để từ đó đem lại cho truyện ngắn này một giá trị hai mặt: ngợi ca vẻ đẹp phẩm chất của người phụ nữ, của người vợ nghèo sẵn sàng hy sinh vì sự nghiệp, vì cuộc sống của chồng, vì sự tồn tại của nghệ thuật chân chính. Hoặc nếu không có chuyện hiến thân của người đàn bà nghèo cho lão Lục mà chỉ nhờ lòng tốt cá nhân của ông Quyền (không phải do biết các giá trị của vở kịch) khiến vở kịch của người chồng được công diễn thì tác phẩm lại cất lên một nỗi niềm nhức nhối vì “xã hội trong đó số phận của tài năng lại tùy thuộc vào lòng tốt của một cá nhân là một xã hội kém phát triển”. Hoặc ở truyện ngắn *Ngẫu sự*, kết thúc tác phẩm lại có chuyện cái Kim là “bồ” của anh Khoản ở Công trường Sông Đà khiến cho người ta thấy cuộc đời quả thực là phức tạp, cuộc đời có quá nhiều cái ngẫu nhiên bất ngờ không thể đóng khung tĩnh tại trong suy nghĩ của con người. Chính phép liệt kê tăng cấp được sử dụng ở đây nó đem lại một sắc thái hiện đại cho kiểu cốt truyện của Ma Văn Kháng.

2. Sử dụng không gian, tâm trạng để tạo cốt truyện

Cốt truyện được xây dựng quá đơn giản đến độ nó gần như là không có chuyện bởi ở đây tác giả sử dụng một bối cảnh không gian, không khí, tâm trạng chung làm nền cho câu chuyện hoặc là chất keo kết dính các chi tiết, sự kiện, các câu chuyện nhỏ lại với nhau. *Những người đàn bà; Thanh minh, trời trong sáng; Chén vui chưa cạn; Chợ hoa phiên áp Tết; Những kẻ rừng mõ; Bến bờ...* là những tác phẩm tiêu biểu cho cách dựng truyện này.

Ở truyện ngắn *Thanh minh, trời trong sáng* cốt truyện chính chỉ là một chuyến đi tảo mộ trong tiết thanh minh của năm anh chị em họ Đình và hai mẹ con chị phụ nữ đi nhờ. Cả chuyến đi chẳng có sự kiện gì đáng chú ý nhưng qua những dòng hoài niệm, qua hồi ức, qua lời thoại ta thấy hiện lên nhiều

chuyện khác: chuyện cuộc đời chị “cả” với bao nhiêu biến đổi thăng trầm, bao nỗi truân chuyên; chuyện của Hoan; chuyện của Chương; chuyện của người phụ nữ đi cùng chuyến xe... Những câu chuyện chẳng gần gì với nhau, các nhân vật được liên kết bởi không gian, không khí buổi thanh minh trời trong sáng. Trong không gian ấy, giữa ranh giới của người sống với người chết dù cùng chung một tâm trạng ngậm ngùi nhưng ở mỗi người bọn họ lại có một quan niệm khác nhau về lẽ sống chết để rồi từ đó nhà văn đưa ra suy nghĩ về cuộc đời. Có người nhìn thấy linh hồn của người quá cố hiển hiện (nắm hương bốc cháy và đưa trẻ ngồi ập xuống), với Hoan - ông giáo nhiều chữ nghĩa thì cho rằng chết là một phát minh vĩ đại của tự nhiên vì không có chết thì không có sự sống. Với Chương - người lính từng đối mặt với cái chết - thì cái chết bản thân nó chẳng thể là đáng kinh tởm hay rục rĩ ánh hào quang đáng tôn vinh mà nó chỉ như những chuyến xe không có vé khứ hồi. Với người chị “cả” - người trải qua nhiều đớn đau bất hạnh bởi sự ra đi của những người thân và cũng là người có sức sống quật cường hơn cả thì *“người chết không phải là người còn sống nhưng cũng không phải là người chết hẳn, vô tâm tích; người chết còn tạo lập với người sống một mối liên hệ vô hình nhưng bất tử và vô cùng linh thiêng”*, cho nên chị nghĩ về sự sống hơn là cái chết: *“Đất nước này, chết là việc thường xuyên, cứ đau thương sùi sụt mãi thì sống thế quái nào được! Thế nào, ông giáo Hoan, ông bảo cái chết là một phát minh vĩ đại. Thế còn sống? (...) Vĩ đại quá đi chứ nhỉ!”* Cốt truyện với sự liên kết của nhiều câu chuyện trong một không gian, tâm trạng khiến cho cách thể hiện nội dung tư tưởng của tác giả có một chiều sâu nhất định, được soi chiếu ở nhiều chiều, nhiều góc độ khác nhau.

Trong *Bến bờ*, ta thấy có nhiều chuyện: chuyện gia đình của Nhâm, chuyện của mẹ, chuyện của cậu em tên Kính, chuyện bà giáo Phụng, chuyện gã bán vé phà. Truyện tồn tại

nhờ không khí một thị xã tĩnh lặng, miền trung du êm đềm tĩnh tại mà cũng đầy rẫy những mưu mô, lừa lọc, phản trắc. Trong cái không khí của bến sông, của con phà cũ kỹ, người đọc thấy nhói lên nỗi buồn bởi cái khát khao đến được bến bờ bình yên của con người: của gia đình Nhâm, của bà giáo Phụng.

Chợ hoa phiên áp Tết - chuyện ba người bạn thân cùng đi chợ hoa vào ngày giáp Tết - là sự ghép nối chuyện cuộc đời của ông Khoa, ông Huỳnh và cô Trang. Trong không khí của một chợ hoa, trong thế giới của hoa “*giăng giăng, rười rượi, thanh đậm, nồng nàn, tỏa vui đến rục rở*”, bao nhiêu cái đắng cay cơ cực của đời người như “*cỏ dại, ta nhổ đi, trồng hoa thế vào*”. Nhờ không gian hoa lá nồng nàn ấy mà vẻ đẹp của những con người có tài, có tâm, có ý chí nghị lực càng trở nên đẹp hơn bao giờ hết: “*Họ rất giống hoa, chất gạo và bật lên từ cuộc đời thường nhật buồn tẻ hôm nay*.” Trong *Chén vui chưa cạn*, qua không khí gia đình trang trọng, đầm ấm nghĩa tình; qua hai bữa cơm của ngày gặp mặt, sum họp anh em, là những câu chuyện đời của ông Ngôn, ông Phúc, anh Quyền, ông lão Nâu... Những câu chuyện đời đầy biến động, phức tạp của những số phận vượt lên trên cái bả công danh để giữ vẹn đạo nghĩa tình. Qua những phúc cảm đa chiều của các nhân vật trong không khí của gian phòng “*sáng bừng ba chữ đại tự khảm trai gia viễn lai*”, nhà văn đưa ra những suy nghĩ về lẽ đời: “*Đời người nào ai được êm ả thuận chiều nếu vẫn cứ khẳng khẳng cái cốt cách con người giữa lúc tính xu thời vụ lợi đang trở thành lối sống của số đông*” cùng với niềm tin vào “*tình đời, tình người sâu nặng vĩnh tồn*”.

3. Sử dụng biện pháp tương phản, đối lập để tạo cốt truyện

Đây là những truyện ngắn mà cốt truyện được dựng qua sự tương phản đối lập giữa các nhân vật. Chính sự tương phản chân dung cho đến tính cách, học vấn, văn hóa, lối sống giữa

các nhân vật tạo đà cho câu chuyện hoàn chỉnh và tác giả cũng để độc giả tự xác định vấn đề nội dung tư tưởng chính được thể hiện qua hàng loạt các chi tiết, sự kiện mang tính đối lập ấy.

Những tác phẩm tiêu biểu cho loại cốt truyện này phải kể đến: *Cái Tý Ngợ; Thầy Khiển; Ngoại thành; Những người đàn bà; Thầy của chúng em; Nhiên, nghệ sĩ múa; Thầy Đàn...*

Trong *Những người đàn bà*, có ít nhất là hai câu chuyện kể về hai lối sống khác nhau: một là chuyện của mẹ Chí, bà Tài, cô Thơ, cô Nhị - những người thực sự vui vẻ, trẻ trung, rất hồn nhiên với đời sống dục tình; còn một là chuyện của chị Tươi - người hy sinh cho tình yêu như một con chiên tử vì đạo, sống khô héo và buồn tẻ. Hai câu chuyện cuộc đời với hai kiểu sống, hai lối sống trái ngược tương phản gợi nhiều suy nghĩ cho độc giả; suy cho cùng cuộc đời cũng như một dòng chảy sinh hóa hồn nhiên, ai thuận theo nó thì gặp được niềm vui sống, ai một mình bơi ngược dòng nước thì mới tròng trành, trắc trở mệt mỏi làm sao!

Ở *Cái Tý Ngợ*, thế giới của người tốt với kẻ xấu thật là rạch ròi, rõ ràng. Ông Hoàn Giám đốc là một người nhân ái, bao dung độ lượng bao nhiêu thì cái Tý Ngợ - đứa con gái bé loét choắt, hóp hóp "*không hông, không ngực, nhác trông như khúc xương khô*" lại đê tiện, xấu xa, bỉ ổi bấy nhiêu. Khi ông đương chức nó ngọt ngào tử tế là thế thì khi ông không còn quyền lực nó sẵn sàng rửa sả hết lời, bày đặt vu khống ân nhân đủ điều bẩn thỉu. Sự tương phản đối lập ở hai tuyến nhân vật cho thấy rất rõ ý đồ dựng truyện của tác giả: cái xấu xa, đê tiện và để chiến thắng được nó ngoài sự tha thứ, con người phải có bản lĩnh để vượt lên, để quay mặt đi.

Cũng với kiểu xây dựng cốt truyện như vậy, ta thấy số phận của chị Nhiên trong *Nhiên, nghệ sĩ múa* thật đầy chông chênh, trắc trở. Chị Nhiên có gương mặt thánh thiện với "*làn*

da tấm hương mà dáng hình thanh tú” hoàn toàn tương phản với cái Sấn “*lùn tịt, mắt ti hí, mũi tẹt, môi vều, ngực bẹt, đít nhọn*”. Chị Nhiên với tình yêu thủy chung sau trước với người chiến sĩ đã hy sinh ở chiến trường xa thật đối lập với chuyện tán tỉnh, bỏ dỡ với bao ham muốn thể xác tầm thường ở những kẻ đàn ông bao quanh chị. Đặt trong thế tương phản triệt để ấy, cái đẹp trở nên cô độc hơn bao giờ hết. Đặt trong sự đối lập ấy, gương mặt chị rách nát với nổi thảng thốt trong ánh mắt và nỗi đau bất tận trong lời than: “*Em sẽ không bao giờ được là một người vợ, một người mẹ*” người đọc mới thấy đau đớn xót xa hơn bao giờ hết về số phận của một người đàn bà đáng ra phải được yêu chiều hạnh phúc, về số phận của cái đẹp trong bao nhiêu cái rối rắm, phức tạp của cuộc đời đa sự, khi nhân thể đang phai lạt nhân tình.

Ma Văn Kháng luôn quan tâm tới việc xây dựng những chân dung đối lập: người tốt tâm thì tốt tướng bên cạnh kẻ ác tướng, ác tâm. Trong mỗi tác phẩm, sự đối lập này đều đi theo từng cặp song song: ông Thái tướng mạo cao sang tương phản với gã quản ngục “*mặt non choẹt, béo ú, mắt ti hí*”, cô Bướm “*tươi nhuận, thơm tho và cao quý*” khác xa với chồng cô - Lộc - hung hãn, vô học với thân hình “*to kệch, đầu quả bưởi, chân chữ bát, sứt răng, tai quắt, hai mắt sít nhau, gương mặt âm u với những tình cảm nhất thời tăm tối*”. Cùng với chân dung nhân vật, sự tương phản lối sống, phẩm cách cũng cho thấy cốt truyện phát triển nhất quán. Người tốt tướng thì tốt tâm, thường là có học vấn cao, có sự hiểu biết sâu rộng hoặc am hiểu lẽ đời: “*Lẽ đời hiểu biết nông sâu*”; còn kẻ đã xấu tướng thì ác tâm lại luôn luôn là kẻ vô học, đểu cáng, bất tài, lố bịch, ngô nghê. Chính sự nhất quán trong việc sử dụng phép đối lập tương phản khiến truyện của Ma Văn Kháng không có nhiều tình huống dẫn đến đỉnh điểm song luôn hấp dẫn, thể hiện một vấn đề nội dung tư tưởng sâu sắc.

4. Sử dụng các yếu tố dân gian truyền thống để tạo cốt truyện

“Lồng giai thoại vào cốt truyện, sáng tạo giai thoại có hàm nghĩa sâu xa là một đặc điểm dễ nhận biết của truyện ngắn Ma Văn Kháng.” Truyện ngắn Ma Văn Kháng sở dĩ tạo được sức hấp dẫn bởi một phần thành công của ông trong việc tạo cốt truyện bằng việc sử dụng giai thoại huyền thoại.

Ma Văn Kháng đôi khi mượn gần như trọn vẹn những giai thoại dân gian vào cốt truyện: Chuyện *“trông thấy nàng dâu bắt chấy cho mẹ chồng bằng trông thấy bồ nông ở biển”* (*Bồ nông ở biển*); chuyện anh chồng điếc (*Vòng quay cổ điển*); chuyện lên Thiên đường, hai anh lính gác (*Những người đàn bà*); chuyện sò chim sò bướm (*Thầy Khiển*); chuyện “ông ăn chả bà ăn nem” (*Ngẫu sự*). Những giai thoại dân gian của Ma Văn Kháng vừa sâu xa vừa hấp dẫn, lý thú, thể hiện sự sáng tạo của tác giả: khi kể chuyện dân gian làm trò vui để “cười như nắc nẻ” về ông chồng điếc của Uyển (*Vòng quay cổ điển*) không sao giấu được nỗi buồn “vời vợi cô đơn”. Giai thoại ở đây không chỉ tạo yếu tố hài hước mà nó nói về sự hoàn thiện không sao khắc phục nỗi của con người. Đặt trong *“một cuộc sống thâm thảo chảy nhưng dào dạt vô cùng... cuộc sống với cái khoái lạc vô lượng của dục tình, cái sung sướng vô biên của trò ái ân vụng trộm”*, sự không hoàn thiện này ở người chồng sẽ là căn nguyên của bao nỗi buồn, bao sự bất hạnh đáng thương ở một người đàn bà đẹp và căng tràn sức sinh sôi như Uyển. Khi thầy Khiển dùng giai thoại “sò chim sò bướm”, thầy không chỉ châm chọc lạm dụng giáo cụ trực quan ở cách giảng dạy cứng nhắc của giáo viên mà còn tỏ ý khích bác, chế giễu, coi thường sự ngu dốt thảm hại của ông Chiên, ông Sự. Tương tự như vậy, khi “những người đàn bà” nghe mục Chí kể chuyện “lên Thiên đường”, “hai anh lính gác” thì phá lên cười thoải mái và sau tiếng cười ấy là cách thể hiện gián dị mà sâu

sắc cái quan niệm giàu tính nhân bản mà tác giả muốn gửi gắm: “*Đòi vốn phù vân, nhưng nhờ chuyện tơ tình, chần gối, mây mưa mà bớt đi cái phần vô nghĩa, bèo bọt.*” Trong *Seo Ly*, kẻ khuấy động tình trường khi để ông Bí thư già bị lột truồng cùng Seo Ly điếu phố, tác giả sử dụng chuyện các cô gái xưa vi phạm luật lệ hôn nhân bị “gọt đầu bôi vôi” để đặt trong hoàn cảnh ấy hành động của gã quét chợ “tiên thiên bất túc” dám rẽ hàng súng CKC chạy vào khoác tấm áo đại cán che bớt tấm thân lỏa lồ cho nàng trở thành hành động của bậc chính nhân “giữa đường thấy sự bất bình”, dám vượt lên dư luận tầm thường để đơn thương độc mã bảo vệ cái đẹp đang bị sấm soi dè bủ, đang bị phơi trần đau đớn. Nhìn chung Ma Văn Kháng thường sử dụng những giai thoại và sáng tạo giai thoại để tạo cốt truyện và chính những giai thoại này khiến tác phẩm của ông trở nên có nhiều tầng, nhiều hàm ý.

Cùng với việc lồng giai thoại, Ma Văn Kháng còn sử dụng những yếu tố hư ảo, phi lý tính thường xuất hiện trong thần thoại, sử thi, truyền thuyết, cổ tích và văn xuôi trung đại.

Trên cuộc hành trình của văn xuôi hiện đại Việt Nam ta, cũng từng thấy có sự xuất hiện của các yếu tố huyền ảo trong cốt truyện: Nguyễn Tuân với *Trên đỉnh non Tản*, *Khoa thi cuối cùng*; Bùi Hiển với *Chiều sương*; Nguyễn Huy Thiệp với *Kiểm sắc*, *Phẩm tiết*, *Con gái Thủy thần*; Dương Nữ Khánh Thương với *Ma mèo*, *Chiếc bình đựng ký ức*, v.v... Ma Văn Kháng thường điểm xuyết những yếu tố kỳ ảo, hoang đường trong cốt truyện làm cho câu chuyện trở nên hư hư thực thực hấp dẫn hơn với người đọc.

Nàng Seo Ly trong *Seo Ly*, kẻ khuấy động tình trường có cái gì đó rất gần với những cô nàng “hồ ly tinh” trong tác phẩm nổi tiếng của Bồ Tùng Linh. Nàng có một sắc đẹp với sức cám dỗ ghê người, “là sản phẩm chín nục của yêu đương mê mết, của đàn ông háo sắc và các cơn đấm dục chứa chan (...) một

thực thể đàn bà, mà thân thái lại quái kiệt yêu kiều, như từ huyền thoại cổ tích đi ra". Vì sắc đẹp mê hồn với "luồng từ trường" đáng sợ của mình, Seo Ly chôn vùi bao nhiêu số phận của những kẻ đàn ông háo sắc bao quanh nàng. Nàng vừa ma quái rùng rợn vừa tượng trưng cho cái đẹp hoàn mỹ tuyệt đích không thuộc về cõi đời đầy tục lụy. Cũng như Seo Ly, người đàn bà coi đèn ở *Người đánh trống trường*, cô Bơ, Uyển ở *Vòng quay cổ điển* đều là những nhân vật phần nào mang nghĩa tượng trưng cho cái đẹp vĩnh hằng ở một thế giới xa xăm nào đó. Những yếu tố hoang đường kỳ ảo trong cốt truyện của Ma Văn Kháng vừa tạo nên sức hấp dẫn vừa là cách biểu đạt rất sâu sắc các vấn đề mang tính nhân sinh. Trong *Tóc Huyền màu bạc trắng*, cái ánh bạc tang tóc trong mớ tóc đang sinh sôi của bà Huyền cho thấy một nỗi buồn thương da diết: bao giờ cũng có một thứ "lịch sử cao hơn logic" chi phối con người. Trong những giấc mơ ở *Móng vuốt thời gian*, *Chọn chồng* cho ta thấy có những cái giống như định mệnh, nghiệp căn đem đến sự bế tắc, hoang mang, u tối cho con người; dù cho Quý có thể có được những ngày tháng hạnh phúc cùng Tôn song cô vẫn không dám ra đi, cô ở lại và cùng với nỗi sợ chồng, cô sợ luôn cả đứa con trai mình rút ruột sinh ra. Giấc mơ nói trước cuộc đời của Quý và qua giấc mộng mị hoang đường ấy, câu chuyện "chọn chồng" của tác giả khiến người đọc cảm thấy sự bất ổn của số phận con người trong đời sống xã hội, cảm thấy con người dù quyền năng đến đâu vẫn nằm trong sự vận xoay của lẽ đời dâu bể. Trong chuyện *Xóm giếng*, mảnh đất chiêm trũng quê hương của cụ Lý "lắm người nhiều ma" bởi cuộc sống khắc nghiệt bao đời "sống ngâm da, chết ngâm xương với ngô tối hun hút mưa nước tràn long bong sóng vỗ, tiếng người vang thấu trời cao nghe hoang vắng ghê cả người". Người đọc, qua sự rùng mình bởi những chuyện hoang đường càng lo lắng sợ hãi bởi thói ghét ghen đáng sợ đã ngấm vào huyết mạch của

con người. Những câu chuyện về bóng ma kỳ bí nói rất nhiều về những cái chết đau thương, hệ quả của một quan niệm lầm lạc, nói về lẽ đời nhân - quả, thịnh - suy.

Truyện ngắn Ma Văn Kháng luôn có cốt truyện nhưng không phải là cốt truyện đơn tuyến mà là sự tập hợp của nhiều “chuyện” trong một truyện. Chính sự kết hợp thành công các biện pháp nghệ thuật cơ bản, quen thuộc như liệt kê, tăng cấp, tương phản, đối lập cùng với việc sáng tạo xây dựng không gian làm “nền” cho tác phẩm, lồng ghép các yếu tố truyền thống dân gian... đó giúp cho cốt truyện của Ma Văn Kháng dù đơn giản song bao giờ cũng hấp dẫn, phong phú, hiện đại. Theo chúng tôi đây là đóng góp không nhỏ của cây bút Ma Văn Kháng đối với văn xuôi hiện đại Việt Nam.

TS. Đỗ Phương Thảo

MỘT VÀNG NẮNG NHỎ

Bạn đã bao giờ xao xuyến trước vẻ đẹp lạ lùng của mùa thu chưa? Tôi đã không ít lần như vậy. Nhưng tôi xin cam đoan với bạn rằng, lúc này, trên mảnh sân nhỏ ngay phía sau cơ quan tôi, tôi đang bắt gặp mùa thu ở khoảnh khắc đẹp nhất của nó, một vẻ đẹp được chưng cất, trong suốt, không có hồi kết và bị bỏ lửng, như bản chất của cái đẹp vĩnh hằng. Đó là quãng chín giờ sáng. Nắng không còn non bầy nhưng cũng chưa già dặn đến ánh ỏi. Nắng mới kết tinh, vừa đủ cho tiết thu bùng nổ bằng hoa. Cúc đã nở bùng cả loạt rười rượi mà không nhảm tẻ tầm thường. Trái lại, bóng bẩy quý phái và lạ thay cúc như một linh thể đưa dẫn hồn ta vào cơn đam mê tìm kiếm cái kỳ lạ, điều thiêng liêng.

Cúc vàng đại đóa thịnh khai cả một vùng như một ẩn dụ tài tình cho cái đẹp viên mãn và tràn trề. Trong khi đó, trên cái dây phơi căng qua góc sân nhỏ, một tấm áo len xanh lá mạ mở vạt rộng dài, giống như một cánh bướm lớn đang yên ngủ trong vầng nắng nhỏ mùa thu vừa nhuộm vàng mảnh sân. Ôi, vầng nắng nhỏ mùa thu! Vừa nhuộm vàng mảnh sân nắng đã hắt vào hàng hiên một làn bụi hồng lung linh như kim nhũ. Nhận ra thời khắc lúc này đã trở nên hoàn thiện, tôi đồng thời nhìn thấy trong vầng nắng sớm nơi hàng hiên bóng hình Nương đang ngồi hong mái tóc dài sau lần tắm gội sớm mai.

Nường là nhân viên tạp vụ ở cơ quan tôi. Nghĩa vụ lao động của nàng bắt nàng đến cơ quan từ lúc tỉnh mơ. Quét quáy, dọn dẹp, lau rửa, sắp đặt... Nàng phải luôn tay luôn chân, để đúng giờ tầm, mọi người đến, mở cửa phòng, bàn ghế đã tinh tươm, ấm chén đã sạch bong, không khí đã thanh quang. Lúc đó cũng là lúc nàng đã tắm gội xong, đã trút sạch bụi bặm trần ai và quyền nghỉ ngơi đã đến với nàng trong chốc lát. Mặc chiếc áo *sơ mi* vải thô cổ rộng, cửa tay loáng thoáng đôi nét hoa văn dân tộc, nàng phô diễn một cách tự nhiên nhất làn da dẻ mát mẻ, trắng hồng và vóc hình căng nở đầy đặn của mình. Tóc nàng đen nhánh, dày dặn, giàu sức sinh tỏa, xõa từ đầu đến ngang lưng. Lưng nàng mẩy mang và nhìn nó ta liên tưởng tới bên kia đối diện là một khuôn ngực rộng, hứa hẹn khả năng nuôi con, trong đó quan trọng là sự ôm ấp và cho sữa. Không trang điểm, không xén tỉa, nàng mộc mạc, lại thoảng chút hoang sơ thôn dã, lời lẽ tự nhiên.

Bây giờ thì nhờ Nường mà bức tranh mùa thu nơi mảnh sân nhỏ cơ quan tôi mang dấu nhân tính đậm đà đã trở nên toàn bích. Tôi nhận ra cũng nhờ có nàng mà trong cái im lìm bất động sâu thẳm của một hiện tại không trôi đi, trong suốt không cùng đang chấp chờn đâu đó một giấc mộng hư huyền, hội tụ tất cả niềm sung sướng của con người về một hạnh phúc có thật ở cõi đời này.

Ngồi trong căn buồng nhỏ, thu vào tâm tưởng cảnh sắc nọ, bây giờ thì tôi đã hiểu ra điều sách vở bấy lâu vẫn thường nói: Cái đẹp là một ý niệm tiên thiên, nó thường gây nên cho con người ta những cơn mộng tưởng huy hoàng và luôn bất ngờ với nhiều tầng ngữ nghĩa. Tôi nhận ra toàn bộ niềm đắm say của những kẻ như tôi lúc này đều đang bị định hướng vào một điểm duy nhất là khung cảnh nọ. Và trong yên lặng đến vô thanh, yên lặng như một quyền lực tuyệt đối, từ ông giám đốc trẻ tuổi đến người bảo vệ già, các nhà nghiên cứu tuổi nhònh nhònh trong cơ quan tôi đều như đang ở trong trạng thái bị

thôi miên vì một lực hướng tâm với tâm điểm là nơi hành lang
 ửng hồng nổi bật bóng hình Nường trước bối cảnh mùa thu
 đang ở độ tuyệt đẹp này.

*

- Rõ no cơm ấm cật chưa kìa. Có đúng là chó ghẻ có mỡ
 đằng đuôi không! Thế nào, ngẩn ngơ bảy vía mất bốn rồi, hả?

Nghe thấy một giọng đàn bà thô lỗ và chua gắt, như kẻ tan
 mộng, tôi nhận ra sau lưng tôi, bà Luân, Trưởng phòng Hành
 chính, năm mươi hai tuổi, không con cái, người như quả ổi
 khô, mặt choắt cheo vừa áp tới. Nhìn thẳng vào mặt tôi, khuôn
 miệng móm hõm hoác nở một cái cười đắc chí với cảm giác bất
 được quả tang tội phạm, bà chẹp miệng:

- Thế nào, thấy đỏ ngổ là chín, mê tít thò lò nó rồi, hả? Đàn
 ông các người hóa ra cũng chỉ là một lũ đực rựa như nhau cả thôi!

Đàn bà không có bạn. Nếu mệnh đề này không có ý nghĩa
 phổ quát thì ít nhất cũng chính xác với người đàn bà tính
 tình khắt khe, cay nghiệt này. Bà Luân chẳng có thiện cảm,
 dù là thiện cảm tí ti thôi, với bất cứ người đàn bà con gái nào.
 Với những kẻ xấu xí, kém cỏi thì bà khinh bỉ, coi thường. Với
 đồng nghiệp ngang tài ngang sắc thì bà tranh cạnh, móc máy.
 Với người có ưu thế trội bật hơn về nhan sắc, tiền tài, quyền
 thế thì bà lỏng lẻo ghen tức. Cứ như họ là kẻ thù của bà vậy,
 những ai trẻ trung, đẹp đẽ hơn bà. Cứ như là họ đẹp họ trẻ là
 do họ ăn bột, ăn tranh phần của bà. Cứ như vì họ mà bà trở
 nên xấu xí, già nua đi.

Với Nường, bà Luân bộc lộ ác cảm ngay từ khi nàng đến
 nhận việc. Thực ra nàng là người thứ mười ba được giới thiệu
 đến để cơ quan tôi tuyển chọn làm nhân viên tạp vụ. Nhân
 viên tạp vụ! Vậy đấy, nhân viên tạp vụ thôi mà khó thế! Khó
 vì nguyên tắc đề ra là phải được sự đồng ý của lãnh đạo trực

tiếp, tức bà Luân Trưởng phòng Hành chính chứ không phải chỉ là ông Giám đốc. Khó thế nên sau khi người nhân viên tạp vụ cũ về hưu đã hiện diện trước mặt bà Trưởng phòng Hành chính có đến cả chục nhân mạng, đàn ông, đàn bà, trẻ già đủ loại mà vẫn chẳng ai lọt vào được mắt xanh của bà. Trông mặt mà bắt hình dong, khôn ngoan hiện ra mặt, què quặt hiện ra chân tay. Chớ qua nhà thằng lé, chớ ghé nhà thằng lùn. Cao chề ngồng, thấp chề lùn, béo chề béo trực béo tròn. Con mắt bà sẫm soi. Chẳng một khuyết tật ngoại hình của bất cứ ai có thể qua được mắt bà. Mà con người ta thì đổ có ai là hoàn bị trăm phần. Bà chề tất, xỏ toẹt tất. Cho đến Nường. Nường là một trường hợp đặc biệt. Một ông tướng hai sao, vóc to lớn, oai vệ, đích thân đưa Nường đến gặp Giám đốc cơ quan tôi: “Này, cậu nhận nó vào làm việc ở cơ quan cậu hộ tố. Nó là vợ mới cưới của thằng lái xe cho tố. Quê ở tít tít trên vùng cao Sa Pa, Lào Cai. Thằng chồng nó có máu ghen, không yên tâm để vợ ở nhà, nay xin thôi, mai xin đổi, rắc rối quá.” Giám đốc cơ quan này xưa là lính cung của ông tướng nọ, lại có tính cả nể nên vượt nguyên tắc đã đề ra nọ, vâng dạ chấp nhận.

Ngồi ở buồn bèn, dõi theo câu chuyện, biết là không thể chối từ nhưng mới nhác thấy Nường mặc áo dài lam, chít khăn mỏ quạ, ngay lúc ấy, bà đã rên âm âm:

- Thế là chết tôi rồi! Rước cái của nợ miền rừng ngô nghê này về rồi mà hầu nó à! Chân tay to sêu sêu thế kia thì biết làm cái gì. Lại được cái thằng chồng có máu ghen nữa chứ! Khiếp quá! Nhưng mà tôi nói trước, thử vài hôm, không được là tôi để nguyên đai nguyên kiện trả lại ông Giám đốc đấy!

*

Nhưng mà Nường không bị bà Luân trả lại cho Giám đốc sau ít ngày thử việc. Nường chịu khó, khéo léo, ngoan ngoãn.

Nường đi sớm về muộn. Mọi việc bà Luân giao, Nường đều hoàn thành chẵn chu, gọn ghẽ. Với mọi người trong cơ quan, Nường đều tỏ ra lễ độ, dịu dàng. Đã chẳng nề hà việc chung khó nhọc, Nường lại sẵn sàng giúp đỡ khi người này người nọ nhờ cậy. Nường được mọi người, chẳng trừ ai, mến yêu, tin cậy.

Bốn tháng qua đi, từ công việc đến quan hệ, Nường chẳng có điểm nào để cho bà Luân chê trách. Sáu tháng qua đi, dù ra sức bới lông tìm vết, bà Luân cũng chẳng tìm được điều khiếm khuyết nào của Nường để chê bai.

Ganh ghét mà không tìm được cái cớ để trút cơn ganh ghét thì chỉ còn có cách là ngấm nguyền, hậm hực và rình tìm cơ hội mà thôi. Thì lúc này đây, cơ hội là đây. Bà vừa chop được tôi đang la đà trong giấc mộng thu vàng, trước cái đẹp nguyên khởi tiên thiên. Bà bắt quả tang Nường sau mấy giờ lao động mệt nhọc đang trong trạng thái thanh thoi giữa vắng vắng vắng nhỏ mùa thu nơi hàng hiên nọ.

- Rõ ra dáng ra rành chưa kìa! Con này rồi còn lên mặt dài dẽo nữa cho mà xem. - Ngồi xuống cạnh tôi, bà Luân phóng hai con mắt ra phía Nường và rít lên như một hồi còi. - Còn nhớ hồi mới đến không? Chỉ là loại gạo để bồ dài, muối để bàn chân, nghèo rớt mồng tơi chứ là cái gì. Giờ thì có da có thịt, có vú có ví, có tiền có của may mặc sắm sửa rồi, tha hồ mà động hớn nhá!

Thấy tôi vẫn yên lặng, bà liền đứng phắt dậy, cầm cái phát trần đi ra cửa sổ đập lạch phạch một hồi. Rồi quay vào, bà bước đến cạnh tôi, nghiêng răng kèn kẹt:

- Ngồi dãi thẽ ra mà hong tóc! Mà đẹp cái nổi gì cơ chứ! Chẳng qua cái mặt, cái đầu cũng "chỉ là một cục c. voi, ai dùi bẫy lỗ ngó coi lạ lùng", chứ là cái quái gì. Mà này ông ơi, kinh nghiệm rồi nhé, lỗ miệng mà khoan thai thì lỗ tròn tán tãi đấy. Hừ, thế này thì tôi phải sang bảo lão Giám đốc ngay mới được.

Quay ngoắt lại, bà Luân thoăn thoắt bước đi cũng vẫn với bản độc thoại của mình. Nhưng vừa nghe thấy tiếng bà chao chát ở bên phòng ông Giám đốc đã lại thấy bà mở cửa quay về. Chắc là ông Giám đốc bận nên chối từ đối thoại với bà, nên trở về mà vẫn chưa vội được chút cảm tức nào, trái lại mặt bà đỏ sạm như lên cơn huyết áp cao. Thế là đập tay đánh chạt xuống mặt bàn, bà hất hàm vào tôi, gần:

- Này ông, có đúng là “dù cho trăm khéo ngàn khôn, đến cửa nhà l. bảy vía còn ba” không? Cả lão Giám đốc nhà ông cũng thế. Bệnh che nó chậm chạp. Nói trước cho mà biết, con này trường tức bất chi lao, thẳng chồng hay ghen thế nào nó cũng đến đập phá tan hoang cơ quan này cho mà xem! Là tôi nói trước cho các người liệu đấy!

Quay về sau, đầy vẻ giận dữ, bà sầm sập bước đi. Nhưng đi được mấy bước bà lại đã lộn trở lại rửa tay, trút tiếp cơn tức tối vào tôi:

- Là tôi nói trước để cảnh báo các người đấy! Cứ chiều chuộng nó lắm vào. Tôi là tôi không chịu được đâu. Thật là ngứa cả mắt, lộn cả ruột!

*

Không hay biết tất cả những lời chì chiết cay nghiệt của bà Luân Trưởng phòng, Nương vẫn đi làm đều đặn, vẫn thản nhiên một nếp sống nếp làm. Vẫn định hình một bức chân dung một mình nàng với mùa thu thanh thoi khi công việc buổi sớm đã hoàn thành. Ôi, bức tranh có nàng với vàng nắng nhỏ mùa thu! Nó là cái nguyên cớ gây nên cái giận dữ trong lòng bà Trưởng phòng. Nhưng nó diễn tả chính xác nhất vẻ đẹp tự nhiên và tâm tình nàng. Nàng đẹp và yên lòng với cuộc sống. Quê nàng ở vùng cao Sa Pa, tỉnh Lào Cai. Nàng đã học hết cấp hai phổ thông và như rất nhiều thiếu nữ Tày ở quê nàng, đủ

mười tám tuổi theo luật định thì nàng lấy chồng. Chồng nàng là người cùng quê với nàng, anh đi bộ đội và được tuyển chọn làm lái xe cho một ông tướng hai sao cũng người Tây. Nàng được ông tướng đưa về Hà Nội và giới thiệu về cơ quan này làm việc để vợ chồng nàng được gần gũi nhau. Ở quê nàng, công việc của nàng là trồng cây thuốc xuyên khung, đỗ trọng, bạch truật và cây ăn quả trên đất nương đồng. Ở đây, công việc có khác nhưng cũng là thứ lao động chân tay ngày ngày. Ngày ngày, sau giờ tan tầm buổi chiều, nàng đi về một căn hộ trong khu tập thể quân đội ở phố Lý Nam Đế mà người ta hay gọi là “Phố Nhà binh”. Căn buồng rộng mười bốn mét vuông đủ chỗ cho hai vợ chồng son. Chồng nàng là một chàng trai khỏe mạnh và yêu vợ. Nàng không nghĩ mình xinh đẹp hơn người, trừ những lúc gần gũi chồng. Chồng nàng mê mẩn nàng, hấn không muốn xa nàng, dù chỉ là một giờ một khắc. Chẳng đêm nào hấn không đắm đuối trong giao hoan với nàng. Hấn rên lên hằm hằm như bị thiêu đốt mỗi khi ngắm nghía một chi tiết trên cơ thể nàng. Mỗi sáng trở dậy, hấn kiệt lực rũ rượi như cái dọc khoai môn héo, đến mức phải tựa vào vách tường mới xỏ được chân vào hai ống quần dài. Trông thấy vậy, nàng vội ngoảnh mặt đi vì thương chồng và hơi buồn cười. Cũng là sự thường tình thôi. Vùng cao quê nàng, khí hậu mát mẻ, quanh năm đêm ngủ phải đắp chăn bông. Ở đó, các cụ bảo âm thịnh dương suy. Ở đó, đàn bà đẹp mỡ màng, má đỏ au, ngực phồng như buổi sớm mai. Ở đó, quê nàng, *Mùa hoa, mùa đàn ông mệt như chiếc áo rũ, vừa vịn rào đi vừa ngái ngủ*¹.

Định hình một bức chân dung tự họa không hay biết, Nương yên lòng với công việc và cuộc sống lương thiện ngày ngày. Nàng không hay biết vẻ đẹp làm say lòng người của nàng, cũng không hay biết cả đến cái bỉ tiện dê hèn của thói đồ

1. Thơ của nhà thơ Y Phương.

kỵ ghét ghen của người đời. Con người ta về một khía cạnh nào đó là một kẻ không sống yên ổn với đồng loại của mình. Mỗi kẻ là một đơn nguyên biệt lập. Ganh ghét đố kỵ với người khác là thuộc tính của nó. Nó ganh ghét để thỏa lòng ganh ghét của nó, một thói xấu thâm căn, một cơn điên khùng, bất chấp cả lẽ phải thông thường. Thành ra, chiều hôm đó, nghe tiếng bà Luân lu loa ở phòng bên, tôi và ông Giám đốc liền vùng ngay sang và sau mấy phút lơ ngơ, chúng tôi liền vỡ lẽ. Bà Luân vò đầu bứt tai, cao rao:

- Rõ ràng là tôi để một triệu đồng ở bàn này. Mà ngoảnh đi ngoảnh lại mất biến luôn một trăm ngàn đồng là thế nào? Ai vào đây? Ai vào đây dọn dẹp, quét quáy phòng tôi?

*

Nường thôi làm việc ở cơ quan tôi khi chưa 'hết hạn hợp đồng sáu tháng. Tôi đi công tác hơn một tháng trời ở phía Nam về, một sáng mùa đông, ngồi trong phòng làm việc nhìn ra cái hành lang âm u tối mờ bỗng thấy cái nhìn như trượt vào một điểm hư vô nào đó. Mùa thu đã đi hẳn rồi, vầng nắng nhỏ tiết thu quen thuộc đã tắt ngấm từ lúc nào. Nường đã trở về vùng cao Sa Pa quê hương nàng. Ở đó mùa này trời xanh trong vắt, nắng tươi tràn trề. Ở đó, nàng trồng đào lê mạn, nàng chăm sóc các loài dược thảo như bạch truật, xuyên khung, đỗ trọng. Chồng nàng xin thôi công việc lái xe cho ông tướng, chuyển công tác về huyện đội, đảm nhiệm việc chăn nuôi mấy con ngựa biên phòng. Hắn không thể xa nàng được.

Vì sao Nường lại thôi làm việc ở cơ quan tôi?

Mọi sự đều tỏ tỏ mờ mờ, và xem ra chẳng ai hiểu cho thật rõ ngọn ngành các sự kiện đã xảy ra. Cuộc sống là thế, nó chuyển động ào ào, không tư tưởng, không nghĩ suy, không kết luận. Nó cũng buông lửng tai ác như việc bà Luân kêu mất

một trăm ngàn đồng. Một cá thể nhỏ nhoi, một chuyển động giản đơn, một việc tạp mọn có gì mà đáng lưu tâm. Rồi thì tất cả sẽ rơi vào quên lãng cả thôi! Tuy nhiên cuối cùng thì cũng đã phong thanh như lan truyền trong gió dăm ba lời đồn thổi và câu chuyện tưởng là hư cấu bỗng như có được điểm tựa là thực tại. Rằng một ngày nọ, anh chàng lái xe cho ông tướng hai sao nọ, kẻ mang trong mình dòng máu Othello đậm đặc bỗng nhiên nhận được một lá thư không có tên và không có địa chỉ người gửi. Lá thư chỉ đọc có hai câu ca dao cổ: “Vợ đẹp thì mày phải lo. Đêm nằm lẩm cẩm rình mò ước mơ”. Lửng lơ tai ác thế! Thư nặc danh không có giá trị pháp lý nhưng lại có giá trị và hiệu nghiệm riêng. Gã lái xe chồng Nương xông xộc đến cơ quan, lời Nương về, tẩn cho một trận và hôm sau áp tải Nương lên tàu về thẳng quê hương, phá vỡ giao ước đã thỏa thuận. Tội nghiệp, nào Nương có tội tình gì!

Nương chẳng bao giờ trở lại cơ quan tôi nữa. Nàng đã biến vào vô tăm tích. Nhưng từ đó, mỗi độ thu về, ngồi trong căn buồng nhỏ của mình, nhìn ra cái hành lang lung linh bụi hồng, trong băng khuâng của sắc vàng hoa cúc, tôi lại như nhìn thấy bức toàn cảnh buổi sớm mùa thu đẹp toàn mỹ có bóng hình người phụ nữ Tày nọ; một vùng thắm mỹ đầy nhân tính đã tan thấm hoàn toàn và còn ngưng đọng mãi trong không gian.

Hà Nội, 1990

NGƯỜI BỊ RUỒNG BỎ

Đầu tròn, trán lõm, mắt vàng, môi mỏng, chân tay lẳng khảnh, người như khúc xương lóc dỏ, Trần Quân, bạn tôi, là kẻ mang tướng hầu, nhưng lại cũng lai lai tướng xà, vì khi ngủ thì trợn mắt, nghiêng răng, dáng đi oằn oẹo, thích danh, háo gái, lắm mưu mẹo quá!

Như tất cả chúng ta, mỗi người chỉ là một, là độc nhất vô nhị nhưng con người này, ông bạn tôi, lại có phần giống như một bản nháp của thiên giới. Anh vừa dị dạng vừa như một thực thể chưa hoàn thành, vừa giống một thể trạng suy thoái; kẻ phũ miệng còn gọi anh là “Cái kẹo mút dỏ”. Đó là thời chúng tôi cùng làm việc với nhau ở Ban Tuyên huấn tỉnh. Tuyên huấn là tuyên truyền huấn luyện, là đi dạy bảo người ta nên tất thấy anh nào được chọn về đây trước hết phải là người có cái tài ăn nói. Bạn tôi là bậc sư tổ về khoa này. Anh lợi khẩu, dẻo mồm, mở miệng là thao thao, bất kể câu chuyện thuộc đề tài gì. Nhanh trí, láu cá vặt, trí nhớ tài nên không thể nói là không có sức hấp dẫn. Lại thêm cách diễn tả. Vung tay, đánh tia mắt, đổi thay giọng điệu, lúc ỏn ẻn như con gái nhà lành mới lớn, khi thì gầm lên như Trương Phi trên cầu Trường Bản. Đã thế, anh lại thông thạo tiếng Giáy, lâu lâu tiếng Quan là hai thổ ngữ quan trọng ở tỉnh miền núi này, chưa kể thi thoảng còn xí xố tiếng Tây bồi trong khẩu ngữ, cùng tiếng lóng và các câu hát của mọi tầng lớp xã hội một thời nhộn nhịp. Thôi thì

đủ cả, từ: “Mình ơi có đi Bờ Hồ, cùng ta ăn kem kẹo dừa. Ông Tây đen nằm trong cái bồ. Đánh phát rắm thành bánh ga tô”, đến “Inh là ơi, sao noọng ời”...

Nghe Quàn nói chuyện thời sự sướng lỗ tai lắm. Vì anh khéo lợm lật gằn xa, đông tây, kim cổ, trời biển chuyện gì cũng động tới được. Tuy vậy cũng lắm lúc khó chịu vì có khi đang cao sang, nghiêm cẩn lại dậm vào mấy câu nói nhăng cuội, bợm bãi như giọng điệu của kẻ giang hồ giang há, du thủ du thực. Ấy là chưa kể nói bừa, nói liều, nói sai. Như nói Liên Xô có sa mạc Sahara. Như dựng chuyện tình cờ bắt gặp McNamara, Kissinger đi chơi phố ở Hà Nội, ngang nhiên đối chất với họ và họ bí đến mức phải xin lỗi Quàn. Đó là hồi Mỹ còn đang liên tiếp mở các cuộc oanh tạc của không quân phá hoại miền Bắc và Quàn như một sinh thể pha tạp không chỉ sống yên ổn mà lại còn có được một vị trí công tác cao nhất trong đời mình.

*

Gốc gác người Hà Nội, học hết tiểu học, kiếm sống bằng đủ các nghề ngỗng linh tinh, từ bán báo tới bán dầu cù là, lơ tấy hồng ở các bến xe, năm 1946 Quàn xung vào đội tự vệ thành Hoàng Diệu, lăn lóc cùng các chiến sĩ quyết tử quân, rồi cùng họ rút ra khỏi Thủ đô sau hai tháng trời chống giặc. Tiếp đó, Quàn gia nhập đội Tuyên truyền xung phong giải phóng Tây Bắc, chính thức bước vào cuộc phiêu tán của đời mình.

Ấy là những năm tháng gian khó và lãng mạn. *Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc*¹. Sốt rét rung rừng, đầu lờm chớm tóc, Quàn phải ở lại Lục Yên, một thị trấn kháng chiến nằm bên bờ sông Chảy, nơi tụ hội của các đoàn quân vào ra vùng

1. Câu thơ trong bài *Tây Tiến* của nhà thơ Quang Dũng.

địch hậu ở bên kia sông, đêm đêm đèn *măng sông* xanh ngời một vùng rừng, các sĩ quan ca lô dạ tím gần sao vàng thêu kim tuyến, *côn bat* xệ hông, dập dìu vào ra các quán cà phê, bột đậu chủ nhân là các thiếu nữ tóc bông người Hà thành tản cư lên, trong tiếng đàn *guitar* bập bùng, tiếng suối reo róc rách và tiếng con ngựa hồng hí một sắc điệu giục giã, những chấm phá cuối cùng để hoàn chỉnh bức tranh hùng tráng và hào hoa của người chiến binh trên dặm đường trường chinh.

Quần nhận tục danh “Cái kẹo mút dỏ” chưa cay ở thời điểm này, do chính nữ chủ nhân quán giải khát Sơn Cước mang mỹ danh Minh Châu ban tặng. Minh Châu, một trang tuyệt sắc, mặt trái xoan, mắt bồ câu, cổ cao ba ngón, có ý trung nhân là Kim Ngọc, sinh viên pháp lý Hà Nội, nay là đại đội trưởng đang dẫn quân vào địch hậu Lào Cai, không hề giấu giếm thái độ khinh miệt cái hình dạng nhếch nhác, bần tuối Trần Quân. Quân lúc này chỉ là anh tiểu đội trưởng nhưng thích chơi trêu, muốn đánh đu với giới sĩ quan thượng lưu có học thức. Đóng giả đại đội trưởng bị quân cảnh lột sao giữa quán Sơn Cước, Quân cũng chẳng biết xấu hổ ngay cả khi bị tước quân tịch, bị gán cho cái tục danh bỉ bai nọ. Thì vốn đã thuộc về lớp hạ lưu xuất thân nên có bị hạ nhục thì cũng có mất thêm gì nữa mà sợ! Quân cứ trơ trơ bám riết người đẹp Minh Châu, cứ tiếp tục huênh hoang những lời tự sự quen nhàm và lẫn vào tán tỉnh nàng: Đàn bà đồng nghĩa với cái khao khát được nhìn thấy, sờ thấy hàng ngày, cái sống động trực tiếp có tác dụng thỏa mãn thói ủy mị lẫn kiêu ngạo thâm căn. Hướng hồ đời sống lại còn mang cái bản chất lập lờ bất định, nay thế này, mai có thể là thế khác. Cuối cùng thì mọi chuyện đều đi đến kết thúc. Phớt lờ mới chỉ thấy người đẹp Minh Châu suốt muốt vì tin Kim Ngọc hy sinh trong địch hậu đã xâm xì câu chuyện cô ăn nằm với “Cái kẹo mút dỏ”. Và sau đó chưa đầy tuần, một sáng mùa đông trở dậy, mọi người lại được một phen bàng hoàng. Cháy nhà ra mặt chuột. Quán Sơn Cước toang hoang. Trần Quân

và Minh Châu đã biến mất khỏi thị trấn, hiện nguyên hình là những kẻ phản trắc và cơ hội, đêm qua họ đã thuê một chiếc thuyền xuôi sông Chảy, về Việt Trì, trở về Hà Nội tạm chiếm.

Tôi lên công tác ở huyện Pá San, nơi đa số đồng bào là người Giáy, nằm ở phía tây tỉnh Lào Cai giữa năm 1960. Một chiều đông lạnh, ra bến sông câu cá thấy một chiếc bè gỗ nứa lớn neo bên bờ, liền leo lên, đang tìm chỗ hạ cần bỗng nghe thấy tiếng bàn tay ai vỗ đập quần áo ở đầu bè và từ cái lều nhỏ giữa bè, cất lên một giọng hát nghêu ngao buồn như một sợi khói vương:

Thánh hiền cho đến ngu si,

Trăm năm xương nát cũng thì ra tro.

Vừa nhận ra hơi hướng quen thuộc của giọng hát và bóng một người đàn bà đang ngồi giặt ở đầu bè cùng tiếng vỗ áo quần càng vỗ càng vang trong thanh vắng, đầu hiu đã thấy lử khử đi tới một người đàn ông gầy đen như cành cây khô, có hai con mắt trợn trừng thô lỗ.

- A! *Se camalô!*¹ Ta gặp may rồi.

- Làm gì ở đây, Quàn? Ai đằng kia?

- Con mèo hoang. Con vợ hờ. Mặc nó! Tao đang chết dở đây. Con Minh Châu sống với tao vài tháng ở Việt Trì rồi bỏ tao, *dinh tê* vào thành lấy một thằng sĩ quan ngụy giờ tếch vào Sài Gòn rồi. Mà có cách nào giúp tao không? Tử vi tao nói tao phát ở trung vận có nhẽ đúng!

Ngất lòi, Quàn quay lại phía sau liến thoắng một hồi tiếng Quan với người đàn bà đang giặt quần áo, đoạn kéo tôi lên bờ. Anh đang sống những ngày đói dài đói rạc, đói thường trực, đói liên miên. Rồi bỏ Lục Yên, cùng Minh Châu buôn đình hương, bị đồng bọn lừa mất hết cả vốn liếng. Bơ vơ sau khi Minh Châu

1. Cher camalos: Ông bạn thân mến (tiếng Pháp, khẩu ngữ giao tiếp suồng sã, bình dân).

bỏ, bám vào cô vợ hờ người Hoa, nhưng cô này chỉ là một kiếp nô tì nấu cơm thuê, hầu hạ bọn buôn bè chuyên chở lâm sản.

- Tao tiếng Quan, tiếng Giáy nói thạo. Mày giới thiệu tao vào làm cán sự ở huyện đội được không?

Thấy tôi còn ngần ngừ, Quan liền huých vai tôi, mắt nháy nháy:

- Lờ cái chuyện ở Lục Yên đi hộ tao!

Ừ thì lờ cái chuyện phao tin bạn chết để chiếm đoạt người yêu của bạn. Chuyện đã lâu. Mà tai hại cũng chưa là gì, ngoài vết nhơ về tư cách đương sự. Hơn nữa, sống là khoan dung, vả lại tính mèo mỗ, phóng đảng vốn là của cánh đàn ông. Nghĩ vậy nên tôi mạnh dạn trình bày với ông huyện đội trưởng. Ông huyện đội trưởng người Tày, bí danh là Quyết Thắng nghe xong gật gù tỏ ý chấp nhận. Đang là lúc rất thiếu cán bộ quân sự ở cơ sở. Địa bàn miền núi xa xôi bỗng dưng có anh xung phong lên nhận việc thì còn gì bằng. Ông chỉ ngại Quan, đầu là nhìn chung dáng bộ khúm núm, hèn nhọc nhưng mắt cứ hay trợn ngược, khi nói yết hầu nhô ra, mồm loe loe và răng nhe nhe trông kinh kinh là. Bởi vậy ông bảo cho tập sự thử cái đã!

Quan vào huyện đội làm cán sự tập sự. Đích thân ông Quyết Thắng dẫn đi xuống huấn luyện dân quân ở các làng Giáy. Hai, ba lần đều tỏ ra nhanh nhẹn, khéo léo, nắm vững kỹ thuật, chiến thuật. Đã thế tiếng Giáy lại thông tỏ. Chuyện trò lí lầu ai nghe cũng thích. Khắp thôn xóm, hễ thoáng thấy bóng là í ới gọi chào rất thân mật. Ông Quyết Thắng vốn con người cởi mở, hóm hỉnh và chất phác rất ưng Quan, nhưng không quên nhắc nhở Quan: “Uống rượu đừng để rượu nó uống. Con gái đàn bà thích thì thích thật nhưng nó hay hại đàn ông, nó không thương đàn ông bằng cơm gạo đâu, gần gũi nó ít thôi. Vớ vẩn nó tụt quần ra quất vào mặt thì ê chề, hết đường thoái lui đấy.” Ba tháng tập sự qua, Quan được bổ nhiệm chính thức làm cán sự khu vực Mường Hum.

Ồi Mường Hum! Vùng Giáy tươi đẹp trong các bài hát cổ điển hiện như một xứ sở thần tiên. Nơi đây có con suối mát trong, có chiếc cầu mây vắt vẻo đẹp như tranh vẽ. Nơi đây có rừng thảo quả bạt ngàn, có đồng lúa màu mỡ cho hai mùa gạo dẻo như gạo nương. Nơi đây, quê hương của các bài dân ca Giáy, quanh năm sầm uất không khí hội hè. Dân ca Giáy hát: “Mường Hum, nơi bến nước có nhiều hoa đào”, ngụ ý nơi đây có nhiều gái đẹp. Gái Giáy nơi đây mặt sáng như đồng bạc, mũi cao, môi xinh, vóc dáng thanh cao, đài các. Thành ra khi chia tay tiễn Quàn xuống Mường Hum nhận công tác, ông Quyết Thắng huých vai Quàn, ghé tai Quàn thủ thủ nhưng có ý răn đe rõ rệt: “Này, tao bảo thật. Lòng vả như lòng sung. Thằng nào chẳng giống thằng nào, nhưng mày không khéo chùi mép, để con nào nó ẽnh bụng ra thì ăn đòn của tao đấy!”

Ông Quyết Thắng cũng từng là cán sự huyện đội phụ trách Mường Hum. Người ở đấy giờ còn truyền tai nhau: Đêm đêm, ông Quyết Thắng cầm đèn pin nói là đi kiểm tra gác xách nhưng thật là đi mò gái, gặp cô nào là kéo luôn vào bụi rậm. Lại có lần sờ tí một cô, cô này dọa sẽ hô hoán thì ông đã quát: “Em kêu thì anh kêu to hơn, rằng là em bắt anh bóp vú em đấy!” Xấu hổ quá, cô nọ đành im.

*

Từ Pá San, nửa năm sau ngày Quàn về nhận công tác ở Mường Hum, tôi được cử đi học trường Nguyễn Ái Quốc một lèo hai mươi tư tháng. Cuối cùng trở về tỉnh, nhận công tác ở khu vực vùng cao Lầu Thí Ngải, nơi mệnh danh nóc nhà của tỉnh.

Một hôm có đoàn chiếu bóng từ tỉnh vào. Sự kiện gây xôn xao cả khu vực tám xã người Mèo cùng trời cuối đất này. Vì xưa rày phim ảnh là của độc, hiếm hoi lắm. Được xem phim đã thích, còn thích hơn, lạ hơn là ngay từ chiếu, khi tấm màn

ảnh trắng lóa được căng lên giữa bãi chợ, đã thấy oang oang trên loa điện lời giới thiệu phim *Vĩ tuyến 17 ngày và đêm* bằng tiếng Quan quen dùng của đồng bào.

Xưa rày làm gì có chuyện ấy. Xưa rày chưa hề có việc suốt buổi chiếu thuyết minh phim toàn bằng tiếng Quan. Mà tiếng nói đã chuẩn lại còn rành rọt, cặn kẽ. Khỏi phải nói bà con thích thú đến thế nào. Và tôi đã không khỏi giật thót mình khi nhìn vào nơi đặt máy chiếu, nhận ra một bóng hình đàn ông gầy gù, đầu tròn, trán lõm, có cái cổ ngắc nhô cục xương yết hầu nhọn. Thật là Quân rồi chứ còn ai vào đây nữa!

- Số tao đúng là số trâu bò mày ạ!

Quân cười hê hê rồi vạch áo cho tôi xem đôi vai gầy sưng u, đỏ bầm như cái nhọt bọc, di chứng của cây đòn khiêng chiếc máy nổ của đoàn chiếu bóng vùng cao.

Tại sao lại đến nông nổi ấy?

Nghe nói Quân đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ huấn luyện dân quân ở Mường Hum. Lại nghe nói anh chàng được dân trong vùng yêu quý lắm và đội dân quân ở đó đạt danh hiệu Quyết thắng hai năm liền. Đã đội hình diễn tập đẹp, họ lại bắn đạn cối thật đạt loại giỏi nữa kia. Hay là anh chàng này đã làm cô nào đó ẽnh bụng và ông Quyết Thắng đã ra tay trừng phạt?

- Mày còn nhớ thằng Kim Ngọc, Đại đội trưởng, người yêu của con Minh Châu ở Lục Yên hồi ấy không? Cái thằng tao phao tin là đã toi để tao chiếm con Minh Châu ấy. Nó còn sống lù lù. Giờ nó là thiếu tướng quân khu trưởng. Nó về dự đại hội diễn tập của tỉnh. Ô tô của nó mang theo cả chăn đệm và con vợ trẻ. Nó ngồi ở bàn đoàn chủ tịch. Trời báo hại tao, tao lại được lên báo cáo điển hình mới chết, mày ạ.

Ngừng một lát, Quân tiếp:

- Tao đọc báo cáo, cố tỉnh bơ. Nó cũng đếch nói gì. Lại còn đứng dậy bắt tay tao, khen: "Đồng chí có nhiều sáng kiến

lắm.” Sáng kiến gì? Chẳng lẽ là sáng kiến dịch các từ quân sự sang tiếng Giáy? Hay là cứ mỗi lần hô: “Bên trái quay” lại nhắc khẽ: “Bên tay cầm bát” đấy? Hay là... Rốt cuộc, đích có cái gì qua mắt nó được. Đại hội tan, lão Quyết Thắng gọi tao lên, bảo: “Đồng chí khai lại lý lịch đi. Hồi ở Lục Yên thế nào, khai cho rõ.” Thôi thế là hết đời rồi! Nhưng nào đã xong. Đọc xong bản khai, lão lại hát hàm: “Còn đám gái Giáy ở Mường Hum, kiểm điểm đi chứ! May chưa biết mùi gái Giáy đâu. Đàn bà được ngực thì hồng hồng. Còn gái Giáy như cái con ỏ ở đây ngực vừa nở hồng vừa lớn, hám tình còn hơn cả tao kia. Gái Giáy vùng ấy đã đẹp lại đa tình, nó là ngọn lửa mà tao vốn nòi háo dục thì tao chịu thế nào được. Ông thân sinh ra tao lái xe cho hãng Rong Bay, mỗi tỉnh một vợ kia. Ôi, đàn bà, cái chốn hang hùm của sự sung sướng, ngất ngây!”

*

May mà tỉnh đang thành lập đội chiếu bóng vùng cao và Quân thông thạo tiếng Giáy, tiếng Quan. Nhưng như vậy là sẽ tiếp tục cái đà văng của một đời người không yên ổn rồi. Con người vốn không căn cốt, khởi đầu lập nghiệp đã nhập vai kẻ phóng đảng, nuông nịnh bản năng mình, làm sao có thể có được sự bình ổn, thăng bằng và thăng hoa!

Quả nhiên ít lâu sau Quân lại bị đuổi ra khỏi đội chiếu bóng. Cái tài ngôn ngữ và lợi khẩu là sở đoản không cứu được Quân. Xem ra thì đến cả thời hiện đại này, khi đánh giá một cuốn sách văn chương, khi xem xét giá trị một con người chẳng hạn, ở tận cùng của những đòi hỏi thẩm mỹ, ở sách và ở đời cũng vậy thôi, ta vẫn nhận ra sự đòi hỏi ráo riết của phẩm chất đạo đức.

Quay trở lại Pá San, may mắn Quân được ông Quyết Thắng tâm tình chất phác rủ lòng thương, thăm nhườn câu

châm ngôn “có tài ắt có tật”, nhận vào làm cán sự một lần nữa, nhưng lần này chỉ là phụ động, giữ chân thị phạm, tức chỉ là người thực hành các động tác mẫu cho dân quân các bản làng theo khi tập luyện thôi. Nhận Quân vào làm việc, ông Quyết Thắng đứng ngồi không yên. Vào độ tuổi ba mươi, Quân phát tiết một cách không kiềm chế bản năng phong tình. Vẫn chúng nào tật ấy, thấy đàn bà con gái như quạ thấy gà con. Nhìn đàn bà con gái là dán mắt vào ngực vào hông người ta. Cứ như rằng, cuộc sống chỉ bắt đầu từ sự thức tỉnh của nhục cảm. Ở bản Viên, anh tán tỉnh cùng lúc cả cô Rin và cô Múi, hai chị em trong cùng một tiểu đội. Ở Tả Sìn Thàng, Quân gạ gẫm vợ chủ tịch xã. Ở Pao Mao Chải, dư luận nói anh đã ngủ với một bà góa và làm cô cấp dưỡng người Xã mang thai. Còn ở Xín Mần, anh sờ soạng một lúc cả mười cô trong tiểu đội nữ dân quân. Ở Quang Kim, dân quân bắt quả tang lúc tối trời vừa tan buổi học, Quân co kéo một cô tên là Ôn, nữ dân quân, vào một bụi rậm bên đường. Hỏi cô Ôn, cô Ôn khai: “Cán bộ Quân nói, “em là củi, anh là lửa, có giúp nhau cháy mới nấu được cơm canh nuôi sống người”.”

Ôi, cái thói đam mê tính dục của Quân. Nó là cái bản thể tự nhiên mang tính sinh vật của Quân? Nó là thói hư tật xấu, là căn bệnh vô phương cứu chữa? Nó là thói dâm dăng, là cái quái trạng tình dục chứ không phải là lòng ham muốn giao tình nam nữ thông thường theo quy luật âm dương chan hòa, trong vòng sinh hóa phổ biến ai ai cũng có? Cách nhau có một sợi tóc thôi nhưng một đằng là quang cảnh thiên đường tình ái, một bên là chốn hang hùm âm u của khoái lạc nhục thể, chỉ nhằm thỏa mãn thói thống đoạt đàn bà và thể hiện quan hệ nam nữ dưới dạng những thao tác phàm trần. Tuy vậy nói thế nào thì nói, quy kết thì cứ quy kết, nhưng cũng vẫn phải nhớ rằng: Quân chẳng phải là một cá biệt quá dị thường. Anh có đồng minh, có đồng lõa. Vì anh có đẹp đẽ gì cho cam. Anh thô lậu sỗ sàng lắm. Vậy mà vẫn có đàn bà con gái bị anh hấp dẫn.

Hay chính hành vi nọ của Quàn mang tính hợp nhất nhân vị, và bằng hành vi ấy mà đôi bên đã thực hiện được nguyên lý “anh là lửa, em là củi”, cùng phối hợp để cháy sáng lên ngọn lửa khoái thú tự nhiên mãnh liệt? Ôi, cái khoái thú nhu cầu tự nhiên của con người!

Hai năm sau ngày gặp nhau ở Y Tí, tôi gặp lại Quàn ở trường Đảng tỉnh. Quàn ghé tai tôi, mắt nháy nhó: “Đừng lộ *bem* nhé! Cố giúp tao lần nữa đi. Tao thề làm lại cuộc đời đấy.” Thì ra Quàn bị kỷ luật thải hồi, mới xin về làm bảo vệ ở trường này, hiện anh đang tìm hiểu cô Thoan, ba mươi tư tuổi, con gái lẽ thì của ông Trưởng ban Tuyên giáo, Ủy viên Thường vụ tỉnh. Không nói ai cũng biết, với mồm mép ấy thì đến mỹ nhân cũng đồ chứ đừng nói cô Thoan gầy như con mấm, mắt gián nhấm, mũi hếch, răng lộ xỉ, khát chồng như ruộng đại hạn mong mưa. Lễ cưới tổ chức ngay sau đó ba tháng, và bước đường đăng vắn giá vũ của Quàn bắt đầu. Đầu năm sau, Quàn được đi học trường Chính trị ở trung ương và một năm rưỡi sau anh trở về công tác cùng tôi ở Ban Tuyên giáo tỉnh.

*

Tử vi Quàn nói phát ở trung vận có nhẽ đúng thật. Quàn lên như điều gặp gió. Như ngựa tơ gặp đồng cỏ rộng. Như cá gặp nước. Như hổ về rừng. Khiếu năng nói của anh như cái cây gặp đất tha hồ nảy nở. Người gầy rạc xác ve, cái cổ ngẳng đỏ gay đỏ gắt, mắt ở trạng thái trợn ngược thường xuyên và cả hàm răng lúc nào cũng nhe nhe xô hẳn cả về phía trước. Ấy là vì anh nói nhiều, anh đi giảng giải thuyết giáo khắp chốn cùng nơi. Có ngày anh nói ba bận. Có tuần anh tràng giang đại hải cả sáu ngày. Anh lôi cuốn cả trăm ngàn cử tọa lớn bé già trẻ. Giảng nghị quyết tỉnh thì hùng hồn, khúc chiết, mà nói chuyện thời sự thì người nghe cứ bò lăn ra mà cười. Anh

nào có được cái giọng tếu táo, cái ngôn ngữ thông tục và cả kho chuyện về đàn ông đàn bà như Quàn? “Ấy thế, các vị ạ, mấy anh xét lại là nó “bú đít” cho bọn đế quốc tư bản. Còn mấy anh là giáo điều là “mao nhiều” chứ đâu “mao ít”, không tin các vị cứ vạch quần hần ra mà xem. Còn bọn Mỹ và Thiệu quan hệ hiện nay thế nào? Để tôi kể các vị nghe: Vợ chồng nhà nọ đang làm tình, bỗng dưng có tiếng động cửa đánh kịch, cô vợ nằm dưới bóng giầy lên: “Có lẽ nhà em về.” Anh chồng nghe vậy liền hoảng hồn bỏ nhào xuống đất, chui vào gầm giường trốn. Nằm dưới gầm giường một lát, tỉnh trí anh chàng mới ngó quanh, rồi ngơ ngẩn: “Ô hay, nhà mình đây chứ có phải nhà ai đâu.” Vậy nên mới chui ra và gặp cô vợ đang hoàn hồn, thở thào thào: “Thế mà em cứ tưởng không phải là anh!”.” Ôi trời! Người nghe cười dốc lên đến vỡ tung cả hội trường, chuyện nghe khoái trá làm sao!

Bộ hết người rồi hay sao mà để thằng cha tư cách kém cỏi như thế đi thuyết giảng cho mọi người? Nhiều cán bộ lão thành bực bội yêu cầu cấp trên phải đuổi Quàn ra khỏi Ban Tuyên giáo. Để thêm sức ép, lại còn dẫn ra Quàn nói sai nói bậy, nhiều chỗ sai kiến thức, trái quan điểm chính thống. “Khủng hoảng” anh nói thành “khủng khoảng”. “Hác lem”¹ là tiếng Anh, tên một khu phố nghèo ở Mỹ anh gọi là “Hác lem”. Đi xuống vùng Công giáo nói về thuyết khải tiến hóa thành người, bị một giáo dân vặn: “Như vậy mỗi năm sẽ có hàng ngàn khỉ ở Trường Sơn trở thành người”, anh bí đáp bừa, rằng: “Vì thế nên ta phải cho quân ngăn chặn không thì dân số phình ra quá tải!”

Hết người rồi hay sao?

Người tài nói chung thì chả bao giờ hết. Nhưng ở Ban Tuyên huấn này thì hết người thật. Trưởng ban là ông Khánh Uy người Dao thì nói tiếng Kinh chưa sõi. Tôi thì bận bịu việc hành chính sự vụ. Một báo cáo viên nữa có năng lực thì lột

1. Harlem.

hành tá tràng, nay ốm mai đau. Vả lại, bảo Quàn nói sai nói bậy thì lời nói gió bay lên trời, bằng chứng đâu? Nghe thời sự cốt không buồn ngủ là được. Nói không ra gì thì giở báo ra đọc, giở len ra đan. Việc quái gì mà phải xét nét chi li thế!

Uy tín lên vùn vụt. Cặp kè với ông trưởng ban bố vợ, anh chàng lên xe xuống ngựa với cả bí thư, chủ tịch tỉnh, hưởng đủ mọi ưu đãi một thời. Rồi lại có tin đồn Quàn sắp được bổ sung vào cấp ủy lãnh đạo. Nghe vậy có người cười ồ: Đã là đảng viên đâu “Cái kẹo mút dở” ấy mà bảo bổ sung cấp ủy! Người nọ biết một mà không biết hai. Chưa đảng viên thì kết nạp vào, chứ sao! Nhiều người tin vậy. Vì thấy dạo này Quàn lên mặt xuống chân ra cái điều ta đây lắm. Vẫn là quắt queo như khúc xương lóc dỏ, mặt khỉ, dáng đi rần lượn, nhưng giờ *com lê* com táo, cà vạt xanh đỏ diện oách lắm và mặt cứ vênh như hòn đá mài. Còn hai con mắt thì bây giờ đã hóa thành cổ tạt ngưỡng thiên. Mất biến rồi cái dáng vẻ khúm núm hèn hạ khi thất thế ngày nào, giờ Quàn chả kém ai. Bí thư, chủ tịch, ông trưởng ban bố vợ đã là cái gì. Vì ngay cả lãnh đạo trung ương với Quàn trong nói năng, cũng chỉ là “tay ấy”, “tay nọ” ngang bằng phải lứa thôi kia mà.

Bước lên voi của Quàn chẳng hiểu sẽ còn diễn ra thú vị đến thế nào nếu như sáng ấy không xảy ra sự cố chia đời Quàn thành hai khúc sau trước, chấm dứt thời kỳ trung vận thăng hoa của Quàn.

Sáng ấy, chiếc xe ô tô chở ông Bí thư và Quàn vừa lăn bánh ra cổng nhiệm sở thì phải dừng lại vì có một người đàn bà sùm sụp chiếc nón lá già, mặc bộ áo quần đen rộng thùng thình đứng sẵn xin được gặp lãnh đạo. Quàn và người lãnh đạo cao nhất tỉnh xuống xe. “Chắc lại là một người dân đưa đơn khiếu kiện gì đây.” Quàn vừa tặc lưỡi nghĩ thì người đàn bà nọ đã chùn người, đưa tay kéo căng cặp quần và trụt hẳn nó ra khỏi cặp đùi trắng lớp của mình.

- Xin phép bác Bí thư ạ.

Gần một câu khe khẽ nhưng dứt khoát, người đàn bà hai chân trần, tiến ngay đến trước mặt Quàn và cái quần vải thâm vừa cởi trong tay chị vung ngay lên như một luồng khói đen.

- Tiên sư thằng bạc tình! Con dê đực, con lợn đực là mày!

Quàn vừa giật lui vừa đưa tay chống đỡ, miệng u ơ, rồi toát mồ hôi hột. “Mẹ cha nó cái con Ôn người Giáy hông to ngực nở ỏ tít tịt xứ Mường Hum, sao nó mò ra mình ở đây?”

*

Cô Ôn, người đàn bà Giáy đã khai mở thời kỳ thoái triển trên con đường hoạn lộ của Quàn. Chưa kể được thể chuyện cũ moi ra, riêng sự kiện bị người đàn bà cởi quần quất vào mặt giữa cổng công đường đã là ê chề quá rồi, Quàn còn gì là thanh danh và uy tín nữa. Lời cảnh báo ngày nào của ông Quyết Thắng hóa ra ứng nghiệm.

Tuổi đã năm nhăm, thương tình Quàn, tổ chức đưa ông ra khỏi Ban Tuyên giáo, cho ông về làm cán bộ đặc trách xã Y Tý, vùng đồng bào Hà Nhì, xa xa xôi nhất, kém cỏi nhất của tỉnh này. Ông sống ở đây yên bình, phẳng lặng được hai năm. Thì có gì nữa mà chẳng yên bình, phẳng lặng! Cao hai nghìn mét, một năm chỉ có một mùa thu già và một mùa đông lạnh, ruộng cấy một vụ, thiếu đói quanh năm, dân cư chưa đầy nghìn người, ngơ ngơ ngác ngác chưa biết đến cái xe đạp là gì. Có sẵn ở đây chỉ là bọn buôn lậu và những kẻ chống đối ngầm. Còn thì cuộc sống như trong ngõ hẻm, hôm nay giống hôm qua và ngày mai cũng vậy. Tuy nhiên cuối cùng, cùng với thời gian trôi đi ta thấy rằng, hóa ra ngưng đọng phẳng lặng như trong ngõ hẻm chỉ là cái vỏ bề ngoài của cuộc sống. Nơi sa mạc vẫn còn có hoa nở. Cuộc sống mang bản chất hào phóng nên ở nơi kiệt cùng khô khát vẫn có sự sinh sôi. Đùng cái báo

tỉnh đăng tin: Y Tí chuyển mình phát lá cờ đầu thi đua. Một lúc khôi phục hàng chục *hecta* chè hoang. Bán chín chục con trâu cho Hà Nam Ninh. Lập trại trâu tập thể. Triệt phá hai mươi *hecta* thuốc phiện. Phạt tám mươi hai vụ đánh bạc. Bắt mười đối tượng cải tạo. Chà! Kỳ lạ chưa! Và phép thần nào tạo ra được sự kỳ lạ nọ thế? Đơn giản thôi, vì mọi phép thần đều từ người cán bộ đặc trách tên Quan mà ra. Ở đây, Quan gần gũi, yêu quý dân và có nhiều mẹo. Chẳng hạn, làm cho từ ông già đến trẻ con nghiện chè nên tất họ phải yêu quý cây chè. Chẳng hạn, đích thân vác một cái xe đạp từ huyện lỵ lên cho dân xem. Rồi cũng chính vai anh cùng vai dân quân khiêng máy nổ của đoàn chiếu bóng tới từng thôn và đích thân anh thuyết minh phim bằng tiếng Quan cho đồng bào nghe.

Tuy vậy đã là cái bong bóng xà phòng kể cả những việc Quan làm được ở Y Tí và thành tựu của phong trào ở địa bàn khó khăn này. Cuối năm đó ở đây nổ ra một cuộc phản loạn. Hai mươi tên buôn lậu và thổ phỉ cũ do bất mãn ngấm ngấm lợi dụng cơ hội đã bắt trói chủ tịch xã, tước vũ khí dân quân, định cướp chính quyền ở đây. Tất nhiên là bọn chúng đã bị trừng trị. Chỉ buồn là sau vụ xét xử bọn phản loạn, Trần Quan cũng bị gọi ra trước vành móng ngựa tòa án binh Quân khu do Thiếu tướng, Quân khu trưởng Kim Ngọc ngồi ghế chánh án. Tuần lễ bọn phản loạn rục rịch nổi dậy, Quan mê đắm một bà góa người Dao bỏ cả công việc, anh dựng lều lán sống với bà nọ ở ngoài rừng.

*

Đời người vinh nhục, lên thác xuống ghềnh nhiều, vậy mà cũng chẳng dài. Mọi chuyện sướng vui, buồn khổ ngấm ra chỉ là trong chốc lát. Giờ đây, Trần Quan đã xấp xỉ bảy mươi. Da mặt căng sít xương. Tóc trên đỉnh đầu đã rụng hết. Râu hàm, ria mép bạc trắng phếch. Tuổi tác thanh lọc, gương mặt ông

giờ như của một người lạ, không cảm hứng, không ký ức. Nhận ra ông chỉ còn hai con mắt trắng dã, lúc nào cũng như trợn trừng, lồi ra như mắt sứ, di thể cuối cùng của một thời sống phong trần và phóng dật. Quàn sống ở thị trấn Pá San, cùng với bà Ổn, người đã tụt quần quất vào mặt ông hồi nào. Bà Ổn làm nghề khâu giày vải nuôi thân và nuôi ông. Bao nhiêu nét vẽ của một thời trai tráng xông pha đã tiêu biến, giờ đây ông định hình một ông già lơ ngơ, thụ động, vô danh tính và không tiểu sử.

Mọi người dường như đã quên Quàn, xa lánh ông, thậm chí có kẻ còn ruồng bỏ ông. Họ ruồng bỏ ông vì coi ông là biểu trưng của cái bản năng thấp hèn. Tôi ít tuổi hơn ông nhưng cũng mắc tính xu thời, ngấm ngấm coi thường ông. Vì đến bây giờ, có người còn nói: “Thằng cha Quàn trở về ăn bám cô Ổn là hoàn thành việc phá nốt cái gì còn lại trong tư cách.” Hoặc có kẻ còn kể rằng: Ông dặn cô Ổn: “Ông mà chết, chớ có cho đứa con gái nào mặc *mini jupe* đến viếng nhé, ông mà sống lại thì khổ!” Chuyện tới tai ông Quyết Thắng. Ông Quyết Thắng lên đến chức thượng tá thì bị về hưu vì chuyện đàn bà, tức tối nói: “Chỉ bịa! Nhưng mà tao nói thật, thằng đàn ông đêch nào mà chẳng thế!”

Chuyện bịa đặt nọ tung ra đúng lúc ông Quàn đang sống những ngày tàn tạ của đời mình. Cuối cùng, thời khắc đầy kịch tính và căng thẳng nhất trong số phận của mỗi con người đã đến với ông: cái chết!

Sáng ấy có người hàng bán vàng hương và xôi cúng rằm đi qua, bà Ổn mua một nắm vàng hương, một đĩa xôi để cúng và một đĩa xôi cho ông ăn sáng. Ăn hết đĩa xôi của mình xong, ông kêu còn đói và bảo: “Cho tôi ăn nốt đĩa kia, cúng trước khỏi cúng sau”, bà rùng mình kêu thối thui cái mồm nói gở của ông đi.

Ông nhe răng cười. Ăn hết đĩa xôi thứ hai, vỗ bụng bình bịch, đứng lên ông đi ra phố. Chừng ba mươi phút sau thấy ông trở về, đầu quấn băng, mặt sưng tím bầm. Hỏi vì sao thế,

ông lắc đầu không nói, nhào người nằm trên bộ phản trần. Rồi nhắm mắt ra đi. Đúng lúc ấy có người phụ nữ bế con đến, khóc thút thít, kể rằng: Chính chị đi xe máy đâm ông ngã nhưng ông đứng dậy bảo người cảnh sát rằng: lỗi ở ông và xin cho người phụ nữ đó lấy xe về nhà.

Đám ma ông không có vòng hoa của các cơ quan, đoàn thể, những nơi ông đã từng công tác nhưng là một đám ma to, tham dự có đến vài ba trăm người mà đa phần là phụ nữ. Phụ nữ từ Mường Hum đến, từ Lầu Thí Ngài ra, từ Y Tý xuống. Họ báo tin cho nhau biết và đến là ngồi sụp xuống quanh linh cữu ông khóc lóc, kể lể. Rằng: “Ông ơi, ông có nhớ hồi ông huấn luyện quân sự dân quân Mường Hum, ông khỏe mạnh, một câu nói một tiếng cười không?” Rằng: “Ông Quân ơi, vai ông gầy thế mà ông khiêng được cả cỗ máy phát điện nặng trăm cân lên vùng cao Lầu Thí Ngài, ước gì lúc này ông lại khỏe như thế!” Rằng: “Ông ơi, sức ông ở đâu mà ông vác được cả chiếc xe đạp cho dân Hà Nhì ở Y Tý chúng em thấy!” Rằng: “Ông học tiếng Giáy ở đâu, học tiếng Quan ở đâu mà nói khéo thế!”

Chỉ có một người trong tiếng khóc xót thương có động chạm đến chút ít lỗi lầm quá khứ của ông, mà người ấy lại là bà Ôn.

Bà Ôn nức nở:

- Ông Quân ơi, cái lúc tôi cầm cái quần đang mặc trút ra quất vào mặt ông là lúc tôi thương ông nhất, ông có thông cảm cho tôi không? Phụ nữ chúng tôi không tàn hại đàn ông như người ta hay nói đâu. Ông Quân ơi, ông là lửa, em là củi, sao ông nỡ bỏ em ông đi? Ông bỏ đi, giờ tắm tối lạnh lẽo biết làm thế nào?

Tĩnh không một lời oán hận, trách móc. Có thể nghĩa tử là nghĩa tận. Nhưng rất có thể phụ nữ là người gần với tự nhiên, với chân lý, với lẽ công bằng và tình thương.

Lào Cai, 1999

MÃ ĐẠI CÂU, NGƯỜI QUÉT CHỢ MƯỜNG CANG

Phố huyện biên giới Mường Cang nhỏ teo, người ở đầu phố ho, người ở cuối phố nghe thấy. Phố huyện biên giới Mường Cang chỉ có mỗi một con phố và một nhúm người. Khách vãng lai qua đây nhìn phố huyện mỉm cười: Thế mà cũng gọi là phố!

Phố huyện Mường Cang cách đường biên giới hai kilômét, trừ ngày Chủ nhật phiên chợ, còn thì buồn tênh, lúc nào cũng như thiu thiu ngủ trong cái thung lũng một năm hai vụ đậu tương, bị vây bọc bằng một vòng cung núi đá hình răng lợn.

Phố huyện tẻ ngắt, rất một kiểu nhà mái cỏ, tường xăm đá cũ kỹ, cổ quái. Nhưng thật ra phố huyện biên giới Mường Cang chẳng tẻ, chẳng buồn. Đây là nơi quần cư của dân tứ chiếng với đủ các giọng nói, các hạng người, các thói đời.

Phố huyện nhỏ mà chứa cả một kho truyện dân gian, với những nhân vật có những trang tiểu sử ly kỳ, những truyện cười ngộ nghĩnh nghe lạ như chẳng thể có ở đất ta.

Mảnh đất bé tí tẹo mà lắm chuyện lạ! Chẳng hạn như chuyện lão tướng cướp Lu Pin Khìn nổi danh một thời với những chuyện cướp của giết người táng đờm kinh hồn, giờ - sau khi ở trại cải tạo ra - lão xưng là “đã về hưu”, làm nghề đục cối đá lương thiện, vừa mới cưới một cô gái người Hoa non trẻ

chỉ đáng tuổi cháu lão. Chẳng hạn như chuyện mù Nhục Chấn bán sữa đậu nành và làm đậu phụ nhự, có cái cục bấu to bằng nắm tay ở cổ mà ngay bây giờ, cùng một lúc có đến ba chồng; chồng nào cũng nem nếp sợ mù như nô lệ sợ quyền uy chúa đất, trái ý mù, mù phạt các ông chồng nhịn cơm, phạt quỳ cả ngày trong cái vòng tròn do mù vẽ bằng phấn... là chuyện thường.

Nhưng những chuyện có nhiều bí ẩn, kỳ quái đại loại như vậy đều thua chuyện lão Mã Đại Câu hết; thua về độ dài, tình tiết hấp dẫn và thua cả về nghĩa lý nữa!

Mã Đại Câu ở phố huyện biên giới này từ thời nào thời nào và lai lịch của lão ra sao quả thật cho đến nay chẳng một ai, kể cả ông phó chủ tịch phụ trách hộ khẩu, biết một cách thật đích xác, rõ ràng. Chao ôi! Điều ấy thật ra chẳng nên trách lão một tí nào. Đất này vốn là đất dữ. Phố huyện biên giới, trong cuộc sống loạn ly triền miên, nơi hoành hành của thói hung tàn, bạo ngược miền phiên trấn, vốn là nơi tụ lại rồi tan đi, tan đi rồi lại tụ lại của bao kiếp người lầm than, cơ cực, bị xô đẩy, như hạt cát nhỏ, như những cái rơm, cái rác, trong cơn gió lớn phũ phàng của cuộc đời bất ổn. Và khối người đang sống hiện thời đã là những hạt cát, những cái rơm, cái rác bất hạnh ấy.

Cho đến bây giờ, hơn một nửa số dân ở phố huyện là dân Hoa vẫn còn rất mù mờ về lai lịch gốc gác của mình. Và đặc biệt là có vô số lý do giải thích về việc họ chuyển cư tới đất này. Họ tìm đến đất này từ thời nào? Đã cư ngụ ở đây ba đời hay bốn đời? Quê ở Phúc Kiến hay Lương Quảng? Phải ly quê từ triều Mãn Thanh hà khắc, bảy năm hạn hán mất mùa liên tiếp lại làm phu phen, thuế khóa nặng nề? Hay từ lúc quân Tàu Tưởng vét lính cả đến ông lão đầu râu tóc bạc? Hay mới chỉ là những ngày gần đây, tìm đến đất này để tránh khỏi một hiểm họa lúc nào cũng lơ lửng ở trên đầu; tranh giành quyền bá vốn đã thành một nhịp sống cuồng sôi, một cố tật liên miên ở đất quê? Nhưng thôi, hãy cứ biết họ cũng như Mã Đại Câu,

đã đến đây và bây giờ đang làm ăn sinh sống yên lành ở phố huyện này.

Mã Đại Câu không phải thổ dân ở trấn này. Tất nhiên. Nhưng bảy người cao niên nhất ở trấn đều cam đoan rằng, từ thời Tây cai trị xứ này và vùng này còn là đất cát cứ của thổ ty họ Hoàng, Mã Đại Câu đã có mặt ở đây. Và ngay từ thời ấy, lão cũng y hệt như bây giờ, mặt mũi cũng góm guốc như thế, sống cũng lủi thủi như thế, tính nết cũng vừa dở người vừa ngu dại như thế. Chỉ có điều khác là dạo ấy lão khỏe hơn bây giờ.

“Hây! Vác đá, hả? Gọi lão Câu!”

“Dà dà... Cái thằng ăn mày chết ở chợ kia, sao chưa chôn? Gọi lão Câu đi, ông bang trưởng ơi!”

Dân phố, cho đến những ngày gần đây, theo một thói quen từ rất lâu rồi, hễ có những việc nặng nhọc như vác đá, ghê tởm như chôn người chết vô thừa nhận đều nhớ tới Mã Đại Câu. Và Mã Đại Câu chỉ xuất hiện ở phố những khi có những công việc như thế. Lâu dần cũng thành ra định kiến. Hễ cứ thấy lão là trẻ con nghĩ lão vừa đi chôn người chết về. Rồi là chúng hò nhau chạy, cứ như lão là người chết hiện hình sống lại vậy.

Thoạt đầu mọi người chẳng để ý tới nhận xét của lũ trẻ. Nhưng về sau chính đám người lớn ở phố huyện cũng phải công nhận rằng, người Mã Đại Câu mỗi ngày một quắt queo, đứng cạnh lão, người lão toát ra hơi tử khí vừa lạnh lẽo vừa tanh tưởi thật; mỗi ngày lão càng giống một cái xác chết.

Vóc dạc, mặt mũi con người ta là sản phẩm di truyền của dòng giống và của đời sống người đó. Dòng giống Mã Đại Câu thì chẳng ai biết. Mà lai lịch của lão thì cũng còn mù mờ lắm. Vậy là chỉ còn căn cứ phần nào vào mặt mũi, vóc dạc mà phỏng đoán thôi. Vậy thì hình dạng, diện mạo lão như thế này: người cao chừng thước rưỡi, da đen sạm, quắt như cái roi trâu, cóc cáy đóng vẩy như xua rày chưa hề biết tắm rửa ráy là gì. Đặc sắc nhất là cái đầu to quá khổ, do nặng quá nên cứ phải

ngoạo như là ngã trên vai. Các bộ phận trên mặt lão thì thế này: mắt trắng dã, mồm hồm, răng vẹo vọ, má trái bị một vết sẹo xẻ đôi, cái tai phải cụt, đôi môi trơn lì như hai vết sẹo và thâm đen.

Quả thật, với cái mặt dị hình dị dạng quái gở này, lão chẳng gây được thiện cảm với ai cả. Mặt mũi ấy, nhìn thấy nó đã muốn nghĩ ngay rằng đích thực xưa kia nó là kẻ đầu trộm đuôi cướp, thằng thổ phỉ hung tợn, hay chí ít cũng là một gã vệ sĩ liều mạng của hào trưởng, ấp trưởng bên Tàu, bị đồng bọn trừng phạt vì ghen ăn ghét ở. Hoặc nếu không thì đích thị hần đã phạm một tội ác gì lớn lắm nên đã bị ông trời đầy đọa, bị Tào hóa ban cho cái mặt như quỷ sứ, rồi đẩy ra giữa trần gian này.

Người không hay suy luận thì nhìn cái mặt ấy cũng thấy ghê ghê vì nó bẩn, nó xấu quá. Trên đời thiếu gì cái đẹp để ta ngắm nhìn. Hơi đâu!

Thành ra Mã Đại Câu sống ở trấn Mường Cang đã lâu mà thật sự chẳng có ai quen thân, gần gũi. Lão cứ thui thủi, vật vờ như cái bóng ma vậy. Người ta vừa quên lão và vừa nhớ tới lão. Còn lão thì hình như cũng bằng lòng với kiếp sống của mình, chẳng than vãn, phàn nàn, buồn bã bao giờ. Trái lại, có những lúc phởn là khác nữa. Ấy là những lúc lão rùng rùng đồng tiền trong túi.

Lão xách cả một ống bương rượu ra ngồi ở quán chợ, uống tì tì rồi say, say đến nổi đá cả ra quần. Rồi cái quần vắt lên cổ, cứ tông ngồng như thế lão điếu qua phố, chân nam đá chân chiêu, thỉnh thoảng ngã đánh oạch, cái quần rơi xuống đất, lại thò tay ra nhặt, rồi cười ré lên: “Hí, tớ *pắt tước* cái quần của *tằng* nào.” Rồi lão quay về chợ hoa chân múa tay, hát lảm nhảm, khi điệu *nữ ương ca*, lúc điệu *sán cổ* lộn xộn, chẳng ra bài nào điệu nào rõ rệt cả.

Lúc ấy, dân phố huyện hay vây lại xem và cười đùa với lão. Những lúc như thế, lão cũng hiền lành và đáng thương; và người ta nhận thấy sự độc ác ở lão là những nét xưa kia đã qua rồi. Còn bây giờ lão chỉ là một lão già ngu xuẩn và đần độn mà thôi.

Cho đến ngày phố huyện Mường Cang vào cuộc cải cách dân chủ, lập hợp tác xã thì Mã Đại Câu đã già rồi, đoán chừng cũng phải xấp xỉ sáu mươi, và đã hoàn toàn trở thành một lão già bần thủ, dở người, tầm tối. Dở người và tầm tối quá thể! Đang ở phố, dù nơi ở của lão chỉ là cái lều chợ thì cũng vẫn là cái nhà có mái che nắng che mưa thì đừng một cái lão bỏ đi. Đi đâu? Đi lên hang đá! Nơi ăn ở của lão giờ là cái hang đá.

Vậy là một hôm ông Chủ tịch thị trấn người Giáy, ông Lục Vân Hải gọi Mã Đại Câu tới, ân cần hỏi:

- Ông Câu, tại sao đang ở phố, ông lại bỏ lên hang ở?

Nghe ông Chủ tịch hỏi, Mã Đại Câu ngẩn mặt, rồi cười hì hì một cách rất ngớ ngẩn và đáp rằng:

- Ông Bang trưởng ơi, ở trong hang có nhiều con dơi lắm, lại có cả nhiều con chuột nữa kia!

Trời, lại đến cái nông nổi như thế nữa! Ngu ngốc đến mức nhầm ông chủ tịch ngày nay với thằng bang trưởng ngày xưa. Hóa rồ hóa dại hay đói khát tới mức nào mà phải đi ăn thịt con dơi muỗi, con chuột ở trong hang!

Chủ tịch Lục Vân Hải hỏi tiếp vài câu nữa thì khẳng định rằng lão là kẻ mất trí và đang ở trong cảnh túng quẫn.

Chúng có rõ ràng nữa là lão chẳng còn biết lão là người thuộc dân tộc nào cả. Chẳng nhớ tuổi, chẳng nhớ tên mẹ tên cha, quê hương bản quán. Và lâu nay lão chẳng còn có nguồn sống nào nữa, lão đã già yếu, không còn ai muốn thuê mướn và cũng chẳng còn xác chết vô thừa nhận để gọi lão đi chôn.

Thương hại lão già, Chủ tịch Lục Vân Hải mới khe khẽ vỗ vai lão:

- Thôi, ông Câu. Ở hang hốc thành người rừng, thành quỷ đấy! Về phố ở thôi. Về phố đi, tôi sẽ xếp việc cho ông làm!

Hai hôm sau, Mã Đại Câu dọn nhà từ trên hang đá về phố. Gia sản lão cũng chẳng có gì, ngoài cái chăn chiên đỏ bạc phếch và một cái nồi nhôm cũ méo mó. Dân phố làm cho lão một cái lều ở cuối chợ và giao cho lão việc quét chợ. Công việc không nặng nhọc, lại cố định. Thu nhập cũng khá, mỗi phiên Chủ nhật xoàng cũng dăm sáu đồng.

Mã Đại Câu bắt đầu làm người quét chợ. Nhưng lão không ở trong cái lều dân phố dựng cho. Lão ôm cái chăn và cái nồi méo đến cái lô cốt ở đầu phố, cái lô cốt xây từ thời Nhật. Người ta hỏi, lão bảo ở lô cốt mát hơn. Gàn đến thế thì thôi. Nhưng thôi, mặc. Kể xuân ngốc ở với người hiền lành, lương thiện, quá lắm thì cũng chỉ làm người ta bực mình, bực mình một lúc thôi!

Thôi thế cũng là xong việc. Mã Đại Câu sống, có cơm ăn áo mặc. Chợ có người quét dọn sạch sẽ. Thời gian lặng lẽ trôi trong sự yên ả của mọi người. Mã Đại Câu, lão già vô gia cư, không nghề nghiệp, chẳng thân thích, con người chẳng có gốc rễ dân tộc, ốm o, xấu xí, lẩm cẩm, gàn quải chắc là cứ thế mà sống yên ổn cho đến lúc nhắm mắt xuôi tay, hết đời người. Cứ yên lòng, lão Câu nhé. Lão ốm thì sẽ có thuốc thang và người trợ giúp. Lão không chết đói, chết rét đâu, nếu như chính lão không muốn. Bởi vì xã hội này vốn ưu ái con người. Lão chẳng có công tích gì với xã hội này đâu. Có khi còn có tội là khác đấy. Người ta dị nghị quá khứ của lão lắm. Nhưng mà thôi, giờ lão đã già, ốm yếu, chỉ cần biết thế thôi, mọi người sẽ đối xử tử tế với lão. Tuổi già của lão vậy là đã mãn nguyện rồi chứ, hỏi Mã Đại Câu?

Ngày tháng qua đi yên ả.

Tiếng quẹt quẹt của cái chổi quét chợ của Mã Đại Câu đã in vào tiềm thức mọi người.

Mọi sự an bài hợp lý thì chắc sẽ ổn định, vững bền.

Ai cũng nghĩ vậy.

Vậy mà không!

Đầu mùa hạ năm ấy, khi hoa lê nở, người ta vẫn thấy Mã Đại Câu cặm cùi quét chợ lặng lẽ như một cái bóng, chẳng nói chẳng cười. Cuối buổi chợ lại thấy lão say, lão hát; nghĩa là mọi sự còn rất thông lệ. Nhưng đến giữa mùa hạ, lê bán đầy chợ cùng mắc cạp, mận hậu, đào Mèo, đào tây thì chẳng còn thấy Mã Đại Câu quét chợ nữa. Cái mặt đạo này đỏ gắt luôn vênh lên. Lão vung tay, đi đi lại lại, ra dáng ta là ông chủ ở cái chợ biên giới này.

Một bữa, lão sà vào một hàng lê, nhặt một quả, cắn luôn một miếng to, miếng nhần nhần, mặt cau cau, rồi ném bịch quả lê xanh bóng bị cắn dở xuống đất, quẹt mồm:

- *Tiểu hà ma!* Chát như sung non. *Tắng* như lá ngón! *Téo pằng* lê pên kia.

Người bán lê ngổ ngàng, khó chịu:

- Bên kia là bên nào?

- *Pên* Vân Nam ấy. *Pên* Tàu ấy. Ai dà, táo của nó ngon ố, to *pằng* cái vú con gái mà.

Người bán lê còn chưa hiểu chuyện gì thì Mã Đại Câu đã phanh áo, sừng sộ:

- Mày không *piết* *lớ*. *Pên* Tàu sống sướng lắm *lớ*. Cái gì cũng có *lớ*! Về *pên* *tó lược* phát luôn bốn ngàn *lồng* rồi *lược* *li* chơi Hồng Kông, Thượng Hải, Quảng Châu *lớ*!

Rồi lão bỏ đi.

Lão đi khắp các quán chợ. Cuối cùng, rẽ vào quán thắng cố, ngồi lại ở đây lâu nhất. Và tất cả cái chợ cùng kinh ngạc, cứ há hốc miệng ra mà kinh ngạc. Mã Đại Câu mở miệng xưng danh:

- *Tử hà ma! Ngộ là người Hán tây.*

Và đập tay đánh bịch vào ngực mình, ra dáng hảo hớn. Rồi lão lại đi, dáng đi hoạt bát hẳn lên. Cả con người lão thoát khỏi cái xác chết đầy tử khí hằng ngày, nhanh nhẹn đầy sinh khí. Tựa như lão được thay máu. Tựa như có một hồn ma trai trẻ nào đó vừa nhập vào lão. Giọng nói, ánh mắt, tiếng cười, cái vung tay, bước đi có cái gì là lạ, ngộ ngộ. Nhưng thực đấy mà vẫn có cái vẻ dài dại thế nào.

- Hà hà... Các nị *téo piết*. Ngộ chính là người Hán tây. Ngộ theo quân Thiên Hoàng sang tây... Hé hé... *Tĩ* chẵn ngựa cho Nhật mà. Ngộ phải lòng ả *pán* hàng. Hí, con mẹ nó có cái vú to á. *Tế* là ngộ bỏ quân Nhật, ngộ ở lại tây với con mẹ ấy á. *Tế* mà con mẹ lại *ti* lấy Tây đồn á.

- Há há... Ngộ phải về *pên* Tàu ớ! Ngộ là chiến sĩ vô sản kiên cường nghèo đói á. Ngộ là tuần mã á. Tuần mã phải tung vó trên thảo nguyên *pao* la á!

Ấy là những ngày thị trấn phố huyện xôn xao, nhộn nhạo. Hàng chục gia đình người Hoa đang an cư lạc nghiệp bỗng như bị ngộ độc, nhao cả lên, vội vã thu xếp cửa nhà, bán xối đồ đạc, lo sợ hãi hùng, tìm cách vượt biên về bên kia biên giới, nơi họ đã phải bỏ ra đi vì trăm sự khốn cùng.

Bọn người xấu xa phao tin kích động bịa ra câu chuyện Việt Nam bài xích, khủng bố, xua đuổi người Hoa, đêm đêm biến thành những cái bóng đen bí hiểm tới vấy máu chó vào cánh cửa từng căn nhà người Hoa lương thiện, rồi gõ cửa, rồi thì thảo to nhỏ, thúc giục họ ra đi với đủ lý lẽ từ cao xa, hào nhoáng nhất tới thô鄙, dè tiện nhất.

Cơn sốt của phố huyện lên tới đỉnh cao. Người Hoa kéo nhau đi, rùng rùng hàng đoàn xe bò, xe người kéo, chất ngất đồ đoàn; nằm nập từng đám vợ chồng con cái bồng bế dắt díu nhau, lồi thoi lếch thếch, mặt mày xám ngắt, hốt hơ hốt hải, ngác ngác ngơ ngơ trước sự vô định của cuộc đời tha phương.

Rồi cuối cùng dồn cục lại ở cửa khẩu biên giới, trong cảnh màn trời chiếu đất.

Mã Đại Câu cũng đi trong đoàn người nọ, nhưng mặt mày lão hơn hớn hơn mọi người nhiều.

- Hó hó... *Ngộ* là người Hán mà. Họ Mã là họ người Hán á. Người Hán không ở *tượng* với bọn *dị*, mọi *ố-Nàn*¹. Người Hán về với vua Hán a!

Lão vừa đi vừa cười nói. Cái chăn chiên đỏ bạc phếch cuộn tròn khoác chéo qua vai. Cái nôi nhôm méo xách ở tay trái. Đứng lại ở cửa khẩu, vạch quần, hướng về mảnh đất đã cưu mang lão, đá một bãi, rồi lão nhổ bọt, chửi:

- *Téo mẹ tằng ố-Nàn!*

Đoạn lão qua cửa khẩu với dáng đi trai trẻ, khỏe mạnh.

*

Thế mới biết sức mạnh của những tư tưởng, những ý niệm về tính ưu đẳng, sự đặc hữu của giống nòi!

Thôi thì nhân tâm tùy, Mã Đại Câu thích đi thì cứ để lão đi. Giữ làm gì. Mà giữ cũng chẳng được. Lão đi! Nói nhỏ với nhau nhé: Phố huyện lại thêm sạch, thêm đẹp là khác. Nhẹ được cái tội nợ là khác nữa cơ.

Phố huyện Mường Cang quên dân Mã Đại Câu. Tuy vậy thật ra thì lọt đột cũng có vài tin tức về lão. Chẳng hạn, có tin nói lão về bên kia liền xung ngay vào Hồng vệ binh và tỏ ra rất hăng hái trong chính sự. Tin ấy chỉ gây cười. Sắp xuống lỗ rồi còn Hồng vệ binh! Mà lão già xuẩn ngốc đến quê hương bản quán, tên cha, tên mẹ, tuổi tác mình chẳng nhớ thì lý lẽ ở đâu mà cũng đòi tạo phản, giành quyền? Vô lý! Nhưng người đưa

1. Chỉ Việt Nam.

tin cũng có lý của người ta: Mã Đại Câu tuổi tuy cao nhưng tư tưởng tinh thần trẻ thì vẫn cứ vào “Vệ binh đỏ” được. Tạo phản thì có cần gì lý sự cao xa, cứ như khẩu khí lão những ngày vừa rồi thì lão thừa sức làm cái công việc tày đình đó chứ!

Mọi người cười ồ. Nhưng thật ra lòng dạ vẫn thắc thỏm không yên: Sao Mã Đại Câu đại thế, già rồi, yên ổn không muốn, lại định đua đòi? Đánh đu với tinh liệu có nổi không?

Ngày qua đi. Không có tin tức gì về Mã Đại Câu nữa. Phố huyện quên hẳn lão. Lão đã chết hẳn trong tâm trí mọi người.

Vậy mà, đúng cái, trưa hôm ấy, từ đầu phố bỗng phát ra một luồng tin làm cả cái phố đang thiu thiu chập chờn trong nắng trưa mùa đông giật mình tỉnh giấc:

- Mã Đại Câu về kia kìa, bà con ơi!

Thật là quá cái tin ma quỷ hiện hình giữa ban ngày ban mặt. Khối người không tin. Nhưng tất cả mọi người đều đồn ra đường, hau háu con mắt nhìn về phía đầu phố: Đâu?

Đâu nào?

Mọi người dụi mắt.

Mã Đại Câu thật!

Mã Đại Câu về thật! Mã Đại Câu bằng xương bằng thịt kia kìa!

Hối ôi, còn đâu cái bóng hình hăm hở ngày lão ra đi!

Lão bước chậm chạp, uể oải. Chân trái quấn băng ở gót. Tay phải chống gậy. Cái chân chiên không thấy trên người. Cái nồi nhôm méo cũng chẳng còn ở tay. Lão dừng lại giữa phố, ngẩng lên lơ lơ cái mặt mất hẳn nhuệ khí hạo hớn hồi nọ; lại vẫn là cái mặt góm guốc, bản thủ ngày nào, nay gia thêm sự mệt mỏi quá độ.

Thế là thế nào nhỉ? Người ta đưa mắt nhìn nhau, rồi nhìn lão. Tuần mã tung vó trên thảo nguyên chẳng lẽ lại hóa ngựa què?

Tạo phản, giành quyền thì hùng khí phải xung thiên, chứ sao lại như cái xác không hồn thế? Thất thế, thất sủng rồi chẳng?

Chẳng đợi dân phố hỏi một câu, con người như cái xác trở về nọ vung ngay cái gậy lên, chỉ về bên kia biên giới, đâm dứ về bên đó và cất giọng khàn khàn:

- Téo mẹ cái *tằng* người không tốt! Cái *tằng* vua Tàu cũng không tốt. Nó thu cái chắn, cái nôi của tôi. Không *tấy* cái ăn ngon đâu. Không *tấy* con gái đẹp đâu. Phố xá cũng không có. Nó gí cái cuốc vào tay. Húi! Đi cuốc hố trồng cây cao su. Húi! Địu phân leo dốc tới lưng chừng trời. Già cũng phải làm! Không có cái gì như nó nói á! Tiền không có! Không có cái gì *sực* à! *Tối, tối* chết cha à!

Mọi người cười, ái ngại. Nghe giọng nói biết là lão nói thật. Vả, sự tình phải như thế mới là thật. Khác đi, chẳng hạn sang đây sống sung sướng như khanh tướng, đế vương thì chỉ có là bịa. Đâu mà chả phải làm mới có ăn!

Nhìn cái thân hình thảm hại của lão già, người ta lại mỉm lòng.

Khốn nạn! Mã Đại Câu ơi! Đường sáng không đi sao lại đâm quàng vào ngõ tối? Chạch đến xuống lỗ nhé!

Chủ tịch thị trấn Lục Vân Hải lại gọi Mã Đại Câu tới. Thoạt đầu ông rất giận:

- Đi, tự ý; về, tự ý. Đất nước này ông coi không bằng cái chợ của ông à, ông Câu?

Mã Đại Câu ngúc ngắc cái cổ, rồi nghệt mặt:

- Ngộ này ngu dại rồi... Nhờ quan trên rủ lòng thương cho.

- Ông đến cửa khẩu còn quay lại đá một bãi kia mà.

- Đâu có thế... Dà dà... Chẳng qua là bị ma xui quỷ khiến.

- Ai?

- Cái *tằng* ấy. Nó không tốt. Nó đều. Nó thâm lắm. Nó dùng mình làm con tốt. Đứa nào có nhiều tiền thì nó cho về

thành phố! Nó thu cái chần, cái nôi của tôi. Không tấy cái ăn ngon đâu. Không tấy gái đẹp đâu...

Nghe lão già lại bắt đầu cái điệp khúc ấy, Chủ tịch Lục Vân Hải vừa bực vừa buồn cười. Nhưng ông không thể tiếp chuyện ông lão già ngớ ngẩn này lâu hơn nữa. Thị trấn biên giới đang ngổn ngang công việc. Bọn bên kia biên giới mấy hôm nay đã dồn lính về áp sát cửa khẩu rồi. Không chừng chiến tranh sắp nổ ra.

Chủ tịch đứng dậy, ánh mắt nhìn lão thật nghiêm nghị mà giọng thì đầy xót thương:

- Đã ngu dại thì phải ở với người tử tế chứ, ông Câu. Thôi được, chiếu cố cho ông lần nữa thôi. Ăn xong quét mả là không tốt đâu! Nhớ nhé!

Mã Đại Câu cũng đứng dậy, hiểu ý ông Chủ tịch là ông lại giao cho lão quét chợ. Thế thôi! Mặt lão vẫn ngơ ngơ, ngờ nghếch.

Cuối cùng mọi sự lại đầu vào đấy.

Mã Đại Câu, cái hình dạng thảm hại, lại quét quét cái chổi quét chợ phố huyện mỗi chiều Chủ nhật. Lão lại có tiền và lại uống rượu, lại say với những câu hát lắm nhảm, những câu chuyện ngô nghê, làm cho mọi người vừa buồn cười vừa thương hại. Thời gian băng bó các vết thương và xóa mờ tội lỗi. Lâu dần, người ta lại coi Mã Đại Câu như cái lão quét chợ hồi lão chưa bỏ đi.

Nhưng một sự kiện đột biến đã xảy ra. Ngày mai Chủ nhật là ngày họp chợ phiên mỗi tuần thì hôm nay chiến tranh bùng nổ. Sau cái trò gây rối, giờ là lúc kẻ phản bội dùng súng đạn. Thị trấn biên giới Muồng Cang bị tấn công ngay từ tờ mờ sáng. Cách cửa khẩu có vài cây số nhưng quân xâm lược cũng phải mất hơn nửa ngày mới lọt vào thị trấn.

Thị trấn đã đổ nát. Dân quân tự vệ tạm rút ra ngoài. Dân phố tản cư. Trong trấn bây giờ chỉ còn lại có Mã Đại Câu. Lão già là gián điệp Tàu chắc? Thôi, đúng rồi! Lão vẫn nằm trong lô cốt đón đợi quân Tàu. Chao ôi! Ta nuôi ong tay áo rồi. Ta ưu ái với kẻ phản tâm phản bội ta rồi!

Nghe thấy tiếng xe tăng của quân xâm lược rít âm âm ở phố, Mã Đại Câu mới bò từ trong lô cốt ra.

- Há! Ngộ là người Hán *tây*! *Cài phang chin*¹! Ngộ là... - Lão hoa tay như múa, reo to.

Nhưng một thằng lính chân quần xà cạp đã thộp ngực lão lôi về trước mặt tên sư trưởng. Tên sư trưởng đẩy đà, nục nịch, mông bè trên cái ghế gấp, nhìn lão già bằng đôi mắt ti hí thâm hiểm.

Thật tình là Mã Đại Câu có hoảng. Lão vội quỳ sập xuống, vái sư trưởng một cái, rồi ngẩng lên:

- *Nị hảo*²! *Cài phang chin*!

Mặt sư trưởng vẫn chẳng bớt lạnh.

Mã Đại Câu lòng lại thấp thỏm. Lão thoáng nhớ tới những lời lão nguyên rửa quan Tàu, vua Tàu hồi nọ, nhưng lại phải ngay: “Ôi dà, ta cũng đã đá cả vào nước ố-Nàn mà người ta vẫn cho quét chợ kia mà! Ô, ta ngu, ta hèn, ai chấp!”

Tự trấn an mình xong, lão liền đứng dậy, tay chấp trước bụng, nhìn sư trưởng:

- Ngộ là người Hán *tây*. Ngộ gốc ở *pên* Tàu *tấy*. Ngộ đã về *pên* Tàu, vào công xã, đi trồng cao su ở trên quả đồi cao lắm.

Lão giờ cao tay để miêu tả độ cao của quả đồi trồng cao su. Nhưng lão bỗng thông tay. Mặt sư trưởng lạnh như băng, chứ đâu có niềm nở như lão mong. Và cái cảm nhẫn thín của sư trưởng hất ra phía trước:

- Này, nhà Chủ tịch Lục Văn Hải đâu?

- Cái gì cơ ạ? - Mã Đại Câu ngớ người, không hiểu.

- Nhà-Chủ-tịch-thị-trấn-đâu? - Sư trưởng dần từng tiếng. Ngài đang ức và đang muốn trả thù.

Mặt Mã Đại Câu ngẩn ra, đại nguếch. Nhưng lão đã hiểu, gật gật đầu, tươi cười:

1. Có nghĩa là: Giải phóng quân.

2. Có nghĩa là: Chào ngài.

- À à... Nhà ông bang trưởng hả? Có *tấy*! Tôi biết nó. Nó tốt *tấy*. Tôi ở *pên* Tàu về, cái nồi không còn, cái chảo không còn. Nó thương tôi, lại cho tiền tôi mua. Tôi lại quét chợ. Này, mai lại là phiên chợ *tấy*...

- Lão già lắm nhảm cái gì vậy? - Sư trưởng trợn trừng.

Và Mã Đại Câu bồng há hốc mồm ú ớ kêu, lú lú lại, không thành lời.

Nòng súng ngắn của sư trưởng chĩa thẳng vào ngực Mã Đại Câu. Mã Đại Câu quay đầu định chạy. Nhưng lão đã quay tròn, y như người say thuốc, có điều là mệt lắm, mệt bã cả người. Tuy vậy lão vẫn cố gào:

- *Ngộ là người Hán tây. Ngộ là người Hán tây. Ngộ gốc ở pên Tàu tây...*

Lão ngã rụi xuống, óc tằm tối vẫn chẳng hiểu chuyện gì đã xảy ra. Lão đã bị lừa mà vẫn chưa tỉnh ngộ, vẫn chưa hiểu nổi một điều giản dị: Ngu dân mà sống với người hiền từ, lương thiện thì quá lắm cũng chỉ làm cho người ta bực mình thôi, chứ ai giết lão làm gì!

*

Quân giặc bị đuổi khỏi phố huyện.

Xác Mã Đại Câu được dân phố chôn cất tử tế.

Người ta thương lão, tội nghiệp, rất thương lão khi thấy lão chết. Trên mộ lão, tấm mộ chí khắc dòng chữ Việt: “Mã Đại Câu, người quét chợ Mường Cang, bị quân xâm lược giết hại ngày 17/2/1979”. Viết gì hơn được nữa!

Hà Nội, 4/1979

THÍM HOÓNG

I

Thím Hoóng chết rồi!

Tính chất không thể vãn hồi của cái chết, ai mà chả biết vậy, nhưng tin buồn này chắc còn một thời gian dài nữa vẫn lưu dấu trong lòng tôi một nỗi xót thương vô hạn độ.

Đã từ lâu rồi, từ “thím” trong cặp từ “chú - thím” ở ngôn ngữ nước ta dùng để gọi người vợ của em trai, đã không còn là thông dụng; nó đã được thay thế bằng từ “cô”, nghe thân thiết, gần gũi hơn. Từ “thím” có lẽ chỉ còn được dùng nhiều ở các thị trấn vùng biên giới phía Bắc nước ta, nơi có nhiều người Hoa cư ngụ. Tỉnh lẻ vốn là nơi lưu giữ bầu không khí thân mật mang đặc trưng gia đình, dễ chan hòa trong mọi quan hệ giao tiếp giữa mọi người. Dưới vòm trời một địa vực nhỏ hẹp giữa miền rừng núi non hiểm trở, con người dễ sẵn sàng gắn bó với nhau, tạo thành một cộng đồng, không chia sẻ, ít phân biệt, kể cả đối với người Hoa đã cư ngụ lâu đời, mở các cao lâu, tửu quán, phạn điểm... nắm giữ, chi phối và tạo ra bản sắc riêng trong nghệ thuật ẩm thực của địa phương, lẫn những người từ các châu, các công xã bên kia biên giới mới trôi dạt đến xứ này vì muôn ngàn duyên cớ, hoặc rõ ràng công khai, hoặc âm thầm huyền bí, làm đủ các thứ nghề linh tinh như bốc vác, kiếm củi, đi bè...

Thím Hoóng là vợ chú Hoóng, một người đàn ông Hoa lực lưỡng làm đồ tể ở cái *ba toa* của thị trấn chúng tôi. Lò sát sinh này xưa là của tư nhân; hằng năm những kẻ giàu có và nắm quyền hành ở thị trấn đều có tổ chức đấu thầu và nó thường nằm dưới sự quản trị của mấy nhà tư sản người Hoa, như A Lim, Trần Cả khi giải phóng tỉnh năm 1954 đã chạy tuốt vào tận Sài Gòn. Chú Hoóng làm thuê cho họ từ ngày còn trai trẻ. Chú thím Hoóng có một ngôi nhà gạch nhỏ ở cạnh nhà tôi. Khi tôi đã vào tuổi khôn lớn, đã biết nhận xét người và việc quanh mình thì hai chú thím Hoóng đã ngoài năm mươi và họ đã có một đứa con gái hơn mười tuổi, đặt tên là Lénag, đọc theo âm Vân Nam.

Thím Hoóng thường mang khăn bịt đầu đen, áo xám cài khuy nách, quần vải đen *cốg lì*, chân đi giày vải tự khâu lấy. Người đàn bà này tính tình điềm đạm, hòa nhã, thậm chí khép nép, tránh né mọi sự va chạm, phiền hà với bạn bè. Thím cũng còn là con người chu đáo, vô cùng tỉ mỉ và kỹ càng, tưởng như chính cái nghề khâu giày vải để kiếm sống của thím đã thảng ngày hun đúc cho thím những đức tính đó vậy. Giày vải thím khâu tay, cũng là kim là chỉ, là nhung, là vải thông thường đó thôi mà đẹp mà bền lắm. Khách hàng của thím rất đông. Đó là những phụ nữ Hoa kiều ở thị trấn chúng tôi, là bà con người Giáy ở các làng lân cận. Họ ăn hàng của thím trước hết là vì sự trân trọng đối với chữ tín ở sản phẩm, cung cách quan hệ và thái độ của thím với mọi người.

Chú Hoóng thì lại là cái gì tương phản với vợ. Ông thô vụng, lờ ngờ, chậm chạp, lúc nào cũng như thềm ngủ. Có lẽ là bao nhiêu sinh lực và tinh khôn tiềm tàng trong con người chú đã bị vắt kiệt, đã được sử dụng cạn sạch ở cái lò mổ cuối phố tôi ngày nào cũng như ngày nào, cứ quăng ba giờ sáng là nổi đèn nổi lửa, rậm rịch, âm ỉ cho tới kỳ sáng bạch. Hạ cũng như đông, cứ quăng gần ba giờ sáng, nghe thấy một tiếng kệt mở cửa ở nhà bên là tôi biết: chú Hoóng đi làm. Ngày nào

cũng giống ngày nào. Là bởi vì người đàn ông này không hề biết đến cái ốm. Ngày nào cũng như ngày nào, bảy giờ sáng, các phản thịt ở chợ đã chênh ềnh, ngồn ngộn các tảng, các súc thịt lợn, thịt trâu, thịt bò trắng ỏn, đỏ tươi, còn nguyên dấu tích đường dao, nét rạch sắc gọn, tài tình của người thợ mổ có tên là Hoóng.

Chú Hoóng mổ lợn tài lắm. Khoác cái tạp dề cộm cộm máu súc vật khô, xỏ chân vào đôi ủng là chú vút bỏ ngay cái dáng điệu bơ phờ, uể oải, như vút bỏ điếu thuốc đang hút dở vậy. Con dao mỏng, dài, sắc lẹm, chạm phải là mất ngón tay như chơi, xoèn xoẹt trên cái dùi thép, thoảng cái xọc ngáp cán vào tim con vật. Tiết đứt như tháo cống. Con lợn hơn tạ cũng chỉ mình chú, tay giội nước, tay cạo lông, lúc vằn kéo, khi đưa đẩy, lưỡi dao sáng rợn cứ khoèn khoẹt, sần sật, nét đi thật khoảng đạt, hoa mỹ mà lại như định cỡ từ trước, không lỡ một đường, không thừa một nét. Trong vòng hai mươi phút, con lợn đã phanh bụng, trắng hếu xòe bốn cái chân giò, hàm mót trên mót cân, trông thật hiền lành, sạch sẽ và ngon mắt. Khi cần chú ra thịt thì cũng thoảng cái là mông, vai, sấn, thần, nạm, thứ nào đi thứ nấy, và xương thì gần như bóc từ thịt ra, nguyên vẹn từng rẻ, không còn dính một tí thịt gỏi là.

Những lúc từ lò sát sinh, sau công việc nặng nhọc vất vả, trở về nhà, chú đi, dáng phục phịch, hai tay kênh càng chậm chạp đưa đẩy trông thật lam lũ và ngang tàng. Hình ảnh chú gợi ta liên tưởng đến những trang hảo hán Trung Hoa xưa ở các miền sơn cước, những tướng quân nông dân khởi nghĩa, những kẻ chịu nhiều oan khuất, tụ họp nhau, thịt chén miếng to, rượu uống bát lớn, thể vì đại nghĩa, không đội trời chung với triều đình, dựng cờ thể thiên hành đạo... nhan nhản trong các truyện cổ nước Tàu.

Chú Hoóng có võ. Nghe nói chú có mấy miếng võ bí truyền của Thiếu Lâm chi phái; nhưng bọn con trai ở khu phố tôi đòi chú dạy, chú trợn mắt: “Nếu dùng võ làm ầu, liệu có chịu được trừng phạt của võ sư không?” Thế là thôi. Nhưng tôi đã trông

thấy chú múa côn trong đội sư tử của khu phố những ngày lễ tết. Chém, gạt, đâm, dứt, quay, một người một côn, tả xung hữu đột, hoa cả mắt người xem; chú trong mắt bọn tôi thật là Võ Tòng, là Triệu Tử Long, là trang nam nhi võ nghệ cao cường.

Còn thím Hoóng, nhìn bà ngồi cần mẫn bên cái thúng đồ khâu, khăn đen, áo xám, nước da nâu dãi dầu, tôi cứ ngỡ như đây chính là người phụ nữ Trung Quốc trong một truyện ngắn của nhà văn Nguyên Hồng - người phụ nữ Trung Quốc điu con, vắt vẻo hai cái đuôi sam, tay giơ cao, miệng hòa tiếng hô với đám thợ thuyền Việt Nam cần lao khốn khổ trong một cuộc biểu tình ở thành phố cảng nọ hồi trước Cách mạng: "*Tả tảo khùng pú!*" Người đàn bà ấy đã qua bao điều linh, phiêu bạt, giờ đã an cư, yên vị, sinh tồn trong tư cách một người lao động lương thiện bên cạnh nhà tôi đây.

Lớn hơn chút nữa, hiểu biết của tôi về chú thím Hoóng mới đỡ phần nông cạn. Đất này đã không chỉ một lần mở lòng đón những người bất hạnh ly hương trong cảnh trăm họ cùng kiệt, của cải tiêu tán, tính mệnh khốn nguy, hệ quả của những triền miên tranh giành xâu xé, sát phạt lẫn nhau giữa các phe phái, bè đảng. Và tính phức điệu của cuộc sống còn thể hiện ở khía cạnh này: Mỗi đợt rời bỏ quê hương của họ có một nguyên do rất khác biệt; trong đó, mỗi con người lại là một cảnh ngộ riêng, chẳng ai giống ai.

Gia đình thím Hoóng đến đất này, tính đến đời thím là thứ tư. Chú Hoóng thì ít hơn. Hai người từ hai nguồn trôi dạt đến. Ông nội chú Hoóng là lính của tướng quân Lưu Vĩnh Phúc, tức tướng Cờ Đen ở triều nhà Thanh, có một thời tràn sang đất Việt, hùng cứ ở huyện Bảo Thắng thuộc địa phận tỉnh tôi. Còn thím Hoóng hiền lành vậy mà không ngờ lại là con em một bộ tộc ương ngạnh, bướng bỉnh vào loại nhất nước Tàu. Tôi không thông hiểu ngọn ngành lịch sử rối rắm của nước Trung Quốc bao la cạnh mình. Nhưng cứ như lời thím Hoóng kể thì là thế này:

- Cái tướng Hắc Cá nó kéo dân Hắc Cá nổi loạn. Vua Hán thấy vậy mới kêu gọi dân Hắc Cá quy phục. Lại hứa nếu quy phục sẽ ban thưởng. Dân Hắc Cá bèn bắt tướng mình nộp cho vua Hán, rồi kéo cả về quy thuận triều đình. Vua Hán mừng lắm, nhưng lại nghĩ: Đám dân Hắc Cá này đã có lòng làm phản cả tướng quân của nó thì có gì đảm bảo là nó không phản trặc mình. Nghĩ vậy, bèn đuổi dân Hắc Cá đi về phương Nam.

Thím Hoóng nói tiếng Việt sôi lắm. Cả khi khóc chồng, thím cũng hò, cũng kể lể kêu than bằng tiếng Việt.

Chú Hoóng chết năm 1976, vì căn bệnh quái ác: ung thư phế quản, không thể chữa chạy được. Tôi còn nhớ mãi cái tang lễ của chú. Rạp dựng trước nhà. Người Việt, người Hoa đến phúng viếng nghìn nghịt. Phường bát âm nổi nhạc. Thầy cúng đọc kinh. Thím Hoóng phủ phục trước linh cữu chồng. Trên nắp quan tài buộc một con gà. Đi đầu đám tang là ông thầy cúng, ông vừa đi vừa ném gạo sang hai bên đường để đuổi ma. Sau ông thầy cúng là phường bát âm. Tám tay đô tùy toàn trai tráng khỏe mạnh của khu phố theo nhịp gõ, kiệu linh cữu dè nặng vai, khoan thai bước. Thím Hoóng đi sau linh cữu chồng, áo xô, mũ bồ đài, có mẹ tôi dìu.

Trong những ngày buồn rầu ấy, mẹ tôi là nguồn an ủi của thím Hoóng. Từ lâu rồi, quan hệ giữa gia đình tôi và gia đình thím Hoóng đã trở nên thân thiết. Vui buồn chúng tôi đều chia sẻ cùng nhau. Khi đói, lúc no, gặp khi may mắn, phải lúc hoạn nạn, hai gia đình nhiều khi coi nhau như một. Là bởi vì đã có lúc chạy giặc Tây cùng nhau, chia đôi nắm cơm trên các nẻo đường tản cư vất vả. Đã cùng một lứa dân công bên miền Tây Bắc. Lại mới đây, chung một góc rừng sơ tán tránh máy bay giặc Mỹ. Nay, trong đáy sâu tâm khảm mẹ tôi, cũng với sự phân ưu thương tình với người đàn bà này còn canh cánh một niềm xót thương. “Khổ, giờ thím ấy chẳng còn một ai ruột thịt, thân thích!” Mẹ tôi thấm kẻ mắt, sụt sùi nói vậy.

Tôi nhận ra, từ hôm ấy, tình thương của mẹ tôi càng được bộc lộ đối với cái Lếng, con gái thím. Con bé dần dần trở thành một thành viên chính thức của gia đình tôi. Mẹ tôi được nó coi như mẹ nó và tôi là chị gái nó.

Con bé Lếng thừa hưởng sức vóc của cha, khỏe mạnh, mập mạp lắm. Tóc đuôi sam lùn chũn, má bầu, mắt một mí. Nét chủng tộc phẳng phất và tan hòa. Cách ăn mặc cũng vậy. Có lẽ chỉ còn đôi giày vải là mang bản sắc bộ tộc. Cái Lếng học trường phổ thông cấp hai khu phố, chan hòa với các bạn bè người Việt trong học hành, vui chơi. Bạn bè thích đến nhà nó vì nhà nó có rất nhiều truyện tranh. Toàn truyện cổ, tranh vẽ đẹp, kèm lời kể, rất hấp dẫn.

Cái Lếng rất nhớ chuyện. Nó giải thích ý tứ từng tờ tranh, nó dẫn chuyện vanh vách, mặc dầu một chữ Tàu bẻ đôi nó cũng không biết.

- Đấy, đấy! Tôn Ngộ Không đấy! Tiên sư thằng khỉ, nó đánh Bạch Cốt Tinh, đại náo thiên cung ghê lắm nhé!

Một bận, tôi nghe nói vậy. Giữa chúng bạn khanh khách cười, mặt nó tỉnh không, nói cho đúng, tiếng cười của nó không có âm thanh, ú trên khuôn mặt tròn vành, rần rỏi. Tôi nhận ra nó đã lớn và có thêm nét thâm trầm lắm lắm.

II

Thím Hoóng chết rồi!

Thế là phút lâm chung của thím không được gặp lại đứa con gái duy nhất của thím. Và điều này khiến cái chết của thím thấm nhiễm nỗi đắng cay, tê thiết thế nào. Thím chẳng có một ai thân thích, ruột thịt ở đây cả. Thím chỉ có cái Lếng, nhưng cái Lếng thì đã bỏ thím mà đi rồi. Bỏ là nói cho nó nhẹ đi,

chứ thật ra là nó ruồng rẫy, hắt hủi thím, thậm chí muốn thím chết đi cho nhẹ nợ kia. Lúc ấy, nó, cái Lếng mới mười lăm tuổi.

Điều này tôi nhớ như chôn trong ruột, không dám đơn sai, bịa tạc. Cho tới nay, đã năm, sáu năm trôi qua rồi mà mắt tôi vẫn như còn ngòm ngợp cái sắc hình huyền ảo lộn xộn, giống như một cơn ác mộng, ở cái ngày ấy, nơi thị trấn cửa khẩu quê hương tôi. Hàng ngàn người Hoa, bị một tư tưởng quái đản nào đó chi phối, bị một phù thủy có phép màu ảo thuật nào đó bùa phép, đang sống yên bình như thím Hoóng cạnh nhà tôi, bỗng đồng loạt nổi cơn ma ám, hốt ha hốt hoảng, cuống cuống bỏ nhà bỏ cửa, gánh gồng, đeo địu, bồng bế nhau lao lên đây, dồn tụ lại, rồi xô đẩy, chen lấn nhau, vượt qua con sông biên giới, nói là trở về theo một lời kêu gọi vĩ đại, tạo thành một trong những cuộc thiên di ai oán nhất trong biên niên sử nhân loại, vì cảnh chia ly tan tác, vì cảnh vô định màn trời chiếu đất, vì nỗi kinh hoàng trên những khuôn mặt lương thiện đang yên lành nay bỗng dưng phó mặc đời mình cho định mệnh run rủi.

Tôi đã được tận mắt thấy con người không được phép làm chủ mình, con người như hóa rồ hóa dại. Và tôi thấy mình như đang đứng trước một cuộc hủy diệt nhân cách tàn bạo chưa từng thấy, không thể chịu đựng nổi. Quả thật, là con người, ai mà có thể quen ngay được với cái bất bình thường, hơn nữa, lại quái dị nếu so chiếu với quan niệm thế tục của con người. Thím Hoóng như lên cơn sốt trong những ngày ấy. May mà có mẹ tôi. “Thím đừng lo, bà con mình ăn ở trước sau như một, làm gì có chuyện bài xích, xua đuổi lẫn nhau.” Mẹ tôi bằng lời nói và bằng hành động đã nâng đỡ người phụ nữ ấy ra khỏi cơn chấn động bất thường.

Nhưng còn cái Lếng?

Cái Lếng đã chớm vào tuổi thiếu nữ. Cái Lếng ở ngoài vòng ảnh hưởng của mẹ tôi. Nó theo một sức hút mãnh liệt khác. Nó như vụt lớn lên với một tốc độ phi thường, trong những ngày

ấy, hòa nhập với đám thanh thiếu niên người Hoa ở thị trấn lúc này như bị quở bắt mất linh hồn, đang biến thành một cái gì đấy khác với con người thông thường. Kéo nhau đi qua các phố xá, bọn cái Léngh hò la ầm ĩ. Chúng thực hiện “ba to”, tức báo chữ to, tranh luận to, gào to. Gào to cái gì? A, chúng gào: “Đả đảo cái tôi, tiêu diệt cái tôi!” Nghe như vô thưởng vô phạt, như chẳng động chạm đến ai. Nhưng có biết đâu, đó là bước thứ nhất của sự quái đản: Hủy diệt cái tôi tức hủy diệt cái bản ngã, cái cá tính và tư duy của mỗi người để “trăm anh hùng chỉ một bộ mặt, nghìn bài hát chỉ một lời ca”, để con người biến thành một cái đinh ốc không gỉ của một bộ máy thuần túy cơ giới. Để rồi, tất cả chẳng cần phải có bộ não và trái tim, cứ việc hô to và hành động: “Muôn muôn năm tinh thần làm phản!” Tạo phản là phẩm chất cao quý nhất. Dám làm phản tất. Dám xóa bỏ, chà đạp tất vì chả có gì là thiêng liêng hết. Thầy giáo hoàn toàn có thể bị bắt quỳ, đeo biển: “Tôi là tên vô lại!”, thậm chí có thể lột truồng ra, phết sơn đỏ khắp người, bắt phơi nắng cho kỳ chết và tha hồ chửi rửa tận mặt: “Đập nát cái đầu chó này!” Thầy giáo còn vậy, mẹ cha còn có nghĩa lý gì!

Đó là những ngày đường phố nghênh ngang các bóng dáng rập khuôn các Hồng tiểu tướng; những trang thiếu niên ngổ ngáo, ngạo mạn tự coi mình là thiên thần cứu thế. Chúng muốn nơi nơi nồng nặc thuốc súng. Chúng đòi đặt bộc phá, ném lựu đạn, tạo nên những cuộc giao tranh chí tử, những cuộc xé xác đại quy mô. Chúng muốn đại náo hoàn cầu; như thú dữ xông chuồng mà tưởng mình là thánh nhân, chúng đòi đánh phá, làm loạn ầu cả vùng đất yên tĩnh này.

Tất nhiên, thị trấn có chủ quyền này đã giải tỏa cơn cuồng loạn ấy. Nhưng dấu sao nơi đây cũng đã mất đi vẻ êm đềm, vì lũ trẻ đã mất sự tự ý thức, biến thành những tổng hòa thuần túy của một ý chí ngông cuồng.

Thím Hoóng ốm trong những ngày nổi cơn hỗn loạn ấy và là nạn nhân đầu tiên của con gái mình. Say mê, cuồng tín,

quăng mình vào cuộc đại náo ngu xuẩn ấy, cái Lếng không hề ngó ngang gì đến mẹ nó. Chỉ có mẹ tôi và tôi quần quanh bên giường bệnh, thuốc thang, nâng giấc thím. Thím bị căn bệnh tê thấp mãn tính hành hạ lúc đổi mùa, lại thêm bệnh đau dạ dày tái phát và chứng thần kinh tọa bất thần xuất hiện.

Mẹ tôi và tôi đưa thím Hoóng đi bệnh viện. Nằm ở bệnh viện chưa đầy tuần, thím đã nằng nặc đòi về. Thím sốt ruột về cái Lếng. Đòi nó đang ở trước một bước phát triển rất đáng lo ngại. Nó đi suốt tối ngày, bận rộn với đại sự, không hề hỏi mẹ lấy một câu.

Một hôm mẹ tôi đang sắc thuốc cho thím Hoóng ở cái bếp lò mặt cửa đặt trong buồng thím thì cái Lếng ở đâu xộc về. Tóc nó ngắn cùn cùn, lại dính chi chít nơ đỏ. Tay nó cầm cái côn dài hơn một thước, sau lưng nó khoác một cái mũ cối rộng vành và ở sườn nó lủng lảng cái bát sắt; trông nó như phường tuồng. Chẳng chào hỏi mẹ nó và mẹ tôi lấy một tiếng, nó bước vào, mặt đỏ hăm, thẳng tới cái bàn nước kê cạnh cái thống sành đựng gạo, nhắc ấm tích nước, đứng chạng chân, ghé miệng vào vòi ấm, tu ừng ực.

- Lếng à, mẹ cháu ốm thế, sao cháu chẳng ở nhà mà chăm sóc mẹ? - Mẹ tôi trách dịu dàng.

Cái Lếng đặt phịch ấm tích nước xuống mặt bàn, đưa tay quệt mép, xịt mũi một cái và phóng hai con mắt chòng chọc nhìn mẹ tôi, nhìn cái thân hình gầy guộc của mẹ nó trên giường bệnh, tưởng như lần đầu tiên trên đời nó thấy họ, rồi dẩu mỏ gọn thon lỏn:

- Trái tim tôi không có chỗ dành cho mẹ cha!

Trời! Mẹ tôi sồn tóc gáy vì câu đáp trơn tru ráo hoảnh ấy của cái Lếng. Nhưng nghĩ nó vẫn còn là đứa trẻ nên không nổi giận, lại lựa lời:

- Cháu đừng nói thế, phải tội đấy! Làm người, phải có mẹ cha chứ! Cháu thử nghĩ xem...

Cái Lém đứng im; cùng với cái côn dựng thẳng, trông nó như bóng một người lính canh lâm lì và ương ngạnh. Tưởng có thể thuyết phục được nó, mẹ tôi bước lại gần nó định kéo nó lại gần giường bệnh mẹ nó thì bất thành linh cái côn nện đánh cạch một tiếng thật mạnh xuống nền nhà. Rồi tiếp đó, tiếng nó văng ra thật hùng hổ và ngạo mạn:

- Hừ, chỉ có anh hùng đuổi hổ, đâu có hào kiệt sợ gấu!

Mẹ tôi vội buông tay nó, đứng ngớ ra vì bàng hoàng. Mặt cái Lém, sau câu tuyên ngôn đầy khí phách và hùng hồn không đúng chỗ, chẳng hợp cảnh vênh vênh, vừa trơ tráo vừa ngây dại quá thể. Rồi cái mặt ấy, lát sau, như biến dị, trở nên sắt đá lạnh lùng và hai con mắt lừ lừ như hai viên đạn cắm thù xói uất hận vào hai người đàn bà:

- Các người thật thối tha, thật là đáng cho vào quan tài chôn sâu dưới ba tấc đất!

Phát xong câu cảnh cáo khủng khiếp ấy, cái Lém ngoắt đi ra cửa. Nhưng nó không bỏ đi ngay. Kẻ địch mới bị một đòn, còn ngắc ngoải. Phải mãnh dả, mãnh truy, phải đánh triệt để, đánh đến cùng, đánh cho đối phương quy phục, cho trời long đất lở! Nó dừng lại ở ngưỡng cửa và quay lại, giơ cây côn lên, lần này tiếng nó đồng dục như tiếng đọc xả luận trên đài:

- Các người sợ chết à? Sợ chiến tranh à? Chiến tranh, nếu còn lại một phần ba nhân loại, cũng không đáng sợ. Mỗi thế hệ phải có cuộc chiến tranh. Ta sẽ tiêu diệt các người!

*

Trong những điều cái Lém nói, có một điều ngay sau đó chúng tôi thấy nó dự báo đúng. Chiến tranh! Quả thật, sau cuộc đại thắng mùa xuân 1975 giải phóng toàn bộ đất nước, với thị trấn biên giới chúng tôi, chiến tranh đã trôi về quá vãng, đang

trở nên xa xôi, trừu tượng dần. Giờ thì bắt đầu từ sáu giờ sáng một ngày tháng Hai mù mù sương núi ấy, chiến tranh đã bùng nổ một cách hết sức bất ngờ. Và thoát đầu chưa ai có thể quen ngay với ý nghĩ một cuộc chiến tranh mới đã mở màn, thị trấn sẽ tan hoang, mọi người lại sống trong cảnh ly tán, với bao nhiêu đau thương, uất hận.

Sự thực là sáng ấy, lúc pháo lớn của đối phương nổ mấy loạt đầu, mẹ tôi còn ngỡ là tiếng sấm. Chẳng phải chỉ có mẹ tôi lầm. Cả còi nhà máy điện cũng lầm; nó điềm nhiên kéo một hồi còi dài lúc sáu giờ rưỡi theo thông lệ, báo giờ cho cán bộ đi làm. Tối khi giặc bắc cầu phao, lố nhố qua sông, các ban sơ tán của các khu phố mới hồi thúc dân chúng chạy ra khỏi thị trấn, nhưng còn dặn thêm: Không cần đem theo đồ đạc, của cải. Mọi người đều nghĩ, chắc chỉ lộn xộn vài ngày thôi, rồi đâu lại vào đó, rồi mọi người sẽ quay về, an cư lạc nghiệp ở căn nhà của mình trong thị trấn yên bình này.

Con người đâu khôn ngoan đến đâu vẫn có thể mắc sai lầm. Chúng tôi đã phạm phải một sai lầm rất đáng trách, nhưng cũng đáng thể tất. Tuy vậy quân giặc không dễ dàng gì mà chiếm được thị trấn. Giao chiến kịch liệt ở bờ sông biên giới, ở đầu cầu, ở từng mỏm đồi, hẻm núi, góc phố.

Tiếng súng dồn dập nói lên nhiều điều hệ trọng. Một dãy sự kiện đã qua giờ đây được tư duy khái quát hóa đã trở nên sáng tỏ. Biết là cuộc chiến tranh sẽ ác liệt và không thể chóng vánh, mẹ tôi và tôi mới sức nhớ tới thím Hoóng.

- Thím Hoóng ơi! Thím Hoóng! - Mẹ tôi xộc vào nhà thím Hoóng, thất thanh gọi.

Hoang vắng. Chẳng có tiếng đáp. Cái Léngh đâu? Tôi đâm bổ vào buồng trong. Hình như có tiếng rên.

- Mẹ ơi, hay là thím Hoóng...

Tôi đứng cạnh cái thống sành da lươn miệng rộng mọi khi thím Hoóng vẫn đựng gạo, ngập ngừng, muốn ngạt thở. Trời!

Nhưng mà vì sao tôi lại có thể có ý nghĩ độc địa đến thế? Mẹ tôi, qua mắt bà thể hiện, tôi thấy bà đồng cảm với tôi. Ấy là khi tôi đưa tay nhắc cái nắp thố run rẩy với ý nghĩ chấp chờn: “Hay là...” Nhưng sự tình thật sự là vậy, không thể khác được, tôi và mẹ tôi gần như cùng sà xuống miệng thố và cùng bật lên một tiếng kêu kinh hoàng. Thím Hoóng ở trước mặt chúng tôi, đứng như dự đoán ghê sợ của tôi. Thím ngồi co quắp, tóc tai bơ phờ, đầu gục, mắt nhắm nghiền như chết rồi trong lòng cái thố sặc mùi hôi mốc. Còn nghĩ ngò gì nữa! Chính là cái Lóng con gái thím, kẻ đã lớn tiếng rửa mẹ cha là hạng người thối tha, đáng đem chôn dưới ba thước đất sâu; chính nó đã biến những điều nó nói thành hành động.

Khó nhọc lắm mẹ tôi và tôi mới nhắc được thím Hoóng ra khỏi cái quan tài bằng sành đó được. Hai chân thím đã liệt. Thím chỉ còn là một bộ xương có hơi thở thoi thóp thối. Tôi phải cõng thím và phải nói vát vả thế nào tôi và mẹ tôi mới đưa được thím ra khỏi thị trấn đầy lửa đạn ngày ấy.

Dọc đường, hể cứ tỉnh là thím Hoóng lại khóc và réo gọi cái Lóng. Tối nơi sơ tán đầu tiên, chưa xa tầm đạn pháo của giặc, nghỉ ngơi hai hôm, thím Hoóng đã lại sức được chút ít.

Tôi ái ngại hỏi thím:

- Ở đây chưa an toàn đâu, thím ạ. Ban sơ tán bảo còn phải đi nữa. Thím thì còn yếu quá, cháu sợ sức thím...

Tôi chưa nói dứt, thím đã nhướn hai vệt lông mày khô xắc, kêu khàn khàn:

- Đi chứ! Ở lại gặp nó mà chết à! Nó bảo mình là đứa phản động, nó cho mình vào cái thố, bỏ mình chết rồi đấy.

Rồi thím ứa nước mắt, khe khẽ rên:

- Ai xui mày mà mày ác thế, Lóng ơi...

III

Thím Hoóng chết rồi!

Thím chết ở cái thị trấn mới lập cách cái thị xã biên giới quê hương tôi hơn ba chục cây số theo đường chim bay và ở cái thời điểm cách xa lúc thím được đỡ từ trong cái thống sành ra là ba năm. Lúc này, cuộc sống của mọi người đã tạm ổn định trong khung cảnh chiến tranh đang còn tiếp diễn. Thời gian, không gian đã khác, những chuyện đã qua vẫn còn nồng men trong ký ức vì chưa có chuyện nào đi tới phần kết thúc. Chuyện còn bỏ ngỏ cả, nhất là khi tôi nhìn về phía thị trấn thân yêu giờ đã hoang tàn vì bom đạn tàn phá, nhớ lại các sự kiện đã qua và ngày ngày vẫn thấy thím Hoóng hiện diện trong tâm mắt của mình.

Thị trấn mới lập này là con đẻ của chiến tranh. Nó gom dân từ các vùng ven biên hiện không yên ổn về. Các số phận giao chéo ở nơi đây và tất cả mọi người ở khía cạnh này hay khía cạnh khác đều là một phần tử phản ánh thời cuộc đang hết sức khó khăn và phức tạp này. Mẹ tôi chuyển sang nghề nông. Còn tôi, tôi được vào học trường y sĩ ở ngay gần thị trấn. Với thím Hoóng, mẹ tôi tuy không gần cận như xưa nhưng vẫn là chỗ quen biết, thân thiết, vẫn năng đi lại thăm hỏi, giao tình.

Thím Hoóng như tất cả những người đàn bà đã trải qua nhiều bất hạnh, khổ đau, có sức sống thật là bền dai. Thời gian là một liều thuốc an ủi và quên lãng. Dầu thế nào thì người ta cũng vẫn phải sống. Thím Hoóng lại tiếp tục nghề khâu giày vải. Nhưng bây giờ mặt hàng này không còn thịnh như xưa nên thím cũng như vài người đàn bà Tàu khác còn sót lại ở thị trấn này, còn buôn bán thêm vài mặt hàng vật nữa, như dầu cao, thuốc bệnh, thuốc chuột, sâm, thực, gấu Tàu... Thím cũng được tính là nạn nhân chiến tranh nên cũng được trợ cấp tiền bạc, chăn màn, quần áo, đồ dùng gia đình và cũng được chia

cho một căn nhà. Vật chất như thế là tạm ổn. Nhưng còn mặt khác? Tôi không tin là con người ta suốt đời lúc nào cũng bứt rứt, sầu muộn chỉ vì một nỗi bất hạnh nào đó ở đời. Khóis người sống vô tư trong cảnh cô đơn đó thôi. Thím Hoóng chắc cũng vậy, sống như là một sự tất yếu của con người. Và đã sống là phải có nguồn vui.

Nhưng tôi biết là tôi đã lầm, trong trường hợp người phụ nữ này. Chính là tiếng súng thi thoảng lại rộ lên một hồi như phá vỡ tính liên tục của thời gian lại nhắc nhở tôi về sự chưa kết thúc của câu chuyện đã qua. Còn bỏ ngỏ, còn nòng nân trong ký ức, còn ám ảnh hiện tại. Con người chưa yên ổn, dầu muốn, dầu cần yên ổn để làm ăn.

Một hôm, sau một thời gian là sáu tháng đi thực tập, tôi về nhà thì được mẹ tôi cho biết một tin khủng khiếp về thím Hoóng. Tôi lặng đi vì choáng váng hồi lâu mới cất được tiếng hỏi mẹ tôi:

- Cứu được, hả mẹ?

- Cứu được. - Mẹ tôi nói cũng không ra hơi. - May mà thím ấy vừa mới dốc gói thuốc chuột vào miệng thì bà con trông thấy, thế là hô hoán rầm lên, đưa vào bệnh viện. Từ hôm thím ấy ở bệnh viện về, bà con cứ phải cất cử người theo dõi, chỉ sợ thím ấy nghĩ quẩn...

Tôi rùng mình. Số phận thím Hoóng chẳng lẽ kết thúc kinh khủng như thế ư? Tôi sợ. Nhưng tôi biết đó sẽ là một sự thực, kể từ hôm sau đó tôi ra thăm và trò chuyện với thím.

Trước mắt tôi là một người đàn bà mà cảnh cô đơn đã thúc đẩy quá nhanh quá trình lão hóa. Tóc thím đã bạc hết. Ngồi bên thúng kim chỉ, thím như một cái bóng không hồn, mắt ngơ ngác tối tăm, dường như mất hết sự cảm nhận thời cuộc. Cùng với sự già yếu, thím là hình ảnh của sự suy sụp tinh thần vì sự già vò của thâm tâm và hoàn cảnh.

Gặp tôi, thím mừng lắm. Trên sắc diện thê thảm ấy bừng lên một ánh hồng hân hoan. Và tôi đã đoán đúng, buổi trò chuyện sẽ bắt ngay vào chủ đề chính, chứ không kể cà nhu thường tình đâu.

- Này, cháu á! - Đưa chén nước cho tôi, thím Hoóng nói, hai mắt mở tròn, sáng như hai hạt bạc. - Hôm qua thím ngủ mê, thím thấy cái Lóng nó về. Nó vẫn bé như thế. Nhưng nó đeo súng. Nó mang lon trung úy, cháu à.

Người tôi nổi gai rơn rợn. Cái Lóng vẫn còn đó, trong giấc mê của mẹ nó. Nó còn hiện về quấy nhiễu mẹ nó, quấy nhiễu mọi người. Cả trong giấc mê của tôi, đôi lần tôi cũng đã gặp nó: Nó nhảy lò cò, chơi ô ăn quan, kể chuyện Tôn Ngộ Không. Tất nhiên là thím Hoóng mê thấy nó nhiều lần nhưng sao giọng thím lại có vẻ hí hửng thế? Thím không còn đủ tỉnh táo khôn ngoan để đánh giá từng sự việc nữa rồi ư?

Tôi đang phân vân thì thím đã ghé vào tai tôi, giọng trầm hẳn đi:

- Cháu à, có người bảo cái Lóng nó làm gián điệp từ lâu rồi đấy.

Câu nói này của thím có sắc thái trung hòa. Như chạm phải sâu róm, tôi cố xuê xoa:

- Dư luận linh tinh thế, mặc họ thím ạ.

- Ủ, đâu có phải thế! Hồi bé, cái Lóng ngoan lắm, hiền lắm à! - Thím Hoóng cười, nhưng cái cười dài dại thế nào, có lẽ vì hai con mắt đã lạc hết thần sắc. - Cháu à, có người bảo thím thế này, có tin được không? Cái Lóng về Hồng Kông rồi. Lấy chồng rồi. Giờ vợ chồng nó mở tiệm cao lầu bán phở chua, cuốn sủi. Ở Hồng Kông, nó sống sung sướng lắm, cháu à.

Tôi thở đánh thượt. Thông tin về cái Lóng lộn xộn và liên tục. Điều đó chứng tỏ chuyện về nó không phải chỉ là chuyện của thím Hoóng. Và ai dám nói thông tin này đúng, thông tin kia sai? Tất cả đều có thể xảy ra. Cái Lóng trung úy, cái Lóng

chủ tiệm ăn. Nhưng nó sẽ là nguồn hy vọng hay là nỗi ô nhục với người đàn bà này, một người đàn bà càng lúc càng tăm tối, càng không hay biết một tí gì về tình thế lịch sử?

Tôi buồn, nhưng một lần nữa tôi lại lầm. Khi tôi định đứng dậy chào thím Hoóng ra về, thím liền níu vai tôi. Đôi mắt thím lúc ấy ngưng tụ một nỗi bơ vơ khốn khổ và giọng thím bỗng thều thào như một lời trăng trối khiến tôi e ngại và lo sợ.

- Mấy hôm nữa thi xong cháu sẽ lên thăm thím.

- Ừ, lên nhé! - Thím Hoóng nói, giọng khô nồng. - Cháu à, hồi bé cái Lóng nó ngoan, nó hiền lắm kia. Ai xui nó mà nó ác thế? Chẳng lẽ nó là dân Hắc Cá nên làm ác, làm phản để nhục cho thím? Cháu ơi, cháu sống còn thiếu thốn cái ăn cái mặc, nhưng đời cháu, đời mẹ cháu sướng thật. Được làm người, làm con, làm mẹ, được có mẹ có cha, có con có cháu là sướng nhất đấy, cháu ơi...

Chao! Thím Hoóng không nhận thức được tình thế. Thím chỉ cảm nhận thế sự qua thể nghiệm thân phận nạn nhân chiến tranh của mình. Thím giải mã bí ẩn cuộc sống bằng tình tiết có thực từ đời mình.

Tôi rưng rưng và thấy người như thấm lạnh. Làm người! Làm người với tất cả đặc trưng người, chứ không là cái gì khác, ôi, cái hạnh phúc bình dị mà lớn lao quá ở giữa thời đoạn này; tôi đã nhận ra điều đó từ cuộc đời một nạn nhân, thật là không ngờ. Tôi thấy thương thím Hoóng và mặc dầu tôi biết là con người vừa phụ thuộc vừa tự do với lịch sử, tôi vẫn thấy cái Lóng thật là đáng thương. Nó chỉ là nạn nhân.

Phút lâm chung, con người thường lóe sáng từ bên trong tiềm ẩn nên hay phát hiện ra chân lý. Tôi vẫn hằng nghe người ta nói vậy. Không ngờ, thật là thế, ở trường hợp này. Hôm sau thím Hoóng chết. Thím đã yếu lắm rồi, nhất là từ ngày thím uống thuốc chuột được cứu sống lại.

Tôi chạy đến nơi thì thím đã đi được gần hai tiếng đồng hồ rồi.

Tổ hiếu phụ lão khu phố thím ở đang bận rộn lo tang lễ cho thím.

Cụ trưởng ban lễ tang hỏi tôi:

- Cô là thế nào với bà cụ Hoóng?

- Cháu là hàng xóm thân thiết từ lâu với thím ấy.

Cụ trưởng ban nhủ mày:

- Chúng tôi đã cắt cử bà con lo liệu mọi bề chu tất cho bà cụ rồi. Giờ chỉ còn bận khoản một lễ: Không hiểu phong tục chôn cất của người Tàu thế nào?

Tôi cắn môi, ngẫm nghĩ:

- Cháu cũng không rõ lắm. Chỉ nhớ là khi chú ấy mất, có thầy cúng đọc kinh, trên đường ra nghĩa trang, ông thầy cúng vừa đi vừa ném gạo ra hai bên đường và trên quan tài có buộc một con gà nhỏ.

Một bà cụ chép miệng, như băng quơ:

- Khổ, con dại cái mang là thế. Giờ, không hiểu cái Lén nó ở chân trời góc bể nào?

Các cụ xúm lại bàn bạc. Cuối cùng, cụ trưởng ban nói:

- Thôi, chuyện con gái bà ấy nó đối xử trước sau với bà ấy thế nào là chuyện để người ta ngẫm nghĩ thôi, còn bây giờ, tôi có ý kiến thế này: Bà ấy sống với người Việt ta, chết cũng vẫn ở với người Việt ta, trên đất Việt ta, ta cứ an táng bà như cách thức người Việt ta.

Theo cách thức người Việt! Nghĩa là có hương hoa, kèn trống. Có chôn giò khâm liệm. Có phúng viếng. Và khi đặt thím vào quan tài, đầu thím gối lên trên một cái bát úp được chèn hai bên bằng hai hòn gạch nghiêng. Xung quanh quan tài có rắc các quân bài của một cỗ tổ tôm đã bỏ đi bốn quân ông cụ.

Khi khiêng thím từ giường xuống để khâu liệm, trên giường chỉ còn lại một cái gối. Tôi mở gối vì nghĩ có thể thím để tiền, vàng ở đó. Nhưng trong lằn áo gối chỉ toàn là quần áo trẻ con: quần áo của cái Lénng mặc thời nó còn là con gái thím, lúc nó chưa bị rút ra khỏi quan hệ ruột thịt với mẹ cha, lúc nó còn ngoan và hiền.

Tôi trân trọng đặt những di vật còn hơi ấm ấy cạnh thi thể thím, người đàn bà nạn nhân của một thảm kịch chưa chấm dứt, vì theo ý các cụ trong ban tang lễ: đồ vật gì đã từng gắn bó thì để người chết mang theo.

Lào Cai, 1979

MỘT CHỖN NUỜNG THÂN

Không đèn, nhưng những ngón tay của Huấn như có mắt. Thoạt tiên là chiếc khuy áo trên cùng. Ngón trở và ngón cái phối hợp, một giữ một đẩy, thật nhẹ nhàng. Và khi chiếc khuy sừng đã bật ra khỏi lỗ khuyết thì Huấn có cảm giác đã nhìn thấy phần ức trắng ngần của Xuân vừa e lệ hé lộ. Thao tác tiếp theo một trình tự thương mến thiết tha. Hàng khuy đã cởi hết, Xuân nghiêng mình, quặt hai tay về phía chồng. Bao giờ cũng thế, Xuân nũng nịu tí chút ở thời điểm này, vì Xuân có quyền như thế, và anh có trách nhiệm phải giúp Xuân gỡ cái cổ tay áo hẹp ra khỏi cườm tay của chị, rồi vợ chiếc áo ngủ mỏng như một hơi sương, nhét xuống dưới chiếc gối, để chốc nữa khỏi mất công tìm. Xuân đã ở trần. Da thịt Xuân như hoa mở cánh, tỏa hương mát lựng. Huấn nằm nín thở. Chờ cho những tiếng động thân trọng nọ tan dần, xung quanh không còn chút im lặng khả nghi, anh mới nghe thấy tiếng dây chun bị kéo căng phưng phưng khe khẽ và tiếng cọ xát mềm mại của làn vải lụa trút qua hai ống chân Xuân. Xuân không cho chồng làm việc này, khác hẳn lúc cởi áo. Rồi chị dịch sát lại bên Huấn, lơ mờ hiện ra trong vòng tay thít dần lại của chồng, một cơ thể đàn bà trọn vẹn đang bùng dậy men tình nóng ran.

Xuân rất ghét ánh đèn. Từ đêm tân hôn, vợ chồng ân ái trong bóng đêm đã thành lệ. Chả sao! Trái lại trong mập mờ ẩn hiện, trạng thái được tạo lập càng trở nên huyền hoặc, phi

thực. Làn da, hai bầu vú từ lúc trinh nữ vẫn nguyên hình trái táo tròn trĩnh, cả tấm thân sống động, đa năng, hơi thở còn cao và vẻ cuống quýt do sự thức tỉnh đồng loạt của mọi miền xúc cảm trên mình Xuân đã làm nhòa đi vẻ thô mẫn, trần trụi. Cả hai rơi vào trạng thái nhập đồng, như hai võ sĩ mê man vì hiếu thắng, hồi hả leo lên võ đài. Họ vào cuộc đấu mê hồn. Và Xuân nhiều lúc đã phải ghìem chồng lại. “Khiếp! Trông hiền lành, lù đù mà tợn tào thế!” Chị thoáng một nụ cười tự giấu cợt cả mình nữa. Chị cũng vậy. Xinh xắn, hiền hậu, ở tuổi ba mươi bảy, đã đủ thời gian và kinh nghiệm để phát hiện ra sự kỳ thú vô tận của đời sống dục tình. Xinh đẹp và đa dục trong sinh hoạt vợ chồng, Xuân đâu có phải là người đàn bà đạo đức, cay nghiệt.

Nhưng lần này thì trở trêu quá. Cả hai vừa nhập cuộc và còn lâu mới tới cao trào tuyệt hảo của cỗi hoang mê thì cơn hứng dục bỗng như một sợi dây bị cắt phụt. Mất hết ảo giác ngất ngây, cả hai lập tức nhận ra sự thô lỗ, trơ trẽn của hành vi. “Thôi đi!” Xuân thỉnh linh như bị điện giật, bần gắt và quấy mạnh chống cự. Huấn đổ sập xuống cạnh vợ. Nằm như một xác chết, anh xót xa nghe tiếng bàn tay Xuân quờ quạng xống áo vừa trút ra, vội vã mặc vào, rồi nhồm dậy, du đẩy đứa con gái nằm bên cạnh, giọng tiết ra nổi uất nghẹn, khô đặc: “Nằm lù lên, Thoa! Thọc hết cả chân ra ngoài màn rồi!”

Cạnh giường vợ chồng Xuân hai gang tay, cách một tấm màn che, trên cái tấm phản hẹp, có tiếng cựa mình:

- Gần sáng rồi! Không cho người ta ngủ nghê gì cả là thế nào?

Hóa ra mẹ Huấn, bà cụ đã ngoài bảy mươi, vẫn còn trần trọc.

Huấn nép vào thành giường, người thẳng đơ, cố thu nhỏ lại. Khốn khổ, sau cái khoảnh khắc thiêng liêng cố tìm kiếm cho đời sống riêng tư của vợ chồng bị phá đám, do ngoại cảnh, do mặc cảm của chính mình, lúc này đây là phải cố dằn lòng, là phải giữ cho được sự yên tĩnh. Với Huấn, còn là việc co mình

lại để khỏi chạm phải thằng Hải, con trai sáu tuổi của anh, vừa qua trận sốt xuất huyết, cần phải ngủ bù. Ước gì, lúc này Huấn không có cái thân xác dài ngoẵng những một mét bảy mà chỉ bằng thằng Hải: tám mươi nhăm phân thôi. Ước gì cả vợ con anh, cả bà mẹ anh và thằng em trai anh, đang nằm ở dưới đất, bên cạnh cái phản của bà cụ đều bé đi, ngắn lại, chỉ còn bằng nửa kích tấc hiện giờ. Cả cái giường, cái phản, cái nôi, cái mâm cơm cũng nhỏ đi một nửa. Như vậy thì vô hình trung, cái diện tích chín mét vuông nhà cho sáu con người sẽ bỗng dưng được mở rộng gấp hai lần. Sẽ rộng ra gấp đôi nghĩa là mỗi người bình quân đâu chỉ là một mét vuông rưỡi như bây giờ mà là ba mét vuông. Một người được ở những ba mét vuông! Ôi chao! Sung sướng quá là sung sướng!

Nhưng ước ao của Huấn thật là hão huyền!

Chẳng có một phép màu thần thông quảng đại nào lúc này có thể nối căn phòng thêm một centimét vuông chứ đừng nói là gấp đôi. Chín mét vuông cho sáu: bốn người lớn và hai đứa trẻ đang lớn. Chỉ có vậy thôi. Bất di bất dịch. Chín mét vuông như hang động tiền sử cho sáu con người chui rúc, trú ngụ để làm những việc của con người: ăn ngủ, học hành, vui chơi và làm việc. Huấn, tuổi đã bốn ba. Thời gian còn ít lắm. Thời gian lập nghiệp còn ít hơn. Nghề văn lại còn khát khe nhiều mặt nữa. Ngồi thu lu trên giường, sau tám giờ làm việc ở cơ quan báo, Huấn viết được trang nào lại cho vào cái cặp bìa, giúi xuống gầm giường lưu giữ. Tài liệu, sổ tay, bản thảo cùng sách vở của hai con đều ở dưới gầm giường, cạnh nôi niêu, xoong chảo nhỏ nhem nhỏ thủ.

Chín mét vuông bao chứa đủ hết các quan hệ gia tộc. Vợ - chồng, bố mẹ - con cái, mẹ chồng - nàng dâu, chú - cháu, chị dâu - em chồng, các quan hệ vốn riêng rẽ cũng đã không đơn giản, nên càng rối rắm, đến mức khi muốn có một không gian tĩnh lặng, nhiều lúc Huấn phải bỏ nhà, đi rong ngoài đường phố và các không gian công cộng.

Con người cần thời gian để chứng tỏ giá trị của mình. Cũng lại rất cần không gian để sinh tồn.

Căn buồng nhỏ là của bố mẹ Huấn.

Huấn, sau mười năm làm báo ở tỉnh nhỏ, bỗng như phát tiết anh hoa, viết được vài truyện ngắn được công luận chú ý, liền nuôi mộng lập nghiệp văn chương, xin chuyển cả gia đình về thành phố này. Thành phố - chốn nẩy nở tài năng, nơi nuôi dưỡng nhân tài. Bà mẹ sau khi chồng mất, đón con trai, con dâu và hai cháu nội với tình thương ruột thịt và niềm vui tuổi già có bảo hiểm. Căn buồng hẹp thật. Nhưng ăn hết nhiều, chứ ở hết bao nhiêu. Chồng làm báo. Vợ thợ tiện. Đồ đoàn, ngoài mấy bịch quần áo cũ, chả có gì đáng kể, thu xếp còn thoải mái chán. Và viễn cảnh sau ba năm công tác sẽ được phân phối nhà lắp ghép lúc nào cũng chấp chới hiện ra trước mắt, khiến cho tất cả mọi người đều có thể khuây quên cảnh chật chội, phiền phức hiện thời.

Vào cái, không ngờ năm năm đã qua. Hai đứa trẻ lớn vọt. Đứa con gái trở thành thiếu nữ. Đứa thứ hai vào tuổi nhi đồng. Bốn người nằm trên cái giường đôi theo chiều ngang thì ba thò chân ra ngoài. Vẫn chưa thấy đến lượt được cấp nhà. Huấn vẫn y si là một gã đàn ông phóng tâm coi nhẹ việc đời và vụng về đường xoay xỏa. Đã vậy, dùng cái, em trai Huấn, thằng Đường từ bộ đội mắc lỗi nặng bị sa thải về. Thêm một người nữa, thêm một tâm trạng nữa bị nhét vào căn buồng vốn đã chật hẹp này. Bà nội lên tuổi xưa nay hiếm, đau yếu thất thường và bắt đầu trái tính trái nết.

Sự bình an đã bay đi lần lần...

*

- Đường! Đường! Sao không mặc màn? Dậy đi! Hay là lên phản tao mà nằm? Khổ! Bao giờ cho hết cảnh này?

Huấn rửa mặt ngoài sân, quay vào đã thấy bà cụ lay gọi và thằng Đường, em trai anh, to tròn trọc, vai trở hình mỏ neo, vừa dậy đang ngồi trên cánh phản, mặt lơ đãng ngái ngủ. Góc giường, Xuân đang lén chải đầu và giục hai con đi học.

- Đấy, anh Huấn! - Mặt rốc rác, da môi nhẵn nhúm, thấy Huấn bước vào, bà mẹ anh liền lên tiếng. - Anh chị liệu tính sao thì tính. Tôi thì chẳng còn bao lâu nữa. Nhưng còn thằng em anh.

Biết bà cụ lại nói chuyện nhà cửa, Huấn cố nén:

- Mẹ đã nhiều lần nhắc. Con cũng đã nhiều lần nói với mẹ rồi. Là con và cô Xuân đều đã có đơn gửi lên trên. Trên cũng đã hứa.

- Trên đã hứa?

- Vâng.

- Anh nói thế với tôi không phải là lần đầu.

- Thế mẹ có thấy là Sở Nhà đất cùng người cơ quan con đã đến đo đạc diện tích và xem sổ hộ khẩu không?

- Ồi giời! Anh ngồi đấy mà chờ sung rụng à?

- Nhưng con biết làm thế nào bây giờ?

Đáp lời Huấn, bà cụ đứng dậy, bất ngờ:

- Biết làm thế nào bây giờ? Sao anh lại nói như thế với mẹ con tôi nhỉ? Anh hỏi chị ấy kia kìa. Chị ấy cũng có người anh ruột ở đây. Ô hay! Sao lại cứ quen thói đổ cái khó lên đầu người khác thế?

Huấn lặng người. Thằng Đường lừ lừ quay lại, lừ lừ nhìn mẹ:

- Sao mà phí lời thế, cụ già! Chỉ cần nói thế này thôi: Khi anh chị về đây ở nhờ, hứa mấy năm có nhà sẽ dọn đi, nay cứ chiếu theo đó mà thực hiện, khỏi phải dài dòng.

Nói xong, đứng dậy, lưng thưng đi ra cửa, rồi dừng lại, chống tay lên háng, Đường nhỏ bọt đánh “pịt”:

- Là người, phải có lòng tự trọng chứ!

Huấn dần lòng, nhìn mẹ:

- Tất nhiên là con hiểu, rất hiểu là đang ở nhờ mẹ, đang làm khổ mẹ và chú Đường. Nhưng...

Không nói được hết câu, Huấn đã thấy vợ từ mặt giường bước xuống, lấn lên, đối diện với bà cụ và đưa mắt như thu gom cả hình bóng thằng em chồng vào một chốn, giọng rít qua hai hàm răng nghiền chặt, y sì cái giọng lúc du đẩy con bé Thoa đem qua:

- Bà và chú đã nói thế thì tôi xin có ý kiến thế này. Cho mẹ con tôi ở nhờ ba mươi ngày nữa! Rồi tôi sẽ dọn đi! Vâng, sau ba mươi ngày nữa, tôi sẽ dứt khoát, không dây dưa đến một giờ!

*

Trời! Vậy là đã xuất hiện một phép lạ, đã có trong tay một bảo bối, đã có sự giúp đỡ của thần Phật, số mệnh? Để trong vòng ba mươi ngày, Xuân tạo ra được một sự chuyển đổi căn bản hoàn cảnh sống của gia đình? Để Xuân có một căn buồng ở rộng rãi, thậm chí một ngôi nhà đầy đủ tiện nghi?

Hay là Xuân trúng số độc đắc sáu mươi triệu và một căn hộ ở khu Ngọc Khánh? Xuân vẫn chơi xổ số, đôi khi cả số đề nữa, nhưng y giấu chồng. Trúng vài lần, ít thôi, y cũng chẳng cho Huấn biết, y có thói quen tần tiện tích góp. Mảnh vải xí nghiệp thưởng, gói mì chính công đoàn cho, y đều bán đi, biến thành tiền, gom lại mua vàng hoặc gửi tiết kiệm. Hiện nay y đã tích góp được bao nhiêu, Huấn cũng không hề được biết. Huấn cũng vậy. Hoàn cảnh nó bất thế. Về ngoài thì như là phốt lò chuyện cơm áo nhà cửa nhưng bên trong tự mình cũng chăm lo gom

nhặt lăm. Tiền thưởng cơ quan, nhuận bút của bài báo, bài văn, được vài nghìn bạc một, Huấn cũng biết dành dụm, không phải là để tiêu riêng mà là để khi gia cảnh bức bí quá, chẳng hạn ốm đau hay đột nhiên phải mua sắm một đồ dùng vật dụng không thể dùng, anh sẽ đưa ra. Đưa ra để anh có thể yên dạ, tĩnh tâm theo đuổi công việc văn chương đòi hỏi sự tận hiến tâm lực. Đã có một nhà xuất bản hứa sẽ ký hợp đồng, ứng tiền để anh viết tiểu thuyết cơ mà.

Nhưng dự đoán vậy Huấn lại phủ định ngay. Xưa nay, ai ăn chất để dành mà mua nổi đất đai, nhà cửa được. Chao ôi! Vậy thì chỉ có thể là Xuân được hưởng lộc bất ngờ thôi. Có thể lắm. Đồi còn muôn điều kỳ bí chứ. Có thể là Xuân bỗng nhận được một số của cải thừa kế của một ông cậu, bà cô nào đó ở tít trời Tây? Và cũng có thể là Xuân có vàng? Khi lấy chồng, bà mẹ để cho Xuân có đôi hoa tai thôi. Nhưng bây giờ có thể là họ tộc mới tìm thấy một kho vàng? Hoặc có một bất động sản vừa được bán đi và con cháu trong tông tộc được chia phần?

“Xuân, em hứa ba mươi ngày, nghĩa là thế nào?” Sáng ấy trên đường cùng đi đến cơ quan, lẻo đẻo theo vợ, Huấn vừa lo lắng vừa khấp khởi hỏi vợ mỗi câu ấy. Anh chỉ nhận được sự im lặng. Đến chỗ hai người rẽ hai ngã, sốt ruột quá, anh giữ tay vợ, nhắc lại câu hỏi thì chị vàng tay, trừng mắt:

- Kiếm được hay không, hay bằng cách nào thì kệ xác tôi!

Huấn dờ mắt:

- Nhưng nhớ hết hạn mà không có...

- Thì kéo nhau lên núi mà ở. Đang tự đứng tự lành lồi nhau về, chui vào cái tổ kiến vống này. Hí hửng mãi. Giờ đã thấy nhục chưa?

Huấn thở dài:

- Mình có ngờ đâu mỗi lúc nó một khó khăn như thế.

- Có ngờ đâu? Không có nhà lần này thì... mua một can xăng, giội vào, rồi cho một mồi lửa cho xong đời ba mẹ con tôi đi. Nhục lắm rồi! Mà tôi nói thật, tôi thừa biết âm mưu của các người rồi. Cái quân khác máu tanh lòng, có phải cùng máu mủ đâu mà nó thương nó xót!

- Xuân!

- Thôi đi!

Xuân quay ngoắt người, phẩy tay. Còn Huấn đứng lặng, sững sờ.

*

Chẳng lẽ đã có một vết rạn nứt ghê gớm như thế trong quan hệ vợ - chồng, mẹ chồng - nàng dâu, chị dâu - em chồng? Và chẳng lẽ Xuân đã biến đổi tới mức quái ác, độc địa như thế?

Huấn rất hiểu vợ. Xuân là một phụ nữ đẹp, hiền, một người đàn bà hơn bất cứ một phụ nữ nào. Y sinh ra trong gia đình công nhân nghèo. Y quen sống trong nghèo khổ. Lương thấp, nhà ở chật chội, y sẵn sàng chịu đựng. Đức nhịn nhường, hy sinh của y ít người bằng, đặc biệt là trong sự cam chịu thói cay độc, tai quái của mẹ chồng ở độ tuổi trái tính và thành em chồng, hang ổ của muôn điều uất ức. Nhưng y nhịn nhục là để âm thầm hướng về một khát khao giải tỏa. Y là đàn bà. Y không ước muốn cao xa đâu. Một đời sống tạm đủ thôi. Đã bao lần y khóc thầm cay đắng. Y chỉ mong có được một túp lều nhỏ của riêng, hoặc một góc buồng nhỏ riêng tư thôi. Y chỉ mong những điều kiện ăn ở tối thiểu. Và vào tuổi trưởng thành, khi sinh lực bùng dậy tràn trề, cùng với ý thức về hạnh phúc cá nhân chín muồi, những ao ước không được đáp ứng, dồn nén lại, kết đọng trong y, thường xuyên gây nên những nổi khổ tâm và cơn phẫn khích bất cần trong y.

Huấn biết Xuân khổ lắm. Còn anh, tâm địa nào mà anh lại về hòa với mẹ và em, để đầy đọa vợ con mình?

Huấn có thể là thằng đàn ông hèn, rất hèn, hèn lắm, chứ Huấn không phải là kẻ ích kỷ, độc ác. Đúng thế! Huấn là một người đàn ông hèn kém, rất hèn kém trong trường đua danh lợi. Cả đời y, y chỉ là cái bóng thui thủi thu nhận mọi sự thua thiệt thôi. Ở cơ quan, y chưa bao giờ đối đầu tranh chấp với ai trong đấu tranh quan điểm, cũng như trong chia bồi hàng hóa, lương thưởng, chức tước. Là nhà báo, đến hội nghị nào là người ta tìm nơi ngồi ở hàng ghế quan khách, tay bắt mặt mừng người nọ người kia; còn y, y lại rúc vào một xó xỉnh và cắm cúi ghi chép. Y hứng chịu những việc hóc búa nhất trong nghề. Mặt trận nào nguy hiểm là y được cử tới. Y chăm chỉ và có tài. Bài viết nào của y cũng bộc lộ năng lực khám phá và cách biểu đạt độc đáo. Nhưng y được xếp ở bậc lương gần hết cơ quan. Chi bộ cũng chẳng để ý đến y, vì cho y là kẻ thiếu tinh thần tranh đấu và an phận thủ thường. Nhà cửa thì người ta vẫn phân phối đều đều đấy. Cũng có lần người ta đến xem nơi ăn ở của y đấy. Nhưng rồi người ta vỗ vai y: “Tiếng thế, ông vẫn còn có nơi chui ra chui vào”, thì y cũng gật đầu, cho qua. “Biết đủ là đủ. Biết đủ trong cái đủ mới là đủ.” Đã có thời hai vợ chồng sống hòa hợp với ý nghĩ ấy. Đừng nghĩ đó là một thứ hạnh phúc ảo tưởng. Hạnh phúc thật sự đấy khi làm việc thật hết mình, khi cao ngạo từ bên trong, tin rằng mình là kẻ có tài, có ích, tin rằng có một định luật cao cả chi phối nhân quần: sự công bằng sẽ là lẽ tất nhiên!

Huấn là thế. Huấn có thể là vật trắc nghiệm về khả năng chịu đựng thua thiệt của con người chứ Huấn không thể là kẻ tệ bạc với vợ con được.

Buồn thay, Huấn không thể thanh minh được. Và văng theo cái đà đã có, Xuân kéo hai đứa con về phe mình. Y moi móc những chuyện từ thời nào thời nào, những cử chỉ vô tình, những câu nói lỗ miệng để chứng minh rằng: Huấn về hòa với

phe cánh nhà mình, rất hiếm độc, từ lâu đã có thâm ý hành hạ mẹ con y.

Suốt gần tháng trời, sức lực căng tràn mà không có cuộc ái ân nào. Còn hứng thú gì nữa. Hai người như hai kẻ dưng. Bức xúc lại để thêm ra căng thẳng tâm thần.

Ngày thứ hăm năm của kỳ hạn một tháng. Xuân đi đâu về, cực chẳng đã đột ngột gọi chồng ra ngõ. Hai người đứng cạnh cột điện bên đường. Và Huấn đã run cả người khi nhận thấy vẻ náo nùng trên gương mặt tức tưởi như trẻ con của vợ:

- Anh nói lại xem. Có đúng là anh đã gửi đơn lên Sở Nhà đất và Phòng Nhà đất quận không?

Huấn nín thở, hồi hộp:

- Thì chính tay anh đưa cho cả hai nơi.
- Thế sao họ lục hồ sơ, nói không có một tờ đơn nào của mình cả?

Huấn nhăn nhó:

- Thế thì còn ra thế nào nữa. Xuân có nhớ cái ông tên Phú, to béo, đến đo đạc và xem xét nhà của mình không? Chính ông ấy nhận đơn của anh. Hôm ấy, anh biếu ông ta một cân chè Mèo, ông ta không nhận. Hôm sau anh biếu ông ta một tờ báo *Tuổi trẻ* có đăng bài bút ký của anh, ông ta cũng gạt đi không nhận, còn nói: "Tôi làm gì có thời giờ mà đọc." Sau đó, nghe anh kể, em còn bảo: "Sao anh ngơ ngẩn thế?" Có nhớ không?

- Ông Phú chuyển công tác vào Sài Gòn từ tám hoành rồi!

- Thế thì biết thế nào mà lần.

- Trời ạ! Cứ ngồi ru rú ở nhà ấy thì còn biết nhiều!

Xuân đưa tay quạt qua hai con mắt mừng mừng.

Thì ra gần tháng qua, Xuân đã vào cuộc. Xuân đã dành gần như toàn bộ thời gian và rút cả tiền bạc tích cóp dự trữ ra để chỉ dùng vào việc dò tìm cho ra ngọn nguồn câu chuyện và cách thức tháo gỡ. Vô lý thật! Tại sao người ta thì nhận hết

nhà này nhà khác, còn mình, hai vợ chồng tính năm tháng cống hiến, so với người được nhà, có kém gì, mà sao càng chờ đợi càng mất tăm hơi? Chắc là mình chưa biết đường đi lối lại. Bán đôi hoa tai của hồi môn đi, có đồng tiền giắt theo, con người tự tin mạnh bạo hẳn lên. Quả nhiên, Xuân đã dò tìm tới đầu nguồn ngọn sóng thật.

- Giờ trưởng phòng giải quyết việc cấp nhà cho mình tên là Chiến. - Xuân nói, cố giữ cho giọng ngay ngắn. - Khổ quá, châu chực cả tuần mới gặp được anh ta. Người xếp hàng chờ ở nhà riêng đông như xếp hàng khám bệnh. Mới trạc ba mươi, chưa vợ con mà nó ở hai căn hộ hơn bốn chục mét, rộng nguy nga, có máy điều hòa mát lạnh. Mặc *pyjama*, ôm con chó Nhật, ngồi ở *đi văng*, mình bước vào nhà nó thì hai chân run như dế. Nó nhận rượu Tây và ba tút thuốc, lại còn đùa: "Sao đưa lễ thế?" Lương cả tháng mình không chắc mua đủ từng ấy thứ mà nó còn nói như vậy. Ưc chảy máu mắt ra, nhưng ra đến cửa, mới biết mình còn may. Những người chờ ở cửa xô lại hỏi, rồi nói: "Nó nhận đồ biếu thế là may rồi đấy. Nó có nói gì nữa không?" Có. Nó bảo: "Tôi bận nhiều việc. Có gì tôi sẽ ủy nhiệm người đến trực tiếp gặp chị giải quyết." Các bà, các chị vây xung quanh cùng kêu: "Số cô thế là hên rồi. Có người chờ hai tháng còn chưa được gặp nó cơ."

Nói câu cuối cùng, Xuân méo xệch miệng và nước mắt giàn giụa, lăn ròn ròn trên hai má.

*

Nước mắt ấy là nước mắt tủi, là nước mắt vui. Đi làm về chiều ấy, tay xách con gà mái mơ, tay trĩu nặng làn thức ăn, Xuân đứng ở trước cửa buồng chật chội, cao giọng ngọt ngào gọi con gái:

- Thoa ơi, để sách vở đấy. Ra giúp mẹ làm gà, nấu cơm đi con!

Bà mẹ Huấn lê ra khỏi phản, đoán nhận ra nguồn cơn, đổi mặt nhẹ nhõm ngay tức khắc. Không giỗ tết, bỗngưng thịt gà, lại còn mua thêm cả thịt quay, thịt chó, chạo, nem chua, lại thêm mấy lon bia hộp. Khách chạ đây. Nhưng đích thị chỉ là chuyện nhà cửa. Quả nhiên Xuân nói:

- Họ đến bốn người. Toàn là những người có quyền quyết định cả.

Bà cụ hôn hử hẩn lên, thấy thằng Đường khoác áo đi, liền dặn với:

- Đi đâu thì sáu giờ cũng phải về tiếp khách với anh chị mày. Để người ta mục sở thị, con ạ.

Xuân nhấp nhồm nấu nướng trong bếp, chốc chốc lại nhìn ra, chỉ sợ khách đến sớm. Bà cụ xắn tay áo, nhặt rau sống, bóc tỏi cùng cái Thoa. Thằng Hải có bạn đến chơi, ghé tai bạn, khoe:

- Nhà tớ sắp có nhà mới nhé!

Dựng hết giường phản lên, sàn nhà được lau đi lau lại, đồ như son.

Huấn trải chiếu, cọ rửa ấm chén. Và lúng túng không biết nên ăn mặc, ứng xử thế nào. Có bộ cánh dành để đi họp, mặc vào thì sợ người ta nghĩ: Ăn mặc sang trọng thế! Nhà này đâu đến nỗi nào mà phải giải quyết gấp. Mặc sơ sài quá lại lo người ta coi thường, cho là loại thấp cổ bé họng, chẳng cần để ý. Xung là nhà báo kiêm nhà văn thì họ sẵn sàng vỗ vai, hạ cho một câu: “Thế thì nhuận bút đâu mà không tậu nhà ở cho nó sướng, ông?” Khai mình làm nghề khác thì ngượng mồm, vì không quen trí trá.

Năm giờ ba mươi chiều, mâm cơm khách đã sắp xong. Ngó vào thấy chu đáo hết mức. Từ nhúm hạt tiêu tới cốc uống bia, chén uống rượu, khăn lau tay, đĩa để xương đều đầy đủ. Xuân được dịp trở tài gia chánh. Xuân được dịp trở lại trạng thái nhân tính vốn có của mình: hiền hậu, cẩn trọng, dịu dàng. Bà

mẹ trở lại vai từ mẫu, chải đầu cho cháu gái, giục cháu trai thay quần áo, rồi âu yếm bảo con dâu:

- Mẹ Thoa biết mặt, ra ngõ đón khách đi.

Hai đứa cháu, ngồi cạnh mâm cơm, đuổi ruồi và trông mèo.

Gần sáu giờ, Xuân trở vào, mặt như dính nhọ, ngơ ngác thất thần. Bà cụ trấn an:

- Người ta đã hẹn là người ta đến. Chắc là còn phải tạt qua một vài đám nữa.

Kinh nghiệm của tuổi già xem ra không đặc dụng. Huấn lồng ra ngõ. Chiều đông, gió ù ù thổi qua cột điện. Xuân đứng nép vào cây cột, co ro lạnh run.

Mười giờ đêm, sau bao nhiêu thấp thỏm, nấn nán, hốt hoảng đau buồn quá, cả nhà đành ngồi vào mâm. Từ thằng Hải đến bà cụ, không ai nói một câu. Mấy đĩa thịt, ai cũng hiểu là dành cho khách nên còn nguyên. Xuân cầm mặt xuống chiếu. Cố vớt vát chút hy vọng, chốc chốc Huấn lại nghehn cổ nhìn ra cửa, chỉ thấy trời đêm trong gió thổi vi vút.

Hôm sau, hôm sau nữa. Xuân đi đâu tối mịt mới về. Không nói không rằng, Xuân ôm đầu, chúi vào góc giường bật khóc. Tiếng khóc không kìm giữ, hờn tủi, đau đớn nức nở hàng hồi. Trời ơi! Giá mà đám thực khách tới! Ừ, giá mà họ cứ tới, cứ sùng sục ăn, rồi ba hoa chích chòe, hứa hươu hứa vượn, hoặc lì lì như chẳng biết chuyện gì thì cũng còn đỡ trớ trêu, thì cũng còn có cái mà phấp phỏng ngóng chờ! Ôi chao!

Huấn đứng ở ngoài sân, nghe lòng mình tan nát, ngửa mặt lên trời, cứ mặc cho hai hàng nước mắt chứa chan chảy.

Làm người khổ nhục đến thế này ư, hả trời?

Nhu cầu sơ thủy của con người là ăn, ở. Ăn thì khối người đã nói, đã viết tới cả vạn trang rồi. Còn ở? Chỗ ở, một chốn nương thân, kể từ con thú cũng cần phải có. Ổ rơm, hang động, gốc cây, bụi rậm là của con thú. Còn con người, một mái nhà

che nắng che mưa, đó là nơi hình thành gia đình, gia tộc, nơi nuôi dưỡng các thế hệ, nơi di dưỡng tình cảm, phẩm cách con người. Và Huấn biết điều lắm. Huấn có ao ước điều gì quá lớn lao đâu. Một miếng ăn, một nơi trú ngụ, một công việc, nỗi mong muốn nhỏ nhoi mà sao lại giống như một công cuộc lớn, phải bỏ vào đấy bao nhiêu tâm sức mà vẫn không xong, trời hỡi, sao lại khổ cực thế này?

*

Hóa ra chẳng có ai là sung sướng cả!

Nhưng hóa ra vẫn có những nẻo đường kỳ quái, những huyền thoại, cổ tích giữa đời thường. Cơ quan Huấn đã kịp thời đóng vai Phật Bà đưa tay cứu vớt kẻ gặp hoạn nạn. Đáp lại ân tình, mở lượng hải hà của cơ quan, Huấn viết giấy cam đoan: Không ở nhờ quá sáu tháng với phương cách như sau: Năm giờ rưỡi sáng, vợ chồng con cái trở dậy đi làm, đi học, hay đi đâu bất cần biết, chỉ biết là phải biến đi, trả lại căn phòng để cơ quan làm việc với yêu cầu không một dấu vết suy suyển. Và sau năm giờ chiều, hết giờ làm việc, họ mới lại được phép lần mò trở về.

Trời sang xuân, may không còn lạnh lắm.

Cả nhà, chỉ có thằng Hải tỏ ra thích thú vì rộng đường chạy nhảy. Cái Thoa lặng lẽ đánh mất vẻ hồn nhiên tuổi thiếu nữ. Nó ngượng với bạn bè. Xuân già sạm, mặt nổi quầng, mở miệng là đay nghiến, quát nạt con cái:

- Ngồi yên một chỗ! Lạy van người ta mới được ăn ở nơi cầu quán như ăn mày thế này, chúng mày có hiểu không? Rồi còn ê chề nữa cơ, con ạ.

Xuân xa lạ hẳn với những câu nói thân mật.

Đăm đăm khổ ải, Huấn nhìn ra thân phận hẩm hiu của mình và đã tiên đoán được những phiền nhiễu khôn khổ của việc ăn nhờ ở đậu này. Thói đời, ganh ghét vốn là bản tính con người. Có đến hơn nửa cơ quan không tán thành việc cho gia đình Huấn đến ở nhờ. Tiêu biểu nhất và đại biểu xứng đáng cho số này là bà Nông, Trưởng phòng Hành chính cơ quan, bà vợ ông thứ trưởng, xấu như ma, đang hồi xuân, bủn xỉn và thối lợ.

- Cái lão Huấn thế mà khôn. Đã nhà cao cửa rộng, lại đếch phải trả tiền nhà. Mai tớ cũng tạ sự, kéo vợ chồng con cái đến ăn vạ cơ quan, tội đếch gì!

Huấn vừa dọn đến được một hôm, bà Nông đã cao rao vậy. Không sáng nào đến cơ quan bà không lục soát lại ngăn bàn, ngăn tủ, rồi kêu toang toang là mất thứ nọ, lẫn thứ kia, nhà cứ như có kẻ cắp vậy.

Gặp Xuân ở chợ, bà cười.

- Nay, từ ngày ra ở nhờ cơ quan, đằng ấy béo trắng ra đấy. - Rồi kéo Xuân ra góc chợ, thì thào. - Nay, chỗ chị em tớ nói thật: Người ta cho ở nhờ là phúc rồi. Còn sinh hoạt vợ chồng, thì cắt đứt nhé. Cơ quan cũng như nhà người khác, là phải kiêng, không xúi người ta chửi cho đấy.

Xuân câm lặng. Cười không được, mà khóc cũng không nổi. Y không còn hơi sức. Y đã kiệt lực, đã tan vỡ hết hy vọng, đã không còn một chút năng lực nào để cải thiện cảnh sống? Hay là y lầm lì chìm vào các toan tính liều lĩnh để chống trả hoàn cảnh sống thiếu hân nhân tính này?

Cả hai hướng phát triển đều là đáng sợ cả. Huấn rơi vào tình trạng khổ tâm triền miên và đo được độ tăng của nỗi thống khổ và mất mát ở Xuân. Các chức phận vợ chồng bật tiếng. Đường như nhìn nhau đã thấy bề bàng nên Xuân tìm mọi cách để lẫn mặt anh. Thường xuyên Xuân về muộn và không lời giải thích. Hỏi trẻ con thì chúng bảo: “Hình như mẹ đi vay tiền.” “Hình như mẹ xuống bác trai vay vàng, xem đất.”

“Hình như mẹ đi cúng bái ở đền này miếu nọ.” Lại có hôm Xuân đeo xe đạp về một cái cối đá. Ít ạch xay đậu nành, nấu sữa bán được một tuần, rồi Xuân lại đeo cái cối đi. Có hôm nửa đêm y mới về, ướt đầm, vì tắm *ni lông* dành để bọc mấy tút thuốc lá đem đi bán rong.

Những gắng gỏi nhỏ nhoi không cứu vãn được tình thế. Đã hoàn toàn mất hẳn niềm vui hồn nhiên, câu đùa hóm hỉnh, tiếng cười, điều mơ mộng. Cảnh sống thất thường, vô định gây ám thị nặng nề về thân kiếp khốn khổ cho cả bốn con người. Huấn tiếp tục viết, nhưng nhận ra cơn suy nhược thần kinh của Xuân và con bé Thoa đã lây sang cả anh. Trong giấc ngủ anh cũng luôn mê thấy được chia nhà, có nhuận bút mua được nhà hoặc trúng số độc đắc cả một tòa biệt thự.

- Con mê thấy bác Giám đốc xí nghiệp mẹ đi ô tô đến, trao chìa khóa cửa cho mẹ, bố mẹ ạ.

Một hôm, vào cuối bữa cơm, nghe cái Thoa tự dưng kể, Xuân liền lừ mắt. Hồn nhiên, cái Thoa tiếp:

- Nhà cao ơi là cao. Con dắt em Hải lên. Em kêu mỗi chân. Bố đốt một bánh pháo dài. Con mèo sợ chạy mất.

- Con mèo đâu, hở chị?

- Con mèo nhị thể nhà mình nuôi từ lâu rồi ý. Em quên rồi à?

Thằng Hải ngẩng lên:

- Mẹ ơi, có nhà, mẹ phải nuôi con mèo nhớ! Nuôi cả chó nữa cơ.

Xuân đập đôi đũa cả vào miệng nồi cơm, mặt đang trầm uất bỗng tái nhợt. Y nghiêng răng ken két:

- Nuôi tất! Nuôi cả mèo, cả chó, cả gà, cả lợn.

Cái Thoa im thin thít. Trạng thái bệnh lý không buông tha Xuân. Y đứng phắt dậy, giậm chân, xoa tóc, gào:

- Tất cả chúng mày và tao nữa, là mèo, là chó, là lợn, là gà đây rồi! Còn phải nuôi ai nữa, hở? Trời ơi, nhục quá là nhục! Cũng thì một kiếp người!

Hai đứa con lảng vội ra sân.

Huấn vội đứng dậy, đi đến bên vợ. Chợt thấy Xuân như kiệt sức, xuôi vai, rụi xuống, anh liền đỡ ngang người chị và cất tiếng gọi như lời chị ra khỏi cơn nhiều tâm âm ỉ vừa bột phát thành phẫn khích.

- Xuân, Xuân! Bình tĩnh, em à!

Anh nhận ra người chị căng phì vì một hơi thở dồn trong ngực. Chị đẩy vai anh, không được, liền xệp hơi, xoa ngực và gục đầu vào vai anh.

- Xuân à, anh biết anh là thằng đàn ông vô tích sự. Anh chẳng giúp được gì cho em và các con đỡ khổ.

Nhận ra một cái véo ở lưng, anh liền im bật. Xuân dụi mắt vào vai anh. Chị tìm được một điểm tựa giữa chông chênh. Rồi đột nhiên chị rời vai anh, nhìn thẳng vào mặt anh. Khuôn mặt ảo não, đầy vết tàn nhang chỉ còn đôi nét thân yêu xa xưa của chị đầm đìa nước mắt:

- Khổ quá, anh ơi. Đêm qua em đi bán thuốc lá ở công viên. Có một thằng bé con nó rỉ tai em, rồi dẫn em đến với một người Tây. Trời ơi! Không! Chả lẽ muốn để sống cho ra kiếp người lại phải thành con vật, thành đồ chơi cho người à...

Một chấn động rung chuyển toàn thân Huấn. Anh là cơn động đất. Và Xuân là cơn bão. Cả hai quán miết lấy nhau. Và phải lát sau cả hai mới trở lại dần dần trạng thái yên tĩnh. Cảm xúc như một vết dầu loang mở rộng ra nhiều chiều. Chưa bao giờ anh thấy thương Xuân, yêu Xuân và kính trọng Xuân như bây giờ. Xuân là sự can đảm đương đầu, là cội nguồn của cái đẹp. Xuân không đầu hàng. Xuân hóa thân để giành giật. Cùng với sự cảm xúc ấy, da thịt anh bắt đầu thức giấc và thậm kín lên men hoan lạc. Đã lâu lắm rồi, lâu lắm rồi,

như một đoạn đời khác, từ cái đêm hôm ân ái không thành ấy. Anh nhận ra, anh đang nhớ lại. Và Xuân cũng vậy. Khuôn ngực chị đột nhiên trương căng, chị ghì chặt anh, thở dồn dập. Nhưng rất nhanh thôi, chị nói tay và đẩy mạnh anh ra xa. Ngay cả ái tình cũng hết phép lạ. Một mối quá rồi, chị chỉ còn đủ sức trượt qua vành môi một hơi thở tàn:

- Thôi đi! Dơ đời, nấu ruột quá rồi!

*

Thời gian đi vô tình và nhấn tâm. Thời hạn sáu tháng đã hết. Loay hoay mãi Huấn mới tìm được cơ hội nói với vợ chuyện này, nhưng chưa nói hết câu, Xuân đã trừng mắt:

- Tôi không đi thì làm gì nào?

Huấn cắn môi, âm ờ. Lát sau, vừa tìm cách phân giải điều hơn lẽ phải thì Xuân đứng phắt dậy, đi ra cửa:

- Đàn ông đàn ang hèn thế thì chết đi!

- Xuân!

Huấn thất thanh. Đâm bổ ra cửa, anh đứng sát cạnh vợ, bế tắc không nói nổi một lời. Thoát vây bằng cách nào đây? Nói với mẹ để mẹ thông cảm thì Xuân sẽ nói: Có chết ngay, chị cũng không về cái nhà ấy. Chỉ còn cách cuối cùng là đến nhờ anh ruột Xuân, nhưng anh vừa gợi ý, chị đã quăng quắc nhìn thẳng vào mặt anh: “Đừng có nhắc tên cái lão ấy ra đây với tôi!”

Huấn im. Anh hiểu, vợ chồng đã bị dồn đến chân tường. Chân tường là trạng thái bức bối bất cần, thậm chí liều lĩnh của Xuân. Xuân đã bị lừa lọc, bị sỉ nhục, bị giày đạp. Uất ức từng lớp từng lớp đọng lại, trầm tích trong y, đến mức có thể biến đổi cả bản thể y mất rồi.

Hôm sau, hỏi Huấn, thấy Huấn ấp úng, bà Nông Trưởng phòng liền nhếch miệng cười:

- Con mẹ ấy nó không chịu đi chứ gì? Miếng ngon thế đời nào nó nhả ra. Để đấy tớ gặp. Làm người phải biết điều chứ. Định ỉa vào mặt chồng à?

Huấn gãi đầu sợ hãi, hứa sẽ thuyết phục vợ một lần nữa, nhưng người đàn bà tinh quái và thô lỗ nọ đã gạt tay anh, rảo hoành:

- Việc tớ, tớ làm, không can gì đến cậu. Lôi thôi tớ gọi bảo vệ, gọi công an chứ! Bướng, chày búa mà được với tớ à?

Huấn bất lực suốt đời, như cái nghề bút mực của anh, như cái tính nết rụt rè, nhẫn nhịn của anh. Anh không sao ngăn cản nổi cuộc đối mặt của bà Nông và Xuân, vợ anh nữa rồi. Cái gì phải xảy ra thế là đã xảy ra.

- Tôi đại diện cho cơ quan, yêu cầu chị và gia đình dọn đi ở nơi khác.

Cuối cùng thì bà Trưởng phòng Hành chính đã đến và cuộc đối mặt giữa Xuân, vợ Huấn và bà đã mở đầu hết sức gay gắt.

- Thế thì tôi cũng đại diện cho gia đình tôi, trả lời bà rằng: Tôi không dọn đi đâu cả.

- Tôi không ngờ chị lại ăn nói lộn xộn như thế đấy!

- Chị hãy hỏi xem: Ai là kẻ ăn nói lộn xộn?

- Đây là phép nước!

- Còn đây là quyền dân!

- Chị đừng có vô chính phủ!

- Chị đừng có cậy quyền áp bức người!

Bên tám lạng, bên nửa cân. Hai bản tính hiếu thắng đều đã ở cái thế không lùi, lại cũng là hai bản năng đàn bà biết dùng đến cả sự thô bỉ để tự vệ mình, vô cùng dồi dào năng lực ăn miếng trả miếng.

Từ trong phòng Huấn chạy ra, khi cuộc đấu khẩu sắp sửa biến thành đấu lực. Anh bị bà Nông dang tay, ngăn:

- Anh Huấn, anh không phải dính vào đây. Để nó cho tôi! Lão thế chứ lão nữa tôi cũng trị được!

Xuân đẩy chồng, chẳng vừa:

- Anh cút đi! Để tôi với con mẹ thần nanh đỏ mỏ này. Nào, mày dám trêu mẹ mồm, mày dám động đến cái đứa đã ngồi bệt đít dưới đất thì vào đây!

Bà Trưởng phòng xắn tay áo, mặt đỏ độc:

- Đừng có tôm lộn c. lên đầu! Tao còn lạ gì cái mặt mày, con đĩ con đười kia!

- Tao cũng lạ gì cái mặt mày. Con đầu đường xó chợ. Con liếm lá vĩa hè. Mày cậy mày có chức có quyền, mày ức hiếp bà! Bà là thợ thuyền, bà nghèo, bà khổ, bà không biết sợ đâu!

- Thợ thuyền gì mày! Mày là thứ cặn bã của giai cấp!

- Con khốn nạn! Con ăn bám vào chồng, đừng có hùng lên mặt với bà!

Hai cơn điên đại xông vào nhau. Chiến thuật giáp lá cà của phái nữ chẳng ai dạy mà cả hai đều sử dụng rất thành thạo. Thoáng cái cả hai đã rũ rượi, rối bù tóc tai, tả tơi quần áo và can được họ ra thì cả hai cùng ngồi thụp xuống, vừa rên rĩ khóc mếu vừa sà sã rửa sả nhau.

Một người công an đường phố tới, mở sổ ghi biên bản. Bà Trưởng phòng phát biểu trước bằng một cú nhảy chồm chồm và xía xói về phía Xuân:

- Con đi kia kìa! Nó chiếm nhà của cơ quan tôi. Bây giờ đuổi nó, nó ì ra, rồi gây gổ đánh chửi tôi. Tiên sư con đi! Nằm ngửa ăn sắn quen rồi, hả? Nhà cao cửa rộng, điện nước thoải mái, một mình một cõi, đêm nào vợ chồng cũng ôm ấp thỏa thuê, sướng quá rồi, không chịu nhả ra, bà còn lạ!

Xuân đặt tay lên háng, răng nghiến trềo trẹo, mắt đỏ như hai vết thương, đầy nhục cảm:

- Bà nói cho mày biết nhé, hằng tháng nay bà không ngủi thấy hơi thẳng chồng bà, mày đừng có đặt điều, rồi ghen lồng lộn mà học máu chết! Bà sẽ trả lại nhà cho cơ quan. Bà gí đít vào cái mặt mày. Bà sẽ ra gằm cầu, sẽ đến công viên bà ở chứ bà không thèm đến ở nhờ mày, dù là một giờ nữa đâu. Tử tế đ. gì mà bà phải giữ gìn với mày...

Ở giữa hai người đàn bà, Huấn đứng lặng, để cho nước mắt tuôn tràn qua hai gò má gầy.

Ngõ 221 phố Sinh Từ, ngày 20/11/1991

MẢNH ĐẠN

Thằng điên lại đến!

Nó đến và đứng trước hai cánh cổng sắt của tòa biệt thự hai tầng mới xây, mặt tiền ốp đá hoa rửa, kiến trúc tân kỳ, đông cứng trong không gian một khối hình đường bệ và lạ mắt. Đối diện với tòa biệt thự, thằng điên ba mươi tuổi nọ, cũng đông cứng một hình khối choắt cheo, gai góc và tiêu điều. Lùng nhùng trong bộ quần áo kẻ sọc màu pin đèn, trang phục của nhà tù hoặc bệnh viện, đã cũ nát, bẩn thỉu, nó giống như một thứ đồ phế thải. Nó là cái nhân dạng đã bị loại bỏ, sau một cuộc giao đấu cật lực và kéo dài. Nó chỉ còn lại sự cay uất, liều lĩnh và chút năng lượng dự phòng thỉnh thoảng bất chợt phóng xuất, thăng hoa, thể hiện rõ rệt nhất ở đôi mắt nhỏ tinh quái trên gương mặt bộ ngựa đen nhèm và hai cánh tay gầy sắt nhằng nhằng đường gân. Hai cánh tay ấy đang là hai thanh truyền lực và ra sức rung giật hai cánh cổng sắt tòa nhà.

- Thằng Lộc đâu! Mở cửa cho tao vào!

Vừa rung giật vừa gào cả chục lượt hai câu đó, tới lúc đáng chừng chán miệng, nó mới lại bắt sang câu thứ hai, nhưng vẫn tiết tấu dồn dập và giai điệu hung hãn ấy:

- Con Liễu đâu! Mở cửa cho tao vào!

Lộc là anh trai nó. Liễu là chị dâu nó.

Dường như đã lường trước được rằng sẽ có một ngày nào đó, thằng em bất trị của họ sẽ giở chứng, sẽ đến quấy phá nên khi xây cất tòa nhà, vợ chồng Lộc - Liễu đã đầu tư không ít công của cho việc phòng bị, ngăn ngừa. Họ quan tâm nhiều nhất đến cái cổng. Thoạt đầu, được sao chép ở đâu đó, nó chỉ là một đường cong *parabol* thanh mảnh với hai cánh cửa sắt uốn lượn, chạm trổ các hình nét kỳ hà, thơ mộng, tuy không kém phần chắc chắn. Tiếp đến, họ phá bỏ cái vòm cong cách điệu nọ, xây cổng hình vuông và cửa sắt di động trên một hệ thống bánh xe lăn. Vẫn thấy chưa ổn. Lần thứ ba, họ phá bỏ tất, làm lại từ móng nền. Và cái cổng cuối cùng được định hình như hiện thời. Hai trụ bê tông cắm sâu xuống một mét đất, to bằng thân cột điện cao thế, gắn kết với một cái đốc mái, cũng bê tông, cốt sắt, cắm đỉnh nhọn, tạo nên một bộ khung bên vững, để gắn hai cánh cửa bịt lá thép dày năm ly, quét hắc ín, nặng nề, kiên cố như cánh cổng nhà tù. Cánh cổng ấy hợp với vòng tường vi bao quanh, cao vót, đã cắm mảnh chai lại còn chằng dây thép gai sin sít và lủng nhùng, tạo thành một hệ thống bảo vệ vô cùng cẩn mật và an toàn.

Mỗi sáng đi làm, đã thành thói quen, bao giờ vợ chồng Lộc - Liễu cũng đẩy bà mẹ già vào nhà, khóa trái lại, rồi ra cổng, khóa tiếp bên trong, đoạn rung cổng thử, kiểm tra thật kỹ lưỡng, cảm thấy thật yên lòng, mới lên xe máy đèo nhau đi.

Tuy nhiên sức điên dại là sức phi thường, ngoài thông lệ. Cửa sắt nặng trĩu, khóa then chặt cứng như thế mà dưới bàn tay thằng điên cũng phải rung càn cạch.

Nghe cánh cổng rung cùng với tiếng thằng điên rít rống liên hồi, bà mẹ bảy mươi ba tuổi ngồi trong nhà, không nỡ giấu mình và không thể cầm lòng được. Bà cụ đành mở hai cánh cửa sổ, nhìn ra cổng, mếu máo:

- Con ơi, con! Con đừng làm thế, mệt lắm, con ơi!

Nghe tiếng bà cụ, thấy cánh cửa sổ mở, như được thể, thằng điên lập tức bấu cổng, nhào lên:

- Tiên sư con mẹ già! Ra mở cổng ngay, không tao nã pháo vào vỡ tan cái nhà này bây giờ!

Khổ! Đặt cái mặt héo úa vào giữa hai vệt chân song, bà cụ lại sụt sịt:

- Con ơi, con vào bệnh viện đi! Con đừng làm thế, khổ thân con!

- Mở cửa ra! Mở ngay, không tao đặt bộc phá!

- Mẹ không có chìa khóa cổng. Mẹ chỉ có chìa khóa nhà trong này thôi. Con ơi, con về đi!

- Tao đếm đến ba, không mở tao sẽ phát hỏa. Một!

- Ối con ơi!

- Hai! Chỉ còn mấy giây sống nữa thôi, mẹ già. Hãy quỳ xuống cầu nguyện đi!

- Ối, con ơi! Ối các bác hàng xóm ơi! Các bác ra khuyên bảo cháu giúp tôi mới!

Nghe tiếng bà cụ kêu cứu, các tòa biệt thự xung quanh đang im lìm như chết mới hé hé cửa, động đậy. Ngõ nhỏ này toàn các biệt thự kiểu cách, sang trọng, khác hẳn các ngõ xóm toàn dân nghèo lấm lụi, sặc mùi xú uế. Ở đây nhà nào cũng kín cổng cao tường. Vừa riêng rẽ vừa tụ lại thành một quần thể riêng biệt, xa cách và khinh khỉnh. Đàn bà con gái ở đây mặc váy, đi ô, nôn nà, yếu điệu như diễn viên, tài tử. Đàn ông ở đây trẻ cũng như già, thầy đều phúng phính, phương phi, quan dạng từ cách đi đứng đến điệu bộ, nói năng. Kẻ giàu có là kẻ khôn ngoan. Hé cửa nhìn ra không có nghĩa là họ định xắn tay cứu giúp bà cụ. Ai dại gì mà dây vào thằng khùng, chẳng phải đầu lại phải tai. Họ chỉ ngại nó phát hỏa thật, giật bộc phá thật. Thằng cố cùng, ai mà lường được! Nhưng may quá, thằng liều này nó chỉ đánh vỡ mồm. Nhận ra điều đó, mọi

người liền thở phào và lấy làm thích lắm, vì vừa thoát nạn, lại được xem thằng điên nổi máu phá phách nhà người khác.

Bỏ cánh cổng, thằng điên bắt đầu chuyển sang giai đoạn ném gạch đá vào nhà Lộc - Liễu. Thật không khác gì nã pháo! Rồi đúng như trình tự chiến thuật chiến tranh cổ điển, sau khi phi pháo oanh tạc là bộ binh xông lên. Bộ binh chính là cái thân xác loẻo khoẻo, xương xẩu của nó. Nó cầm gậy đập nát diềm thủy tinh sắc nhọn, rồi bầy mớ dây thép gai leo lên. Rồi chẳng hiểu nó có phép thần thông quảng đại gì mà nhoáy cái, nó đã lọt vào sân với tiếng hô đặc thủng: “Xung phong... Sát!”

Bấy giờ đám đàn ông đàn bà lảng giềng mới mở cửa, lò dò bước ra, mon men đến trước hai cánh cổng tòa biệt thự nọ, ngo qua lỗ khóa vào nhà: họ xem.

Trong nhà, cửa mở toang. Thằng điên cầm đoạn côn gỗ, tay chống nạnh, mắt quắc quắc. Dưới sân nhà, bà cụ mẹ nó, ngồi ôm đầu, rên rĩ:

- Ối con ơi, con đừng nên thế, con ơi!

Thằng điên giậm chân, gầm:

- Mụ già câm ngay! Tao không thích nghe điệu nhạc bi lụy ấy.

- Con ơi, con đừng phẫn thế! Đòi người ngấn lắm. Con nên tỉnh lại đi! Con đừng để cái u sầu nó tích tụ trong người con!

- Thôi! Chán tai lắm rồi. Mọi sự thông thái đều nằm ở sự vật và hành động! Đưa tiền đây!

- Con ơi, anh mày chỉ đưa tiền chợ hằng ngày cho mẹ thôi.

- Lũ ngẫu tượng đuôi uơi mặc áo vì dân vì nước khốn nạn đang vây quanh bàn tiệc thịt người, hãy liệu hồn!

- Con ơi, con đừng uống rượu!

- Không uống rượu thì uống cái gì, hả mụ phù thủy?

- Sao con gọi mẹ thế, hả con?

- Mụ là tên vú già của bấy tử phú đồ, chuyên ăn xương uổng máu nhân dân. Mụ là con sen, con hầu của bọn vô lương, bấy khùng long thế kỷ.

Không hiểu hết ý tứ những lời thẳng con điên đại rửa sả, bà cụ tủi phận, co ro:

- Con ơi, con đừng buồn! Nó phản con cũng là vì hoàn cảnh. Hơn nữa, bố mẹ nó chết bom. Nó phải nuôi một đàn em.

Thằng điên thông tay đánh soạt, bật cười ha ha:

- Khi chân trời xa đã trở thành thực tại. Ta gặp lại bản ngã của ta. Thế giới này đã xẻ làm đôi. Vết nứt xuyên qua trái tim thi sĩ. Ta là thi sĩ của gió mây cao cả. Ha! Nôn tiền ra đây!

Bà cụ chỉ kịp ôm mặt kêu: “Ồi giời” và những kẻ thừa cơ được thỏa trí tò mò xem vở bi hài kịch hiện đại đang ghé mắt, nghển cổ cò ở ngoài cổng, bỗng giật bắn mình, bạt vía, chạy dạt đi. Choang! Choang! Xoảng! Xoảng! Đoàn cơn gió trong tay thằng điên văng, đập vào cái giường, đập vào mặt tủ kính. Vào bộ ly, đám bình, lọ, tượng. Vào các đồ kỷ niệm bằng sứ, bằng bạc, bằng đồng, bằng gỗ. Bị cơn hoang tưởng cấp tính chế ngự, thằng điên nghĩ mình là hiệp sĩ vùng gươm giữa trận tiền, vừa tả xung hữu đột vừa cất tiếng ca khoái trá:

Khắp gầm trời không có ai tội nghiệp

Hơn các người, hơn các thánh các thần

Các người nghèo nàn

Sống bởi đồ thừa cúng

Bởi khói hương thừa.¹

Ngoài cổng, sạch sành không còn một mống khán giả. Trong nhà, giữa tan tành đổ vỡ, bà cụ ôm đầu rên rĩ:

- Ối con ơi, bây giờ mẹ biết nói thế nào với vợ chồng nó, con ơi!

1. Thơ của Goethe.

*

Lộc năm mươi năm, trán trợt, cổ rụt, bụng xệ, lỗ mũi rộng, miệng dẫu, tướng khỉ. Liều kém chồng hơn hai chục tuổi, mặt đầy đặn, cân đối cả tam đình, ngũ nhạc, vẻ hiền thâm, nếu không có cặp môi dưới dày hơn trên và hai cái vú to căng, biểu hiện tình dục mãnh liệt hơn người.

Tay bóp cằm, răng nghiến chặt, nhìn theo bà mẹ đang lê cái chân đau, đưa chổi quét vụn mảnh gương vỡ tung tóe trên sàn nhà, Lộc rít:

- Cự lại mở cổng cho nó vào hả? Cự giết tôi!

Bà cự nghển lại, mặt bán diện, gầy róc rạc:

- Tôi nào có mở cổng cho nó. Mà tôi có chìa khóa cổng đâu!

- Thế thì tại sao? Tại sao nó vào được?

- Nó vào cách chi, làm sao tôi biết được!

- Thế nó lấy đi bao nhiêu?

- Có năm nghìn anh đưa tiền chợ hôm nay thôi.

Vò diêm tóc quanh đầu, Lộc nhăn nhó:

- Cự ơi, cự đừng có thương xót nó vô nguyên tắc thế!

Dịch từng bước ngượng ngập trở về cái phản, bà cự rên:

- Nó còn cầm côn khảo vào đầu gối tôi đây này. Khổ, nó thiếu, nó đói.

- Thiếu, đói gì! Nó là thằng phá hoại! Nó là thằng du côn, là thằng lưu manh, là kẻ cướp! - Phanh hai vạt áo *blouson*, Lộc gay gắt.

Bà cự chấm kẻ mắt:

- Khổ, nó là út ít. Nó chịu nhiều thiệt thòi, thua kém.

Lộc vàng người, bất thần như chạm nọc:

- Cụ còn đòi tôi thế nào nữa? Đón từ trại thương binh nặng về. Đưa vào bệnh viện sang nhất nước. Có chế độ bồi dưỡng đặc biệt. Thuốc Âu Mỹ đắt mấy cũng không tiếc. Rồi tiền bạc, quần áo, đồ dùng. Cung đốn hằng tháng có còn thiếu gì không? Mà tôi nợ nần gì nó?

- Khổ! Nó mấy năm phải đi bộ đội. Nó bị mảnh đạn vào đầu.

- Cả triệu người đi bộ đội, cả chục vạn người bị thương, chứ riêng gì nó?

- Tám tuổi, bố nó đã chết. Nó không được bố dạy bảo, kèm cặp. Tôi là đàn bà quê mùa.

- Thế thì tôi hơn gì nó? Mười hai tuổi tôi đi thoát ly. Tôi được hương hỏa mà dài gì ở cái gia đình này? Người ta đi bộ đội về thì thành anh hùng, dũng sĩ. Còn nó... Còn nó thành thằng điên! Mà điên gì nó! Báo cho cụ biết, từ hôm nay tôi coi nó như một phần tử lưu manh côn đồ, lớp cận bã xã hội, tôi không có nể nang tình nghĩa gì nữa...

Thấy Lộc to tiếng, đám đàn ông, đàn bà hiếu sự hàng xóm lập tức kéo sang. Được dịp, Lộc càng cao giọng phân trần, kể khổ. Đám người vây quanh nghe Lộc, gật đầu, chép miệng: Hóa ra bác Lộc quyền cao chức trọng, đi nước ngoài như đi chợ, vợ đẹp, nhà lầu mà có sướng đâu. Thật là tạo vật đổ toàn. Ông trời chả cho ai sung sướng trọn vẹn cả là vậy. Chả ai sung sướng cả. Đòi là vậy. Chao ôi, nếu cần tìm dẫn chứng thêm để chứng minh cho chân lý phổ biến trên thì có thể lấy ngay ở ngõ phố toàn biệt thự cao sang này. Ông Tướng B sau ba mươi năm chinh chiến, rất chịu khó thu nhặt chiến lợi phẩm và tận dụng nước sông công lính, có được sản nghiệp hơn năm trăm cây, một đêm bị thằng con lêu lổng cuỗm sạch rồi biến mất. Ông Thứ trưởng T mới được đề bạt, có cô vợ diễn viên trẻ măng, nào ngờ suýt chết vì đòn ghen của bà vợ cả răng đen. Ông K, Giám đốc công ty B. N có cả tài khoản gần nửa tỉ Mỹ kim gửi ngân hàng quốc ngoại có hai thằng con trai thì nghiện ma túy

cả hai. Kẻ bị lừa. Người bị trấn. Không thì lại bị chính người trong nhà bòn rút, chia sẻ, tàn hại. Lại có anh vừa vênh vang nhà cao cửa rộng chưa đầy tháng trời đã bị đồng nghiệp làm phản tố cáo, bị tóm gáy vào “nghỉ mát” ở nhà đá. Lắm ông về già tưởng có thể ung dung tận hưởng của cải một đời trộm cắp thì trời buộc miệng không cho ăn, vì ốm đau suy nhược lắt lay đến tội. Ấy thế, thoát khỏi đòn trả thù của người đời thì lại bị trời hành, bị số kiếp bó buộc, không sao xoay chuyển lại được, trở trêu quá!

Đứng giữa chúng sinh cùng cảnh ngộ, Lộc bị kích ứng, càng cao giọng gay gắt:

- Vẫn biết rằng nó là cái tai ách của gia đình tôi phải gánh, nhưng các bác xem, làm sao mà tôi chịu đựng nổi. Cứ vài ngày lại một vụ đập phá như thế này. Mà đã hết đâu. Nó phá phách, gây gỗ, trộm cắp ở tận đâu tận đâu, người ta cũng kéo đến đây nhè đâu tôi ăn vạ, đòi đền bồi. Đây, tuần trước nó cầm mái chèo chém vỡ đầu một ông thuyền chài, vợ ông ấy dìu chồng ôm đầu bông băng đỏ loét đến đây, tôi lại phải chi cho người ta hơn một chỉ mới yên. Cụ thấy tôi có nói sai tẹo nào không? Cụ nói cho bà con hàng xóm nghe đi!

Bà cụ ứa nước mắt:

- Tội là do tôi, các bác ạ. Con dại cái mang. Nó điên khùng, rồ dại, hư hỏng là do tôi không dạy nó.

Lừa mắt lườm mẹ, Lộc ngoắt người, đánh tay:

- Sao hồi đi bộ đội, nó không chết mẹ nó đi cho xong!

Bà cụ khóc òa:

- Ôi con ơi, sao mà không chết hồi đi bộ đội, con ơi!

Quay lại, mắt tím lịm, Lộc tàn nhẫn:

- Tôi nói thật đấy. Chết toàn đứa tốt. Sống toàn loại không điên khùng dại ngỗ thì cũng vô tích sự!

Bà cụ ngửa mặt lên trời, hò thảm thương:

- Ối con ơi, sao mày không chết hồi ấy, hả Tự ơi!

*

Tự ơi, sao con không chết ngoài mặt trận, hả con? Ở ngoài mặt trận nhiều người chết lắm cơ mà. Có người chưa kịp ghi tên vào đơn vị đã chết. Có người chưa kịp tham gia một trận đánh nào đã chết. Chết vì bom đạn, vì đói khát, vì thú dữ ăn thịt, vì sốt rét ác tính. Chết gì thì cũng được mang danh thơm liệt sĩ. Liệt sĩ thì danh giá cho mẹ già. Mẹ già được phát bằng Tổ quốc ghi công. Được tiền tuất hằng tháng. Riêng tháng Bảy thế nào cũng được đại biểu ủy ban, Phòng Thương binh và Xã hội đến ủy lạo, tặng cái khăn mặt, gói chè hương. Vợ chồng Lộc - Liễu cũng được tiếng thơm lây. Em là liệt sĩ được ưu tiên nhiều thứ lắm!

Thế mà tại sao Tự lại không chết? Giặc tan lại lù lù dần thân xác về. Mà nào có ra thân xác. Gầy gò, hôi hám, chỉ còn một nửa phần hồn, phần xác là quen, còn thì lạ lẫm lắm! Lạ lẫm, vì xưa có bao giờ như thế. Đặt cái *ba lô* rách xuống đất là ngồi phứa lên trên, lục cái điếu làm bằng ống pháo hút re re, nghe hàm răng xỉn như răng người chết, ngộ độc, thở khói phù phù. “Con ơi, bố mày xưa phát ho phát hen vì thuốc lá thuốc Lào đấy. Bỏ đi! Hút vào, ỉa ra khói, lại bệnh tật nữa.” Bà cụ giật cái điếu. Nó giằng lại, cười khì khì: “Mẹ kiếm cho con ít rượu đổ vào điếu, hút mới khoái!”

Giữa sống chết thì sống bao giờ cũng khó khăn hơn và gây phiền cho mọi người xung quanh hơn. Đàng này Tự lại sống dở. Mười bảy tuổi tình nguyện đi bộ đội. Lấy máu viết đơn mới được đi. Anh hùng thật, nhưng đã thành người dâu. Học vấn dở dang lớp chín. Tính nết chưa ra người lớn. Như cái thứ bán thành phẩm, khi trở về, cũng vẫn là cái của dở dở ương ương như thế. Nhưng dở dở ương ương thì cũng vẫn phải ăn. Vẫn

phải ăn, cũng có nghĩa là phải làm. Nhưng làm gì được? Nghề nông không. Chữ nghĩa quên sạch. Súc đã bạc, động tay động chân là thở phì phò như ông già. Cũng chẳng còn thói quen cần cù nữa. Thôi đành tìm việc thở mồm đơn giản để có đồng lương lần hồi vậy. Nhưng xúc đất ở công trường đào hồ thủy lợi được một tuần thì Tự dùng dùng bỏ về. Bỏ về vì vỗ ngực ta đây là chiến sĩ Trường Sơn và đánh trật xương vai ông đội trưởng, chỉ vì ông này dám phê bình Tự là kỷ luật lao động kém. Từ đó, làm ở đâu cũng chỉ được vài ngày là người ta lại xin kiếu, vì đã lười, dốt, lại hay gây gổ. Là gây còm, yếu ốm vậy mà rất hay gây sự đánh người. Ai lại dám cầm cả cái xẻng mà nện vào đầu người ta! Lẽ ra phải ra tòa nhưng vì xét là thương binh, bị chấn thương sọ não nên chỉ sa thải và bắt bồi thường tiền.

“Mày quá đáng lắm rồi đấy! Liệu mà tu tỉnh đi!” Sau lần nhận Tự từ trại thương binh, rồi đưa vào viện điều trị về, Lộc chỉ mặt thằng em, cảnh tỉnh và đón bà cụ lên ở với mình. Tự ở một mình. Ở một mình chứng nào tật ấy càng tha hồ ngựa quen đường cũ. Rượu uống tràn. Một mình làm vua, làm giặc trong nhà. Bán hết cái bàn, cái tủ đến cái nhà, rồi đi lang thang, ngủ bờ ngủ bụi, mái hiên, gầm cầu. Bà cụ xót xa cho con quá, đành chấp tay vái tứ phương. Một ông cán bộ bảo: “Đó là một thế hệ mất phương hướng sau chiến tranh.” Một bác sĩ nói: “Cậu ta bị mất một cái gì lớn lắm nên hụt hẫng, mất thăng bằng. Thêm nữa, tình dục bị dồn nén không được thỏa mãn.” Một thầy bói phán: “Cậu này bị ma ám. Nhìn cái ấn đường biết còn gặp tai biến đấy, cụ ạ.” Thế là hết thuốc Tây lại lá lầu Đông y; cuối cùng bà cụ đi các đền miếu chùa chiền, lập đàn, dâng sớ, đốt hình nhân, đội bát nhang giải cứu cho linh hồn Tự.

Kết cục đâu vẫn hoàn đấy. Vẫn như mọi hôm, trẻ con nó lại réo gọi: “Bà ơi, chú Tự chú ý đang diễn thuyết ở ngã ba Bà Triệu - Hàm Long kia kìa!” Bà cụ vội tắt tuổi chạy đến. Tự

đang đứng giữa vòng trong vòng ngoài những người là người. Áo quần như giẻ lột nổi. Mặt vừa vêu vao, u uẩn vừa ma mĩnh.

- Con ơi, con tỉnh hay mê? - Bà cụ gọi.

Tự chỉ tay:

- Bó Cao Trân, mi đặt điều dối gạt, bắt chấp thị phi. Dù mi chạy đến tận chân trời ta cũng bắt được mi.

Tự nói gì mà như đọc tích cổ nước Tàu vậy. Bà cụ ngơ ngác chưa kịp hiểu thì Tự đã xắn tay áo, mặt trắng bệch, sợ hãi và yếu đuối, rên rĩ:

- Bốn bề là lính thủy Mỹ, ta đành từ biệt pháo vậy, pháo ơi! Phải đặt bộc phá. Phá pháo thân yêu của ta, ta xót xa lắm chứ. Nhưng pháo ơi, người có hiểu rằng ta còn chịu sự xót xa, cay đắng hơn thế nhiều không? “Đồng chí Tự, tôi phân công đồng chí mở đường máu!” Thăng Doãn nói thế. Nó lừa tôi, để tôi biến thành ma, để tôi thu hút hỏa lực của bọn Mỹ, cho nó rút an toàn. Bó Cao Trân! Thế giới này không cam nín với người cần mẫn. Cứ bước đi, ta sẽ tới Thiên đường!

Toét! Toét! Hai bóng áo vàng huýt còi chạy vụt tới.

- Yêu cầu bà con giải tán! Không nghe luận điệu địch! Anh kia tên gì? Ở đâu đến?

Bà cụ gào:

- Con tôi đấy, các anh ơi!

Mọi người ồn ào. Đúng là thằng tâm thần, trí óc lộn tung phèo, ký ức sai lệch, đầu Ngô mình Sở, như trẻ nhỏ trong cơn kích động...

Lê cái chân đau sang nhà hàng xóm, bà cụ âu sầu, rĩ rả:

- Bác ơi, ông bác sĩ hỏi tôi, tôi bảo: Nhà tôi cả bên nội lẫn bên ngoại, ba, bốn đời ghi trong gia phả, không có ai mắc chứng điên dại cả. Còn thằng này, hồi chưa đi bộ đội, nó ngoan lắm, nét na, thù mị như con gái chứ! Mười sáu, mười bảy tuổi không biết la cà hàng quán, không biết nói tục, đi đâu cũng

núp sau lưng mẹ. Mà học giỏi lắm. Các thầy giáo, cô giáo đều quý mến! Nhất là ông giáo Đức dạy Sủ, thấy cháu học một biết mười, còn nhận cháu làm em nuôi cơ mà. Hôm trước khi đi bộ đội, nó còn gói ghém sách vở, bảo tôi giữ gìn cẩn thận để về sẽ học tiếp: “Con sẽ thành nhà sử học, nhà toán học, hay nhà vật lý. Con sẽ nuôi mẹ đảng hoàng, sẽ đem vinh dự, sung sướng về cho mẹ.” Ý nói là chê trách thằng anh nó giàu có mà bủn xỉn với mẹ đấy, các bác ạ.

Hết mạch chuyện, bà cụ lại gõ cửa nhà khác. Lại phân trần vân vî và thêm lời xin lỗi vì làm ồn ã, phiền hà đến bà con xung quanh. “Thôi, cũng là vì hoàn cảnh, chứ ai muốn con mình nó thế, hả bác? Bệnh trạng gì mà khổ cho người, khổ cho mình thế! Tôi đến thăm cháu ở quân y viện. Ông bác sĩ giỏi nhất khoa này nói: “Cụ ơi, cụ thử hình dung thế này nhé. Nhà có năm người. Giả dụ thế. Cả năm người đều sưng phổi, sốt rét. Nhưng vẫn có thể là yên tĩnh. Vậy mà khu phố đông một vạn dân, chỉ cần một người mắc bệnh tâm thần là đủ hỗn loạn rồi. Đó, bệnh này nó phiền phức là vậy. Nhưng ác cái bệnh này là do cái gì sinh ra thì chưa ai hiểu cho hết ngọn ngành cả. Nó đâu như cái dạ dày, khúc ruột mà chiếu điện, mà mổ phanh ra để xem tận mắt được!”.”

Hàng xóm ở đây toàn những kẻ hiểu biết cả nên thông cảm lắm nhưng cũng thóc mách tinh quái lắm.

- Cụ ạ! - Họ nói. - Tôi nghe chú ấy nói, thấy trong cái giả có cái thật đấy. Chú ấy khôn ra trò. Đọc cả thơ của ông Goethe thi sĩ vĩ đại người Đức đấy chứ. Vậy đâu có phải loại đàn ngu không biết gì!

Bà cụ gật đầu:

- Cái đó thì cũng có.

- Bây giờ cách chữa chạy tốt nhất là để cho chú ấy nói ra hết, cụ ạ.

Bà cụ ngây mặt, rồi lắc đầu:

- Nhưng mà tôi biết làm thế nào bây giờ? Tôi chỉ biết thương nó thôi. Tôi nhớ nó lắm. Khổ, hồi chưa đi bộ đội, cháu ngoan lắm, nết na, thùy mị như con gái ấy chứ. Mà học giỏi lắm. Thấy cháu học một biết mười, ông giáo Đức dạy Sủ quý lắm, còn nhận làm em nuôi kết nghĩa cơ mà. Ông giáo Đức người cũ kỹ, ăn mặc xuềnh xoàng nhưng giỏi giang, trực tính lắm. Có bạn thấy ông lãnh đạo tỉnh, thành phố nói sai, còn dám đứng lên cự lại cơ mà. Đấy, nhắc đến ông giáo Đức là lại nhớ đến con.

Lấy khăn tay, bà cụ lau đôi mắt ướt nhoèn.

*

Tự đến là hạch tiên, là phá phách. Nhưng nước mắt có bao giờ chảy ngược! Tự không đến thì bà cụ lại nhớ, lại buồn, lại thương, lại lo, đến mức suốt ngày bà cụ vợ vẫn vào ra, chốc chốc lại ngó ra cổng. Quái, cái thằng này mấy hôm nay nó đi đâu, ở đâu?

Nửa tháng qua. Rồi ba tuần qua. Hôm nay, đang định bụng lân la ra phố để hỏi trẻ nhỏ xem có thấy Tự ở đâu không thì nhác thấy bóng người ở ngoài cổng.

Tim đập dồn, thập thễnh chạy ra, bà cụ vừa định reo, vội ngậm miệng, lùi lại ngỡ ngàng:

- Chào cụ ạ!

- Ồ... ơ... bác. Chào bác... Bác hỏi ai ạ? - Bà cụ líu lưỡi.

Đứng trước cánh cổng không phải là Tự mà là một ông lão đội mũ lá cọ, vành to bằng cái nia, mặc áo bà ba màu nâu tây rộng thùng thình, vai đeo tay nải nâu, thoạt trông như người nhà Phật đi hành hương. Nhìn kỹ thì thấy không phải. Vì còn có bộ râu mới nuôi rồi rít, ngồ ngổ và mặt còn nhiều trắc ẩn, lại bí hiểm cổ quái, lập dị khác thường. Nhìn kỹ nữa thì lại thấy

có nét nhang nhác quen thân. Cái khuôn mặt hình thuẫn cổ sơ, cái sống mũi gãy, cái khuôn miệng móm thụt vào và nhất là hai con mắt trẻ như đặt lằm chỗ, đúng là những hình nét đã được lưu giữ trong trí nhớ bà cụ, nhưng thời gian khiến chúng trở nên nhòa mờ đi ít nhiều rồi nên bây giờ ngỡ lắm.

- Cụ không nhận ra tôi rồi!

Người nọ vừa theo bà cụ đi vào nhà vừa nói thầm trong chòm râu, rồi thoát một hơi thở dài khi ngồi xuống chiếc đơn, đoạn đặt cái tay nải lên đùi, lôi ra một chiếc cặp da đen, ngẩng lên, đột ngột và tự nhiên.

- Chú Tự có nhà không, cụ?

Chiếc cặp da đen đã sờn các đường diềm. Thêm một hình sắc quen thuộc nữa. Bà cụ lập cặp rót nước. Và khi đặt chén nước trước mặt người khách thì ký ức đã lần giở đến nếp nhăn cuối cùng, bà cụ liền như buột miệng:

- Thầy giáo Đức!

Chỉ chờ có thế, người khách liền ngửa cái mắt trũng lên trời, vuốt râu cười hơ hơ:

- Thưa cụ, cụ còn tinh tường lắm. Cháu chính là thầy giáo Đức dạy Sử ở trường cấp ba Lào Cai năm nào đấy. Cháu là anh kết nghĩa với em Tự, con cụ. Còn nhớ hôm đến uống rượu ở nhà cụ, cụ thịt con ếch hai kilô.

Bà cụ nhăn trán cố nhớ xem đã có lần nào thịt con ếch hai kilô đái ông giáo không thì ông giáo đã đặt tay vào khóa cặp, vai so lại, mặt ngây ngây:

- Thế đây, ta đã đi qua bao bão tố để từ anh hùng trở nên triết nhân. Thưa cụ, chắc là cụ thấy đường đột vì sự có mặt của cháu trong căn nhà này. Nhưng xin cụ cứ yên lòng. Cái gì cũng có nguyên ủy của nó. Giống như vũ trụ. Thoạt đầu là cái hỗn mang. Rồi cái tiên thiên. Cái thái cực. Thái cực sinh lưỡng

nghi. Lưỡng nghi sinh tứ tượng... Cứ thế, nhất biến thiên. Thiên biến vạn. Vạn biến ức. Ức biến thành hằng hà sa số!

Se sẽ ngồi xuống, không kịp chen vào lời thăm hỏi, bà cụ liền bị chìm vào đám chữ nghĩa mỗi lúc một mù mịt, rối rắm của ông thầy. Đến mức lúc sau bà cụ phải sợ hãi, kêu thảm: Hay đây là một thầy Đức giả? Thầy Đức xưa coi Tự như môn đệ, sáng láng lắm, chứ đâu tù mù, hỗn độn, lòng dạ không yên hòa thế này!

Ngưng mạch nói chỉ là để nuốt hơi, thầy Đức vừa mở nắp cặp vừa tiếp; giọng lại chuyển thành nghề ngà:

- Hà, sớ dĩ biết địa chỉ của em Tự là bởi vì sau hơn mười năm xa nhau, hai thầy trò chúng tôi cùng đi bộ đội, rồi lại kỳ ngộ nhau ở nhà thương điên. Hà! Tôi phải phát đơn kiện cái sự lạm dụng, dùng sai danh từ này! Sao lại điên? Điên là gì? Là phải trái bất phân! Thế thì tại sao tôi và em Tự lại vào nhà thương điên để họ bắt tắm nước nóng, tập thư giãn và uống Aminazin được? Không, tử vi tôi và Tự giống nhau. Thái dương cư ở ngọ, tức là có sự chiếu sáng rực rỡ. Cụ môn cư ở cung quan, mà quan đóng ở đầu, tức là bị mang tiếng thị phi thôi. Không có khoản điên loạn ở đây! Vấn đề là họ không hiểu lịch sử xã hội là do tự nhiên quyết định. Chiến tranh, con người lẫn xả vào chém giết nhau, đâu có phải vì lòng tham, mà là do thời gian đó vũ trụ gặp bốn chu kỳ: tháng cận điểm, năm xuân phân, tháng trường trọng lực và chu kỳ vết đen trên mặt trời.

- Mời thầy xơi nước ạ.

Bà cụ cố chen lời. Nhưng nhắc chén nước lên, người nọ lại đặt xuống khay, ngắt ngừng:

- Thế nên tôi có ba lời khuyên với em Tự. Một là, giả vờ ngậm Aminazin thôi, chứ không uống, vì ta còn giữ sức để làm việc cho đời. Hai là, trời không sắp bên sắp thuyền cho em, bắt

em phải biết cay biết đắng. Ba là, ta được duyên trời cho, nhìn xa được một thế kỷ. Mong em hãy giữ sự quân bình. Còn đây...

Rút từ trong chiếc cặp da đen sòn rách ra một tập giấy lớn, ông thầy nhìn bà cụ chằng chằng:

- Bây giờ tôi xin hỏi cụ: Vũ trụ quan của cụ là gì? Nhân sinh quan của cụ là gì? Hơ hơ... Tôi hỏi thế để tôi giải đáp. Tôi có thể trình bày với cụ hai vấn đề trên: hai năm liền, hoặc hai tháng, hoặc hai giờ, thậm chí... hai giây. Thưa cụ, điều đó tôi có ghi chép hết ở trong tập giấy này. Đây là công trình tôi và Tự đã cùng nhau bàn bạc, nay tôi chấp bút đã xong, tôi đưa đến để Tự đọc góp ý. Công trình có tên là *Hướng về ân đức Bà Chúa Thượng ngàn*. Trong này có đạo, có pháp, có nhân sinh quan là: liệu cơm gắp mắm, có phương châm của thời đại bao gồm các phương lược giúp đời cứu nước. Dạ, xin cụ đừng giạt mình trước Giao thừa chó sủa!

Lại nhắc chén nước, hai mắt trắng dã, thầy bật tiếng cười lạnh tanh:

- Xin cụ đừng giạt mình trước Giao thừa chó sủa!

Bà cụ co người, rét run. Trời ơi! Chẳng lẽ thầy giáo Đức cũng có một mảnh đạn trong đầu? Mảnh đạn ở đâu mà lắm thế! Rồi cụ rên khe khẽ:

- Thầy ơi, thầy có biết em Tự em ý giờ ở đâu không, thầy?

*

Giờ này con ở đâu, Tự ơi?

Lòng dạ con đã yên ổn hay con lại đang lang thang đây đó như thầy giáo Đức, ngêu ngao hết chuyện này sang chuyện khác, rõ ý thiện tâm thành mà cứ như ăn nói quàng xiên, vô nghĩa?

Chết thôi! Đến nhà thầy giáo Đức thông sáng hơn người mà cũng thế à? Nhất biến thiên. Thiên biến vạn. Nếu cứ như

thế thật thì sợ quá. Thì hóa ra đòi người sống ngắn ngủi mà lắm đôn đau, oan khiên. Khổ! Đòi người được bao lắm, khôn ngoan còn chẳng ăn ai, một chín một mười tranh cạnh còn khó, huống là những quái trạng, cô hồn, tiên thiên hậu thiên bất túc. Lúc này đây, ai cũng chẳng mang nổi mình, còn ai lo được cho ai, nữa là thiên hạ xưa nay vốn quen phù thịnh chứ có ai phù suy. Vậy nên con ơi, nhiều tâm thì thiệt mình, khổ mình thôi, con ạ. Đòi gấp ghềnh vốn chỉ ưa với kẻ cứng rắn là thế, nhưng con ơi, chả lẽ chỉ vì vậy mà lại khuyên con gạt nước mắt, bỏ ước nguyện, nhịn nhục cho qua ngày?

Bị hình ảnh thầy giáo Đức ám ảnh, bà cụ ngày đêm sốt ruột sốt gan lo sợ cho số phận Tự. Nhất là mấy hôm sau, có tin người ta vớt được xác một ông già mặc áo bà ba, đeo tay nải ở con mương nước thải gần ngõ phố này. Không hiểu là ông cụ tự vẫn hay đi vợ vẫn ngã xuống nước lúc tâm thần mê loạn.

Giờ này con ở đâu, Tự ơi? Ngày đêm bà cụ mong ngóng Tự trở về. Và rốt cuộc Tự đã trở về! Tự đã trở về trong nỗi nhớ mong của mẹ, sau gần tháng trời thầy giáo Đức đến thăm không gặp.

Đó là một trưa mùa xuân.

Điều kỳ lạ là lần này khác hẳn mọi lần trước. Không có tiếng giạt cửa. Không có tiếng réo gọi. Không có lời chửi càn ngôn ngạo. Không có cảnh đập phá, và sự việc xảy ra rồi mà mãi một lúc sau bà cụ mới được biết. Vì mãi sau mới nghe tiếng ai nhang nhác tiếng Tự đối đáp chát chúa ở trên gác hai. Chạy ra sân, bà cụ kinh hoàng. Phép lạ siêu thường gì mà Tự lọt qua được hàng dây kẽm gai đã được Lộc gia cố và leo lên được gác trên. Bà cụ run hết cả chân tay vì cùng lúc ấy nghe tiếng tru khiếp đảm của vợ Lộc:

- Ối bà con ơi, cứu tôi với!

Lúc ấy, như đã định liệu trước, hai cánh cổng liền bị đẩy mạnh, mở toang. Lộc dắt xe máy vào, theo sau là mấy người công an.

Trong buồng ngủ trên gác hai chỉ có Liễu và Tụ. Tụ áo quần rách nát, mặt gầy lộ cốt có mấy vết cào rớm máu, miệng trễ, hai bên mép nhót dài nhều nhệch lòng thông như đang lên cơn dại. Vợ Lộc, một bên dải váy ngủ đỏ lòe đứt thông, da thịt nồng nồng, tay ôm cái gối tròn thế thủ, mắt đỏ gắt, vừa thấy Lộc cầm chiếc gậy xông xộc đi vào, liền tru tréo:

- Ối, anh Lộc! Nó định cưỡng hiếp em! Thằng khốn nạn!

Lộc dừng lại, trán nhẩy bóng, bụng phập phồng, trở gậy vào mặt em trai, thở hồng hộc:

- Thằng khốn! Điên gì mà!

Tụ ôm mặt, ngửa lên trần nhà, người rúm lại tựa như bị một cơn đau thắt siết ngang ngực gậy.

- Đồ du thủ du thực! Thằng mất dạy! - Lộc nhe răng găm ghè. - Tao không thể ngờ mày có thể đểu giả đến như thế! Lần này thì tao không thể tha thứ cho mày được. Điên gì mà!

Dứt lời, Lộc vung gậy nhằm đầu Tụ phang đòn chí tử. Tụ buông tay, tỉnh hẳn và nhanh dẻo như vượn, vươn tay đỡ được đầu chiếc gậy vừa giáng xuống. Trạng thái phi thường xuất hiện. Tụ nín hơi phóng xuất nội lực dự trữ, giật mạnh chiếc gậy và co chân đạp mạnh vào bụng Lộc, rồi phất ra cửa, nhảy từ tầng hai xuống mảnh sân trước nhà, động đầu gậy xuống sân, thét lớn:

- Tao không điên! Tao không điên! Bớ tên Cao Trân kia!

- Bắt lấy nó hộ tôi! Bắt lấy nó, các đồng chí ơi!

- Ừ, bắt lấy nó! Nó! Nó đấy! - Chỉ mặt anh trai, gào mấy hơi ngắn, Tụ như phi thân tót lên bờ tường vi.

Lộc từ tầng hai lệch dèch chạy xuống, ôm mặt hỗn hển và lấp bắp:

- Thằng... điên! Thằng... khốn nạn!

*

Tối hôm ấy bà cụ sang hàng xóm xin ngủ nhờ. Hôm sau bà cụ bắt đầu đi rong phố. Chỗ nào có dăm bảy người là đứng lại, mặt ngơ ngẩn, chả ai hỏi cũng cao rao:

- Ngày nó đi bộ đội, nó dắt người yêu của nó đến nhà thằng anh nó. Nó bảo: “Anh Lộc ơi, ở nhà, anh trông nom cô ấy hộ em nhé!” Cô ấy tức thị là vợ thằng anh nó bây giờ đấy, các bác ạ.

Người nghe ngơ ngác hỏi: “Cụ kể chuyện ai đấy?”, thì bà cụ bỏ đi, tay ôm mặt, hờ: “Ồi con ơi, sao mày không chết ở ngoài mặt trận, để bây giờ đỡ dương thế này, con ơi...”

1991

NGƯỜI GIÚP VIỆC

Hoàng nhăn trán, nhìn tôi vừa dò hỏi vừa có ý luận bàn:
- Gọi là gì được nhỉ, ông? Con sen, người ở thì không được. Có phải là tôi đòi, đầy tớ chuyên hầu hạ mình đâu. Vú già cũng không ổn. Mà gọi là u già thì thấy... nó chẳng nói được cái quái gì. Ấy thế, khái niệm thì đã hoàn thành mà từ ngữ xem ra còn mờ ảo lắm.

Tôi ướm:

- Thì nó là gì ta gọi toẹt ra thế. Anh thuê người ta về để giúp việc gia đình...

- Hay! - Hoàng cướp lời tôi, tán thưởng. - Có lẽ thế mà hay. Mình thuê bà cụ về giúp việc. Thì gọi luôn là người giúp việc cho nó dễ hiểu. Người giúp việc! Tạm được đấy. Rồi sau cuộc sống sẽ lựa chọn từ ngữ nào đích đáng hơn thì tùy nó.

Người giúp việc! Cụm từ ghép xem ra có kết hợp chặt chẽ mà không gượng! Cái cụm từ ấy dùng để duy danh, định chức một lớp người làm cái công việc phù trợ ở các gia đình sung túc trong thành phố có một thời đã thừa thớt, nay lại được dịp nảy nở rầm rộ. Ấy thế, buôn bán, dịch vụ phát triển, cửa hàng của họ mọc chi chít, các ông bà chủ còn đâu hơi sức mà lo toan công việc nội trợ gia đình. Ấu cũng là một sự phân công lao động. Gia đình Hoàng bạn tôi không buôn bán, không có cửa hàng. Hoàng là dân viết lách, công tác ở một tạp chí. Cô vợ là

kế toán hợp tác xã. Họ bận rộn, cần có người giúp việc là một nhu cầu thật sự.

Người giúp việc cho gia đình Hoàng kể từ buổi Hoàng bán khoản việc định danh với tôi khoảng một tuần lễ sau mới có mặt. Đó là một bà cụ đã ngoại sáu mươi, vóc thấp nhỏ, da bánh mật, gương mặt được tạo bằng những nét gãy góc, miệng móm, dáng vẻ nhanh nhẹn nhưng cần cỗi và lam lũ.

Phút đầu tiên gặp bà cụ ở cái máy nước công cộng, thấy bà cụ thành thạo vận cái vòi *rôbinê*¹, nhắc nhở trẻ con xếp hàng thứ tự sau trước, thái độ rất hiền hòa, tôi nghĩ bà cụ vốn đã quen thuộc với sinh hoạt phố phường. Nhưng chỉ thoáng sau tôi đã nhận ra, bà cụ chẳng giấu nổi vẻ quê mùa thâm căn cố đế ở cái động tác khom cổ đổi vai gánh đôi thùng nước, ở cái dây yếm đeo trên khúc cổ gầy và cái quần chân quê bạc phếch cứng quèo của mình. Bà cụ nhập cuộc thật bén ngọt vào gia đình Hoàng. Đến mức nghe cái khúc luyến láy bà cụ ngọt ngào dỗ dành đứa bé bốn tuổi và ru rín đứa trẻ mới sinh của vợ chồng Hoàng, nhận ra cái vẻ tự nhiên khi quét dọn, thu vén nhà cửa và buổi trưa bảo trẻ con hàng xóm đi chơi, trật tự cho vợ chồng Hoàng nghỉ ngơi, còn mình thì ngồi ở hàng hiên lẩn mẩn nhặt sạn trong rá gạo để sửa soạn bữa chiều... thì lại nghĩ rằng: Đây đích thị là người mẹ đẻ ra Hoàng hoặc mẹ vợ Hoàng, ở quê mới lên thăm nom con cháu. Bà cụ đã là một thành viên hữu cơ gắn bó với gia đình cán bộ này.

Được một bà cụ giúp việc như vậy, Hoàng mừng lắm:

- Thôi, thế là mình được giải phóng. Bây giờ tha hồ mà nghiên cứu, viết lách và đi điện dã. Nghề viết mà cứ ru rú ở nhà thì cùn mòn, mai một dần đi. Bốn năm nay chân cứ như bị xích, ông ạ.

Nhìn tôi gật gù, Hoàng tiếp:

1. Robinet (tiếng Pháp), nghĩa là vòi nước.

- Mà vợ mình cũng nhàn nhã. Đi làm về còn rảnh rỗi cầm tờ báo, cuốn sách mà đọc. Rồi còn túc tắc kiếm thêm nữa chứ. Cái máy dệt Singer ông bà ngoại đi Nhật về cho, bỏ xó đấy, nay may ra mới vào cuộc làm ăn được.

Cuộc sống có những chương hồi thú vị là thế đấy! Nói chính xác hơn, len lách giữa những khổ ải, cơ cực vẫn có những giây phút hài lòng, thích thú, vì con người có bao giờ chịu thúc thủ, con người giành giật từng cơ hội nhỏ để cải thiện cái đời sống luôn là eo hẹp với khát vọng của mình. Quả là đời sống của anh cán bộ bây giờ eo hẹp và chật vật quá! Thời giá, lương lậu là điều nói mãi rồi, không nói nữa. Chỉ nói riêng cái khoản nội trợ gia đình thôi lắm lúc cũng đã thấy đời mình vô nghĩa quá, nó chỉ là những mất xích liên hoàn của những việc cơm nước, giặt giũ, mua gạo, mua dầu, mua mắm, mua muối, quét dọn, bế con... bù đầu lo toan, hết ngày này sang ngày khác, như cái ách không sao cởi gỡ được, mà cởi gỡ sao được khi trình độ tổ chức xã hội còn kém cỏi thế này. Mùa đông, sớm bưng hai vợ chồng đã gặp nhau dậy, điện cúp mất rồi, lập cập, rờ rẫm lẫn lẫn như sẩm sờ dậy, tìm diêm, châm bếp, nấu nướng, rồi đánh thức con, nhào nhào vội vã, cẩu gắt nhau ôm tởm, cho kịp giờ đưa con đến mẫu giáo, vườn trẻ và kịp giờ đi làm. Chiều về cũng lại cái nhíp điệu ấy nhưng uể oải hơn, vì đã thấm mệt rồi.

Hoàng bốn mươi. Vợ Hoàng mới hăm nhăm, xinh xắn, sinh ra trong một gia đình khá giả, được cưng chiều thành ra vừa đài các vừa ngại việc, lại vụng đường nữ công gia chánh. Đàn bà mà thịt con gà không biết, kho cá, muối dưa cũng chẳng sành, nói chi đến nấu nướng những món ăn cầu kỳ. May vá thì từ cái tã trẻ sơ sinh cũng nhờ bà ngoại. Thêm nữa, sau hai lần sinh nở, chị chàng tự coi như mình là kẻ có quyền ngồi đấy mà sai bảo và hưởng sự săn sóc, chăm nom của kẻ khác. Mọi việc nhất nhất đều rơi vào tay Hoàng, từ việc mua gạo tới việc đính cái cúc áo cho đứa con trai bốn tuổi. Cái thói

đời hể cứ bận bịu là y rằng sinh sự với nhau. Cáo gắt với nhau đã thành cơm bữa. Quá mùa ra mưa, chưa đến mức đòi ly dị nhưng đã đến độ bới móc nhau và ai cũng cho người kia là nguyên nhân mọi nỗi khổ của mình, là kẻ có tội với mình. Có hôm, tắt cả ti vi rồi, thấy Hoàng vẫn còn dong đèn làm cá bẻ, vợ tôi ngó sang, ái ngại: “Anh Hoàng mua cá làm gì cho nó vất vả ra!” Hoàng nửa đùa nửa thật đáp: “Thế mới là thân làm tội đời, chị ạ. Biết thế này, lấy bà vợ già, được cơm dẻo canh ngọt mà chẳng phải động tay, có hơn không!” Ấy thế, bận bịu cực nhọc quá, việc chính của mình đã không làm được, thời gian bị cắt vụn ra, rồi tiêu hủy luôn vào hư vô, lại còn sinh ra rắc rối, lung củng trong quan hệ vợ chồng nữa. Xem ra, có thành thời thì mới có cái gọi là thuận hòa được!

Giờ thì khác hẳn rồi! Một nếp sống, một bầu không khí, một phong vẻ khác! Một người phụ nữ như Phật Bà xuất hiện đã biến đổi căn bản khung cảnh đời sống gia đình Hoàng. Hoàng nhẩn nha, thông thả. Vợ Hoàng còn nhẩn nha, thông thả hơn cả thời gái son. Đi làm về, mâm cơm đã dọn sẵn, hai đứa trẻ đã tắm rửa sạch sẽ, bi bô trò chuyện với bà cụ. Chum nước đầy có ngọn. Mọi khi còn là hô chồng mau chân ra xếp thùng ngoài máy, giờ giới nước ào ào không biết tiếc. Cơm nước xong, hai vợ chồng còn đèo nhau đi xem phim, đi dạo mát trên Hồ Tây, cố sống lại cái thời kỳ còn đang tán tỉnh nhau, chẳng hề bận tâm đến con cái. Bởi vì bà cụ giúp việc đã chịu khó, lại khéo đỡ trẻ. Bà cụ có duyên với trẻ. Thoạt gặp, cả hai đứa đã bó bẹn ngay với bà cụ. Thành lớn đêm nào cũng đòi ngủ với bà cụ, để nghe bà kể chuyện cổ tích, để được bà vừa hát ru ngủ vừa vỗ mông nựng nọt. Những chiều thu hây hẩy thấy bà cụ tay bồng đứa nhỏ, đứa lớn bên chân, tha thẩn ngoài sân rộng, chỉ cho hai đứa trẻ hình ông trăng trắng như sáp trên cái khoảng trời mênh mang xanh lướt, mở ra cho chúng một thế giới xa lạ với hiểu biết trẻ thơ thì cảm xúc về bà cụ mới thật là hoàn thiện

trong Hoàng. Bà cụ thực sự là một bảo mẫu về trí tuệ và tình cảm cho những đứa con của vợ chồng Hoàng!

Tuy nhiên để có được sự thanh nhàn, sung sướng ấy, Hoàng cũng phải tốn kém. Hoàng ghé tai tôi:

- Mình nói riêng với ông thôi nhé, vợ chồng mình chưa tính toán, chứ đặt bàn cân lên thế nào cô ấy cũng sẽ như bà mẹ, nghĩa là kêu toáng lên là mình hoang phí cho mà xem.

Ngừng lại tí chút, Hoàng tiếp:

- Tất nhiên, thêm người là thêm tốn. Mỗi tháng bỏ rẻ mười kilô gạo, rồi đồ ăn thức uống, tính ra hơn lương của lao động hợp đồng nhiều. Ấy là chưa kể, mỗi năm hai bộ quần áo, một lần tiền tàu xe về thăm quê.

- Cả tiền tàu xe về thăm quê? Chu đáo thế cơ à?

- Có thỏa thuận từng điều kiện đảng hoàng chứ! Quê bà cụ được cái cũng gần, ở ngoại thành đây thôi. Tuy vậy, nghĩ tổng quát là thế này, tốn kém quy ra tiền thì cũng lớn, nhưng cái lợi thu về, chưa kể mặt tình thần thoải mái ra, quy ra vật chất cũng không phải là nhỏ, ông ạ.

Hoàng cười, trong ánh cười thật thà có sự khôn ngoan, láu cá. Khôn ngoan, láu cá nhưng chấp nhận được. Thời buổi này, tư duy trước hết là tư duy kinh tế mà. Làm và hưởng. Chi và thu. Mất và được. Không hơn thì cũng phải cân bằng. Đó là điều kiện tối sơ để tồn tại. Thành ra, ai cũng phải nhận ra rằng, bây giờ ở tất cả mọi phương diện, sau cái hiện tượng lộ lộ ra bên ngoài là cái chiều sâu kín đáo hội tụ đầy đủ những tính toán thiệt hơn lạnh lùng, chứ không hề đơn giản một tẹo nào.

Vậy là rõ ràng gia đình Hoàng có lợi khi có bà cụ giúp việc. Trước hết là Hoàng, vợ Hoàng. Thời gian của Hoàng so với bạn bè bỗng dôi ra rất nhiều. Anh liên tục đi cơ sở. Về là có bài viết ngay. Đầu óc thanh thoi nên sức nghĩ, sức viết dồi dào hẳn. Thời gian, thời gian! Đó là cái tất yếu quan trọng bậc nhất để hoàn thành công việc, sau cái quyết định là tài năng. Hoàng

nổi bật lên thành một nhà báo có tài, sung sức. Sau bao năm bị dồn nén, bị ức chế vì ngoại cảnh, giờ anh bung ra hết tâm. Viết được nhiều có nghĩa là thu về không ít. Tích tiểu thành đại, âu cũng là một món kha khá so với cái lối nghĩ, lối sống hơi bần tiện, cò con của Hoàng.

Nhưng mà muốn nói đến cái lợi trực tiếp mà không thể dùng cái gì đo đếm được thì trước hết phải nói đến hai đứa con Hoàng. Đứa bốn tuổi, đứa sáu tháng, còn trong thời kỳ trứng nước cả. Hu hi, vầng mình sốt mảy, dị ứng, cảm mạo là chuyện cơm bữa. Viêm VA, sốt mọc răng, sởi, thủy đậu, bỏng rạ là những biến động tất nhiên. Ấy là chưa kể các dịch tả, xuất huyết, bạch hầu... chu chuyển trong các vòng tuần hoàn mười hai tháng, liên tục đe dọa tính mệnh con người. Ấy là chưa kể đứa bé bốn tuổi hiếu động, một con dao, một cái phích, một sợi dây điện... cũng có thể gây nên những nguy hiểm bất ngờ. Nay chúng được dìu dắt, giữ gìn, tránh né khỏi các sự tai biến. Chúng được bàn tay Phật ân ưu độ trì. Chúng được bảo hiểm, được an toàn.

Đó là một sự thật. Sự thật này biểu hiện rõ nhất ở cái lần con bé bị sưng phổi cấp. Nói đại, nếu không có bà cụ thì chắc gì con bé đã nên người. Nghĩa là, nếu chỉ có nguyên vợ chồng Hoàng thì tai họa đã ập màn tang tóc xuống cái gia đình con con, bên trong vốn đã áp ủ nhiều điều bất ứng với nhau rồi. Vợ Hoàng sau khi đẻ đứa thứ hai, người nở nang, đầy đà, màu mỡ hẳn lên. Đẹp lại thêm chúng đa tình, có nhẽ cũng là để bù đắp cái cuộc tình không thỏa mãn với Hoàng. Đã đa tình lại biếng lười nên chẳng hề động tay động chân đến việc nhà, chẳng muốn có cái gì ràng buộc, bận rộn vào thân, chỉ ham chơi nhõn và hưởng thụ thú vui. Phụ nữ lười, thế gian này không ít nhưng có con mà không quán quýt, chăm bẵm con thì cũng hơi hiếm. Ai lại con động khóc là rửa sả: “Chết đi cho tao khỏi khổ!” Đêm ngủ, đứa trẻ lăn lóc thế nào cũng mặc. Người thì đẹp mà tiếng ngáy thô lỗ quá! Lại có hôm hất cả con xuống

đất. Chẳng đêm nào là không gác chân nằm đè lên để đứa bé phải kêu hét vì ngạt thở. Đêm hôm ấy, Hoàng đi công tác vắng, vợ Hoàng ở nhà theo bạn trai đi nhảy nhót ở đâu đó, tận khuya mới về. Đặt mình xuống, vận quạt máy, vợ Hoàng lăn ra ngủ, không hề hay biết con bé chưa đầy năm tởm toai hoải nằm đúng luồng gió quạt thổi vào. Sáng sau, bế con bé thấy người nó hâm hấp, bà cụ kêu thì lại gắt toáng: “Cụ chỉ vẽ sự, trẻ con nó da gà, lúc nào chẳng thế!”

Suốt ngày hôm đó con bé trên tay bà cụ, ề ề khóc mếu, hai mắt đỏ rực, hơi thở vừa nóng vừa hôi. Chiều đến, nó nóng như hòn than, vợ tôi sang cặp nhiệt độ cho nó, thấy hơn bốn mươi độ, cả vợ tôi và bà cụ hốt hoảng như mất hồn, nhưng chiều đó, tối đó, vợ Hoàng bật tắt. Nửa đêm, nhiệt độ đứa bé tăng lên bốn mươi hai, sợ quá, bà liền gọi xích lô đưa nó đến bệnh viện cấp cứu.

Sáng hôm sau, Hoàng đi công tác về, vội vã vào bệnh viện. Lát sau mới thấy mặt vợ còn nguyên son phấn bên giường con. Hỏi thì trả lời: Đêm qua, hợp đột xuất, hợp xong mệt, ngại về nên ngủ ngay ở hợp tác xã. Hoàng lì lì. Bà cụ rên rầm, run rẩy. Đứa bé bị viêm phổi cấp, lại không cấp cứu kịp thời, tính mệnh nó đang tính từng giây từng phút. Người đứng đưng với tính mệnh đứa nhỏ kỳ quái lại chính là vợ Hoàng. Đêm, cô vẫn về ngủ ở nhà, vì: “Nằm ở trong bệnh viện để rệp nó hút máu, truyền bệnh cho à!” Đến khi đứa bé qua khỏi, từ bệnh viện trở về thì người vui nhất không phải là mẹ nó. Người vui nhất, cảm động thay lại là bà cụ Mạ giúp việc nhà Hoàng!

Sau gần tháng trời bỗng bế nâng giấc đứa bé, giành lại nó từ tay thần Chết, bà cụ hốc hác, teo tóp hẳn đi. Nhưng thần thái thì lại hớn hở, như chính mình vừa thoát nạn, hết sức chân thành. Sang chơi với vợ chồng tôi, bà cụ cứ nao nức, nói đi nói lại mãi câu chuyện ấy:

- Các bác ạ. Cũng là nhờ cháu có mặt đấy. Chứ lúc tôi ẵm cháu vào cấp cứu, mười phần chỉ còn một, hai. Đã thế, ông bác sĩ ngồi cạnh cái quạt máy vu vu điêm điêm đọc báo, rồi lạnh lùng hất hàm: “Đây là bệnh viện trung ương, chỉ nhận bệnh nhân các tỉnh phía Nam. Cụ phải đi đúng tuyến chứ!” “Tuyến nào, nào tôi có biết.” Tôi nói vậy. “Tôi có đứa cháu thập tử nhất sinh, hiện thời nóng bốn mươi hai độ, ông có cứu cháu không thì ông bảo tôi!” Nói vậy, ông ấy mới đặt tờ báo xuống, bảo cô y tá cấp sốt cho cháu và nói thêm: “Nếu không đúng bốn mươi hai độ là tôi đuổi hai bà cháu cụ về đấy!”

Quệt nước mắt, bà cụ nói tiếp:

- May quá, cháu được đúng từng ấy độ! Bấy giờ, ông bác sĩ mới đặt ống nghe lên ngực cháu. Tôi đã nhiều lần đưa trẻ đi cấp cứu đêm hôm rồi. Nhà thương họ coi thường tính mạng con người lắm! Con cháu mình mình xót, mình phải nói cứng lên, là thế hai bác ạ. Cô y tá hỏi tôi: “Mẹ nó đâu mà đêm hôm cụ phải bế đứa bé ấy đến đây?” Tôi òa khóc: “Mẹ cháu đi làm ca. Tôi là bà cháu ở quê lên chơi.”

Bà cụ ngưng, nhìn vợ tôi, như dò đoán, rồi đà dạn:

- Tôi nói thế có sợ gia đình anh chị ấy không bằng lòng không? Thật tình tôi thương con bé quá. Mê man bần bật mà cứ động tĩnh là nó lại mấp máy môi: “Bà, bà!” Tôi ứa nước mắt cúi xuống. “Bà đây! Có bà đây! Em đừng sợ! Chém cha thằng nào, con nào định bắt vía cháu tao nhé!” Dưng mà thật tình cháu qua được cũng là nhờ bố cháu. Bố cháu quen suốt lượt các bác sĩ, y tá trong bệnh viện. Ai cũng mến bố cháu. Thật chẳng bù cho mẹ cháu...

Rõ ràng là đứa bé đã trở lại với đời còn bằng tình thương yêu ruột thịt của bà cụ giúp việc. Bây giờ nhìn đứa bé vừa đầy tuổi, sồn sồn, hồng hào đang rờ rẫm lò dò tập đi, thật không thể nào tính được bà cụ đã trút ra bao nhiêu công sức và tình thương để phục hồi lại cái sức lực đã có lúc cạn kiệt của nó.

Ngày mới ra viện, nó nằm vắt trên vai bà cụ, như một cái dải khoai héo, nhìn nó mà ứa nước mắt, vừa xót thương vừa lo sợ.

Một hôm ngồi chơi với vợ tôi, không hiểu đang nói chuyện gì, vợ Hoàng bỗng lắc đầu quầy quầy:

- Chịu! Để nữa lấy gì mà nuôi!

- Chú ấy còn kiếm được. Với lại...

- Kiếm được nhưng thời gạo châu củi quế này, lại những năm miệng ăn, sao mà xuể được! Thật không ai như cái ông Hoàng nhà em. Đến chơi nhà ông bạn cùng cơ quan, thấy bà cụ đang giúp việc ở đấy, nói năm ba câu là dụ ngay bà cụ về ở. Thật cứ mang người không phải lối. Ngoài sáu mươi rồi, gân cốt còn gì. Ngộ nhỡ chết lẫn ra đấy thì sao? Mà chưa chết, ốm liệt nằm đấy, ai công của đâu mà hầu. Thời buổi này nữa, ai dám tin ai! Mẹ em bực với ông Hoàng lắm. Mà chị chưa biết đâu. Móm mà bữa nào cũng ba bát thẳng căng. Thật đúng là cái tội cái nợ ông Hoàng rước về cho em. Ông ấy có quái gì đâu. Chỉ được một tắc lên trời. Khi tán em thì khoe nào anh sắp đi Ba Lan, đi Thụy Điển, anh sẽ là ông nọ, ông kia. Tưởng thật, em mới xuôi. Hóa ra một xu dính túi cũng không. Tất tậ là nhờ bố mẹ em đấy chứ!

*

Cứ như quan sát của vợ chồng tôi thì dẫu có là cái tội nợ cho vợ Hoàng, bà cụ Mạ cũng vẫn là một lúc đóng trọn hai vai: kẻ hầu hạ và người bà thật sự của hai đứa trẻ con Hoàng, thằng Tú và cái Xíu. Xíu, ấy là cái tên bà cụ đặt cho con bé sau khi nó từ bệnh viện về. Cái tên âu yếm, xót thương biết nhường nào! Hoàng cảm động, chấp nhận và tôi, kẻ ở bên lề cái đời sống của gia đình nọ, nhiều lần đã phải rưng rưng vì nhận ra điều bấy lâu bị chìm lấp trong cái mờ bong bóng rầm rối của

thói đời đen bạc, con người dẫu không là máu mủ ruột rà vẫn có thể đầy lòng nhân ái sống bên nhau, như máu mủ ruột rà.

Không có chuyện ăn miếng chả, trả miếng nem, không có chuyện tính toán thiệt hơn trong điệu ru và tiếng võng nhấc nài bà cụ đưa kéo kết, như chạm khắc vào không gian một buổi trưa hè im phắc, nóng oi, nao dấy trong lòng ta một hoài niệm về một tình thương vô bờ. Chỉ có một mối đồng cảm ruột thịt trong cái cảnh ba bà cháu chơi nu na nu nống, kéo cửa lùa xẻ, chồng nụ chồng hoa với nhau, thật tự nhiên, vui vẻ mỗi đêm đông ấm áp. Không có công xá trong mỗi đường kim mũi chỉ của bà cụ. Vợ Hoàng xa lạ với kim chỉ bao nhiêu thì bà cụ khéo tay bấy nhiêu. Gạn những quần áo cũ của Hoàng, bà cụ hôm thì may cho Tú cái quần đùi, lúc thì khâu cho Xíu cái yếm dãi. Và cái cảnh hai đứa trẻ ngồi với bà cụ, thỉnh thoảng xâu kim cho cụ, rồi mở tròn hai con mắt, dõi theo cái tích truyện bà cụ kể bằng văn vắn: “Ngày xưa có anh Trương Chi...” là bức tranh định hình diễn đạt một cách trung thực và thành công sự quây quần gắn bó hai thế hệ bà cháu ruột thịt trong gia đình. Khó có thể tìm thấy đâu là cái nét làm công ăn lương, đi ở cho nhà chủ trong mỗi công việc, cử chỉ của bà cụ Mạ, con người giàu tình thương trẻ, hậu tình, phúc đức nọ. Nhưng dẫu có rưng rưng xúc động trước những tiết đoạn ưu ái của đời sống ấy, tôi vẫn phấp phồng, ái ngại thế nào. Chỉ số an toàn của cuộc sống hiện thời còn rất nhỏ nhoi. Ở với gia đình Hoàng, liệu cái đời sống yên bằng của bà cụ Mạ thân cô thế cô, già cả, chỉ có thể tồn tại được nhờ ở sự bao dung và tình âu yếm của người đời có thể kéo dài được bao lâu?

Thật tình, tôi đã không lo quá xa!

Điều phải xảy ra đã xảy ra. Một hôm, đang tết nơ gài tóc cho cái Xíu, sức nhớ ra cái gì, bà cụ Mạ liền đứng dậy mở tủ, và nhận ra cái tủ để quần áo thường khi vẫn mở nay đã khóa chặt. Cúi xuống tìm chiếc chìa khóa mọi khi vẫn giấu ở dưới

đáy tủ thì bà cụ bị ngay thẳng Tú đã lên sáu tuổi giật tay, bắt đứng dậy:

- Bà không được mở tủ!

- Sao thế, cháu?

- Cháu không biết! Mẹ cháu dặn từ nay không cho bà mở tủ nữa!

Cùng với câu nói, vẻ mặt lạnh băng của thằng bé là những dấu hiệu chẳng lành đầu tiên chứng tỏ mối quan hệ giữa bà cụ và vợ Hoàng đã đến hồi gay gắt. Bà cụ run rẩy ngồi xuống, im thít và chờ đợi đi một lúc.

Nét mặt bà cụ Mạ từ hôm ấy vương một hơi sương buồn. Cho đến một hôm, bà cụ vừa bê chậu quần áo giặt từ máy nước công cộng về tới sân thì thấy ở trong nhà, vợ chồng Hoàng đang to tiếng cãi lộn với nhau. Ít lâu nay, họ sinh sự với nhau vì những nguyên cớ ngấm ngầm gì, bà cụ đâu có biết nên thấy họ âm ỉ lẩm lẩm hôm bà cụ cũng mặc. Nhưng hôm nay không hiểu thế nào câu chuyện của họ lại nhằng cả thằng Tú và cái Xíu vào đấy. Nghe tiếng Hoàng quát: "Câm ngay không tao quật chết bây giờ!", bà cụ vội nhao vào nhà thì đã thấy Hoàng đang hăm hăm chỉ cái phất trần vào mặt thằng Tú, còn con bé Xíu ngồi im trên giường, mặt mày tái xanh tái xám.

- Thôi... Cho tôi xin. Cho tôi xin...

- Cụ lui ra! Nó không có người mẹ tử tế dạy thì để tôi dạy!

- Tôi xin, tôi xin! Tú ơi, ra đây với bà!

Bà cụ van vỉ, tay phải kéo thằng bé và giơ cánh tay trái lên. Cái phất trần quất xuống xiết một hơi gió trong không khí. Tay bà cụ ê đi. Hoàng rít:

- Tao là tao phá, tao giết hết!

- Ủ, có giỏi thì cứ phá, cứ giết hết đi! - Vợ Hoàng đứng sau cái ri đô hoa, đang thay áo đi phở, quay ra, giữ tóc, giọng chua gắt thách thức.

Hoàng quát lại:

- Không phá, không giết để các người rừng mỡ, đi đủ đởn, hở?

- Đây, tôi không có nhờ vả gì anh, không dựa cậy vào thằng nào, con nào nên không đứa nào được quyền ăn nói xấc xược với tôi nhé!

- Ôi giờ, lột cái mặt đạo đức giả ra!

- Hừ, không biết thằng nào đạo đức giả. Viết văn, viết báo sao mà hay thế! Hóa ra mình thì thối như c. Lừa bịp nó quen rồi mà. Còn nhớ khi sắp cưới hứa hẹn sẽ thành ông nọ bà kia không? Bây giờ hóa ra là thằng bòn tro, đái trấu...

- Tao không thành cái gì cả. Nhưng tao không thành đi điểm ma cô!

Hoàng đập chát một cái phất trần vào thành giường. Cái Xíu bật khóc. Bà cụ Mạ vội ôm lấy nó, meo mào:

- Thôi, một sự nhịn chín sự lành. Tôi xin anh...

Câu khẩn nài hóa ra lại chọc tức vợ Hoàng. Vợ Hoàng bước ra giữa nhà, hai mắt sòng sọc nhìn Hoàng:

- Anh bảo ai là đi điểm ma cô? Anh nghe con mụ khom già hót lẻo, hở? À, con mẹ phò già này, nó là cái đứa đẻ ra anh mà! Hèn nào cùng một đồng một cốt với nhau.

Bà cụ Mạ rưng rùi. Nhưng còn chưa biết nói thế nào để giải bày giải thích thì vợ Hoàng đã xăm xăm bước tới giật phất cái Xíu trên tay bà cụ:

- Cụ đừng có động đến con tôi! Không có bà cháu gì với hạng người như cụ cả! Cụ còn ám nhà tôi đến bao giờ nữa, hả?

Hoàng cười nhạt:

- Đây, đừng có cả vú lấp miệng em. Cần gì phải nghe ai mới biết! Còn sờ sờ ra đây! Còn bảo lưu hết từng tội trạng kia. Còn nhớ hôm đi nhảy “đít cô đít cậu”, rồi con bé sưng phồng cấp không? Đừng có cậy cửa mà lên mặt, mà làm xằng, rồi lu loa!

Vợ Hoàng giãy lên, cả đêm ấy nhằm bà cụ Mạ rửa liên miệng.

*

Sao lại có người phụ nữ trẻ mà chua ngoa, phũ lòi, độc miệng thế! Trẻ mà kho từ ngũ chử rửa dùng suốt đêm, sáng hôm sau vẫn còn tiếp tục, mà vẫn chưa với cạn thì hẳn phải là tay đao giáo ngựa, quen thói nanh nọc xưa nay.

Chúng tôi trở thành kẻ được chứng kiến. Vợ tôi cảm cảnh quá, chếp miệng:

- Sao mà tai quái thế! Người ta thì già cả. Mà người ta rõ là làm phúc cho mình. Khởi rên quên thầy, đúng là đồ vô ơn!

Tôi gật đầu thêm:

- Anh nghe cô ấy nói: “Cụ còn ám nhà tôi đến bao giờ nữa” mà tức lộn ruột. Sao cụ ấy không bỏ đi cho rồi!

Vợ tôi băng khuâng:

- Ừ, nhục thế thì không nhịn được. Nhưng có lẽ cụ ấy không còn đâu nương tựa nữa.

- Sao bảo quê ở ngoại thành?

- Quê thì có nhưng chắc không còn con cái.

Tôi thở dài, nghĩ đến cái khổ nhục vô lượng của tuổi già cô đơn không nơi nương nhờ. Khốn khổ, khi đã nghèo, đã yếu thì sinh ra hèn. Nhìn bà cụ bị nhục mạ, bêu riếu tàn tệ mà vẫn nuốt nhục, nhẫn nhịn trong phận tôi đòi, vẫn cúc cung chu đáo không hề giảm sút nhiệt tình với chức trách, tôi không khỏi vừa buồn thương vừa kinh sợ, hãi hùng. Hóa ra, con người ta có thể nhịn ăn, nhịn mặc và nhịn cả nhục nữa! Chao ôi! Nhịn nhục là cái thượng sách bà cụ Mạ phải chọn lựa vì nghĩ cho cùng còn có cách nào hơn. Xưa nay, yếu kém thì hèn hạ, nhẫn nhục. Ngậm bồ hòn làm ngọt, cảnh ấy đâu có còn là hiếm hoi!

Nhưng nổi khổ nhục mà bà cụ Mạ phải nhẫn chịu không biết đã đến mức tận cùng chưa, tôi đã hồi hộp và lo sợ vô cùng khi một ngày kia trong gia đình Hoàng xuất hiện thêm một người đàn bà nữa: mẹ vợ Hoàng.

Người đàn bà này trẻ hơn độ tuổi năm mươi, da thịt, vóc dáng chứng tỏ chưa bao giờ phải chịu cái đói khổ, bần hàn. Bà thon thả, nhẹ nhõm, và dáng điệu, cử chỉ như một diễn viên có ý thức chăm sóc vẻ đẹp của thân hình và khuôn mặt được trời phú cho sự cao quý của mình. Tiếc thay, người đàn bà đẹp này lại đài các, cao ngạo, lạnh lùng. Lâu nay, nếu có sự du nhập những thói tật hạ đẳng vào những phần tử được gọi là thượng lưu thì bây giờ, có thể lấy người phụ nữ này làm một ví dụ. Bà kết hợp thật nhuần nhuyễn thái độ kẻ cả, trịch thượng, giọng điệu của kẻ quen ăn trên ngồi trốc với thói ăn nói tục tằn, xỏ xiên của tầng lớp lưu manh, hạ tiện.

Xông xộc bước vào nhà trên đôi guốc cao gót, giựt phắt cái kính râm mắt trâu ra, bà chống tay lên sườn, nhìn vợ chồng Hoàng, lập tức vào ngay câu chuyện:

- Tôi và ông ấy vừa đi nghỉ ở nước ngoài về. Nghe nói anh chị vừa trúng quả đậm lắm, nên tôi mới tới để ăn gỡ vài bữa đây.

Rồi cũng cái giọng mai mỉa lối chợ búa ấy, bà quay sang bà cụ Mạ, xơn xốt:

- Cụ đã sáu mươi chưa? Cơm gạo thành phố có khác, trông còn đỏ đắn lắm. Thế con cái đâu cả mà phải đem thân đi hầu con cháu người?

Liếm môi một cái, bà ngả người xòe hai tay:

- À, mà đi ở nhàn nhã, sung sướng thế thì tội gì mà không đi ở nhỉ? Có nhẽ chuyện này tôi cũng xin về hưu trước tuổi, rồi xin đi làm vú cho mấy nhà giàu để “đào mỏ” đây. Tội gì mà không thể cơ chứ. Hừ, ra thời nào cũng có quân thích ăn sẵn nằm giữa là thế!

Tự thưởng thức lời châm chọc chua cay độc ác của mình, bà xỏ một tràng cười khanh khách. Rồi bước lại, giơ hai tay để bế cái Xíu. Và khi cái Xíu toài người ra khỏi tay bà, bà liền giậm chân đánh phạch, sừng sộ:

- A, quân này gớm thật! Mà cây có bà nhà quê của mà rồi chứ gì? Mà không phải là dòng giống nhà tao phỏng? Thế thì cút xuống bếp, ra nhà xí mà ở. Tao cấm mày lên nhà này! Tao cấm, hiểu chưa?

Vợ Hoàng túm lấy cái Xíu, phát đánh đét vào mông nó. Con bé khóc toáng lên. Bà cụ Mạ cúi đầu lẳng lặng đi xuống bếp.

Trên nhà, người đàn bà tai quái nọ ngồi vắt chân lên nhau, xoi xói vào mặt anh con rể bốn chục tuổi:

- Anh Hoàng ơi, ra tôi cứ tưởng là anh ngần ấy tuổi đầu thì phải khôn ngoan lên chứ. Nuôi ong tay áo, nuôi cáo trong nhà là anh đấy, anh Hoàng ạ. Ra anh vẫn cứ thói nào tật ấy...

Tối hôm ấy còn một hồi náo động nữa vì cái Xíu cứ nằng nặc đòi xuống bếp ngủ với bà cụ Mạ. Bà ngoại nó sau một hồi diếc móc nó, mẹ nó, quay lại bới móc và tiếp tục gây sự với Hoàng. Rồi lục tung quần áo của hai đứa trẻ, cái gì do bà cụ Mạ khâu vá cũng xé toang, vứt ra cửa sổ và tuyên bố từ mai bà ta sẽ ở lại đây để hầu hạ vợ chồng Hoàng, chứ nhất định không chịu nhường cái “vinh dự” đó cho bà cụ Mạ. Thật là quá quắt! Thật là khủng khiếp! Khủng khiếp hơn nữa là sự căm lạng nhẵn nhụi của bà cụ Mạ. Khủng khiếp hơn nữa là thái độ nem nép một bề của Hoàng. Hoàng không một lời thanh minh, chứ đừng nói bênh vực bà cụ Mạ. Hoàng không dám ho he một tiếng để cản lại cơn cuồng nộ bất công của bà mẹ vợ, Hoàng không dám biện hộ cho tư cách mình. Cái anh chàng nhà văn, nhà báo bạn tôi hóa ra không phải chỉ là anh bần tiện, hoặc vị cây dây quán, phụ thuộc một cách hèn hạ vào kẻ quyền chức, giàu sang. Anh chàng cũng có chỗ tương đồng với vợ và bà nhạc của mình.

*.

Tuy nhiên Hoàng cũng làm tôi bất ngờ. Hai hôm sau, Hoàng gặp bà cụ ở sân, giọng ngùi ngùi:

- Thế này, cụ Mạ ạ. Tránh voi chẳng xấu mặt nào, lúc này nên lánh đi. Tôi bố trí cụ đi phép nhé. Mười lăm ngày, cụ lên, lúc đó tình hình sẽ khác nhiều rồi, cụ ạ.

Ấu cũng là một cách giải quyết bất đắc dĩ, nhưng mảnh lối xem ra cũng khôn khéo. Kể lại cho vợ tôi nghe sự việc nọ, tôi chép miệng:

- Bà cụ Mạ sẽ không lên nữa đâu. Nhục đến thế ai mà nhận được.

Vợ tôi rầu rầu:

- Không nơi nhờ cậy thì nhục cũng phải chịu, khổ thế!

- Nhưng mà...

- Ừ thì chờ xem thế nào.

Chúng tôi chơi trò ú tim về số phận một con người. Một, hai, ba... bảy, tám ngày qua, càng lúc càng bồi hồi. Tới ngày thứ mười ba, bỗng có hiện tượng, vợ con Hoàng từ sớm bưng đã kéo nhau đi đâu hết. Hoàng khóa trái, viết một mảnh giấy dán chéo qua hai cánh cửa: "Gia đình tôi đã chuyển công tác và nơi ở vào Sài Gòn! Hoàng", rồi cum cúp đi, cũng chẳng nói với tôi một lời.

Bà vợ tôi đã thắng cuộc.

Bà cụ Mạ, như một nhân viên nhà nước làm công ăn lương đầy ý thức kỷ luật, tổ chức đã đúng hẹn, về trả phép tại nhiệm sở của mình! Chiều ấy, thấy bà cụ đeo cái tay nải ngơ ngác, nhìn cái cửa khóa, vợ tôi chạy sang, đọc dòng chữ thông báo của Hoàng, rồi đưa bà cụ về nhà mình. Bà cụ ngồi khẹp nép trên cái ghế đẩu, thần thờ một lúc, rồi cúi xuống lực tay nải,

bày lên bàn gần chục cái bánh gio, quà quê định đem lên biếu gia đình Hoàng.

- Nhớ lời anh ấy bảo, chứ không, dở chừng tôi đã lên rồi. - Bà cụ sụt sịt. - Tôi nhớ hai đứa trẻ quá! Khổ, bây giờ không biết chúng ở chân trời góc bể nào. Bà chúng, mẹ chúng thì tai ác với con với cháu. Biết thế, tôi chỉ xin về quê dăm ba ngày rồi lên thì có gặp được không! Hai đứa trẻ chắc nhớ tôi lắm. Khổ!

Đó là những lời gan ruột, chân tình, không một mảy may vụ lợi, vị kỷ. Đó là một tình thương cao cả, tự nhiên nhưng nhẹ dạ và ngây thơ. Bà cụ không hề hay biết đã bị Hoàng lừa, Hoàng đã thỏa hiệp với vợ và mẹ vợ, bày mưu kế để lánh mặt, gián tiếp xua đuổi bà cụ, vỗ tuột món nợ ân nghĩa và lời hẹn với bà cụ. Con cái đã qua kỳ trứng nước, giờ đây bà cụ đối với Hoàng cũng đã trở nên một người thừa. Khốn khổ thay cho bà cụ thật thà! Cái thật thà, thơ ngây, cái lòng vị tha bản năng, không sỗ cứ và vô duyên. Điều tưởng là cao thượng hóa ra chỉ là cái thói hay xúc động dễ dãi và thứ tình cảm mù quáng của kẻ quen phận nô bộc. Là nạn nhân mà không biết mình là nạn nhân, lại lấy tình nhân hậu để đối xử lại thì là sự ngu xuẩn nhân đôi. Đã cam chịu thân phận nô tì, tự khinh rẻ mình thì cũng tức là xúc phạm tới nhân phẩm con người nói chung rồi. Quả thực, từ khi bà cụ trở lại, tôi vừa thương vừa giận bà cụ quá chừng.

Ở với gia đình tôi chưa đầy hai ngày thì bà cụ Mạ cáo từ ra đi. Chuyện tưởng kết thúc ở đây với một âm hưởng vừa ngắn gọn vừa bức bối. Nào ngờ mấy ngày hôm sau, có một phụ nữ người nông thôn trạc ba mươi tuổi, ăn mặc nâu sồng nhưng chững chạc, xuất hiện ở nhà tôi. Thoạt đầu chị hỏi thăm nhà Hoàng, rồi hỏi về bà cụ Mạ. Tôi kể lại tình tiết câu chuyện và giật mình vì nhận ra nét vẻ quen thuộc của bà cụ Mạ trên gương mặt trái xoan rần rởi của người phụ nữ nọ.

- Cô là con bà cụ Mạ?

- Vâng ạ.

- Thế ra bà cụ Mạ còn con cái ở quê?

Rân rấn nước mắt, người phụ nữ kể:

- Khổ lắm, anh ạ. Mẹ em có bốn người con cơ. Các cháu nội ngoại thì đầy nhà chứ có ít đâu. Nhưng cụ không chịu ở nhà. Nói thế nào cũng không nghe, cứ đòi ra phố đi ở. Làng em có chục cụ y hệt mẹ em. Hồi xưa, bà nội em cũng ở vú ở Hà Nội. Người ta bảo đó là cái dớp, là cái nếp đã quen đi rồi không cải đổi được nữa. Có người ác khẩu còn nói: Đi ở được ăn sung mặc sướng, phải hầu hạ người nhưng không phải lo miếng ăn, cái mặc thì vẫn hơn ở nhà quê đầu tắt mặt tối. Em không biết nghĩ thế nào. Hay tôi đòi nó là cái số kiếp, là cái thói ỷ lại, dựa dẫm, là cái phận, cái thói quen mà mẹ em và ai cũng có không ít thì nhiều. Thành ra vì thế mới cam chịu, nhẫn nhịn và nuốt nhục được. Không hiểu bây giờ bà cụ mẹ em lại vào cửa nhà nào rồi, chắc là thế, chứ mẹ em không chịu về làng đâu...

Giọng người phụ nữ không giấu nổi cay xót. Còn tôi, tôi rùng mình, lần đầu tiên tôi lo sợ cho chính mình.

Hà Nội, 1988

TÀU THÔNG QUA GA NHỎ

Hưng tỉnh giấc.

Ba giờ sáng! Một thời điểm đã định hình trong nếp sống, một thói quen như từ tiền kiếp, từ đời cha Hưng truyền lại. Tỉnh giấc thật êm ái, rồi Hưng nằm bất động. Năm phút nữa, không sai, như trong một cơ chế tự động, tiếng keng sẽ khua động, phá vỡ khoảng tĩnh lặng của trời đêm. Tàu PL 6 sắp vào ga. Keng là một thanh tà vẹt treo rạn vỡ, han gỉ. Làm nghề nào ăn nghề nấy. Cả cái dùi cũng thể hiện điều đó, nó là một con *bu lông* bắt trên toa xe. Mang chất giọng ca sĩ Nam Mỹ khàn rè, chiếc keng thả từng giọt rồi rạc vào không gian mênh mang. Nó giống như một linh hồn hoang vắng thăm thẳm lọt vào hồn Hưng, phân ly Hưng thành hai nửa, một nửa đưa anh bay lên trời cao phiêu diêu. Từ trên cao đó, anh nhìn thấy cái làng người Mán họ rải rác dọc bờ sông như những thoi vàng rắc trong một cuộc đua tiền buồn tênh. Thế đó, buồn tênh là cái khung cảnh cố hữu của cái nhà ga bé xíu này. Ở đây, buồn tênh và đìu hiu đến từng chi tiết. Thế cho nên đã có lần anh rất phẫn nộ và kinh ngạc trước những tấm ảnh chụp mấy bông lau trắng phất phơ của một tay nhiếp ảnh nhà nghề được đề cao là kiệt tác! Ôi chao! Lau, cái thứ cỏ hoang bao bọc anh trong hiu hắt, nhìn nó đã nao cả lòng, vậy mà trong ảnh thì óng ánh như dát bạc và được coi như một báu vật, một phát hiện kỳ thú là thế nào? Nghệ thuật có thể biến

một kiếp sống lắt lay thành một ẩn dụ huy hoàng. Nghệ thuật tô điểm và đánh lừa người xem bằng sức mạnh đặc trưng và khả năng phát hiện của nó. Nghĩ mà kinh! Tuy vậy, suy cho cùng, con người dầu thế nào thì cũng vẫn cần đến nghệ thuật ở khía cạnh nó là một chất dinh dưỡng nuôi nấng thói ảo tưởng của mình.

“Ngày mai có người lên Tây Bắc.” Câu thơ bình dị đưa hồn người về viễn xứ ấy chẳng có thời rung động chính trái tim Hưng đó sao? Phải, nhờ nó, chính là nhờ nó mà cái ga nhỏ hiu hắt này được phủ một tấm khăn voan mơ mộng và những kẻ làm việc ở đây chẳng những không tủi hổ vì sự lép vế mà còn kiêu hãnh như những trang hiệp sĩ can trường.

Thế đó! Ga nhỏ, chỉ có hai đường ray. Xưa, theo bố anh kể thì hồ thường hay qua lại đây. Móng vuốt nó lạo xạo trên đường tàu nghe như xát vỏ ốc. Còn nay thì thoảng có con nai lặc tới, và những tay săn người Mán họ cùng đàn chó lại được dịp sống trong những giấc mơ vàng. Cả một ngày một đêm dài cái ga và làng Mán họ quanh nó mơ màng, ngoại trừ hai lần hai chuyến tàu chợ xuôi ngược ngưng lại. Chúng ngưng lại chẳng phải vì lý do gì cần thiết. Khách lên khách xuống, không. Sản vật trao đổi, không. Tác nghiệp kỹ thuật, không. Chúng ngưng lại hình như vì ở đây có cái ga này. Và để nhắc nhở cái ga nhỏ đừng quên rằng, về danh nghĩa mình cũng là nhà ga như ai mà thôi.

Mỗi lần ngừng năm phút. Năm phút, để vùng rừng bưng dầy trong nhôn nhao vì tiếng máy phì phật sốt ruột, tiếng hành khách ngáp và tiếng gà vịt quang quác. Rồi sau đó, cả cái khối tạp âm sinh động ấy lừ lừ chìm lỉm dần dần vào hư vô.

Ga nhỏ, xếp ở thang bậc cuối hàng, với mười anh đàn ông từ trưởng ga tới gã gác ghi gần như trộn lẫn vào bối cảnh, không danh vọng, không cá tính, tồn tại dường như chỉ là để làm đối chứng cho cái cao hơn nó mà thôi.

Hưng đã xuất hiện trong tư cách một thành viên của cái tập thể tầm tầm này khi ấy. Cao một mét rưỡi, nặng ba mươi nhăm kilô, mười sáu tuổi rưỡi khai vống lên cho đủ tuổi vào biên chế. Hưng đứng ở đầu ghi, ngày vài lượt thấy mình oai phong như một viên tướng, tay giơ lá cờ vàng, ra hiệu an toàn cho phép tàu ra vào ga. Nói cho đúng, chả có số phận nào hết. Bố anh đưa anh lên đây. Ông bị mắc một án oan nhưng cảm miệng hén, lên đây, sau khi vợ mất, coi như một cuộc tự lưu đây. Ông mất vì sốt rét ác tính. Những người Mán họ khiêng ông đi, đào huyết, đắp mộ cho ông. Ông thân thiết với họ. Với họ, ông là phác họa một nền văn minh mới, nền văn minh đưa con người ra khỏi giai đoạn sống chỉ biết cúi mặt xuống bám vào đất, bám vào rừng. Ông chan hòa với họ. Cùng đi săn, đi đặt bẫy cá lồng với họ. Người Mán họ nhờ ông biết đến việc học hành. Ông đóng luôn vai ông giáo dạy trẻ nhỏ trong làng. Chẳng một giáo viên nào chịu ở lại đây quá một năm. Công việc khiến ông vui. Nhắc chén rượu lá của người Mán rót đầy, ông bảo Hưng: “Con à, đời người quan trọng nhất là chọn đúng đường ngay từ bước đi đầu tiên.”

Hưng đứng ở đầu ghi, mỗi lần có một con tàu vào ga, thấy hàng bánh thép của nó chuyển đúng làn đường anh đã bẻ, lại nhớ đến câu nói ấy của cha.

*

Điều bất ngờ với Hưng là chiến tranh. Anh không có bước chuẩn bị. Cứ tưởng, đầu sóng ngọn bến trước hết là những ga lớn như Hà Nội, Yên Viên đã. Thế mà hóa ra anh, cái gã nhân viên đường sắt ở cái miền rừng heo hút này, lại là kẻ đầu tiên trên tuyến đường, giáp mặt với bọn F105, F4H, hứng chịu bom đạn của chúng và cả đời sống, công việc vì chúng mà lộn tung phèo hết cả lên.

Nhỏ thì nhỏ chứ, ga của anh cũng là một mắt lưới trong mạng lưới, bị khóa vào nhịp điệu công nghiệp chung: các chuyến tàu đến, đi trở thành cái khung thời gian biểu, quan hệ đến tổng thể. Thằng giặc khôn ngoan, nó đánh vào nơi yếu nhất để phá vỡ cái cơ cấu chung đây!

Đầu tiên, nó đánh sập hai chiếc cầu ở hai đầu cột tín hiệu. Phát tên lửa thứ ba nó nhằm chính cái ga nhỏ như cái miếu thờ trần tình của anh. Thật là độc! Nhưng phải công nhận là rất gọn và chính xác. Hôm ấy anh đang đi đặt bẫy cá lồng ở mép sông. Từ phía tây chói lóa mặt trời nó bay sang. Trông thấy nó to bằng cây chuối hột đen sì thì đúng lúc nó giật khục, phụt từ bụng ra một tia sáng chói lóa. Người anh lập tức rung lên. Trước cả tiếng nổ, anh gào: “Nó phá nhà ga ta rồi!” Và rẽ lau lách lao sầm sập trở về, rồi đứng ở cạnh cái nhà ga vừa sập đổ mù mịt khói, rờn rờn nước mắt, giờ hai nắm đấm lên trời anh gào: “Tiên sư chúng mày! Bây giờ ông làm thế nào mà dựng lại ga được đây?” Thằng giặc có lẽ nghe tiếng chửi nguyền thơ của anh, vòng lại, phát một tia sáng nữa. Anh vội chui xuống một hũm đất. Tưởng nó bắn mình. Hóa ra là nó chụp ảnh.

Từ đó gần như ngày nào nó cũng bay qua. Cứ như thằng ăn mày quen ngõ. Và mỗi ngày anh lại thấy nó bay thấp xuống một tí, chậm hơn một tí. Đến mức trông thấy số hiệu nó sơn trên thân, trên cánh. Nó nghiêng cánh lượn vòng rộng, ngó nghé. Con đường sắt thì mảnh mai. Cây cầu thì yếu ớt. Nhà ga thì đơn sơ. Bộ đội phòng không thì bận ở chiến trường quan trọng. Mà nó là dân đánh phá có nghề, kỹ thuật siêu cao.

Nhưng từ đó bắt đầu cuộc chơi ú tim đánh đối bằng sự sống chết. Anh trở thành một gã đàn ông đa năng từ lúc nào. Anh vào rừng, chặt cây, làm lại nhà ga dưới tán cây rừng. Anh dựng lán cho đám hành khách bất đắc dĩ trú tạm. Anh cùng với các anh dân quân người Mán họ khiêng khẩu mười hai ly bẫy lên quả đồi đặt mộ cha anh. Tăng tăng tăng... Anh siết

cò súng. Nào, xem mày còm dám ngó nghiêng nữa không? Và đêm đêm, anh đứng ở đầu cầu, cầm lá cò vàng, làm hiệu cho con tàu đi. Con tàu không đèn, đen thui, lần mò dò dẫm từng vòng bánh thép. Trên tàu, người ngồi nín thở. Bánh xe tàu nghiêng kèn kẹt: đường ray đặt trên cây cầu bắc lúc chập tối, không cho giặc biết, mố cầu là những thanh *tà vệt* gỗ xếp hình cũi lợn.

Mặt anh đầm đìa mồ hôi lạnh. Anh có cảm giác mình là chồng *tà vệt* xếp cũi lợn ấy.

*

Chín năm gác ghi. Ba năm vừa trực chiến vừa gác ghi. Lắm lúc nghĩ đời mình vào tuổi ba mươi vẫn không bằng cha mình, hình ảnh mình bị cắt vụn ra, thiếu nhất quán, nhưng sau cùng, tặc lưỡi, anh bảo vợ: “Rồi ta sẽ xây nhà ở phía sau ga, em ạ. Đất chỗ ấy sa bồi, có thể trồng một vườn chuối. Ở sông, anh đặt bẫy cá lồng, cá chép sông, có con năm, sáu ký đấy!” Đứa con ra đời bi bô hát: *“Bé bé bằng bông. Bao giờ chiến thắng cho bé về phố đông.”*

Cứ tưởng mỗi thế hệ chỉ có một cuộc chiến tranh thôi. Một là quá đủ để thành cổ tích răn dạy vài đời con cháu sau mình. Bom đạn đâu có phải mùi thơm pháo Tết. Thế mà hóa ra lại còn một cuộc chiến tranh nữa. Và chiến tranh vốn dĩ là thế hay sao, cũng là một sự quá bất ngờ, như lần trước. Cả tuyến đường sớm ấy còn trong giấc ngủ yên bình, mà ở cái điểm nhà ga nhỏ tí gần đầu mút phía Bắc này, bỗng dưng súng lại nổ ầm ầm tắc nghẹt trong sương mù. Hôm qua bộ đội hành quân qua ga còn vẫy vẫy tay: “Cứ yên trí, ông bạn. Nó mà vào được đến đây cứ đem đầu tôi ra mà chặt.” Thế mà nó vào được! Mẹ cha thằng biệt kích quen luôn rừng! Nghe tiếng súng nổ lớp lớp, anh từ nhà chạy ra, qua quả đồi đặt mộ cha, bỗng nghe thấy

tiếng anh lính thông tin hét trong máy bộ đàm: “Trâu đen đã vào bãi gỗ! Hổ chúng tôi gãy nanh rồi! Trâu đen đã vào bãi gỗ!” Phía bắc nhà ga có tiếng còi tàu giục và ngùn ngụt bốc lên cao ba cuộn khói đen ngòm. Nhà ga nhỏ dồn từ đâu về cả nghìn người, hốt hoảng, quỳnh quáng như cái chợ vỡ. Trên sân ga ngã ngốn mấy chục người băng bó loang lổ máu me, rên rảm, khóc lóc.

Một chiếc đầu tàu kéo *ba toa* hàng rỗng từ phía đám cháy hồng hộc tốc độ tháo thân lao vào ga. Hưng nhảy ra giữa tàu, miệng huýt còi, tay giơ cao đánh dấu chéo lên trời:

- Dừng lại! Dừng lại!
- Giặc nó ở đằng sau kia kìa! Nó đốt *ba xi téc* xăng rồi.
- Anh phải dừng lại! Tôi ra lệnh!
- Dừng lại cái con *củ thiù* tao đây này!

Một đàn trâu từ bụi cây chó đẻ đâm ra giữa đường ray, lưng con nào cũng phình căng hai tải thóc. Quân hồi vô phùng, hai gã trai từ đám khách chạy giặc xô ra chặn đàn trâu tải thóc. “Ha ha, có gạo lại có thịt trâu, sống rồi!” Tốp bộ đội tranh nhau leo lên *ba toa* tàu cười ha hả. Một gã chìa khẩu CKC nhằm cái cột tín hiệu. Tăng! Tăng! Tăng!

- Anh kia! Ai cho phép anh phá hoại? - Hưng hét.

Gã nọ hạ súng, hềnh hếch:

- Mất mẹ nó nước rồi, anh giai ơi!
- Câm!

- Mày là cái gì mà có quyền bảo tao câm? Anh em đâu, lòi cổ nó xuống!

Trong toa, mấy gã mặc áo *Nato* gào rầm rầm theo: “Lôi cổ nó xuống. Nó là cái đ. gì! Cho tàu chạy đi!” Một tên từ dưới đất nghe lên tóm cổ chân anh đang đặt trên bậc thang sắt chữ u gắn ở thành toa. Anh giẫy ra khỏi tay tên nọ, leo lên nóc toa, móc túi giơ cái băng đỏ, phát phát:

- Tôi là trưởng ga. Yêu cầu đồng bào, đồng chí trật tự! Nhà ga chúng tôi đảm bảo đã đón hành khách về nơi an toàn...

Gã lái tàu ngoái cổ, ngược lên, thét bất thần:

- Thôi đi, bố ơi! Giặc nó đuổi đến đít rồi, nhanh lên!

*

Cuối cùng thì súng cũng lặng. Hưng từ rừng trở về, ôm mặt đi qua căn nhà ven sông, tòa lâu đài đơn sơ mà hạnh phúc của anh, giờ là một đồng than củi lem nhem. Thằng giặc tàn bạo và xảo quyệt. Nó phá tàn phá hại, phá thật tỉ mỉ, phá sạch, phá đến tận cùng, phá theo cái thói côn đồ không ăn được thì đập đổ. Két nước, cột tín hiệu tan tành. Không một thanh ray nguyên vẹn. Nghĩa là tất cả sẽ phải bắt đầu từ một số không to tướng.

Tất cả những công trình vật chất ấy rồi sẽ gây dựng lại, không chóng thì chầy. Nhưng còn vợ con anh, những người thân yêu nhất đời của anh? Anh đứng trước nấm mồ vợ và con, một thân chia đôi, nửa đi về những ngày đã xa.

Có ai ngờ ga nhỏ đìu hiu lại là nơi an nghỉ của cha anh và vợ con anh. Chắc đâu một vĩ nhân đã là một kẻ gánh chịu nỗi đau bại xuôi tâm thể quá sức như anh. Con người bé nhỏ, bị bỏ quên hóa ra cũng có thể là một vũ trụ, cũng mang hàm số của cả thời đại, của lịch sử. Chao ôi! Lịch sử hóa ra chẳng dễ quên ai, chẳng dễ quên một miền đất nhỏ nhoi nào. Lịch sử để lại dấu vết thật rõ ở anh, ở cái ga bé xiu của anh!

Còn bây giờ, cái ga bé xiu của anh đúng là chịu chơi lắm. Nó là con nhái bén giờ bó buộc phải phình lên bằng con bò. Lịch sử là một lão già đồng bóng, lão chọn ga anh là điểm đầu mối, điểm tận cùng của tuyến đường lên miền Tây. Vì từ đây trở lên, đường tàu, cầu cống đã bị phá sạch chưa thể phục

hồi ngay trong chốc lát được. Người, hàng từ mạn bắc xuống. Người từ các đô thị, đồng bằng miền xuôi lên. Nhà ga phải gồng người lên. Nó mở thành sáu đường ray. Chà, lần đầu tiên nó có nhánh đường cụt. Rất nhiều lần trên cái toa đĩa nằm ở nhánh đường đó là những Toyota đời mới, giá sáu, bảy trăm triệu bạc. Những chiếc xe sang trọng ngơ ngác trước cảnh miền rừng buồn thiu, tiêu tụy. Chúng trở thành một vật lạ ngoại lai, là đối tượng bài xích, bên cái đời sống nhộn nhạo hổ lốn, hỗn độn những nhu cầu tối thiểu với cơn lốc dục vọng kim tiền, giữa ngôn ngữ của Phật tử, nhà nghiên cứu *Kinh Dịch* và tiếng lóng của gái mại dâm với thằng kẻ cướp. Nơi đây tứ xứ quần cư, trăm ngàn bộ mặt. Nằm nấp lên toa xuống tàu từ quạt máy, máy *cassette*, *radio*, phích nóng lạnh, *com lê*, áo giả da, bia chai đến chuối xanh, thốt gỗ nghiến, ba ba, cua ếch, đến chó mèo. Cái ga trống toang bốn bề. Lau lách biến mất tăm. Đời sống được định nghĩa là sự biến dịch quả là chính xác vô cùng! Thế nào mà bỗng nhiên xuất hiện liền trong cả tháng Bảy những toa tàu rất những bà cô mặt hoa da phấn vòng xuyên vàng chóa, áo lụa quần lĩnh, xuống ga là hỏi toang toang đường về đền nọ, miếu kia... những cái tên đã gần như mai một. Rồi một nhóm những gã lạ mặt từ đâu đến, giống nhau ở bộ ria rậm và cái giọng đồng cậu. Các gã đặt bàn cò quay xong là bắc loa điện, the thé: “Một ăn mười. Gọi là vui chơi có thưởng lành mạnh, bà con ơi! Nào, xin mời! May tay có lời. Đền không bật, nhà hàng xin bà con quay lại thoải mái! Nào!”

Quả thật đã có những lúc phải huy động cả tổng lực tinh thần để sống, để thực hiện nhu cầu sống chân chính, để thực hiện cái khuynh hướng đã chọn từ lúc vào đời. Rào bao quanh chưa có kinh phí để dựng, chống thất thu chỉ còn cách là chia nhau giăng lưới kiểm soát các lối vào ra. Đêm nhập nhoạng. Anh đứng ở cuối đoàn tàu. Thấy mấy bóng khả nghi len lén đi, liền bước ra: “Các anh cho xin vé!” “Vé đây!” Chỉ nghe được có

vậy, mặt anh đã tối sầm. Anh ôm mặt. Nhận thấy cả vầng trán bên má ướn nhọn nhót và hai mắt cay nhức.

- Trời, anh bị chúng nện bằng báng súng!

Có tiếng một phụ nữ kêu xót xa. Anh nhận ra bàn tay mềm mại của chị chạm vào da thịt anh qua lần băng mỏng. Sáng hôm sau, anh nhìn thấy chị. Chị nhỏ nhắn, tóc cắt ngắn, đen rậm, gương mặt trung hậu lạ lùng. Chuyến tàu sau chị lại xuất hiện. Chị là y sĩ mới được tăng cường trên các chuyến tàu lên miền Tây. Chị thay băng cho anh, trò chuyện với anh. Anh biết chị tên là Ngân. Chị có một con gái học cấp hai. chồng chị đã mất hơn mười năm. Anh thấy quý mến chị, rồi yêu chị. Anh yêu chị từ lúc nào? Không phải từ lúc chị thay băng vết thương cho anh, anh nghĩ. Có lẽ từ một câu nói của chị. Câu nói ấy nó thế này: "Ngày bán vé bao nhiêu tiền mà không sửa sang cho đàng hoàng, ai lại để cái ga như cái chuồng gà thế, anh?" Anh nhận ra chị thật hồn nhiên, trong trẻo một bản thể chưa bao giờ bị đánh đổi.

*

Cuối cùng thì mùa lũ đã qua, nước lại rút về lòng sông cũ. Cái ga nhỏ lại trở lại tròn vẹn hình hài vốn có. Lau xám lại phun cở bao bọc nó. Nó mất cái vị trí ga đầu mối, vì con đường lên phía Bắc tiếp theo từ nó đã được phục hồi, đưa đoàn tàu đi xa hơn.

Mỗi ngày, không kể số đôi tàu thông qua, nhà ga lại trở lại nhịp điệu cũ, chỉ đón hai đoàn tàu chợ xuôi ngược, đậu lại trong sân ga mỗi lần tròn năm phút. Năm phút là quá thừa thãi với khách đi tàu, họ chẳng thấy có nhu cầu nào với cái ga này. Năm phút, thời gian thật vô nghĩa, không phản ánh được những nỗ lực bền bỉ trong những công việc thầm lặng của những người làm việc ở ga nhỏ này.

Với những con người làm việc ở ga nhỏ này thì cuộc đời hình như mãi mãi là như vậy, xá chi những biến đổi, những thăng trầm. Cũng như con người vậy thôi, khi này nó mang danh hiệu này, khi khác nó đeo biển tên khác. Nhưng nó vẫn là nó mãi mãi, ở cái phần đã kết thành cốt lõi, nền tảng, bản ngã. Nó giống như một nguyên tử không phá vỡ được, không phân chia được.

Hưng đã cải táng cho cha, cho vợ con. Đất đổi, xương không hao. Cốt của những người thân còn trọn vẹn, xếp đầy tiểu sành. Đặt những người ruột thịt trở lại đất, anh trào nước mắt. Mảnh đất này vừa hùng vừa bi, vừa lả thực thể, vừa sâu lắng tâm linh. Hồn anh đã ở đây. Và có lẽ rồi anh cũng sẽ để thân xác tại đây thôi. Ý nghĩ ấy đến với anh khi những người Mán họ giúp anh đi cải mộ nói rằng thế đất đẹp, rồi anh sẽ được phù hộ, đời anh sẽ vượng phát. Cũng là lúc anh nhận ra hồi này sức khỏe bỗng sa sút hẳn đi. “Ngoài bốn mươi, thỉnh thoảng đau nhói ở ngực trái, phải dè chừng. Có bao giờ anh bị quá xúc động không?” Một lần về hộp tổng kết, anh đi khám, bác sĩ Khoa Tim mạch hỏi anh vậy, khi xem bản điện tâm đồ thấy chỉ số Sokolov¹ bất thường và huyết áp anh lên 180/110. Ý nghĩ ấy đến với anh, bỗng da diết lạ thường vào lúc này, ba giờ sáng, anh thức giấc như thường lệ.

Kể báo giờ đón tàu vừa khua rộn. Hưng mặc thêm chiếc áo khoác, đi ra ga. Trời đêm còn nặng sương. Anh khẽ rùng mình vì cảm giác vắng vẻ, và nghiêng tai, lọc gió như thói quen.

Hưng đã nhận ra tiếng bánh xe con tàu như một chuỗi ròn rọc chuyển động, từ rất xa vắng lại. Vắng lại, vọng về nhưng rất mơ hồ, phẳng bẹt, nhờ nhờ. Rồi có lúc nó mất biến, để lúc sau lại chập chờn như những lớp sóng dồi. Con tim đang bơ vơ trong hoang vắng của anh đang thức dậy theo những âm thanh đang rõ dần ấy! “Ngần đi chuyến tàu này.” Đột nhiên từ

1. Tiêu chí để chẩn đoán phì đại tâm thất trái.

nổi nhớ, cái mệnh đề đó bật trỗi lên và anh vội đặt bàn tay ép chặt ngực trái. Tim anh đập mạnh quá! Có lẽ còn mạnh hơn cả tiếng chuyển động của thanh truyền lực của con tàu đang hú còi, rẽ vào ga, với ngọn đèn rọi tóa sáng trên mặt ray.

“Ngần ở toa dịch vụ. Toa dịch vụ ở cuối đoàn tàu. Lần này thì ta nhất định phải nói. Từ mùa thu năm ngoái, phải, hồi ấy là tháng Mười, ta đã nhận ra... Ta sẽ nói. Thời gian với anh còn ít lắm, Ngần của anh ơi...” Những ý nghĩ chộn rộn loang loáng qua óc anh như những khoang cửa sổ toa tàu vàng ngà ánh điện lướt qua mặt anh. Mắt anh hoa hoa.

Lúc này anh càng nhận rõ anh đang tìm kiếm, đang chờ đợi thiết tha một cái gì đó hết sức trinh trắng, vô cùng thân mật và sinh động, nhưng lại giống như một ảo ảnh, như một ánh hồi quang từ xa phả về. Nhưng buồn thay, linh cảm của anh như một chấm lửa nhỏ bị tiếng còi tàu tăng tốc độ đột ngột thổi tắt. Anh giống hệt một kẻ mất ý thức, bị thôi miên, bị đà chạy của con tàu cuốn theo.

“Ngần ơi!” Từ trong tiềm thức anh trào lên một tiếng gọi thống thiết, đúng lúc anh vấp mặt vào một cây cột đèn ở đầu sân ke, vừa khi nhận ra cái chấm đỏ ở toa cuối con tàu đang hun hút như tụt xuống một cái hố sâu thăm thẳm ở phía trước.

Con tàu đã chạy thông qua, bỏ qua ga nhỏ của anh. Ga nhỏ của anh không có ý nghĩa: khách ít, hàng hóa không. Con tàu không đậu lại ở nhà ga này của anh. Giờ, anh mới biết là anh đã quên điều luật chạy tàu quan trọng này: Bắt đầu từ ngày hôm nay, cả đến năm phút dừng lại như thường khi, tàu khách cũng không dành cho cái ga bé nhỏ của anh nữa.

5/1993 - 12/2010

LỖ LÀNG

Tên người, dầu là của riêng, vậy mà nhiều khi cũng phiền phức lắm. Ấy là vì cái tên người theo hiệu ứng thông lệ, thường cứ hay gọi mở một tương xứng về tính cách, vóc dáng, dung mạo của chính người đó vậy. Thiếu nữ da ngăm đen mà lại tên là Tuyết thì có khác chi tự giễu mình, hoặc bốn cột thiên hạ. Nghĩ vậy, nên nghe người đàn bà hàng xóm danh xưng là Lợi, Hào cứ thấy nó chương chường thế nào. Nó vật chất cụ thể quá, nó mất đi cái duyên dáng, mượt mà của giới tính mà người phụ nữ này có, dồi dào là khác.

Ừ, nói cho công bằng nếu không có mấy nốt rỗ huê phải nhìn kỹ mới thấy và vóc người không đầy ra quá ở tuổi bốn mươi thì Lợi cũng còn hấp dẫn lắm. Hấp dẫn ở cái vẻ xốc vác, đảm đang, đứng mũi chịu sào. Đức tính này hàng đầu trong các đức tính phụ nữ thời buổi này đấy. Ở cái búi tóc rất to, đen ánh và dày - “đàn bà tóc tốt thì sang”! Lại nữa, Lợi có đôi gò má bầu bĩnh trẻ trung, “gò má làm khá người ta”! Lại nữa, cặp mắt Lợi lúc nào cũng lăn tăn ánh cười. Tiếng cười của Lợi thật dài và cởi mở. Còn giọng nói của Lợi thì đơn đả, hậu hĩnh, tuy là có tí suồng sã và nhuộm mùi Kẻ chợ thật.

- Ngày, lớp này đi đâu mà mất mặt lâu thế? Cua đang độ béo lắm! Hay là chê bún riêu nhà này rồi?

Nhận một cái liếc xéo thân tình và nghe lời trách ngọt ngào ấy, Hào chỉ còn biết gãi gáy, ậm ờ. Biết trả lời cô hàng quà láng giềng thịnh tình này thế nào bây giờ? Hào đang sống dở chết dở vì không có công ăn việc làm. Từ cơ chế bao cấp chuyển sang cơ chế hạch toán, kinh doanh, thu chi lỗ lãi chẻ hoe ra, cơ quan, xí nghiệp nào cũng cuống cuống đặt mục tiêu công tác hàng đầu của mình là giảm biên, tức giảm miệng ăn, giảm những anh bất tài, vô tích sự. Hào vốn là thợ máy in. Giá cứ leo đèo theo nghề đó, cò cửa cũng phải hơn chục năm nữa mới về hưu. Đằng này lại nghe người xui, người ta tâng nịnh, bỏ phát nghề nọ, chuyển biên chế sang làm thơ ở một tờ báo văn nghệ cỡ tỉnh. Khổ! Cũng là cái bệnh ấu trĩ của cả một thời. Tập tọng mấy câu ca dao đã được nâng lên hàng thi sĩ, mà lại thi sĩ xuất thân từ công nhân nữa mới quý chứ! Hoảng lên được vài năm mới dần dần nhận ra, cuộc đời nó nghiêm chỉnh lắm, không đùa bỡn được. Nghề gì không biết, chứ làm thơ, viết văn là không có thể tự dối mình và lừa thiên hạ được. Đừng có mà hòng dùng quyền lực, tiền tài để biến một kẻ vô tài thành một tài năng đặc sắc được. Có mà tài thánh!

Hào nhận ra tình thế. Đau lắm, nhưng anh cũng còn đủ tỉnh táo để nghiệm ra điều đó có tính chất quy luật là: Ở đời rồi thì ai cũng phải nhận một cú vấp lệch người, xoay chuyển cả cuộc sống, rồi sau đó mới nên khôn được. Chỉ tiếc, anh đã ở tuổi bốn lăm. Nhưng thôi, muộn cũng còn hơn không. Cuộc cưỡng hôn này giải tỏa được sớm ngày nào hay ngày đấy, để đỡ khổ cho anh và cho nàng... thơ. Thành ra khi thủ trưởng cơ quan đặt vấn đề, Hào là người đầu tiên “xung phong” về hưu, về hưu trước tuổi, ngay.

Về để nhẹ gánh cơ quan. Về để từ bỏ một mộng tưởng hão huyền của một thời trẻ dại. Về để lập nghiệp, để tạo lập một thế cân bằng mới, yên ổn mọi bề. Về cũng tức là một cách ứng xử khôn ngoan và thực tế nữa. Bởi vì tính toán ra, do Nhà nước đặt ra chính sách khuyến khích, cộng tất cả các khoản,

Hào được lĩnh tất thấy những hơn một triệu đồng. Hơn một triệu đồng đem gửi quỹ tiết kiệm. Mỗi tháng được rút lãi hơn sáu chục ngàn đồng. Với một kẻ cô cút, số tiền ấy đủ chi dùng; hơn nữa, khéo ra còn có thể sắm sanh và tính chuyện vợ con. Ôi chao, từng này tuổi rồi vẫn độc thân, cũng là do cái nghiệp chướng thơ văn đó!

Thơ với văn. Nó là cái gì vậy? Nó là cái cục, cái con, cái hòn gì? Hay nó là giai nhân, rượu nồng, dẻ béo, á phiện hay sao mà ma lực nó ghê gớm đến mức làm cho Hào quên cả sinh thú và nghĩa vụ đời thường?

Tính toán vậy nên Hào yên tâm lắm. Nhưng ở đời mấy khi có được sự khít khao giữa dự liệu và thực tế. Hào về được mấy tháng thì lãi suất tiết kiệm giảm xuống còn hơn một nửa. Và cùng lúc vật giá các nhu yếu phẩm lại vọt lên gấp đôi. Đói thì chưa hẳn. Nhưng sống thiếu thốn là cái chắc. Mà thiếu thốn, nghèo nàn thì làm sao mà lập nghiệp, mà yên ổn mọi bề được!

Hào phải xoay xở, nhưng xoay xở để sống tạm đủ lúc này đâu có dễ. Hàng vạn người, cả chục vạn người đã bị hất ra lề đường như anh. Mà họ còn có nghề. Bây giờ anh mới thấy mình dở dở dang dang, ông không ra ông, thằng không ra thằng. Khai hộ khẩu, cô hàng xóm tự khai nghề nghiệp là bán hàng quà. Còn Hào? Khai là gì cũng bất tiện. Đăng ghi là cán bộ hưu trí. Cán bộ chung chung tức là vô nghề nghiệp. Mà vô nghề nghiệp thật. Quay trở lại nghề máy in thì không được, vì đã luống tuổi và hết chỗ. Bận bè thương rủ đi đóng đình, leo thang, sơn quét *pa nô* ở triển lãm để kiếm sống thì lại ngại. Chả gì mình cũng đã là một nhà thơ! Ấy thế, quen đóng vai anh trí thức được ít năm, giờ mà phải cầm cái bơm xe ngồi ở bờ hè bơm thuê, thấy bất tiện quá!

Thấy Hào ngày ngày nằm khoèo trong căn buồng sáu mét vuông cạnh nhà mình, cô hàng bún riêu một hôm ước:

- Này, toàn thấy ăn rồi chơi. Tốt tiền lắm, hả? Thế thì chung vốn với em đi!

Hào cười nhè nhẹ:

- Chung gánh bún riêu ấy à?

- Coi thường nhau thế!

- Đâu có.

- Này, ba, bốn đời bún riêu rồi đấy nhé! Ngày xưa, ông bà nhà này không có gánh bún riêu của bà bà thì có hoạt động Cộng sản được khỏi ra đấy mà coi thường!

Hào ngẩn người. Ăn nói xóc mói mới ghê chưa! Nhưng mà có lý và tin được! Tin được lắm vì sau cái đảo để của Lợi là tài cán của sự mưu sinh lưu truyền, là sự chân tình, ngay thật của người lao động.

Thành ra sau khi nghe lời trách cứ thân mật nọ của Lợi và gãi gáy ngược ngịu một hồi, Hào liền ngừng đầu, thật thà:

- Thế thì trưa nay tôi ra ăn vậy nhé!

Hào thật không ngờ đáp lại lời hẹn của anh, Lợi quay đi với một cái lườm hết sức thân thiết và một tiếng buông gọn lỏn:

- Mai!

- Tận mai cơ à?

- Phải! Hôm nay... bận!

Như thế phụ họa cho sáng tỏ lý do vì sao có sự chùng chảng vậy, con gái Lợi, cái Thoa, mười ba tuổi, giống mẹ như đúc, nục nịch như một khúc giò kéo tay Lợi.

- Mẹ thay quần áo đi! Sắp đến giờ ô tô chạy rồi. - Ngừng hơi, con bé ngược nhìn Hào. - Mai bác ra ăn hàng mẹ cháu nhé! Hôm nay mẹ cháu phải ra sân bay quốc tế đón người nhà.

Mẹ con Lợi ra sân bay quốc tế đón người nhà!

Trông bộ điệu Lợi hí hửng, vui vẻ thì biết người được Lợi đón phải là thân lắm. Và vào tuổi Lợi thì nếu không phải đức ông chồng thì cũng là người tình thân thiết. Hàng xóm sát tường nhau, Hào hiểu hoàn cảnh Lợi. Bố mẹ Lợi đã mất từ lâu. Lợi có một thời đi thanh niên xung phong chống Mỹ rồi lỡ làng vì có con mà không có chồng. Không có chồng, đàn bà như thuyền không lái. Lợi cũng vậy. Đồng tiền dư dả đấy nhưng đời sống vẫn xổng xểnh lắm. Tối tối, nghe Lợi than, hằng ngày là nhân chứng của những cơn vui buồn bất thường của Lợi, Hào nhận ra, đời người đàn bà này còn đang rất bấp bênh. Lợi đang còn ước ao, đang còn rất dang dở.

Chiều ấy, từ sân bay, một chiếc Toyota màu sữa chạy về, ghé đuôi vào cửa nhà Lợi. Đẩy cửa, nhanh nhẹn bước ra đầu tiên là một gã đàn ông tóc xoăn, da ngăm, cao lớn trông như người Nam Dương. Áo phông vàng chóc, quần bò hoa cùng giày *mô ka* đen, bít tất trắng, gã là cái hình hài kệch cỡm dở tỉnh dở quê. Cửa sau nâng, gã nhoad người kéo ra một lúc bảy, tám cái *va li* và túi xách tay sặc sỡ. Lợi chui ra khỏi ô tô sau cùng, với bàn tay đầy lông mu của gã đàn ông chìa ra đón đỡ rất điệu dàng và sau đó chị giữ áo đứng cạnh chiếc ô tô sang trọng, hiện thân như một phu nhân quyền quý trong chiếc áo dài màu thiên thanh và chiếc quần lụa trắng bóng cùng đôi guốc gót cao lênh khênh.

Hào đứng giả dờ vắn vợ bên gốc sấu vỉa hè bên kia đường theo dõi sự kiện. Làm thế nào anh lại có thể nghĩ rằng người phụ nữ lịch sự, thơm tho, đường nét thân hình óng ả, nuột nà như một ảo ảnh kia lại là Lợi? Lợi, với áo quần xộc xệch, cẩu thả, chiều chiều quất mắng í om con gái, sắp mặt xuống với cái cối giã cua hoặc cùng với cái gánh hàng bún riêu nhếch nhác trên vỉa hè, giữa các bạn hàng và thực khách, nói cười cùng một thứ ngôn ngữ chợ búa, xô bồ. Lợi ở trong cái đám người bình dân, ở nấc thang cuối cùng của xã hội, đông đảo và ít bản sắc!

Không! Hào không thể tin là Lợi xuất thân đã là vậy. Bởi vì anh nhận ra kể từ lúc người đàn ông nọ có mặt ở nhà Lợi, Lợi đã hoàn toàn hóa thân như một phụ nữ nết na, ý tứ, khép nép lạ thường. Ngoại trừ ban đêm khi hai người vào cuộc ân ái, họ rú rít như phát rồ. Và gã đàn ông thì tươi hơn, thô lỗ, nổ những tràng cười dành dạch như súng máy.

Vậy thì hoàn toàn có thể tin rằng đời sống mấy chục năm qua là một chấn động triền miên và con người thực chất là những sinh vật vô cùng yếu đuối so với ngoại cảnh: Nó đã bị xô đẩy, rơi rụng rồi trôi dạt, đang ở vị trí này, phắt cái nó đã rơi xuống vị trí khác, sang đây và hèn kém ngay lập tức đấy. Ngấm như thân kiếp Hào thì rõ.

Người đàn ông ở nước ngoài về ở nhà Lợi ba hôm là ba hôm Lợi ăn mặc đóm dáng và nghỉ hàng. Cũng là ba hôm Hào đóng cửa, đến ngủ nhờ ở nhà bạn. Ngày thứ tư trở về, thấy người đàn ông đứng ở sân, điệu bộ nghênh ngáo của kẻ hợm của, ra dáng ông chủ, nhìn Lợi như nhìn một vật sở hữu đang gọi đầu, Hào liền quay ngoắt đi và khéo mắt như vương khói cay sè.

Đang cái lúc bối rối về đường đời, lại mắc vào cái búi tơ tình, anh thấy tủi tủi cho mình. Nghe bạn nói: Biên giới phía Bắc đang mở cửa khẩu, buôn bán sầm uất lắm, có tiền là một, có sức là hai là có cơ hội kiếm sống, Hào liền đáp tàu đông thẳng lên Lào Cai.

*

Hơn tháng sau Hào mới trở lại thành phố. Hóa ra tất cả chỉ là đồn thổi. Hoặc giả anh là kẻ hẩm phận, chẳng bao giờ gặp may để trở thành giàu có, đang hoàng cả. Ra đi có hơn trăm ngàn, trở về trong túi còn non nửa. Lại một mối, vêu vào thân xác.

- Này, lớp này định mất mặt đấy chắc! Hừ, đi không thèm nói một câu. Về không thèm lên một tiếng. Làm cái thứ ông gì rồi mà trông gầy đỗi, xanh xao thế kia, anh Hào?

Đang bước trên vỉa hè, Hào chợt sững người. Lợi, vẫn cái giọng nói chao chát, thân cận ấy. Vẫn cái gánh bún riêu quen thuộc ấy. Một cái chõng con trên đặt bát ớt bột đỏ lòm, gói bột canh dốt dất, đĩa rau diếp thái nhỏ ti, luộm thuộm. Một bên gánh là thúng bún xẻ tơi, trắng tinh. Một bên gánh là nồi riêu. Ôi, cái nồi riêu của mang kỹ thuật chế tác bí truyền ba, bốn đời nhà Lợi lúc nào cũng sôi cuộn những con sóng đỏ lừ, đánh dạt những mảng thịt của chưng nhuếnh nhoáng với cà chua đỏ hồng nổi lều phều, bám vàng vàng sao vào rìa nồi!

- Ngồi xuống ăn một bát cho ấm bụng đi! Hẹn một tháng hơn rồi đấy nhỉ? Nhờ nhị vị ngồi hẹp lại một tí, cho ông anh tôi nhờ một chỗ nào!

Hào ngồi xuống chiếc ghế con. Cạnh anh là hai thực khách: một anh bộ đội đeo quân hàm trung sĩ và một gã xích lô ria mép rậm rì. Gã xích lô ăn xong bát bún, lấy đũa gạt mép, trở mắt nhìn Hào.

- Ăn mắm tôm nhé!

- Cảm ơn!

- Rõ người đời. Mắm người ta đặt, sạch thơm như mắm tiến vua ấy chứ!

Hào đưa tay đỡ bát bún đầy phè. Anh nhận ra cặp mắt Lợi lẫn lẫn ánh âu yếm.

- Rau ghém rửa cẩn thận rồi đấy, ăn đi. Kìa, lóng ngóng xốt hết cả nước riêu rồi. Để chan thêm cho nào.

Gã xích lô cầm cái tăm vào miệng, đứng lên, lườm Hào ra ý ghen tức, rồi vút tờ giấy bạc năm nghìn lên mặt chõng, cao giọng:

- Này, trả lại tiền thừa đi! Mãi miết, đăm đuối mãi. Không sợ chồng nó ghen, nó táng cho à?

Lợi giật tờ giấy bạc trên chõng, hai mắt khíp lại:

- Chồng nào, rõ khéo?

- Lại còn chồng nào! Nó có đem tí văn minh Iraq nào về không?

- À, hóa ra là ghen. “Rạ chiêm ai có liềm thì cắt” nhé!

- Chả hơi đâu mà ghen cho nó mệt!

- Cũng chả hơi đâu ôm rơm cho rậm bụng. Này, cũng nói cho mà biết nhé, cái loại cửa sừng xẻo tai, long đà gãy ngồng ấy là của chẳng vừa. Đốt pháo ăn mừng tống táng mẹ nó đi rồi!

Gã xích lô đập tay vào túi, há to miệng:

- Thế mà đây chẳng biết gì cả. Rõ tiếc!

- Láo! Đừng có láo!

Lợi chồm lên, chỉ vào mặt gã đàn ông nọ. Và cả hai cùng bật cười, cười tung tóe, thích thú vì như động tới một ẩn ý gì mà chỉ có hai người biết với nhau.

Hào đặt bán bún, ứ nghẹn. Anh chỉ quan tâm mỗi một điều: gã đàn ông giống người Nam Dương nọ đã đi và thở phào. Chả lẽ ở đời mọi sự lại giản đơn đến như vậy?

*

Đời vốn giản đơn. Như đời Hào, đời Lợi. Như việc bà mẹ Lợi với gánh bún riêu gia truyền nuôi được ông chồng hoạt động Cộng sản. Sự việc đúng vậy. Ông là thợ in Nhà in Tân Dân. Ông tham gia đoàn thể bí mật. Thời đó làm gì có lương phạn. Mọi sự ăn uống, chi tiêu, kể cả việc nuôi các đồng chí bạn ông, cũng nhờ vào bát bún bán được hằng ngày của bà vợ. Tiếc cái mọi việc chẳng thuận buồm mát mái. Nghĩa là, ở đời, rồi thì ai cũng bị vấp một cái lệch vẹo cả người. Kháng chiến, ông chậm chân bị kẹt lại trong vùng địch chiếm đóng. Mất liên lạc dẫn

đến bị nghi ngờ, đoán mạch là các bước kế tiếp dễ hiểu. Cuối cùng, cái chết xóa hết công và tội, đơn giản như khăn lau xóa chữ phấn lên bảng. Lợi lớn lên, mang dòng máu giai cấp anh hùng của cha, cả tuổi trẻ dâng cho sự nghiệp thanh niên xung phong chống Mỹ. Đã làm tới chức đại đội trưởng. Đã từng được huân chương vì thành tích phá bom mìn đường. Nhưng lại gặp một cú vấp lệch người, kiếm củi ba năm thiêu một giờ, sinh đứa con không cha, kết cục mèo lại hoàn mèo, lại trở về với gánh bún riêu bên vỉa hè, như bà mẹ, bà ngoại thuở nào.

Vỉa hè! Thành phố nào mà không có vỉa hè. Có điều là khi thiết kế nên phố xá, vỉa hè, các nhà kiến trúc hẳn không ngờ đã tạo nên cái lề đường cho người đi bộ, lại còn lập nên một địa bàn chen chúc cho riêng một lớp người. Một lớp người, do muôn ngàn duyên cớ, bị đẩy ra khỏi, hoặc không đủ sức thâm nhập, đóng một vai trò nào đó trong guồng máy chính thống, tụ bọ lại, với ngôn ngữ, đời sống riêng, tâm tình riêng. Họ là những con người nhỏ bé, những kẻ đóng vai phụ trong cuộc đời.

Từ gánh bún riêu của Lợi, Hào đưa đôi mắt hay quan sát và hay suy ngẫm của nhà thơ ngẫm cuộc sống nơi môi trường nhỏ hẹp. Trước hết, giống như Lợi là các gánh hàng quà. Những hàng bún, bánh, xôi, cháo, giò chả... những hàng ăn bình dị mang truyền thống đặc biệt của nghệ thuật ẩm thực chế biến lâu đời. Cạnh đó là những kẻ buôn thúng bán bưng rau cỏ, thực phẩm. Cạnh đó, mới rộ lên mấy năm gần đây là các quầy, sạp sách báo, thuốc lá, xổ số, sửa chữa xe máy, xe đạp, dán *ni lông*, đánh máy, viết thuê... Hỏi ra thì đứng tên toàn là những kẻ như Lợi, như Hào. Một ông giáo lỡ thời, gần chục anh bộ đội buông súng là thất nghiệp. Đông nhất là đám thợ thuyền, công chức chuyên môn kém cỏi, sức lực ồm ỷ, bị coi là ăn bám cơ quan, xí nghiệp trong cơ chế mới. Tóm lại là những kẻ thất cơ lỡ vận, những kẻ bị thải loại, những kẻ không vượt khỏi số phận mình - những kẻ dỏ dưng ở bên lề cuộc sống. Vốn liếng ít, nghề ngỗng sơ sài, tuổi đã nhòng

nhòng, hằng ngày nếu có bòn lấy được một vài chục nghìn bạc của đám khách bình dân, tầm tầm như họ thì cũng chỉ là lấy công làm lãi, để bù ba bữa ăn qua ngày.

Cuối cùng thì gạt bỏ tính sĩ diện vốn có của những kẻ mang danh trí thức, quyết hòa nhập vào đám đông những kẻ nghèo khó, Hào vác cái bơm xe ra vỉa hè, nhìn sang cái gánh bún riêu của mẹ con Lợi.

- Thế! Tội gì! Nhàn thân mà có xấu gì nào! - Lợi dẫu mở mắt Hào.

Chị đã gợi ý, dẫn dắt và ấn định cả chỗ ngồi và tư cách của Hào. Chị tỏ ra thích thú đặc biệt vì thấy mình là một bản lĩnh có sức chi phối, điều khiển được Hào.

Ngày đầu Hào kiếm được năm nghìn. Lợi hỏi: "Sao ít thế?" Anh đáp: "Tôi lấy rẻ." Chị giã nảy: "Ông đàn ơi, ông đàn! Ai tha giết ông mà ông không giết chúng?" Rồi cười nhẹ tênh: "Nói đùa thôi. Cốt đủ ăn và ổn định là được rồi. Có phải không?"

Hào gật đầu. Anh chấp nhận, sau khi đã dẫn lòng tước bỏ tất cả những ao ước cao siêu. Đủ ăn và ổn định!

*

Đủ ăn và ổn định. Có nghĩa rằng, hoặc đó là chỉ hiệu nói rằng: sức lao động của ta, nghề nghiệp của ta cần thiết cho mọi người. Đủ ăn và ổn định! Ôi! So với cái hoài bão của thời Hào làm thơ, cái mục tiêu nọ sao mà mĩa mai, thảm hại vậy! Nhưng nên nhớ cho, người xưa đã từng nói: phúc không có gì lâu bền bằng sự yên ổn và suy cho cùng con người với phẩm chất nhân nại vô song cũng là gắng gỏi để đạt được mục đích đó, để chứng tỏ ta là nhu cầu của đồng loại. Nói vậy chứ cuộc phấn đấu đâu có phải là muôn sự dễ dàng!

Bởi vì từ cái cuộc sống của Lợi mà ngấm ra cũng thấy. Lắm hôm hàng họ ế chổng ế chơ. Hôm nào mà mấy chú phòng thuế, mấy anh công an đứng đường ghé vào là lải lỏi đi đòi nhà ma. Vài hôm lại có một cuộc đuổi hàng rong, làm sạch vỉa hè, trốn chạy, thập thò đến khốn khổ. Có buổi gặp thằng ăn quýt. Có bữa khách là thằng say, ăn xong nó còn cà khía gậy gỗ. Hai mẹ con thế cô, yếu đuối trước thằng đàn ông càn quấy! Lợi là cái gì mà nó phải nghiêm trang, đứng đắn? Lắm thằng ngồi ăn là mất la mảy lét, rồi gạ gẫm thẳng cánh. Thằng xích lô ria rậm ấy mấy lần đập cửa đòi vào ngủ đêm rồi. Và cái gã đàn ông như người Nam Dương nọ, nó cứ như bóng ma quanh quất. Một thời nó là anh chữa khóa vỉa hè bắt bớ với Lợi, rồi đi làm thuê ở Iraq, trở về cây tiền vênh váo, coi Lợi như con ỏ. Cãi nhau một trận, nó cút về với vợ nó ở Việt Trì rồi. Nhưng luẩn quẩn như chèo đò đêm, có hôm lại thấy nó đến ăn hàng, nhẩn nhẩn nhỏ nhỏ: “Hôm nào anh lại đến nhá!”

Đời sống bất kham lắm, không điều khiển được. Vì vậy chỉ còn dành được chút ít thời gian cho sự no đủ và yên ổn đã là mừng, là cảm thấy hạnh phúc lắm rồi.

Quả thật, có những hôm Hào cảm thấy đã nhìn thấy, sờ thấy cái hạnh phúc vừa tầm ấy rồi. Vì hôm đó, anh kiếm được khá, nghĩa là ngoài tiền ăn còn có thể mua được một, hai cuốn sách mới xuất bản rất hay, chúng có thể nâng cao tâm hồn, hiểu biết của anh và anh có thể cho cái Thoa, con gái Lợi, mượn đọc. Vì hôm đó hai mẹ con Lợi bán hết hàng, lãi hơn thường ngày nên ngày mai có thể nghỉ một ngày để đi hội, đi lễ chùa, đi thăm nom bà con, họ hàng hoặc bạn bè cùng đơn vị thuở nào.

Chiều ấy, Lợi bỏ cái tạp dề lấm tẩm nước cua giã băm lem nhem, tẩm gội xong, kéo cái ghế bố ra sân. Trời chiều ngả tím thạch anh, trong sạch như vừa được gột rửa là những vòm sấu rậm rả xôn xao trên cao. Lợi ngồi, rõ ràng dáng gái đẹp, lưng chữ ngũ, vú chữ tâm. Rồi hất mái tóc dày đang se khô, thả

mành mành trên ghế. Lợi nằm soài dài, để những đường cong của đôi vú tròn nặng, cặp đùi phụ nữ cả đời quen lao động thả lỏng mềm mại. Lợi như mùa thu tĩnh lặng đang ngược mắt thả hồn lên bầu trời mênh mang một sắc thu xanh êm.

Lợi nghĩ gì? Nghĩ về cuộc mưu sinh, về ông bà cha mẹ và cuộc đời trắc trở nhưng nhẹ tênh của mình. Lợi có hiểu đó là lúc Hào đang như tan ra trong âm hưởng ngọt ngào của sự tĩnh tại, giao hòa. Hạnh phúc là thế! Là sau khi ta vấp vấp, chao đảo, ta tìm được nhau, trong thế cân bằng, yên ả, ta xa khỏi ảnh hưởng của ngoại vật, trong treo từ trong nội tâm ta.

Chao ôi! Lợi có cảm thông với Hào không mà bỗng dưng đang nằm Lợi chồm dậy, cất tiếng toang toang: “Anh Hào ơi, mai anh có bận gì không? Mai, mẹ con em mời anh đi ăn bánh tôm Hồ Tây nhé! Tội gì mà ki cốp, bóp miệng, anh nhỉ!”

Hào ngây ò trong khúc diễn tấu mở đầu ấy của Lợi. Đời anh lúc đó là thơ.

*

“VẬY thì đã đến lúc...” Hào khấp khởi. Óc phát ra bao nhiêu dự định sáng tươi. Nhưng vào lúc như là sắp nắm bắt được cái gì đó hết sức lớn lao và cảm thấy mình đang trở nên một thực thể của sự hòa nhập, Hào lại thấy nghẹt thở vì lo âu. Ám ảnh về sự bất thường của đời sống khiến anh bồn chồn suốt cả sáng, cả trưa. Chiều, càng sắp đến giờ đi ăn với mẹ con Lợi anh càng nôn nao. Anh phải đi ra phố để giải tỏa cơn lo âu dai dẳng.

Trở về đúng giờ hẹn, Hào đứng như chôn chân ở góc sấu bên kia đường. Vì nhận ra chiếc Toyota trắng sữa quen thuộc hôm nào, như một ám thị đã bám sâu vào tâm thức anh, đang ghé đít vào cửa căn nhà của Lợi và của anh.

Gã đàn ông da ngăm, tóc xoăn, giống người Nam Dương, đang chui vào lòng xe, kéo ra một chiếc *va li* giả da to kềnh.

Trong nhà có tiếng Lợi xoe xoe:

- Tiên sư cái thằng ăn đầy bụng, ỉa đầy bờ kia! Tao chả nợ nần gì mày mà mày vác mặt đến đây nhá! Thoa, mày ra đuổi nó đi hộ tao!

Gã đàn ông nhắc cái *va li*, nháy mắt với gã lái xe. Chiếc xe tuột đi. Lợi từ trong nhà vừa búi lại tóc vừa xông xồng đi ra:

- Này, tôi nói cho ông biết, đừng có cái lối ăn mày quen ngõ nhé!

Gã đàn ông cùng chiếc *va li* như con trâu nghênh sừng, nhe răng cười:

- Đừng thế, Lợi. Anh mới ở Việt Trì xuống cất hàng mà.

- Anh ở đâu xuống, làm gì mặc anh!

- Nhân thể lần này anh đón em lên!

- Tôi không thêm! Tôi không khiến!

- Sao em lỡ...

- Chả *nữ nùng* gì hết! Có nó thì không có tôi! Có tôi thì không có nó!

- Nó nào?

- Cái con mặt quét vôi ấy!

- Ghen vớ vẩn! Anh đã nói rồi, anh sẽ bỏ nó. Lui ra cho anh vào. Nào!

Cái cửa hẹp. Lợi to chênh ênh đứng trấn. Gã đàn ông đưa chiếc *va li* vào. Lợi đẩy ra. Hai bên đều tỏ ra cương quyết. Những nốt rỗ huê trên mặt Lợi đỏ tía lên. Búi tóc xổ tung, chảy ngoằn ngoèo trên lưng. Nhưng cuối cùng, Hào phải quay mặt đi để khỏi phải nhìn thấy cái cảnh Lợi đứng né một bên, vừa là thua cuộc vừa là nhân nhượng để gã đàn ông và chiếc *va li* lọt vào. Lát sau, nghe thấy Lợi giống tiếng, thật to: “Người đâu mà mặt trơ trán bóng thế không biết! Cậy

khỏe à? Thế thì tôi đi để ông ở đây một mình!” Rồi tiếng cười đành dạch như súng liên thanh của gã nọ.

Đêm đó, suốt tháng đó, Hào ở nhờ nhà bạn, không nói không rằng, người thần thờ như kẻ mất hồn. Ít lâu sau, Hào bán căn buồng cạnh buồng Lợi, rồi như mất tâm vào đám đông chen chúc trên các vỉa hè thành phố, những kiếp sống dỏ dỏ dang dang ngày một nhiều lên ở nơi này.

1988

NGƯỜI CUỐI CÙNG VỀ LÀNG LẶN

1.

“**N**ày, lão Quản nó sắp về làng đấy!”
“Thằng Quản nó sắp về làng đấy!”

Lời hoang truyền vu vơ trong gió cuối cùng đã thành một thông tin được lan truyền từ các cô cậu thiếu niên miệng còn hơi sữa tới các cụ thượng thọ tám mươi, các cụ giai lão năm mươi, năm nhăm tuổi vừa được vinh dự mời đến tham dự lễ khánh thành chùa Diên Khánh mới trùng tu xong của làng Lặn tôi.

Tin này phát ra vào đầu mùa hè năm nay, lập tức gây xôn xao ngóng đợi. Gây xôn xao ngóng đợi là bởi vì người làng này gồm hai họ Đinh, Trần, kể từ hồi Cách mạng mùa thu năm 1945 đảo lộn đất trời, tính ra có đến hơn ba trăm con người rời làng đi thì thấy đã trở về làng, chỉ ít cũng là thăm thú lấy một lần. Mấy trăm con người đã ra đi vì đủ các nguyên do: hoặc theo tiếng gọi bảo vệ Tổ quốc, dấn thân vào cuộc trường chinh cùng cả dân tộc; hoặc vong gia thất thổ vì bị chèn ép, vì sợ thù oán; hoặc tha phương cầu thực vì đói rét cơ hàn, vì miếng cơm manh áo; hoặc chống lại Tổ quốc, đeo vào mình hai tiếng Việt gian nhục nhã; hoặc di tản hợp pháp theo diện HCR; là những tay du thủ du thực, võ nghệ đầy mình, đi hành nghề, hoặc bị

đây ải nơi xa; là bộ đội, cán bộ, sinh viên du học nước ngoài, thợ thuyền ở các khu công nghiệp lớn; người làm nghề linh tinh như bán vé số, chữa đèn pin, khắc bút; các thương gia, các nhà khoa học quốc tịch Mỹ, quốc tịch Úc nhưng là con dân nước Việt, khi xưa ở làng là địa chủ, kỳ mục, kỳ hào, chánh tổng, phó lý hoặc to hơn nữa, là tri phủ, tri huyện... tất cả không trừ một ai đều đã quay trở về làng, ít nhất cũng là ngó qua chốn quê hương bản quán của mình một lần. Nơi chôn rau cắt rốn, dẫu có là một làng quê tầm thường, cũ kỹ, mốc meo, dẫu có là bùn lầy nước đọng thì vẫn là nơi lưu giữ linh hồn tuổi thơ của ta, vẫn như người mẹ ngày đêm cất tiếng tha thiết gọi ta về.

Đã về làng cả, dẫu xưa là thù nghịch, hoặc là kẻ thói thường dung dung như khách khứa vãng lai, dù đang ở trời Tây, xứ tuyết, là bậc tử phú hay người độ nhật kiếm sống. Đã về cả cái làng Lận bán sơn địa trung du đồi cọ mấp mô, đất cằn nuôi cây còi cọc, ruộng trong thung lũng bốn mùa lầy lội, quê nghèo nhưng sâm uất đền chùa miếu mạo, quanh năm hương khói phụng thờ, sùng bái thuật phong thủy, vì từ lâu luôn kiêu hãnh đất này địa linh sinh nhân kiệt khác thường.

2.

Đất này quả là địa linh nên sinh nhiều anh tài, tuấn tú, đi đâu cũng lập công trạng, nên danh nên giá thật.

Chẳng hạn, cho đến thời điểm này, một người làm vẻ vang cho làng quê, đáng được nêu danh hàng đầu, đáng được ghi tên bảng vàng chính là ông Văn Thường, xưa ở làng vốn gọi là Thường mốc vì to da nên mùa rét mặt cứ như da con trăn hoa. Tên là Thường mà ông chẳng xoàng tẹo nào. Ông là tác giả bản đề tài *Kinh tế đổi*, mở đầu một thời kỳ phồn vinh cho xứ đồi sỏi quê hương. Ông đạt học vị phó tiến sĩ vì công trình này. Ông là đại biểu Quốc hội ba khóa liền. Từ chủ tịch ông được bổ nhiệm

thăng lên bộ trưởng một bộ lớn. Xem ra ông còn thăng tiến nữa trên quan lộ. “Đó là ơn nhờ tiên tổ.” Ông nói vậy khi thấp ba nén tâm nhang, sụp xuống vái Thành Hoàng làng ở miếu Ông Tung và lễ Phật Tổ ở chùa Diên Khánh. Chùa Diên Khánh tọa lạc trên dải đất vòng đào, nhìn ra dãy Sơn Thần, đỉnh lô nhô như ngọn bút cắm. Nơi đây ông Thường để bát hương cha mẹ. Ngày rời làng đi, ông chỉ là anh phó mộc. Anh phó mộc đóng đồ thờ ở chùa, chỉ chắt đục chằng ở công trường thủy lợi tỉnh, rồi thành cán bộ đi học trường Công đoàn Trung ương. Giờ, ông về làng bằng ô tô, có một nữ bác sĩ đi kèm, cùng một anh trung úy hộ vệ đeo súng ngắn bên sườn, hễ thấy ai đến gần thủ trưởng là lù mắt rần hổ. Ông Thường về làng, sau khi khấn lễ thì đến nhà ông em tên là Nghé, Chủ tịch xã. Ông Nghé mời thêm ông Chiến là phó công an, cũng là người có trong họ và mấy người nữa trong ủy ban theo ông Thường, hết lên đồi lại xuống ruộng ngắm nghía cảnh quan, xét đất, xem cây. Quá trưa, sau khi đã chỉ bảo cho mấy ông ở xã cách làm giàu từ đất, ông Thường bắt tay tạm biệt và để lại cho riêng làng một bọc tiền là ba mươi triệu bạc với yêu cầu là làm một con đường từ con đường liên huyện nối với xã.

“Tiền nào của ấy. Rõ mượn hoa cúng Phật! Ăn còn chưa đủ. Làm đường để nó đi ô tô con về cho tiện hả? Có cái con đầu b. thầy đây này!” Mấy tay ngạo ngược có tiếng, mượn chén nói bậy. Ông Nghé và ông Chiến uất, cuộc họp nào cũng nêu tên mấy người này ra để công kích. Nhưng rồi im ỉm chuyện chìm dần, qua đi. Nay đường vào làng vẫn mấp mô sống trâu, lại chưa đủ hai xe đạp tránh nhau, rõ buồn, trong khi ông Nghé, ông Chiến lên hai cái nhà mái bằng.

3.

Mọi người đều đã về lại làng quê mình.

Sôi nổi nhất thì phải kể đến bà con nơi hải ngoại vốn xa quê đã lâu ngày. Nỗi hoài hương thật là một tài sản tinh thần chung của từ kẻ nhất tới nhì nợ phải ly quê đến người vì phát tài phát lộc mà cất cánh bay xa tổ ấm.

Năm ngoái thì có đến hai tốp Việt kiều từ Mỹ, Canada bay nửa vòng trái đất về thăm quê. Ô tô đỗ ở ngoài đường cái, họ đi xe ôm vào làng. Việc đầu tiên là họ, chẳng phân biệt già trẻ giàu nghèo, đều lò dò theo bậc gạch xây đi xuống cái giếng khơi ở cạnh đình làng, khỏa bèo, vốc nước rửa mặt, rồi khen rằng khắp trong vòng trời đất chẳng đâu nước ngọt mát như ở giếng quê ta. Hương quê thoảng mùi bùn tanh tào càng khiến cho tình quê thêm phần quyến luyến. Trò chuyện với bà con này mới thấy không ngờ xứ quê mình sống sung sướng quá. Sung sướng vì cái gì cũng rẻ. Một *đô la* mà mua được những ba nải chuối hoặc hai lon 7Up. Một Mỹ kim mà đủ ăn hai bữa cơm ngày. Ôi chà, con người lấy cái ăn làm đầu thì cũng từ cái ăn mà xét sung sướng hay khổ sở. Vậy thì chả đâu bằng ở quê mình. Trò chuyện với họ mới thấy họ không phải là một khối đồng nhất. Đại để họ cũng như nhân loại, như dân nước mình, thấy đều chia làm hai hạng: hạng giàu có và hạng nghèo nàn. Hạng giàu có thường là giám đốc, chủ nhà hàng, kỹ sư, bác sĩ. Hạng nghèo nàn là đám thợ thuyền, hoặc vô nghề nghiệp hưởng trợ cấp, hoặc làm các nghề lật vật như rửa bát đĩa, trồng cây xăng, giữ trẻ, xúc tuyết, công việc kim nhật kim thì, vật mũi vừa đứt miệng, trông nhà cửa thì sang trọng mà kỳ tình thì toàn mua chịu, trả góp, nhắm mắt xuôi tay nằm xuống thì cửa nhà sạch bách. Kỳ lạ là ở chỗ hạng giàu có, ăn nên làm ra, nếu truy nguyên thành phần giai cấp thì y như rằng, nếu không chính là bản thân họ thì là con cái của mấy anh địa chủ, phú nông tư sản bị đấu tố hoặc tịch thu, trưng thu tài sản nên uất khí bỏ Tổ quốc ra đi. Hừ, thì ra đánh chết cái nết không chữa. Họ vẫn là anh khôn ngoan, từ bạch thủ tay trắng, từ thất cơ lỡ vận mà dựng lại cơ đồ, trong khi mấy anh vốn là dân du

thủ du thực, khổ rách áo ôm, sống vô gia cư, chết vô địa táng, cầu bơ cầu bất, hoặc trộm cắp chuyên nghiệp, bị bắt, sống tù vượt ngục ra đi, những tưởng chuyến này cò đến tay tha hồ phát, trở thành ông nọ bà kia, vớ giá nghênh ngang thì xó xúi vẫn hoàn xó xúi. Nghĩa rằng là, đổi đời là khó lắm. Kiếp phận ai nấy đều được định đoạt. Kết cục là đâu vẫn hoàn đấy thôi. Lý do làm sao xin để các nhà khoa học phân tích, kết luận. Chỉ biết chính mấy người Việt kiều giàu lúc này lại hóa ra người hảo tâm, được danh xưng yêu quê hương nhất. Vì họ cũng như ông Văn Thường có giàu có thì mới có hành vi, cử chỉ văn hóa, đã tặng cho làng quê cả trăm ngàn đô la Mỹ. Để xây dựng lại trường sở. Để cấp học bổng cho học sinh nghèo. Để làm nhà tình thương, nuôi dưỡng mẹ anh hùng, thương binh, gia đình liệt sĩ. Để tô tượng, đúc chuông, sửa sang làng quê, đền chùa, miếu mạo. Để lập bảo tàng truyền thống xã. Để viết sách dư địa chí làng quê.

Làng quê, cây đa, giếng đình, ngõ xóm và miếu mạo đền chùa chính là nơi tụ hội, lưu giữ hồn người. Đó là những nơi tất cả mọi người ly hương hồi tưởng, nơi họ đến thăm nom, ngưỡng mộ, chiêm bái. Và cùng với nó là lịch sử làng quê được truyền miệng qua những nhân vật của nó. Văn vi, mọi người lần lần nhắc đến tên từng người. Làng quê nào thì cũng vậy, bao giờ cũng có hai thứ người được nhắc nhở, một là những người thành đạt đem vinh dự cho quê hương và một nữa là những kẻ mang dị tật từ tâm hồn đến thể xác, những sai lệch của cơn biến loạn, những cái xấu xa, tồi tệ tập kết đóng vón mang hình dạng người. Những kẻ dở người, những anh điên dại, những gã trộm cắp, những người tính khí thất thường. Nhắc đến loại người sau này, câu hỏi thông thường của mọi người là: “Có ai biết hồi này Quán nó ở đâu không?”

4.

“Có ai biết hồi này Quản nó ở đâu không?”

Quản là ai mà được sự quan tâm vậy của mọi người? Quản là con Dụ. Dụ là con Ngụ. Ngụ là con Tự. Tự là tướng cướp hoành hành suốt dải sông Thao, từ Sứ Quân đến Vãng Giỏ. Năm 1936 bị tuần canh bắt, y vượt ngục cầm cố ở Hưng Hóa chạy lên miền ngược trở thành thủ lĩnh bọn lục lâm thổ phỉ vùng cửa ngõ sông Đà. Đầu Tự được treo giải một trăm tờ bạc cái đỉnh. Lính Pháp và đồng quan hết vây bọc lại truy đuổi, nhưng vô ích. Y chỉ chết vì dính đạn súng gài của người Dao đeo tiền. Đã tưởng thế là thoát cảnh cướp bóc. Ai có ngờ, hết cha thì đến con. Hết con lại đến cháu y.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 là một sự đứt đoạn nhà nọ, ai cũng nghĩ vậy, vì bố Quản là Dụ ăn cắp ngựa của quân Nhật, bị quân Nhật bắt, chém đầu lìa cổ, khi đó Quản mới chỉ có chín tuổi đầu. Nào ngờ, thêm vài tuổi nữa, Quản đã ngạo ngược quá lắm. Bé thì trộm trứng gà. Lớn thì trộm trâu. Nhỏ thì ăn hiếp bè bạn. Thành niên thì ổi tiết bé gái, cưỡng chiếm đàn bà. Chết thôi! Thế thì chẳng ai còn nghi ngờ gì nữa là đã có sự truyền di giống nòi nhà Quản! Rõ ràng là vậy. Ông đã truyền cho cha. Cha đã truyền cho con. Và con đã truyền cho cháu. Cũng vẫn cái vóc dạc, mặt mũi, tính nết ấy. Hai con mất bên to bên bé, lại quá xa nhau. Cái mũi hìn hìn. Cái mồm lại quá rộng và những chiếc răng lỏm chồm khiến cho cả cái mặt như lùi xa về thời tiền sử. Chân tay vóc dạc cũng vậy. Không thuộc huyết hệ của đời người, quý sứ thì cũng xa con người lắm. Và cam đoan rằng, nhìn hần, khoa hình tướng học và khoa hình sự có thể kết luận ngay rằng, loại này bất khả cải hóa, và vì lợi chung, loại này nhất quyết phải dùng chuyên chế bắt phải tuyệt đường sinh đẻ, không thì xã hội nguy to có ngày.

Quản là cái tai cái ách của làng. Hấn không quen sống lương thiện. Phải phá phách, phải độc ác, phải làm cho người khác khốn khổ điều đứng hấn mới thỏa chí, thỏa sức. Trớ trêu quá, trời lại cho Quản sức khỏe hơn người. Tạ gạo trên vai, Quản đi tênh tênh. Hùng hực sức trâu cày ngựa cưỡi, hấn chẳng hề biết mệt mỏi, ốm đau là gì. Loại cầm tinh bị gậy này thất học nên xa lạ lắm với hai chữ liêm sỉ. Lẹo cả trâu bò nên có cái tên là Quản trâu. Làng xóm hể cứ sênh mắt một cái là của cải không cánh mà bay. Chó mất đằng chó, mèo mất đằng mèo, nói gì đến cái áo, cái quần, cây mía, quả bí. Tù tội với Quản vô nghĩa như muối đốt gỗ. Mấy lần bị bắt ngay trên chiếu bạc mà hấn có chừa đâu. Cờ bạc, trộm cắp, dĩ bợm, dâm dê đủ vành đủ kiểu, cái thằng trời đánh thánh vật ấy họa chẳng chỉ còn thiếu tội giết người.

Làng quây quần trên một mỏm đồi mu rùa. Nước ăn thủy đều nhờ ở giếng nước đào sâu cả chục mét qua mấy tầng đất đá mới có được. Năm đó, hết trò độc địa, lại đang bị quản thúc, Quản bèn như con dúi hì hực khoét đất đào ở sân nhà mình một cái giếng rông rã một tháng trời. Kết quả là cái sức trâu lặn của hấn đã tạo được một cái giếng vành ba vòng tay người và sâu hoắm hoắm như tới tận âm ti địa ngục. Sâu đến mức nó hút tuột tất cả nước của mấy chục cái giếng của các gia đình trong làng. “Ha ha, ông sẽ treo tất cả giếng của chúng mày lên! Rồi chúng mày phải lạy van ông.” Quản reo đắc chí và kết thúc trò chơi này, đồng thời với việc cả làng phải đến xin nước ở giếng nhà hấn vì nước mạch dần hết về đó, hấn bị trục xuất ra khỏi làng.

Ra khỏi làng, Quản lên thành phố! Ở đây hấn nấu rượu lậu, làm nghề ma cô. Bị Tây bắt, hấn leo tường Hỏa Lò trốn thoát, về Nam Định, nhập nhằng đánh lặn con đen, gia nhập du kích quân. Ít lâu sau, chấy nhà ra mặt chuột, Quản cưỡng hiếp một nữ dân quân, bị đưa đi giam ở Phố Lu. Tại đây, hấn

đánh quân giáo, vượt tù trở lại thành phố lúc này vừa hòa bình lập lại.

- Tôi nhớ, hồi ấy, Quân mới mười chín, hai mươi thôi. Hấn sinh năm Bính Tý. Chính bà cô hấn bế hấn đến khai sinh cho hấn, dạo đó tôi là hương bạ mà.

- Hiện thời nghe nói y ta vẫn ở thành phố!

- Bà cô họ xa lắc và cô con gái tên Nương vẫn ở cái đất thổ cư cũ, cái giếng ở giữa sân vẫn còn, nhưng lấp quá nửa rồi.

- Nghe nói Quân đã cải tà quy chính?

- Không hiểu. Người ta thì về đông về tây cả. Chỉ mình y ta là chẳng ngó ngang đến họ hàng quê quán gì sắt. Hồi trong năm có người lên thành phố học nghề may bảo có gặp y. Một hồi thấy đập xích lô, rồi vào làm ở công ty Nghĩa Trang. Gần đây thì nghe nói là làm cửa vạn ở chợ Giảng Võ. Lại có người nói bắt gặp y ở cái nhà hàng nào đó mà sang trọng, mà ăn mặc oách như ông tướng ấy cơ.

- Giờ Quân cũng đến năm sáu, năm bảy rồi nhỉ?

- Đến từng ấy đấy.

Đến từng ấy đã có tuổi rồi. Là đã hơn ba mươi năm Quân xa quê rồi. Xa quê đã hơn ba mươi năm, nay tuổi đã ngả chiều, chả lẽ lòng Quân không còn chút tơ vương? Ở đây, Quân còn bà cô họ xa, đứa em, mảnh đất, cái giếng hấn đào trong cơn nông ngược. Tôi đồ rằng Quân không về vì hấn sợ, vì hấn ngược. Về già, người ta thường hay nghĩ lại, nên có thể là Quân ngược, ngược vì đã từng là lưu manh, côn đồ, có tích có án!

5.

Thế mà Quân đã về làng, đã có mặt ở làng Lận tôi!

Quân đã về làng thật. Về đúng cái lúc làng Lận tôi tự ý thúc về cái nghèo khó của mình và sục sôi ý chí làm giàu.

Nhưng hấn về lúc nào, về cách nào mà mỗi người nói một phách? Ông Nhạ, thợ cắt tóc, người thông thạo các nguồn tin thì bảo Quản về hồi đêm. Nghe thấy tiếng hấn gọi nước ào ào, bà cô họ xa của hấn ngó ra đã thấy hấn tồng ngồng đang gãi nách, mồm hít hà kêu “sướng quá, khoái quá”, liền tru tréo: “Ai mở nắp chum tương của tôi lấy nước tắm thế, hả giòi?” Nói thế thôi chứ có tiền là bà cô hấn lại cười ha hả. Hôm sau, bà cô hấn cầm cả một xấp tiền năm nghìn mới cứng đi chợ, mua cả một góc con chó, một con cá chép hai cân về nói là có khách. Còn cô cháu gái tên Nường ra cửa hàng bà Nhì ôm cả tút thuốc ba con 5 về. Cái nhà bà cụ Nường ốm đau héo hắt vì hen suyễn thuộc diện đói nghèo sao mà xài sang vậy?

Quản đã về làng thật! Nếu không, sao bà lão Họi bán quán ở chỗ giao nhau giữa đường làng và đường huyện lại bảo rằng hấn về hồi trưa? Bà lão đang lúi húi súc ấm chè thì nghe thấy tiếng người quát: “Điếc lòi ra rồi hả? Cho một ly Martin đây!” Ngẩng lên thì hốt quá. Một ông tướng nhà trời rơi xuống! Mũ cứng xám xanh đồng màu với bộ quần đại lễ. Áo bốn túi, cổ bẻ, đánh đai quanh bụng. Quần là nếp thẳng, nẹp quần kẻ hai sọc vàng kim tuyến. Ve áo, rìa mũ thêu cành tùng cũng vàng chóa. Uy nghi và lẫm liệt quá. Bà lão chỉ ngẩn người ngờ ngợ, vì nhang nhác nhận ra người này có cái vóc dặc mặt quý sú nhà giòi như cái lão Quản bất trị làng mình. Ồ, mặt lão Quản thật. To phệnh nhưng trũng như mặt lưỡi cày, hai mắt bên thì to bên thì bé, đều nứt kẽ. Còn cái mồm thì không thể lẫn, môi trên không khớp môi dưới, méo xệch chếch lên bên tai trái. Thấy vậy, bà liền lấp bắp: “Ồ, ông Quản đấy à?” thì hấn đã xịt tia nước bọt, văng một tiếng chửi thô tục, rồi bỏ đi.

Mỗi người nói một cách, tin ai bây giờ? Cuối cùng, phải đến khi cô em gái te te tái tái ra chợ, mua chịu xâu ếch của nhà anh Ton chuyên nghề câu quăng, nói rằng để làm đồ nhắm cho ông anh, mọi người mới tin là thật và xúm đến hỏi chuyện: “Lão Quản nó về đấy à, Nường?”

Thật tình là tình mơ hôm đó, Quân đã có mặt ở làng. Hắn về tới nhà từ lúc nào không ai hay. Nường chỉ biết sáng đó cô dậy, mở cửa liếp nhìn ra thì đã thấy một bóng đàn ông nghênh ngang đang chạng nạng đứng ở góc sân, rìa cái giếng to, ngó trước ngó sau như đang mải mê đo đạc, ngắm nghía, tính toán thế đất, thực địa.

Nghe tiếng cô em họ hỏi thất thanh, Quân mới quay phắt lại, ngoác mồm quát:

- Tao, tao là Quân đây!

- Úi, bác Quân trâu.

- Chả là tao thì là thằng chó nào! Tiên sư con lỏi, mày còn nhớ tên cúng cơm của tao à? Bà bô mày đâu?

- Mẹ em sang xóm Đầm ăn giỗ. Bác Quân ơi, bác là tệt lấm đấy. Máy chục năm giờ mới về làng. Bác không nhớ bác đẻ ở đâu à? Hay là bác ngượng với dân làng?

- Mẹ mày chứ! Ông đẻ ở đồng rơm chứ ở đâu! Ông ngượng cái đầu b. ông đây này.

- Cái bác này!

- Chứ còn gì! Ông bô quần bà bô nát như cả đồng rơm, rồi *phát xia* tí nhau là tao cũng ở đồng rơm, chứ còn ở đâu nữa. Đồi là cái đéch gì mà tao ngượng.

Quân khệnh khạng bước vào nhà. Thấy cô em họ vừa ngủ dậy, mặt mày còn mơn mơn vừa ngậy thơ mơ màng, lại ho hó cái miệng, nhìn chăm chú mình, liên trợn mắt:

- Mày nhìn cái gì tao?

Cô em họ lạ lẫm vì bộ quần áo rất oai vệ như kiểu quân phục cấp tướng của ông anh họ, định hỏi giờ bác làm gì, lại sợ, chỉ rụt rè:

- Bác đi xe ôm về từ hồi đêm à?

Đang bật khuy cổ áo, Quân liền dừng tay, cười khặc một tiếng ngán ngủi:

- Bộ tao mà lại phải đi cái loại xe của dân đen chúng mày! Ô tô nó đưa tao về cái quán bà lão Hợi ở ngã ba, tao cho nó đi chơi với bồ rồi. Còn mày thế nào, Nường? Trông mày khoang khoáy cũng hay ra phết.

- Khiếp! Bác làm em như trâu.

- Thì trâu nái mà không được hủ? Lấy chồng rồi hủ? Được hơi trai tươi như hoa c. lợn ấy nhẩy! Giờ, nó làm gì?

- Nhà em làm ở thành phố.

- Thành phố cái chết tiệt. Nó là con ông Ngoạn thợ đấu ở bên Riêng chứ gì! Cái mặt lồn lệt ra như thằng bố, vừa lác vừa méo mồm. Đứng vêu mồm ở chợ người kia kìa. Hôm rồi tao thuê nó vét cống, đào móng hơn một tuần đấy. Thằng ấy loẻo khoẻo thế thì đêm nó *cối* mày mấy *phũa*, hay chỉ chuồn chuồn đập nước?

Không để ý tới hai con mắt ông anh đã tiết ra chất nhờn nhờn và giọng nói đã nhừa nhựa mùi cọt nhả, cô em họ cứ đứng trơ ở giữa nhà. Tóc vừa chải đen rậm thả một làn sau gáy làm nổi một khuôn mặt tròn phính, cái mũi nở, cặp môi dày, cái cổ này và dấu nâu sồng, quê mùa, vẻ dầy thì của cô cũng vẫn bồng bồng trên đôi tay mập mập, dáng no tròn của bờ vai và nhất là đường nét căng nở ở eo hông, cặp đùi, bộ ngực đầy ụ hai đầu vú chắc nịch như hai nắm cơm.

Ông anh chợt nhận ra cô em họ đang găm mặt vào mình sau phút ngây đồ của chính ông, liền như giật mình, búng tay đánh “phách” một cái.

- Nhưng mà thôi, luận anh hùng bất kể hơn thua, em gái ạ. Lúc này kém nhau là kém cái tiền tài thôi. Cũng như anh đây, cũng đủ vênh gian khổ rồi. Chưa phải như Câu Tiền vua nước Việt phải nếm phân nhưng cũng đã từng hót c., đào huyết, bôi rác, cửi vạ... rồi mới ngoi ngóc lên được đấy. À mà thôi, chuyện còn dài. Giờ, đi chợ kiếm cái gì về đớp cái đã chứ!

Gần tiếng đồng hồ sau, Nường tay xách xâu ếch, sườn cắp cái giỏ đựng nửa cân lòng, mấy bìa đậu về tới sân đã nghe tiếng ông anh họ ngáy rầm rầm ở trên cái phản gian giữa. Khiếp quá! Ngáy mà rền rã, lại khằng khặc, rú rít như người bị bóp cổ.

Lúc sau mâm cơm sắp xong, Nường lên nhà trên định đánh thức Quấn, nhưng cứ mỗi lần định gọi, lại rụt lui, giật bắn mình. Ông anh họ ngáy ồm ồm, mắt lại mở trừng trừng. Bộ quần áo xanh viền kim tuyến vàng cùng với cái mũ *kê pi* có gắn cành tùng cởi ra, treo ở mắc. Trên mình không chỉ còn độc bộ áo quần kẻ sọc màu nâu. Hắn nằm, hai tay đặt trên ngực, hai chân giạng háng, thật thô lỗ. Hắn không có cái vẻ đàng hoàng của con người có nề nếp, gia bản. Mặt hắn bự, lại sần sùi. Lỗ mũi hìn hít đặc kịt. Cũng như mắt, mồm hắn há hốc méo mó lồm chồm những răng là răng, tất cả đều đen xỉn. Hắn là cái nhân dạng nửa người nửa ngợm.

Ôi, ông anh họ của Nường! Ừ, thì thôi, xấu xí, gớm guốc là cái tạng người không cải được, cho qua. Nhưng sau mấy chục năm gặp lại, thấy hắn như giàu có, oai vệ mà vẫn cứ nghi ngại ngợ ngợ. Ngợ ngợ lắm, vì thấy hắn dậy, hắn ngáp một cái rõ to, liền đó đánh một phát trung tiện âm nhà, đoạn đứng lên vung tay như đi mấy miếng võ, rồi móc cái máy tính bấm bấm và lấy cái máy nhỏ bằng bao diêm ở trong túi ra xem, tiếp đó lấy áo mặc và vớt cho Nường một xấp tiền giấy một nghìn đồng, nói độc ba tiếng: “Vô tư đi!”

Ngợ ngợ lắm, vì xem ra có tiền của nhưng cái cách ăn uống vẫn là cái thói phàm ăn của kẻ đói khát. Ăn thì và lấy và để. Ăn như sợ bị tranh phần. Mồm còn đầy cơm đã lại đẩy thịt đẩy rau vào, má lúc nào cũng phồng như má khỉ để dành cơm. Gắp miếng thịt không bao giờ để vào bát, cứ một đường thẳng đút tòm vào mồm. Có thìa nhưng cứ hai tay ôm cả bát canh, đặt môi vào húp sùm sụp. Xong đâu đấy, đưa tay quạt qua mồm, co chân xoay một vòng, đặt xuống đất nói: “No quá” và đứng dậy

phủi dít, xoa bụng, đi ra sân. Ngờ ngợ lắm, vì ra đến giếng là cởi phăng áo quần ra, thả gầu xuống giếng đánh ụp. Rồi vừa gọi nước ào ào vừa gãi sồn sột, phía lưng, dưới đùi, vỗ bằm bạp bụng trên bụng dưới. Rồi toang toang: “Nước mát quá. Nường ơi ra đây, kỳ hộ anh cái lưng mới, em gái!”

Nường ngồi nín thít trong nhà, nhắm mắt không dám nhìn ra vì ông anh cứ lồng ngồng đứng như cây thịt dựng ở bờ giếng, chả biết xấu hổ là gì. Chả nhẽ con người giàu sang giao du rộng, họ sống tự nhiên như thế?

Tự nhiên quá thể, vì tắm xong, ông anh họ to như hộ pháp, độc cái quần sịp bó sát hông, lừ lừ đi vào buồng cô em gái, tay gior gior như nhử mỗi cái áo con và cái quần lót đàn bà kiểu cách rất lạ mắt, ồm ồm hỏi: “Cái gì đây? Mặc vào thử anh xem nào!” Tiếp đó còn lục túi hành lý ấn vào lòng cô em cả một đồng những là bút tất giấy dài tới tận bẹn, mũ măng và son phấn. Thì ra Quán vừa đi xem triển lãm hàng công nghiệp ở trên huyện về. Quán khoe gặp cả đồng bạn cũ, những là thằng nọ thằng kia, giờ đều là giám đốc công ty này, xí nghiệp nọ. Chúng xúm vào mời mọc Quán về cùng cộng tác làm ăn. Và đây là quà tặng của họ. Đặc biệt thằng con trai lão Siển mỗ làng giờ là chủ hiệu vàng 9999 thấy Quán mừng quá, bèn kéo vào cửa hàng đặc sản ăn một bữa mệt nghỉ.

- Mẹ nó chứ, đang ăn thì thằng Chủ tịch huyện Thái mò đến. Cô có nhớ thằng Văn Tự trước bán kem rong, rồi lên làm công đoàn huyện không? Đi con đường công đoàn lên chính quyền thật ngon như miếng dồi chó. Anh mới chỉ thẳng mặt thằng ấy: “Này, chủ tịch như mày thì dân chỉ có căm mà ăn thôi. Rõ ngu quá! Nghe đây mà mở mắt ra nhé! Cái hồ Cốc Ly đấy. Kém gì Hồ Tây Hà Nội. Xây khách sạn, mở karaoke, tổ chức *mát xa* Thái đi, con! Tiền ở đó, chứ ở đâu. Nghèo thì lâu, chứ làm giàu thì mấy chốc. Căn bản là phải thoáng. Cho thuê buồng ngủ giá cao vào mà đừng có bắt nộp giấy giá thú.” Giấy tờ

là cái mẹ gì, có phải không, em? Đấy, em mà đi đôi tất lụa này vào thì hết ý. Nào, để anh xỏ hộ cho! Úi, đôi gót sen ngọc ngà...

Cô em gái co rúm người lại, giật lui nhưng Quân như kẻ đi bắt lợn vào chuồng đã tóm được cẳng con ỉ. Nhìn ra đã thấy cánh cửa buồng bị đóng chặt từ lúc nào, Nương liền du mạnh ông anh họ, nhưng đã bị ông anh quen thói càn rỡ đầu đường xó chợ hất chân ẻo ngửa ra giường.

- Bỏ tôi ra! Tôi về tôi bảo chồng tôi thì anh chết. Người với ngợm. Du còn vẫn hoàn du còn thế à?

Đáp lại những lời xỉ vả và bàn tay túi bụi tát xỉa của cô em, thằng cha trơ tráo cứ cười hề hề, nhào xuống, mồm lại bai bai chửi thiên hạ là ngu, là dân.

6.

May mà lúc ấy bà cô về!

May mà lúc ấy bà cô về, dắt theo hai ông đứng đầu chính quyền xã: ông Nghé và ông Chiển. Ông Nghé mặt thịt, giữa trán có nốt ruồi, trông nghiêm ngắc nhưng hơi ngây ngô. Ông Chiển cằm nhọn lưỡn cày, mắt sâu, mồm lúc nào cũng như ngậm kẹo.

Bà cô sáu mươi tám, hom hem bé nhỏ, mặc quần chân què, đeo yếm nâu, cười phô cái miệng móm, nhề nhề:

- Tôi với hai ông xã ăn giỗ xóm bên, nghe người ta kháo là cháu Quân về. Đà ôi, năm mấy rồi mà trông còn phương cường lắm. Sao bầu hồi này làm cái chúc gì to lắm ở ngoài tỉnh?

- Chào bác Quân! - Ông Nghé cúi đầu trịnh trọng.

Ông Chiển tiếp:

- Bác Quân chả biết chúng em đâu.

- Biết! Biết chứ! Hậu sinh khả úy đấy. - Quản đáp, tay đập mạnh xuống mặt phản. - Các anh tiến bộ, cánh già chúng tôi được nhờ. Mời ngồi!

Bà cô đã vào bếp. Lịch kịch sửa soạn và thăm thảo cái gì đó với Nương ở trong bếp, rồi thấy Nương xách cái bị đi ra cổng; lúc sau, khi ba người đàn ông bắt tay nhau, giới thiệu lai lịch xong, xoa chân ngồi trên phản bắt đầu vào chuyện thì một mâm rượu gồm một chai sáu lăm, hai đĩa nộm lẫn lạc hột, một đĩa thịt quay lẫn với dồi lợn, thịt lợn luộc thái to bản và thịt quay lẫn với dồi là thịt gà, trứng trắng đã được bê lên. Nhìn mâm rượu thấy ngay, một nửa mâm là những thức ăn ở đám giỗ chia phần đồ lợn với nhau được bà cô gói mang về. Còn cái phần bà cô bỏ tiền túi mua thêm là nửa con gà luộc, mấy quả trứng và chai rượu.

- Chả mấy khi, cháu tôi nó về, lại được hai bác đến thăm. Ấy, cháu Quản ạ, vừa rồi xă xét cái trợ cấp xóa đói giảm nghèo cho cô, cũng là...

Ngắt lời bà cô, Quản rải bát, so đĩa, rót rượu ông ọc, cười khe khẽ.

- Cụ cho lộc thì chúng ta chén, có phải không nhị vị? Nhưng mà hãy khoan. - Nâng cốc rượu, Quản xua tay. - Tôi nói tiếp câu chuyện dở đã. Tôi là tôi coi các ông Việt kiều rất chi là xoàng. Có giỏi thì về ngay làng này mà xây dựng này. Vấn đề là chất xám. Chất xám lấy ở đâu ra? Ở ngay đây thôi.

- Nào, mời bác Quản. - Ông Chiển sốt ruột, gấp miếng thịt quay bỏ vào bát mình, rồi bưng bát, cất lời mời.

Ông Nghe nhặt một viên lạc bỏ miệng, cầm hên hếch.

- Chất xám nó ở khoa kinh tế học ấy, nhị vị ạ. - Khấp một bên mắt, môi Quản bừ bừ. - Bây giờ mà không học kinh tế học thì coi như vô học. Có phải không? Môn này nó là nữ hoàng của các khoa học. Nó là nghệ thuật lâu đời nhất của các khoa

học. Môn này không đảm bảo cho anh thành thiên tài nhưng không có nó, anh khốn nạn ngay. Có đúng không?

- Dạ, đúng ạ.

- Tuyệt đối đúng!

Hai ông xã cùng gặt đầu đánh nhịp cho những phát vỗ đùi của Quân. Quân nhấp nhồm. Quân phởn, Quân xỏ từng tràng lý luận. Lý luận thật cao siêu là khác. Chẳng hạn Quân bảo: “Thế kỷ XIX là của cổ đạo, thế kỷ XX là của luật gia. Còn thế kỷ này là của chúng ta, tức các nhà kinh tế học.”

Thấy Quân thao thao, không để khách ăn mà bà cô Quân lại đang cần cơ hội để tỏ lòng tri ân các ông chức dịch xã đã chiếu cố cảnh nghèo của bà cụ nên Quân vừa dừng lời, bà cụ liền chen ngang:

- Để mời các bác gấp rau ạ.

Quân nhắc đũa, cười đánh soạt như xịt mũi:

- Đó, bà cô tôi đích thị là nhà kinh tế học. Nhà kinh tế học phải quan tâm đến tiêu thụ, tức là khách hàng, tức là Thượng đế. Tôi kể nhị vị nghe, vừa rồi tôi trúng cá cược mấy vé đấy chứ! Nhị vị có nhớ trận bán kết EURO 96 không? Đức đá với Anh. Ai cũng đặt cược mười ăn tám Anh sẽ thắng. Vì Đức có mấy anh giỏi thì đã bị thẻ đỏ, bị chấn thương, bị rách đùi, què cẳng cả rồi. Trong khi đó đội Anh còn nguyên vẹn những cầu thủ siêu hạng.

- Tôi cũng cá đội Anh thắng.

- Tôi cũng cược vậy. Cả làng này ối anh đều cược như tôi. Có anh cược cả con Dream kia.

Hai ông xã hào hứng không khẩu mà xưng.

Quân lắc đầu:

- Sai toét! Riêng tôi, tôi cược tám ăn mười, đội Anh thua. Khé ké... Kết cục đúng là như vậy. Nhị vị có biết là vì sao không? Cũng là từ kinh tế học mà ra thôi!

Nghé và Chiển ngẩn người, miệng há hốc, rồi cùng bật lên tiếng kêu thán phục. Hóa ra là vậy. Giản đơn vô cùng mà cũng sâu sắc vô cùng. Có gì khó hiểu đâu. Đá ở London, thủ đô nước Anh. Nếu đội Đức thua thì hàng trăm khách sạn ở thủ đô nước này sẽ thất thiệt cả triệu *đô la* tiền khách trọ. Vì sao thế? Vì Đức mà thua thì họ xách *va li* về nước cùng với cả vạn cổ động viên của họ cuốn gói về theo, chứ ở lại xem trận chung kết làm thêm vào à! Hó!

- Thế nhưng...

- Ông bảo sao... - Quán hất tia mắt vào ông Chiển, mồm đang lụng bụng miếng dồi tiết quá to. - Chắc ông định hỏi: Chủ khách sạn làm sao quyết định được việc thắng thua chứ gì? Khé ké, thế thì mới gọi dân mình là ngu lâu. Ngu lâu nên mới bở bai sòng bạc, mới bắt trình giấy giá thú mới cho nam nữ thuê buồng...

Bà cô Quán nằm ở trong buồng nghe tới đây thì rối trí quá rồi. Lại từ xóm bên về chưa được nghỉ ngơi nên cũng đã mệt mả. Thiu thiu, rồi bà cụ thiếp liền.

Choàng mắt, khoảng hơn nửa giờ sau, bà cô họ Quán vùng ngay dậy, đã thấy Quán đứng với hai ông xã ở giữa sân nhà.

- Nhị vị ngắm xem. - Quán vung tay chỉ trở phía trước. - Hai bên là sơn mạch có thể chắn được gió độc. Chỗ này mình đường lỏng lẻo, thủy khẩu la thành đật được dáng vẻ oai phong. Đây, cao mà không chông chênh, thấp mà không bị lún. Tĩnh mà không im lìm. Ngay ngắn mà không dẻo gọt. Kỳ lạ mà không quái gở. Đó chính là không méo mó, không dựa dẫm, đường đường chính chính.

Bà cô Quán biết là Quán đang xem tướng địa, nhưng lại một lần nữa bị Quán dẫn vào mê lộ rối mù. Nhưng khi Quán sai mấy bước tới bờ cái giếng nọ quay lại vẫy hai ông xã tới thì bà cụ bỗng nảy trí tò mò. Cũng vừa lúc Quán nhìn thấy bà cô họ.

- Bà ơi, bà ra đây với con!

Quản gọi bà cụ, rồi chỉ xuống mặt giếng đã đổ sỏi lấp lũng lũng để không cho nó hút hết nước giếng của cả làng về, đồng dặc:

- Ba năm tìm long, mười năm điểm huyết. Đây là huyết. Huyết là khâu quan trọng nhất của thuật tướng đất. Đây là quý địa. Mộ táng ở đây sẽ kết phát lắm. Ông tổ tôi gian nan lắm mới tìm được đây. Vì vậy tôi quyết định sẽ chết ở đây.

Quay lại, Quản vỗ bộp vào vai bà cô, nói như quát:

- Thấy xác tôi dưới giếng, đừng vớt, cứ lấp đất lên. Xong chưa, bà cô yêu quý? Khé ké...

7.

Quản đi rồi!

Quản đã về lại thành phố, nơi con người vô danh với con người, nơi chả ai biết tông tích gốc gác của Quản, chẳng biết Quản từ cái lỗ nẻ nào chui ra, là con ai, cháu ai, chất ai, thuộc dòng giống nào.

Nhưng Quản đi rồi mà câu chuyện về hắn còn luẩn quẩn mãi trong tâm trí mọi người. Thật không ngờ cái con người bất lương, bất trị, cái kẻ bị ruồng bỏ, cái đồ phế thải ấy sau mấy chục năm lại tái sinh trở lại, ăn nói hoạt bát, ra cái vẻ thông thạo, giỏi giang, cao giọng làm thầy thiên hạ, mà lại gây náo động tâm tư người làng Lận thế! Người cuối cùng về lại làng Lận chê người làng Lận ngu, không biết làm giàu. Và trong cuộc họp Hội đồng Nhân dân xã, đã có người nêu ý kiến rằng thì cần phải làm con đường ô tô bắt vào đường huyện, cũng như phải làm kinh tế đôi như ông Văn Thường, bậc đại nhân của làng đã chỉ bảo. Cũng cần làm những việc như bà con Việt kiều đã góp ý, giúp đỡ, trong đó không được quên việc tu sửa chùa chiền, tô tượng, đúc chuông. Và cũng cần nghiên cứu ý kiến của ông Quản về việc mở khách sạn,

sòng bạc. Nhắc lại ý kiến của Quản, ông Nghé và ông Chiển đồng thanh nhấn mạnh: “Đa dạng hóa các nguồn thu nhập là phải thế! Vì không giàu thì không có văn hóa, không có cái gì sắt, các vị ạ.” Cao hứng, họ còn kể lại ví dụ về chuyện cá cược giữa đội Anh và đội Đức hồi EURO 96, theo lời Quản. Không ngờ Nghé và Chiển đã khơi lên một cơn hào hứng nổ trời. Bởi vì không chỉ có hai ông xã mà đến mấy trăm người, cả đàn ông lẫn đàn bà ở làng Lận vẫn ngày ngày mê mẩn trò đen đỏ, nghiện ngập xổ số, đề đóm, cá cược còn hơn rượu, thuốc. Tất nhiên nghị quyết đã được thông qua. Ôi, cái trí khôn làng Lận của tôi!

Thắc mắc nhiều nhất về Quản là cô Nường, em gái họ Quản, Quản làm việc gì, cấp chức hấn ra sao mà xem ra cũng rủng rỉnh đồng tiền và ăn nói có mẽ lăm.

Chả lẽ là đã đổi đời, Quản làm đến chức giám đốc, phó giám đốc một công ty trách nhiệm hữu hạn? Hay là hấn vừa trúng số đề vừa thắng cá cược lớn như hồi cúp EURO 96? Cũng có khi hấn trúng mảnh. Hay hấn chính cống là dân cờ bạc bịp? Hấn được món hoa hồng lớn nhờ chỉ trở? Hay hấn là bường ở các vùng đào vàng? Hoặc hấn nhờ âm đức tổ tiên xa xưa, có quý nhân phù trợ, được tiền của thừa kế của một người nào đó trong họ mọc mũi sủi tăm ở nước ngoài? Mặt đất bao la, điều gì cũng có thể xảy ra cả! Chả ai biết tung tích hiện thời của Quản. Nhưng bọn trẻ thì bịt mồm cười khá khá. Hóa ra cuộc đời này rộng lớn thật. Chả có cái gì là bỏ đi. Cái gì đã có là còn, đã còn là còn mãi mãi.

Tôi là ông giáo làng, mùa hè nọ được nghỉ mát ở bãi biển H. Ở đây, tôi nhìn thấy Quản trong bộ trang phục oai vệ như ông tướng nọ. Hỏi ra mới biết Quản giờ đây là nhân viên bảo vệ sòng bạc ở bãi biển này. Bộ quần áo trông như võ tướng Quản mặc là dành cho chức nghiệp này, ít nhiều nó cũng ra oai được với mấy người hành khất khốn nạn. Và bộ mặt dữ dằn của hấn, di thể sinh động của Dụ, Ngự, Tự, nòi đạo chích

hóa ra lại đặc dụng theo nguyên lý dĩ độc trị độc. Sòng bạc này mới khai trương, nó là cơ sở liên doanh giữa địa phương và tập đoàn cờ bạc M quốc tế có vốn pháp định là hai mươi lăm triệu *đô la*. Sòng bạc này lập ra nhằm thu hút các con bạc ở trong vùng Đông Nam Á. Ở đây mỗi đêm có hai nghìn con bạc chơi. Có đủ các loại chơi, từ xóc đĩa, mặt chược, bài Tây... tới đổi xèng chơi máy. Một tòa nhà mười hai tầng nữa đang được xây thêm. Đã từng có con bạc thua một đêm hai trăm linh năm nghìn Mỹ kim. Ở đây có sáu trăm nhân viên, trong đó một trăm hai lăm người chia bài, học chia bài phải mất một năm trời và một trăm linh một nhân viên bảo vệ, lương tháng một triệu hai trăm ngàn đồng, gấp năm, sáu lần thu nhập một người dân ở làng Lận. Người quét rác ở đó cũng có thu nhập sáu trăm ngàn đồng tháng.

Nghe tôi nói những điều đó, cô Nương im lặng. Còn bà cô họ Quản chép miệng:

- Hèn nào! Thằng giời đánh này giờ hơn cả bố nó, ông nó ngày xưa rồi. Nó còn gây thêm ra những chuyện gì nữa, giời mà biết được.

Đưa mắt nghi ngại nhìn cô con gái dạo này chồng đi vắng mà ngực bồng như ngày một mừng mẩy thêm ra và hay thèm của chua, bà cụ so vai thở dài.

- Thế nào mà nó lại nghĩ ra cái trò nhẩy xuống giếng chết để lấy cái giếng làm huyết mộ cho con cái nó ăn nên làm ra, phát tài sai lộc? Từ hôm nghe nó nói, tôi cứ ghê cả người, không dám ra giếng múc nước nữa, thầy giáo ạ.

Hải Phòng, 30/12/1996

NGƯỜI ĐÁNH TRỐNG TRƯỜNG

Nếu bảo rằng thầy Huân là người thầy tài ba xuất chúng, là ông thầy đứng trên cái thế thượng phong về trí tuệ mà rèn đúc, tạo nên được cả một lớp học trò giỏi giang, trong đó nhiều người trở thành những tên tuổi lẫy lừng, những văn nhân chính khách một thời thì hoàn toàn không phải. Thầy giáo, nghề dạy học, dẫu có được ưu ái đặc biệt, được nâng cao giá trị đến đâu thì cũng chỉ là loại trí thức xếp loại hai, tức bậc thứ, nắm giữ các thông tin mật mã, những tri thức loài người biết cả rồi; ông thầy không phát minh. Huống hồ thầy Huân của chúng tôi chỉ là ông giáo cấp tiểu học. Trong hành trình dằng dặc của đời người, thầy chỉ là cái ga xép heo hút mà du khách chúng tôi lướt qua trong thoáng chốc. Thêm nữa, lớp môn đệ của thầy cũng chỉ lèo tèo vài chục đứa trẻ quê mùa, quý mến thầy thì hết mực đấy nhưng sau này thành nhân thì cũng chỉ là những thân kiếp làng nhàng như thầy; anh chị nào nhờ thời vận hoặc phúc âm tổ tiên, qua tay thầy rèn cặp mấy năm trời, thành đạt lắm cũng chỉ là anh giáo cấp hai hoặc chị ủy viên thư ký ủy ban xã là cùng, ấy là xét theo phẩm trật trên nẻo đường quan lộ.

Trong mấy chục thầy cô ở chốn học đường góp phần tạo nên chúng tôi, thầy Huân, xét về mặt trí năng, chỉ là một cái bóng nhạt nhòa, dễ bị nhãng quên, giữa các đồng nghiệp của thầy. Nhưng quan hệ thầy trò cũng như quan hệ bằng hữu

giữa người và người có một đặc thù là người ta không chỉ căn cứ vào cái tài, cái lợi thu được cho cá nhân mà trọng nể, mến mộ nhau; thế nên mới có chuyện để nói.

Cùng về làng tôi dạy học đầu năm 1955, hòa bình mới lập lại đó, ngoài thầy Huân còn có một thầy nữa tên Ngọc Kim. Thầy Ngọc Kim cũng tốt nghiệp sư phạm sơ cấp một khóa với thầy Huân nhưng lại là một hình ảnh tương phản hoàn toàn về mọi phương diện với bạn mình. Và tôi nghĩ, ông trời xem ra rất thích tạo ra các trò chơi oái oăm, ông xếp thầy Ngọc Kim cạnh thầy Huân là cố ý làm nổi bật sự đối nghịch của họ, là để đưa con người trần thế vào một cuộc chơi thách đố trí tuệ chẳng?

Thầy Ngọc Kim, cái tên nghe đã sang trọng, người thành thị cao ráo, trắng trẻo tươi tắn, mắt phượng, mày ngài, đẹp như một kếp cải lương, bật thiệp, kín nhẽ, khẩu khiếu linh hoạt khác thường; đã vậy lại còn lăm tài vật như đàn giỏi, hát hay, còn kẻ khẩu hiệu, vẽ *pa nô* cổ động các phong trào trong làng xã thì đến cán bộ phòng văn hóa huyện cũng phải bái phục.

Trong khi ấy, thầy Huân người thấp lùn, vai rộng, chân đi vòng kiềng, mặt sần sùi trứng cá, trông tẻ ngắt tẻ ngắt. Thầy Ngọc Kim là sản phẩm của nền văn minh hiện đại, còn thầy Huân là nguyên khối tự nhiên, cứ như là người ta nhặt thầy từ đồng ruộng ban sơ lên rồi đặt luôn vào ngôi trường này vậy. Thầy lù đù, chậm chạp, thô tháp, vụng về và cổ giả lăm. Đường giao tiếp, nói năng của thầy lại càng kém cỏi. Thầy chẳng biết lựa lòng ai. Gặp điều ngang trái là thầy tức tối, đỏ vầng cả mặt, có nói thì câu chữ cứ riu lại đến là khổ sở. “Thầy bà gì mà ăn nói cứ như là bị rứt lưỡi, lại lực cục loạc quạc thô lỗ như búa đập đe thế!” Đã có lần thầy Ngọc Kim quở trách thầy Huân như thế, trước hơn một trăm đứa học trò, giữa buổi chào cờ toàn trường.

Cùng ra trường một năm, nghe nói thầy Ngọc Kim học đã kém lại thuộc diện đổ vớt, nhưng về trường này, thầy lại được

đề bạt làm hiệu trưởng, tức cấp trên trực tiếp của bạn đồng khóa của mình. Ấy là vì theo người ta nói thì ông trưởng ty giáo dục hồi đó xét người căn cứ vào cái mẽ bề ngoài. Căn cứ vào cái mẽ bề ngoài thì thầy Ngọc Kim ăn đứt thầy Huân rồi. Thầy Huân từ vóc dáng, trang phục đến suy ngẫm cứ như chưa hề được bào giũa, tập rèn bao giờ. Con người này chưa vong thân, con người này thuần nguyên dạng vẻ khởi đầu. Con người này quê kệch lắm. Ngay cả áo quần, quanh năm suốt tháng, thay đi đổi lại, kể cả lúc lên lớp lẫn khi *mít tinh*, hội họp, thầy cũng chỉ quanh đi quẩn lại hai bộ bà ba nâu dần dần khâu tay. Tài trí uyên bác thâm hậu đến mức nào thì không biết, chứ trông thấy bề ngoài chẳng khác gì người nông phu bình thường. Thói đời thường đánh giá người bằng cái vẻ bề ngoài, bằng cái cách ăn mặc hay sao mà các ông cán bộ xã coi thường thầy lắm. Với thầy Ngọc Kim họ còn thưa gửi nể trọng, chứ với thầy Huân nhiều khi họ chỉ gọi “này, này”, rồi nói trống không, như bạn bè cá mè một lứa, thậm chí còn như người trên với kẻ dưới. Và hễ cứ vắng mặt thầy là họ thả cửa đàm tiếu về thầy.

*

Thôi thì còn thiếu gì chuyện người ta đưa ra để đàm luận, giễu cợt thầy. Có nhiều chuyện họ chế nhạo thầy rất vô lý. Trong một cuộc họp phụ huynh học sinh, thầy nói: “Chúng ta phải cho con em đi học để chúng khỏi trở thành mấy anh thầy bói xem voi!” Câu nói đó có gì đáng cười mà họ đưa ra để chế nhạo thầy? Có chuyện nghe cứ ngỡ ngỡ như là họ bịa tạc. Chẳng hạn, họ kể, thầy thường hay đến thăm gia đình học sinh. Vào nhà người ta, bao giờ thầy cũng bước tới trước bàn thờ, thẳng đơ người trong tư thế đứng nghiêm chào cờ, rồi lên giọng trịnh trọng: “Thưa ông bà! Hôm nay tôi đến thăm gia đình với ba mục đích sau đây. Thứ nhất, thăm sức khỏe ông bà. Thứ hai, kiểm tra việc học hành của em nhà. Thứ ba, dự

một bữa cơm thân mật với gia đình.” Chắc gì cái mục đích thứ ba là do thầy đề ra? Thầy đâu có phải là kẻ buông tuồng, suồng sã, tham ăn tục uống. Nhưng chuyện họ vừa kể vừa ôm bụng cười với nhau là hoàn toàn có thật. Chẳng hạn như chuyện về vợ thầy, xung quanh việc vợ thầy lên ở với thầy.

Tôi còn nhớ buổi sáng thứ Hai tuần ấy, lớp thầy Ngọc Kim nghỉ vì thầy về thành phố dự đám cưới cô em họ, chỉ có lớp chúng tôi làm lễ chào cờ. Thông thường, sau lễ chào cờ, thầy Huân nhún nha nhận xét tình hình lớp tuần qua, rồi chúng tôi thứ tự vào lớp sửa soạn tiết học đầu tiên ngay. Lần này không vậy. Lần này thầy bỗng hô “ng nghiêm” một tiếng rõ to, rồi nhanh nhẹn đi về phía sau, dắt tay một người phụ nữ thấp lùn còn hơn thầy, mặc váy thâm áo nâu, đưa lên trước đoàn ngũ học trò, trân trọng và hớn hỏ cất tiếng: “Thầy xin giới thiệu với các em, đây là vợ thầy, tức thị các em phải gọi là cô Huân. Cô mới ở quê miền Trung ra thăm thầy! Nào, xin các em một tràng pháo tay để hoan hô cô!”

Người phụ nữ quê mùa này là một phân thân của thầy. Dung nhan vóc dạc phải nói là vừa xấu xí vừa thô mãng. Đã lùn, ngực lại căng vồng nên trông càng lùn. Mặt nhỏ như mặt chim, nhưng lại bèn bẹt. Cái mũi thì vừa tẹt gí vừa hếch, lại thêm hàm răng đen nên trông vừa ngây dại vừa kệt cớm. Nhưng cô cũng như thầy, sau cái vẻ ngoài thô kệch là một tâm tình nhân hậu và vô cùng chịu thương chịu khó! Vừa được thầy giới thiệu trước cờ xong, đã thấy cô cắp cái chổi lá gồi quét quét quét sân trường. Bàn ghế, bảng đen, cổng ngõ nhà trường, cửa rả lớp học từ hôm ấy sạch như lau như ly. Đặc biệt hễ thấy đứa học trò nào mặc áo rách là cô gọi vào, bảo cởi ra, vá cho. Hai vợ chồng thầy vấy ra một mái nhỏ đầu hồi lớp học làm nơi ăn ở. Hai người sống với nhau tâm đầu ý hợp, chí thú lắm. Trông cô thế mà tiếng cô gọi “anh” xưng “em” với thầy ngọt như mía lùi. Còn thầy, bữa cơm nghèo có tí men là thầy

ngất ngư ngâm ngội: “Cơm trắng ăn với chả chim. Chồng đẹp, vợ đẹp những nhìn cũng no.”

Quái lạ cho người đời! Thế thì có gì đáng chê cười mà họ cứ kể cho nhau nghe, rồi cùng cười róc lên. “Ôi dào, đẹp! Đẹp như cái tép kho tương. Kho đi kho lại nó trương phềnh phềnh.” Họ cười nhạo tất. Cười nhạo cả cái tiếng miền trong nặng nề, trọt trẹ của cô, của thầy. Tiếng nói của thầy, chưa kể những “mô tê”, “răng rứa” khác biệt, riêng dấu giọng cũng đã khó nghe thật. Nhưng những cái tiểu tiết ấy có cười thì là cười vui chứ không phải là chuyện đưa ra để nhạo báng được!

Tính hay xúc động của thầy nữa thì có gì là xấu, là đáng chê cười? Cảm nhận được cái hạnh phúc lứa đôi trong đời sống còn đơn sơ, đạm bạc hẳn là người phải có một tâm hồn cao quý, vượt qua sự mê chấp trước vật chất chứ! Người ta nhân thể bịt miệng cười luôn cả cái tấm tình xúc động đến rưng rưng nước mắt của thầy buổi thầy được kết nạp vào tổ chức công đoàn. Chao ôi, bây giờ thấy được hạt nước mắt xúc động trước một điều thiêng liêng, một giá trị tinh thần là khó lắm! Thế mà thầy Ngọc Kim lại cười nhạo thầy, gọi thầy là ông “Ivan Rưng Rưng”.

Thầy Ngọc Kim không rưng rưng.

Thầy Ngọc Kim đứng dưng. Không một lời hỏi han vợ người đồng nghiệp, thầy Ngọc Kim còn ác nghiệt nữa. Thầy Kim hạ lệnh không cho phép vợ thầy Huân quét dọn nhà trường và vá quần áo cho học trò.

- Tôi xin hỏi thầy, vì cái lý do gì mà thầy ra cái lệnh trái nước ngược gió vậy?

Nghe thầy Huân vặn, thầy Ngọc Kim mặt lạnh như tiền, nhếch một bên mép:

- Vì cái gì thì thầy nên tự hiểu lấy!

Thầy Huân khí tức dâng đầy mặt, ôm đầu than:

- Cái xã hội này là cái xã hội gì mà người làm việc thiện lại bị cấm đoán, hả thầy? Tôi không hiểu nổi. Thầy không giải thích được thì tôi và vợ tôi cứ “độc hành kỳ đạo, độc thiện kỳ thân”. Cứ đi con đường riêng, cứ quan niệm thiện theo lối riêng đây!

Thầy Huân hóa ra một kẻ ương ngạnh, bất chấp, nhất quyết duy trì một lối sống riêng. Trong khi thầy Ngọc Kim hết *blouson* da, lại áo *vét* ve to, ve nhỏ thì thầy Huân vẫn chỉ độc bộ áo ta nâu cổ quái, đại hàn chi cực mới thêm cái trấn thủ và cái mũ lá cọ. Thầy Ngọc Kim bĩu mồm tỏ ý khinh nhờn thì thầy Huân bỏ đi, lẩm nhẩm một mình: “Kẻ sĩ mà còn thẹn vì cái ăn cái mặc thì chưa đáng bàn chuyện đạo đâu!”

Thầy Huân chả để ý gì cái ăn cái mặc và sự tiêu dùng vật chất hàng ngày. Thầy tự nấu cơm lấy. Cơm tứ thời dọn sẵn, khoai. Thức ăn chỉ là rau dưa hầm hút, thắng hoặc mới có tí cá vụn kho. Khăn mặt của thầy là vuông vải nâu hai lớp khâu lại. Mảnh *ni lông* lót vào cái rổ to là chiếc chậu giặt của thầy. Thầy tằn tiện vì thói quen, vì lương thầy thấp lắm, phần nữa lại còn phải trích ra một số lớn gửi về quê tít tít miền Trung để giúp đỡ gia đình. Làng quê thầy vốn dĩ nghèo, dân ở đấy cũng ngu, cũng tham, cũng liều như các nơi khác và chỉ rắp ranh một, hai bỏ đi nơi khác để kiếm sống thôi!

Thầy Huân nghèo nhưng chẳng bao giờ thầy phàn nàn về gia cảnh bần cùng của mình. Thầy đã quen với cái nghèo cái khổ? Có điều ấy. Nhưng xem cách thầy dạy dỗ học trò thì thấy còn có một lý do ngầm ẩn làm nên tư cách thầy nữa: thầy còn mải mê theo đuổi nghiệp thầy với một ý chí khác biệt, siêu thường, một tinh thần bất tuân phục cái vây hãm, ức chế của ngoại cảnh. Ăn uống, may mặc, tiêu pha phải hạn chế đến tối đa nhưng tháng nào thầy cũng bỏ ra một khoản tiền riêng để mua phần thưởng cho học trò. Mỗi tháng thầy đề ra một cuộc thi. Thi viết chữ đẹp. Thi làm việc tốt. Học trò nào đạt tiêu

chuẩn xếp hạng từ thứ nhất đến thứ mười đều được thầy tặng quà là sách vở, giấy bút, hoặc kẹo bánh, khăn mặt.

Trường có hai lớp. Thầy Ngọc Kim dạy một. Thầy dạy một. Thầy dạy không hay. Giọng thầy trầm trầm, đều đều, không véo von trầm bổng, cũng không hay pha trò hoặc hoa mỹ bóng bẩy như thầy Ngọc Kim, nhưng học trò vẫn thích được học thầy. Ấy là vì thầy tận tâm tận lực với học trò. Tình thương, lòng trắc ẩn và danh dự của kẻ có học là những lý do thường trực khiến thầy đã làm cái gì cũng làm đến nơi đến chốn. Giáo án thầy nắn nót chép đi chép lại cho kỳ không một chữ sai, một dấu tẩy xóa mới thôi. Thuở nhỏ phải gánh gồng nhiều nên bên vai phải thầy bị lệch so với vai trái. Vừa như ngượng với chính mình, vừa muốn đứng trước học trò phải là một hình ảnh toàn bị, cả về thể chất, thầy đã đứng trước gương tập co vai phải lên cho ngang bằng với vai trái đến cả năm trời. Thầy bỏ công nhiều nhất cho việc tập nói. Biết mình hể xúc động là cuống, là lắp bắp nên mỗi khi lâm vào cảnh nọ là thầy lập tức đặt tay lên ngực trái, để kiềm chế nhịp đập dồn của con tim hay rạo rực. Đồ dùng giảng dạy các môn thầy tự làm lấy hết. Tám bản đồ thế giới, cái địa bàn, mô hình con chim, con cá, tuy còn sơ sài nhưng kết tinh thật đầy đủ lòng tận tụy của thầy. Nhiều cái thầy quá tốn công tốn sức, thậm chí quá cả cái mức cần thiết. Chẳng hạn, học trò nông thôn chúng tôi còn lạ gì con bò mà thầy phải hì hụi cả tuần lễ để vẽ nó lên mặt giấy, mà có giống đâu! Vào buổi dạy, đã thế, thầy còn chống hai tay xuống đất, lưng khom khom, cổ nghển nghển, hỏi các trò rằng: “Con bò nó đứng trên bốn chân như thế này này, các em nhận ra chưa?”

Thầy Ngọc Kim lại nhếch môi: “Như thế có thể gọi là lấm cẩm, gàn quải được chưa, ngài Ivan Rừng Rừng?”

Thầy Huân quay mặt, bỏ đi, miệng lẩm bẩm: “Người quân tử biết rõ về nghĩa, trong khi kẻ tiểu nhân chỉ rành về cái lợi.”

Thầy Huân lắm cảm, thầy Huân gần dỡ treo giải thưởng giấy bút, bánh kẹo cho học trò, giới thiệu vợ trước học trò, làm bò cho học sinh xem, tự xưng là kẻ sĩ, một mình một lối đi, chẳng chịu tùy thuộc ai! Thầy Huân gần, thầy Huân ương, hay giở văn sách nho nhe ra lý sự. Về mặt này đặc biệt phải kể đến những cuộc đôi co, tranh cãi giữa thầy và ông Chiến, Chủ tịch xã.

Chiến tuổi ngoại tứ tuần, người to, đầu nhỏ, mặt vênh, mắt ngưỡng thiên, mắt chỉ địa, mày rậm, môi thâm, sọc đầu sọc cổ, tóc lởm chồm, tiếng nói the thé. Con người diện mạo, hình trạng kỳ dị nọ một thời đi làm ở mỏ than, ăn cắp bị đuổi về, thuộc nòi lục lâm, dân bên khét tiếng. Dân quê vốn ngu, hèn, sợ Chiến hơn sợ cọp.

Chiến có thằng con vừa đầu bò đầu bươu vừa dốt nát, ba năm không qua nổi một lớp, ức thầy Huân lắm nhưng há miệng mắc quai. Đối với công việc trong xã, Chiến có đặc điểm là hay bày đặt ra các phong trào. Mà đã có phong trào thì tất phải sinh ra cổ động. Sạch làng tốt ruộng. Gia đình văn hóa mới. Bầu cử các cấp. Tòng quân. Ba thu... Các cuộc phát động nổi nhau liên tục nên gần như tuần nào học trò cũng vài ba lượt tập trung trống dong cờ mở, diễu hành hô khẩu hiệu qua gần chục thôn xóm. Thầy Ngọc Kim thừa cơ trở tài bám sát nhiệm vụ chính trị, ra sức kẻ vẽ, hò hét, tín nhiệm lên như điều, chả mấy chốc đã có chân trong hàng ngũ các chiến sĩ tiên phong, tức trở thành đảng viên Đảng Cộng sản. Còn thầy Huân thì chẳng những không nhiệt tình, lại còn hục hặc phản đối việc trưng tập học sinh quá đáng vào những nhiệm vụ xã hội vật vãnh. Bị thầy Ngọc Kim nhếch mép, cười chê, rồi lấy tình đồng nghiệp bảo rằng như thế là ngu si, dốt nát, không khác gì anh dân quê, thầy Huân vẫn chẳng chịu nghe, đã thế lại còn đòi chất vấn Chủ tịch xã.

- Tôi hỏi ông, rằng mà như rứa? Rứa thời học trò tôi mần rằng mà hấn còn có thì giờ để học bài?

Nghe câu căn vặn, chẳng cần nghĩ suy, sẵn uất khí tích tụ, Chiến liền giở thói chuyên chế, trợn trừng trợn trạc:

- Ông rằng rứa cái gì? Có chấp hành không hay muốn làm thằng phản động?

Thầy Huân nghe vậy, thấy đầu váng vất, vội đặt bàn tay ép vào ngực trái, cố điềm tĩnh, chậm rãi:

- Trị thiên hạ có chín phép. Quan trọng hàng đầu là sửa mình, trọng người hiền. Ông có hiểu ý tôi nói không mà đã vội vàng quy kết?

- A! Cái ách giữa đang lại muốn quàng vào cổ. Định dạy khôn ai, hả?

- Ông nên hiểu cho, rằng con người ta hơn con vật ở chỗ tri giác. Nếu không thì nó chỉ là một khối cành khô, than nguội, một cục máu thịt tanh hôi thôi.

Máu dồn lên mặt, Chiến chành hai con mắt đỏ sặc, quát:

- Mi có biết ta là ai không?

Không ngờ thầy Huân cũng phanh áo ngực, hét:

- Thế ông có biết tôi là gì không?

Chiến thét:

- Ta không phải là học trò của mi! Ta là kẻ lãnh đạo mi!

Tức thì, thầy Huân cũng lớn tiếng:

- Ta không phải là đám dân đen ngu hèn, liều lĩnh của ông. Ta là kẻ sĩ! Chính trị là chính đánh đó, ông Chủ tịch!

Thương thay thầy Huân một bồ chữ nghĩa, những mong cảnh tỉnh, khuyến cáo Chiến bằng lời hay lẽ phải mà có khác chi đàn gảy tai trâu và nói với bụi cây, hòn đá! Chiến vốn vô học, lại hung hãn. Lại nhiễm thói tự thị, coi người bằng nửa con mắt, quen sai khiến người bằng bạo lực. Nay gặp một ông giáo quèn bất tuân, lại có mối thù riêng từ trước nên chẳng nề chi

mà không túm lấy hai mảnh áo của thầy Huân, du lác một hồi, rồi dẫn mạnh một phát khiến thầy ngã chổng chơ trên sân đất.

- Muốn chết hả? Muốn chống chính quyền hả? Thế thì cho chết luôn. Công an đâu!

Thầy Huân lồm cồm bò dậy. Phải những lúc như thế này mới thấy cổ nhân nói không sai: thầy không tự phô nên được thấy, thầy không tự thị nên được biết. Bởi vì lúc này cái phần ẩn ngấm trong cái vỏ xuềnh xoàng của thầy mới có dịp lộ diện, cái phần ngấm ấy chính là cái bản ngã cương trực, bất khuất trước quyền uy bạo ngược của thầy. Sửa sang lại áo quần cho chỉnh tề, không mảy may run sợ, thầy Huân tiến thẳng đến trước nhà lãnh đạo chuyên chế đang đỏ găng mặt mày trong cơn khùng nộ nộ, diêm tĩnh, rành rọt:

- Phép đối nhân xử thế dạy rằng, cần phải biết người biết ta. Còn bây giờ, ông hành hung giáo viên, xin cho lập biên bản để tôi gửi lên Bộ Giáo dục thượng cấp.

Thói đời mềm nắn rắn buông, Chiến nghe nói tới thượng cấp, lại biết kẻ cấp gặp phải bà già rồi nên đành hạ cơn nộ khí, mím mím môi, gật gật đầu, quay phắt đi:

- Đừng có nỏ mồm vu oan giá họa! Ông thế nào thì thiên hạ biết cả rồi. Cứ liệu liệu đấy!

Từ đấy Chiến khi thì công khai đối địch, khi thì ngầm ngấm làm hại thầy Huân. Từ việc nói xấu thầy Huân ở các cuộc họp đến việc bồng dưng thầy Ngọc Kim ký lệnh không cho thầy Huân dạy bổ túc văn hóa cho cán bộ xã. Rồi chẳng có lệnh mà công an xã cứ tự tiện vào khám nhà thầy Huân. Và không hiểu từ đâu nảy nòi ra một thằng kẻ trộm vô lương tới mức chó cắn áo rách, nửa đêm mò vào khoảng sạch, từ bộ quần áo khâu lấy đến cái niêu đất trong cái gia sản rách rưới, nghèo nàn của thầy. Trời ơi! Tất cả đều là những hành vi trả thù đê tiện do bàn tay một kẻ vô lương điều khiển, ai mà chẳng biết! Nói chi đến hàng xấp thư nặc danh gửi tới vu cáo thầy đủ tội, từ ăn

bớt tiền học phí tới việc sờ tí nữ sinh, lăng nhăng với phụ nữ, và yêu cầu trục xuất thầy ra khỏi xã. Nói chi tới việc từ đâu bỗng loan truyền cái tin khủng khiếp: Thầy Huân là con địa chủ gian ác sắp bị áp điệu về quê để chịu tội đầu tở!

*

Nhưng xã hội xây dựng trên cơ cấu có cả cái thiện lẫn cái ác, cũng như trên cơ sở những điều dự tính được lẫn những yếu tố bất ngờ kỳ quái nên quan hệ của ông Chiến và thầy Huân cũng chẳng phải cứ giẫm chân tại chỗ mãi mãi như vậy.

Một ngày kia, đã xảy ra một bước ngoặt lạ lùng. Quan hệ thù nghịch của họ bỗng dưng chuyển đánh phắt thành tình bằng hữu thân tín, nhanh còn hơn lật bàn tay. Thoắt cái thằng con ông Chiến đang giữa năm học từ lớp ba nhảy lên ngồi ghế lớp bốn. Đùng cái thầy Huân được phong chức quyền hiệu trưởng, thay thầy Ngọc Kim khôn ngoan, được chuyển vùng về dạy ở thành phố. Chủ tịch Chiến thông qua Hội đồng Nhân dân xã, cấp cho thầy Huân, riêng thầy Huân, hai sào thổ canh có đến hai chục cây quýt trĩu trĩu quả, tịch thu của địa chủ Sản, ở mé sông, giáp trường. Thầy Huân mượn trâu ra cày. Người nhấp nhóm theo con trâu da đồng lông mốc, miệng đang “vắt vắt, diệt diệt” hơn hở như con trẻ thì Chiến đi qua, dừng lại, cười khàn khạch: “Sức như trai tơ thế kia mà không rình bà xã lên *phù* nữa thì phí quá đấy, thầy Huân!” Thầy Huân chành miệng cười, ngượng nghịu: “Cái khó nó bó cái khôn. Lên chơi có hai tháng mà ở nhà ba thằng con sắp thành ma đói đấy, bác ạ.”

Chiến xăm xăm bước vào vườn, giằng tay cày của người thầy đã trở nên thân thiết từ lúc nào, gắt yêu: “Chết thôi, rõ là anh giáo dài lưng tổn vãi nhá! Cày chạm vó, bừa mó đuôi, sao để dây dợ lăng nhăng thế này? Thầy nghỉ đi mà lấy sức. Các bà, các cô đang ngắm kia kìa. Thật chả bỏ làm rồn cho thầy!”

Quan hệ thân tình, chí thiết ấy xảy ra sau hơn một tuần liền, đêm nào thầy Huân cũng đến nhà Chiến. Chuyện này kín không ra kín, hở không ra hở. Nhưng cũng là cách trị dân, nhất là những anh đầu bò đầu bướu, của Chiến. Đêm đầu tiên, để thầy Huân yên vị, nhắc chén trà lên vừa áp môi, Chiến mới dẫn một cái phong bì đến trước mặt thầy, thông thả: “Ông Huân! Xã ông, người ta có trát đòi ông về nhận tội là con địa chủ đại gian ác, có nợ máu đây. Giờ ông tính sao?”

Trời! Gia sản đồng tiền tất thấy chỉ có ba sào ruộng. Ngoài việc cấy cày, ông thân sinh chỉ có biết ngồi bảo học và bốc thuốc. Cả ba, bốn đời cả nhà chả người nào biết cầm cái roi thét lác, chửi mắng ai lấy một câu. Sao quy chụp cho nhau cái mũ ác nghiệt thế! Thầy Huân tắc nghẹn cổ, đặt tay lên trái tim, trí cũng vẫn không tỉnh lại được. Cuối cùng, nước mắt chan hòa, kêu oan nhưng cũng đành ngồi viết bản tự luận tội. Chiến thu bản viết của thầy, hỉ hả trở ngược mình: “Cùng nong, cùng né, tôi không thương thầy còn thương ai! Có điều tôi bảo gì phải nghe. Thầy nên biết, cả cái xã này, đám dân đen sợ tôi một phép. Dân các vị là cái quái gì! Một đám ngu, hèn, liều! Có đúng không?”

Bây giờ thì chẳng còn một lời đàm tiếu, một câu chê bai nào nữa. Bây giờ, trong các cuộc hội nghị, lên phát biểu, dù là chủ đề nào ông Chủ tịch xã cũng lèo vào được mấy lời ca ngợi nhà trường, khen ngợi thầy Huân, đặc biệt ở vai trò công cụ đắc lực của cấp ủy chính quyền trong các nhiệm vụ trung tâm đột xuất.

Rồi một hôm toàn thể học sinh được thầy Huân thông báo: Cả trường sẽ nghỉ học một tuần lễ để tham gia cuộc đấu tranh bài trừ mê tín dị đoan do xã phát động. Đối tượng cụ thể mọi người phải nhất thiết diệt trừ là ngôi đền cổ ở bờ sông, cạnh mấy sào đất xã đã cấp cho thầy Huân.

Theo truyền miệng của các bậc cao niên trong làng xã thì ngôi đền có từ thời Lê Trung Hưng, do trải qua nhiều phen binh hỏa nên đã tàn tạ, xập xệ nhiều; gần đây, nhãng đi một thời hiu quạnh bỗng lại lục tục hàng đoàn con nhang đệ tử từ các nơi đổ về nhang khói, chẳng đèn kết hoa, vẽ tranh, tô tượng, lập quỹ công đức, thật sầm uất.

Việc nhang khói trong đền ít lâu nay do một phụ nữ trẻ đảm trách. Người phụ nữ này phốp pháp, mắt lá răm, môi đỏ quét trầu, cổ cao ba ngón, điệu đi dáng đứng toát ra vẻ nồng nẫu khác thường. Hằng ngày, người này có một nghĩa vụ đặc biệt phải thực hiện, đó là tắm truồng ở cái giếng trước cửa đền. Vì tương truyền vị thánh ở đây rất thiêng, nhưng sinh thời dâm dăng vô độ, nay không để ngài thỏa mắt thì dầu có cúng lễ ba bò chín trâu ngài cũng làm lơ, chẳng phù hộ cho ai hết. Sự cúng bái trở nên hưng vượng cũng còn vì lý do đặc sắc đó nữa. Không ít các bà, các cô, từ các mệnh phụ phu nhân tối đám con gái chanh cơm dậy thì đến đây còn là để được đòi quyền phô bày tấm thân ngọc ngà trước là để vị thánh thiêng xúc động mà ban phát tài lộc, sau là để thỏa mãn cái khoái cảm tự ngắm vuốt mình. Bao bọc quanh ngôi đền tối linh là những lớp cây um tùm, xanh um, vừa thâm u, cô tịch vừa kín đáo, thăm thẳm, kích động cái bản năng tầm tối rợn rạo của con người.

Ông Chiến không hiểu vì sao gần đây bỗng tỏ ra rất căm tức ngôi đền và người phụ nữ coi đền nọ. Chị trở thành đối tượng để ông Chiến tha hồ đả kích, nói xấu, chê cười, y như thầy giáo Huân những năm xưa. Cuối cùng, tiêu biểu cho tinh thần triệt để của người nông phu, ông Chiến tuyên bố phát động toàn dân triệt phá cái cơ sở mê tín, dâm ô này.

Việc triệt phá chia từng bước. Bước một, hạ cây gạo lão đại đã thành tinh thành quái đứng như thần hộ mệnh cạnh ngôi đền, tức triệt cái uy của nó trước tiên. Chiến khôn, định dùng cái lợi để sử dụng sức lực lũ dân đen nên ra thông báo: Ai có

sức, cứ việc hạ cây gạo, toàn bộ thân cành xả cho không cả. Nhưng thông báo ra cả tuần mà chẳng có ma nào chịu vung dao, vung rìu. Dẫu có ngu thì đám bách tính cũng thừa biết gỗ gạo là cái anh vô tích sự, bỏ bụi, đóng đồ đã chả xong mà đút bếp cũng khói mù. Hơn nữa, động vào ngôi đền, đâu có phải chuyện đùa!

Công việc đánh ngã cây gạo cuối cùng đành phải nhờ cậy vào hai tay bọm già trong xã. Một tên An, một tên Ngoạn. Nhưng đúng cả ngày xã rầm rộ khởi đầu chiến dịch thì An lăn ra ốm, còn Ngoạn thì sau khi tu một hơi rượu, cầm thanh mã tấu từ xa xông tới, đáng lẽ nhằm thân cây gạo, chém nhát đầu lấy khí thế và làm cữ thì lại như kẻ nhắm mắt, lao tuốt ra bờ sông và rơi tòm xuống nước.

Thầy Huân lúc ấy mặt bồng bồng, rậm rật. Rồi thầy cởi phăng cái áo trấn thủ, xắn tay áo, gấp ống quần lên. Đoạn nắm con dao quắm mới mài sáng rợn, giơ cao lên thầy hét:

- Để tôi!

Ông Chiến vỗ tay, quát:

- Các em, nổi trống lên! Nhiệt liệt hoan nghênh ý chí quyết thắng của thầy Huân!

Thầy Huân mặt đỏ rùng, gào:

- Nhà trường chúng ta phải là lực lượng xung kích, là cái đầu tàu trong mọi việc của xã hội!

Rồi mắt mồm mồm lợi, như xung kích ào ào xông lên qua đột phá khẩu, thầy nhằm thẳng cây gạo. Pập! Pập! Pập! Cây gạo bị ba nhát chém, nhựa ứa ròng ròng. Ông Chiến yêu cầu mọi người tề tựu, nhất loạt vỗ tay, hoan hô thầy Huân. Thầy Huân tiếp tục ra dao tới tấp. Mãi sau, có người quát đám học trò đang nghênh ngáo nhìn thầy:

- Chúng bay bỏ mặc thầy một mình thế à?

Lúc ấy mới có mấy đứa học trò lớn nhảy tới, đỡ con dao của thầy, thay thầy.

Thầy Huân lui ra ngoài, mũi và miệng tranh nhau thở.

Ông Chiến nắm tay thầy, lắc lắc:

- Nhân dân và lãnh đạo xã rất cảm ơn thầy!

Thầy Huân đưa mu tay gạt mồ hôi trán:

- Tôi phải đền đáp công ơn đồng chí. Tôi phải thực hiện bằng được những điều đã dự định, đã hứa hẹn.

Trong đám người chứng kiến cảnh tượng này, có người chép miệng: “Rõ mật ngọt chết ruồi chưa!” Ôi chao! Chẳng lẽ thầy Huân của chúng tôi lại thích lời đường mật, ưa điều phỉnh nịnh? Không hẳn. Ông Chiến nói ở Hội đồng Nhân dân xã: “Thầy Huân tiêu biểu cho người trí thức xã hội chủ nghĩa của nước ta.” Thầy Huân còn được toàn thể Hội đồng Nhân dân cử làm trưởng ban đời sống mới. Và như một kẻ từ bến mê đã tới bờ giác ngộ, vô cùng phấn chấn, thầy phác thảo ra một kế hoạch xây dựng đời sống mới, con người mới hết sức quy mô, trong đó có một điểm được nhấn mạnh: Lực lượng xung kích, tức đám học trò non trẻ của thầy, sẽ lần lượt phá tan hết các đền chùa, miếu mạo, văn chỉ trong lãnh thổ xã sở hữu.

Thầy Huân nổi cơn hứng bất tử! Thầy Huân thăng hoa! Nhưng thầy Huân của chúng tôi chưa kịp ra tay thực hiện kế hoạch do mình đặt ra, sau công tích mở đầu cuộc hạ sát cây gạo đền thánh dâm, thầy lăn ra ốm, ốm sau một đêm ngủ vật vã trong mộng mị. Mộng mị rất kỳ quái, toàn thấy lửa cháy và khủng long gào réo. Sau hết, lửa tàn, đám sinh vật cổ đại biến đi thì một người đàn bà phốp pháp, cổ cao ba ngón, xinh nhả tuyết trần nhưng nhang nhác như đã gặp ở đâu hiện ra, tỏ tình mến mộ, rồi khuyến cáo. Khuyến cáo rằng: “Thầy nên lưu tâm, thế gian mấy kẻ ở địa vị quan chức mà tránh được những phường bạc hạnh!”

Thầy Huân sốt nóng bốn mươi một độ một tuần liền. Rồi cái lưỡi và cả cái mặt đỏ rửng chuyển dần thành màu đen than củi. Y sĩ trên huyện xuống thăm bệnh, yêu cầu gửi lên bệnh viện tỉnh ngay. Bọn học trò lớn chúng tôi vội chặt tre làm đòn mắc võng khiêng thầy đi. Dọc đường có một người phụ nữ đòi theo. Đó là người coi sóc đèn nhang ngôi đền nọ. Chúng tôi sợ quá, đuổi bà về.

Thầy Huân nằm bệnh viện tỉnh gần một năm trời. Thầy bị tràn dịch màng phổi. Lại thêm tim suy và viêm đại tràng. Thầy không chết nhưng giờ đây, trở về trường học cũ, thầy chỉ là một bộ xương khô trong bộ quần áo ta cũ kỹ, lụng thụng, ngơ ngơ ngác ngác đưa đẩy hai vòng tròn đen bạc trong hố mắt lõ đờ, leo lét một ánh hồi tưởng xa vắng, như một kẻ lạc đường giữa nơi xa lạ.

Nhà trường đã sang một năm học khác. Giáo viên mới. Hiệu trưởng mới. Học trò cũng lạ lắm. Túp nhà cũ đã dỡ bỏ. Mảnh vườn hai sào, hội phụ lão xã đã biến thành vườn ươm bạch đàn.

Thầy Huân tìm đến ông Chiến. Năm lần bảy lượt không gặp. Săn đón mãi mới gặp được ông lúc ông sắp nhảy lên xe đạp để lên huyện họp. Khóa này ông trúng phó chủ tịch huyện. Ông nhìn thầy, lạnh lùng:

- Thầy ốm nặng, mới gượng dậy được, đang cần tĩnh dưỡng nên tôi chưa tiện nói. Vừa qua, thầy phạm khuyết điểm nặng, xâm phạm đến tự do tín ngưỡng của dân, để trên trách, dưới oán. Uy tín do đó không phải là sút mẻ mà là không còn gì nữa!

Thầy Huân há hốc miệng, cổ cứng đờ, thân lạng ngắt. Ghê gớm quá, miệng người! Bây giờ ăn làm sao, nói làm sao? Chợt nhìn sâu vào đoạn đời vừa qua mới nhận ra điều hệ trọng. Hóa ra sống với những điều mình đinh ninh không phải là dễ. Hóa ra mình cũng chỉ là một phần tử của đám chúng sinh vừa ngu vừa hèn, vừa liều như lời Chiến nói. Đau quá! Bây giờ thân

tàn, tay trắng, sống sao đây? Cực chẳng đã, đành xin gặp thầy hiệu trưởng:

- Thừa thầy hiệu trưởng. Sau sửa sai, gia đình tôi được xuống thành phần trung nông lớp dưới. Ngặt nỗi quê hương đất đai cằn cỗi, vợ đại con đông. Vả ông nội là giáo thụ, ông bố là hương sư, nay nhìn vào lòng mình thấy ngọn lửa yêu nghề, yêu trẻ còn đượm. Con tôm chạt gì sông, cái lông chạt gì lỗ. Xin cho được tiếp tục nghề xưa, gõ đầu trẻ.

Nghe lời giải bày như lời cầu xin của kẻ hành khất nọ, thầy hiệu trưởng gật đầu đánh khục, đáp:

- Tôi biết. Nhưng các lớp giờ đã đủ thầy. Chỉ còn chân đánh trống trường ăn lương hợp đồng, thầy có chịu thì nhận.

Thầy Huân nghe vậy liền ôm đầu, gục xuống mặt bàn. Cũng chiều ấy, thầy nhận được một lá thư từ quê nhà gửi lên. Không hiểu thư viết gì mà đọc xong thầy ngã ngay xuống đất, lăn lộn một lúc, rồi kêu đau đầu, nhức óc, buốt mắt quá. Đến nửa đêm thì con mắt trái nổ đánh bục! Mọi người vội xúm lại, đưa lên bệnh viện huyện. Thầy bị thiên đầu thống. May không mất cả hai con mắt.

*

Trở lại với trường học lần thứ hai, thầy Huân vẫn được giữ chân thủ trống của nhà trường. Ấy là số thầy vẫn còn gặp may. Thầy được công đoàn bảo vệ quyền lợi, chống lại được âm mưu chính quyền định sa thải thầy. Đại diện công đoàn nói: “Đồng chí Huân còn khả năng lao động.” Quả nhiên là vậy, thầy còn một con mắt. Con mắt này thị lực đạt ba phần mười.

Bây giờ, vào giờ gà lên chuồng, muốn đi đâu, thầy phải cầm một cái đèn dầu, vừa là để soi đường vừa là để người ta biết mà tránh. Xung quanh thầy, ban ngày ban mặt mà tù mù, lơ mơ

như ban đêm. Ấy vậy mà nhiệm vụ đánh trống trường, thầy thực hiện hết sức trọn vẹn. Có nhìn rõ đồng hồ đầu mà trống báo, trống tập hợp, trống vào lớp, trống chuyển tiết, trống tan trường, thầy hạ dùi không sai một giây.

Đặc biệt nữa là tiếng trống của thầy. Nhất là những hồi trống giục. Cũng là âm thanh của da gõ cộng hưởng trong khoảng không dồn nén bung bật ra ngoài, cũng chỉ là chày dùi thô mộc khua động vẻ thường tình mà sao nó vang lộng, thống thiết và đa tầng cảm xúc thế! Lúc nó dồn dập tràn đầy khí lực, lúc nó thủng thẳng buồn rút như một linh hồn đơn côi đang bơ vơ. Có lúc nó dài dại. Có lúc nó nức nở, gào thét. Có lúc nó như tiếng kêu bi thảm phát tỏa ra từ nỗi lòng bức bối thê thiết. Ôi, tiếng trống, hóa ra nó là một thực thể phân thân của thầy, là ngôn ngữ của thầy, là âm thanh mang hồn thầy đang quần quai!

Thế là giờ đây qua tiếng trống trường, thầy vẫn tồn tại, vẫn hiện diện ở cõi đời này. Nghe trống thầy đánh, có anh cười khẩy: “Cái thằng phá đền, trời đánh thánh vật, giờ dở người, thật đáng kiếp!” Số đông chép miệng: “Khổ! Con người có trí lự lắm, sao đến nông nổi vậy!” Còn Chiến, nghe trống lần nào cũng nhỏ bọt: “Mẹ cái thằng này! Diên rồi! Diên thật rồi!”

Thầy Huân dở người, thầy Huân điên? Chúng tôi đến thăm thầy, lòng dạ thật phân vân. Bất gặp nhiều hôm thầy đang ngồi tay đỡ má ra chiều mệt mỏi, lại cũng nhiều khi nhận ra thầy như người ngây, hồn xác tách rời nhau, ngơ ngẩn đến mức không nhớ thân mình từ đâu đến. Cũng có lúc xót xa khi thấy thầy lều đều như người bên âm, hoặc quá ư cô độc, một thân người và bóng đổ nhau trong túp lều nhỏ dựng ở góc trường. Nhưng cũng có khi thật bất ngờ, thầy như ngọn đèn thốt nhiên phát sáng, nói cười sang sảng: “Trách phận của kẻ sĩ là phải cất tiếng, các em à!” Đó là câu thầy thường hay nói nhất. Chúng tôi càng hiểu biết càng ngậm ngùi thương thầy. Bản lĩnh của một con người là sự tổng hòa lý trí với bản năng.

Thầy tôi, cả hai mặt đều yếu ớt, làm sao chống chọi được với bạc ác ở ngoài đời! Cái kết cục của số phận dường như đã được vạch ra. Tấn bi kịch dường như đã đến hồi chung cuộc. Chúng tôi đến thăm thầy lần ấy, tỏ ý ái ngại cho kiếp phận hẩm hiu của thầy thì thầy cười xòa: “Giày dép ta đang đi còn có số nữa là...” Nói xong câu đó, thầy đứng dậy, cầm cây đèn đi. Thầy đi ra ngôi đền hồi nào thầy đã đóng vai xung kích đi đầu trong cuộc triệt phá. Ngôi đền giờ được trùng tu, đẹp hơn bao giờ hết. Thầy đến thắp hương, khấn vái, xin tạ tội. Cả Chiến cũng đến lễ lạy ở đây. Chiến có cơ trúng cử chủ tịch huyện khóa tới.

Một kiếp người thế là đã mãn! Tuy vậy tôi vẫn kinh hoàng khi nhận được tin thầy Huân tự tử. Thầy tự treo cổ trên một cành si cạnh cái giếng trước ngôi đền thờ vị thánh dân đang thiêng liêng nọ. Lục rương hòm thầy, người ta thấy lá thư từ quê gửi ra hồi nào và rất nhiều thơ thầy sáng tác. Lá thư báo tin quê thầy vừa bị một cơn sóng thần ập vào quét sạch cả nhà cửa, ruộng vườn, vợ con thầy; đó là một trong những nguyên do gây nên cơn thiên đầu thống tai ác ở thầy.

Còn thơ thầy sáng tác chỉ đơn thuần là những câu xuống dòng vừa cổ giả vừa tự do, bất kể vần điệu và chỉ tập trung vào một đề tài: những người đàn bà tấm trường.

Chẳng hạn:

Bài thơ người đàn bà trước thần linh

Ngây ngây hồn ấu nhi

Ngồi ngồi tình nguyên thủy

Lôm lốp thịt da, rùm rờ lông lá

Người ba đáng, của ba loài

Em là ai?

Đây chốn thiên thai hay động quý?

Tiên Dung hồi, khi quây màn tắm trên bãi cát sa

Chính là giọt nước trôi cát bụi trên thân nàng

*Đã làm lộ ra thiên tình sử đẹp nhất giữa nàng và chàng
Chữ khôn khó.*

*Còn những câu thơ hay nhất trong Thánh thư của cụ
Nguyễn Tiên Điền*

*Lại để ra từ cuộc tẩy trần tuyệt diệu của nàng Kiều bồ liễu
Em gái Thái tằm bên con nước sinh ra thơ của anh chàng
nhìn trộm*

Ngó em tằm, anh không có thơ

Nhưng anh nhận ra sự bất ngờ kỳ lạ

*Em dâng hiến lòng trinh bạch, thân ngọc ngà, hồn tươi trẻ,
nghĩa là tất cả những gì đẹp đẽ nhất cho cao cả thần linh!*

Em là mây trắng sinh ra từ xa xăm huyền bí

Là tiếng chim sớm mai long lanh

Là cuộc trốn chạy vinh quang

Là cuộc phô bày da thịt và tiếng nói bất diệt

Tiếng nói của những giọt nước xanh

Trước thánh thần.

Chiến đọc bài thơ này, rồi bài thơ khác. Cuối cùng, lảng đi
cả xấp, nhỏ bọt, lên giọng:

- Rõ chưa chết đã thối! Hạ xác lão xuống. Chôn cất tử tế.
Nhưng không có điệu văn, không có vòng hoa thương tiếc gì
hết. Thôi, làm đi!

1993

ANH CẢ TÔI, NGƯỜI SUNG SƯỚNG

“**T**hương anh cả, các con nhé!”

Đó là lời nhắc nhở của miệng của mẹ chúng tôi với đàn con của người, đặc biệt là với tôi, đứa con út của gia đình. Câu nói, xét về mọi phương diện, đều dễ hiểu, vậy mà đối với chúng tôi, nó lại như một mệnh đề ẩn chứa một mật nghĩa, bao hàm một thâm ý hoặc ngầm ẩn một dự báo gì đó khiến ta phải nhúu mày nghĩ ngợi.

Thật là thế. Vì tại sao chúng tôi lại phải thương ông anh cả của chúng tôi nhỉ? Bấy, tám đứa em ông xếp hàng thành thang bậc, từ mười tám tới ba mươi thì cũng như đa số dân chúng nước ta, ra đời, vào đời, rủi có, may có, cũng chỉ là loại chúng sinh làng nhàng, có được hưởng đặc quyền đặc lợi gì đâu mà phải bảo chia sẻ tình thương với ông. Tất cả chúng tôi may mắn hơn người khác, họa chăng cũng chỉ ở chỗ chúng tôi đang có công ăn việc làm, nghĩa là được nhập vai một nhân viên đánh máy, một mậu dịch viên, một người thợ, một chàng xế, một anh giáo, vậy thôi! Trong khi đó, ông anh cả chúng tôi lớn ngọc, cách chúng tôi gần một giáp, hơn tôi những gần hai chục tuổi, lại giữ một trọng trách trong bộ máy điều hành quốc gia này. Thực tình, tôi chỉ được biết ông là anh cả chúng tôi khi ông từ nước Pháp, trung tâm văn minh châu Âu, trở về, quãng năm 1958 - 1960 gì đó. Ông về nước khi đã gần tứ tuần và dẫn

theo một bà đầm cùng hai thằng con trai mũi lõ, tóc quăn, xanh mắt mèo mới đang bập bẹ tập nói tiếng Việt.

Ông anh cả chúng tôi cao lớn, phong nghi tề chỉnh, đường bệ. Tai ông to, mặt ông đầy, ngũ đình ông phân minh. Ông thuộc về một tầm văn minh khác: tiếng nói ông sang sảng, cử chỉ, điệu bộ, hành vi của ông rành rẽ, oai nghiêm, đầy vẻ tự tin, chứ có đâu cúm rúm, động một tí là so người lại, sợ sệt, nói năng lí nhí, ngượng ngùng như những kẻ kém cỏi, yếu nhược chúng tôi.

Mùa đông, ông khoác áo *pa đờ xuy*, đội mũ lông chồn, dận giày hai màu, ông đi ngoài phố, trẻ con chạy theo reo: “Hoan hô Quốc trưởng Norodom...” Ông thuộc tầng lớp khác, có một khoảng cách xa vời với đám người lao động bình dân. Nhà ông ở là một biệt thự xinh xắn, kiến trúc kiểu Pháp, nhiều góc cạnh, lăm má che. Ông không ăn cơm, ông ăn bánh mì với bơ, *pho mát*, xúp và dùng dao, nĩa, chứ không biết cầm đũa. Ông có ô tô đưa đón đi làm. Ông ra vào nhà các vị lãnh đạo quốc gia như đến với nhà bạn bè. Với tôi, ông cao vời vợi. Ông là ông bố, ông bác vĩ đại, chứ đâu có phải là ông anh tôi!

Nói theo dân gian thì tức là bao nhiêu bổng lộc ở thế gian này ông đã thụ hưởng trọn vẹn rồi. Mà trong một gia đình, theo luật bù trừ, một khi ông đã hưởng đủ thì có nghĩa là anh em chúng tôi hết phần.

“Thương anh cả, các con nhé!” Hay là vì mẹ tôi nghĩ tới bước đường lưu lạc của ông, số kiếp long đong của ông từ lúc ông lọt lòng tới giờ? Sinh nở được ông, khó lắm. Thầy số nói ông cao số, rất khó nuôi nên khi ông vừa oe oe chào đời, mẹ tôi đã phải nghiền răng, trào nước mắt, cắn đứt một đốt ngón tay út của ông để ma quỷ hết đường nhận dạng, bắt mất ông. Sau đó, lại còn bán khoán, bán cửa, tức gửi ông đến nương nhờ của Phật đến tận năm mười hai tuổi mới sửa lễ chuộc lại. Rồi tiếp đó lại gửi ông đến nhà người cha nuôi, người này sau sang

Thái Lan làm thầu khoán, cuối đời sang định cư ở đất Pháp. “Thương anh cả, các con nhé!” Hay là vì mẹ tôi bằng trực giác nhìn ra cái thế chông chênh đổ vỡ của sự trọn vẹn? Tạo vật xưa nay đổ kỹ sự vẹn toàn. Không bao giờ có được sự vẹn toàn. Bởi một vật khi đã phát triển hết mức thì sẽ hóa thành phản diện! Đi càng xa thì có nghĩa là trở lại! Đa nhân duyên thì nhiều đường phiền não, phải thế chăng?

*

Nhưng tất cả những điều tôi nói trên có nhẽ chỉ là suy tưởng, chứ theo cái nghĩa thông thường, ở thời hiện tại thì ông anh cả chúng tôi dứt khoát không thể là đối tượng để chúng tôi phải quan tâm săn sóc. Kể cả ngay sau đó không lâu, có cuộc chia tay lớn trong gia đình ông. Chia tay thật đau buồn nhưng lại bao hàm lẽ tất nhiên, hoặc gần như thế. Ông cưới một bà đầm, bà Madeleine, đâu có phải đơn thuần là lấy một người đàn bà làm vợ. Ông kết hôn với một nếp sống, một tập quán, một nền văn hóa khác. Thành ra, trông thấy bà Madeleine vét cơm nguội cho gà ăn, xách làn đi chợ, ngồi nhặt rau vo gạo, xách nước, nhóm bếp, dầu có hiểu rằng đó là bà phục vụ chồng con bà thôi và dầu có biết rằng, bà vốn xuất thân là một cô thợ giặt ở trong một ngõ hẻm Paris, một người lao động bình thường, một nữ vô sản nữa thì vẫn cứ ái ngại, thương thương, cứ thấy hình như là mình đã ăn ở, đối xử không phải với bà ấy. Người ta là một phụ nữ da trắng, cực chẳng đã phải đem thân đi làm dâu con nơi đất khách quê người xứ mình, sao lại đánh đồng hạng họ như mình? Mình chịu khổ quen rồi. Chứ họ làm sao mà phải xếp hàng gạo, ăn độn mì sợi, mặc áo nhuộm pin đèn, chui hầm tránh máy bay như mình?

Mỹ bắt đầu ném bom xuống phía bắc thành phố thì bà Madeleine đưa hai con về Pháp. Bữa ăn chia tay có thêm mẹ

tôi và tôi. Trong khi bà vợ đậm, như nhiều phụ nữ phương Tây, vào tuổi bốn mươi đã phát phì, xập xệ, nhăn nheo, thường bị ông anh tôi gọi đùa là “mụ phù thủy yêu dấu của tôi” thì ông anh tôi đang độ phát tướng, chắc nịch, lưng lững, mặt bồng bồng vượng khí nam nhi. Phởn phơ, ông cao giọng đọc bài *Adieux* của thi sĩ Apollinaire:

Hái nhành thạch thảo trên tay

Mùa thu đã chết, có hay hỡi người?

Biệt ly mà ông cười phe phé. Trong khi bà Madeleine liên tục chấm kẻ mắt sứt sứt. Còn mẹ tôi thì lăm thâm, nuốt nghẹn: “Thôi, cũng là vì hoàn cảnh bom đạn, con ạ.” Câu nói nọ được mẹ tôi nhắc đi nhắc lại nhiều lần và bà con dâu người Pháp, dấu tiếng Việt chưa thật sõi, cũng gật gù thông cảm. Có cái gì đó khó nói ra tồn tại ở đằng sau câu chữ mà hai người đàn bà có thể cảm nhận và chia sẻ với nhau!

*

Có cái gì đó ở ngoài lời mà hai người phụ nữ, một Âu, một Á có thể thông cảm và chia sẻ được với nhau?

Mãi hai năm sau tôi mới biết điều này. Tôi đã lấy vợ. Một đêm đi xem vở kịch nói *Đôi mắt huyền diệu* về, đang sửa soạn đánh răng đi ngủ thì vợ tôi bỗng như sực nhớ:

- Anh Sính này, anh có để ý nhân vật nữ chính trong vở kịch vừa xem không?

- Người con gái vượt sông Bến Hải sang thăm người yêu bên bờ Bắc ấy à?

- Anh có biết người đóng nhân vật ấy là ai không?

- Là ai?

Nhìn tôi sững sốt và chờ đợi, vợ tôi đặt kịch cốt trà đá và cười dốc lên một hồi:

- Lơ ngơ thật hay vờ vĩnh thế? Bà Thu Hoài đóng vai ấy là nhân tình của ông anh anh đấy!

- Nhân tình?

- Chứ còn gì. Họ leng keng với nhau năm, sáu năm nay rồi. Năm nay bà ấy hai mươi lăm, kém ông anh anh gần hai chục tuổi. Bà ấy có chồng là anh chàng đánh trống ở rạp xiếc, nhưng đã bỏ rồi. Nhưng đây cũng là thằng chồng thứ hai thôi. Còn thằng thứ nhất là phi công, máu ghen quá Othello, uống thuốc sâu tự tử rồi. Chập chờn già nhân ngãi, non vợ chồng còn một thằng nhà thơ lông gà lông vịt, bị nàng hất hủi, giờ dở điên dở tỉnh, suốt ngày uống rượu và đọc thơ nhảm. Khiếp quá, ngồi xem mà khán giả cứ bàn tán đời riêng bà ta rầm cả rạp. Cứ trên sân khấu bà ấy phát một câu tình tứ, mắt liếc đưa tình một cái là người xem lại rú lên: Y sì như mụ ấy ở ngoài đời! May, chả ai biết mình đang được vinh dự làm em bà ấy!

Tôi thở thào thào:

- Ai có thân người ấy phải lo! Ông ấy bé bỏng gì!

- Ai hoài hơi mà lo hộ! Nhưng phải đến mà bảo ông ấy, mà trách ông ấy!

- Trách cái gì? Bảo cái gì?

- Bảo ông ấy ăn ở cho phải đạo. Trách ông ấy ăn ở tồi tệ. Vì cái con diễn viên dĩ thỏa ấy mà bà Madeleine uất quá, phải bỏ về nước, chứ không phải vì hoàn cảnh bom đạn đâu.

Tôi cắn môi. Vợ tôi quăng quắc hai con mắt, rồi bĩu môi, cười chua chát:

- Vụ tai tiếng này ông không biết thì họa là người đời, hoặc cả nhà ông bùng tai giả điếc. Kìa kìa, người ta bảo, có lần, ông ấy dẫn con Thu Hoài về nhà, đang trần truồng với nhau trên giường thì bà Madeleine về bắt được quả tang cơ. Bà ấy kêu lên tận Trung ương. Và không phải chỉ có một lần. Nghe đâu có ông lãnh đạo cao lắm gặp ông anh ông, giao hẹn: dẹp cái vụ

bê bối này đi, tức là cắt đứt với con diễn viên ấy đi, để yên yên dư luận thì sẽ được đề bạt làm thú trưởng.

- Thú trưởng?

- Hay là cái gì đó tương đương như thú trưởng. Nhưng ông anh ông chết mê chết mệt cái con ấy rồi. Có mà bỏ được khối. Ông ấy từ chối chức thú trưởng. Ông ấy bảo: “Xin các anh hãy cho tôi được sống như một người bình thường.”

- Hầy-cho-tôi-được-sống-như-một-người-bình-thường.

Tôi dần từng tiếng, nhắc lại lời ông anh cả tôi, nghiêng tai như lắng nghe và cố tìm hiểu xem trong âm thanh của những từ vựng nọ, trong cấu trúc của nó, có những ý nghĩa khác thường gì? Trong khi ấy vợ tôi, con người của nền đạo đức chính thống, cười ré lên một hồi, rồi bắt đầu chê bai ông anh cả tôi là ngu hết chỗ nói.

*

Chuyện vợ tôi kể hóa ra là thật!

Mấy tháng sau đã có một tiệc cưới nho nhỏ của ông anh tôi và nữ diễn viên Thu Hoài. Tiệc chỉ có họ, thêm một ông nhà văn già vừa bỏ bà vợ tàn tật, kẻ duy nhất chứng kiến hạnh phúc lứa đôi của họ. Cuộc hôn nhân mang tai tiếng nhưng hình như mọi sự đều qua đi, đều vô nghĩa trước cái hạnh phúc ngời ngời và có thật của họ. Thiên hạ chỉ cần nhìn thấy chiều chiều họ khoác tay nhau đi dạo trên hè phố, thanh thoi giữa bầu không khí thơm đậm đà của hoa sấu cũng có thể phát ghen. Cả hai đều đẹp một cách viên mãn, người này là tác phẩm của người kia, người này là bông hoa do người kia vun trồng. Nhìn họ mà chạnh nghĩ: Cặp đàn ông, đàn bà này mà không có hạnh phúc nữa thì trên đời này chẳng nên đặt ra hôn nhân làm gì!

*

Đó là một đời sống được chọn lọc giữa xô bồ, nằm ở điểm chót vót trong cái tháp xếp sấp các giai tầng xã hội. Dầu không được đề bạt lên chức vụ thứ trưởng, sự trừng phạt lúc này mới ở mức độ đó và phạm nhân chẳng hề xúc động một mảy may, ông anh tôi vẫn là một tên tuổi trong ngành Ngoại giao. Ông hưởng phiếu B. Tiêu chuẩn bao cấp của ông, từ lạng bơ, con gà đến chiếc ô tô Môxcovich¹, khiến ông tách hẳn ra khỏi mối lo toan sinh tử để kiếm sống của loài người, của dân ta. Ông xứng đáng được ưu ái. Ông sở hữu một kho tàng trí tuệ và kinh nghiệm tranh đấu trên trường quốc tế. Sức hấp dẫn của ông nằm ngay ở bản ngã của ông, ở ngay trên gương mặt tuổi bốn lăm, cương nghị mà đậm thắm nồng nàn, mạnh mẽ mà phong nhã, với những nếp nhăn như những mặt ngũ, đúng là diện mạo một chính khách có pha màu lãng tử.

Người vợ đẹp nồn nà, lẳng hơn mức bình thường, ở bên ông tưởng là sự ghép đôi khiến cưỡng hóa ra lại hòa hợp một cách bất ngờ. Tuổi tác chỉ biểu hiện cái già dặn, sự chín muồi. Ông trở thành bệ đỡ cho chị vinh thăng. Nhờ chị mà ông hồi phục vẻ thanh xuân. Ba năm, hai đứa con gái xinh xắn ra đời là sự khép kín cuối cùng một hình tròn trọn vẹn hạnh phúc.

Giây phút chị từ nhà hát, sau đêm biểu diễn về, đêm nào chị diễn cũng thành công, có lẽ là những giây phút tuyệt diệu nhất của cuộc sống chung. Hoan hỉ, tươi sáng như một thiếu nữ mười tám tuổi, chị nhảy chân sáo từ ngoài cửa vào buồng, hôn hai đứa con đang ngủ, rồi trở ra, choàng tay vào cổ ông, đu lên người ông, gọi tên ông vừa vui vẻ vừa nũng nịu.

1. Moskvich, một dòng xe của Nga.

- Anh! Anh có biết không, khán giả vỗ tay, bắt em ra chào đến ba lượt. Chính Thủ tướng gửi một bó hoa lên tặng em.

- Em có mệt không?

- Hoàn toàn không. Diễn xong, em có cảm giác lạ lùng vô cùng: sân khấu mênh mông hoang vắng như bãi sa mạc!

- Đó là cảm giác của tình yêu hết mình.

- Đó là nhờ anh.

Chị bỗng bật như thuở mới yêu, ghì đầu ông vào ngực mình và hôn tới tấp lên môi, lên má, lên mắt ông, nồn nức rộn rục không tả xiết.

- Anh yêu của em ơi! Vì sao anh yêu em? Anh yêu em từ lúc nào? Nào, nói đi.

- Từ phút giây đầu tiên anh gặp em. Vì em thông minh và đẹp như hoàng hậu Petersburg.

- Vì sao lại như hoàng hậu Petersburg?

- Ô nhỉ! Anh cũng không biết vì sao anh lại nói thế! Anh yêu em vì em là Thu Hoài. Ôi, hoàng hậu Petersburg của anh!

Ông ngẩn người trong dư vang của tiếng nói trực giác bật lên từ tiềm thức rồi cười vang, và bế bổng chị lên, như Romeo bế Juliet trong vở *ba lê* quay mấy vòng, trong mê man của ảo giác hạnh phúc, cất lên một bài hát Anh:

Rất hiên ngang. Rất đàng hoàng

Mcpherson hát vang trong gió

Rất hiên ngang. Rất đàng hoàng

Mcpherson đi lên đài treo cổ.

Người phụ nữ đập vai chồng, kêu líu ríu:

- Anh hát cái gì mà ghê thế!

Ông chồng liền đặt vợ xuống sàn, rồn rảng:

- Hà hà... Nàng tiên của anh. Thế còn em, vì sao em yêu anh?

- Vì cái đầu bác học này, vì cặp mắt đa tình này. Vì đôi môi si mê này.

Ông dìu vợ đến bên giường, bế chị lên lòng, rúc vào mái tóc xõa của chị, thì thầm:

- Còn gì nữa? Có mệt không, em?

Chị thả lỏng người, thả thả:

- Em chiều anh.

Họ vào cuộc vui thú nhục thể. Cả hai đều là những kẻ đam mê trong tình trường. Tình dục đi đến tận cùng lại tẩm hương văn hóa, càng trở nên bí ẩn và cuốn cả hai vào trường cực lạc với sự kích ứng liên tục bắt họ khám phá. Họ như những kẻ bất chấp luật lệ. Như thiêu thân lao vào lửa. Như thánh tử vì đạo. Như cơn mê lú bất tận, nghiêng ngả cả đất trời. Bản chất của tình yêu là ảo ảnh, là thờ phụng và tận lực. Trong giao tình, họ cũng vậy. Sau ái ân tràn trề mãn nguyện, cả hai thả mình trong trạng thái ngất ngây mộng mị. Sau rốt, kẻ chui ra khỏi đám mây sương hư ảo, cả sắc đẹp và tâm hồn tiềm tàng nở rộ, bừng bừng là chị. Chị thủ thủ:

- Anh yêu, anh có biết em đang hồi hộp không? Sau đợt này em sẽ nhận một vai mới.

- Vai gì thế, em?

- Vai phụ nhân một bá tước. Một vở kịch Ba Lan.

- Tuyệt!

*

Đó là những ngày đẹp tròn trịa, tột đỉnh của niềm vui sống. Trong khi các bạn đồng nghiệp của chị còn trầm luân trong bể khổ của đời người, một đời người đan dệt toàn bằng những nỗi lo ăn lo mặc cùng ốm đau, sầu não, thì chị như một kẻ thênh thang ngoài tục lụy, có thể dâng hiến toàn bộ sự say mê cho

nghệ thuật. Vở kịch, nhân vật kịch sống trong chị, trong câu chuyện hằng ngày và trong mỗi giấc mơ của chị.

- Ông đạo diễn Ba Lan có bộ râu cổ đạo màu thuốc lá, anh biết không, khen em hết lời nhé! Ông đặc biệt thích chất giọng của em và các động tác hình thể của em. Ông đem cả vợ sang. Cô vợ người Mexico da đỏ, nhỏ xíu, hai mươi năm tuổi, kém ông đúng ba chục năm tuổi.

- Ông nói tiếng Pháp với em à?

- Không! Tiếng Ba Lan. Em nghe dịch lại. À quên, em chưa nói với anh về anh chàng phiên dịch. Một anh chàng người Nghệ An rất lý thú. Hai mươi năm tuổi, kém em gần chục tuổi. Cao ráo, mảnh dẻ nhưng gân guốc. Gân guốc nhưng rất tài tử. Y như chàng Charles trong phim *Vụ án mạng phố Dante*. Đẹp phong trần và sâu thương. Anh chàng nói tiếng Ba Lan mới hay làm sao! Cao hứng, anh chàng đọc cả tiếng đồng hồ thơ Adam Mickiewicz¹ cho em nghe.

Câu chuyện về ông đạo diễn Ba Lan có cô vợ Mexico nhỏ xíu chìm xuống, nhường chỗ cho câu chuyện về anh chàng phiên dịch người Nghệ hai mươi năm tuổi rất lý thú. Câu chuyện về anh chàng len lỏi trong sinh hoạt hằng ngày, trong thành công của vở kịch. Vở kịch thành công vang dội, ngoài sức tưởng tượng. Khắp nơi, người ta bàn tán, ca ngợi và mời mọc. Thế là chị bắt đầu bước vào những ngày bận rộn lu bù và vui vẻ triền miên: lưu diễn, tiệc tùng chiêu đãi, khen thưởng và cuối cùng là đi nghỉ dưỡng sức.

Chỉ vào những ngày đó, ông anh cả tôi mới nhớ ra rằng ông còn có bảy, tám đứa em. Ông đến tôi. Tôi hỏi: “Sao anh không đi nghỉ cùng chị?” “Mình còn có việc của mình. Với lại...” Ông buông lửng câu đáp, rồi bất thần nhìn khung cảnh giản dị,

1. Adam Mickiewicz (1798-1855): Đại thi hào dân tộc Ba Lan, một trong những nhà thơ lớn nhất của thơ ca lãng mạn thế giới.

đầm ấm của gia đình tôi - hai vợ chồng đều là giáo viên cấp hai, bậc sơ cấp trong nấc thang xã hội. Tôi nhận ra, tóc ông đã nhiều muối hơn tiêu. Hôm ấy ông ngồi ở nhà tôi tới quá nửa đêm và lủi thủi đi bộ về.

Tình yêu, món quà tặng bất ngờ của tự nhiên cho con người, bài thơ trữ tình vĩ đại. Tình yêu, sự nổi loạn của con tim của những kẻ chân tài, vì chân tài nên mới đa tình. Ông anh cả tôi đã bất chấp tất để sống theo tiếng gọi của con tim. Hãy-cho-tôi-được-sống-như-một-người-bình-thường. Đó có thể là một tuyên ngôn bất hủ của ông, nó đối lập với thói đạo đức giả đang thịnh hành trong giới có chức quyền. Ông đã thành thật với chính ông. Ông đã tự lập bảng giá trị cho mình. Ông đi từ đời sống đến triết lý, đến tôn thờ. Ông là con người hàm chứa một nét đại đồng với mọi người, với tất cả chúng ta. Chúng ta, từ kẻ ngạo nghễ ngự trên đỉnh tháp giai tầng đến người cùng đing dưới đáy xã hội, lâu nay về cơ bản là sống theo sự chỉ đạo của con tim. Và do, như người xưa nói: chữ “tình” là một đại kinh chạy dọc một thiên, chữ “khổ” là một đại vĩ chạy ngang một thiên nên tất cả chúng ta đều nhận phần khổ sở trong lưới tình đan dệt nọ. Ông anh tôi đã được hưởng ái tình và nỗi khổ ải khủng khiếp nó mang lại cho ông. Thoạt tiên đó là sự mất tín nhiệm của cấp trên. Việc này diễn ra từ từ. Đang là cỡ vụ trưởng, ông xuống vụ phó. Ít lâu sau thì do sáp nhập các vụ, ông dôi ra. Tất nhiên ông tụt xuống hàng chuyên viên. Và các tiêu chuẩn bao cấp về xe cộ, nhà cửa do vậy thu hẹp dần. Tuy nhiên những mất mát ấy chẳng làm ông xao xuyến, nếu như cuộc hôn nhân của ông với người đàn bà được ông tôn sùng là hoàng hậu Petersburg, đã từng gây cho ông ảo giác huy hoàng, thật sự trở thành cái lồng để nhốt chặt con chim ái tình. Không! Ái tình khi nó còn năng lực thì nó còn tìm mọi cách để phá rào, vượt tường. Người ta là giống tham lam. Ngay cả khi đã chiếm lĩnh được cái nó đặt thành mục tiêu để chiếm đoạt, nó lại thấy trước mắt nó hiện ra một bến bờ khác. Cái bí

ấn của cuộc sống trần gian vẫn ngày đêm vấy gọi mọi người và nữ diễn viên Thu Hoài, người phụ nữ xinh đẹp, cũng như mọi chúng sinh, đều thích cái tuyệt đối, đều sống với mục đích tối thượng là thỏa mãn bản thân và nhiễm thói cả no chóng chán. Con người không dừng lại bao giờ, nó cứ mãi miết đi và kiếm tìm.

Đã có những gờn gợn trong quan hệ. Đã thấy những chứng chẳng, trật khớp. Đã để tâm tới những dấu hiệu của một trò ú tim nửa nạc nửa mỡ. Bắt đầu có thể là một câu nói về như là vu vơ: “Anh à, anh có thấy quan niệm nhân gian bất công không? Đàn ông có nhân tình thì được coi là hào hoa, đa cảm, đa tài. Đàn bà mà thế thì nhẹ cũng bị coi là lẳng lơ, dĩ thỏa.”

Cái gì đã có bắt đầu thì rồi theo quy luật, sẽ tự làm tròn đây. Ông anh cả tôi, biến đổi từng ngày, cuối cùng trở thành một đứa trẻ quá cỡ, khi ông xông xộc đến nhà tôi, kéo tôi ra đường, hỗn hển: “Đi! Đi cùng anh. Thằng phiên dịch tiếng Ba Lan là một thằng ma cô. Chú phải giúp anh dạy cho nó một bài học thích đáng!”

Tôi không dạy nổi thằng phiên dịch nọ. Kết quả là ông anh cả tôi gõ cửa nhà tôi một lần nữa. Lần này, ông không kéo tôi đi. Ông ngồi im, rì rỉ chảy nước mắt, rồi ì ra một khối tê dại, nẫu nề. Không cần phải đi tìm thằng phiên dịch nữa. Thằng ma cô ấy hiện diện trần truồng cùng vợ ông không mảnh vải che thân trên chiếc giường hạnh phúc của riêng vợ chồng ông. Thấy ông, đôi gian phu dâm phụ chẳng hề cuống quýt, sợ hãi. Cả hai trở dậy, điềm nhiên mặc quần áo. Thằng phiên dịch còn huýt sáo: “Trời sinh tôi làm thân cỏ úa. Trời sinh anh làm kiếp đại thụ”, rồi đi qua ông khi hai tay ông đang nắm chặt thành hai quả đấm và răng nghiến trèo trẹo. Không phải để đánh ai, cắn xé ai mà là để chế ngự tính hung tợn, dã thú của chính mình. Thu Hoài ở lại. Chị đến trước gương, chải đầu và thông thả nhả từng tiếng như trên sân khấu:

- Em đã yêu Hải ngay từ lúc mới gặp lần đầu. Cũng như với anh vậy. Có điều là với anh thì mọi sự đều rõ ràng. Em bị anh hấp dẫn vì sự hiểu biết, sức mạnh đàn ông, vì sự già dặn. Ở anh, cái gì cũng sáng tỏ. Còn ở Hải, em thật tình không hiểu. Hải ít tuổi hơn em. Nghèo hơn em. Nhưng Hải là ma túy làm em mê mết.

Chà, toàn là những kẻ hiểu mình, hiểu đời đến chân tơ kẽ tóc. Những kẻ nhận biết được cái giới hạn cuối cùng của sự kiểm thúc, hiểu cả cái vô hình, vô ảnh, cái ở ngoài vòng điều tiết, cái ma quái bất khả tri nó trên người, nó chi phối mình!

Ông anh tôi quay mặt đi, chết lặng. Phải hơn một giờ sau ông mới quay lại. Và nhận ra hoàng hậu Petersburg thoát đã trở nên một người đàn bà xa lạ, thật là xa lạ.

Ông gần như buột miệng:

- Vậy bây giờ nên giải quyết thế nào?

Người đàn bà xa lạ nhìn ông chằng chằng:

- Anh thanh toán chia tay em chứ?

- Em đã nghĩ kỹ chưa?

- Rồi!

Ông quay đi, thả nhiên đến bất ngờ:

- Thế thì anh bằng lòng.

Đáp lại sự đồng ý của ông, người đàn bà xa lạ không tìm được sự hào hứng, vỗ lấy tay ông:

- Vậy thì anh giúp em tổ chức đám cưới của em với Hải, sau khi chúng ta có thủ tục ly hôn. Sau đó, anh chia đôi căn buồng này. Em và Hải ở một nửa. Nửa còn lại, anh và hai con. Hiện thời Hải rất nghèo. Em cũng không giàu nên cần anh giúp đỡ nhiều. Nhưng em còn một bà cô ở Sài Gòn. Bà ấy mà đi Mỹ thì em sẽ được hưởng biệt thự của bà ấy. Lúc ấy, chúng em sẽ trả lại anh nửa căn buồng này. Thế nhé!

*

Căn buồng ngăn đôi bằng một tấm ván gỗ mỏng manh. Bên này vách là ông anh cả tôi và hai đứa con gái đang vào tuổi thiếu nữ. Bên kia là một gia đình mới hình thành: bà chị dâu cũ của tôi và một gã trai trắng trẻo cao một mét bảy mươi ba phân, mặt lạnh lùng, ria mép lún phún, đặc sệt giọng quê. Gã bỏ nghề thông dịch vì lý do giọng không chuẩn, chứ không phải “nói tiếng Ba Lan mới hay làm sao” như bà chị dâu cũ của tôi ca ngợi hồi nào. Gã ở nhà tập kèn clarinet vì phát hiện ra trong bộ ngực lép như gián của mình có một lượng khí lớn hơn người. Hai đứa con của vợ gã chỉ thoát khỏi cực hình khi gã mỗi mồm quá và sức nhớ đã đến giờ phải đi đón vợ ở rạp hát về.

“Có họa Tây mới sống được với nhau như thế!” Những người hàng xóm chứng kiến cảnh sống cả hai cái gia đình họ đều nói vậy. Vì cung cách họ sống nó lạ lắm, nó tự nhiên quá đối! Tự nhiên quá thật! Cứ như chưa hề có chuyện gì xảy ra. Cứ như xưa nay nó vẫn là vậy. Các nhân vật chỉ biết có thời hiện tại, chứ không hề có một quá khứ gì chung nhau cả. Nghĩa là cuộc sống thật dễ chịu. Không có người thắng. Chẳng có kẻ thua. Về căn bản không có nạn nhân. Không có hằn thù. Không có chàng Othello. Không có chuyện tranh vợ cướp chồng.

Chẳng may may mặc cảm bại trận, không buồn, không cay cú, ông anh cả tôi đã đóng trọn vai trò vun xới, tác thành cho cuộc hôn nhân giữa bà vợ đã ly dị của mình với anh chàng phiên dịch họ. Ông đứng ra làm chủ hôn. Ông gọi thợ đến, xẻ đôi căn buồng, chia sẻ đồ dùng, tài sản gia đình cho họ, trong tinh thần nhường nhịn hết mức, còn hơn cả thỏa thuận trong biên bản xử lý ở tòa. Và đó là bước tiến nhảy vọt của mối quan hệ đàn ông - đàn bà, của tấm lòng cao cả hay bước lùi của nền

vấn minh trước sự buông thả vô lối, thói nhu nhược và đần độn, ai mà biết được?

Tôi chẳng sao lý giải được. Chỉ thấy cảnh đời sao lại có thể chường tai gai mắt đến vậy!

Đang xì xụp nấu ăn, bà Thu Hoài yêu kiều có thể nhồm lên, ghé qua cái hốc trống đặt máy điện thoại trên tấm vách ngăn, réo rõ to: “Anh Chính ơi, cho em mượn chai nước mắm. Nhanh lên, không hỏng cả nồi thịt bây giờ!”, hoặc: “Thư ơi, Liên ơi, lấy cho mẹ củ tỏi. Bóc ra hộ ngay đi.” Hai người đang ôm nhau lăn lóc trên giường, họ có thể cùng bật dậy, đồng thanh: “Bố con nhà Chính bên ấy có bớt bớt cái mồm đi cho chúng tôi chợp mắt một tí không?” Trên cánh cửa ra vào, thường xuyên có dòng chữ Hải viết. Đại loại: “Anh Chính, em lấy nồi thịt đông bên nhà cho Hoài ăn bồi dưỡng thai rồi. Anh bảo hai cháu nấu nồi khác nhé!”, hoặc: “Sở điện đến thu tiền điện, em ủy nhiệm ông anh chi cả đấy!”

Thuyền theo lái, gái theo chồng. Giờ thì Thu Hoài chẳng còn nhớ đến thơ Apollinaire và ảo ảnh hoàng hậu Petersburg nữa rồi. Gã trai nhào nặn lại chị. Chị hát theo gã chồng non những bài ca tục tĩu, rồi cùng cười rống lên như những hồi kèn của gã. Hành hạ lỗ tai xóm giềng một thời gian dài, xem ra chẳng thu được cái lợi lộc gì, gã phiên dịch liền bỏ kèn, đi học tiếng Đức. Nhưng cái mộng làm gia sư tiếng Đức chưa kịp xây đã đổ, gã xé hết sách vở, bắt vợ gom tiền để mua máy ảnh, ráp tâm trở thành nghệ sĩ thượng hạng chuyên chụp đàn bà cởi truồng. Hai vợ chồng cãi nhau, thậm chí chửi nhau quyết liệt vì cái vụ này. Chuyện nọ xọ chuyện kia, đã qua thời mơn trớn, chiều lòng nhau để thỏa mãn dục vọng, giờ đây ngày nào họ cũng có chuyện hục hặc với nhau. Nhưng hục hặc đấy, cãi chửi nhau thậm tệ đấy, rồi họ lại dần hòa với nhau như không. Cái mẫu số chung của hòa hợp được thành lập cũng thô giản. Gã trai đương sức đã chán chê lũ gái non ngứa nghề, háo danh, cần một ả đàn bà từng trải, thông thạo đường tình dục. Chị vợ

lại đang thuở hồi xuân. Cái giường trở thành trường đấu liên tục đêm đêm. Mái già, đực non, cuộc giao phối còn đâu là giờ phút lãng mạn tắm hương khi xưa. “Đồ cao bồi! Thằng hiệp dân!” Cô vợ tru tréo. Thằng chồng gào thét: “Ta quyết ăn thịt nàng!” Rồi giã giụa, rú rít, rên rầm, lúc nức nười, khi khàn khạch. Hôm nào cũng vậy. Gần trưa hôm sau họ mới cất nổi mình khỏi chiếc giường. Mệt nhọc, họ lại bắt đầu cần nhàn, diếc lác nhau, lại từ chốn bông lai tiên cảnh sa xuống âm ti địa ngục!

Ở cạnh một cuộc sống như thế có thể phát điên lên được. Hai đứa con gái có nhận thức và tình cảm rõ ràng, chúng ghét mẹ và căm thù gã đàn ông trai trẻ. Trong khi ấy thì ông anh cả tôi, lạ lùng, chỉ im lặng nhịn nhường và tiếp tục thỏa mãn các đòi hỏi của họ. Cứ như là ông mắc nợ họ. Nhiều khi ông bèn lên đến tội nghiệp. Thiên hạ nói ông hiền giả quá hóa ngu, đúng chẳng?

Hải bỏ nghề chụp ảnh đàn bà cỡi truồng. Hấn nói hấn chuyển sang dịch sách. Đãi các giả, phong lưu mượn, cái mặt ấy, cái sức học ấy chỉ đủ để gã lừa mị đàn bà con gái nhẹ dạ và ăn bám họ thôi. Lúc này, gã đã thành tên ăn bám bà Thu Hoài. Mà ăn bám bà Thu Hoài tức ăn bám ông anh tôi. Ông anh tôi tận tụy gánh cái gánh nặng nuôi một nữ diễn viên đang toan về già bao một gã trai tơ để thỏa dục tình - một cái mốt đang thịnh hành - không một lời phàn nàn, ta thán, chứ đừng nói là dè bủ, khinh miệt. May mà ông có nguồn tiếp tế từ bên Pháp. Bà Madeleine đầu đã chia tay ông vẫn còn rất thương nhớ ông và bà làm sao biết được ông đã dùng phần lớn số tiền bà gửi đều đặn về cho ông để ông trả cho lòng tốt và tính bạc nhược của mình.

“Em như anh, em tống cổ bà Thu Hoài và thằng du côn ấy ra khỏi nhà từ lâu rồi!” Một lần nghe tôi nói vậy, ông anh tôi đang định mở nắp giỏ lấy ấm rót nước, liền lặng phắc, bàn tay già cụt một đốt ở ngón út nằm chết trên mặt bàn. Tôi nhận

ra mắt ông đã nứt kẽ. Đuôi mắt ông nhót nhất ánh nước. Ông đã bước vào tuổi già. Cái cơ thể cường tráng xưa kia đã hao hụt đi nhiều. Ông thấp xuống, tay chân nhỏ lại. Vai ông hẹp và xo ro. Ông không hay nhìn thẳng và ngược cao như hồi xưa. Cái đoạn đời tươi đẹp nhất, tráng lệ nhất của ông đã đi qua. Câu chuyện tình ái rắc rối của ông trong hoàn cảnh này đã trở thành một vết nhơ ê chề, theo quan niệm thông tục, tiêu hủy nốt chút tín nhiệm còn lại khi tuổi ông đã xế chiều. Ông chẳng còn chức vị gì. Chẳng ai cần đến ông nữa. Ông đang chuẩn bị về hưu. Nhưng ông về hưu mà tâm ông chưa được thanh nhàn. Ông vẫn còn yêu. Càng cô đơn, càng bị hắt hủi, ông càng yêu say đắm, yêu rồ dại. Tấm tình si của ông với bà Thu Hoài dẫu là đơn phương vẫn cứ đượm nồng, nó được cháy bằng chính nó. Tình yêu sống bằng tình yêu, không vụ lợi, chẳng chút vị kỷ, vẫn đục ghen tuông. Chao ôi! Người ta có thể có được một tình yêu trong ngần, thánh thiện đến như thế ư?

Ông anh cả tôi vẫn rất yêu bà Thu Hoài! Nhưng đã có một lần ông để cho lòng vị kỷ lấn át đức vị tha cao cả của ông. Ông đã dùng dằng không chịu giúp bà - một việc do ông quen biết rộng mà có khả năng - hoàn thành việc xin chuyển và hoàn tất các thủ tục giấy tờ cực kỳ phiền toái, để vợ chồng Thu Hoài chuyển vào làm việc ở Sài Gòn - ở nơi đó Thu Hoài sẽ được quyền thừa kế một ngôi nhà và Hải có cơ hội khởi phát cả mặt tiền tài lẫn danh vọng.

Thằng ma cô đánh hơi thấy cái phần ngầm ẩn trong câu chuyện, giở mặt liên. Hắn chỉ tay vào mặt ông, hét: “Này, đừng có giở trò đầu cơ tình cảm vợ tôi ra đây với tôi!”

*

Vợ chồng Hải - Hoài đi rồi, tấm vách gỗ ván ngăn đôi được dỡ bỏ. Căn buồng khôi phục lại diện tích và quyền sở hữu khi

xưa. Hai đứa con gái như thoát ách. Thà chúng không có mẹ còn hơn là có một bà mẹ ích kỷ và dâm dăng. Còn ông anh cả tôi? “Hoài ạ, dù vật đổi sao dời, lúc nào em cũng có thể trở về căn nhà này với tư cách là vợ anh và mẹ hai con em.” Ông ngồi ngùi ngùi nói vậy khi tiễn đưa bà Thu Hoài.

Bà Thu Hoài đi rồi, ông anh cả tôi rơi vào cơn trầm uất miên man. Lúc này ông đã về hưu. Suốt ngày ông rầu rĩ, sầu muộn. Đó là những ngày thu mưa dầm dề, đất trời nổi lên một khối mù sương, bồng bềnh. Ông nằm trên giường, phủ chăn, như nằm trong hư huyền, một nửa linh hồn phiêu diêu cõi xa. Và ông chỉ bật dậy, khỏe khoắn như vừa được tiếp sức khi người bưu tá gọi ra nhận thư.

- A, đây rồi. May quá! Mẹ các con đã được nhận vào làm việc ở xưởng phim thành phố. Đúng quá! Mẹ con hợp với điện ảnh hơn là sân khấu. Diễn viên phải là người phải từng trải. Đúng lắm! Đúng lắm!

- Này, các con xem, cái biệt thự mẹ con được quyền thừa kế có đẹp không? Phố Bà Huyện Thanh Quan là một phố nhỏ, yên tĩnh, đẹp tuyệt, các con ạ.

Ông anh cả tôi trầm trồ. Ông vui vẻ suốt tuần vì những lá thư ngắn ngủi của bà Thu Hoài. Một lần, ông đọc mấy dòng thư của bà vợ cũ xong, liền gấp thư, ngây dờ:

- Ô, nghĩ thế nào mà mẹ các con lại sang tên cái biệt thự ấy cho chú Hải nhỉ?

Nhưng nói trọn độc có một câu, ông liền ngậm miệng. Từ đó ông hoàn toàn không nhắc nhở gì đến chuyện ấy nữa.

Bà Thu Hoài đã ổn định công việc và gia đình.

Bà sinh một đứa con trai. Thư và ảnh gửi ra cho ông anh tôi khá đều, vẫn cái phong cách tự nhiên đến kỳ cục vốn dĩ. Hai đứa con gái lần lượt lấy chồng. Như chim trời, chúng bay đi. Còn lại một thân một mình, ông anh tôi đã bước sang tuổi bảy mươi. Tóc đã bạc và cần khô. Lông mày cũng chớm bạc. Dáng đã chậm chạp, lụ khụ. Đi lại đã phải thêm một cái chân

nữa là cái ba toong cho nó chắc chắn. Và một ngày kia, ông lập cập khua ba toong đến nhà tôi.

- Cô chú có thể cho anh ở nhờ ít lâu được không?

- Có chuyện gì thế, anh?

- Chị Thu Hoài chuyển công tác ra ngoài này. Chị ấy không quen với khí hậu trong ấy nên ốm đau liên miên. Khổ quá!

- Thì anh đến đây với tụi em.

Vợ tôi nhanh nhẩu, nhưng trong bụng nghĩ thầm: “Họa có là trơ mặt thốt bà Thu Hoài mới cáo chết ba năm lại quay đầu về núi thế!”

Nhưng bà Thu Hoài thật sự là đã chuyển ra Hà Nội và trở lại căn nhà xưa bà ở. Lý do thì không phải là không hợp thung thổ. Đơn giản hơn nhiều. Cuộc tình mê muội của bà với gã trai phiên dịch tiếng Ba Lan đã vào hồi chung cuộc. “Tình yêu chênh lệch tuổi tác là một tật bệnh cần phải cứu chữa.” Hải ra tuyên ngôn. Tí chút hoa mỹ của câu nói không che phủ được tính chất tráo trở, bất lương của tên đàn ông. Hải hợp pháp hóa quyền sở hữu tòa biệt thự và của cải khác của bà Thu Hoài, công khai tàng tịu với lũ gái non, tìm mọi cách để ruồng rẫy vợ.

Mỗi người đều mắc nợ với tính nết và tài năng của mình. Cuộc sống vốn không trọn vẹn. Ai cũng phải trả giá về cái sự sống bất toàn, không trọn vẹn ấy. Tất cả, chẳng trừ ai. Chỉ có điều là, với một tình yêu lớn, một tình yêu luôn gây ra những ảo giác trắng lệt như tình yêu của ông anh tôi thì nỗi đau khổ khủng khiếp theo cảm nhận thông thường, không bao giờ là gánh nặng cả. Tình yêu, cũng như những nhân vật lớn, gần họ, ta luôn bị cuốn vào ảo mộng huy hoàng.

Tôi nhận ra ngày ấy khi chứng kiến những ngày về già của ông anh cả của tôi. Ông đã vào tuổi già yếu. Ông sống độc thân. Hai đứa con gái đã lấy chồng, kế thừa thói ích kỷ vô luân của bản chất con cái ở loài người, quên hẳn ông bố già. Thậm chí chúng còn căm giận ông. Ông đã phát tán của cải lẽ ra là

của chúng, cho người mẹ đáng nguyên rửa của chúng. Ông là một kẻ ngu hèn. Khởi đầu sự nghiệp rực rỡ như thế mà cuối cùng thân bại danh liệt thảm hại để chúng hết đường nhờ cậy.

Bây giờ công việc hằng ngày của ông anh cả tôi là vào bệnh viện săn sóc bà Thu Hoài. Bà vợ cũ của ông do cuộc tình với Hải tan vỡ, rơi vào cơn chấn thương tâm thể nặng nề, khi đang tập diễn trên kịch trường, bị tai biến mạch máu não, lăn ra bất tỉnh. Bà nằm liệt đã gần năm nay.

- Cô mua hộ anh hai trăm rau xà lách, một cân mút sen loại ngon và mấy quả na dai nhé! Hoàng hậu Petersburg mấy hôm nay ăn ngon miệng rồi, cô ạ.

Mỗi sáng ông anh cả tôi thường dẫn vợ tôi thế. Tiếp đó, ông nhận những thứ gửi mua, rồi chống ba toong đi đến bệnh viện. Mặt ông thơ thối, chứa chan niềm yêu đời trẻ trung, chẳng một dấu vết già nua, mệt mỏi. Tình yêu ở ông không biết già. Mẹ tôi bằng trực giác mầu tử nhận ra sự chông chênh của đời ông. Bà đúng theo quan niệm truyền thống. Lòng mẹ lớn lao là thế mà cũng chật hẹp là thế! Vì ông anh cả tôi có cần ai thương xót đâu. Ông là con người không mặc cảm, ông là người sung sướng, ông hơn rất nhiều người chúng ta, ông trung thành với cảm xúc của mình. Ông có buồn đâu.

Đó, bàn tay trái có ngón út mất đốt trên cùng nắm đầu ba toong, tay phải xách túi đồ hàng, ông đi, mặt ngời ngời làn ánh sáng phát xạ từ một nội tâm vô cùng hạnh phúc, miệng lầm nhảm tiếng ca:

Rất hiên ngang. Rất đàng hoàng

Mcpherson hát vang trong gió

Rất hiên ngang. Rất đàng hoàng

Mcpherson đi lên đài treo cổ.

ÔNG LÃO GÁC VƯỜN VÀ CHÓ PHÚM

Con chó ra tới đầu làng, chỗ cái hốc đá trong có mấy hòn đá tựa tựa hình người, buộc thêm mấy sợi vải đỏ, gọi là miếu thờ Phật Bà Quan Âm thì dừng lại. Nó ngồi trên một phiến đá, hai chân chống thẳng, thè lè cái lưỡi dài có vết chàm, rít khe khẽ, ra ý từ biệt chủ nhân. Lệ thường là như thế. Ông lão Tài đi họp, đi chợ, thăm bà con và mấy năm gần đây là trở về nông trường, con chó đều ra tận đây; đây là cái biên giới không gian cuối cùng của cuộc đưa tiễn. Sau đó, nó ngồi lại, đưa mắt lưu luyến nhìn theo ông Tài cho tới khi bóng ông khuất sau cánh rừng lai, mới nhồm dậy, lững thững quay về.

Nhưng lần này, thấy con chó dừng bước, ngồi xuống thì ông lão cũng khựng ngay lại. “Đi nào, Phúm!”

Mắt nheo nheo âu yếm, ông lão gọi con chó. Thấy con chó không nhúc nhích, ông mới lên giọng: “Đi chứ Phúm!” Rồi thêm hai câu dỗ dành nữa mới đến câu quát cụt lủn: “Đi!” Và lần này, nghe ông lão quát, con chó hếch cái mũi đen sì, ưỡn lên, quệt lệt sệt cái đuôi bông lau trên mặt phiến đá, tưởng ông đuổi, liền nhồm hai chân sau, quay đầu, len lén chạy về làng.

Ông Tài chân giậm tay vỗ báng súng bình bịch, miệng cuống quýt:

- Ô kìa! Phúm! Ai bảo mày về? Đi với tao lên canh vườn tam thất của nông trường cơ mà! Phúm! Phúm ơi...

Phúm, tiếng Dao có nghĩa là Xồm, tức tên con chó. Con chó nghe tiếng ông Tài, nhưng chỉ quay đầu lại có một lần, rồi cứ thế cum cúp chạy và mất hút. Ra là cu cậu hiểu, nhưng không chịu đi, chứ không phải là tưởng nhầm ông lão đuổi.

Ông Tài vội xách khẩu súng kíp trên vai, cặm cụi đuổi theo con chó.

Ở hiên nhà ông, quả nhiên con chó đã đứng cạnh cái máng cám lợn và đã bị xích lại. Bà Tài bé nhỏ, đẹp lão, tai lông lánh khuyên bạc, đang lom khom dốc ống bằng cám vào cái máng. Mùi cám nấu với chuối rừng, rau dương nhừ nhuyển bốc tỏa thơm thơm, chua chua, như có men rượu.

Con chó đang thọc mõm vào cái máng, chợt nghe thấy tiếng bước chân của ông Tài, liền ngược hai con mắt ngời sáng tinh anh, kéo cái xích, nhâng cả hai chân trước chồm lên, rít ăng ăng mừng húm như thói quen ngày thường.

- Phúm! - Bà Tài gắt, tay nín cái xích, kéo con chó lại. - Ăn đi, ăn đi rồi ở nhà với tao!

Ông Tài chống súng, đứng ở giữa sân, kéo cái túi vải chàm ra trước bụng, càu nhàu:

- Bà nói hay nhỉ?
- Hay là hay thế nào?
- Dụ nó đi chẳng được lại xích nó lại...
- Chó vàng chó bạc của tôi... tôi phải giữ.

Bà Tài găng rồi. Vừa nãy hỏi, đáp ậm ừ ra chiều bằng lòng nên ông Tài mới gọi Phúm đi. Giờ lại thế. Mấy chục năm ăn ở với nhau, ông Tài thừa biết tính vợ. Găng cùng găng lúc này thì đứt dây, vô ích. Nghĩ vậy, ông Tài liền thở đánh thượt, rồi đi tới cái cối đập chân ở hiên, ngồi xuống cái cần, mặt xỉ ra, buồn buồn rất tội nghiệp.

- Hế, thì tôi có không nói nó là của riêng bà đâu. - Ông Tài nói rầu rầu. - Bà nhặt được nó ở trong rừng. Không có bà thì nó vào miệng con sói, con hùm rồi... Nhưng mà...

- Đào ôi... Để ông nuôi ăn nó, hả?

- Không! Bà nuôi nó chứ. - Ông Tài gãi gãi cái gáy rậm. - Công bà cao như núi. Tôi chỉ có tí công sức bé nhỏ như cái hạt vừng.

- Công gì mà công?

- À... cũng gọi là dạy nó săn nó bắt... Với lại bây giờ để nó ở nhà mà làm gì. Ngựa hay phải có đường xa.

Ông Tài chống súng, đứng dậy. Bà Tài im, không bên co bên kéo nữa. Bà ngồi xuống cạnh con chó, những ngón tay nhỏ nhắn bắt đầu lần mần vọc vạch những sợi lông cổ, lông bụng con chó. Bà bắt bọ cho nó. Ấy thế, tuổi già vừa ưa lý lẽ vừa thích ngọt ngào. Đoán chắc bà vợ đã nguôi ngoai, ông Tài mới bước lại gần bà, tranh thủ thời cơ, dấn thêm, nhưng giọng thật dịu mềm:

- Từ ngày thôn người Dao mình vào nông trường trồng cây thuốc quý, mình không còn là con hươu con nai nay đây mai đó nữa. Trộm cắp không. Ma mãnh vội đi. Xích nó, nó chỉ thêm dữ ra. Ở nhà buồn, nó chỉ trêu gà, trêu lợn.

- Hay là định...

- Không, không! - Thấy bà lão phất lại, ông Tài vội cướp lời, ngắc ngứ, đầy dẫy. - Không, không, tôi đâu có phải là kẻ hám tiền! Ấy dà, sống với nhau gần hết đời người rồi, còn lạ ư? Tôi chỉ muốn nói, cái tài của con Phúm là cái tài bắt sói, bắt beo, để ở nhà phí cái tài của nó đi!

Ông Tài ngừng. Hồi hộp quá. Lý, tình dốc ra như thế là cạn rồi. Nói nữa hóa ra người lảm lời. Bà Tài mà vẫn cứ khẳng khẳng thì... thôi cũng đành vậy. Đành vậy thôi, chứ còn biết nói thế nào nữa. Hừ, ra con người ta càng già càng trái tính là vậy.

Yên lặng, chờ đợi câu trả lời lâu rồi mà không thấy nữa, thế là hỏng rồi. Nghĩ vậy nên ông lão đành buồn rầu quay đi vậy. Nhưng quay đi, chân chưa kịp bước, ông lại như bị ai giật lại. Và ông lão cảm thấy ngay mặt mình vừa có ánh nguyệt dài sắc lẹm của bà lão lướt qua, vết nguyệt vừa ngọt vừa lạnh:

- Thế không sợ nó đi thì không còn ai ở nhà canh giữ tôi à?

Trời! Ông lão ngớ người. Hóa ra bà lão hờn mát cái tính hay ghen của ông! Nếu vậy thì câu chuyện coi như là xong rồi. Ông lão gãi cái cằm lởm chồm râu, tùm tùm:

- Dà dà... Chuyện cũ buộc lên lưng kiến vống cho nó mang đi thôi. Đừng chấp cái miệng người đàn ông có hơi rượu nhé... Hà hà...

*

Tối mịt tối mịt con chó mới về tới vườn cây thuốc của nông trường, nơi ông lão Tài giữ chân nhân viên bảo vệ. Nó không chịu đi. Ra tới cái hốc đá thờ Phật Bà Quan Âm là nó đứng lì. Kéo, giật, nó chùn lại. Đánh thì không có lòng nào. Quát thì nó ư ử như đứa trẻ tủi phận. Thôi thì vừa du vừa đẩy vừa bế ẵm vừa dong giật vừa dỗ dành nó. Nghĩa là cứ luôn miệng: “Phúm oi, Phúm à, lên ở với ta ăn sung ở sướng, đất rộng, việc nhiều, tha hồ chạy nhảy.” Rồi lại: “Phúm à, Phúm oi, lên ở với ta, ăn ngon ngủ ấm, đất dài, việc lắm, mặc sức tung hoành.” Mãi con chó mới chịu đi với vẻ miễn cưỡng không che giấu...

- Đây là nhà ta, Phúm à!

Dừng lại trong đêm, ông Tài khấp khởi chỉ căn lều nhỏ trước mặt Phúm, rồi cùng con vật bước lên thêm lều. Đoạn buộc nó vào cái cột chống hiên.

Túp lều nhỏ còn hơn gian bếp nhà người Dao, mỗi chiều chỉ độ bốn, năm bước chân. Tuy vậy, khi ngọn đèn bão được

thấp lên, treo ở giữa lều, mới thấy cơ ngơi ăn ở của ông lão cũng khá đàng hoàng. Tấm vải hoa chắn ngang đôi túp lều, biến cái phần phía trong thành cái buồng ngủ kín đáo, lịch sự. Cái giường nhỏ chắn trái, chắn phải, màn treo đều mới. Cạnh giường là cái tủ con, trên nóc có cái tù và, cái đồng hồ báo thức Liên Xô. Phía bên ngoài, phong thái xô bồ hơn. Góc trái là cái bếp, ở đó lăn lóc mấy quả bí ngô. Góc phải là cuốc, dao phát, bẫy chuột, nổi bật lên là khẩu súng trường Nga cổ lỗ sĩ, dài ngoẵng. Cùng với khẩu súng, vị trí tọa lạc gia thêm cho túp lều phong vẻ một cái chòi canh. Cái chòi canh của người bảo vệ ở một mỏm đồi, hơi nhô ra, nhìn xuống, phóng tầm mắt ra cả một triền đồi vắng lặng những khu vườn rào giậu bốn phía, trên có giàn che bí ả, nơi ươm trồng kết tụ sản sinh ra củ tam thất - một dược liệu vô cùng quý báu trong việc bồi bổ sức lực cho con người.

Cuộc đời mỗi người có những bước ngoặt ngẫu nhiên, không sao dự liệu được là vậy. Có ai ngờ, con cháu ông Bàn Cổ chuyên sống bằng cách đào canh hỏa chủng, du canh du cư, lại trở thành người gác vườn cây thuốc quý của tập thể! Cũng không ai ngờ được cái vùng trời đất hoang lạnh, suốt tháng quanh năm sương phủ ử ử, đáng bị bỏ quên lại hóa ra cái môi trường ao ước sở cầu của một nghề nghiệp mới, nghề nghiệp trồng cây tam thất.

Xếp theo bảng giá trị quen thuộc thì củ tam thất chỉ có thua vàng và thuốc phiện thôi. Lão thầy mo U Phin đã nói vậy khi đến cúng ma cho bà Tài. Lần ấy, tay bà Tài lên cày cưa, U Phin lúc trẻ là gã đàn ông điểm, về già cố tận tâm tận lực thành thói dâm bôn, chuyên dùng cúng bái để lợi dụng các bà nạ dòng, gái góa. Ở vườn thuốc, tạt về nhà, thấy lão thầy mo đã treo tranh thánh Tam Thanh la liệt quanh nhà và đang vùng dao chém ma, trừ tà, ông Tài sa sầm nét mặt. Ghen thì đã đành. Nhưng giận nhiều hơn. Giận bà Tài chưa thoát khỏi vòng mê lú. Giận lão thầy cúng già ranh ma bất trị, đã một

thời đi cải tạo, đốt hết sách cúng, giờ lại thừa lúc ông đi làm xa mà ngựa quen đường cũ. Bà Tài thời con gái đành hanh phải biết, đâu có phải người dễ bõm xõm. Nhưng mà... Hừ, con người ta nó vậy đấy. Cứng đanh mà mềm nhũn. Lúc thế này, lúc thế khác. Mạnh đấy, yếu đấy. Như cái ông giám đốc nông trường mấy năm trước ai có thể tin được rồi lại có lúc như bây giờ, chỉ biết thu vén làm giàu cho bản thân mình. Cái lúc vỡ đất, vung tay hét: “Mưa nhỏ coi như không mưa, các đồng chí ơi!” Còn khi nông trường thành cơ ngơi, đi xe ô tô, thấy ai vấy đi nhờ, ngoảnh mặt lạnh như tiền. Không vậy thì đã không có chuyện bắt tận tay, day tận trán lão thầy cúng mấy bận tăng tịu với mấy bà nổi tiếng chính chuyên rồi. Thôi thì góa bụa ngựa nghề, già gặp cảnh già, mặc xác! Đằng này bà Tài là vợ ông, là con người xưa nay được tiếng là đứng đắn, vào cái tuổi bốn nhăm lại còn thêm cái thói cay nghiệt, cái tật của người đàn bà vô sinh. Đàn bà là cái hủ tục nhơ bẩn trong sự tính giao đàn ông, đàn bà bữa bãi chả phải chỉ làng này mới có. Ở nơi cũng có cái lối hể thấy chồng người ta đi vắng là đi qua cửa sổ, vút cái áo vào, dò ý ướm tình thấy êm êm là đêm ấy mò sang tấp lự. Nhưng mà ông Tài đây là người đi làm việc Nhà nước, là người bảo vệ an ninh, lẽ nào tên dê già dám xúc phạm danh giá ông?

Thành thật mà nói, ông Tài ghen ngầm và để ý bà vợ. Nổi nghi hoặc đã có lúc đẩy lên đến nổi mờ cả mắt. Nhất là từ lúc ông khuyên bà dời nhà lên nông trường với ông, bà cứ một mực làm cây cọc lim cấm ở cái bản này. Thành ra, đã có lúc ông câu: “Phải rồi, ở đây để cái thằng ấy nó đến...” Không hết câu, ông vội bập miệng. Lòng tự trọng, tính ngay thẳng không cho phép ông quá đà. Cổ xe không lao xuống dốc. Nhưng con ngựa thì lồng lên bất kham. “Ồ, có đấy! Ở nhà mà gác mà giữ! Cái này còn đáng giữ hơn cây thuốc đấy!” Bà Tài té tát, rồi mặt nặng mày chì, tưởng phen này thì... mỗi người mỗi ngã.

May thay, ông giờ không để cho sự tan hợp được xảy ra dễ dàng thế. Ông giờ còn dàn xếp, có khi còn cứ để câu chuyện lằng nhằng không bao giờ có đoạn kết kia. Tuần sau ông Tài ở nông trường về như thường lệ, đã thấy bà vợ đứng ở cái chuồng lợn ngoài ra cổng lạnh lạnh: “Ra mà xem con nái Mường Khương xỏ được mười con đẹp không này!” Nổi giận, cơn ghen bỗng chốc tiêu tan hết. Ông bỗng thấy bà trẻ đẹp y như hồi con gái, hai cái khuyen lóng lánh như hai chấm mắt cô gái lúng liếng hồi ấy nhìn ông. Vắng vẻ, ông kéo bà vào buồng. Bà co tay kêu: “Ô, cái ông này!” Rồi trước khi để ông yêu, còn gí tay vào trán ông, hăm hứ: “Còn hám thế, hả? Sao không ở nhà mà canh mà giữ? Hở?”

Cơm nước xong, đeo khẩu súng kíp, liếc thấy Phúm nằm duỗi dài, đầu áp vào hai chân trước, ông Tài ngồi xuống vỗ về Phúm, dặn nó ở nhà, rồi bấm đèn pin ra khỏi lều.

Đêm mưa thâm bay bay. Trong ánh đèn bấm lướt ngang, xẻ dọc, những hạt mưa li ti lơ lửng phát sáng như bụi kim khí, càng tỏa hơi giá buốt. Giờ này, chỉ có lạnh giá và bóng đêm. Trong bóng đêm dày đặc, dưới những giàn che đen sẫm nặng nề, những luống đất bỏ dọc chiều sườn đồi bốc hơi ngút ngát. Cây thuốc quý giờ này cũng không ngủ. Nho nhỏ như cây tăm, cao hơn gang tay, lá xanh mét, chẽ thù, hàng vạn sinh linh bé nhỏ ấy đang hút màu, tích tụ chất bổ, cựa mình lớn lên, trong bóng tối và trong rào giậu, che chắn an toàn như những nàng công chúa mình ngọc vóc vàng cấm cung. Ôi! Cái giống thật lạ! Chỉ sống trong bóng sáng mờ mờ. Không biết phô phang, năm năm cái củ ẩn ngầm mới bằng đầu ngón tay út. Thế mới biết cái quý giá đâu chỉ là cái to xác, to mồm bày biện giữa thanh thiên!

Rình rịch đôi ủng, lách cách khẩu súng, tay lia đèn pin, ông Tài đi kiểm tra một vòng quanh bảy ô vườn tam thất, trở về lều canh thì đã quá nửa đêm.

Nhận ra chủ từ xa, Phúm khịt mũi, nhồm lên, hai mắt ăn đèn đỏ tóe. Đẹp quá! Trong vàng sáng vàng như da hổ, nó nhoài mình, vươn vai, giũ bờm, rung lắc những bụm lông trên trán. Lông mới đổi, giờ là trắng pha xám nhạt, xù lên ở cổ, viền một vành mềm mại quanh mặt khiến cái mặt y hệt mặt sư tử. Hai cái tai có đốm đen ở chóp vốn cụp, nghe động dựng lên như hai đỉnh núi kiêu hùng. Cái mũi nhỏ đen ăm hun hìn thỏ, cũng một tinh thần cảnh giác như đôi mắt phát sáng. Vẻ mặt dũng mãnh nhanh nhẹn toát lên từ con mắt càng được tôn lên ở cái vóc chó săn thon bụng và hai cặp chân dài thon thốn.

Đứng chờ ra ngắm Phúm một lúc, ông Tài mới ngồi xuống, đưa bàn tay giá lạnh xoa đầu nó. Con chó rít khe khẽ như cảm nhận ân ưu, ngẩng lên hít hít bàn tay ông chủ.

- Phúm ơi, Phúm à, ở đây cùng ta canh vườn thuốc quý nhé. Cây thuốc quý hơn bạc hơn vàng. Nó bỏ lắm nhé. Con kiến bé tí cũng thích ăn nó. Họ hàng nhà chuột thì còn phải nói. Còn con dúi lấu cá thì nó ăn bao nhiêu cũng không chán. Khốn nạn! Nhưng dẫu sao bọn ấy cũng là những con vật không biết nghĩ. Lo là lo con người cơ, Phúm ạ. Con người hình như càng ngày càng tệ đi đấy, Phúm ơi.

Thấy con chó rưng rưng nhìn mình, ông Tài tiếp:

- Ở đây nhé, Phúm à. Việc chung mà. Còn con người thì còn có việc chung đấy. Việc chung thì mỗi người ghé vai. Còn việc riêng của mình thì mình tự lo liệu, Phúm à. Phúm bằng lòng thì ta mở xích cho Phúm nhé!

Ông Tài lần tay vào cái cổ dề. Bựt! Cái khóa bật. Con chó giũ lông khoan khoái, hưởng giây phút tự do đầu tiên.

- Nhà ta đấy, Phúm à. Còn kia! là vườn tam thất của nông trường. Trông vườn thuốc nhé! Đừng bỏ đi đấy, Phúm. - Ông lão âu yếm dặn dò.

Con chó nhảy xuống thêm, chìm trong màn mưa dày đặc.

*

Ông Tài ngồi gầy đống lửa. Lửa bén củi, dựng ngọn. Ông gục đầu lên gối mơ màng. Giật mình, tỉnh dậy ông bỗng chột dạ. “Phúm ơi, Phúm!” Ông gọi, đi ra cửa. Thêm lều canh chỉ có bóng tối. Ông lão xuống sườn đồi, lia đèn, miệng lặp bập gọi Phúm, chỉ thấy tai mình lọt vào tiếng mình.

Trời! Chả lẽ Phúm đã bỏ ông lão đi thật rồi?

Đúng là Phúm đã bỏ ông lão chạy về nhà rồi!

Hôm sau, rẽ về nhà, quả nhiên ông Tài đã thấy Phúm ngồi cạnh bà Tài đang bằm rau lợn. Nhác thấy bóng ông lão, con chó liền nhồm dậy, mắt lăm lét, cụp đuôi, lén ra sau cái cối xay gạo.

- Hày... Bỏ nó một mình thế à? - Bà Tài dừng tay dao, lườm ông chồng, lầu bầu. - Nó như đứa trẻ nhỏ quán quýt...

Ông Tài ngồi xuống cạnh vợ, giọng buồn buồn:

- Có bỏ nó đâu. Cởi xích cho nó, bảo nó ở đấy nhé. Thế là nó tốt đi. Hà... Nó nhớ bà đấy.

Thở một hơi dài, cúi xuống, ông lão như là bển lên. Thật tình là ông muốn nói: chính ông cũng nhớ bà. Cái đời sống gia đình đã quện vào con người ta, quen hơi bển tiếng rồi. Và càng có tuổi thì lại càng khó có thể xa. Ấy là chưa kể cái nhu cầu nương tựa, nâng giấc khi ốm đau, lời trao đổi tâm tư khi có nhiều xao xuyến, như ông vào những ngày có nhiều trận trở này.

- Hày là... - Cuối cùng thì ông Tài nhìn vợ, ngáp ngừng, rồi thoát liên một hơi. - Hày là bà dọn lên ở với tôi trên nông trường đi! - Và không để bà kịp phản ứng ông dồn một hơi nói tiếp. - Bà lên với tôi đi! Tôi mời bà lên đấy! Bà bằng lòng, ta dọn đi ngay bây giờ. Là bởi vì tôi lo công việc quá, bà ạ. Tam thất sinh củi rồi. Mà từ giám đốc đến đội trưởng hình như chẳng ai lo việc công cả. Bảo họ, họ cứ lờ đi. Họ bỏ mặc việc

canh gác cho tôi. Tôi một thân một mình. Lúc này người xấu lại nhiều thêm. Nói thật với bà nhé, cả bọn người xấu ở làng ta, bọn chỉ muốn ăn không muốn làm, nó cứ rình rập củ thuốc quý... Cả...

Ông lão định nói về lão thầy cúng U Phin nhưng vội ngậm miệng. Và không để ông Tài nói tiếp, bà Tài liền bỏ con dao, phất lên, đi tới cái cối, luồn tay kéo Phúm ra, mở khóa và đưa cho ông một đầu dây xích.

- Thì đây nhé, cho nó đi với ông, còn gì! Con chó như một đứa trẻ. Nhà cửa ấm áp vui vầy nó mới ở.

Rồi không để ý đến ông chồng đang ngỡ ngàng vì sự việc xảy ra quá đột ngột, bà cúi xuống, vỗ nhẹ lên đầu Phúm:

- Đi với ông nhé, Phúm. Ông ở trên ấy có một mình. Đừng bỏ ông về!

*

Lần này đưa được Phúm về mới thật là cực kỳ khó nhọc. Kéo riết nó mới chịu đi. Đi được mấy bước nó lại như con chó đá. Dễ dành, dọa nạt, quát mắng chẳng có tác dụng. Thế là đành phải lôi. Lôi thì người cũng mệt. Một ngời nghỉ, ông Tài lại muốn ứa nước mắt thương mình.

Gần hết buổi chiều, người và vật mới qua hết đoạn đường năm cây số từ nhà đến nông trường. Đã tưởng xong việc, nào ngờ buộc Phúm vào cột lều thì nó sủa toáng lên, rồi nhe răng gặm cái xích sắt và lăn ra vật vã, ăng ẳng khóc ăn vạ.

Bực lắm, nhưng mặc Phúm đấy, ông Tài xách con dao xuống vườn thuốc. Hàng rào vườn thuốc có mấy chỗ ải, phải thay. Trở về nhà, sâm sẩm tối ông mới nấu cơm. Cơm chín, ông xới một bát đặt trước mặt Phúm, nói đúng hai tiếng cộc lốc:

- Ăn đi!

Phúm thôi ăn vạ, giờ nằm xẹp trên đất. Mồm tì trên hai cẳng chân trước duỗi song song. Hai cái tai cúp, Phúm không hề để ý đến bát cơm.

- Tuyệt thực, hả? - Ông Tài nhếch mép, giễu, nhưng lát sau, lại ngồi xuống, mủi lòng. - Thôi, ăn đi. Ở đây không giống với ở nhà đâu. Ăn có bữa, ngủ có giấc.

Thấy con chó vẫn không nhúc nhích, ông lão liền chống gối đứng dậy, xẵng:

- Thôi, thế thì tùy. Không ăn thì đói. Ai làm gì mình nào? Quen làm nũng như ở nhà, hả? Nếu thế thì... về! Về, đây không tiếc. Hay nghĩ rằng người ta phải sở cầu nên lên mặt làm cao à?

Đến lúc này thì hình như Phúm hiểu những lời trách móc, bộc bạch tâm sự của ông Tài. Nó ngồi dậy, mắt nhom nhóm nước, xoay mình, cúi xuống, ngửi bát cơm, rồi nhón nhén ăn. Vừa ăn vừa thỉnh thoảng liếc ông Tài ra chiều hối hận. Và trông cặp mắt nó rầu rĩ thật tội nghiệp, ông Tài liền sà ngay xuống, xoa đầu nó, ngùi ngùi:

- Ăn đi! Ăn đi! Đừng giận nhé! Lời xấu bay đi. Lời tốt còn lại. Ăn đi, rồi tối đi tuần. Đi tuần xong thì nằm ở đấy gác, Phúm à.

Lần này thì con chó vểnh hai chóp tai lên. Ông Tài gật:

- Phúm hiểu rồi, hở? Đêm tối là tội bất lương nó giở trò ma mãnh, Phúm ạ. Bọn ấy chỉ nhắm nhắm lúc ta đi vắng, ta sơ hở là lén vào đánh cắp thôi. Phúm hiểu chứ? Cũng tựa như lão thầy mo U Phin ấy mà, ta mà ở nhà... Ồ kìa, sao không ăn nữa?

Hóa ra bát cơm đã hết sạch. Ông Tài xới cho Phúm bát nữa. Cu cậu lại đánh nhẩn. Thêm bát nữa, xới ngoئن, cu cậu mới chặt dạ. Ra cậu chàng ăn khỏe. Phần cơm của ông Tài còn nhón lưng bát với mấy miếng sém. Nhưng không sao, trông cậu chàng no nê, khí sắc khác hẳn, cái đuôi phất phất như một linh hồn tươi trẻ.

*

Trời vào đêm, ông Tài cấp súng, cửi xích dắt Phúm đi. Đường bao quanh các khu vườn thuốc dốc lên dốc xuống, đồ lôm, ướt nhēm nước mưa, chân người chân vật bấm rõ ngón mà lấm lúc cứ toại đi. Tuy vậy cả hai đều có vẻ phấn chấn lắm.

- Phúm nhận được mặt chỗ này chưa? Đây là ô số sáu trồng được bảy năm, sắp được thu hoạch rồi. Còn đây là ô số bốn mới gieo hạt. Hạt nó đỏ đỏ đen bóng như hạt cườm ấy, Phúm ạ! Được củ tam thất vất vả lắm. Người gieo trồng là các chú, các bác công nhân. Nhà họ ở títt đằng kia. Đấy, cái chỗ sáng đèn *măng sông* ấy. Chỗ cao nhất, sáng nhất là nhà ông Giám đốc. Ông này có hai con chó, một con chó phốc, một con *béc giê*, ăn ngon ngủ sướng hơn Phúm, nhưng chúng chỉ chơi nhõn. Ăn mà không làm thế là hỏng, Phúm ạ.

Nghe ông Tài nói, Phúm xem ra có vẻ hiểu. Nó hăng hái hẳn lên. Đi một đoạn nó lại rẽ vào rào, ngồi, hít, đánh hơi. Nghĩa là nó nhập ngay vào cái chức phận thiêng liêng và gian khổ của kẻ tuần phòng.

Khuya, người và vật mới quay lại túp lều của họ. Đêm càng sâu càng buốt. Ông Tài vội chụm củi, thổi lửa, lửa lên phơi phới, xua cái buốt như triệu mũi kim trong căn lều. Giọng ông lão ấm hẳn lại:

- Phúm à, chỗ này xưa còn vắng vẻ nữa kia. Giờ, thế là có ta có Phúm, vui rồi. Nhưng mà Phúm phải hiểu rằng ở nơi xó đời, mình cũng chẳng thua kém ai. Mình không chơi không. Mình chẳng vào nhà ai ăn trộm. Mình làm việc canh giữ. Hừ, chỉ tiếc giá bà ấy, bà vợ ta ấy, Phúm à, thương ta, lên đây ở cùng thì có phải là đẹp đẻ mọi bề không. Ở đâu thì cũng làm cũng ăn. Nhưng mà thôi, đàn bà họ ngại thay đổi, Phúm ạ.

Con chó nằm như dán xuống mặt tro ấm. Mắt nó lim dim, tai nó động đậy. Nó nghe đoạn hồi ức rỉ rả của ông lão. Ông lão kể: Cái lúc ông và cô ấy, tức bà vợ ông bây giờ, gặp nhau đầu tiên là một buổi đi cắt lúa, cùng chạy mưa vào túp lều canh nương. Chà! Ông đốt một đồng lửa sưởi. Cô ấy quay mặt đi, vén áo vắt nước mưa. Lé mắt liếc, thấy mảnh lưng trắng ngần của cô ấy, thích đấy, nhưng ông phải quay vội đi. Cô ấy đẹp, nhưng đáo để. Lấy nhau rồi mà có lúc còn bấc bặc kiêu kỳ, vỗ ngực bồm bộp: “Này, gái này, nếu là xưa, đáng vợ chánh tổng, lý trưởng đấy.” Ấy dà! Nghĩ sao mà cũ kỹ thế! Nhưng mà không sao đâu, vì ông yêu bà ấy lắm. Giờ cũng vẫn rất yêu. Ừ, ông lão vẫn yêu bà. Yêu và tự hào về mình. Vì Phúm à, ông lão xưa nay có hề thua kém ai? Công việc thì không ai bằng rồi. Hai mươi năm có chân trong ban kiểm soát, không tơ hào một đồng tiền, một cân thóc của bà con. Năm năm vào làm chân gác vườn cho nông trường, năm nào cũng lao động tiên tiến, được thưởng nhiều khăn mặt, xà phòng thơm lắm nhé!

- Nhưng mà ta hỏi thật Phúm nhé! - Đột ngột ông lão chuyển giọng, hắt hàm nhìn Phúm. - Nào, có nghe ta hỏi không, Phúm?

- Gừ...

- Lão thầy mo U Phin một bận đến nhà ta cúng ma cho bà vợ ta lên cang cua ấy mà, Phúm biết chứ?

- Gừ...

- Ta hỏi, Phúm phải nói thật nhé! Ta với lão U Phin thầy mo, ai đẹp hơn ai?

- Gừ... ừ... ừ...

Đến đây, nghe ông Tài hỏi giật, con chó liên nguyền cồ. Nhưng mới nhìn ông lão, gừ gừ mấy tiếng dứt đoạn trong cổ họng, Phúm đã quay phắt đầu ra ngoài trời đêm và há miệng gâu một tiếng thật to như báo động.

Có động? Có động thật rồi. Câu hỏi bị quên phứt. Ông Tài vội đứng dậy, bút xịch cho Phúm. Không kịp giữ lông, Phúm lao ngay ra ngoài trời.

Phúm đã nhập cuộc rồi!

Phúm không trở về cái làng Dao cổ sơ đầu làng có hốc đá thờ Phật Bà Quan Âm nữa. Phúm nhập vai trông coi, không cho bọn gian phi ăn trộm ăn cướp cây thuốc quý. Khuyển là giống tinh mắt, thính tai, Phúm còn tinh, thính hơn đồng loại. Khuyển là giống có nghĩa có tình. Phúm cố kết một mối tình bền chặt với ông Tài, hơn nữa, theo ông đi tuần, Phúm còn học được ở ông tính cẩn thận, lòng hăng say và trách nhiệm hết mình.

Giờ, ban ngày Phúm như người lính canh, ngồi trên cái lều một triền núi đất. Ông Tài đi họp ở nông trường bộ, đi mua gạo, mua thực phẩm, hay vào rừng lấy vầu, lấy song mây, chữa lại rào, sửa lại giàn che, cửa rả ra vào các ô vườn, cũng không còn phải lo lắng, thấp thỏm. Có Phúm đấy rồi! Phúm ngồi đấy, nằm đấy, im thin thít, nhưng chớ có tưởng Phúm lơ là, chảnh mảng! Một bóng hình, một làn hơi lạ, Phúm nhận ra ngay và lao tới ngay. Phúm chỉ ngủ vào lúc chập tối, khi ông Tài về, sửa soạn bữa. Ban đêm, Phúm đi tuần quanh khu vườn hai lần với ông Tài, một lần mười hai giờ đêm, một lần ba giờ sáng. Ngoài giờ đó, Phúm nằm ngoài lều, thỉnh thoảng lại nhào một vòng quanh mấy ô vườn sắp thu hoạch củ. Phúm tài lắm. Phúm bắt được cả chuột. Phúm đuổi được cả lợn rừng. Mới chưa đầy tháng mà Phúm đã lập được khối công trạng. Phúm đuổi bắt đi một bầy chuột rừng tràn từ rừng nửa bị khuy về. Phúm phát hiện ra mấy ổ cây, cáo. Phúm đánh nhau với rắn hổ mang bành, con này rình ở cửa ô vườn số sáu định mổ ông lão Tài. Phúm giúp được ông lão khỏi việc. Ông lão chê củi, Phúm cấp từng thanh mang vào bếp. Phúm là con thoi chạy đi chạy lại giữa bà Tài và ông Tài. Phúm có cách phối hợp với ông Tài bắt trộm rất tài. Hễ thấy khả nghi là Phúm phóng đi tìm ông lão, rồi cắn gấu quần ông lão lôi đi.

Ông lão gác vườn và Phúm. Vật và người quán quuyến với nhau. Vật tăng thêm sức mạnh cho người. Người tỏa phẩm cách mình vào vật.

*

Ông Tài mừng lắm, càng quuyến lấy Phúm và càng mải mê với công việc. Quả thật, năm năm qua rồi, chưa bao giờ ông Tài thấy mình mạnh mẽ và có ích như bây giờ. Năm năm trời, trụ được ở đây với công việc đơn điệu này, kể cũng là một thành tích đấy chứ. Vì đã có hai anh đến cùng ở với ông nhưng chỉ được dăm bữa nửa tháng là bỏ việc. Vì năm năm trời là năm năm bà Tài đã không chịu nghe ông, lại hay phàn nàn, can ngăn, thậm chí làm ông ngấm ngội nghi vấn vì những câu nói, những cảnh huống lập lờ. Trong thâm tâm, ông Tài chưa bao giờ thấy hài lòng về mình, như hồi này.

Sơ kết quý ấy, ban bảo vệ tuyên dương ông Tài vì đã đảm bảo an ninh tuyệt đối cho khu vườn thuốc quý, nghĩa là không để mất mát, sơ suất nhỏ. Thành tích chưa từng có ấy đến tai ông Giám đốc. Ông này chợt nhận ra mình lâu nay quan liêu quá nên cuối ngay ngựa cùng đoàn cán bộ tháp tùng đến thăm ông lão gác vườn.

Những gì đã xảy ra trong buổi ông lão gác vườn trò chuyện với ông Giám đốc cùng đám cán bộ đi theo? Nhặt nhèo, sơ sài thì rõ rồi. Vì thông thường thì giám đốc và các cán bộ đi theo xuống tới đội nào thì đội ấy cũng mở tiệc linh đình. Trong khi ở cái lều của ông lão thì đến hộp chè đặc cũng không có. Thế là bọn tháp tùng đứng ở ngoài hiên, bàn tán về con chó Phúm. Ngã giá nó rồi, họ cuộc số cân số bát, nếu làm thọt nó. Đến tệ! Trong khi đó ở trong lều ông lão Tài cảm động áp a áp ứng trước lời khen ngợi suông và nhặt nhòa của ông Giám đốc.

Giám đốc ngoài năm mươi, trắng kiện, mặt ngắn, mũi tẹt, môi dày, rất khó xác định tư chất, gần đây rộ lên bao nhiêu là điều ô trọc đeo bám vào mình. Tuy vậy ông Tài vốn người hiền lành, vẫn giữ nền nếp kính trọng thượng cấp như xưa. Kể cả khi thấy ông Giám đốc ăn nói bỗ bã, xô bồ. Quả thực không khí lúc ấy hỗn độn, u oải quá. Đám cán bộ ngoài hiền ngó vào. Ông Giám đốc vỗ vai ông Tài hỏi: “Có thắc mắc gì không?” Ông Tài thưa rằng có hai, ba lần ông bắt được kẻ khả nghi đi quanh vườn thuốc nhưng phải thả nó ra, vì nó nói là người nhà Giám đốc. Ông Giám đốc cười khặc khặc bảo: “Cứ bắt, cứ bắt nhé!” Rồi lại đập vai ông: “Hỏi thắc mắc là chuyện riêng kia?” Ông lão thật thà: “Dạ, em không có chuyện riêng gì ạ.” Tức thì ông Giám đốc ghé tai ông: “Nói ví dụ như bà ấy có thắc mắc gì không?” Thấy mặt ông lão đỏ rần rần, đám cán bộ ở hiên cười ầm lên kêu: “Bố cứ vờ làm gì, bà ấy đang hồi xuân đấy.” Ông Tài hiểu ý họ. Ông gật gật: “À, cái đó thì người nào khác phải giữ người đó chứ! Ai giữ hộ ai được.” Đám cán bộ cười nghiêng ngả, đến nỗi Phúm phải tru lên một hồi. Còn ông Giám đốc đập đập vai ông Tài: “Tốt, tốt... Nhưng mà cái cánh đàn bà con gái xa chồng là... họ khác cánh ta lắm đấy nhé... Hé hé hé...”

Những gì xảy ra tiếp theo sau nữa? Ông lão Tài chất phác không nhớ. Nhưng rõ ràng là những câu chuyện tạt nham hồ lớn cuối cùng đã đưa ông lão vào trạng thái ngẩn ngơ. Đêm hôm đó, cứ chợp mắt là ông mê. Không hiểu ông mê cái gì mà lúc sáng bừng tỉnh hẳn, ông liền gọi Phúm lại.

Con chó ngồi cạnh gộc củi ngún khói đang sém những vệt than đỏ.

- Ta mê sợ quá, Phúm ạ. Nhưng mà không hiểu có thật thế không nhỉ?

Con chó hếch mũi. Không khí chỉ còn mùi sương nhạt thếch. Ông lão nhìn nó. Rồi bất thần, ông đứng dậy.

- Phúm à, ta mê thấy có một kẻ lúc ta sợ nó lên vào định đánh cắp... Nhưng mà không phải là nó vào vườn tam thất...

Phúm ngúc ngắc cái đầu. Ông lão nói vòng vèo như thế thì nó mù tịt. Nó cứ ngồi ì. Thành ra ông lão phải quát “đi” nó mới nhồm dậy. Nhưng ra tới hiên thì con chó đứng lại cùng ông chủ. Ông lão nhăn nhăn trán nhìn nó như hỏi ý kiến, rồi thần mặt. Lát sau người và vật lại quay vào nhà. Rồi chưa ngồi ấm chỗ ông lão lại nhắc khẩu súng kíp, gọi con chó đi.

Hóa ra ông Tài và Phúm về làng. Nhưng suốt năm cây số đường núi là năm cây số dùng dằng. Đi được một đoạn lại đứng thần ra. Rồi lại đi. Có lúc ngồi phệt xuống vệ đường nhú trán. Đến tận cái hốc thờ Phật Bà Quan Âm rồi, ông lão còn bơ phờ nhìn Phúm: “Hay là thôi, Phúm ơi, ta tin ở bà vợ ta!” Cuối cùng thì cả người lẫn vật lại lộn trở về cái lều của mình, và đến khi mở cái túi gạo ra để nấu bữa cho mình và Phúm, ông lão mới giật thột mình. Ôi chao! Ra là còn một điều hệ trọng nữa và có phần còn cấp thiết hơn tất cả mọi việc mà lú lẫn thế nào ông không nhớ ra. Ra là có một con đường phải đi không đi lại đâm quàng vào bụi rậm. Điều hệ trọng, cấp thiết ấy là miếng ăn của Phúm, cũng là miếng ăn của ông. Ông no là Phúm no. Ông đói là Phúm cũng đói. Con đường phải đi là lên gặp Giám đốc.

Dốc hết chỗ gạo còn lại, nấu một nồi cơm mình chỉ lừa vài miếng, còn bao nhiêu cho Phúm hết, ông lão Tài đeo khẩu súng lên vai, bước ra thêm, ông quay lại nhìn con chó:

- Phúm ở nhà nhé. Ta có cái óc bã đậu rồi. Hôm qua Giám đốc tới hỏi có thắc mắc gì không, ta lại quên băng đi mất. Bây giờ ta đi việc ấy đây. Ừ, có làm thì có ăn chứ. Phúm cũng làm việc cơ mà!

Con chó nhìn theo ông lão, rồi bỏ dở bát cơm ra nằm ở ngoài hiên.

*

Đó là những năm tháng tủi hổ và vất vả, con người còn đang vật lộn với tự nhiên để giành giật lấy miếng ăn cho mình. Cuộc đấu tranh này dài dặc, lúc hứa hẹn, khi mù mịt, mới hay từ thuở lập quốc, rộng ra là từ khi thành người, miếng ăn, manh áo vẫn chưa bao giờ thôi là dây dợ thẳng thúc con người. Cái miếng ăn thật là cao cả, là cái đích vĩ đại của tranh đấu nhưng cũng thật là nhục nhã mỗi khi rơi vào tình cảnh chỉ vì nó mà thúc thủ trước bao dự định lớn lao.

Tận tối hôm đó, ông lão gác vườn mới từ nông trường bộ về tới túp lều canh của mình. Con chó đón ông từ ô vườn số sáu, theo ông về tới lều thì lại nằm xuống hiên, nhìn xuống các ô vườn. Ông lão lẳng lặng không nói một câu. Nhưng nhìn xuống bát cơm của con chó, ông liền gọi giật:

- Phúm!

Nghe ông lão gọi, con chó đi vào. Ông lão nhắc bát cơm của nó, đặt dưới chân mình.

- Sao không ăn, Phúm?

Phúm ngẩng lên. Ông lão ngồi xuống.

- Ăn đi, bữa chiều nay không nấu cơm đâu! Ăn đi!

Con chó nhón nhén nhặt mấy hạt ở rìa bát, rồi lại ngẩng lên, mắt nhong nhóng.

- Ăn đi! Tao ăn rồi mà!

Con chó tợp một miếng, rồi lại ngẩng lên dò xét. Ông lão quát:

- Tao nói dối mày làm gì!

Con chó cúi đầu, thoáng cái liếm sạch bong đáy bát. Rồi nó nằm phủ phục cạnh chân ông. Bấy giờ ông lão mới xoa xoa đầu nó, buồn rầu:

- Phúm ơi, Phúm thương ta, thấy ta dốc hết bao gạo, Phúm không nỡ ăn hết suất cơm sáng. Nhưng bây giờ ta phải nói thật với Phúm, khó khăn lắm, Phúm à.

Cúi xuống thổi lửa, chất thêm gộc củi khô cho lửa cao ngọn, ngẩng lên, ông nhìn con vật. Thì ra những kẻ có trách nhiệm, chẳng một ai quan tâm đến miếng ăn của ông lão và của Phúm cả. Họ chỉ biết đến họ thôi! Và đã vậy thì ông lão không cần họ nữa.

- Thế mà nghĩ không ra, Phúm ơi. - Ông Tài đứng dậy. - Ta sẽ về nhà đêm nay. Phải! Ta nói khó với bà. Bà không cho thì ta vay. Rồi ta phát nương trồng ngô, trồng lúa lấy cái ăn cho Phúm. Lẽ nào người đi bảo vệ lợi ích của mọi người lại không được ai săn sóc, lại bị kẻ khác chiếm đoạt mất quyền lợi của mình?

Khoác súng vào vai, tạm biệt Phúm, ông Tài văng mình vào đêm tối, hướng về nhà mình. Văng mình chạy trong đêm, ông Tài muốn chạy đua với thời gian. Ông chỉ cần vay bà vợ mấy ống ngô, ống gạo rồi sẽ trở về với chức phận ngay. Đâm vào màn đêm, ông có cảm giác khối không khí nọ dân ra, rồi quay trở lại bao bọc lấy ông. Nên ông thấy hăm hở lắm.

Lát sau, ông Tài đã về tới cổng nhà, và sung sướng ông bước vào nhà. Hương vị quen thuộc của ngôi nhà có người phụ nữ mà ông suốt đời yêu quý, muốn được sớm hôm gần gũi tỏa vào tâm trí ông, khiến ông thấy được an ủi. Ông muốn khóc. Thôi, cứ mặc đời, cứ ghẻ lạnh, cứ tồi tệ, cứ ích kỷ đi. Chốn nương thân cuối cùng của ông là đây kia. Chứa chan trong ông bao xúc động ngọt ngào. Và ông nghĩ có lẽ ông sẽ không thể dứt áo ra đi ngay được, vì tình âu yếm với bà vợ quý của mình.

Nhưng, than ôi! Đời chẳng một chút công bằng với những ai tận tụy với nó cả. Trớ trêu quá! Cảm xúc đang bùng bùng bỏng như đóng băng trong lòng ông. Lia cái đèn pin, ông nhận ra trên cái giường khách ở gian ngoài một cái áo chàm đàn ông - dấu vết thăm dò của thói dục tình bợm bãi, chứng

cổ của một trò dâm bên thông đồng giữa hai kẻ gian phu dâm phụ mà ông vẫn hàng ghê tởm và căm hờn.

Chao ôi! Hóa ra những cơn ác mộng là những dự báo xác thực. Hóa ra số phận ông lại quá nhiều cay đắng thiết thời. Và bà vợ ông, thực tế đã phản bội ông mà miệng thì xoén xoét dối lừa.

Quay trở lại con đường vừa qua, ông chạy như một cơn cuồng phong. Trời sắp sáng là lúc mây vẫn vù và đất nhập nhoạng vằn vệt da báo. Vệt trắng vệt đen loang lổ. Chân ông bập bõm. Ông có cảm giác biến thành một con ngựa điên lao bừa vào phía trước, bất chấp mọi hiểm nguy trở ngại. Trong ông lúc này có một kẻ rồ dại trấn ngự. Nó chỉ huy ông, nó bảo ông hãy bắt cần, hãy phá nát hết cho thỏa lòng căm tức, cho bỏ nổi đau đời.

Ngày nặng nề nhất trong đời ông là ngày hôm nay. Một nhọc và giày vò đau đớn. Cay đắng và căm phẫn chất đầy. Ông Tài rơi vào rối loạn. Mất phương hướng, chân nọ đá chân kia, va vấp liên tiếp, cuối cùng ông rơi xuống một khoảng sâu đen ngòm, khi bắt đầu rơi, ông bình tĩnh và nghĩ: đây là cái vực sâu và thế là hết đời.

Ông lão gác vườn nằm bất tỉnh thật lâu. Có lẽ ông cứ nằm thế, rồi lịm dần đi. Nhưng cuối cùng ông tỉnh vì thấy có vật gì mềm ẩm, ram ráp cọ vào má, vào tay mình. Cùng với cảm giác quen thuộc là hơi ấm nóng và tiếng rên gừ gừ của một con vật phả vào tâm thức ông, có tác dụng như một sự tiếp sức.

Ông lão Tài he hé mắt. “Phúm!” Ông lão thều thào. Thấy ông tỉnh, con chó đánh đuôi mừng đến văng vẹo cả mông và rít lên ăng ăng. Con vật, người bạn đồng nghiệp, kẻ cứu mang ông, lúc này lại là con vật nâng đỡ ông, cứu vớt ông.

Ông ngồi dậy, đau ê ẩm khắp người. Nhưng lát sau, ông chống khẩu súng đứng dậy đi. Con chó hí hửng phóng lên trước ông để dẫn đường, rồi lát sau, quay trở lại, đi ngang hàng với ông như để hộ vệ ông.

Trời tang tảng sáng. Bầu trời đã tách ra khỏi những khối tròn mềm mại của những quả đồi đất. Dần dà đã nhìn thấy những vườn tam thất phủ đều một lớp giàn che xám nắng.

Người gác vườn thuốc dừng lại ở thêm cái chòi canh của mình, nhìn con chó thân yêu và bỗng dựng trào nước mắt:

- Phúm ơi! Ta đã đến nhà ông Giám đốc. Ông ấy đang cho con *béc giê* và con phốc ăn mỗi con một miếng thịt bò. Ta định nói ta xin một suất gạo cho Phúm. Nhưng ta bật tiếng, quyết định không thềm nói nữa. Phúm có hiểu ta không, hay là giận ta?

Ngồi xuống võ đầu con chó nghĩa tình của mình, ông lão càng ghen ngào:

- Sau đó ta lên phòng, gặp số cán bộ họ đã đi cùng Giám đốc đến thăm ta và Phúm ấy. Cũng định hỏi họ xem có thể xin một khẩu phần gạo cho Phúm được không. Nhưng một gã vừa thấy ta đã túm lấy tay: “Ông lão, sắp đến ngày truyền thống của nông trường, hay là ta hạ con chó xôm của ông, làm một bữa đi. Nhân tiện cái lúc đang đói kém này.” Ta quay đi, nhổ bọt và quay về luôn. Phúm ơi! Ta đau buồn lắm, nhưng... nói thế nào để Phúm hiểu bây giờ? Phúm ơi, dẫu thế nào, ta cũng không thể lấy bội bạc để đáp lại bội bạc được, cay đắng quá, Phúm à!

1987 - 2010

VÒNG QUAY CỔ ĐIỂN

- **D**ậy! Dậy nào, chị Uyên!

Tôi lay gọi. Cái thân người quấn trong mảnh chăn len dài thượt cứ tro tro như cây chuối hột. Vài lần gọi, lay nữa, mới nghe thấy tiếng thở phì phì tức hơi, rồi ở phía trên lộ ra, thoát đầu là hai cánh tay trắng nõn trong động tác thư duỗi và sau đó là khuôn mặt nhìn nghiêng như một lát cắt đẹp tinh tế của chị tôi.

- Mấy giờ rồi, mày?

- Mới có... ba giờ chiều thôi, bà ạ.

- Rét thấy ông bà ông vải!

Theo lời than, hai cánh tay nuốt nà lập tức rụt vào trong tấm chăn cùng với cái co chân mềm mại đổi thế nằm. Khéo bà này lại trùm chăn kín mít đánh tiếp một giấc nữa không chừng; nghĩ vậy, tôi vội đập phùm phụp vào cái chăn và làm ồn:

- Lai tỉnh, lai tỉnh! Hồn có đi đâu thì nhớ đường về ngay nhé! Sắp ba giờ rồi! Chị Uyên, chị không nhớ có việc gì ạ?

- Việc gì?

- Hộp lớp. Hộp đồng khóa, đồng niên lớp 12A của các bà!

- Vớ vẩn!

Tôi chồm lên:

- Thì chính bà đầu têu ra cái trò này. Chính bà xung phong làm trưởng ban tổ chức, rồi đăng báo hẹn ngày họp mặt, quên rồi à?

Lời nhắc nhở của tôi có tác dụng. Sau một tiếng chép miệng và một cái ngáp vừa uể oải vừa ngạo mạn, chị gái tôi hất tung cái chăn, hiện ra trọn vẹn một gương mặt và toàn bộ thân hình.

Bốn mươi tuổi, những phụ nữ trời cho nhan sắc, đang ở độ đẹp nhất. Đó là lúc mặt trời lên tới thiên đỉnh. Là trăng mười sáu. Là hoa mãn khai. Là vùng trời thu thăm thẳm. Tất cả những thấp thoáng, manh nha đó hiện hình trọn vẹn. Vì đó gột rửa hết cái ngõ ngàng, thuở ban sơ, khởi thủy. Đã chín nục, đã thuần thực, đã khép kín một vòng tròn, đã đi tới cái tuyệt đối, cái tận cùng. Nhưng cùng với đỉnh cao tột độ, đã nhận ra cái thế chênh vênh, chốc lát, đã thấy cái chiều dốc thoai thoải ở phía bên kia. Thì vẫn là gương mặt trái xoan mịn màng, cái gò mũi thanh tao, hai con mắt vời vợi đó, nhưng để ý kỹ một chút đã thấy thoang thoảng cái hao vơi của sắc thần. Làn da nghe như đã giảm bớt cái sáng tươi, tuyết nhụy. Đuôi con mắt giống như một mặt ngọc quý võ ngậm, ràn rạn những đường mờ ẩn. Và tai hại hơn, những chấm tàn nhang như những bào tử nấm lơ lửng trong không gian đã từ lúc nào nhẹ nhàng hạ cánh xuống cặp gò má đang hao sút vẻ đầy đặn, ẩn dụ của thời tàn phai đã điểm. Ôi, thời gian! Thời gian lặng lẽ trôi qua, giản dị mà sâu thẳm, như một tứ thơ Haiku Nhật Bản!

- Mà có phần Mỹ không?

Tôi vào buồng trong sửa soạn quần áo để đi đón thằng con trai ở lớp mẫu giáo, quay trở ra thì bà chị tôi đã dậy, đang ngồi trước bàn trang điểm.

- Phấn, son em để tất ở trên bàn ấy.

- Phấn thôi ấy à? Ra hố rác!

- À, chị có biết trứng gà ngâm giấm gạo có tác dụng tiêu mỡ, làm đẹp da, tẩy được cả tàn nhang không?

- Ra hố rác!

Xách làn, ra tới cửa, tôi ngoái lại:

- Em đi đón thằng cu Tý, rồi đưa nó xuống bà nội. Chị đi đâu nhớ sáu giờ về ăn cơm. Em đi chợ, có thể về hơi muộn một tí.

- Đừng có chờ cơm tao! Mặc tao!

Tôi đi. Gần một giờ đồng hồ sau mới trở về. Lạ sao, cổng nhà, vòng xích không bấm khóa. Cửa ra vào vẫn mở toang. Và bà chị yêu kiều của tôi đang đứng trước gương ngắm mình trong bộ trang phục thời thượng tuyệt đẹp. Choàng qua phần trên, thả xuống quá đầu gối với một phong cách buông tuồng và thách thức là chiếc áo len đan sợi nâu to sều rất thô mộc. Trong khi ấy, bó thít đôi chân thẳng như chân vũ nữ *ba lê* là chiếc quần nịt đỏ chói, láng bóng. Với cái khăn lụa xanh nước biển thắt nơ trên cổ, chiếc ví da trắng thông từ trên vai xuống, cái mũ nan cài hoa nghiêng bên mái tóc uốn điện, chỉ còn thiếu một điếu Marlboro gắn lên môi nữa là bà chị tôi trở thành một siêu sao màn bạc châu Âu rồi.

- Ô, chị vẫn chưa đi à?

Gí sát mặt vào tấm gương soi trên bàn trang điểm, sửa một nét son môi, bà chị tôi nhìn tôi qua làn gương phản chiếu, đứng đĩnh:

- Tao đi rồi. Nhưng đến đầu phố Nguyễn Khuyến, tao lại quay về.

- Sao lại quay về?

- Quay về là quay về chứ còn sao nữa! Sao mà y hỏi ngu thế, hả?

Ôi trời, cái tính khí thất thường của bà chị gái tôi. “Mai tao xuống Nam Định chơi ít hôm với con bạn tao kết nghĩa chị em hồi tao ở Berlin. Nhớ đánh thức tao năm giờ để tao ra ga.” Dặn

đi dặn lại năm lần bảy lượt. Ấy thế! Nhưng năm giờ sáng hôm sau, mắt nhắm nghiền, cụ cựa trong chăn, hỏi: “Mưa phèn đấy, hả mày? Có đũa nào ngu mới ra khỏi chăn ấm để đầy dọa tẩm thân ngàn vàng của mình lúc này!” “Này, con kia, mày là em gái tao, nhưng mày đúng ra là con đàn bà ngu si nhất thế gian này! Dọn cái vườn chó ỉa sau nhà đi! Tao bảo thằng bạn tao ở công ty công viên đem hoa đến cho mày trồng. Thực ra, nó trồng, nó chăm bón hết cho mày, còn mày ngồi đó mà mỗi vụ thu về chục triệu ngon ơ, em ạ. Hay là tao với mày chung vốn mở cửa hàng trang điểm cô dâu? Tao có hai con bạn họa sĩ. Gọi chúng đến làm thuê. Chu cha, bọn nhà quê đang thích làm đẹp. Cứ việc ngồi mà thu tiền thôi, mày ơi.” “Trời, tao vừa đi tẩm về. Đất bên xã Bồ Đề rẻ như bèo. Một chỉ ba mét vuông. Tao cam đoan chỉ một năm sau là lãi gấp đôi...” Bao nhiêu là toan tính, dự tính. Đang hớn hở háo hức, thoát cái đã chán nản, vùng vằng, tức tối. “Ra hố rác! Tất cả đều vút ra hố rác tất!” Ôi bà chị gái tươi đẹp của tôi, người đàn bà của những ngẫu hứng bất tận, thậm chí bất thường.

- Chị bày ra cái trò hợp bạn đồng khóa. Giờ chính chị lại không đến, chị không sợ các bạn chị họ trách à?

- Đến hay không đến là quyền của tao!

- Nhưng chị là người khởi xướng và tình nguyện làm chủ trò.

- À, lúc ấy tao nổi cơn hứng. Còn bây giờ tao không máu nữa. Mày ngu lắm, giảng giải sao cho mày hiểu được nhỉ? Đây, tao nói ví dụ: Tao đang ở nhà mày, bỗng nhiên tao nảy ra cái ý thích đến chơi nhà một thằng bồ. Thế là tao đi liền. Đi rất thích thú. Nhưng đi đến cửa nhà nó, giơ tay định ấn chuông gọi, tao bỗng thấy chẳng còn hứng thú gì nếu thấy cái đầu hói trũng ngỗng của nó, cái mặt mẹt của nó nữa, thế là tao bỏ phắt cái ý định nọ. Tao quay về. Tao quay về nhưng cái ý thích của tao trong chốc lát, thế là đã được thỏa mãn. Và như thế là đủ. Mày hiểu chưa?

Triết lý sống hiện đại được gia thêm vào một cái nhún vai rất Tây và trích thượng, rồi chị tôi hất hàm:

- Thôi, miễn tranh cãi! Thằng cu Tý không về, hả?

- Bà nội bảo cho nó xuống ngủ với bà.

- Thế thì...

- Em nấu cơm, hai chị em mình ăn. Rồi đi xem phim. Rạp Kinh Đô có phim *Người tình* của Pháp hay lắm.

- Không nấu. Đi ăn hiệu. Phim với ảnh. Toàn lừa bịp. Ra hố rác!

- Cá em rán rồi! Thịt quay em mua rồi.

- Ra hố rác tất! Đi ăn hiệu! Tao chiêu đãi mày. Đi! Đi! Tao là chị gái mày, thông minh hơn mày, nhiều tuổi hơn mày, từng trải hơn mày, tao quyết định, mày phải nghe. Không được cãi! Đi!

*

Một thiếu nữ cực kỳ xinh nhấ. Một phụ nữ lông lộng, nông nân. Ở tuổi nào, chị Uyển tôi cũng là một nhan sắc trội bật, ít người sánh kịp. Nhà có năm chị em gái. Là chị cả, chị Uyển tôi thu nhận hết vẻ đẹp trời cho về mình, bốn đứa em còn lại của chị chỉ còn may mắn được hưởng ít chút gọi là, như đông đảo chúng sinh bình thường. Chị Uyển tôi đẹp nhất nhà. Cả dòng họ tôi, trăm năm trước có một bà cô đẹp sánh ngang chị, nhưng lại chết ở tuổi hai mươi, chưa kịp làm cho đời thêm phong phú sắc sỡ nhờ vẻ đẹp của mình. Bà cô tôi chết ở một dòng sông, nghe đồn là có nhiều *ma nam*¹, chảy qua trước nhà. Người đẹp, cái đẹp là của vạn đại, vĩnh hằng nên không thể nấn ná lâu quá ở cõi trần. Mọi người trong dòng họ còn nói vậy.

1. Tên gọi của những vong hồn bị chết oan, theo tín ngưỡng dân gian.

Đến tranh vẽ cũng không có được vẽ đẹp toàn bích toàn mỹ đến như thế, chị Uyển tôi được cả dáng lẫn da. Mặt có phúc tướng nhưng mềm mại, mềm mại mà lõng lầy, biến huyền. Đẹp đến mức biến cả cả xung quanh, đến mức tạo nên xung quanh mình một trường mê mẩn điên rồ. Đẹp đến mức đàn bà, con gái cũng ghen thâm, ao ước. “Uyển ơi, sao trời cho mày nhiều thế? Cho tao mượn đôi mắt. Cho tao mượn cái miệng, cái mũi tao kiếm tấm chồng rồi tao trả lại!” Đẹp đến mức biến tất cả đàn ông thành thi sĩ chính hiệu và thi sĩ nửa mùa. “Đi với Uyển, tôi như được ôm một bó hoa trong tay.” Và triết gia có hạng: “Lên Mặt Trăng, lên Sao Hỏa, con người làm được. Còn mỹ nhân như Uyển, chỉ có Tào hóa!” A, thì ra bây giờ con người đã lại biết lễ phép trước Tào hóa rồi!

Chị Uyển tôi là cái tươi nhuận của mùa xuân, cái rực rỡ của mùa hạ, cái êm ả của mùa thu, cái sâu lắng của mùa đông. Con người thật tài ở nhiều phương diện nhưng thật bất lực trước cái siêu phàm của một hoáy đồng tiền trên má chị tôi và vẻ óng nuột của những ngón tay chị tôi. Những ngón tay chị tôi thoăn thoắt đưa kim, nên hoa, nên chim, nên bướm trên mặt vải. Đã xinh đẹp, người phụ nữ này lại còn làm si mê bao người bằng tài nữ công gia chánh, khiếu năng thẩm mỹ, tế nhị trong giao tiếp và nghệ thuật và hơn nữa, trí thông minh trác việt. Ít người lắm, trời cho cả ba thứ, sắc đẹp, tài năng và sự thông tuệ.

Nhưng đẹp vậy, tài vậy, thông sáng vậy mà loanh quanh mãi chị Uyển tôi vẫn chưa gặp được ý trung nhân. Bốn mươi lăm tuổi vẫn đẹp dạt dào, vẫn ngạt ngào hương sắc mà vẫn như một tứ thơ phiêu dạt, không định vị.

Chị Uyển tôi được yêu sớm lắm. Mười sáu tuổi, học lớp chín, đã có một anh giáo dạy văn trẻ tài hoa tỏ tình, nuôi mộng yêu đương. Mười bảy tuổi, chị lớn bổng, đẹp ngời ngời trong khi ông giáo tài hoa nọ rúm ró như cái bị rách, sau lần bị áp điệu về quê nhà nhận tội con địa chủ gian ác, toi tả vì đấu tố,

câm lặng và xấu hổ, rút ra khỏi tình trường. Cả chục thầy giáo trường cấp ba huyện nhỏ ngẩn ngơ khi chị dở chừng lớp mười bỏ học, vì năng khiếu nghệ thuật phát triển cùng sắc đẹp tỏa hương, đòi trở thành tài sản chung của quảng đại. Chị qua một lớp học ngắn hạn, rồi trở thành diễn viên hát, múa ở một đoàn nghệ thuật. Ở đâu chị cũng trội nổi, tỏa sáng, thu hút. Quanh chị lúc nào cũng sẵn kẻ đưa đón, yêu chiều tận tụy. Chị thân thiết với tất cả, quý mến tất cả những ai yêu quý mình. Nhưng cuối cùng, tình yêu chỉ dành cho một chàng sĩ quan, anh trung úy bộ binh mặt trận Khe Sanh, nơi người chết chưa kịp ghi tên vào danh sách đơn vị. Nhưng ở đó chị đã vừa khóc vừa hát và ôm ghì chàng sĩ quan đầu đội mũ sắt, mặt sạm khói thuốc, áo quần bám đầy bụi bặm. Còn chàng thì đánh rơi khẩu AK xuống lòng hào, sưng sờ vì một hạnh phúc quá tằm. Một tình yêu đã qua lửa đạn. Đôi trai tài gái sắc gặp nhau như tiền định, chia tay mà định ninh ngày sum họp như một lẽ đương nhiên. Thư chàng sĩ quan hào hoa viết về đều đặn, giống như những bức thư tình hay nhất của hiệp sĩ gửi tình nhân thời Trung cổ. Chị xếp tất cả thư từ của viên trung úy vào một chiếc hộp sắt, coi chúng như báu vật. Ngày đêm chị sống với tình yêu. Và ai cũng nhận thấy, đó là những ngày êm ả nhất của chị. Chị yêu bằng mơ ước và chờ mong. Tình yêu thật sự là thần diệu. Giữa bom đạn bồi bồi mà chàng trung úy nọ chẳng hề bị một xây xước nhỏ. Chàng thăng cấp liên tục. Thượng úy. Đại úy. Thiếu tá. Trung tá. Rồi một ngày kia, chàng trung tá, nhớ lời hẹn ước, trở về. Và xuất hiện trước chị là một người đàn ông nhẵn nhéo, vai so, lưng gập. Chị không nhận diện được chàng. Cuộc gặp gỡ chỉ diễn ra trong mười phút và không có hẹn gặp lại. Chị ngồi trong buồng, nhìn ra ô cửa kính mờ hơi sương, thở một tiếng dài giá buốt: “Cái hồi ở mặt trận Khe Sanh, anh ta hò hét lính sao mà... đẹp thế!”

Chị câm lặng như chiếc đàn đứt dây từ đó. Từ đó, với chị là một đoạn đời khác. Ngay lập tức, chị đáp ứng tình yêu của cả

ba người đàn ông đang có vợ. Cả ba đều biết chị bốn cột, nhưng họ vẫn đóng trọn vai Nghêu, Sò, Ốc. Tiếp đó, một viên thiếu tá không quân đã đầu độc vợ, lãnh án tù chung thân vì say đắm trong ảo ảnh được yêu chị. Ít nhất thì cũng có đến ba, bốn gã uống nước vôi và nuốt Meprobramat quá liều để chết vì ghen tuông. Chị làm tan nát mấy gia đình bạn bè ở cơ quan. Vợ chồng hai người bạn thân quen của chị lục đục thường xuyên vì chị. Ngài thủ trưởng cơ quan chị phải xin chuyển công tác, thú thật với chị rằng: Nếu còn ở lại, thế nào y cũng vi phạm đạo đức, tức bỏ vợ và quyến rũ chị. Mấy anh nghệ sĩ đầu đàn trong vùng điên đảo vì chị, họ chửi bới nhau vì chị và cùng mang tiếng là những kẻ đàng điếm.

“Anh hùng bất quá mỹ nhân quan!” Tính số phải đến ba chục tên đàn ông không qua nổi cửa ải người đẹp. Đa phần là bán xối cả sự nghiệp đang cần có một bộ mặt đạo đức truyền thống, số còn lại phát tán hết của cải, hoặc dở điên rồ vì như bị ma trêu quỷ ám; trong số này hơn một nửa là lớp thượng lưu gồm các chức sắc cao cấp, còn nửa kia là bọn phàm phu tục tử, tức những anh xích lô ba gác, thợ rèn, thợ hàn, lái xe thất học, nghĩa là gồm cả dân ngu tối dạ lẫn học giả yếu... chim.

“Cho chết bớt bọn ngu hèn đi!” Chị thản nhiên tuyên bố thật tàn nhẫn khi đã đeo quanh mình bao điều ô trọc. Kẻ trực lợi. Con đào mỏ. Đứa dâm bôn hà tiện. Ắ làm tiền. Con điếm trá hình. Thiên hạ đua nhau chọn tên đặt cho chị.

Chị Uyển tôi vẫn chẳng mảy may động lòng xao xuyến. Đùng cái, chị bảo tôi: “Tao đi xuất khẩu lao động đây.” Tưởng đùa thì chị gi vế máy bay vào mặt tôi: “Hẹn mười năm, gặp lại mày! Bye! Bye!”

Chị sang Tiệp học nghề làm đồ thủy tinh pha lê. Hơn năm sau thư về, chị bảo: “Tao đã sang Đức hành nghề rửa bát, đồng thời hát múa trong một quán *discothèque* và sẽ tham gia đóng phim về đề tài Việt Nam.” Mẹ tôi thở dài, ứa nước mắt: “Nó

cao số lắm, vật vả lắm mới thành thân được. Khổ! Biết bao giờ nó mới lấy được chồng!” Mười năm mù mịt ngóng tin chị. Mười năm tíu mít chờ tin chị lấy chồng, như chờ một lẽ trời, như bầu vú vào một luật định, một đức lớn bao trùm, để chuyển đổi một đời người đang lênh đênh. Lót đốt tin truyền miệng từ trời Tây theo cánh gió về thì cũng chỉ là những điều thất thiệt. Uyển còn có tên là “Uyển Tây”, “Uyển bia”, “Uyển lược”, “Uyển đều”. Uyển trấn lột cả người tình. Uyển không tha cả thầy dạy. Uyển có cả tá nhân tình nhân ngãi trong hải quan Nga, phi công Đức. Bọn này có đứa sẵn sàng bỏ cả quốc tịch lẫn vợ con để làm nô lệ cho Uyển. Ít lâu sau lại có tin Uyển bị đồng bọn đâm chết, xác bị băm nát cho vào tủ lạnh và tiêu dần trong hố xí bệt. Đồng thời lại có tin Uyển đã sang California, thi hoa hậu và theo Thanh Hải vô thượng sư cắt tóc đi tu.

Đang tù mù, hỗn độn như thế thì đột ngột có điện từ Moskva đánh về: Đón Uyển chuyến bay SU 38 ngày ấy tháng ấy, ở sân bay Nội Bài. Trời, liệu có tin được không? Chị gái tôi tên Uyển đã trở về? Trở về sau mười năm gần như vô tâm tích? Vâng! Chị gái tôi tên Uyển, rõ ràng xương thịt, hình dạng, đã trở về thật! Về với vóc dáng, thân hình, gương mặt vẹn nguyên, tươi đẹp như ngày ra đi, tịnh không một dấu vết ô uế, tàn tạ, cũng chẳng một mảy may đau buồn. Bất chấp cả thời gian, chị vẫn là Uyển khi xưa, nhưng về với cả chục thùng hàng gửi chậm, nhận gọn trong vòng một tuần lễ. “Tao có năm trăm cây vàng.” Chị nói. Chị xây cho mẹ một biệt thự nhỏ ở Hải Phòng. Chị cho vợ chồng tôi một chiếc xe Cub nữ hoàng mới tinh. Chị cho thằng cu Tý một chiếc xe *mini* Nhật và một *cassette* hai cửa băng. Chị kể: “Ở bên Tây, chúng bóp cổ nhau, xả thịt nhau. Tao chán. Cho chúng nó ra hố rác tất! Tao về!”

Trở về, chị đã vào tuổi bốn mươi. Bốn mươi đã trải đời, cá tính đã thành hệ thống ổn định. Tự trung, chị vẫn là chị khi xưa, thích được ăn ngon mặc đẹp, ưa được nuông nịnh, yêu chiều, đa tình đa cảm, bông bột lửa yêu đương, nhưng đã

trầy vi tróc vảy trong đời sống, nhận ra cái mặt tuyệt đối của đời sống phù vân này là sự đều giả, bản thủ nên táo tợn hơn, quyết liệt hơn. Và tất nhiên, tôi hiểu, sau cái táo tợn, quyết liệt bất cần đời của chị là tâm tình một người đàn bà lãng mạn suốt đời bức bối trong kiếm tìm hy vọng.

Chị thuê khách sạn ở với một thằng đàn ông mặt mày bặm trợn, nói ngọng “l” thành “n”, mở mồm là văng tục. Tên này thực chất là tên đầy tớ chuyên để chị sai phái đi đòi nợ. Nhưng cũng có lúc nó được nâng lên thành người tình đang được ngưỡng vọng. Hai tháng sau, chị đuổi nó ra khỏi phòng, sau khi thí cho nó cả một lượng vàng. Tên này vào Sài Gòn tuyên bố với bạn bè rằng: Uyển đích thị là một Võ Tắc Thiên hiện đại. Chị cười khẩy: “Trò chơi ấy mà, xá gì. Nhưng mà biết đâu trong trò chơi này tao kiếm được một đấng nam nhi đích thực. Hà, lúc đó trò chơi sẽ là trời cho.” Ôi chao! Trò chơi, trời cho. Chữ nghĩa gì mà biến báo như có quỷ sứ ẩn ở bên trong thế!

Trò chơi, cuộc chơi với một bên là người phụ nữ đẹp nòng nân, dạn dày, đáo để, hấp dẫn từ lũ sinh viên con nhà quyền chức, dốt có chuôi nhưng cậy tiền cậy thế, háo hức cơn lạc thú đầu đời, tới các bậc lão thành cả đời bị vây hãm trong vòng đạo đức giả, chót đời nổi hận tiếc nuối còn chưa đi tới miền cực lạc chốn trần ai. Với bọn trẻ ranh lắm của nhiều tiền, con ông Sáu, cháu ông Năm, chị vét của chúng đến đồng bạc cuối cùng, rồi gí tay vào trán chúng, bảo chúng hãy cút về nhà mà bú tí mẹ. Với các bậc tuổi tác thì chị bỡn cợt. Người hiền lành thì chị trêu chọc. Kẻ hung tợn thì chị xỏ xiên. Tội nghiệp là những kẻ chất phác quê mùa. Có một ông góa vợ đã vào tuổi cổ lai hy nhờ tôi làm mối. Khởi đầu cuộc gặp, ông trao cho chị tám danh thiếp ghi đến bảy, tám chức vụ; đã vậy còn giải thích dài dòng. Chị cầm danh thiếp, chẳng cần đọc, cười róc lên: “Bác ơi, bác yên tâm đi. Em gái tôi nó đã giới thiệu thì dấu bác có là thằng ăn may, tôi cũng đón tiếp bác tử tế!” Tai quái! Một ông chủ tịch huyện đã về hưu xin đến trước để làm quen. Ông đi giày cao

cổ, đội mũ cối hạ quai khít cằm, trông nghiêm nghị đến tức cười. Chị lồm: “Tôi hỏi khí không phải: Có phải anh được bộ trưởng Bộ Quốc phòng cử tới?” Một chàng đạo diễn bất tài gần hết thời mới dựng nổi một bộ phim truyện, sẵn đón mời chị đi xem để khoe tài. Xem xong, chị buông một câu đến là chua: “Đúng là nền điện ảnh nước nhà đang xuống dốc thật!”

Chị càng tai ác hơn với những tay trai lơ hợm của, ý quyền, cố đâm ăn xôi. Một cha giám đốc công ty xuất khẩu đang phát bắm chị như đĩa, vừa vào đến cửa, chị đã hất tay, oang oang: “Xin lỗi hôm nay nhà tôi không cần thợ quét vôi!” Có kẻ chị ghét cay ghét đắng vì y có cái đầu hói trụi, vì y có những ngón tay mồm mĩm đeo tới ba cái nhẫn vàng. Một ông trung tá công an, vợ ở xa, lân la tán tỉnh chị. Vốn con nhà binh nên mọi cử chỉ của ông đều dứt khoát, rõ ràng. Vào đến nhà chị, thấy cái bàn thờ thổ công thổ địa, ông này liền chắp tay khẩn rằng: “Thưa các chư vị thánh thần. Các vị làm quan dưới âm. Tôi làm quan trên trần. Nếu các vị giúp tôi được ở lâu dài trong căn nhà này với nữ chủ nhân thì tôi sẽ có hương hoa, quà cáp biếu xén đều đều các vị.” Chị Uyển tôi cho ông trung tá ở lại qua đêm. Hai tháng sau, chị viết thư báo tin chị đã có thai với ông và yêu cầu ông mỗi tháng gửi cho chị một triệu đồng để chị dưỡng thai, bằng không thì... “Thằng dê già chạy té c. ra nhé!” Chị nhìn ra con sông trước nhà ào ạt chảy, cười rữ rượi, hạ một câu thật khoái trá, sau khi đó cho tôi biết rằng: Đêm đó khốn nạn cho con dê già, nó đã bị chị cho uống thuốc ngủ liều cao, dật dờ như cái rễ khoai héo, giá có vớt xuống sông cũng không biết, có làm được trò trống gì!

- Sao chị nhẫn tâm thế?

Câu trách cứ như một tất nhiên vượt ra khỏi miệng tôi. Tôi đã im lặng quá lâu rồi. Đã đến lúc xáp mặt nhau. Và tôi nhận ra, sau câu nói của tôi, bà chị tôi đã đứng phắt dậy, mồ hôi rịn lấp lánh vàng trán rộng, răng nghiến kèn kẹt:

- Cái gì? Mà nói cái gì? Nhấn tâm? Còn gì nữa mà nói nốt đi! Đĩ điếm! Đều giả! Lừa lọc! Khốn nạn! Dối bọ! Khi đột! Chó má! Gì nữa? Mà cứ quy kết tao đi!

Tôi im lặng, bối rối. Chị tôi cúi xuống giật tung cái chăn, chiếc gối đầu giường, quay lại, nhìn tôi, mắt đỏ đờng đờng như sặc máu.

- Mà không nói nữa hả? Mà là cái con ngu si nhất trần gian này. Mà lớn lên, đi học phổ thông. Rồi đi học sư phạm. Rồi đi dạy học. Rồi lấy chồng. Mà chỉ biết đọc một thằng đàn ông là chồng mà. Còn tao... - Chị ngừng lại, bất thành linh ngửa mặt, nấc to. - Tao biết cả trăm con đực. Nhưng không thấy một con đực nào hoàn hảo cả. Toàn là bọn giẻ cùi tốt mã. Lũ chó đói tháng Bảy. Không một đứa nào đáng mặt đáng nam nhi. Chúng chỉ nhăm nhăm chiếm đoạt thân xác tao. Vậy thì việc gì tao phải tử tế với chúng. Mà mà cũng cổ giả quá đáng. Của trắng trắng chơi, có phải của giới đầu mà giới giữ. Mà rồi thế nào thì tao cũng... chết, chết non, chết yếu mà có biết không?

Đột ngột, ngừng lời, chị tôi bưng mặt, nức lên một hồi dài.

Đó là những ngày cực kỳ căng thẳng trong quan hệ chị em. Sau khóc, bà chị tôi cười. Rồi chị thui thui một bóng vào ra. Trạng thái cô đơn nhiệm vào chị ngay cả lúc chị bùng bùng cơn phần kích. Lại thay, trong rối loạn tâm thần, thần sắc chị lại bùng bùng thẳng hoa. Cái đẹp trong não nùng vừa hòa hợp vừa có tính chất phản cảm, khiến chị lăm khi như một kẻ thoát trần. Chị như một thánh nữ hiền minh, sáng tỏ nhưng cô độc đến tận cùng.

- Tao hiểu rồi, em ạ. - Chiều ấy, sau rất nhiều ngày hai chị em xa lánh nhau, bà chị tôi đi đâu về, bỗng như biến cách, vỗ vai tôi thân mật khác thường. - Đàn bà đã đẹp thì chó có nên thông minh. Nghĩa là phải ngu một tí, hay tốt nhất là chẳng nên biết một cái gì thì mới sống sung sướng được, mà ạ.

*

Ít lâu sau, như một kiếp giang hồ được xác lập trong lá số tử vi không thể cưỡng được, chị Uyển tôi lại rời gia đình, vào Sài Gòn.

Đó là những ngày chị hoàn thiện năng lực kinh doanh biến báo trên thương trường. Thực tình là tài năng đó của chị đã phát lộ và được thử thách từ hồi chị ở nước ngoài, giờ thêm một gia tốc mới, với những bội số vô cùng lớn hơn. Đất nước vào thời kỳ mở cửa. Chị Uyển tôi mọc ba đầu sáu tay, góp vốn và đóng vai trò bà chủ các mối làm ăn. Một trong số đó, chị trở thành bà chủ xuất bản sách. Dưới trướng chị là ba chục tên đàn em. Ngày đêm chúng lia bút tạo nên những thiên tiểu thuyết diễm tình, lâm ly dễ dãi, do chị cung cấp cốt truyện. Ôi, đời giai nhân của chị là một tổng kho chuyện ái tình dùng để dựng truyện, làm phim mãi đời chưa chắc đã hết. Máu tham không biết giới hạn. Chị in lậu cả loạt sách tình dục và bói toán nhằm nhí. Chị sa lưới pháp luật. Chị bị nộp phạt mấy chục triệu. Rồi chị ra tù bỏ nghề in sách. Tưởng sẽ an phận thúc thủ từ đây, nào ngờ chị còn táo tợn hơn. Chị làm môi giới cho các hãng, các công ty trong vùng Đông Nam Á. Từ gỗ bá mộc tới sắt thép vụn, vũ khí hỏng. Nghe nói chị cặp bồ với một thương gia Đài Loan. Lại có tin đã lấy một chủ hãng buôn lớn ở Nhật.

Đã quá ngưỡng, đã bão hòa những ngóng trông hy vọng. Những thông tin về chị đã mất dần ý nghĩa định giá. Chúng chỉ nhắc nhở một nỗi buồn, một nỗi ngán ngẫm và cao hơn là một niềm thương nhớ. Nhớ tới chị, nhói nhói trong tôi nỗi thê thiết xót xa về cái éo le, đối nghịch trở trêu giữa tài sắc và thân phận, giữa ao ước và hiện thực trong một người đàn bà. Có điều, nỗi trở trêu không chỉ có nguyên do từ lịch sử.

Mù mờ trong lý sự siêu hình, mập mờ bên bờ những điều dị đoan, tôi kinh sợ nghĩ tới cái vòng định mệnh như một thế lực ở ngoài sự định đoạt của cá nhân, nghĩ tới cái quy luật tạo vật đố toàn - mọi vật không có sự toàn vẹn - bao trùm trong Tạo hóa. Nhớ tới chị, tôi nhớ tới câu nói giống như một lời đùa bỡn của chị mà giấu ra có lẽ rất thật lòng: Đàn bà đẹp phải ngu ngu một tí mới có hạnh phúc. Tội nghiệp cho cái đẹp và sự thông minh!

Buồn về chị tôi, mẹ tôi từ đó rất chăm chỉ lễ chùa. “Số nó đội căn cô Bơ nên nặng nghiệp chướng lắm!” Mẹ tôi nói vậy. Ít lâu sau, trong tòa biệt thự chị tôi xây cho mẹ tôi, mẹ tôi lập một điện thờ. Bà tu tại gia. Bà cầu nguyện hằng ngày để giải thoát cho con gái của bà, chị Uyển tôi.

Khác tính khác nết nhưng chị em gái vẫn là cái nhân sâm với nhau nên mặc dù bằng tin chị, có khi đến nửa năm trời, tôi vẫn không ngớt khắc khoải lo âu cho số phận chị Uyển tôi. Tâm trạng ấy của tôi, phần nữa cũng do, một ngày kia, xuất hiện trong nhà tôi một người đàn ông lạ mặt.

Người đàn ông này đã ngoại tứ tuần, tóc bạc, da khô, mặt mày phờ phạc, ngác ngơ như người nghễnh ngãng. Ông gầy còm, thần khí hao kiệt, sinh lực tiêu mòn, mỗi cử chỉ đều u oải, chậm chạp. Tuy vậy phảng phất trên vóc dáng, gương mặt vẫn là nét hào hoa, thanh lịch của người con trai phố phường. Nhìn thấy ông chân bước ngập ngừng ở bậc thềm, ánh mắt ngược lên e dè, ngần ngại, tôi đã linh cảm như gặp một dấu chứng tốt lành. Ông rụt rè tự giới thiệu là người quen biết chị Uyển tôi hơn hai chục năm trước. Ông hỏi thăm chị Uyển tôi. Rồi ghi địa chỉ của chị tôi. Nửa tháng sau, ông đến cho biết: Ông đã vào Sài Gòn tìm địa chỉ nọ nhưng không thấy. Ông bảo: “Không sao, cô ấy chuyển đi nơi khác, tôi đã nhờ bạn bè trong đó tìm cách liên hệ họ.” Từ đó ông thường qua lại nhà tôi.

Đó là viên trung úy ở mặt trận Khe Sanh năm nào, người đã trở thành một trang anh hùng, một mẫu người lý tưởng đã in dấu không phai mờ trong tâm tưởng cô văn công Uyên, người phụ nữ cả đời tìm kiếm và thờ phụng cái tuyệt đối cao đẹp. Ông đã kiệt lực vì chiến tranh và tận tụy hết mình chung thủy trong tình yêu với chị tôi. Ông không giận, không trách cứ chị tôi. Nỗi đau ông mang có tính tất yếu và ông cảm nhận được nó. Ông ốm liệt sau đó hơn ba năm trời vì chứng suy nhược toàn thân, căn bệnh đau dạ dày và suy gan, hậu quả của đời sống kham khổ quá mức trong chiến trận. Cuối năm thứ ba, vừa gượng dậy được, ông lại bị căn bệnh thấp khớp kinh niên tái phát dữ dội, có nguy cơ tổn hại đến con tim. Ông vượt qua cái chết mòn bằng tình yêu đơn phương ấp ủ trong tâm thức với chị tôi.

Và thế là một ngày kia, tôi quỳnh quáng chạy đến buồng điện thoại công cộng, nhận ra đầu dây xa lắc như từ đâu đó trong vũ trụ huyền bí, tiếng nói quen thuộc của chị Uyên tôi:

- Mẹ có khỏe không, em?

Tôi run lấy bầy. Cái bí nhiệm ở ngay sự bình dị, trong giọng nói đời thường, bản năng nào mách bảo, rủ rê chị tôi trở lại với tình cảm thường nhật này?

Tôi xúc động:

- Chị Uyên ơi! Mẹ đã tám mươi. Mẹ yếu lắm rồi. Mẹ bảo: Nay mai nếu mẹ mất, hỏa thiêu mẹ, chia tro di hài của mẹ vào năm bình, cho năm con. Riêng bình dành cho chị Uyên em giữ hộ.

Trong ống nói có tiếng nấc nghẹn của chị tôi:

- Chị có tội lớn với mẹ. Chị có tội với các em. Chị sẽ trở về!

Chị Uyên tôi đã trở về!

Chị trở về Hà Nội mấy ngày sau đó. Quỳ bên giường mẹ tôi đang ốm yếu là chị Uyên tôi và một ông già nghễnh ngãng, viên trung úy, người tình trung thành tuyệt đối của chị.

Mẹ tôi gượng dậy, mặt từ bí tràn ánh nguyện cầu:

- Hôm rồi mẹ nghĩ, mẹ sắp từ giã các con. Nhưng hôm nay mẹ nghĩ, mẹ sẽ sống thêm mười năm nữa.

- Mẹ sống mãi với chúng con.

- Mẹ sống để bông cháu của mẹ. Hai con cố để nhanh vại dứa để mẹ bế cho thỏa lòng ao ước.

Chị tôi cười, mắt giàn giụa:

- Mẹ ơi, chính phủ chỉ cho đẻ nhiều nhất là hai đứa thôi.

Mẹ tôi gật đầu:

- Ừ, thì hai.

Ôi, cái cuộc đời xô bồ, hỗn độn, trăm ngàn sự rối rắm ngổn ngang này. May thay, sự mạch lạc vẫn là điều kỳ diệu dẫn đường chỉ lối cho ta đi. Không thể là ra hố rác tất! Vòng hệ lụy thế nào thì cũng vẫn là nền móng và tình yêu bao giờ cũng như một bản năng, cùng trách nhiệm với cuộc sống của con người vẫn là một động lực dẫn dắt. Con người không đi tìm cái tuyệt đối. Con người tìm cái hợp lý, con người bằng lòng với cái rục rịch của đời thường. Con người về căn bản là chấp nhận. Con người dẫu có thế nào cũng không ra khỏi cái vòng quay cổ điển đó. Tôi nghĩ thế. Tôi run sợ, sung sướng nghĩ vậy và rất sợ mình nhầm. Rất sợ rằng đó chỉ là cảm hứng chủ quan ngoại đề của câu chuyện này.

Hai tuần sau đám cưới của chị Uyên tôi, mẹ tôi mất. Cụ đi không thật thanh nhàn. Đọc kinh xong, ngồi xếp chân theo thế kiết già, khoảng canh ba, gọi các con dậy, mặt đầy nếp nhăn khổ ải, nhưng miệng nói: “Mẹ đi đây.” Căn buồng lập tức thoảng mùi hoa nhài.

Một năm sau, chị Uyên tôi sinh đứa con gái đầu lòng. Ông trung tá nghênh ngang trừ lúc ngủ, lúc nào cũng đeo máy nghe, nhận làm hợp đồng ở Hội Cựu chiến binh, mặt vẫn

phẳng phát chút dài dài. Hết giờ làm ở cơ quan, về nhà còn bao nhiêu thời giờ, ông dành hết cho đứa con gái nhỏ.

Chị tôi mỗi khi ẵm con lại nói:

- Tao sợ nhất con bé nó giống tao. Tao tính thiện mà mệnh hung, cung phu của tao có Sát Phá Tham Lang, lại Hóa Ky. Còn cung nô của tao có Đào Hoa. Nhưng mà tao sẽ chết non. Tao chết trong một dòng sông. Ông thầy tướng bảo thế!

Ông trung tá lâu bầu:

- Rõ mang dây buộc vào mình chưa!

Bà vợ lườm chồng:

- Điếc lòi ra, nghe được cái gì mà cũng tham gia câu chuyện chị em tôi.

Rồi quay sang tôi, trước vẻ ngây ngô của ông chồng, chị tôi vừa kể vừa cười như nắc nẻ. Ông anh rể tôi ngày càng điếc nặng. Đêm qua, bà vợ ông lên giường sau, vừa đẩy ông nằm lui vào phía trong vừa quát: “Nằm lui vào!” Ông cứ trơ trơ rồi lại ngồi dậy phân trần rằng: “Tôi chẳng còn hào nào!” Bà vợ tức quá hét: “Đồ điếc!”, thì ông lại tưởng rằng bà trách ông tiếc tiền nên ông to tiếng cãi lại: “Ai người ta tiếc!”

Chuyện ấy chỉ mấy ngày đã lan truyền, hòa nhập vào muôn vàn chuyện đời thường của ngõ phố. Lại chính là bà chị tôi kể. Bà gia nhập đám các bà các chị con mọn với những chuyện ngồi lê đôi mách vô thưởng vô phạt thật nhanh. Cuộc sống thông tục hóa ra có sức cảm hóa ghê gớm. Tôi nghĩ vậy nhưng lòng vẫn không khỏi băn khoăn. Vì được biết, cứ kể xong một mẩu chuyện vui về ông chồng điếc của mình, bà chị tôi lại chếp miệng, buông một câu: “Cái hồi ở mặt trận Khe Sanh, anh ta hò hét lính sao mà... đẹp thế!” Nói xong lặng đi, mặt vội vội cô đơn.

Ông trung tá điếc thì chẳng trò chuyện được với ai. Ông chỉ có đứa bé gái là tri kỷ. Ôm con bé trên tay, ông nói:

- Hạnh phúc là sớm đi làm, tối về bế con.

Đàn bà đẹp là phải ngu ngu một tí mới có hạnh phúc. Tôi nhớ lại câu nói của chị Uyên tôi. Và có cảm tưởng câu nói của ông trung tá là một câu nối tiếp vào mạch văn đó. Tiếc thay, tôi đã lầm. Hạnh phúc của ông anh rể tôi đã đứt gãy giữa chừng. Một sớm chị tôi vác cái chiếu ra con sông trước nhà giặt, đêm qua con bé đái dầm thâm cả chiếu, rồi không thấy về. Mọi người đi tìm, chỉ thấy cái chiếu Đậu trắng ngâm lập lờ bên lội nước. Thuê người tìm từ bến đó ra cửa biển cũng không thấy tăm tích chị tôi.

Cho đến nay tôi vẫn chưa biết nguyên nhân dẫn đến cái chết của chị tôi. Ở khúc sông đó, các cụ bảo có nhiều *ma nam*, chúng chỉ rình bắt đàn bà con gái có nhan sắc phi thường.

1994

BẾN BỜ

Mình có phải là một đứa con tệ bạc?

Cuối cùng, những day dứt tận mắt mập mờ đã kết tủa, thành một câu hỏi và Nhâm đã phải ứa nước mắt tự vấn mình. Bảy năm trước, chia tay mẹ để theo chồng về phương Nam, ôm mẹ, chị vật vã, như đứt từng khúc ruột: “Mẹ ơi, con lạy mẹ con đi! Nhưng từ nay, mỗi năm hai lần con ra thăm mẹ.” Lúc đó, chị rơi vào trạng thái cực điểm của hoang mang. Tạm biệt mà thăm thăm như biệt ly vĩnh viễn. Chị thấy mình là đứa con bất hiếu rất đáng chê trách. Lúc đó, chị chưa thể hình dung ra cuộc sống sau đó, kể cả khoảng cách vời vợi ngàn trùng giữa chị và mẹ mình.

Thời gian như một thánh vật, lạnh lùng với tất cả. Xúc cảm thiêng liêng lắng dịu, lặng lẽ đi vào các khuôn khổ đời thường. Những dự định cao quý nhất thời tan hòa vào các nín kéo lu bu và ngổn ngang trăm thứ bà giần công việc hằng ngày cùng các thói quen mới, hệ quả của sự lặp lại lâu ngày dày kén, trong mỗi tiết đoạn của đời sống, đang xói mòn dần vết hằn đã ghi dấu hôm qua.

“Tao cũng muốn ra thăm bà già đột này, nhưng nghe đài báo gió mùa đông bắc về...” Một lần, từ Sài Gòn gọi điện ra Hà Nội cho một bạn gái ở trung tâm, Nhâm đã nói vậy. Và chị vội lập bập môi như thói quen ngày bé muốn xóa bỏ một

lời nói gở. Xét sự việc ở độ sâu của nó, về căn bản không có lời buột miệng, vô tình. Nhâm khóc, ân hận dâng trào cay sè. Sao chị chóng quên thế lời hứa hẹn? Tình mẹ con da diết có tồn tại thật không mà chóng phai lạt thế? Chẳng lẽ Nhâm đã quên rằng chị là người đất Bắc, chị sinh ở một thị xã nhỏ miền thượng du, miền nắng lửa mưa dầu, mưa dầm gió bắc?

Nhâm sợ chính bản thân mình. Lặng lẽ chị tìm cách sửa chữa thói quen vô tình lầm lỡ nọ. Chị yêu thương mẹ, thật sự yêu thương mẹ, từ trong tâm khảm sâu xa. Nhưng buồn thay, con người nhiều khi không còn là của chính mình. Cơ hội đến rồi lại vượt khỏi tầm tay. Xịch đến cái chết của chồng chị. Cuộc sống của chị hoàn toàn bị đảo lộn. Con đầu tê dại vừa nguôi ngoai lại tiếp đến nỗi lo bại hoại cả tâm sức cho việc học hành, thi cử, công ăn việc làm của hai đứa con.

Bảy năm dằng dặc mà tan biến không tăm tích.

Bảy năm dằng dặc hơn hai ngàn ngày đêm, dài như một phân kỳ lịch sử, Nhâm chưa trở lại quê thăm mẹ. Và bây giờ, chị hiểu đã đến lúc không thể chần chừ. Đêm ấy, chị ngủ mê. Trong giấc mê, có một ông già đến gặp chị. Ông già quắc thước, đội mũ phớt, vành mũ thoi những lọn tóc bạc. Ông tặng chị một bó hoa. Chị đón bó hoa, giật thót mình, thét to và tỉnh giấc. Bó hoa ông già tặng là một bó hoa héo! Ngồi trong đêm, chị run rẩy nhớ lại hồi chiều chiếc gương lớn ở phòng khách bỗng dưng rơi tuột xuống đất, vỡ tan tành. Trời! Bó hoa héo và chiếc gương tự vỡ báo hiệu nỗi mất mát và ánh xạ niềm giục giã gì mà ghê gớm quá!

“Tôi xin nghỉ phép.”

Từ Sài Gòn bay ra Hà Nội, rẽ vào trung tâm thông báo vón vện từng ấy chữ và không chờ phản hồi của cấp trên, chị tức tốc ra ga, mua vé lên tàu ngược.

Tàu chuyển bánh.

Gần hết buổi sáng con tàu chạy qua miền đồng bằng đang xanh rì lúa con gái. Tháng Tư, tháng đẹp nhất, duyên dáng nhất trong năm. Khô giá vừa ra đi. Gió trời thoa vuốt mơn man. Lợp kín trên các vòm cây là các vầng hoa cho quả mùa hè. Lấp ló đó đây sắc đỏ son của những gù phượng vĩ non.

Lượn vòng qua các eo đồi trung du lô xô bóng cọ, con tàu dừng lại ở một ga lớn hơn một giờ đồng hồ, lát sau hãm hở tiếp nối cuộc hành trình. Lúc này, con tàu chỉ còn kéo có năm toa. Chỉ còn vài chục hành khách. Đường càng lên phía Bắc càng thưa xóm làng. Độ dốc cao, khúc quanh nhiều, con tàu rung lắc liên hồi. Suốt năm toa khách, chỉ còn mình Nhâm thúc. Chị không rời mắt khỏi khung cảnh ngoài cửa sổ con tàu. Phương Nam lồng lộng nắng gió, bốn phương trời đất thiên thang, cảnh vật luôn ở ngoài tầm mắt của con người. Ở đây, địa vực cắt chia liên tục, cảnh tượng đổi thay bất ngờ; tất cả đều xinh xắn, dễ thương và thân thiết quá. Dòng sông hẹp và làn nước chảy le te một nỗi sầu cô quạnh. Cây cầu ngắn gang tay. Vùng cửa sông nước quẩn những xoáy nhỏ hình chiếc chong chóng trẻ con chơi. Vệt đường mòn giống một nét son rớt. Bóng núi lam như phong màn nâng đỡ. Và cuối cùng là tiếng hú con tàu sau một khu ga lau lách phát phơ, hốt hoảng như tiếng hú gọi đàn. Cũng như con tàu, chị cần một nơi đậu. Thoát khỏi cảm giác lênh đênh, quãng năm giờ chiều hôm ấy, chị đã nhìn thấy thị xã quê hương.

*

Tất cả đều quen thân, đều được lưu giữ trọn vẹn, đều y hệt bảy năm trước, mười năm trước, hai mươi năm trước và xa hơn nữa. Kể cả quang cảnh hoàng hôn với vầng mặt trời nhòa sau màn sương tím, trần mây xám màu chì và làn gió từ khe núi khe khẽ thổi như vuốt ve. Xuống tàu, nhìn thị xã bên kia

sông, một lần nữa, như thời còn là nữ sinh trung học, Nhâm tin rằng thi sĩ Yến Lan viết bài thơ *Lại về tỉnh nhỏ* là nhờ cảm hứng khi ông đi qua đây.

Tỉnh nhỏ

Đìu hiu

Mặt trời ngủ giữa chiều

Trở mình trên mái rạ

(...)

Tỉnh nhỏ

Cô em

Nằm xem

Kiểm hiệp

Sân bàn cờ - cửa trường gài líp

Mòn thước gỗ đầu trò

Ông giáo đã hoa râu.

Vẫn là một đời sống quạnh hiu, xa vắng nhưng thân mật đậm đà. Cả chiếc xe ngựa mái lợp lá gồi, trục xe thường xuyên thiếu dầu, bánh xe lăn trệu trạo, con ngựa xám lam lũ tái hiện từng bước đi bập bôm đưa Nhâm từ ga tới bến phà. Cả cái dốc đổ từ con đường ô tô xuống cái bến gập ghềnh đá đầu sù. Cả con phà to bè, vá víu, già lão, bên sườn đeo những chiếc lốp ô tô cũ nát, trơ lằn vải sợi. Và chiếc *ca nô* lai dất đen sì muội than, hôi mùi dầu *mazut*, hướng cái mũi bẹp về phía bên kia sông, cái bến không xa, nhưng lúc nào cũng mờ mờ sương phủ, như ẩn dụ của thói lãnh cảm, vô tình.

Con phà lịch kịch nặng nề đã bắt đầu chuyển dịch trên dòng sông lờ ngờ nước chảy. Nhâm rất sợ nó bị mắc cạn. Và chị nhớ đó là cảm giác mỗi lần chị qua phà này, từ những ngày xa. Đã xa rồi mà nay vẫn là vậy, những khách đi phà: các bà bán rau quả lồng công thúng mủng, những anh xe thô hai cẳng

chân đen sì, nghênh ngang tay lái và những chiếc rọ sắt đeo hàng ở đuôi xe. Những gương mặt rất quen. Những tiếng nói rất quen. Và gã bán vé phà, vẫn là cái hình nhân sống động của hàng chục năm trước. Mặt tối sẫm. Hai con mắt ngưỡng thiên. Cái miệng méo. Hàm răng ngựa. Một giọng nói nheo nhéo. Một mớ hỗn độn những từ ngữ kiểu chợ búa. Đeo cái túi mìn mo đựng tiền ở trước bộ ngực lép, gã chuyên thoăn thoắt hai bên thành phà, miệng liên tục liên thoảng:

- Nào, nôn ra! Móc hầu bao ra, các bá! Tiền lẻ. Tiền lớn không thối lại, ghen. Này, bà chị xinh đẹp. Người đâu tới vùng này mà sao ngờ ngẩn! Tai vẫn lành đó chứ, chị cả?

Nhâm mở ví lấy tiền.

Nhâm nhớ, hồi ấy, ngày hai lần qua lại chiếc phà này, để xuống thôn Vạn Hoa dưới kia dạy học, chị chỉ mất có một trăm đồng. Giờ giá vé đã là một ngàn. Giá vé đã gấp cả chục lần nhưng những ngày ấy dường như vẫn còn đây, hoàn toàn, nguyên vẹn cả cái thói bồm boăm, thân tình quá trớn của gã bán vé phà, ở những cư dân thị xã có mặt trên chuyến phà chiều, qua những câu chuyện đổi trao và cách giao tiếp của họ. Thị xã tỉnh nhỏ miền thượng du, bóng hình một làng quê thân thuộc. Ở đây, mọi câu chuyện hệ trọng và tầm phào đều có thể truyền bá, khuếch đại lên và lưu giữ cẩn mật. Ở đây, người này biết kỹ gia cảnh, tính tình, tiểu sử người kia như trong một gia hệ. Ở đây, mọi người không trừ một ai, từ một danh tài tên tuổi lừng lẫy đến một kẻ khùng dại, dị mọ với những thói xấu ghê người, đều là nhân vật của một vở kịch duy nhất, chặt chẽ. Các quan hệ đan chéo, dằng dịt nhau. Mọi nỗi vui buồn đều là tài sản chung và mọi người cùng một gương mặt tinh thần, gắn bó với cộng đồng, khiêm nhường, tự kiểm chế trong một nhịp sống thuận hòa, sẻ chia.

Phịch! Phịch! Phịch! Con phà ậm ạch ra đến giữa sông bỗng như khựng lại, lỡ một đà trượt. Sóng từ thượng lưu chồm

những cái lưới trắng xóa lên thành phà. Nhìn lên phía trên dòng chảy, Nhâm nhận ra, trong bóng chiều ẩm ướt, ba cái trụ cầu như ba ngọn nến khổng lồ đang giăng hàng qua mặt sông và ở bên tả ngạn, nơi chiếc búa máy đang phì phật phun khói theo mỗi nhịp đập chấn động cả một vùng sông nước.

- Nhà phà chúng em sắp giải nghệ rồi. Nào, dô, dô. Đứng lui dô! - Gã bán vé phà thoăn thoắt hai cẳng chân sếu trên thành phà, chột dừng lại, hét toang toang. - Muốn làm vợ Hà Bá hả, bà kia?

Những người đàn bà đứng ngồi cạnh Nhâm cùng nghển cổ nhìn về đầu con phà và lập tức nhao nhao cất tiếng:

- Kéo bà ấy vào đi, chú Xảy!

- Làm ơn, làm phúc giúp bà ấy đi, các bác ơi! Đừng làm bà ấy giật mình, ông Tư Xảy!

- Khổ! Mới ngày nào bà giáo còn tươi mười lăm kia.

- Nó là cái dớp của thị xã mình đấy thôi, các bác ạ.

Gã bán vé phà tên Tư Xảy kéo cái túi mìn mo sang bên nách trái, dẻo như vượn, đã nhảy chuyên tới đầu con phà. Ở đó có một người đàn bà. Đứng chênh vênh trên cái cầu phà như cái lưới thè lè chạm sát mặt nước, ống quần bên thấp bên cao, một cái áo cộc rách toí tả hở cặp vú thông thẻo, người đàn bà trạc ngoại năm mươi, mắt nhắm tịt, miệng loe loe một cái cười đại đại, đang đưa hai bàn tay bột bột về phía trước, vẩy vẩy liên hồi.

- Này con mụ điên!

Gã bán vé túm được vai người đàn bà vừa lúc đáy phà chạm cạt cạt vào nền sỏi dưới lòng sông và cái đầu phà đâm đánh bịch vào bờ đất. Người đàn bà nọ đưa ngang tay, giữ thẳng bằng, rồi quay phắt lại, quài tay về phía sau, tung mớ tóc xỏa rối sau gáy, lè cái lưới dài đỏ hỏn, rồi nghiêng mặt cất tiếng véo von.

Không phải là một bài hát. Nhâm chỉ nghe được loáng thoáng mấy tiếng đầu của một bài ca dao. Chị gằm mặt, trong dòng người chen lấn, qua mặt người đàn bà nọ, rồi bước lên bờ.

*

Thốt nhiên, choàng hai cánh tay ôm mẹ mà Nhâm bỗng run lên bần bật. Chị nghèn nghẹn:

- Con tìm về nhà. Giờ, đây là cửa hàng số 1 của công ty thương mại tỉnh. Con gọi cửa, hỏi. Người ta bảo: Mẹ dọn về Ngõ Chùa. Con tìm đến Ngõ Chùa.

- Dọn đi dọn lại hai, ba nơi rồi, con ạ.

- Mẹ!

Nhìn mẹ, chị lắc đầu như rũ khỏi ánh bóng hoa héo trong giấc mơ đêm nào.

- Mẹ vẫn khỏe chứ mẹ?

- Các ông ấy bảo: “Nhà của cụ, nhưng năm 55 cụ đã hiến cho chính quyền rồi.”

- Mẹ ơi! Con lo cho sức khỏe của mẹ quá.

- Các ông ấy bảo: “Như vậy, nhà ấy là của tỉnh. Và tỉnh đã cho gia đình cụ thuê lại. Cụ rõ chưa? Giờ, chính quyền lấy lại cái nhà đó, xếp cho cụ ở chỗ khác. Cụ già rồi, cần nơi yên tĩnh. Ở mặt đường mà làm gì!”

Nhâm thở ra nhẹ nhẹ. Từ nãy đến giờ, hai mẹ con, hai câu chuyện không ăn nhập với nhau. Còn lúc này, bà cụ như xếp lại, thu gọn mình, ngoan ngoãn và mềm yếu như một đứa trẻ, để mặc cho hai cánh tay Nhâm, một lần nữa, vòng qua, nhẹ nhàng kéo ép lại. Giữa cái hỗn tạp ồn ào, một khoảnh khắc yên bình và được giành lấy, hiện ra. Hai mẹ con áp sát nhau, thành một khối duy nhất, đung đưa nhẹ nhàng trong một nhịp rung lắc êm ả, giao hòa.

Chính lúc ấy, nước mắt Nhâm ào qua hai hốc mắt và chị nhận ra dường như bà cụ không chịu nổi trạng thái giao cảm thân thiết ấy, đã trượt ra khỏi tay Nhâm, bật lên những tiếng nấc đứt quãng liên hồi.

- Mẹ có nhận được điện báo của chồng con mất. Nhưng năm ấy trời ra tai, rét quá. Mẹ ho suốt cả mùa đông.

Nhâm sụt sịt:

- Con điện để mẹ biết thôi. Chứ đường xa dậm thắm mẹ đi sao được.

- Giờ hai đứa trẻ thế nào?

- Cái Nhi đỗ vào Đại học Sư phạm. Cháu Tôn tốt nghiệp trường Cao đẳng Ngân hàng, hiện đang chờ việc, mẹ ạ.

- Tháng Tư năm ngoái, giỗ hết chồng con, các bà ở đây rủ nhau vào lễ hội Bà Chúa Sam, mẹ đã tính đi cùng thì thằng Khánh em con nó về.

Thoáng một vệt lông mềm mại lướt qua bên sườn Nhâm. Chị quay lại và nhận ra đó là con mèo trắng điểm những miếng vá ở bả vai và giữa lưng.

- Con Lít đây, hả mẹ?

- Không! Con này mẹ đặt tên là Nhít. Nó là con của con Lít. Con Lít bị người ta bắt mất rồi.

Nhâm nhắc con mèo, đặt vào lòng. Con mèo trườn lên ngực Nhâm, khò khè thở, thân mật và yên lòng. Ôi, con mèo đẹp quý phái! Con mèo ngồi trên chiếc chiếu cạp điều mới tinh khôi, cạnh cái bàn đá khắc tranh thủy mặc, bên cái tủ chè thấp thoáng bộ đồ trà và các đồ gia bảo. Con mèo đẹp là nét chấm phá sinh động cuối cùng để hoàn chỉnh bức tranh sinh hoạt gia đình êm ấm ở một đêm đông đã rất xa mà vẫn như còn quanh quất.

Những đêm đông đã xa lắc. Tiếng còi tàu biệt ly như một bản sao mờ. Con sông róc rách nhỏ to lời tâm sự. Bên cái ấm

giở thơm nồng mùi chè hạt là giọng mẹ đôi hồi chuyện xa xưa. Gió khua lạnh canh những quả núc nác khô đen, kéo từng luồng dọc phố vắng, rít qua khe cửa hẹp, lọt vào nhà. Khánh tan học buổi chiều, còn mải đá bóng, ăn cơm muộn một mình trên cái bàn đá lạnh. Thông ngồi chơi khối *rubic* cạnh anh. Con mèo Nhít nhí thể thấy Nhâm từ buồng trong bước ra, ngồi xuống mép bộ ghế nhựa, liên len lén bước tới. “Gừ gừ cái gì? Để yên tao bắt rận cho!” Con Nhít quấy mạnh trong tay Nhâm. Mẹ nói: “Đêm nào nó cũng sùng sục rúc chần tôi.” Khánh nhồm nhoàm: “Rận nó không sống ký sinh trong lông măn thì nó sống ở đâu? Đừng có theo bọn diệt chim sẻ. Sự thất học là đại họa của nhân loại đấy!” Mẹ rầu rầu: “Bố mày ngày xưa quý từ con mèo, con chó trong nhà. Tản cư, lạc mất con chó *Bô la*, ngăn ngõ cả tháng trời.” Thông rời mắt khỏi khối *rubic*: “Đúng là lợn tưng phèo như các mặt của khối vuông này vậy. Bố đang là chủ sự dây thép tỉnh lẻ, nhảy tót lên làm chủ tịch ủy ban lâm thời thị xã, dùng cái trở thành đối tượng cải tạo.” Khánh đặt bát cơm xuống mặt bàn, lạnh tanh: “Chung quy anh tiểu tư sản đi với ai cũng lép vế.” Nhâm gắt khế: “Thôi, ăn cơm cho xong bữa đi. Rắc rối!” “Hà, hà...” Cậu em lớn ăn xong bữa, đứng dậy, càng rắc rối hơn. Nó cười chua chát: “Chị là hình ảnh giai cấp tiểu tư sản hòa hợp tuyệt diệu với...” Nó định nói cuộc hôn nhân của chị với ông trung tá tỉnh đội phó. Chị nhìn nó trừng trừng: “Mày bỏ ngay cái giọng khiêu khích ấy đi nhé!” Định nói vậy thì con Nhít nhoài mình, tuột khỏi lòng. “Nhít, mày chạy đi đâu?” Chị kêu. Con vật nuôi trong nhà thật sự đã đóng một vai phụ trong vở kịch chung của gia đình. Thông chột nhác khối *rubic*, reo cổ ý: “A! Tìm ra quy luật của khối vuông rồi nhé! Chẳng hề hỗn độn tí tẹo nào cả. Có lẽ luật hần hoi đấy. Này nhé...”

Con Nhít khò khè thở trong lòng Nhâm.

- Kia, mẹ đi đâu?

Đặt con Nhít xuống chiếu, Nhâm đứng dậy, ngơ ngơ như vừa ra khỏi chiêm bao. Bà cụp đội lại vành khăn:

- Mừng quá, mẹ quên khuấy. Để mẹ làm cái gì cho con ăn.
- Không! Mẹ ngồi đây với con. Con không đói, con ăn ở trên tàu rồi.
- Thì để mẹ thắp hương lên bàn thờ bố con. Trên đó có xôi chè, bánh trái.

- Con còn có cả một túi quà tướng cho mẹ đây. Cả hương nến con mua từ trong ấy nữa. Thư của cái Nhi, thằng Tôn gửi bà và hai cậu. À, mẹ ơi, có phải cậu Khánh đã ly dị cô vợ Thái hồi nó cưới ở Liên đoàn Địa chất 5 không? Cậu Thông viết thư cho con, nói tháng Bảy tới cậu ấy sẽ vào Vũng Tàu, chuẩn bị sang năm đi tu nghiệp ở Australia, mẹ ạ!

Nhâm chột ngừng. Ngược lên, chị thấy mẹ phăng phắc một bóng nhỏ đang chấp tay trước cái bàn thờ gắn ở sát trần. Hương thơm tỏa khắp gian phòng nhỏ một cảm giác an toàn nơi bờ bến.

*

- Họ ăn ở giờ chẳng còn tí nhân tình nào cả, Nhâm à. Con có nhớ cô giáo Phụng dạy con hồi con học cấp hai không?

Gần sáng, mắt vẫn chong chong, giữa dòng chảy rì rầm của câu chuyện hàn huyên, bỗng nhận ra mẹ lên giọng, Nhâm choàng ngay dậy:

- Mẹ! Có phải cô giáo Phụng là cái bà dở người ở dưới phà...
- Cô giáo Phụng, vợ thầy Tấn Hiệu trưởng trường cấp ba đấy, con. Khổ, có anh trai cả thì hy sinh ở chiến trường. Chồng thì... tự thiêu chết!
- Trời! Sao lại tự thiêu, mẹ?

- Nó cũng vì oan ức quá. Nhà thầy cô trước ở gốc đa, giữa phố Cam Đồng, con còn nhớ chứ? Hồi sơ tán chống Mỹ, theo trường, gia đình thầy cô dọn vào làng Quang ngoại vi thị xã. Trước lạ sau quen, lâu dần mến cảnh mến người, thầy cô mới dựng nhà dựng cửa trong đó. Còn cái nhà lá ở ngoài phố này, cứ khóa cửa để đấy. Năm rồi, cô gái thứ hai lấy chồng, định trở về ngôi nhà cũ thì bị người ta gây khó dễ, rồi chấp chiếm mất.

- Sao lại chiếm được? Mà sao không khiếu nại, không kêu kiện?

- Chỉ còn thiếu nước lạy van họ nữa thôi. Thầy Tấn vua biết mặt chúa biết tên, nào có hèn kém gì. Nhưng quyền phép trong tay họ. Họ thiếu gì lý lẽ. Nào là đất của công. Cái nhà không ở, như cái lều rách, coi như không có. Nào, hộ khẩu ở đâu chia nhà ở đó. Còn đang giằng co, họ đã cho xe công nông chở vôi cát đến, đổ móng, lên tường, thành cửa hiệu rồi. Mà đứng ra quyết định việc này là cái nhà anh Bật, học trò của thầy Tấn, cô Phụng. Chết chết, giờ sao người nào cũng tợn tạo quá! Anh Bật này có hai tòa nhà bốn tầng cao nhất phố đấy. Các ông có chức quyền khác cũng chẳng kém. Nhà nào cũng biển hộp sáng trưng, hàng ăn, quán trọ, cửa hàng nườm nượp khách ra vào.

- Bật thì con biết. Có dạo nó học ở trường Bồ túc văn hóa con dạy. Học dốt lắm mà hay ăn cắp vặt.

- Đầu nghiêng, cổ vẹo, trông như thằng cô hồn, một dạo nó lái xe tải, rồi chuyển sang làm nhân viên phòng thuế, chuyên đi ăn quyt các hàng phố. Cái thằng ăn xó mó niêu ấy giờ nó làm phó chủ tịch thị xã phụ trách công việc nhà đất. Ai oán lắm con ơi! Mấy năm nay không hiểu nấy nòi ra một bọn hễ có tí quyền chức là dãi dãi hơn người, mặt dày mày dạn, khôn ngoan quỷ quyệt, mạnh ai nấy vợ, bất chấp cả luân thường đạo lý, tình xóm giềng, cốt nhục. Oan ức nhiều quá, chướng tai gai mắt quá lắm, dân người ta mới đặt ra các câu chuyện tiếu lâm,

các bài hò, vè. Lại chính là cái nhà anh Bật đứng lên bảo rằng tất cả là do cô Phụng bày ra. Rồi sau người đến khám xét nhà cửa, bắt cô lên khảo vấn. “Này, anh Bật. Trời không cho hùm có vây đâu. Bà giáo Phụng mà chết thì anh không thoát khỏi tội sát tử đâu đấy!” Có người gặp, nói thẳng vào mặt nó thế. Thế mà nó dám trợn trừng, đáp: “Đứa nào chết, đứa ấy thiệt! Thằng nào chi lương cho ông, ông theo nó!”

Trời! Nhâm vỗ một tiếng kêu thâm trong thâm thẳm. Bỗng nhiên cả hai mẹ con cùng bật tiếng, cùng như tan ra trong cô quạnh mênh mông.

- Còn sớm. Con dậy làm gì, con?

Lát sau, Nhâm nhận ra bàn tay mẹ đang lần rờ tay chị như tìm nơi nhờ cậy. Chị ngồi dậy, nhắc cái túi hành lý giả da vẫn ở nguyên vị trí tối qua.

- Mẹ à! Con định thế này. Con ra ngay bây giờ để kịp chuyến tàu sớm về Hà Nội đêm nay. Mai con đến cơ quan xin nghỉ một tháng lên đây thu xếp mọi việc với mẹ. Nhân thể con sẽ gọi điện cho cậu Thông, cậu Khánh. Có lẽ...

Bà cụ bò dậy, lê ra mép phản, khe khẽ:

- Nhâm à! Mấy năm giờ, con cái mỗi đứa một nơi, giờ con về, mẹ có câu chuyện muốn nói với con.

Cái túi hành lý trượt theo tay Nhâm rơi đánh phịch xuống đất. Hai vai buông lỏng, mắt rã rời và nhìn hai con mắt cả đêm không ngủ, ngầu ngầu nổi ưu phiền của mẹ, Nhâm đã linh cảm nhận ra điều mẹ chị định nhắn gửi. Chị run từng chân tóc và lập cập áp chặt hai bàn tay mẹ trong tay mình.

- Mẹ dặn con thế này, Nhâm!

Kéo cái ấm giở, nghe tiếng nấc ghì nén trong lồng ngực con gái, bà cụ liền đưa tay lên cổ chẹn một cơn ho:

- Đấy, cứ động mất ngủ là lại ho. Nhâm à, năm nay mẹ thấy trong người yếu lắm rồi. Đạo này hễ cứ đặt mình là mẹ

lại mê. Đêm hôm kia, vừa chớp mắt được một tí, mẹ mê gặp bố con. Bố con bảo: “Sao hồi này bà buồn thế? Có phải vì đời các con trắc trở quá không?” Hồi cuối năm ngoái ở làng Quang có cô đồng Bính ở Hải Phòng lên lập điện, mẹ có tới gọi hồn bố con. Bố con về. Bố con nói chuyện với mẹ dài lắm. Bố con bảo: Có gặp chồng con ở dưới âm này. Chồng con chết oan. Lẽ ra mở vây ở đường này, họ lại lừa chồng con đánh ra đường khác. Chồng con chết rồi, họ lại định đòi lại cái nhà đã phân cho gia đình con. Bố con vừa nói vừa sa nước mắt: “Tôi không ngờ đời người lại lắm khổ ải, truân chuyên đến thế.” Hồi Pháp thuộc, bố con là công chức ngành bưu điện, vì Pháp họ nghi là có quan hệ với các ông Việt Nam Quốc dân Đảng Nguyễn Thái Học, Phó Đức Chính nên họ mới đẩy bố con lên tỉnh thượng du này đây, con à.

Đừng lời, cúi xuống, kéo vạt áo bông lên, bà cụp lần sờ lần thất lưng bao, rồi rút ra một cái túi vải hoa nhỏ.

- Mẹ!

- Để mẹ nói đã, con. Tất cả gia sản của mẹ chỉ còn là cái nhẫn hai đồng cân này. Con cầm lấy. Nay mai mẹ có về với bố con thì con lo việc hậu sự cho mẹ. Đừng tang ma mai táng mẹ. Đưa mẹ đến đài hoàn vũ. Tro di hài mẹ cho vào ba cái bình.

- Mẹ!

- Một bình con giữ. Còn hai bình, một con đưa em Khánh...

- Mẹ ơi!

Bật lên một tiếng nấc nghẹn, Nhâm ôm chầm mẹ. Trong giây lát, qua thân hình mẹ còm cõi, yếu đuối đang run rẩy trong tay chị, chị nhận ra toàn bộ nỗi cô đơn thống khổ của mẹ mình. Chị khóc ròng ròng.

- Mẹ ơi! Con đã để lại mẹ nơi này, con có tội với mẹ, mẹ ơi!

Sương tan, mặt đất nồng nàn hơi ẩm, sáng dần.

Đeo cái túi hành lý đi qua thị xã, Nhâm có cảm tưởng mình đã bỏ lại cơn xúc động bỗng bột phụ nữ và thói mê mị của ký ức định hình chiều qua. Chị đã nhầm. Thị xã quê hương chị thật sự đã chẳng còn là hình ảnh sống trong tâm tưởng chị và thơ Yến Lan chỉ là dấu tích tâm hồn của một thời đã qua, dấu rằng dấu vết vật chất của nó vẫn còn lại đôi ba nét dấu đây.

Còn đây, hàng cây trĩu bóng bên hè. Còn kia dăm bảy mái rạ heo hút xám nhờ. Và đứng ở giữa một con phố nhỏ, buông mình vào nỗi nhớ xa xăm, khi thoáng thấy bóng hình một thiếu nữ dịu hiền ngồi bên ô cửa sổ, chị như gặp lại nhịp đập chậm rãi êm đềm của đời sống tinh thần tỉnh nhỏ. Tỉnh nhỏ, nơi chị đã yêu, một tình yêu thuần khiết, tự nhiên. Tỉnh nhỏ, nơi con người chưa vong thân, nơi mọi người chan hòa trong một ý nguyện thiêng liêng: Hãy yêu thương nhau và hiệp nhất cùng nhau trong cuộc sống chung!

Còn đó nhưng phẳng phất, lẻ tẻ, nhỏ nhoi trong hoài niệm của con tim đa cảm, cái linh hồn của thị xã quê hương bấy năm về trước của Nhâm. Chị nhận ra điều đó trong một sự hụt hẫng đến ghê người. Lòng se buồn, chị hiểu rằng hạnh phúc của con người thật là quá mỏng manh.

Một hoàn cảnh, một nhịp sống, một thời đại đã ra đi. Tan biến rồi vẻ đìu hiu tỉnh nhỏ. Không còn nữa cảnh em gái nằm xem kiểng hiệp trong im lặng cố hữu của quang cảnh. Đường mở rộng gấp bốn lần vệt lần cũ. Người, xe dào dạt chảy như con nước lũ. Các cửa hàng, các khách sạn hiện hình đông đúc, trẻ trung, mới lạ trong những kiến trúc tân kỳ lạ mắt. Loa hát oang oang. Tiếng người cười nói rộn rã. Người ăn xin lộ mặt ở mọi nơi. Chợ bán súc lao động đông đặc những mái đầu xanh nhúc. Có cái gì đó bọm bãi, vô lối, phá cách, và nhìn sâu vào bên trong còn thấy bao nhiêu là uẩn khúc, bao nhiêu là nghịch

lý còn ẩn tàng. Nhưng mặt khác khi hiểu ra lẽ tận cùng của sự biến thông và thực sự cầu thị, lại cũng nhận ra rằng ở nơi đây, một lực lượng mới tràn trề sinh lực đang hình thành. Thị xã đang hóa thân thành một vùng sinh tỏa mới, vạm vỡ, kiêu hùng, tàn nhẫn, lý tính, phong phú và mạnh mẽ hơn. Còn rất nhiều điều bất ổn, nhưng nó ngạo nghễ, tự tin và dẫu thế nào thì mọi người cũng đang nhìn thấy nó mờ mờ hình ảnh của một tương lai trong thắc thỏm nửa mừng nửa lo.

Bến phà vắng hoe.

Lối xuống phà bị một chiếc *barie* chặn ngang.

Ba chiến sĩ cảnh sát đứng bên chiếc *sidecar* xanh bóng, thay nhau gọi loa và gã bán vé phà dị dạng Tư Xảo luôn mồm phụ họa theo:

- Yêu cầu bà con đi lối bên để xuống đò qua sông. Nhà phà ngưng việc chuyên chở vì có sự cố!

Sự cố gì vậy?

Theo chân mọi người, Nhâm trượt theo một lối dốc lên được một chiếc thuyền nan khi nó vừa sắp rời bờ. Trên thuyền có hơn chục khách, hầu hết là các bà buôn gánh sang sông đi chợ sớm. Ngồi yên vị trên thuyền mọi người đều ngược lên nhìn con phà đang đậu cách đó khoảng hơn hai chục bước chân. Ở đó, quanh phà có ba người đang hò hét ngợp lặn.

- Họ mò từ lúc năm giờ sáng mà vẫn chưa thấy. - Bạt mũi thuyền ra tới giữa dòng chảy, người lái đò đột ngột vào chuyện. - Người ta bảo vào quãng năm giờ sáng, bà giáo Phụng xuống phà, hát múa một thôi một hồi. Lúc ấy thằng Tư Xảo cũng có mặt.

- Tư Xảo là em kết nghĩa của lão Bạt đấy! - Một người khách thuyền nói.

Người lái đò đứng dậy, khoát mạnh mái chèo, dừng đỉnh:

- Bà giáo ấy hát: “Nhà hàng là của vua quan, *ôten*¹ là của gian tham nịnh thần. Phố to là của thương nhân. Ngõ thôn chật hẹp: nhân dân anh hùng.”

- Hay đấy nhỉ!

- Ôi dào, mới nói tới đình màn thôi.

- Này, bác lái ơi, nghe nói có cái bến phà có con *ma nam* đấy.

- Dưới vũng thì có con Lý! - Người lái nói trong nhịp chèo xô về phía trước. - Hôm qua, thuyền tôi đi qua, bà giáo chạy ra. Tôi bảo: “Bà đừng hát như thế. Hát như tôi hay hơn: *Cười lên em, khóc lên em. Xôn xao đêm huyền. Ta đi lạc xứ thần tiên. Hồn trùng dương hiện bóng thuyền U Minh*².”

Chiếc búa máy đã khởi động đánh loăng màn sương mờ còn che phủ mặt sông. Thuyền áp bến, Nhâm hấp tấp bước lên bờ. Tới đầu dốc, nhìn sang bờ bên kia, thấy chiếc mô tô ba bánh của cảnh sát đang lặn vào lòng phà lơ lửng bóng người, chị liền ngồi thụp xuống, khóc òa. Không! Chị phải quay trở lại. Không thể chậm trễ được nữa. Chị phải đưa mẹ chị ra khỏi nơi này ngay. Mẹ sẽ vào trong kia với chị và các cháu. Mẹ phải thoát khỏi cuộc vây bủa của thói bạo hành trâng tráo, sự suy đồi ê ẩm cùng những ám ảnh ghê sợ đang vây bọc chính chị. Đây là cơ hội hiếm có duy nhất. Rồi khỏi nơi đây, về tới Hà Nội, gặp trung tâm, trò chuyện qua điện thoại với các con, chị sẽ lại bị sẻ chia, bị phân tán, ý chí chị sẽ lại cùn nhụt và mọi dự định hăm hở lại sẽ dễ dàng mất thôi.

- Bác lái đồ ơi! - Lao theo con dốc lởm chởm đá đầu sù, Nhâm gào thét thanh.

Lội ào xuống nước, chị bấu mạn thuyền, ngược nhìn ông lái, hồn hên:

- Tôi có việc quên, giờ mới nhớ ra, tôi phải quay lại, bác ạ.

1. Hôtel (tiếng Pháp), nghĩa là “khách sạn”.

2. Thơ Đinh Hùng.

- Chị ngồi xuống đi. Khéo ngã.

Mái chèo vẽ một nét phẩy trên mặt nước, mũi thuyền xoay ngang, hếch cao. Tiếng búa máy lan trên mặt sông. Chợt có tiếng còi thô lỗ rúc bất thần. Nhâm quay mặt, nhìn về phía chiếc phà. Chiếc mô tô ba bánh đã đậu giữa lòng phà. Người trên phà đang bị dồn đẩy lên bờ. Tư Xảo dẻo kẹo, nhảy chuyên trên thành phà. Ở đuôi con phà, ba người thợ lặn nhô nửa người lên, đang hợp lực nâng một vật nặng khỏi mặt nước. Từ cầu phà, ba, bốn cặp tay đã thò xuống.

- Kìa! Họ đã vớt được bà giáo Phụng. - Người lái đò bỗng cất tiếng.

Ấp hai bàn tay gầy che mặt, Nhâm lênh đênh trong mộng mị kinh hãi, cho tới lúc nghe tiếng xôn xao, chị mới lộ mặt, ngẩng dậy và lập tức giật thót mình. Gương mặt người lái đò, giờ chị mới nhận rõ. Những lọn tóc bạc thò ra ngoài vành chiếc mũ phớt đen. Làn da mặt tím tái. Khuôn miệng vuông và lẫn quai hàm bệnh. Ông già hiển hiện một hình tượng cao nhân dật sĩ, như từ giấc mê hôm nào của chị hiện về. Ông chính là người đã tặng chị bó hoa héo để giục chị trở về với mẹ chị lúc này?

- Bác ơi!

- Chị cứ bình tĩnh, ngồi yên. Không việc gì phải sợ!

- Bác ơi, cháu nhớ ra rồi. Cháu chẳng quên cái gì cả. Bác cho cháu quay lại bờ bên kia đi. Cháu phải đi chuyển tàu về Hà Nội bảy giờ ba mươi sáng nay. Sắp đến giờ tàu chạy rồi, bác ơi!

- Cứ bình tĩnh, mọi việc rồi đâu sẽ vào đó.

- Bác ơi, bác giúp cháu!

Đáp lại lời cầu khẩn rên rỉ bối rối của Nhâm, người lái đò thông thả chuyển mái chèo. Con thuyền ghéch mũi về phía

bờ bên kia, rồi đột ngột lại lơ lửng xoay dọc theo chiều nước chảy phân vân.

- Nào, nghĩ kỹ chưa, cặp bến nào đây?

Người lái đò nói, miệng thoáng một ánh cười từng trải và bao dung. Rồi không đợi ý kiến của Nhâm, ông gạt mạnh mái chèo cho con thuyền đi thẳng sang bờ bên.

- Cô mới về phép hả? Cứ bình tĩnh, rồi đâu khắc có đó! Bình tĩnh! Vì cô chẳng có cách nào tốt hơn đâu.

Nhâm so vai, thu hai cánh tay vào lòng, mặt ngác ngơ, như vẫn còn đang trong mộng mị.

Lào Cai - Hà Nội, 10/1994

CHỢ HOA PHIÊN ÁP TẾT

Thật tình là đã đợi chờ. Đợi chờ và phấp phỏng. Bởi vì rõ ràng là cái Tết, dầu muốn hay không thì nó vẫn cứ đến. Tết cứ đến như lệ luật đã định, như một cuộc hẹn hò không biết đơn sai. Nhưng với ông Huỳnh rất có thể là Tết cứ đến mà vẫn bị coi như là không đến, vì theo ông những ngày này không khéo thì chỉ còn là những khoảng trống không đơn thuần, tro tro cái giá lạnh mà thiếu cái cảm giác lênh dên, mơ màng.

Ông Huỳnh mong đợi trong khắc khoải.

Và hôm nay, ngày ông Táo châu trời, sau bao nhiêu là mong ngóng, nhồm dậy, đẩy cửa sổ, nhìn ra khu vườn, ông lặng đi đến mấy phút, rồi như thoát trần, hồn nhập vào cõi phiêu du, ông ngây ngây giữa ảo mộng hư huyền.

Trời đã có sương! Sương, nó đấy, cái ông mong chờ. Nó đấy, những hạt bụi lơ lửng, từ cổ máy thiên tạo tài tình sản ra, phủ lên cảnh vật một thoáng lam mờ. Một thoáng lam mờ, nhờ nó mà tất cả những gì quen thuộc gần gũi bỗng như nhận được phép thần, biến hóa thành xa lạ, mênh mông. Thay vào cái tro hoén, nông sờ quen nhàm giờ đây là một cõi mung lung lạ lẫm và huyền bí. Ôi, một chút sương ngưng, cái duyên thâm của trời đất khi bước sang xuân, cái hồn thơ phảng phất của bài thơ, cái thần thái của con người, cái đẹp ở ngoài vật thể!

- Anh Khoa, anh thấy chưa? Nếu không có hơi sương mờ thì còn gì là ngày Tết nữa!

Một tay nắm chặt bàn tay ông Khoa, tay kia ông Huỳnh giơ cao, xòe mở như nâng đón những hạt sương sớm li ti đang vờ vẩn quanh mình. Ông lâng lâng vui vẻ, trong cả tiếng reo gọi tiếp sau:

- Kìa, cô Trang đã đến. *You are on time*. Cô đã đến đúng hẹn. Cám ơn cô. Tôi và ông Khoa cũng vừa tới. Xin cô gửi xe đạp ở đây.

Từ đám sương đục đang tỏa như khói trên đường phố nhộn nhàng, lọt ra một bóng phụ nữ xinh xắn. Đưa xe đạp vào khu giữ xe, quay ra, chị cởi cái khăn len sặc sỡ quấn cổ, giũ nhẹ và quàng lên đầu. Trong cái *măng tô* len màu tím, chị đậm đà mà vẫn giữ được vẻ thanh nhã. Gương mặt chị, một gương mặt quên tuổi bốn mươi tám, tròn đầy, trắng hồng, còn đang rất trẻ trung, từ đôi mắt lấp lánh đen ánh thoáng chút e ấp đến đôi môi tươi có cái cười rất dịu hiền, cao quý.

- Em gọi điện đến nhà hai anh. Nhà anh Khoa không có ai nhắc máy. Còn nhà anh Huỳnh, chị bảo anh vừa đi rồi.

Ông Huỳnh khoát tay:

- Thắc thỏm, thao thức cả đêm qua đấy, người đẹp ơi. Nào, bây giờ có hai chàng trai đều mới chỉ năm mươi năm cái xuân xanh xin được cô chọn lựa. Cô ngồi xe nào? Hà, biết ngay là anh Khoa nhường tôi. Thế là khôn đấy, ông giáo ơi.

Hai chiếc xe máy cùng khởi động.

Xe ông Huỳnh dèo Trang vượt lên trước. Dong dỏng cao, nguyên vẹn vẻ thư sinh, từ cái *blouson* len khuôn gọn thân mình, gương mặt thanh tú, đến hai cánh tay cầm tay lái khuỳnh khuỳnh, trông ông Huỳnh thật trẻ. Nhìn bạn, ông Khoa bỗng thấy nao nao. Thế đó, bốn mươi năm qua rồi mà trông như mới hôm nào. Hôm nào nhỉ, hai người hai chiếc xe đạp Championnat bon bon cũng trên con đường này, giờ tan

trường, gió hồ hật hờ đưa tiếng hát thiếu niên lên cao xanh: “*Cùng tiến bước về phương Thăng Long thành cao đứng...*” Ném trái đủ mùi rồi, giờ đã có tuổi, riêng ông Huỳnh đã có cháu nội, mà cả hai vẫn thấy mình chưa già. Trang cũng vậy. Đã là cái Tết thứ năm Trang quen biết và trở nên thân thiết với ông Khoa. Tình thân không biết đến tuổi già, lúc nào cũng dừng lại ở thuở ban đầu, ngượng ngập và bồn chồn quá! Ôi, hóa ra sau bao nhiêu thiệt thòi, đau đớn vì bị lừa mị, bội bạc tráo trâng, vẫn còn lại một niềm vui sống son trẻ, tinh khôi, tràn trề.

- Hai bạn có biết ai là người đề xướng ra cuộc đi chơi chợ hoa ngày Tết hôm nay không?

- Ai thế anh? - Ngồi phía sau xe, Trang ngoái lên phía trước, hỏi ông Huỳnh.

- Phụ nữ luôn là người hăng hái bảo vệ giá trị cổ truyền và trực cảm tuyệt vời. Chính là bà lão nhà mình.

- Sao anh không mời chị ấy đi cùng cho vui?

- Có mà mời được. Tham công tiếc việc là một. Nhịn nhường không phải lối, thân làm tội đời là hai.

- Thế nào cũng nói được! Triết gia có khác!

Ông Huỳnh bật cười:

- Tất nhiên cũng có bận. Bánh trái, hoa quả, thịt thà thì tụi trẻ lo cho hết rồi. Nhưng còn việc hương khói cúng lễ. Năm nay lại còn việc về quê xây mộ các cụ hai bên nội ngoại. Rồi thăm viếng thông gia, họ hàng; lại công việc hội hè phường tổ. Mỏ mắt lặn xuống giường là tay làm, chân chạy rồi. Đấy, vừa mới sáng bùng hôm qua, vừa dậy đã lại nhắc: “Ông ơi, ra Giêng ngày rộng tháng dài, ôm mãi cái bàn viết lách làm gì bây giờ cho khổ. Đi chơi đi. Đi cho khuây khỏa. Đi cho lòng rộng không hết buồn bực đi!”

- Hãy rỗng không như hang núi! - Ông Khoa dẫn ga cho xe vượt lên, đột ngột nối tiếp lời bạn.

Ông Huỳnh ngoảnh sang, nhìn ông Khoa, tấm tắc:

- Lão Tử thật là tuyệt! *Soyez rien et la vie deviendrait extraordinairement simple et belle*. Cô Trang dịch hộ tôi nào.

- Hãy vô vi và cuộc đời sẽ trở nên cực kỳ đơn giản và tốt đẹp phi thường!

- Chà!

Hai người đàn ông cùng thốt kêu nho nhỏ. Hai chiếc xe giảm tốc độ lăn bánh chậm chậm vào một vùng sương trắng đục. Bên đường, mờ mờ hình khối bù xù những bụi rậm long lanh tấm mạng nhện dầm sương đêm. Mùi đồng hoang phả về thoang thoảng trong hơi gió phất những vệt dài mềm mại. Chốc chốc, lại hiện lên một vườn cây lưu niên ủ sương trắng phổ và tiếng máy bơm nước nghèn nghèn như một nét kẻ ngang dài vô tận.

*

- Mời các bác để xe lui vào trong kia ạ! Dạ, phiên chợ này là phiên chợ áp Tết. Hoa đẹp và rẻ lắm. Dạ, lát nữa trở ra đây bác cho tiền cũng được ạ. Kính các bác vào chợ ạ.

Người giữ xe ngoại sáu mươi, mặc quân phục cũ, một chân cụt, chống nạng nhảy tập tễnh, nhanh nhẹn miệng nói, tay chỉ, cung kính và tận tình. Có lẽ vì thấy cả ba đều có vẻ sang trọng. Trang nhận cả hai vé xe máy, cho vào cái ví da trắng, mắc vai, thông bên sườn.

Thong dong như trẻ nhỏ thành thoi, ba người đi vào đám mưa sương mịn mờ trước mắt. Thoáng một chút cảm giác lãng du, họ gặp mặt đất chập chờn qua làn sương tan, rồi như bất thành linh, họ gặp hoa.

Hoa! Hoa đã ùa ra đón họ.

Cả một rừng hoa tụ hội từ lúc nào, cùng lúc ào ra vây bủa họ. Không còn có thể nhận ra hình nét, dáng vẻ của cái phố huyện ngoại thành ngày nào họ mới đi qua. Cái phố định hình trên ba con dốc lèo tèo mấy cái quán gầy buồn thiêu giờ đã hóa thân thành một đóa hoa khổng lồ xòe ba cánh lớn. Dâu cũng hoa. Giăng giăng, rười rượi, thanh đậm, nồng nàn, tỏa vui đến rức rở, gọi buồn đến nao lòng, hoa không âm thanh mà rừng rừng niềm bày tỏ khắp chốn cùng nơi.

Ông Huỳnh đứng ngây đờ như đứa trẻ lạc đường giữa xứ lạ. Chà! Thiên nhiên đẹp thế kia. Hoa kỳ lạ thế kia mà ông đã quên khuấy mất. Nếu sau một giờ đọc sách, bao đau khổ đều tiêu tan thì giờ đây, với hoa, ông cũng có cảm giác vậy. Ông sẽ quên tất cả những phiền muộn, đau buồn, khổ ải, thậm chí cả những oan uổng, thiệt thòi. Ông sẽ quên tất. Khốn nạn, đương kim một học giả đầu ngành, uy tín về học thuật và đức độ không thể ai bì, chỉ vì tí sơ sẩy vậy mà lập tức lãnh trọn vai kẻ thất cơ, ngã ngựa giữa đường. Lớp học trò ngày thường xun xoe nịnh bợ đến vô liêm sỉ, giờ thoát cái, ngửi thấy mùi lợi lộc, công danh, lập tức giở hết trò bĩ tiện, vô lương, quay giáo đánh lại thầy. Chưa bao giờ ông rơi vào cơn kinh sợ đến thế. Cuối cùng thì đành là tiêu cực đó, ủy mị đó, nhưng còn cách nào hơn là im lặng khinh miệt và lánh xa. Ông Huỳnh xin nghỉ việc, từ khi bước vào tuổi năm mươi ba.

- Ta đi xem lần lượt từ đây bên phải, hai anh.

- Đồng ý. Do cô hướng đạo. Tôi xin ăn theo. - Ông Huỳnh mau mắn.

Ông Khoa hòa theo:

- Tôi xin là cái đuôi của ông Huỳnh!

Lướt qua gương mặt vuông vắn trung trực, hơi xanh xao nhưng tràn đầy cảm hứng của ông Khoa, Trang xốn xang niềm

kiêu hãnh thật thơ trẻ. Chị bước lên trước hai người đàn ông và lát sau chị âu yếm cúi xuống với hoa.

Hoa, vẫn là đã thân quen mà sao hôm nay mới mẻ và đắm say. Hồng đầm thắm. Cúc đôn hậu. Thược được tươi mới. Đồng tiền nhẹ nhõm. Bướm vui tươi. Loa kèn giản dị. *Păng* xê ưu tư. Ôi, những bông hoa như bật ra từ thiên lương trong sạch. Những bông hoa vừa mong manh vừa hoàn mỹ, chất chiu gạn lọc từ những xô bồ thô lậu, trong khuôn khổ mà không hề câu nệ, gò gẫm. Hoa, sự lắp ghép và phối màu tưởng là tùy tiện mà vô cùng hoàn hảo, không chút lỗi lầm. Hoa, bước nhảy vọt của tự nhiên.

“Hai Kiều e lệ nép vào dưới hoa.” Đó là đề từ của cái lăng hoa Trang dự thi năm chị mười sáu tuổi, đang học năm cuối cùng của cấp học phổ thông. Lăng hoa chỉ có một bông hồng và một bông cúc, cài cắm đan xen với lá xanh và nụ nhài, phản ánh tâm trạng bồn chồn, e ấp của người tạo tác, trước ngưỡng cửa của cuộc yêu đương. Mười lăm năm sau, tham dự cuộc thi cắm hoa, Trang lại chiếm giải nhất với lăng hoa cùng một câu *Kiều* khác làm đề tựa: “Nửa chừng xuân thoát gầy cành thiên hương.” Giữa hai lăng hoa là một khoảng cách bằng đoạn đời lưu lạc của nàng Kiều. Ra khỏi ám ảnh của cái thế tục, hoa là thứ ngôn ngữ vi diệu và buồn đến nhức nhối. Đó là điều lúc đó Trang mới nhận ra, chị khóc khi sáng tạo tác phẩm của mình. Một bông hoa thược được đẹp đến nao nùng với một cành thủy trúc xiên ngang, như một nét phá phách, một nghịch đề. Lăng hoa đã nói hộ nỗi buồn đau của Trang trước cuộc tình điên đảo. Giấu kín mình, cô kỹ sư trồng trọt trốn biệt vào thành phố phương Nam. Rút ra khỏi cuộc tình như thoát khỏi cuộc chơi đối lừa vĩ đại, chị chìm mình vào những đợt thực nghiệm giống rau năng suất cao và trái vụ. Hơn mười năm sau Trang trở lại đất Bắc và trong một cuộc hội nghị các trí thức đầu ngành, chị gặp Khoa và qua Khoa, biết thêm Huỳnh. “Em nhớ sương mù và mưa phùn đất Bắc quá!” Chị nói lý do chuyển địa chỉ làm

việc, che giấu một nguyên nhân sâu xa hơn: chị đã tìm được những người bạn tâm giao. Từ đó họ kết bạn với nhau.

- Em mua tặng anh một chậu quất nhé, anh Huỳnh!

Trang đứng lại, trước một cây quất năm tầng, tán lá nở tròn trông như hình cái nơm, quả phô, quả giấu, vàng bóng lóng bên những nụ trắng, nụ xanh. Ông Huỳnh lắc đầu, nói rằng trẻ nhà ông đã mua rồi. Ông đưa cái nhìn từ cây quất trở lại gương mặt hai người bạn mình.

- Cái đẹp là gì? Có phải cái đẹp chính là sự thật nhưng phải ở mức độ rực rỡ không? Riêng cô kỹ sư, xin hỏi thêm câu này. Kể sĩ gia công vì muốn người biết mình. Phụ nữ làm dáng vì người yêu mình. Thế còn hoa?

- Hoa nở cho tình quân! - Ông Khoa tranh lời.

Ông Huỳnh reo:

- Chà! Thật không hổ danh là giáo sư văn học loại siêu đẳng.

- Anh Huỳnh!

Đột ngột Trang cất tiếng. Một đoàn phụ nữ áo tứ thân, khăn mỏ quạ, nón trắng, hoa rung rinh trong tay từ ngoài cửa chợ như một lượn sóng vừa tràn vào, dồn đẩy, lấn át, xô dạt họ. Trên tay người, đào phai, đào thắm giăng cành lấp đầy các khoảng trống và ngăn trở tầm nhìn ngang ngửa của Trang.

- Ô, anh Huỳnh đâu rồi, anh Khoa?

Nghe tiếng Trang hỏi, ông Khoa nhận thấy cánh tay chị vừa lồng vào vòng tay mình. Ông hiểu, bạn ông đã tổ chức cuộc đi chơi này và bây giờ như là cố tình lánh đi.

- Anh chị mua hoa của em đi!

- Hoa gì thế, em?

- Dạ, nhà quê em gọi là lan mắt cua ạ.

Cả Trang và ông Khoa cùng cúi xuống, cùng ngậy ngậy một cảm giác hòa đồng. Cây hoa thấp hai gang tay, rễ còn bó

trong bầu đất bọc *ni lông*, có dáng vẻ lạ. Lá xanh dày, cành khúc khuỷu răng cưa. Còn hoa thì nở chum chũm, màu hồng xác pháo, xòe ba cánh ở mỗi đầu chót lá.

- Tên nó không xấu thế đâu, em.

- Dạ, em không biết.

- Nó có tên là lan thiết mộc đồ. Ta mua cây hoa này, anh nhé!

Trang nói dịu dàng, mắt âu yếm nhìn ông Khoa và mở ví lấy tiền. Phút giây ấy, ngưng đọng mãi, khiến ông Khoa vừa ghen ngào sung sướng vừa lạ lẫm bàng hoàng. Cả đời, chưa bao giờ ông được sống trong khung cảnh này.

- Kìa, anh Huỳnh, anh vừa lạc đi đâu?

- Không! Tôi không bị lạc!

Từ bên kia đường, len qua cả một rừng đào chắn lối, ông Huỳnh hai tay thu về phía sau, mặt tươi ròn đã tới trước Trang và ông Khoa.

- Tôi xin tặng hai bạn những bông hoa này. Mùa xuân này là mùa xuân hạnh phúc của hai bạn.

Thật không ngờ, giấu ở sau lưng ông Huỳnh là một bó hoa thược dược năm màu tươi mồn mỡ màng. Nhìn những bông hoa tím sẫm, đỏ vang, trắng muốt, cánh sen và vàng thắm, Trang như ghen lời:

- Em cảm ơn anh. Lẽ ra chúng em phải tặng anh.

- Ai cho nhiều, người ấy giàu có.

- Anh phải được tôi tặng cả một vùng nước non mỹ lệ. - Ông Khoa cảm động.

Ông Huỳnh vỗ vai bạn:

- Anh Khoa ơi, tôi đã đứng tuyệt đối khi chọn anh là bạn suốt đời. Đời người có ba việc: học, làm việc và yêu. Các bạn còn chưa thực hiện việc thứ ba.

- Anh tài tình lắm. Tôi có cảm giác bao giờ anh cũng xuất hiện đúng lúc và nói đúng cái câu cần nói.

- Anh yêu tôi quá đấy.

- Không, tôi khách quan. Anh có nhớ hôm anh đến thăm tôi ở Bệnh viện Thanh Nhàn không? Tôi bị nhồi máu cơ tim. Tim hình như đã vỡ. Tôi nôn ra máu. Tôi đau đớn. Tôi cũng không thiết sống nữa. Tôi sẽ đi về nơi thiên cổ. Ở đời, có lúc kinh khiếp, đáng sợ đến thế. Xung quanh mình toàn là cạm bẫy, vu khoát, lọc lừa, toàn những kẻ vì đồ kị tài năng, chỉ thầm mong mình chết. Sống như thế thì cơ cực quá. Mười lăm năm trời tôi bị bọn du côn, lưu manh giả danh trí thức bịt lối, dồn vào hãm địa. Cuối cùng, đến một chỗ đứng trên bục giảng tôi cũng không còn. Tôi chỉ muốn chết.

- Tôi không ngờ đời anh gặp bước khốn khó vậy.

- Nhưng anh đã đến. Anh nắm tay tôi. Anh nói: “Không được chết. Anh chết lúc này là bọn tiểu nhân đắc chí, vì chúng coi như hạ sát được anh.” Và thế là những năng lượng sống cuối cùng của tôi trỗi dậy. Và anh Khoa này, tôi biết anh chính lúc ấy đã cắn răng lại để vượt qua nỗi đau có thể làm bại xui cả tâm thể anh. Trong vòng có một năm trời anh đã phải chịu hai cái tang, chị ấy và cậu con trai.

Ngực cộn lên những xúc động chia sẻ, Trang đứng sát vào ông Khoa. Đặt hai tay vào vai của cả ông Khoa và Trang, đột nhiên ông Huỳnh ngoảnh sang trái, ngắt đoạn cảm xúc và kêu to:

- Đi! Đi! Đi đi, hai bạn. Kìa, hoa lại đang vào chợ nhiều quá.

*

Ba người, một nhà xã hội học, một cô kỹ sư, một ông giáo dạy văn, những kẻ đã gặp rủi ro trên đường đời, lập tức bị cuốn vào một cơn lũ hoa.

Từ một con đường nhánh, rờn rờn chảy ra một đoàn các bà mặt hoa da phấn, áo nhung chần, tông tênh trên vai những thúng hoa tươi. Cúc gấm, cẩm tú cầu, lay ơn và nhiều nhất là hoa đồng tiền đỏ chót. Bỏ qua tất cả, họ chú ý tới đám các bà dắt xe chở đào cây đi sau cùng.

- Bao nhiêu gốc đào này đấy, chị ơi?

Ông Huỳnh bám theo sau một thiếu phụ mặc áo gấm dài, quần khăn tím, chở một cây đào Thất thốn ở sau xe. Cây đào gốc vắn vẹo thế rỗng cuộn, nhưng vươn lên cao lại bung nở như chùm pháo hoa, cành đơm chi chít nụ, lơ thơ mấy bông vừa nở, phơn phớt màu hồng phấn.

Khách mua thoát cái đã vây quanh cây đào này, nhưng nhác thấy một gốc đào khác từ phía sau vừa đi tới, lại xô lại, chầm bập, rồi rít hỏi giá, ngắm nghía và mà cả.

- Cái dáng cây rất được. - Ông Huỳnh gật gù. - Hoa ra Tết vẫn còn nở. Có ba chục ngàn thôi, rẻ quá. Nhưng thôi để người khác mua. Ta đi sâu vào trong kia nữa đi.

Chợ đang cũ đông. Sương dâng lên cao, ngưng tụ một vệt trắng mờ lơ lửng trên đầu mọi người. Ông Huỳnh, ông Khoa và Trang khi len lỏi, lúc ngập ngừng giữa dòng người đi ngược chiều với họ, nhiều lúc ba người lạc ra ba phía. Và càng đi sâu vào phía trong chợ, họ càng dần sâu vào cơn mê mị, ngất ngư.

Hoa và cây, một thế giới muôn hình sắc. Dừng lại cạnh một gốc mỡ già, họ xem những củ thiên tuế nằm dưới đất lộ ngọc như những quả dưa nước. Rồi chỗ nọ, họ lại ngơ ngác vì một thoáng hương thơm mờ tỏ từ một dò lan mới trở đầu đó. Họ dùng dằng không muốn rời chân trước cái đẹp kỳ lạ của một chậu tử kim nhung, một khóm cúc lửa, một loài cây chỉ độc một phiến lá duy nhất bạc phếch, dựng thẳng.

- Anh nghĩ gì thế, anh Huỳnh?

- Tôi nghĩ tới một ý tưởng: Tiềm thức là một mảnh đất hoang. Ở đó nếu có cỏ dại, ta nhổ đi, trồng hoa thế vào. Tình yêu đồng nghĩa với việc nhổ cỏ dại.

- Anh luôn luôn độc đáo! - Ông Khoa nói.

Trang ngắt chuyện:

- Các anh quên là đang đi chơi chợ hoa à? Hãy rỗng không! Hãy vô vi, *soyez rien* cơ mà!

- Rằng quen mất nét đi rồi!

- Em nhất định phải mua tặng anh một chậu cúc đẹp nhất phiên chợ này, anh Huỳnh.

- Vì sao lại là cúc?

- Cúc thơm đậm, thơm sâu.

- Tôi chỉ là một bông râm bụt, hay khá lắm, một đóa hoa loa kèn. Cúc phải là anh Khoa. Còn cô, lúc cô đứng ở cạnh cây quất ngũ đại đồng đường, tôi nghĩ cây quất là cô hay chính cô là cái đẹp viên mãn thuần thực của cây quất.

- Anh đến gần với Lão Tử rồi đấy! - Trang lắc đầu, mồm mỉm. - Em nhất định phải mua tặng anh một chậu hoa.

- Không! Tôi không nhận. Tôi đã có tất cả.

- Sao lại có tất cả? - Ông Khoa gần.

Ông Huỳnh nheo mắt:

- Phương Tây có câu: Đi với người phụ nữ đẹp như ôm hoa trong tay.

- Nếu vậy thì tôi xin lưu ý các bạn một ý tưởng sau đây nữa của các cụ nhà ta ngày xưa. Với một người quân tử thì hoa là cả núi sông, là cả mùa xuân đất trời. Cây hoa, chậu cảnh so với cảnh đẹp bao la tưới nhuần bằng sương mây, vươn ra bốn mặt tươi tốt thì chỉ là sọt đất với tám thân gang tấc thật vô cùng nhỏ mọn.

- Tuyệt vời!

Hai người đàn ông ôm chầm lấy nhau. Cả hai đều như đang sống trong trạng thái giao cảm và hóa thân giữa cảnh bồng bồng phân tỏa.

Nhìn họ, Trang muốn trào nước mắt. Chị thương yêu họ vô cùng. Họ, cả hai đều rất đáng yêu. Họ đã sống thật cực nhọc và họ đã gắng gỏi để ra khỏi tất cả mọi sầu thương. Họ đã tự thanh lọc và gột rửa bản thân. Họ rất giống hoa, chất gạn và bật ra từ cuộc đời thường nhật buồn tẻ hôm nay.

Để mặc hai người đàn ông đứng đó, Trang đi về phía cuối chợ. Lát sau, quay lại, chị thấy bóng họ đã mờ mờ trong màn sương mỏng. Chị cúi xuống một chậu cúc đại đoá ở bên đường hỏi mua và rùng mình, những bông hoa gợi buồn đến kinh sợ!

10/1995

CÁI BƯỚM TUNG TĂNG

Bướm! Nguyễn Thị Bướm, cái tên riêng mang nhiều màu sắc biểu cảm ấy là của cô. Và khởi đầu mọi chuyện chỉ là tình cờ, chứ không phải vì cô là người hàng xóm của Kha. Trưa ấy, nắng hanh vàng ánh như thoa mỡ gà, đang đập xe từ trường học về, qua chợ, Kha bỗng thấy ở đuôi xe có một lực níu kéo. “Ôi, anh giáo! Anh chở giúp em bao gạo này về với nào!” Quay lại, chưa kịp hiểu đầu cuối, Kha đã nghe thấy một giọng nói ánh ỏi và nhận ra một gương mặt đàn bà quen quen với hàm răng ngọc trong một cái cười thật suồng sã: “Em là Bướm, vợ Lộc xích lô, ở xế của nhà anh đây mà!”

Những người chứng kiến cuộc tao ngộ đứng quanh cười ồ ồ như nước chảy. Chẳng phải vì cái cách nhờ vả, xưng danh vừa đường đột vừa ngộ nghĩnh, hồn nhiên mà còn vì chính cái tên Bướm của cô.

Bướm! Con bướm bướm! Cái giống côn trùng vũ hóa có vòng đời ngắn ngủi, chấp chới đôi cánh phấn sắc sỡ nét hoa văn kỳ ảo vẫn đang lượn vòng trong các câu ca dao cổ xưa, đưa mối liên tưởng của ta tới một hoang ảnh tròng trành. Cũng là một phúng dụ dồi dào sức biểu hiện, một mô phỏng hóm hỉnh cái vùng cảm dỗ bí ẩn muôn đời đối với thế giới đàn ông. Đàn bà, con gái, ai lại lấy tên là Bướm. Ấy thế! Nhưng chao ôi, chữ nghĩa vốn là cái cách quý biện của con người. Tên Bướm, ai

dám nói không thoảng bay một làn hương thấm mỹ lãng mạn! Cái bướm xinh xinh. Cái bướm tròn tròn. Cái bướm tung tăng. Cái bướm chập chờn một ước ao sở cầu.

Đột nhiên, từ một tình tiết vu vơ nào đó, chợt nhớ tới người phụ nữ nọ, Kha có cảm giác trong tâm trí bỗng phơ phất một sợi tơ vương vương.

Cái gì đã có khởi đầu thì sẽ có sự tiếp theo. Luật đời là vậy nên chiều nay Kha lại có dịp tiếp xúc với người phụ nữ nọ. Hơi tiếc, lần tiếp xúc này lại quá trớ trêu. Trớ trêu vì đó là lúc Kha đang thiu thiu trong giấc ngủ trưa quen mắt của lớp trí thức xứ nóng đang mùa viêm nhiệt. Trớ trêu vì Bướm chủ động đẩy cửa và chạy xô vào cùng tiếng kêu cầu thất thanh, hốt hoảng.

Trớ trêu hơn nữa là mở mắt, nhồm dậy, Kha liền nhận ra ngay người phụ nữ trẻ nọ với cái quần đen ướt rượt vừa ngồi sụp xuống ở chân giường mình. Bướm đang tắm dỏ. Tóc gút cao. Minh trần. Cái quần đen kéo cao hết mức, cặp chặt vào cặp vú mẩy mang, căng phồng. Và đôi cánh tay trần mịn màng tuyết nhụy sắc da, chống lại sự trần trụi, rét mướt, đang vắt chéo qua nhau, ôm lấy đôi bờ vai trắng nhẩy tròn đầy. Cả đời Kha, chưa bao giờ Kha nhìn thấy một bức tượng bán thân đàn bà gợi cảm lạ lùng như thế!

- Anh ơi, anh cứu em với! Không em chết mất, anh ơi...

Trên gương mặt tròn trịa có đôi mắt lá rằm tình tứ đang ạng nước, đôi môi bầu bệu đầy nhục cảm của Bướm khế nhếch, thoát ra một tiếng kêu thương đau, thật tội nghiệp!

Trong các bài văn Kha dạy đám học trò trung học, với những tác phẩm văn học mà Kha đã đọc, chưa ở đâu Kha thấy một tình huống tương tự. Cũng như chưa bao giờ Kha lại có thể tưởng tượng ra được cảnh một lũ trẻ con hiếu động, tò mò, mất dạy, thông thạo hết cả những chuyện bí mật giữa đàn ông và đàn bà, đang bu bám và miệng reo hò không ngớt, ở trước cửa nhà Kha. Nhất là, sau chúng, lại có một gã đàn ông

cao lớn, kênh cang, mặt phồng phồng bia rượu. Vóc con nhà thổ mộc nặng nề, đầu trọc lốc, mắt ti hí, ngực sẫm hình một con rồng cuộn, cầm thanh củi gộc trở vào nhà Kha, gã nọ thét khải khải:

- Tiên sư con đi Bướm nhá! Mày trốn ông, hả? Ông giáo, em nhờ ông đuổi *ló* ra ngoài *lầy* hộ em, để em *ráo rục ló*. Có vợ mà không dạy được vợ thì tao là con chó, hiểu chưa, Bướm?

Sợ hãi, Kha vội phất xuống giường. Nhưng chưa biết đối phó thế nào, thật bất ngờ, Bướm đang ngồi ôm vai rên rỉ, bỗng phất dậy, nhổ cái cốc màn ở giường Kha, xoay ngang thế thủ, hét đồng dục:

- Bà đi ra đây! Mày giỏi thì vào đây! Mày mà động đến bà thì mày ốm nặng đây, con ạ!

- A! - Gã đàn ông gạt đám trẻ cản lối, quay ngang ngựa, phân bua. - Đây, ông giáo xem. *Ló* là con vợ tôi hay *ló* là một con đi? Xin phép ông giáo để tôi cho *ló* một bài học.

Trời! Thế này thì nguy tai cho Kha rồi. Thế này thì căn nhà của Kha sẽ thành bãi chiến trường. Sẽ có kẻ sút đầu mẻ trán, chưa chừng lại có cả án mạng xảy ra ở chỗ này cũng nên. Nghĩ vậy nên Kha kinh hoàng vội nhao ra cửa, dang hai tay, định kéo hai cánh cửa ập vào để cản lối gã đàn ông chồng Bướm. Nhưng một lần nữa Kha lại bị bất ngờ. Trong nhà, Bướm chẳng hề nao núng gọi là. Bướm bỏ cái cốc màn, nhặt con dao phay Kha để trên nóc chạn thức ăn, nhảy lên cái ghế đầu, the thé:

- Tao thách mày đây! Nào, vào đây! Tình nghĩa đi, gì mà mày có quyền hành tao. Mày đái tao bát cháo lòng lúc tao đói, rồi mày dụ dỗ tao. Ví gì một bát cháo lòng, làm cho thiên hạ bỏ chồng theo giai. Vợ chồng gì mày! Chê thằng một chai tao lại vợ phải thằng hai lọ. Cái thằng long đà gãy ngồng kia! Cái thằng b. chám gio kia! Mày đi với con nào thì mày lặn mẹ mày đi! Không bà ba máu sáu con lên thì mày ăn bã trầu đây, con ạ!

Ồi chao! Hóa ra Kha kinh sợ bằng thừa. Bởi vì hóa ra Lộc, gã chồng Bướm thấy Bướm hung hăng thế lại đâm ra chùn! Ra anh chàng anh hùng khí đoản, mặt đang đỏ hừng bỗng tía tái, rồi há hốc mồm, cứng đờ lưỡi như đứa cầm khẩu, không dám tiến lên thêm một bước nào nữa. Yên bình thế là được vãn hồi!

Yên bình thế là được lập lại, chà!

Và căn nhà *toóc xi ọp ẹp* của ông giáo Kha từ hôm đó bỗng được thêm chức năng miễn đất tị nạn, là cửa Phật từ bi cho người cơ nhỡ nương náu, là vòm nhà thờ nước Chúa chỗ che cho con chiên lành qua mọi sự dữ.

Một lần, hai lần như thế, đâm ra quen lẹ, nghĩa là hễ bị chồng gây chuyện hoặc giở trò vũ phu là Bướm lại ba chân bốn cẳng tọt ngay vào nhà ông giáo Kha. Tọt vào đây để thủ thân, để tự vệ, để công kích, chống trả cái thằng chồng lành thì lành thật, nhưng cục súc thì chẳng ai bằng, gần đây lại sinh ra nghiện rượu và rất sính số đề. Tửu sắc tương liên! Rượu vào là đòi dè vợ ra ngấu nghiến. Thua số đề cũng đòi dè vợ ra để giải đen, bất chấp cả ban ngày ban mặt. Không thỏa dục, thỏa ý là uất tức gây sự, là thượng cẳng chân hạ cẳng tay liền. Tất nhiên, khi gây gổ đánh chửi vợ là y phải nói thác đi, rằng Bướm thế nọ thế kia. Phần Bướm, Bướm cũng chẳng phải là loại đàn bà đón hèn. Bướm là thành viên của đội quân thất nghiệp, chạy chợ kiếm sống lần hồi. Bướm đây áp kinh nghiệm ứng đáp. Bướm cũng dẻo mồm lý sự, đốp chát đáo để chả kém ai. Đối địch thì địch lại đây, bên thừng bên chảo xem dây nào bền, ối chà!

Chỉ khổ cho Kha rơi vào tình thế khó xử!

Một lần, hai lần thì còn khả dĩ. Chứ Bướm cứ thường xuyên lấy nhà Kha làm nơi phòng thủ, chỗ che thì dẫu Kha có được tiếng là ông giáo dạy giỏi và mô phạm cũng vẫn cứ bị người ta sinh nghi là cái chắc. Tình ngay ai biết, chứ còn lý gian thì nó rành rành! Thiên hạ đang thiếu gì kẻ rồi hời, lấy việc đặt điều

dựng chuyện làm thú vui cơm bữa hằng ngày. Chồng Bướm là đứa thất học, cũng nông nổi như bao người. Đã có bạn y cầm thanh củi gộc trở vào nhà Kha, găm: “Ông giáo mà còn chứa chấp *lố* là em phóng hỏa, là em không có *lẽ* ông giáo đâu!” Là nó đã cảnh cáo, đã có ý nghi ngờ rồi đó.

Nhưng chẳng lẽ vì nó đe dọa, dọa dẫm mà Kha lại đẩy Bướm ra? Không! Phải, trái thế nào phân giải sau. Còn bây giờ, thấy người yếu nhược gặp hoạn nạn là cứ phải dang tay cứu giúp cái đã. Huống hồ, ở đây, Bướm là nạn nhân mười phần cả mười rồi!

Kha đã xử sự như thế. Nhiều lần, Kha khép cửa để Bướm ở trong nhà, rồi quần áo tề chỉnh, dàng hoàng bước ra cửa, gặp chồng Bướm, lấy cái tư cách của một nhà giáo có uy tín mà khuyên giải y. Và y đã nghe ra. Cái thằng nóng là nóng xối nóng thì. Nghe ra, y gãi đầu gãi cổ, rồi mặt bì ra ngây độn, cuối cùng gằm mặt quay đi. Để lát sau, Bướm rón rén mở cửa, len lén ra về. Và mặt nước một hồ thu vừa nổi cơn sóng gió đã khép kín êm đêm.

Nhưng đâu có phải lần nào mọi sự cũng êm chèo mát mái như thế. Thằng chồng Bướm giống như bao kẻ được xếp loại ở bậc thang cuối cùng của xã hội, vốn quen thói cố cùng, bất chấp. Y chẳng có gì để mất mà bảo phải giữ sĩ diện. Y khẳng khẳng không hạ cơn hỏa. Đứng trước nhà Kha, y giậm chân bèn bệt, rồi cao giọng quát: “Thằng *lào*, con *lào*, dẫu là ông gì, bà gì, hễ cứ bênh che con Bướm thì tao *riết*! Ngán hai *rài* một, tao chặt, rồi tao đi tù, tao đ. sợ!”

Những lúc ấy mới thấy cái đời này thật hỗn mang chi sô! Cái đời này thật vô nghĩa lý. Và thân phận của cái anh tiểu trí thức trong đám chúng sinh xô bồ, hỗn tạp này, thật đến là bèo bọt. Ở cái xóm vốn là bãi rác này thì ông giáo Kha, anh kỹ sư, vị bác sĩ cũng có khác gì anh xích lô, chú thợ khóa, bà bún ốc, ông lão tào phớ!

Cái xóm mới lập tạp nham và thiếu hẳn một ngôn ngữ văn hóa chung. Và vợ chồng Bướm quả thật là một hiện tượng kỳ quái, khó hiểu, hằng ngày day dứt tâm trí Kha cùng mọi người. Người nói: “Tôi như cô Bướm, tôi bỏ quách thằng cha Lộc!” Kẻ khác cười: “Kiếm đâu được đứa tốt tiền và cường tráng thế!” Người bảo: “Bướm sợ chồng như sợ cọp.” Kẻ dài giọng: “Khốn, cũng sư tử cái lắm kia!” Người chê Bướm vụng thối vụng nát. Kẻ vận may y thần tướng véo von: “Gái nào chưa nói đã cười, chưa đi đã chạy thật người gian dân.” Người quả quyết Bướm yêu chồng lắm. Kẻ bĩu môi: “Chẳng qua là cái sự bất đắc dĩ.” Cái sự bất đắc dĩ là thế nào? Nhiều người đồng thanh: “Chẳng qua đồ nào sào ấy! Đồ nào ngoàm ấy. Mà cộc cạch, so le gì thì tối lên giường cũng là bằng bạn tát!”

Kha nghe mọi vang động, ngẩn ngơ buồn và tiêng tiếc thế nào. “Tiếc thay hạt gạo tám xoan. Thối nổi đồng điệu lại chan nước cà.” “Hoài cành mai cho cú nó đậu. Hoài hạt ngọc cho ngâu nó vầy.” Cơm tám và nước cà. Cành mai và con cú. Hạt ngọc và ngâu vầy. Mọi so sánh đều thiếu hẳn xúc cảm thật sự, so với việc mục sở thị, tận mắt nhìn thấy hằng ngày, chứng kiến sự tương phản đến gay gắt, đến phát uất lên được, ở cặp vợ chồng này. Họ đối nghịch nhau, từ các chi tiết sai biệt, xuất phát từ hai bản nguyên khác biệt nhau gần như hoàn toàn.

Bướm thuộc loại đàn bà đẹp; nhân hình, diện mạo không lộng lẫy nhưng đôn hậu, oai vệ và sang trọng. Đẹp thăm thẳm một chiều sâu tâm hồn là cặp mắt có đôi nhãn cầu lớn, óng ánh màu mật ong. Rất sang là cái miệng cười hoa, phô hàm răng đẹp nuốt nà, chuốt bóng. Miệng ấy, người ấy không phải là chủ nhân thật sự của thói ứng xử, lời đối đáp thô lậu, tục tằn. Người ấy tươi nhuần, thơm tho và cao quý. Người ấy lẽ nào lại trở thành trò cười của Tạo hóa, lại bị ghép đôi, ăn cùng mâm, ngủ cùng chiếu với một gã đàn ông như Lộc.

Lộc to khỏe, đầu quả bưởi, chân chữ bát, sứt răng, tai quắt, hai mắt sít nhau, gương mặt âm u những tình cảm nhất

thời tắm tối. Lộc là hung tính, cộc cằn. Lộc là sản phẩm của cơn chấn động, tha hóa trở nên dị mọ, khốn cùng. Y say sưa tối ngày. Kể cả lúc đạp xe chở khách. Có bận y đưa khách xuống hố vôi, ruộng lầy. Tham ăn tục uống. Chửi cằn, nói bậy. Đánh đập vợ, gây sự với đồng nghiệp là chuyện cơm bữa. Nhưng kinh nhất lại là lúc y lành hiền, vui vẻ. Những lúc ấy, y ghéch một chân lên xe. Một chân đặt lên bàn đạp, y vừa gồng tít mụ vừa vênh vênh cái mặt đỏ rửng lấm chấm mấy nốt rỗ huê. Và hát rông rỏng:

Nhong nhong cưỡi ngựa lên đồn

Ông cho thúng gạo vạch l. ông xem

L. mày nhọ nhẻm nhọ nhẻm

Trả ông thúng gạo mà đem l. về.

Ấy là những phút y nổi cơn hứng dục. Y đạp xe về nhà. Rồi y lần ra chợ, kéo Bướm về. Bướm mà chống cự thì lại càng kích thích y. Y bế xốc Bướm lên. Cửa nhà đóng sập lại. Và giữa ban ngày ban mặt, lũ trẻ mất dạy, tinh quái trong xóm đi qua, ngó vào kẽ cửa, cười rinh rích: “Ông Lộc ơi! Ông làm trò gì mà cô Bướm rút rít to thế, hả ông Lộc?” Rồi nháy tâng tâng tại chỗ với bài đồng dao thô tục tự ngày xưa ngày xưa: “Lộc cộc đuôi. Chó cắn mất b... Tha hồ mà chạy...”

Những lúc ấy, đang chấm bài hay đọc sách, Kha cũng đứng dậy khép cửa sổ, gài then cửa ra vào, dừng công việc, ngồi im trong bóng tối kinh hoàng.

*

“Đi chấm thi một tháng ở ngoại thành”, anh giáo Kha kể, “tôi mang theo mình hình ảnh và số phận Bướm, như Don Quixote mang theo hình ảnh nàng Dulcinea ở xóm Toboso trên các nẻo đường hiệp sĩ.

Ba mươi ngày và khoảng cách là điều kiện dư thừa để biến tôi thành một gã đàn ông si tình. Ngày trở về, bước chân vào xóm cũ quen thân, tôi bồi hồi ngơ ngẩn, đứng giữa làn gió thơm như hương trà từ xa phẩy về. Nghe làn gió thu tha thướt đi qua nhà Bướm, tôi nhận ra cái sân nhà Bướm trống vắng lạ lùng. Tim tôi lìm lìm đập, rồi bất ngờ rộn rục. Gió thu đang lay hạt hồ một chiếc nịt vú màu vàng ngà buông thông và bay bay trên sợi dây thép vắt qua sân. Cái vật thể đó từng ôm ấp thân hình ai kia bỗng tỏa ra một nguồn thần lực dẫn lối hồn tôi đi vào cõi hoan lạc mê mẩn. Đến nỗi lát sau ra khỏi hư giác, tôi mới nhận ra Bướm vẫn óng ả tươi đẹp như vậy, vừa từ ngoài phố đi vào, đặt cái thúng cắp nách xuống đất, đang loay hoay mở khóa, chợt quay ra gọi tôi:

- Anh giáo ơi, giúp em mở cái khóa này mới!

- Chào cô!

Cố kìm giữ chút hẫng hụt trước sự vô tình của Bướm, cô không biết tôi mới từ nơi xa cách trở về, tôi bước lại nhận chiếc chìa, tra vào ổ khóa.

Bình thường, tôi là một gã đàn ông vụng về. Hôm nay, hẳn là có Trời Phật phù trợ nên vừa ngoáy nhẹ vài vòng, cái ổ khóa han gỉ đã bật ngược ngay lên. Cửa mở trong tiếng reo hoan hỉ của Bướm.

- Nhà của thiếu người đàn ông vừa quạnh vừa buồn! Anh có bận gì không, giúp em một tay? - Không để tôi kịp trở về nhà, Bướm cầm cái chổi ở sau cánh cửa, liến láu.

Và không để tôi trả lời, nàng kéo mạnh, mở toang hai cánh cửa gỗ, hồn nhiên:

- Em mở rộng cửa đây này. Sợ cái gì? Hay là anh mới đi xa về, còn mệt? Anh biết chuyện Lộc chưa? Hắn vào nhà đá ngồi bóc lịch chơi sáu tháng rồi. Cho hắn chết! Ai bảo hung đồ lắm vào. Nốc rượu vào, hoa mắt, đã tông xe vào cột điện làm vỡ đầu khách, rồi lại còn nện người ta bò lê bò càng ra nữa..."

Chao ôi! Chữ nghĩa quả là cái cách quỷ biện của con người thật rồi. Đặc biệt, tên riêng của mỗi người xem ra linh nghiệm lắm với tính cách của họ. Bướm thật sự là cái bướm xinh xinh, cái bướm tung tăng, cái bướm vô tư nhớn nhoe bay lượn. Ngày, Bướm đi bán quà vặt ở bến xe, nhà ga. Tối về nhà, Bướm lại ríu rần chuyện trò. Bướm chẳng than van, âu sầu. Bướm chẳng ngượng ngùng, xót xa về chuyện chồng mình bị đi tù. Cứ như chưa hề có chuyện gì xảy ra. Bướm cứ ăn cứ ngủ, cứ tự nhiên phô diễn cái bản thể hồn hậu sơ khởi của mình. Hơn nữa lại còn thích thú, vui vẻ hơn như là thoát ách kiểm tỏa, áp chế, thên thưng rộng đường bay nhảy.

Với Kha, quãng cách bước cuối cùng đang lần lần thu hẹp. Bướm đang trên đường trở thành vật tự nó, chẳng ngại ngần biểu lộ thiện cảm riêng với anh. Sau lần nhờ anh dọn dẹp sân sướng, nhà cửa, cô tiếp tục nhờ vả anh, nhưng dường như đó chỉ là cái cớ cô tạo ra để tiện bề săn sóc, đáp đền trở lại anh. Cô mua cho anh một cái mũ phớt, một cái khăn quàng, một đôi *xăng đan*. Lại hẹn dẫn anh ra hiệu may đo một bộ *com lê* thật oách, chứ ông giáo cấp ba sao lại “lúi xùi như dân xích lô ba gác thế”. Đáp trả lại những món quà cô tặng, Kha biếu cô sách đọc và những tấm vé đi xem ca nhạc. Đời sống bên trong của mỗi người dần dần hé mở. Nhiều bữa, cô bung cả mâm cơm sang nhà Kha mời Kha ăn. Cô tiếp thức ăn cho anh, thấy anh khảnh ăn thì bùi ngùi nói rằng, không ngờ các anh giáo lại nghèo thế. Biết anh bị người vợ phản bội, cô chép miệng xót xa, rồi nói rằng, chẳng bù cho Lộc. “Lộc ấy à, tiếng thế hần có phải làm gì đâu. Tắm xong quần áo vút đấy, nói xin lỗi anh, cả cái quần lót cũng tay em giặt giũ. Cơm no rượu say là hành vợ. Ôi giới! Sao mà lại hung cuồng đến thế! Nó là do cái rượu hần uống à? Lắm hôm, ruột gan em cứ lộn lạo lên tận cổ. Mà hần cứ rên hăm hăm là được lên Thiên đường!” Cô nhìn anh, vừa ngượng ngập vừa nôn nao bồn chồn, âu yếm. Cô như muốn hỏi

anh, người duy nhất cô có thể giao cảm ở đời này: Đàn ông các anh tất cả đều ham hố như thế cả hay sao?

Đến vậy là đã có một bước trượt dài!

Đã có những ngày, Kha bút ra khỏi cuộc sống sách vở kinh viện, vắn vơ cả giờ liền. Đã có những đêm dài anh giáo trần trọc. Quanh anh thường xuyên bay lượn bóng hình người phụ nữ đó trở nên thân thuộc, vừa thông tục gần gũi vừa huyền hoặc xa xôi và tươi nhuận. Chưa bao giờ bản tính kiêu hãnh và rụt rè đa cảm cố hữu của giai tầng anh, của chính anh hòa hợp với nhau, tạo nên ở anh một tâm thái dễ thương và chan hòa với người khác đến thế. Mỗi ngày là một mắt xích nối liền. Mỗi câu chuyện là một nhịp cầu giao hòa. Bướm trở lại từng ngày và trở lại trong những hồi ức tràn trề. Bướm thoát ra khỏi cái xác phàm thô lậu tập nhiễm từ một đời sống thấp kém, ngồi lên vẻ cao sang bất ngờ. Thì ra Bướm là cô nữ sinh vừa học giỏi vừa xinh đẹp. Bướm ngồi ở lớp nào là sáng trưng lớp đó. Bướm học ở lớp nào là các thầy đua nhau đòi dạy lớp đó. Bướm lên học cấp ba ở huyện, thầy hiệu trưởng trẻ cả năm trời giấu vợ đèo xe đưa đón Bướm. Rồi Bướm trở thành cô mẫu giáo. Cô mẫu giáo điển hình tiên tiến cả huyện. Cô mẫu giáo đã biết yêu. Tình yêu là thứ chẳng giấu giếm được. Bà nội mất cặp kềm, kéo tay Bướm, nghiêng răng trèo trẹo: “Mày có nhân tình rồi hả? Sao ngực như đeo hai quả dừa thế? Này, giữa hai cái vú, chỗ hõm ấy gọi là tâm oa, là chỗ quý giá nhất của đàn bà con gái. Đừng cho đứa nào sờ vào đấy nhá!”

Chen vào giữa những chuyện kể thân mật, suồng sã, những hồi ức từ những ngày mới quen nhau là những phút giây hai người ngồi đối diện với nhau và Kha thốt rơi vào tĩnh lặng. Kha rơi vào, tan vào tĩnh lặng hoàn hảo, soi trong im lặng nơi mắt Bướm những uẩn khúc riêng tư, thấy Bướm vừa là hiện thân của hạnh phúc có thực vừa là một ảo thể mơ màng đang đánh thức nỗi cay đắng thâm kín của anh. Kha im lặng lặn vào phần ẩn ngấm của bản thể mình, nhận ra lần đầu tiên

mình được yêu, được hưởng thụ. Ôi, đời Kha, đời của lớp trí thức nho nhỏ, họ chỉ được nhận thức, được thấy, được hiểu, còn thì suốt đời họ hăm phận thua thiệt đủ mọi đường!

Thế là thoát đầu Kha chỉ là một kẻ tình cờ quan hệ, rồi Kha nhập vào dòng đời, nhận ra cái trớ trêu của Con tạo, các khuyết tật của đời sống. Và lòng cảm mến trong Kha thế là đã nảy nở một cách tự nhiên cùng với tình yêu giới tính. Bướm được tách ra khỏi bối cảnh, trở nên một thực thể độc lập. Kha đã yêu Bướm. Kha đã yêu một người đàn bà bằng một tình yêu thuần túy, tự do. Kha đã yêu và Kha quyết yêu. Vì chính Bướm cũng yêu anh.

Ấy là buổi trưa cuối thu, trời xanh và ngào ngạt thơm hơi gió đồng. Kha bỗng nhận ra hôm nay Bướm đẹp thật đoan trang. Tóc chải mượt, cặp gọn sau gáy. Cái áo phong lan vàng in các hình vẽ ngũ sắc, cổ trễ, mở một khuôn cổ mịn. Có cái gì lay động ghê gớm trong lòng nên giọng cô suốt buổi luôn nghẹn ngào như nói trong hồi tưởng. Cuối cùng, cô đứng dậy. Và Kha, phút ấy hiểu rằng đó là thời điểm anh đợi chờ. Cô đổ ập vào anh khi anh thốt gọi một tiếng nồn nao: “Bướm!”

- Hôm nay em có xinh không? - Đột ngột, tách ra khỏi vai Kha, Bướm đặt cái nhìn đắm đắm vào mặt anh. - Em chưa nói cho anh biết nhỉ? Chồng em không phải là Lộc đâu. Chồng trước của em ấy mà. Bây giờ hấn còn đấy. Chúc vụ lớn lắm. Có xe con. Có người phục vụ. Hưởng trọn vẹn đời con gái em xong, hấn bảo: “Ta không đi cùng đường với nhau được.” Em cho hấn một cái tát. “Thôi được! Tao là con gái một tên Quốc dân Đảng bị bắn ở Thanh Hóa. Mà biết điều đó rồi. Tao không chối. Tao sẽ lấy một thằng đàn ông khác. Một thằng đàn ông bất kể. Miễn là nó nói: “Tôi muốn lấy cô làm vợ!”.”

- Bướm!

Kha kêu thất thanh đúng lúc Bướm tiến đến sát anh. Và ngay sau đó, không một chút e ấp, cô luồn tay vào ngực mình.

Lui lại một bước, Kha nhận ra, khuy ngực chiếc áo Bướm mặc đã như hai cánh cửa mở toang. Chiếc nịt vú vàng ngà như một kỷ niệm ám ảnh anh đã bật móc, thông xuống bên sườn cô. Một cung điện huy hoàng thần bí vừa khai mở! Một bình minh nở nà, mừng mảy vừa hé rạng! Một miền da thịt trinh bạch vừa lộ lộ giữa thanh thiên! Ôi! Nổi ao ước siêu tâm! Run rẩy đến thất lạc cả ý thức, miệng Kha khô đắng như miệng một kẻ cả đời bị khát nước.

- Em đã lấy Lộc. Hắn không xấu xa hoàn toàn đâu. Đi bộ đội, đào ngũ, bị bắt lại. Nhưng ra trận lần sau hắn lập công lớn, suýt trở thành anh hùng. Vừa rồi người khách đi xe bị hắn hành hung chính là cái lão xã đội trưởng đã bắt hắn khi hắn trốn bộ đội về nhà. Em không yêu hắn. Chưa bao giờ hắn được đặt tay lên vùng ngực này của em.

Ngừng lại mấy giây, áp sát cả khuôn ngực trần vào Kha, hai mắt ngược lên vờ vọi, Bướm ngọt ngào:

- Anh! Bà em bảo giữa hai bầu vú của em có một vùng hõm tên gọi là tâm oa. Đó là chỗ quý giá nhất của đời con gái, em dành cho anh đấy!

Không thể chờ đợi thêm một giây nào nữa, Kha vòng tay siết chặt Bướm sát vào mình và lập tức như đứa trẻ tham lam, lặn ngụp ngay vào khoảng hõm thần tiên giữa hai bầu vú căng nức, mấp mạp của Bướm, mê mê trong mùi thơm da thịt, trong tiếng đập thật nặng, thật chậm của con tim đa cảm của cô. Cho đến khi cô xoa tóc anh, dịu dàng bảo anh thôi, vì hôm nay là ngày cô phải đi thăm nom tiếp tế cho Lộc. Đoạn cô quay lưng lại, nũng nịu bảo anh gài hộ cô móc chiếc nịt áo con.

*

Anh giáo Kha kể: “Đã xảy ra một sự kiện gì đó quá tầm cảm nhận của tôi. Cuộc sống hiện ra ở độ sâu quá bất ngờ với

tôi. Tôi đã được hưởng một hạnh phúc quá lớn so với cuộc đời toàn những thua thiệt của mình. Tôi sung sướng. Tôi bàng hoàng. Không dám ở lại căn nhà của mình, tôi bỏ nhà đi. Hết giờ dạy, tôi đi lang thang. Tôi ăn nghỉ ở nhà bạn. Nhưng đêm ngủ không đầy giấc, ngày ăn uống uể oải. Lòng dạ lại bồn chồn, khắc khoải không yên. Bạn hỏi: “Ốm à? Có chuyện gì hệ trọng? Hay là Quyên, vợ cậu bỏ đi theo tay giám đốc giờ bỗng nhận ra giá trị của cậu?” Thế đấy! Ngoài mình ra, câu chuyện này có thể nói với ai được? Mà thật ra thì cũng không một lời nào có thể diễn đạt được, nếu không phải là làm hao mòn, sai lạc đi cái cảm giác trùng phức này của tôi. Một hạnh phúc được cảm nhận thông qua một nỗi đau đời. Một cánh bướm, một cánh én đã chao xuống đời tôi. Không thể ngờ, Bướm, người đàn bà đã có lúc bị coi là tầm thường lại là sản phẩm của một cơn chấn thương lớn. Tình yêu hóa ra lại chính là nơi để lịch sử biểu hiện cái trở trêu của nó, có phải không, ông?”

Anh giáo ngừng một lát, rồi cúi đầu, hạ giọng: “Phải đến một tháng sau tôi mới trở về xóm nọ. Thật sự là giằng co mãi tôi mới quyết định trở về. Trở về mà bước vào xóm hai chân cứ run lẩy bẩy, cơ hồ muốn long ra. Phần vì mong được gặp Bướm, phần khác lại sợ tan biến mất cái ảo giác yêu đương. May mà xóm vắng, gió xuân thổi vi vút. Qua cái sân trống của nhà Bướm, gió rung rinh sợi dây phơi quen thuộc vương vương cái hình ảnh gợi cảm ngày nào. Tôi như kẻ mộng du đi qua các miền kỷ niệm, rồi bước vào nhà, đóng cửa ngồi im, chẳng hiểu mình về đây với ý định gì. Chỉ nghe thấy chính tiếng tim mình thổn thức tự vấn mình. Rồi tiếng tim đang bần bật chợt giật nhói liên hồi. Đầu gối có tiếng trẻ lao xao. Rõ dần tiếng lũ trẻ tinh quái bu bám quanh một chiếc xích lô trục xe khô dầu kêu cọt kẹt. Tôi đứng phắt dậy. Lộc đã về? Lộc đã về thật. Y đuổi lũ trẻ đi. Nghênh ngang trên yên cái xích lô cũ kỹ, bần thủ, ngực phanh trần, tay chống háng, y cất tiếng oang oang:

- Bướm đâu? Sao không ra đón chồng? Tao đi tù, mày ở nhà ngủ với giai thoải mái *lên* phây phây béo đỏ, tao còn lạ! Đừng che mắt ông nhá! Muốn sống muốn tốt nằm lên giường, cởi sẵn quần ra. Ha ha... Nhong nhong cười ngửa lên đồn. Ông cho thúng gạo, vạch l. ông xem. L. mày nhọ nhem nhọ nhem... Ha ha ha..."

Câu chuyện dừng ở đó. Mãi mãi dừng ở đó. Tôi và Kha đều im lìm, hóa đá. Tối mịt, chúng tôi đứng dậy. Mặt hồ trước mặt lẫn tăn sóng nhỏ, mờ mờ hơi sương phủ. Kha thở một hơi dài lạnh giá, lơ lửng: "Có những phút giây sống thật là kinh khủng!"

10/1994

NGƯỜI LÀM CÂU ĐỐI Ở TỈNH NHỎ

Sự họ Lý, đệm Văn. Không hiểu truy nguyên gốc gác tông phả có tí dây mơ rễ má nào với danh tướng Lý Thường Kiệt hay văn nhân, danh sĩ Lý Tế Xuyên, Lý Văn Phức? Chỉ biết, thoát đầu chỉ là anh giáo khổ dạy Sinh vật ở trường cấp ba, một nhân vật như tôi như anh, nghĩa là làng nhàng lẫn lộn vào đám chúng sinh đông như lá, vô bản sắc, chẳng đáng quan tâm, nơi tỉnh nhỏ. Tướng ngũ đoản, mặt hồng nhuận, mắt sáng, mũi thẳng, tai có thùy châu, bụng tròn, lưng nở, con người hiền lành và hay trầm ngâm hưởng nội này quanh năm suốt tháng chỉ thấy lăm cặm hướng dẫn học trò, nay mổ giun, mai mổ thỏ, lúc làm ruộng thí nghiệm, khi lai cam, ghép táo... Ấy thế mà bỗng dưng cái, tựa như có sự đột biến, một chiều nọ sang tôi, anh giơ tay chào tạm biệt: “Mai mình đi Bulgaria làm luận án phó tiến sĩ đây. Hẹn gặp lại sau năm năm nhé!”

Một anh giáo quên vô danh tiểu tốt một phát nhẩy ra nước ngoài, trở thành một tên tuổi khoa học lẫy lừng!

Chà! Do chuyện này mà khối anh chờ mặt vì bất ngờ, nhưng sau đó lập tức vỗ đùi chữa thẹn: “Biết ngay mà, thằng cha tầm ngầm tầm ngầm này hẳn có quý tướng thật, nên cái kiếp giáo khổ trường công như chúng mình dứt khoát là hẳn cỏi thoát!” Bất ngờ nọ chưa qua lại tiếp đến bất ngờ khác. Mới hơn nửa thời gian chương trình dự định, hết năm thứ ba, kể từ lúc chia

tay bạn bè, đã thấy Sự xách va li hớn hỏ trở về, anh đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ, chứ không phải chỉ là phó tiến sĩ. Mà đấy còn là vì trục trặc. Vì từ đề tài nuôi cấy mô ở cây nhân sâm, do nhiều lý do, buộc phải chuyển sang cây họ cà Salamucianiatam, nghĩa là đảo lộn cả kế hoạch và mất thêm thời gian. Lại thêm bạn bè ganh ghét, gièm pha, phá ngang và ông thầy hướng dẫn có tính đố kỵ hẹp hòi, chỉ sợ trò nổi tiếng hơn thầy!

Cứ cái đà sẵn có, anh chàng thông minh trác việt này, qua vài cái đột biến nữa, sẽ có thể trở thành một Mendel, một Morgan hay một Vavilov Việt Nam lắm chứ! Điều tôi nghĩ tới, trên thực tế đã xảy ra. Lại đã có đột ngột biến động nhưng lần này biến động tạo nên một bước ngoặt theo hướng khác ở Sự. Một chiều giáp Tết, Sự sang nhà tôi, tay cầm cuốn giấy hồng điều khổ rộng gang tay, mắt long lanh nổi vui thơ trẻ.

- Mình có câu đối tặng ông.

Miệng cười tỏa hào hoa, Sự vừa nói vừa thả cuộn giấy nhỏ. Tôi trợn mắt kinh ngạc. Lại thế nữa! Một đôi câu đối chữ Nôm viết bằng mực nho đen nhánh trên giấy hồng điều!

Một ông tiến sĩ tuổi mới ngoài bốn mươi một tí, bảo rằng thạo tiếng Anh, tiếng Pháp và nếu cần cả tiếng Nga, tiếng Bul nữa đi thì cũng chưa có gì là lạ. Chứ còn cái chữ Hán, chữ Nôm mà ông thông thạo, ông giỏi giang thì thật tình là đáng ngò ngợ lắm. Cả nửa thế kỷ nay rồi, ở nơi trường ốc có ai người ta còn dạy cái chữ tượng hình tượng thanh kỳ thú và khổ học này. Vậy thì ông học ở đâu? Học ở đâu mà chữ viết đẹp quá. Cả bốn kiểu phương, thảo, triện, lễ ông viết đều đẹp. Ở kiểu nào nét bút cũng già dặn, tài hoa, lỏng lẻo thân thái, xếp vào bậc anh tài trong thư pháp cũng không hổ mặt.

Lẻ bốn chục xuân xanh, nhìn sắc tóc mới hay mình lắm bạc.

Chấn hai bàn tay trắng, thấy màu da đừng tưởng tổ không vàng.¹

Đó là câu đối chữ Nôm Sự tặng tôi. Còn ở nhà Sự, Sự treo câu liễn nhạo chính cái số kiếp nhọc nhằn, vất vả của mình:

Nợ chất xám chưa đền mà tóc trắng.

Số hoa đào toàn gặp những cơn đen.²

Chữ đã đẹp, ý tứ lại vừa hóm hỉnh vừa sâu xa, thật là toàn bích, toàn thiện vậy.

Một vĩa vàng mười phát lộ. Nhưng đâu có phải là tình cờ ăn may chẳng chó. Có chăng là bây giờ mọi người mới ngã ngựa người ra, vì biết rằng: Sự sinh ra trong một gia đình khoa bảng ở thành Nam. Ông nội đỗ tam trường. Ông thân sinh nổi tiếng hay chữ, nhưng lận đận đường danh vọng, bao ước ao, hy vọng chỉ còn cách dồn lại cho con. Sáu tuổi, Sự đã làm quen với văn ngôn. Mười tuổi đã biết tới *Bách gia chư tử*, đã hiểu được cái lẽ “thực giả hư chi, hư giả thực chi” ở đời. Hỏi ra mới biết ông giáo Sinh vật ngay từ thời cặm cùi mổ giun, mổ thỏ đã một mình lặn lội dịch dợt *Độc Tiểu Thanh ký* của Nguyễn Du, thơ Thôi Hiệu, thơ Đặng Dung, thơ vịnh *Truyện Kiều* của Phạm Quý Thích, bởi lẽ chưa mãn ý với bản dịch của các bậc tiền nhân.

Sự còn làm được thơ chữ Hán. Còn câu đối thì đã từng thử sức qua đủ các thể: tiểu đối, đối thơ, đối phú; ở thể đối phú, làm được cả lối song quan, lối cách cú, lối gối hạc. Tôi là anh nhà báo còm, nhờ ân đức tổ tiên cũng võ vẽ dăm ba chữ thánh hiền, vài câu sáo ngữ, điếc không sợ súng, lắm khi cũng bạo miệng tham gia luận bàn việc văn chương chữ nghĩa nên chẳng bao lâu đã thành tri kỷ của Sự.

1. Câu đối của Tiến sĩ Nguyễn Xuân Tụ, bạn tác giả.

2. Câu đối của Tiến sĩ Nguyễn Xuân Tụ, bạn tác giả.

Từ đó, như một thói quen tự nhiên, Tết năm nào Sự cũng có câu đối viết tặng tôi. Tết nhất là mùa màng, thời vụ của thể đối liền, cũng là lúc Sự sáng tác nhiều. Câu đối tặng tôi, tặng bạn bè chí cốt, ngoài ra, Sự cũng còn nhiều câu chỉ ghi trong sổ tay và đọc cho bạn bè nghe. Bạn bè nghe xong, đa phần đòi chép lại, rồi học thuộc, truyền lan. Nhiều câu, chẳng mấy lúc đã thành tài sản chung, lưu truyền rộng rãi trong dân chúng tỉnh lẻ, được mọi người tán thưởng, bảo rằng: nghe sướng tai lắm!

Chẳng hạn, Tết năm Quý Hợi, Sự viết:

Chó đói đã đi rồi, sang gọi láng giềng vui một mẻ.

Lợn no đang béo mỡ, cũng như ai dầm chữ học hành.¹

Năm Tuất, vì mất mùa, dân nghèo tỉnh tôi đói dài đói rạc. Hiện trạng ấy sao mà thơ phú nhấm mắt bỏ qua được!

Đến năm Tân Mùi, Sự lại có câu đối miêu tả và ngậm vịnh cảnh ngộ mình:

Hết Ngộ sẵn gân ngựa, đua với đời, vất vả mà vui.

Sang Mùi hăng tiết dê, đập vào núi, gian nan vẫn sống.²

Ở vế hai, ý đập vào núi chỉ việc Sự sẽ lên miền núi tỉnh Lào Cai trong vai anh cán bộ thu mua sả về để nấu tinh dầu. Năm trước đó, vẫn là hàng xóm của tôi, nhưng ông tiến sĩ đã được điều về công tác tại Ủy ban Khoa học Kỹ thuật tỉnh để phát huy năng lực, sở trường rồi.

Cuối cùng, sau năm 65, cái tài làm câu đối của Sự đã nổi như sóng cồn. Ông thân sinh chàng tiến sĩ dưới Suối vàng hẳn cũng ngậm cười vì con trai ông đã tiếp nối được tài năng và ý chí của ông cha, gia tộc. Ôi, những câu đối của Sự! Chúng có tầm kiến văn rộng rãi, ý tứ đã thâm sâu, lời văn lại đẹp đẽ. Gia dĩ chúng lại mang ý vị siêu hình, đã ý tại ngôn ngoại lại biến hóa vì điệu và đậm đà màu sắc dân gian.

1. Câu đối của Tiến sĩ Nguyễn Xuân Tụ, bạn tác giả.

2. Câu đối của Trần Quế.

Tết năm Mùi ấy, cảm cái tài của Sự, tôi bí mật chép lại một đôi câu đối của anh và gửi cho tờ báo tỉnh. Ông tổng biên tập báo này đồ tú tài Tây, lại uyên thông Hán học, chủ trương báo chí phải là cơn phẫn nộ của lương tri, đọc xong, khoái quá, duyệt liền và cho đăng lên trang một số báo Tết.

Hết khoe mẽ một thời, ngộ nguy lắm cũng ra vành móng ngựa.

Còn xuất dương mấy độ, mùi mẽ chi mà vĩnh sơi râu dê.¹

Dưới câu đối, lại chính tay ông tổng biên tập yêu cầu mở hai cái ngoặc đơn, viết thêm một dòng: “Dán trước cửa nhà bọn tham quan ô lại hại dân tỉnh ta.” Chà! Đối ý, đối chữ, đối bằng trắc, miễn chê, còn ý tứ thì quả là sâu sắc, uyên áo, âm vang, lắm anh xem xong không khỏi giật mình, kinh sợ. Ai cũng biết, tham nhũng đã trở thành quốc nạn, trở thành bệnh dịch đang lan tràn trên khắp quốc thổ và thế giới rồi. Điều gần như ngẫu nhiên và lý thú là năm ấy, ở tỉnh này, mấy ông lãnh đạo chủ chốt cũng đang dính vào mấy vụ bê bối về tiền nong, đất đai. Thành ra, số báo ấy phát hành vọt lên gấp đôi số lượng và khắp tỉnh đâu đâu người ta cũng ngâm nga đôi câu đối nọ, rồi liên hệ với thực tế tình hình.

Ôi, câu đối, cái thể loại nhỏ nhoi, trò chơi chữ nghĩa trí tuệ truyền thống và siêu đẳng, phản ánh cái tài hoa, cái xảo diệu của con người. Sự đã xuất hiện. Anh hoa một khi đã phát tiết là nó không có chịu ngừng. Từ đó mỗi độ xuân về, Tết đến, các tờ báo, bản tin to nhỏ khắp tỉnh, đua nhau cử người tới, xin đặt bài Sự.

Làm sao quan niệm được một tờ báo Tết mà lại thiếu một vài câu đối nho nhỏ? Giở tờ báo Tết ra, trước hết là lật lật, ngó vào ở góc này, góc nọ, tìm đôi câu đối ngắn gọn đọc lên xem cái ý vị hàm chứa nó thế nào đã! Ấu cũng là thói quen thưởng thức báo Tết lâu nay, đã ăn sâu thành tiềm thức của dân mình.

1. Câu đối của Tiến sĩ Nguyễn Xuân Tụ, bạn tác giả.

Năm ấy, báo Tết tỉnh tôi được mùa câu đối. Nhưng đôi câu đại loại: “Tiền năm Gà, chào năm Tuất” hoặc “Mừng năm mới, chúc xuân sang...” đã quá quen thuộc và có tính chất trang trí, nghi lễ, khỏi nói làm gì. Vì nó cũng giống như những câu đối bán đầy chợ Tết kia kìa. “Niên tăng phú quý, nhân tăng thọ. Xuân mãn càn khôn, phúc mãn đường.” Ấy thế, đáng vừa đọc vừa ngẫm ngợi là những câu có ý tứ mới mẻ kia. Thì đây, có thiếu gì. Về cảnh quan cuộc sống tươi đẹp:

Đất nước làm giàu, cái đói nghèo dần tháo chạy.

Nông thôn đổi mới, con cò con vạc lại bay về.¹

Vui vẻ nhưng có tí châm chích và giáo huấn thì:

Chén chú chén anh, túy lúy càn khôn dần đến đại.

Chồng chị, chồng em, yêu đương bất chính lánh cho xa.²

Lại có câu có tính chất giải trí đơn thuần như: “Ba bà đồng bóng xem đá bóng. Năm ông cầu thủ trấn khung thành”, hoặc: “Cầu thủ Ý chơi hết ý. Đội tuyển Anh đá đàn anh”. Cũng còn cả câu thách đố thật hóm, thật ác: “To ăn to, nhỏ ăn nhỏ, to nhỏ đều ăn”. Thật là rất bất ngờ.

Bất ngờ nữa là tất cả đều là sáng tác của Sự.

Ôi, ông tiến sĩ sinh học! Ông viết luận án, ông đi báo cáo khoa học ở khắp các nơi, ông nuôi cấy mô, ông thu mua sả để nấu tinh dầu, cả loạt việc ấy xem ra hiệu quả gây chấn động tâm tưởng con người cũng chỉ tựa tựa như mấy câu đối và câu thách đố của ông thôi! Và như vậy là liền hai tháng trời sau Tết, Sự đã tạo nên cơn phong ba bão táp khuấy động liên tục các trang báo tỉnh.

Hưởng ứng câu thách đố của Sự, bài vở từ khắp tỉnh ùn ùn gửi về, vui, sôi động tâm can cả già trẻ gái trai. Niềm cảm

1. Câu đối của Trần Quế.

2. Câu đối của Quang Thi.

3. Câu đối của Quang Thi.

hận thói dựa quyền hành vợ vét, bóp nặn dân đen, sống chết mặc bay, tiền thầy bỏ túi, giống như khối lửa nung bí bức bao lâu, giờ có chỗ giải thoát. Như được thễ, cùng với tộ tham nhũng trên, các thói hư tật xấu thâm căn khác cũng được dịp bị phanh phui phơi bày hể hả. Thật không ngờ, mấy câu đối liễn con con lại có cái khả năng gây náo động ghê gớm đến thế! Không nói ai cũng biết, khó chịu vì mấy câu đối nọ hiển nhiên là mấy vị chức sắc chớp bu ở tỉnh này.

Tết ấy lại như mọi Tết, Sự lại sang tôi đúng chiều Ba mươi. Anh treo hộ tôi đôi câu đối anh tặng, viết theo kiểu triện lên hai bên bàn thờ tổ; đặt chân xuống đất, anh xướng thật to: “Đổi mới nước non, dấu son lịch sử. Miệt mài năm tháng, thấp sáng nhân tâm¹”. Rồi nói:

- Vế thứ hai tôi tặng cánh nhà báo các anh.

Tôi sắp bộ ấm chén, mời Sự ngồi chơi:

- Anh uống chén trà đã. Tết năm nay anh có viết được nhiều câu đối không?

Sự xoa xoa hai bàn tay, mặt hơi bần thần:

- In ít thôi. Nể các báo quá. Ông tổng biên tập báo tỉnh còn thân chinh đến tận nhà đặt. Tôi ra một câu thách đối, nhưng bí mật hộ tôi nhé, tôi không đề tên Tú Sự như những lần trước. Ngoài ra...

Tôi nói:

- Đề tên gì thì ai người ta cũng nhận ra anh thôi. Nhưng mà câu thách đố là thế nào?

- Khá hóc búa. Nhưng thôi, ông cho phép mình bí mật đến giờ phút cuối cùng.

- Thôi được! Thế còn cái gì nữa mà nói là ngoài ra?

Sự lắc đầu, cười nhè nhẹ:

1. Câu đối của Tiến sĩ Nguyễn Xuân Tự, bạn tác giả.

- Xứ mù thẳng chột làm vua. Tỉnh lẻ nói làm gì. Còn như ở nơi khác, loại như tôi lấy đầu mà đóng, lấy xe mà chở. Ngoài ra là đây. Là mấy câu mới làm cho Tết Bính Tuất, năm con chó này, xin đọc hầu ông anh đây!

Trời! Thật không ngờ cảm hứng về năm con khuyến của Sự lại dồi dào thế. Có đến cả chục câu mà câu nào cũng vừa ngộ vừa hóm nghich, thậm chí chua cay, đáo để. Đây đây là câu dẫn ở cửa trại nuôi chó thịt:

Bảy món cây tơ, mấy chú vện vẫn đang khởi sắc.

Một bầu chó đẻ, ba quân í oảng sắp lên hương.¹

Này đây là câu vịnh chú khuyến:

Trung thành ra phết mà ăn bản.

Nô lệ thò đuôi chẳng biết dơ.²

Còn đây là câu mừng năm mới:

Gặp cúm gia cầm, gà biệt xứ.

Đến thời lục súc, chó lên ngôi.³

Chưa hết! Chưa hết! Vì còn có đến ba, bốn câu thách đối nữa, chẳng hạn câu này: “Năm khuyến vừa khuyên vừa hỏi”, hoặc: “Hoa đào cho sắc mừng năm chó⁴”.

Tết ấy, báo tỉnh lại tung bừng nhờ mấy đôi câu đối của Sự. Cũng vẫn là cái văn hoa tài tình, cái ý vị dí dỏm, cái khẩu khí trung chính đã quen, nhưng lần này ý tứ lời lẽ xem chừng thâm thúy, cay độc hơn và rõ ràng là động chạm sát sạt đến thế sự, động chạm đến hàng ngũ các quan đầu tỉnh. Và do vậy cùng với lời bàn bạc cồn cào sôi sục cả phố xá, xóm thôn, nam phụ, lão ấu, người hiểu biết thế thái nhân tình không thể

1. Câu đối của Tiến sĩ Nguyễn Xuân Tụ, bạn tác giả.

2. Câu đối của Tiến sĩ Nguyễn Xuân Tụ, bạn tác giả.

3. Câu đối của Tiến sĩ Nguyễn Xuân Tụ, bạn tác giả.

4. Câu đối của Tiến sĩ Nguyễn Xuân Tụ, bạn tác giả.

không âu lo. Âu lo cho sự an toàn của Sự và ông tổng biên tập, kẻ chủ trương báo chí là cơn phần nộ của lương tri.

Nỗi lo của những người hiểu biết cuối cùng xem chừng hình như là có lý. Báo Tết ra được đúng ba hôm thì Sự gặp tai nạn.

Từ ngày ở Bulgaria về, Sự đã một lần bị hỏa hoạn, một lần bị kẻ trộm vào nằng mất chiếc xe đạp Eska và mấy bộ đồ len quý. Vừa hồi phục thì một thằng đạo chích không thương kẻ áo rách lần vào khoắng liền chiếc *radio cassette* và mấy đồng tiền dành dụm. Còn lần này, đang phơi quần áo ở giữa sân thì không hiểu từ đâu một cô đá lớn bằng nắm tay văng vào trúng mặt. May, đà ném đã đuối nên trán chỉ sưng bằng quả ổi và xây xẩm mặt mày mất một lúc.

Tôi sang thăm Sự. Anh bấm đốt ngón tay, lẩm nhẩm:

- Lúc tôi bị nạn, tính ra là giờ Dậu, tháng Tí, ngày Ngọ, và tuổi tôi là tuổi Mão. Đúng là tứ hành xung, ông ạ.

- Ngẫu sự thôi và đúng như cổ nhân đã dạy “vạn sự cổ nan toàn” mà. - Cố tình làm giảm nhẹ độ căng của câu chuyện, tôi hòa theo Sự.

Sự gật gù. Ấy thế! Ở đời, sống được còn nhờ biết tự an ủi và biết quên. Tuy vậy, buồn thay, cây muốn lặng, gió chẳng dừng, Sự muốn quên mà không được. Tai họa tiếp tục giáng xuống đầu Sự. Tháng Năm, anh bị kẻ cắp rạch túi lấy mất cả bọc tiền cơ quan giao cho đi mua vật liệu thí nghiệm, những hai trăm triệu, bằng lương cả bốn năm trời. Tháng Sáu, bị một thằng đi xe máy ẩu tông vào đuôi xe đạp, người bắn lên vĩa hè, trật khớp một bên vai, rạn xương ống đồng. Tháng Tám, đang đạp xe, bỗng một kẻ lạ mặt, da sần sùi, đeo kính đen nhỏ chảo từ sau vọt xe máy City 103 qua, phụt một luồng axit vào mặt, phúc bảy mươi đời nhờ cái kính che bụi và do thằng cha căn sai nên chỉ bỏng mảng gáy, chứ không thì dứt khoát đi đời hai con mắt và cái mặt biến thành mặt quỷ. Tháng Chín, tháng Mười, nhận cả loạt thư nặc danh của một thằng ngô ngọng tự xưng nhà văn công nhân lên giọng du côn khuyên chỗ nên xéo sang

vườn rau người khác, nếu không méo mó sẽ được liền méo mó. Tháng Mười một, nhận được tờ báo biểu, mở ra thấy một bài đánh dấu yêu cầu phải đọc, có tựa đề: “Hãy trừng trị kẻ mượn rượu nói xằng”. Ký bút danh là Búa Tạ.

Câu chuyện chữ nghĩa đã vượt giới hạn chữ nghĩa. Tỉnh lẻ nhỏ bằng bàn tay, đầu tỉnh cuối tỉnh năm ấy chỉ ran ran một chuyện ông Tú Sự gặp tai nạn liên tiếp. Sự trở thành đầu đề của bao cuộc tranh cãi, kẻ khen, người chê. Chỗ này tâng bốc, chỗ kia chửi rủa.

Thôi thì lưỡi không xương, miệng không cạp, thiên hạ nói năng, bình phẩm thế nào là quyền của người ta. Mình có quyền sáng tác thì người ta có quyền bình phán. Sinh hoạt tinh thần cõi mở, dân chủ cũng bao hàm cả nội dung đó chứ sao. Chỉ hơi băn khoăn tí chút, nếu những hành vi nọ lại là trò trả thù man rợ đã trù liệu của kẻ xấu tính, hèn mọn và có quyền hành? Nhưng nghĩ cho cùng đời có lẽ luật của nó. Phúc không thể cầu, họa không thể tránh. Vận hạn, may mắn thủy đã đặt thành phương trình và có tính tương quan, ở ngoài sự định đoạt của cá nhân. Vả, đã biết thế nào là may mắn, là rủi ro vận hạn mà phải mất thì giờ lo liệu, ngăn chặn, cầu xin!

Tắm ngấm tắm ngấm con nhà nho kín kẽ, ông tiến sĩ Tây học thấm nhuần tinh thần ứng xử phương Đông cổ xưa, bỏ qua tất cả những chuyện đáng bực mình và lo ngại. Ông tiếp tục làm câu đối, lại chơi trò chơi của mình. Thiên hạ chơi cờ, chơi tem, chơi chim, chơi cá, chơi cây thì ông chơi chữ. Chơi chữ, một cái thú thẩm mỹ cao đẳng. Chẳng hạn, Tết ấy, đài truyền hình tỉnh chiếu phim *Tây du ký* mấy chục tập liền, đi đến đâu cũng thấy người ta bàn luận về Đường Tăng với Tôn Ngộ Không, Sự liền ra vế thách đố: “Ngộ có ngộ không, ngộ không ngộ, ngộ không là khi”.

Oái oăm chưa cái chữ nghĩa! Nó thật là cái cách quỷ biện của con người để gọi tên sự vật. Nó giấu cái tiềm ẩn ở sau cái

nông sờ. Nó vừa thành thật sáng tỏ vừa chập chờn ý tưởng siêu linh trong bản tính uyển chuyển của nghệ thuật.

Những câu đối tài tình ra đời như có sự trợ giúp của thần linh của Sự năm ấy khiến cái thị xã tỉnh lỵ nhỏ bé có nhịp sống uể oải thường khi lại náo hoạt hẳn lên. Ôi, văn thơ, ba cái chữ quên mà sao lại có thể tạo nên một ngác ngơ, một băng khuâng, một ánh cười, một tiếng khóc, một men tình, một sức sống mạnh mẽ như thế!

Sự đang trong đà thăng hoa. Bản lĩnh trí thức hiện đại kết hợp với khí tiết nho quân tử khiến Sự hoàn toàn chấp nhận mọi thiệt thòi, ro rỉ, nhất quyết nhập cuộc, không đi tìm sự an toàn ở ngoài vòng nguy biến.

Say sưa, Sự hỏi tôi: “Tôi định bỏ nghề, bỏ cả học vị tiến sĩ sinh học, chuyển hẳn sang nghề làm báo, dùng ngòi bút làm vũ khí đấu tranh cho lẽ phải đây. Tôi đã nói với ông tổng biên tập tờ báo tỉnh rồi. Ông ấy nói: sẵn sàng đón nhận. Vậy ý ông thế nào?”

*

Đời thường ít khi suôn sẻ.

Sự chưa kịp viết đơn xin chuyển sang làm việc ở tòa báo của tỉnh thì dùng cái ông tổng biên tập, người giàu bản lĩnh tranh đấu, kẻ có tài nhận biết và thu nạp cái tài đích thực của người khác, bị tổ chức điều phất sang cơ quan khác; thế chân ông giờ là một anh cán bộ tuyên huấn huyện mới ti toe ba, bốn bài thơ trình độ báo tường.

Tôi chưa kịp hỏi Sự giờ định liệu thế nào thì Sự đã ghé nhà tôi:

- Tối mai cơ quan mình liên hoan tiễn mình về hưu. Ông đến dự nhé!

- Ô! Ông mới năm mươi!

- Thì hưu non chứ sao. Ông trưởng ban tổ chức cơ quan bảo tôi: “Trước sau đằng nào cũng về hưu thì về hưu quách cho xong đi, ông à.” Hà!

Thật không ngờ, Sự về hưu đột ngột thế, lại cũng không ngờ buổi liên hoan tiễn đưa Sự về hưu lại vui nhộn, nghịch ngợm đến thế. Có độ năm chục người dự, ngồi bốn dãy ghế áp bốn phía tường nhà. Nhìn mặt, nhận ra toàn là bạn bè trang lứa, những bác sĩ, kỹ sư, nhà báo, nhà đài, nhà văn, nhà thơ cấp tỉnh cả.

Ông tổng biên tập báo tỉnh vừa bị điều chuyển công tác khác xung phong đóng vai người dẫn chương trình. Người săn chắc, da bánh mật, tóc hoa râm, miệng rộng, giọng rất sang trọng và âm vang, ông làm mọi người sững sốt ngay từ mấy câu mở đầu. Ông đọc như đọc điệp văn, kể lại lai lịch Sự, họ gì tên gì, sinh ngày nào, quê quán tại đâu, rồi bất thành linh ông cao giọng nghê nga:

- *Cung duy*

Văn Sự

Thiên tư hao mại

Khí vũ anh hoa

Nhớ xưa

Văn Sự

Thông minh vốn sẵn

Khí phách hiên ngang

Nhỏ học chữ Hán. Lớn học chữ Tây.

Rồi đột ngột ông bật lên tiếng nức nở:

- *Ơi Sự ơi là Sự! Thế là mình bỏ đi*

Chẳng nói chẳng rằng, không than không thở

Hay mình thấy tớ không chung lưng đấu cật

Thôi! Chết quách yên mồ. Sống càng nặng nợ

Kiếp này có lẽ

Thì cứ thành tiên, thành Phật để rong chơi, nay New York mai Tokyo.

Những muốn dựng bia làm kỷ niệm thì chữ nghĩa, câu đối đã là bia rồi...

Đến đây thì mọi người cười dốc cả lên. Hiểu nhau rồi, ô hô!

Hiểu nhau cặn kẽ rồi! Ôi ông tổng biên tập ơi! Ông đọc văn tế Sự, công khai ông định nói rằng: Nay mai mỗi người mỗi ngã, ngộ nhờ Sự có mệnh hệ nào, khi ấy dẫu ông có vắng mặt thì cũng được coi như đã tròn phận sự tống tiễn chứ gì? Không! Ông còn quở kế thâm sâu hơn kia. Ông định chơi cái lối cái quan định luận, tức đóng nắp áo quan mới định công tội cho Sự chứ gì? Ông đặt bẫy và thế là mọi người mắc bẫy ông cả. Kia, người tặng quà, người biếu tiền Sự, kẻ đọc thơ, người nói vo. Ai cũng chỉ một điều ngợi ca công đức, tôn vinh giá trị của Sự, xếp Sự vào bậc thánh trí. Ha! Chi li mà làm gì. Chấp gì kẻ đã mất. Chà! Lâm ly mà nắc nẻ cười suốt cả đêm dài!

*

Năm mươi hai tuổi, Sự mới lấy một cô giáo dạy trung học góa chồng, không con. Họ sống với nhau ở nơi cô giáo dạy học, một làng ngoại vi thị xã tỉnh lỵ.

Tôi đến chơi với Sự luôn. Tóc Sự đã bạc trắng phơ. Nhưng anh chẳng chút buồn phiền. Ông tiến sĩ sinh học giờ đây bận rộn suốt ngày với công việc trồng cây cảnh, giâm cành, tía nụ, nhân giống hoa. Ông sản xuất hoa tươi và cây cảnh. Ông vừa tham gia câu lạc bộ thơ phường sở tại, vui vẻ và hồn nhiên như thám nhuần lẽ đời thực giả hư chi, thực đó mà giả đó, bĩ thử nhất thời cả thôi.

- Thấy tôi vui, bà xã cứ căn vặn. - Sự kể. - Tôi phải lấy truyện cổ ra giải thích. Được làm người là một cái đại phúc thứ

nhất. Được làm đàn ông là một cái đại phúc thứ hai. Còn cái đại phúc thứ ba là mạnh khỏe thì tôi cũng có. Được ba cái lớn thế sao không vui! Còn cái gian khó, cái nghèo nàn, vốn vẫn là sự thường, như đường đi, có núi có đèo, sao lại phải than van! Có gì mà phải buồn, kể cả cái chết, vì cái chết chẳng qua chỉ là sự hết mà thôi.

Nói đoạn, Sự nhìn tôi chăm chăm, hạ giọng:

- Ông ạ, nói thế chứ thực ra cũng có lúc khắc khoải, ngán ngơ lắm. Nó là do từ đâu, những cái tai họa và bước trầm luân của mình ấy?

- Thế theo ông nó do từ đâu?

- Dà, nó là do từ đâu ấy à? - Sự thở mạnh rồi ề ề. - Việc đời thì đã rõ. Chỉ còn việc của quỷ thần là còn mu mớ. Nhưng giờ thì cũng đã thấy tới chín phần. Căn do có lẽ là... À mà ông có nhớ cái câu mình thách đố năm Mùi không?

- Nhớ! Cái câu ông hỏi mình, ông nói là giấu tên và xin bí mật đến phút cuối cùng ấy à?

- Đó. Nó đấy! Chính nó là cái vế tôi ra nhưng giấu tên ấy đấy. “Tân Mùi, vị tân.” Nó là thế. Câu này có bốn chữ thôi, nhưng nó hóc hiểm vì sử dụng can chi và chua cay về ý tứ. Năm ấy chả có ai đối được. Thành ra nó cũng như câu “Da trắng vỗ bì bạch” của cổ nhân, nó là tử vận, tử đối! Chà, xuất đối dị, dị đối nan là thế đấy!

- Tử đối! - Tôi kêu khe khẽ.

Sự gật đầu:

- Chữ nghĩa, văn thơ nó có quỷ thần ở bên trong, mình đã đổi tên mà nó vẫn tìm được, nó quậy phá, vận vào mình, gây họa cho mình là thế đấy. Có phải không, ông?

10/1995

CHUYỂN XE ĐÊM

Chiếc xe lại hỏng!

Lần này là lần thứ mấy, kể từ lúc nó rời biên giới? Ngồi ở băng ghế sau, người phụ nữ phương Tây xinh xắn không nhớ, nhưng khó chịu và buồn lo lộ ra mặt. Bởi vì lúc này trời đã tối. Trời tối ở một vùng đất xa lạ, còn ngổn ngang, bừa bộn tích của chiến tranh. Đất hoang lạnh, loang lổ những vệt cháy. Cây sém, ủ rũ cạnh những đống vỏ đạn pháo lớn và những vòng thép gai bò loằng ngoằng góm guốc. Đường đã vắng từ lúc chập tối.

Giờ thì chẳng còn sự sống trên mặt đường gập ghềnh, lồi lõm hố đạn pháo. Không có xe đi ngược chiều và cùng chiều, kể cả những chiếc xe do bò kéo, bánh xe to một cách cổ lỗ và như là vô lý của những người dân vừa ra khỏi cuộc chiến tranh đang tìm đường trở về quê cũ. Không có tiếng nó lẩn lộn cộc cằn đều đều trong hành trình giống như trong cuộc viễn du vô định.

Giờ, chiếc xe trở nên cô đơn.

Họ đã phải đổi xe ở biên giới. Chiếc Mazda sang trọng được thay thế bằng chiếc *command ca*¹ cũ kỹ mình đầy bụi, lam lũ, không biển số. Trông nó đã nao cả lòng, nhất là khi nghe người sĩ quan dặn người lái xe: “Chú ý: gặp ai, không được nói cho

1. Command car.

họ biết xe chở ai, đi đâu. Dọc đường, không cho bất cứ một ai đi nhờ xe.”

Người phụ nữ hiểu ngay từ lúc đó: tính mệnh của họ trên đất nước xa lạ này hoàn toàn phụ thuộc vào chiếc xe và anh lái xe, một chiến sĩ Việt Nam nhỏ nhắn, hiền lành. Ôi chao! Chiếc xe thì quả là không tin cậy được. Giờ, nó lại chết giữa vùng đất mênh mang, nhìn đâu cũng chỉ thấy mờ mờ những cây thốt nốt cao lớn, chơi vơi trên vòm trời, chẳng có gì chơi vơi, chông chênh như loài cây ấy vào lúc này.

Thấy xe hỏng, người đàn ông phương Tây ngồi cạnh người phụ nữ, từ nãy vẫn lim dim như hoài niệm cái gì đó, choàng tỉnh, đẩy cửa xe, chui ra. Đó là một người đàn ông cao lớn, vạm vỡ, bụng xệ. Cái bụng xệ không gây ấn tượng chậm chạp, nặng nề. Vì cái quần *jeans* bó tôn người ông cao lên, rất hòa hợp với cái áo *blouson* khuôn gọn thân trên và cái vẻ háo hức trẻ trung trên khuôn mặt dãi dầu, từng trải. Ông là phóng viên của nhiều tờ báo lớn trên thế giới, quen với những khung cảnh chiến trường, nổi hiểm nguy và những sự kiện mới mẻ, sôi động của hành tinh.

“Rosa, em cứ yên tâm!” Người đàn ông ghé mặt vào cửa xe, an ủi người phụ nữ. Cạnh ông, chị nhỏ bé, non nớt như một cô em út. Họ mới lấy nhau. Và người đàn ông đã thuyết phục được vợ mới cưới thuận theo ý muốn phản ánh cái máu mê nghề nghiệp của mình: hưởng tuần trăng mật trên con đường thiên lý của nghề làm báo, ở một đất nước xa xôi đầy bí hiểm. “Em có biết không? Bọn cai trị ở nước ấy bắt đàn ông, đàn bà phải sống cách biệt trong các trại tập trung. Chúng chỉ định người đàn bà này lấy người đàn ông kia. Chúng cũng tổ chức cưới cho họ. Cưới hàng chục cặp ghép đôi như ghép gà, ghép lợn, rồi ai lại về trại nấy. Không ai được phép có một cái gương. Ai soi mặt dưới bóng nước, bắt gặp, chúng đập chết liền.” Nghe người chồng nói vậy, người vợ rùng mình. Thật là kinh khủng và quái gở. Làm sao có thể tin được? Tính tò mò được khơi dậy,

chị bằng lòng. Và họ bay đến Việt Nam, rồi bây giờ quá cảnh qua đây, vùng đất vừa thoát khỏi cái tai ương khủng khiếp vô nhân đạo nhất kia, mới có ít ngày.

Được sự an ủi của chồng, người phụ nữ yên dạ. Chị gạt đầu hơi nũng nịu. Và người đàn ông hôn vợ, rồi đi lên phía đầu xe lúc này nắp *ca pô* đã mở, hất lên; ở đó lúi húi bóng người lái xe nho nhỏ.

- Xe làm sao thế, anh người Việt? - Người đàn ông hỏi, giọng cố tỏ ra không sốt ruột.

- Thùng két nước, ông ạ. - Người lái xe đáp khẽ, nhưng lại chột giật mình chồm lên, gào vào trong xe lúc đó ánh đèn vừa lóe dậy vàng đục. - Tắt đèn! Tắt đèn đi, chị ơi!

Người đàn ông quay đầu lại. Ánh đèn trong xe vừa bật - chắc người phụ nữ định tìm gì đó - đã tắt ngấm. Người phụ nữ kêu lên the thé, chừng như bực bội.

Người đàn ông bước lại cửa xe, nhún vai. Trong xe im thin thít. Cả hai đều tự hiểu một cách sâu xa rằng, ánh sáng lúc này là mục tiêu của bao điều hung hiểm. Tốt nhất là yên lặng trong đêm và chờ đợi. Nhưng mà chờ đợi bao lâu nữa? Thùng két nước giữa chốn này!

Người đàn ông đứng tựa lưng vào cửa xe như che chở cho vợ, nhìn anh lái lúi húi ở đầu xe, chốc chốc lại thở dài vô vọng.

Nhưng bỗng, thành! Nắp *ca pô* xe đập xuống. Người đàn ông bước nhanh lên đầu xe. Thấy người lái xe đang lau tay, ông liền quay lại, mở cửa xe, gieo mình xuống cạnh vợ, thở phào sung sướng:

- Thùng két nước! Nhưng thật là kỳ diệu! Thật là kỳ diệu!

- Chữa được rồi, Bob? - Người phụ nữ nín vai chồng rồi rít. - Chữa xong thật rồi à? May quá!

- Anh ta đã chữa. Bằng gì em có biết không? Ở Cuba năm 60, anh cũng gặp một ca như vậy. Ở Angola vừa rồi chiếc xe

chở anh cũng rơi vào tình cảnh tương tự, người lái xe bít lỗ thùng bằng xà phòng. Còn ở đây, bây giờ, anh lái xe người Việt này chít các lỗ thùng bằng phân trâu! Thật là kỳ lạ!

Thật là kỳ lạ! Lúc chiều tối, họ đã gặp những chiếc xe từ chiến trường về, đi ngược chiều với họ. Nhiều chiếc xe không kính. Có chiếc dùng đèn pin thay đèn pha và cả hai vợ chồng đã cười như nắc nẻ khi thấy một chiếc xe trên nóc buồng lái đặt một phuy xăng lớn. Xăng theo vòi cao su rỏ xuống đầu máy, để thay thế chiếc bơm xăng hỏng. Họ đã bắn khoản tự hỏi: Những người chiến sĩ kia, vì lẽ gì mà vất vả thế? Họ đem thân họ đến đất này đâu có phải là để giải phóng cho đồng bào họ? Ai cũng biết người Việt trải qua hơn ba chục năm chiến tranh trên đất nước của mình rồi. Người phóng viên đã hỏi câu đó với một vị chỉ huy ở biên giới. Người chỉ huy nguyên là một thầy giáo dạy tiếng Pháp. Ông không trả lời thẳng vào câu phỏng vấn của nhà báo. “Theo chỗ tôi biết, trong ngôn ngữ tất cả các nước ở châu Âu đều có chữ tình. Tình yêu, tình bạn, tình gia đình, tình thầy trò”, ông nói điềm đạm, “nhưng trong tiếng Việt của chúng tôi, cạnh chữ tình còn có chữ nghĩa; nghĩa, về phương diện nào đó, là kết tinh của tình, nghĩa vợ chồng, nghĩa bè bạn, nghĩa xóm giềng lân bang...” Đó là một điều mới lạ với người phóng viên.

Và bây giờ, khi xe đã chữa xong, tiếp tục lăn bánh, người phóng viên lại có cảm giác ngỡ ngàng, mỗi bánh xe lăn là một bước đi vào những điều chưa biết, từ cảnh quan tới không khí, khoảng trời.

“Mùa khô kéo dài sáu tháng.” Người đàn ông nhớ tới một trang sách trong cuốn sách khảo cứu về đất nước này mà ông đã được đọc rất kỹ trước khi qua đây. “Bạn có thể nhìn cây thốt nốt xa tít ở chân trời chỉ còn nhỏ bé, đơn côi như ngọn cỏ, đứng chơ vơ như chứng nhân tiền sử. Đất phù sa khô, chờ mưa xuống sẽ xuê ra, tơi tả. Lúc ấy người Khmer sẽ sạ lúa, cứ mỗi mẫu là sáu mươi cân hạt. Cây lúa lên cao, họ sẽ bữa ào đi. Cây

yếu tự chết, cây nào sống sót thì sống mạnh mẽ, mãnh liệt y hết con người ở xứ sở này. Đất nước sống bằng gạo và khô cá này ngò đâu đã có lịch sử hai nghìn năm trăm năm trước Công nguyên, đã trải qua các vương quốc, vương triều...”

Bánh xe chạm đánh kịch vào gờ một chiếc cầu, cắt đứt dòng suy tưởng của người đàn ông. Cả hai vợ chồng cùng hơi bị xô về phía trước. Và họ cũng nhìn thấy lối nhỏ trong bóng đêm ba, bốn cái mũ sắt cùng mấy ngọn súng tiểu liên. Người lái xe ngoảnh ra cửa, đưa tay lên chào những người gác cầu, nói cái gì đó và chiếc xe lại lăn đi ngay.

Sự gặp gỡ thỉnh thoảng một chiếc cầu và các trạm gác vừa làm cho hai vợ chồng người phóng viên yên lòng, lại vừa gây cho họ cảm giác phấp phồng. Nhất là chiếc xe đã chạy cách cầu được một quãng, người lái xe trẻ tuổi quay lại, vẻ như băng quơ:

- Không có bộ đội chúng tôi thì trong vòng một ngày, chiếc cầu sẽ bị bọn phi phá sập ngay.

Người phụ nữ co người lại sau câu nói đó. Lúc này, đêm bỗng nhiên trở nên nhờ nhờ sáng, người đàn ông háo hức vì nghề nghiệp đã chuyển lên ngồi ở ghế trước và không khí trở nên hắt hiu khác thường. Đêm mờ càng hiện lên sự vắng vẻ, cái vắng vẻ chứa chấp những bất trắc khôn lường.

- Một đất nước huyền thoại và trữ tình, Rosa ạ.

Người chồng quay lại, đắm chìm trong suy tưởng, thoát khỏi cái hiện thực lạnh lẽo ngoài kia. Nhưng người vợ bấu lấy cổ chồng, giọng lạnh run:

- Bob, lạ Chúa! Sao chúng ta không đợi sáng mai hãy đi?

- Ồ, nghề nghiệp của anh! Rosa à, trong tĩnh lặng buổi đêm, ta nhìn được chiều sâu của các sự kiện.

- Lạ Chúa! Em vừa đọc xong *Chùm nho uất hận*¹ của Steinbeck. Sao em có cảm giác chúng ta đang ngồi trong chiếc

1. Còn có tên trên bản dịch là *Chùm nho nổi giận*, *Chùm nho phẫn nộ*.

xe Hundson của gia đình Tom đi về miền California xa xôi vô định quá!

- Đừng nghĩ u ám thế, Rosa!

- Lạy Chúa, trong cuộc di cư tuyệt vọng ấy, thoát đầu là ông nội Tom chết, kể đó là bà nội Tom...

Người đàn ông lắc đầu im lặng. Cái rừng mình từ người phụ nữ lan sang ông, để lại trong ông một cảm giác lúng lờ. Và khi thấy xe chạy gần một tiếng đồng hồ nữa mà không gặp lại một chiếc cầu nào thì ông thấy nỗi lo sợ của người vợ là hợp lý. Ông cũng thấy hình như mình đang chờ đón một cái gì đó như là một sự may mắn, điều rủi ro, và các chúc phận cảm giác của ông càng dần lên, làm cho ông khó chịu.

Thấm nhiễm khắp không gian là cơn tê tái của những hải hùng tưởng chừng hết sức đáng sợ. Trời đất trống tuênh nhưng dường như ở bất cứ nơi nào đó cũng có thể xảy ra một cái gì đó rất bất ngờ, ngoài sự phỏng đoán của con người.

Sự tương phản tình cảm ở trong xe, đối cực với trạng thái tâm lý của người phụ nữ và phần nào của người đàn ông là trạng thái tinh thần của anh lái xe. Anh còn rất trẻ trong bộ quần áo lính, những bộ quần áo lính không bao giờ mới, nhưng bao giờ cũng làm cho người mặc trẻ ra. Chỉ độ hăm mốt, hăm hai, anh có khuôn mặt không thật đặc sắc, nhưng dễ mến, nhìn bán diện, cái trán hơi dô, gò mũi cao và cái cằm thon lẹm, nhỏ, hết cái cằm con gái. Song đáng chú ý nhất là con mắt. Xe chạy không đèn. Nhưng mắt anh là ngọn đèn. Hình như nó phát ra hai luồng ánh sáng. Và con người trẻ tuổi ấy lại diễn đạt sự bình tĩnh đến mức người đàn ông phương Tây đứng tuổi vốn có ưu thế ấy, phải ghen tỵ. Sự bình tĩnh thuần thực mới tự nhiên làm sao! Đó không phải là lên gân cố tình, hay thái độ tự lự, không hiểu biết. Cũng chẳng phải sự phớt lờ, khinh bạc. Sự bình tĩnh vì từng trải, vì làm chủ được sự vật, hòa hợp một cách nhuần nhuyễn với cái gì đó như một bản lĩnh chiến

sĩ, nó đáng được thể hiện lên thành hình tượng của một kiệt tác điêu khắc.

Người phóng viên phương Tây cảm nhận điều đó không thật rõ ràng, nhưng ông muốn ghi lại hình ảnh này trong ký ức và ông tìm từ ngữ, phong điệu để định hình sự diễn đạt. Nhưng ông bị đột ngột.

- Ông nên ngồi ra ghế sau đi. - Người lái xe bỗng ngoảnh sang người phóng viên, nói khe khẽ, nét mặt không hề thay đổi, nhưng đó là một nét mặt khó miêu tả nhất, vì đằng sau cái thần thái tự nhiên ấy là vẻ mệnh mạng, sâu thẳm của tinh thần.

Người phóng viên còn đang dò đoán, cố nắm bắt cái tinh thần ấy thì người lái xe đã thêm:

- Ngồi ở trên ghế này nguy hiểm đấy, ông ạ.

Lần này giọng nói của người lái xe có vẻ nghiêm trang. Và người phóng viên lập tức cảm thấy bị xúc phạm.

- Tôi đã từng ở mặt trận Palestine. Tôi ở bãi biển Giron Cuba khi bọn Mỹ bị đánh trả tôi bởi. Tôi vừa ở Afghanistan về...

Người lái xe quay lại, hai con mắt thông minh chớp chớp, anh hiểu tâm trạng ông nhà báo, nhưng hơi mỉm cười:

- Ở đây, bọn tàn quân Pol Pot nó ranh ma lắm, ông ạ. Phát súng đầu tiên chúng dành cho người lái. Phát sau là một quả B41. Thằng trước có một ông bị vạ lây với tôi vì thế, may chỉ bị thương. Vả lại, đừng nên để bà ấy ngồi một mình.

Cơn tự ái của người phóng viên tan ngay sau câu nói ấy. Ông hiểu rồi: không phải là người lái xe coi thường ông. Nhân cách anh cao cả và lạ lùng: anh chỉ muốn một mình hứng chịu nỗi hiểm nguy!

Xe dừng lại một chút để người đàn ông chuyển về hàng ghế sau. Và khi xe tiếp tục chuyển bánh, người phóng viên nước ngoài lại rơi vào trạng thái tâm lý dang dở, lưng chừng rất quen thuộc. Y như cái cảnh tranh tối tranh sáng nhuộm một

vẻ băng khuâng ở ngoài xe: đồng hoang trải rộng chập chờn những đám sương trắng mỏng manh như khói, ẩn giấu đâu đó nỗi kinh dị về những huyền tưởng yêu ma, quái đản.

Xe lại gặp một chiếc cầu. Trên dặm đường thăm thẳm, đó là nỗi an ủi duy nhất của nó. Lần này trời sáng hơn. Và vì người lái xe xin thuốc lá người gác cầu nên người phóng viên nhìn rõ gương mặt những anh bộ đội Việt Nam; những người lính rất trẻ, tinh táo và mắt lấp lánh nhiệt tình khi nhận ra trong xe có hai người phương Tây, nhất là lại có một người phụ nữ.

Nhưng cuộc gặp gỡ như định kỳ ấy lại khiến người phụ nữ thấp thỏm. Về tâm linh, chị tinh tế hơn chồng. Sau phút yên lòng, chiếc xe đi vào nỗi bơ vơ, đơn chiếc. Ở mỗi đoạn đường, hai cây cầu là hai điểm nương tựa, an toàn và chỉ có vậy thôi, còn khúc giữa dằng dặc là dặm đường đầy bất trắc khôn lường.

Người phụ nữ nín tay chồng, dồn dập hơi thở:

- Bob! Thật kinh khủng! Chỉ với cái không khí này em cũng đã hiểu bọn người xưa kia thống trị xứ sở này tàn ác như thế nào rồi. Nhưng sao lại dấn thân vào đất này? Thật là mạo hiểm! Mà em cũng chẳng hiểu: Tại sao người Việt lại dấn vào công việc ở đây? Họ rồi việc quá hay sao, nên thấy đám cãi nhau liên xô lại can?

- Không phải! Bọn Pol Pot đánh họ đấy chứ! - Người đàn ông cãi chính.

Người phụ nữ lắc đầu:

- Em không thích, Bob à. Chúng ta sống yên ổn, thái bình và buôn bán với ai thỏa thuận với ta. Sao họ không như ta?

Lần này người đàn ông không giải thích cho vợ nữa. Chị là một phụ nữ xinh đẹp, yếu ớt và ngây thơ. Vậy thôi. Nhưng người lái xe sau khi nghe người đàn ông dịch lại câu nói của người phụ nữ, gần như nhoai nửa người qua lưng ghế, anh chỉ lái có một tay.

- Chị chưa hiểu dân tộc tôi. Chị tôi, năm trước xung phong đi xây dựng kinh tế ở Tây Nguyên. Hăm hỏ lắm. Nhưng vừa rồi, tôi về phép thì gặp bà ấy bỗng tất cả con cái về làng. Không phải bà ấy không chịu được khổ. Trên ấy sung túc là khác. Nhưng bà ấy về vì... nhớ quê. Cái làng quê Việt Nam giữ chặt chân người ta lắm. Người ta chẳng muốn rời khỏi làng mình, xã mình, huyện mình, tỉnh mình, chứ đừng nói đi tới nước khác. Người Tàu thì khác! Với ba củ lạc rang, họ đi khắp thế giới. Họ đến đất này, thoát tiên xin ngủ nhờ đầu hè nhà người Khmer. Ít lâu sau, họ mở sòng bạc, cửa hàng tạp hóa. Rồi họ lấy người địa phương. Rồi bắt đầu mua đất. Người Campuchia đánh bạc hết tiền đành phải cầm đất. Hết đất, thế là vợ chồng con cái lên xe cho bò kéo đi. Êm thấm là cái cách của người Tàu. Còn chúng tôi, tất nhiên không phải thế. Nhưng nói thế nào để chị hiểu nhỉ? Ồ, vấn đề chính trị, ờ, đúng là bọn Pol Pot đã gây sự với chúng tôi... nhưng không phải chỉ có thế...

Hình như lúng túng về cách diễn đạt, người lái xe trở lại tư thế bình thường, hai tay xoay nhẹ vành tay lái:

- Ông bà trông kìa, có giống cánh đồng ma không? Người Khmer có câu thành ngữ rất hay: “Người Tàu đuổi người Khmer, người Khmer đuổi ma.” Đó, cầm đất cho người Tàu xong, người Khmer lại lặn lội đến các cánh đồng hoang, bắt đầu khai phá.

“Anh ta hiểu biết vấn đề một cách sâu xa.” Người phóng viên nghĩ. Nhưng câu chuyện về tội ác của bọn người cai trị lẽ ra có thể kể được rất nhiều nữa đã bị dừng lại. Đường như không muốn gây những ấn tượng kinh sợ cho người phụ nữ, cảnh ở ngoài xe đã đủ lắm rồi, anh lái xe sau một vòng cua hẹp, giọng bỗng trở nên nhẹ tênh:

- Đến Campuchia, ông nên đưa bà ấy đi xem Angkor.

- Anh đã đi chưa? - Người phóng viên hỏi.

- Tôi đã đưa khách đến đó một vài lần. Chà! Thật là một kỳ quan. Mùa khô này, ông bà nếu xem ở phía đông, nên xem từ quãng tám giờ đến mười giờ sáng. Lúc ấy mặt trời vàng như mật ong, tượng các vũ nữ rực rỡ, lộng lẫy nét hình, đẹp hơn tượng trong hoàng cung nhiều. Ừ, đẹp nhất là tượng phụ nữ. Mà phụ nữ Campuchia đẹp thật. Bà chị tôi, ba mươi tám tuổi đã sồ sề. Phụ nữ dân tộc này bốn mươi vẫn thon gọn, vóc dáng đầy sức sống nữ tính. - Anh lái xe hơi mỉm cười. - Ông bà nên đến Angkor. Đến đó, ông thử nghĩ, giả dụ ông có một xóm giềng tài năng như thế...

Người phụ nữ bị nỗi sợ hãi ám ảnh giày vò, không để ý tới ý tứ chứa đựng trong từng câu nói của anh lái xe, nghe chồng dịch lại chưa hết, đã lắc đầu quây quây:

- Không! Không! Tôi chẳng đi đâu cả! Lạy Chúa! Đến Phnom Penh tôi mua vé máy bay về ngay nước tôi thôi. Bob! Thôi đừng kể những chuyện khủng khiếp nữa!

Những câu nói gay gắt của người phụ nữ làm không khí trong xe trở nên nặng nề. Không ai nói nữa. Và lúc này xe đang đi vào một vùng tối âm u. Bóng đen từ khu rừng cao su rậm tỏa ra, vệt đường trước kính xe chìm lẫn vào cõi mộng lung.

Mắt căng, rọi cái nhìn tập trung về phía trước, anh lái xe cho xe chạy chậm chậm như vừa chạy vừa dò đường.

Người phụ nữ nép vào bên chồng, run rẩy. Chỉ lẩm nhẩm như đọc kinh: “Bob! Chắc chắn là họ đã dò mìn cẩn thận rồi chứ?” “Bob, sao mãi không đến một chiếc cầu nào?” “Bob! Dừng lại ở trạm gác cầu sắp tới nhé! Em chịu không nổi nữa rồi!” Và sau cùng nỗi sợ hãi của chị đã tới cực điểm, đã thành sự thật. Chị bỗng ôm choàng lấy chồng, rú lên một tiếng khiếp đảm và tắc nghẽn.

Đoành! Đoành! Đoành! Đạn vừa nổ ba tiếng phá vỡ bóng đêm. Đó là tiếng súng của bọn tàn quân bắn vào chiếc xe.

Người phóng viên chồm lên, thét một tiếng còn kinh hãi hơn tiếng rú của người phụ nữ, ông nhìn thấy người lái xe đập mặt xuống vành tay lái:

- Trời!

Ông run hết cả người, cảm thấy mất hết tự chủ. Cảnh tượng trước mắt ông là sự thật mà như ác mộng. Tên phỉ thiện xạ nào đó đã bắn thật chính xác, ba viên đạn xuyên qua ngực người lái xe phá chéch ở phía lưng anh. Anh gục xuống, lưng hơi còm dậy, ở đó máu ứa đen thẫm. Vậy là hết rồi! Hết rồi! Phát đạn đầu chúng dành cho người lái xe. Phát thứ hai là một quả B41. Bọn tàn quân vẫn giữ cái lối xử sự như thời chúng còn thống trị đất này: Chúng không ưa bắt tù binh, không sử dụng trại giam. Chúng giết người ngay tại chỗ, gọn ghẽ và chóng vánh.

Người đàn ông lão đảo đứng dậy, mất hết tri giác. Nhưng ông bỗng nắm lấy lưng ghế trước. Sao lạ thế này? Trong giây phút hoàn toàn tuyệt vọng này, khi người vợ yêu quý đã chết ngất bên mình, kỳ lạ quá, người đàn ông bỗng thấy trọng lượng thân thể mình sụt xuống, ông hẫng người, chông chênh trong một cảm giác mờ mờ ảo ảo: ngoài xe, cảnh bỗng chuyển dịch liên tục như các khuôn hình của một cuốn phim đang chiếu trên màn ảnh.

Xe vẫn chạy. Người đàn ông bàng hoàng khi thấy ở phía sau xe vừa vụt qua một luồng hơi nóng ngọt và một tiếng nổ lớn. Ông ngồi xuống, nghiêng chặt răng.

Quả thật chiếc xe có khựng lại nhưng chỉ một giây lát thôi. Và bọn tàn quân chưa kịp phóng quả đạn hủy diệt nó, nó đã tiếp tục lăn bánh.

Chiếc xe không chết! Nó lao vùn vụt, tốc độ xem ra có phần nhanh hơn lúc nãy. Tựa như có một lực vô hình đẩy nó. Tựa như có một phép thần nào điều khiển nó. Tựa như trong nó vừa xuất hiện một bầu năng lượng mới chưa từng có. Bởi vì

anh lái xe người Việt vẫn gục trên tay lái, máu càng lúc càng đầm khoảng lưng áo sau. Bởi vì anh lái như đang ở trong giây phút hấp hối; nhưng thỉnh thoảng anh lại ngẩng lên như là quẩn quại, nhìn về phía trước, rồi lại dụi mặt xuống tay lái, đau đớn hực hực thở hắt ra.

Mười phút sau, chiếc xe đỗ lại ở một cây cầu có những người lính gác. Anh lái xe bất tỉnh, nhưng chân vẫn còn đặt hờ trên chân ga, tay vẫn nắm chặt vành tay lái.

*

Câu chuyện về chiếc xe vượt qua cỏi chết vô cùng khó hiểu đã trở thành một trong những chuyện kỳ lạ của chiến tranh. Tính toán chi li thì với ba viên đạn xuyên qua phổi, anh lái xe người Việt coi như đã gục ngay tại chỗ rồi. Cũng không phải là chiếc xe đã chạy theo quán tính. Đường rừng ở đây ngoằn ngoèo, không theo một sơ đồ cố định nào. Vả lại, tính ra, nó đã chạy được tới gần mười cây số để tới sự sống an toàn.

Câu chuyện gây xôn xao cho các bác sĩ và các phóng viên.

Hai vợ chồng người phóng viên phương Tây đến bệnh viện. Anh lái xe người Việt chưa chết. Đến bên giường anh, người phụ nữ đặt bó hoa lên cái bàn nhỏ cạnh anh, nước mắt giàn giụa. Còn người đàn ông, thói quen ưa tìm hiểu sự vật đến cùng của nghề nghiệp lại tan hòa vào xúc động của ông.

Ông nắm tay người lái xe trẻ tuổi, rưng rưng:

- Thật là kỳ diệu! Vì sao có thể như thế được, anh người Việt ơi?

Mặt nhợt vì mất máu, anh lái xe mấp máy đôi môi nhỏ:

- Lúc ấy tôi như chết rồi. Nhưng ông bà là người tôi có trách nhiệm phải đảm bảo an toàn, ông bà như mọi người, cần phải sống. Ông bà lại mới lấy nhau. Tôi như chết rồi. Nhưng

chân ga chưa chết, mắt cũng như tay cố sống thêm, cố gắng để sống thêm...

Ngước mắt lên nhìn người phụ nữ mí mắt đầy nước, anh lái nhoẻn cười, nụ cười in dấu cơn đau, méo xệch:

- Ông bà nên đi thăm Angkor đi. Đó mới là sự kỳ diệu...

Anh nói thế đã quá sức rồi. Người phóng viên ghi lại ngay những lời của anh. Vì đó có thể là những lời cuối cùng của một người đã biểu hiện một cách hết sức tự nhiên và khiêm tốn nhân cách dân tộc mình: một dân tộc vị tha, sống chết vì người khác, điều đó đã trở thành một đạo lý, một nguồn năng lượng vô tận của họ.

1981

CỔ VINH, NGƯỜI XỨ LẠ

- Cho mình đi, ông Tây ơi!

- Người *Phăng ki* ơi, tung tiền ra đây nào!

- Kẹo! Kẹo ngọt! Đẳng này kia mà, ông Tây!

Những tiếng réo gọi, hối thúc hoan hỉ hợp thành một vòng tròn âm thanh mỗi lúc một ken dày, chặt chội, vây quanh một người đàn ông xứ lạ mới xuất hiện giữa buổi chợ đông đã lập tức nổi trội về sự khác biệt dung mạo, vóc dáng. Mũi ông thò lõ, mắt ông xanh lơ, râu cằm ông giống hình cái chổi đốt, vàng hươm màu thuốc lá. Cả thân hình đồ sộ của ông choàng một lớp vải đen thâm, lại kỳ dị thêm vì cái mũ nan trắng rất rộng, trông như cái mũ nấm đại.

Đứng giữa đám người Mông vây bọc, một tay ông giữ cây thánh giá nạm bạc lớn treo lủng lẳng trước ngực, một tay ông liên tiếp lách qua các lớp vải áo choàng vào bên trong ngực. Rồi ông rướn người lên. Vốn đã cao lớn, nay trong động tác dún chân, tung tay, ông hóa thân thành một hình tượng bốc bay thần thánh, khiến đám người vây quanh như bị thôi miên, cùng há hốc miệng, ngược hết cả lên, dõi theo cánh tay tung cao của ông. Họ liên tưởng tới thao tác gieo hạt từ động tác nọ. Điều đó có lẽ là không sai. Khác chăng chỉ ở chỗ hạt ông gieo là những chiếc kẹo bọc giấy bóng xanh xanh đỏ đỏ và những đồng tiền - những đồng hai mươi xu bằng bạc nguyên chất,

xinh xẻo, một mặt có hình bà đầm ngồi xòe váy rộng, in chữ số năm phát hành 1927.

Ai mà chẳng thích tiền! Trẻ con thì thích cả tiền lẫn kẹo. Nên thoát tiền là trẻ con, chúng tách ra khỏi đám đông đang quần lại như mê lú trong phiên chợ. Chúng chen huých nhau để giành kẹo, giành tiền. Tiếp theo bọn trẻ nhỏ là cánh đàn ông trẻ. Đám người Mông này đang chơi chim họa mi, đang đánh gót, nhảy lò cò uốn mình nghiêng ngả theo hơi khèn bè, hoặc đang ồn ào mua bán, đổi chác ngựa trâu, đang lơ mơ trong men rượu bấp bên bát thắng cố, khi nhận ra ông Tây nọ tung hê tiền bạc và kẹo ngọt thì lập tức bỏ lại tất cả mọi việc cùng nổi ham mê, xông ngay vào cuộc. Lồng chim họa mi và cây khèn bè ngay tắp lự bị vút lỏng chổng trên bãi cỏ rìa chợ.

Lũ đàn bà con gái Mông nhập cuộc muộn hơn. Bản tính e dè cố hữu và kém cỏi về sức lực tranh đua khiến họ lúc đầu chỉ đóng vai như là những khán giả đứng xem các trò chơi vật lộn, tranh cướp trong các kỳ hội làng. Nhưng sau cùng họ thấy cũng chẳng nên bỏ lỡ cơ hội hưởng phúc lộc. Họ liền cúi xuống, ngượng ngùng tìm nhặt những đồng xu, những chiếc kẹo người Tây nọ quá đà tay tung ra tận vòng ngoài. Khó! Tất cả dân Mông bản địa huyện này đều nghèo!

Người Tây cao lớn đeo cây thánh giá, mặc áo choàng thâm rộng tiếp tục gieo phúc lộc. Nhưng kho trời cũng có hạn nữa là. Cuối cùng, vào lúc chợ tàn phiên, người đàn ông xứ lạ nọ tung bổng hai cánh tay lớn lên trời, kêu to bằng tiếng Mông: Hết rồi! Và cả đám người đang mê cuồng trong cuộc giành giật lợi lộc liền tỉnh cơn, cùng cười to một tiếng mãn nguyện và tan đám!

Đám tan mà chưa tan!

Câu hát hết, câu hát lại bắt đầu!

Lũ thiếu niên, những kẻ vụ lợi vô tư nhất của loài người đội mũ vải chom chỏm, mặc áo khoác cộc tay bằng lanh, phết sáp ong cứng, sấn ngay đến người xứ lạ mặc áo choàng thâm nọ.

- Mai ông Tây lại phát tiền, cho kẹo nhé!

Nghe lũ trẻ gạ, một nụ cười không âm thanh nở trong đám râu vàng mượt quanh miệng lan lên má, lên mắt người đàn ông nọ, trông thật hiền. Ông đặt bàn tay dày, trắng hồng, ấm áp lên vai những đứa trẻ vây quanh, cúi xuống, cất lên một thứ tiếng Mông phát âm chuẩn mực cùng ngữ điệu đầy tính hàn lâm:

- Em bé này ở đâu?

- Ở Lao Chải.

- Ồ, ông biết Lao Chải. Còn em? Cũng ở Lao Chải?

- Không! Ở Tả Giàng Phình.

- Tả Giàng Phình. Tôi đã hơn một lần đi qua. Còn anh vác dao quắm kia?

- Tôi ở Mù Cang Chải. Có con dao này đi rừng không sợ con gấu, con hổ.

- Ôi, con dao sáng sắc quá!

Người Tây bất giác giật lui, mắt nhìn ánh dao nọ, đưa tay lên giữ cổ. Tựa như lưỡi dao nọ vừa chạm vào da cổ ông. Người Mông ở Tả Giàng Phình tiến lên một bước nhỏ, cười khẽ:

- Ông có muốn thuê tôi đi hộ vệ không?

- À, ừ. Tốt. *Cào bê hù a cheng?* Anh tên là gì?

- Sùng Sử!

- Sùng Sử. Anh đẹp trai lắm. Đẹp mạnh mẽ, đẹp như con gà trống thiên. Dân ca Mông hát thế. Có đúng không?

Người tên Sùng Sử mặt bự, môi dày đầy vẻ nhục cảm, cười to:

- Không phải. Con gái đẹp mới ví thế. “Em đẹp như con gà trống thiên. Xa em hồn anh phảng phất ở vạt áo em.” Có câu hát ấy đấy!

- À, tôi nhầm! - Người Tây lấp bắp. - Tôi nhầm. Hay lắm! Cảm ơn anh Sùng Sủ. Anh thông minh lắm. Còn tôi, tôi là cố đạo Ravina. Ravina! Nói thử xem!

Lũ thiếu niên Mông ngẩng lên, như những con chim non há mỏ, đọc theo Sùng Sủ, dần mạnh từng âm tiết. Ra-vi-na! Người đàn ông tên Ravina gật đầu:

- Giỏi lắm! *Pê tu Mông trang*, anh em người Mông ta giỏi lắm! Nhưng từ nay gọi tôi bằng tên Việt. Tên Việt tôi là cố Vinh. Cố Vinh. Cố Vinh! Đọc thử xem nào!

Lần này thì cả đám đàn ông, đám đàn bà con gái đứng ở ngoài rặng đào ngoài kia, cùng lũ thiếu niên mấp má môi, lầm nhảm: “Cố Vinh!”

*

Cố Vinh! Cố Vinh! Cha Ravina! Cha xứ đạo vùng Sa Pả! Con đầu của Hội Thánh nước Đại Pháp!

Cố Vinh lừng lững một tầm vóc gấu mẹ, tuy mới ngoài tuổi hai mươi nhưng gương mặt đã bào giũa hết mọi hôn ám đối nghịch, nổi bật giữa đám thảo dân thiếu số nhỏ con, nâu nhám, mặt mày còn ngơ ngác trong các tín niệm bán khai. Năm ngày một phiên chợ Sa Pả, chẳng phiên nào cố Vinh quên thực thi hành động phóng tài hóa, nâng mình lên lồng lộng nên chẳng bao lâu tên tuổi cố cùng hình tượng nghĩa hiệp nọ đã thành một trích đoạn của một thiên huyền sử, lưu truyền theo suốt chiều dài sơn mạch Fansipan hùng vĩ này.

Người Tây đến đất núi này từ cuối thế kỷ trước, sớm nhất là bọn nhà binh. Nhà binh *Phăng ki* từ tỉnh lỵ Lào Cai nhờ người dẫn đường lên tới đây, bắn mấy tràng súng ra oai, rồi cắm trại, lập đồn. Giữa hoang vu, đồn binh thoát đầu mới chỉ là một căn nhà cột kèo dui mẻ đều làm bằng gỗ pơ mu với một

cái chuồng ngựa dài lợp gianh xám. Đường đi mới chỉ là vệt mòn. Tây đàn ông từ tỉnh lỵ lên phải ngồi ngựa, thuê người dắt. *Phăng ki* đàn bà yếu hơn phải ngồi kiệu. Ông Thào A Sần, người Lao Chải, thôn gần huyện lỵ Sa Pả nhất, đã tám mươi tuổi, kể: “Tôi dắt ngựa cho cả ông công sứ Tây. Tôi khiêng kiệu cho nhiều bà đầm. Nhưng tôi chưa hề thấy mặt ông cố Vinh này.”

Hổ pấu, tức bô lão, tức người gốc, tên là Mã A Thôn cũng ở thôn Lao Chải, nhíu mày: “Tôi nhớ rằng ông cố này đến xứ Mông ta khi vua Giàng Say ta vừa quy tiên!”

Mọi người ngồi quanh bếp lửa cùng à to một tiếng, rồi cùng một nhịp kêu đồn: “Phải rồi! Phải rồi!” Và đảm chiêu nhớ lại. Nhớ lại rằng, Giàng Say người Mông sinh ở Tả Giàng Phình vào năm con khỉ một hôm bị con ngựa trắng đá vào ngực, nằm liệt, thập tử nhất sinh sáu tháng trời liền. Đến ngày đầu tiên của tháng thứ bảy thì nhận được phép lạ, bệnh lui hết, tung chăn ngồi phất dậy, cất tiếng sang sảng: “Nay trời giáng ta xuống trần làm vua xứ Mông ta. Đầu ta đã mọc chín cái sừng. Lưng ta đã nổi chín cái bướu. Ta bay lên trời được. Ta gọi được mưa, gọi được nắng. Ta hóa phép cho ngô lúa tự mọc. Ta lệnh cho các người từ nay không phải xuống vùng thấp khiêng kiệu, dắt ngựa hay đi phu làm đường, không phải đóng thuế nương thuế ruộng cho ai hết!”

Dân Mông mười tám xã trong huyện nghe tin vua ra nườm nượp kéo đến, mang theo đồ mừng, nghe lời phán bảo, sung sướng như đứa trẻ côi cút được trở về sống dưới sự che chở của mẹ cha.

Đồn binh Tây biết tin nọ liền cho lính mang súng xuống Tả Giàng Phình, vừa như mời vừa như ép buộc vua Giàng Say lên đồn. Vua chối không được, đành cùng năm người trai đình theo lính đồn đi. Quan Pháp đón vua Mông ở cửa đồn, dẫn vào buồng ăn, mở tiệc khoản đãi và trò chuyện rất thân mật.

Cuối tiệc, hỏi: “Vua Mông có phép lạ gì bày cho quan xem với!”
Giàng Say cao hứng vươn tay múa và hát bằng tiếng Quan:

Lù van van

Ni thìn ngố xỏ

Ni thìn ngố chéng

Hâu lải sui seo sin cù chủ

Pú trồ khu. Pú trồ nan.¹

Quan đồn vỗ tay khen hay, rồi cho vua về.

Sau lúc vua về, mưa đổ liên tục ba ngày đêm không dứt. Suối lớn nước dâng tới tận lưng núi. Đường đi lối lại đều bị nước ngăn. Mưa tạnh được nửa buổi, vua Giàng Say bỗng ôm bụng quằn quại. Nửa đêm đó vua tắt hơi đằng ngực, mặt tím bầm, lưỡi thè ra như để mọi người thấy đây là cái chết do ngộ độc thức ăn!

*

Vua Giàng Say chết được ít lâu thì cố Vinh có mặt ở xứ này. Cố Vinh không ăn mặc kiểu nhà binh Pháp, cũng không đeo súng. Cố mặc áo choàng đen như con quạ, cuỗi con ngựa đực màu đỏ lửa. Một mình một ngựa, thoát đầu cố Vinh đến các bản Mông quanh đồn binh đóng ở huyện lỵ Sa Pả. Ít lâu sau, như vệt dầu loang, ông nhờ ngựa đưa đến các bản Mông xa hơn. Ông tới cả đất Mù Cang Chải, nơi trời không ba ngày nắng, đất không ba thước bằng, suốt ngày sương ử mịt mờ nương thuốc phiện. Ông để tâm nhiều nhất đến bản Lao Chải, nơi cư trú gần trăm nóc nhà họ Mã người Mông cạnh huyện lỵ.

1. Có nghĩa là: *Đường cong cong. Nghe ta nói. Nghe ta truyền. Sau này cỏ sẽ mọc thành lúa. Không gặp khổ. Không gặp nạn.*

Xứ Mông chưa từng gặp một kẻ ngoại tộc nào thực hiện cuộc du hành kiên nhẫn với tinh thần chăm chỉ học hỏi và có thái độ trân trọng với nền văn hóa cổ truyền của dân bản địa như thế. *Chỉ đường* là bài hát mở đầu tang lễ. Cố nhập tâm từng câu, rồi còn lân la hỏi cho đến ngọn nguồn từng điển tích. Cố ghi chép phong tục cướp vợ cùng các bài dân ca, các tập quán bất thành văn, lại miêu tả cảnh quan thiên nhiên và nhân văn cùng mùa màng, cách thức canh tác, dệt vải của bộ tộc này. Quên thói quen ăn lúa mì, cố dùng bữa với thứ bột ngô đồ chiêu nước canh cải. Cố uống chè tuyết, ngủ qua đêm trên tấm da hổ, sống không phân ngôi khách chủ với mọi nhà.

Cố chăm học tiếng Mông lắm. Trong vòng nửa năm cố đã nói thạo thứ tiếng này, lại còn biết phân biệt thứ thổ ngữ vùng nội địa với ngoại biên, biết nói kiểu tiếng Mông Xanh thanh nhẹ hơn tiếng Mông Đen. To lớn, nhưng trẻ trung hiền lành. Hành vi ứng xử vẻ ngoài như khom nịnh, nhưng cốt cách rõ đáng bề trên. Nét mặt, nụ cười hoàn toàn trong trẻo, không vương sót tí chút dục năng tục lụy, ham muốn tầm thường, lại thêm có lời nói ai nghe cũng lọt tai: “Ta về quê tổ của ta đây rồi.” Thoạt tiên cố nói vậy. Rồi cố nhả tiếp: “Người *Phăng ki* ta với người Mông là anh em ruột thịt đấy. Đây nhé: Cùng ở vùng lạnh. Cùng ăn bằng thìa. Phụ nữ Mông và phụ nữ *Phăng ki* cùng mặc váy như nhau. Vợ chồng như đôi chim cu, đi đâu cũng có nhau. Có đúng tôi và anh là cùng thịt cùng da không?” Người Mông còn đang ngỡ ngác, cố đã tiếp: “Ngay tiếng nói ta cũng giống nhau lắm. Người Việt nói: lúa. Người Mông ta nói: *Mblé*. Người *Phăng ki* nói: *blé*. Có đúng là giống nhau không?”

Ấy thế, nghe nói thế thì biết thế. Chứ biết gì mà bảo là sai!

Prú... Prăp prăp...

Prú prú... Prăp prăp...

Đó là tiếng ngựa thở và dồn vó trong thôn Lao Chải xúm xít hơn trăm nóc nhà họ Mã thuần Mông. Con tuần mã đang phì hơi lửa qua hai lỗ mũi và nện móng trong nhà ông Mã A Thôn, hổ pấu, đầu tộc họ Mã, ba gian gỗ rộng thênh.

Nhà ông Thôn đang có đám cúng ma, đang đông nghẹt người.

Buổi trưa. Mấy mảnh ván thông lợp mái được đẩy kên lên cho ánh mặt trời có lối vào soi tỏ gian giữa âm u đặt bàn thờ ba tầng bát hương đồ sộ. Khói hương phủ mù mịt hơn chục cái bát hương ở mỗi tầng. Bàn thờ dựa vào bức vách rồi rít la liệt các bức họa, những hình âm dương, các quẻ hào, bát quái, những chủng tự ngoằn ngoèo bí ẩn, những con vật mang hình thù quái dị vì lắp ghép lộn xộn, khi là mình rồng đầu chim, khi là mặt người thân rắn. Cùng với chúng là những lá bùa xoắn thừng treo cạnh gậy tầm xích và các cặp chân gà, chân chó khô quắt.

Phủ phục trước nơi thờ cúng uy nghi nọ là chiếc ghế băng phủ tấm chăn da đỏ chóc, nhưng qua vẻ trịnh trọng của nó, ta có thể đoán ngay rằng đó là con tuần mã. Con tuần mã, con ngựa chiến, chính nó đang thở và nhảy những bước dồn dập như đã thấy ở trên kia.

Trên lưng ngựa lúc này là ông Mã A Thôn, trong vai một ông thầy cúng. Mặt ông choắt cheo, gãy góc, lúc này trông càng khắc kỷ và kín mít. Bộ quần áo thầy cúng vàng lửa có vẽ hình mặt rồng nơi bụng áo, cùng với hai chùm nhạc đồng buộc ở hai cổ tay ông làm ông oai nghiêm hơn ngày thường. Tuy nhiên, ông chỉ thực sự biến hình khi dàn nhạc gồm kèn, trống, nhị ở cạnh bàn thờ bắt đầu cuộc hòa tấu. Thoạt tiên là sự hưởng ứng của hai chùm nhạc đồng ở hai tay ông. Tay ông run rẩy rồi vung cao, trong khi hai chân ông nhóm trên mặt đất bật lên từng nhịp nảy mỗi lúc một mạnh mẽ. Cảm hứng và

trách nhiệm đã làm tan biến vẻ mờ mịt, kín đáo trên mặt ông. Mặt ông ửng lên màu men hồng. Ông đã trở thành kỵ sĩ. Lúc này hai chân ông đạp phình phịch liên hồi trên mặt đất. Và chiếc ghế băng bốn chân đã hóa thành con chiến mã đang lao sầm sập vào trận thư hùng sinh tử.

Trên lưng ngựa, ông thầy cúng Mã A Thôn đang lao xuống cõi âm ti địa ngục. Ông đang xông pha để tìm kiếm linh hồn đứa trẻ nhỏ, cháu đích tôn của ông. Ma ở xứ người chết này là ma ác, nó đã bắt mất linh hồn đứa cháu yêu quý của ông. Đích thị nó là ma ác rồi. Nhưng nó là con ma gì thì ông chưa biết, ông còn đang truy tìm. Nó có thể là con ma suốt, con ma rừng. Cũng có thể là con ma trâu hoặc là con ma lợn sề, loài ma ác nhất. Nhưng loài ma ác nào mà chẳng khôn ranh. Thoáng thấy ông là nó thoát xác, biến hình ngay lập tức. Cuộc truy bắt thật gian nan! Ông phải có trí xét đoán phi thường. Phải có con mắt thấu thị và khẩu khí phải linh hoạt, sắc bén vô cùng, vì đã có những lúc tưởng là đã tóm được con ma nọ rồi, mà cuối cùng vì đường lý lẽ không thông suốt, đành phải để nó buột ra khỏi tay mình!

Lúc này ông đơn thương độc mã, một mình một ngựa. May thay, con ngựa này đã bao phen xông pha chiến trận cùng ông nên khôn ngoan và can trường, có thể sánh ngang với ngựa của Hạng Vũ hoặc của Quan Vân Trường. Đường đi thật muôn vàn gian khó. Núi hiểm. Sông sâu. Cầu hẹp, lại lúc đóng lúc mở. Lại chớ ngao cả đàn chặn lối và quỷ binh hung ác lũ lĩng đường. Cũng có lúc ngựa chiến muốn nản chân bon. Thì đã có ông ghé tai khích lệ: “Ngựa khôn, ngựa khỏe của ta. Dũng mãnh lên con. Đích xa ở trước mắt kia rồi!”

Tuần mã tức thì lại như mọc cánh. Và ông cao hứng cất tiếng vang vang:

Ngựa khổng lồ! Ngựa khỏe của ta!

Chân nhanh hơn đất

Móng không có vết

Ma phải khiếp vía chạy về nhà nó

Tiến lên kéo xác người chết thối rữa ra rồi!

Dừng tiếng hát, thoát cái, ông dựng hai chân, đứng thẳng như cây cọc tiêu trên lưng ngựa. Mắt ông quăng quắc. Môi ông mím chặt. Lỗ mũi kéo vệt về hai phía, miệng nín thở, mặt ông nở phình. Hai tay ông vung vút bốn phương. Ông đã gặp con ma bắt linh hồn đứa trẻ. Con ma ác này đang huy động quân binh vây bọc ông. Ông đang dùng vũ thuật. Không xong, ông phải giở pháp thuật. Ông quát:

- Bớ ma kia! Hãy trở về nhà đi! Như người trở về với ruộng nương của mình. Bớ ma kia, hãy trả lại linh hồn đứa bé cho ta. Hãy trở về nhà người và cấm có được lang thang đây đó nữa, hỡi ma kia!

Ngồi trên cái ghế rơm vện tròn hình khúc gỗ, cố đạo Ravina dõi theo trình tự lớp lang buổi cúng, nhập trí từng khúc đoạn, cảnh huống, ghi nhớ từng lời hát, động thái, nét mặt ông thầy cúng. Chưa bao giờ cố được chứng kiến một hoạt cảnh vừa hào hùng vừa kỳ quái như thế. Ông mới hai mươi bảy tuổi. Đây là địa phận đầu tiên ông được phái đến để thực hiện chức năng thiết lập sự đạo và cai quản các linh hồn con dân nước Chúa. Tuổi trẻ gắn liền với tính tò mò. Buổi cúng ma, đối với cố phần nào đã trở thành một trò diễn và ông vô cùng sững sốt khi thấy ông Thòn đang trên mình ngựa tả xung hữu đột, bỗng như thoát khí, uể oải ngồi xuống lưng ngựa, rồi nhào mình trên chiếc ghế dài phủ tấm chăn đỏ, nhắm nghiền hai mắt, thiêm thiếp đi luôn vào giấc mê.

Nhạc hơi và bộ gõ im tiếng. Một người đàn bà từ sau chiếc bếp lò bên gian trái bước ra, bà cúi xuống nâng đầu ông Thòn dậy. Một người trai trẻ từ gian đối diện cũng đã có mặt ở cạnh đó, nhắc chân ông thầy cúng. Cuối cùng ông chỉ còn là một hình xác được đặt trên chiếc cáng tre, khiêng đi.

Cố Vinh nghĩ: Màn kịch đã buông. Trận đấu đã kết thúc. Hồn đứa trẻ đã từ âm ti địa ngục trở về. Ông liền đứng dậy. Nhưng thấy một đám trai trẻ ủa ra sân, âm ỉ chỉ trở, ông liền đi theo họ. Mọi người vây quanh một đoạn rãnh ở đầu hồi. Một người đàn ông đặt lưới xẻng xuống đoạn rãnh ẩm ướt xanh lè rêu dại, ấn mạnh, rồi lật lên: “Úi!” Mọi người cùng kêu to. Từ những lỗ hổng trên tảng đất mới lật, hoảng hốt bò ra cả một đám những con mò đen xám. Đó chính là lũ quân ma. Chúng định chạy trốn. Nhưng những kẻ trợ thủ của ông thấy cún đã nhanh nhẹn đưa cả xẻng đất cùng bọn chúng vào lòng cái bếp lò đang đỏ rực ở gian trái. Bọn quân ma đã bị tiêu diệt hoàn toàn. Đó đây nổi lên những tiếng reo mừng chiến thắng.

*

Tối hôm đó, cố Vinh ghi nhật ký:

“Đợi cho ông Mã A Thôn tỉnh dậy, tôi yêu cầu ông cho tôi gặp đứa nhỏ bị ốm. Nằm trong một cái xó tối ẩm thấp, nó vẫn đang sốt li bì. Tay nó lên càng cua. Mu bàn tay phải căng nhức màu mủ vàng lẫn máu. Tôi đã làm dấu và cho nó những viên kẹo và thuốc giảm đau. Tôi nhận ra nó là một đứa bé đã hơn một lần nhận những chiếc kẹo và những đồng tiền tôi tung rải ở các phiên chợ Sa Pả hồi trước.

Thuốc giảm đau có hiệu nghiệm ngay. Tôi nói với mọi người chứng kiến sự kiện này:

- Đây là thuốc của Chúa. Chúa cũng là một con ma, con ma lành, con ma to nhất, ma đứng trên tất cả các ma lành của người Mông ta!”

Ít lâu sau, cố Vinh bắt tay vào viết công trình khảo cứu mang tên *Địa lý nhân văn và xã hội học về dân tộc Mông*. Về buổi cúng ma nọ và các buổi cúng ma chữa bệnh tương tự, ông viết như sau:

“Buổi cúng giống như một vở kịch. Nói một cách khác, diễn tiến buổi cúng là một lễ lên đồng được gán cho một nội dung tri thức rõ rệt và có kịch tính cao. Vì nó gồm cả sự vi hành, sự can thiệp, việc thuyết phục và giao đấu, với kết cục là khỏi bệnh. Nên gọi ông thầy cúng là *shaman*. Trong buổi cúng, *shaman* lên đồng, hiện hữu mà thực chất là hồn lìa khỏi xác đi chu du, nhờ con ngựa dẫn đạo. Phù trợ cho *shaman* tôi được biết thêm, còn có nhiều ma lành khác. Ma cửa, ma bếp lò, ma gỗ giường, ma rằm nhà chính... nghĩa là cả một hệ thống ma lành, cùng *shaman* chống lại các ma ác, loại này có thể kể: ma rừng, ma suối, ma trâu, ma lợn sề... đông vô cùng.

Thầy *shaman* gần thầy phù thủy hơn là thầy tu. Ông có một năng lực kỳ lạ là có thể tùy ý để hồn rời khỏi thân thể, bằng cách vượt lên trên kinh nghiệm cá nhân mình. Ông biết cách run rẩy, biết chế ngự và tảo tợn. Để trở thành *shaman* ông phải thành tâm, lòng không được mờ ám và phải có sự trợ giúp của thần linh để biến đổi - đó là sự khai mở, không chỉ có tính chất trí tuệ mà còn có cả phần hoạt động của thể chất, sinh lý.

Người Mông có từ *ndù*, tức trời. Theo họ, trên trời có bốn vị thần linh. Đó là các vị thần có chức năng phán xét, quyết định cho con người được sống bao nhiêu tuổi và sau khi chết, được trở thành người hay giống vật. Giống vật chỉ chết, chứ không ốm. Chúng chỉ có một chu kỳ bất di bất dịch. Là chó thì mãi mãi là chó! Con người ta là một biệt lệ. Một ông già ở bản Pao Mao Chải sắp chết nói với tôi rằng: “Thế là ta sắp tái sinh.” Ở Mù Cang Chải có một chuyện lạ hơn. Một người đàn ông sắp chết còn nợ đầm đìa bà con. Khi lâm chung, ông nói với vợ: “Tôi sẽ trở thành con trâu cày để giúp bà làm trả nợ!” Sau khi chồng mất, bà vợ nuôi một con trâu. Bà nằm mê thấy con trâu nói: “Tôi sẽ làm trâu trả nợ giúp bà đúng năm năm.” Hiện thời con trâu đã làm được ba năm rưỡi. Tôi sẽ theo dõi câu chuyện tâm linh này. Tuy nhiên, trước sau tôi vẫn cho rằng, dân tộc này còn chìm đắm trong tiềm thức. Hôm qua giống hôm nay

và ngày mai cũng vậy. Toàn bộ những điều đã thấy, kể cả lễ *shaman* chỉ là thứ mê tín tởn mản. Đó không phải là tôn giáo. Nếu con người cần một đời sống tâm linh được tổ chức chu đáo, có quy củ thì rõ ràng ở xứ này, người Mông có một khoảng trống rỗng cần lấp phải lấp đầy. Khoảng trống rỗng tâm linh này một khi đã được lấp đầy thì tôi tin rằng cả những vụ xưng vua như vụ Giàng Say lên ngôi năm con khỉ - một căn bệnh trầm kha kinh niên ở các bộ tộc thiểu số - sẽ được loại trừ, nỗi lo sợ của nền đô hộ của người Pháp sẽ tiêu tan.”

*

Vào cuối những năm 30 thế kỷ này, sự đạo ở đây đã bước vào thời kỳ vô cùng phồn thịnh. Dòng thừa sai thuộc địa phận Hưng Hóa của cố Vinh lúc này đã mở mang nước Chúa tới tận cái ngõ hẻm kiệt cùng xa cách ở hành tinh này, với gần chục ngôi nhà thờ ngày ngày vang ngân tiếng chuông báo giờ lễ lạy.

Ngôi nhà thờ lớn nhất vùng ở thôn Lao Chải dựng xong sau một năm trời công phu kiến thiết. Không kỳ công như ngôi nhà thờ Phát Diệm của cha Sáu, nhưng trong tương giao với cảnh quan thì sự nguy nga và độc đáo cũng chẳng thua. Tất cả đều bằng gỗ pơ mu lão đại đục đẽo bằng rìu, trông thô mộc, chất phác, ngọc ngệch và nghịch dị lạ thường. Tháp chuông nhọn, cao vót lên như một chóp núi kiêu hùng. Tượng ông thánh John ở trước cửa ngôi nhà thờ cũng là tác phẩm của cây rìu, trông như tượng thờ của dân Da Đỏ cổ đại. Chân tượng là dòng chữ khắc: “Lạy Chúa! Chúa có những lời hằng sống”. Lòng trong ngôi nhà thờ tuân thủ nghiêm ngặt kiểu kiến trúc lòng ống máng; từ các hàng ghế quỳ lễ lạy ngược dậy, cái nhìn bị vuốt dài tới một vầng hào quang rờ rờ, ở đó lung linh hình Đức Chúa chịu nạn và trên vòm trần là hình các thánh thần

có cánh bay lượn giữa các vì thiên thể vô cùng huyền hoặc, kỳ quái và thắm đẫm nỗi hoang mang.

Nhà thờ dựng xong thì một đoàn tráng đinh được cử ra tỉnh lý đón quả chuông chở từ Hà Nội lên bằng đường xe lửa. Ròng rã ngày đi đêm nghỉ, ba ngày trời quả chuông hơn tạ mới leo dốc về tới đích. Đưa được quả chuông lên nóc tháp mới thực sự là kỳ công. Dây rừng, mây song bên, con lán, ròng rọc, bánh đà kết hợp với sức người mới tạo được thực cảnh kỳ diệu: ấy là khi quả chuông đã treo cao gióng hồi đầu tiên, tiếng bạc, tiếng đồng văng vụt rộn ràng khiến dân Mông trong cả thôn đều kinh hoảng, nhất loạt bỏ việc, sụp mặt xuống, run lẩy bẩy như người tiền sử trước oai linh sấm sét. Thoát ra từ tiếng chuông vừa rang rảng vừa âm u mù mịt là một linh hồn siêu đẳng dang đôi cánh rộng bay lượn, phủ bóng khắp không gian.

Việc thờ phụng, lễ lạt đi vào nền nếp. Mùa hè, đúng năm giờ kém mười lăm sáng thứ Năm hằng tuần là lễ cưới. Lễ rửa tội cho trẻ em có ca đoàn phù trợ thì tổ chức vào mười giờ sáng thứ Sáu hằng tuần. Hố pấu Mã A Thôn trở thành trùm trưởng. Lo việc kinh bản và trật tự trong nhà thờ còn có hai quản giáo, trong đó một là nữ. Ngoài ra còn có một thầy cai và một ông bố, đều là người trong thôn. Cùng với việc thu hút cả trăm hộ với toàn thể thành viên trong gia đình thành con chiên do Chúa chăn dắt, họ Mã còn cử được hai thiếu niên đi học trường tập ở tỉnh lý, với viễn cảnh náo nức: chẳng bao lâu nữa, người Mông xứ này sẽ có linh mục người bộ tộc mình!

Giờ đây, trước khi xúc thìa bột ngô ở hai bữa chính trong ngày, người Mông ở đây biết làm dấu thánh. Chiều tối, chuông rung. Trong ánh đuốc tẩm nhựa pơ mu chập chồn, các con chiên người Lao Chải đọc kinh Nhật Khóa, khung cảnh huyền ảo rất giống không khí toát ra từ những bức tranh sơn dầu miêu tả những nỗi khó trong cuộc đời của Đức Chúa Jesus. Ngày ngày, trong các buổi ngắm nguyện, quây quần quanh ông cố, các tín đồ càng lúc càng đắm mình vào ao ước sửa

soạn xây thêm Nhà Nguyễn Đức Mẹ bằng đá lấy từ đỉnh núi Fansipan về và việc mở rộng nước Chúa tới các bộ tộc Dao Đỏ, U Ní, ở những bản làng heo hút trên lưng chừng trời.

Không nói thì ai cũng biết: cảnh quan thịnh vượng của xứ đạo ở một vùng bộ tộc thiểu số thuộc một đất nước nghèo nàn nơi châu Á này thật là hy hữu và công đầu là thuộc về công sức và tài cán của cố Vinh, của đức cha Ravina. Ravina, ông cố Vinh, một tính cách thánh thần, một chuẩn mực đích đáng, một nguyên tắc cao cả, một mãnh lực vô song cho một đại sự!

Cố Vinh, ông cố trẻ tuổi, với những thành tựu này, quả thật đã chẳng phụ công rèn tập, rắn dạy của các đáng bề trên. Ông cố trẻ tuổi thật sự là bản rập theo đúng các khuôn mẫu tạo tác của các thánh tông đồ và Đức Chúa Trời cao cả. Chúa Jesus, vị tổ khởi đầu của Thiên Chúa giáo, đã đặt chân lên khắp xứ Galilea cổ đại thì cố Vinh, con của Người, cũng không vắng mặt ở bất cứ một thôn bản xứ này. Chúa Jesus đã từng hết lòng rao giảng, chữa lành mọi bệnh hoạn, thống khổ, hãm áp, quỷ ám, điên giảo, bại xuội cho đám người nghèo khó, tật nguyên, tằm tối ở xứ nọ thì ông cố trẻ tuổi này, mục tử tốt lành của Người, cũng ngày ngày nêu gương tận hiến cho đám con chiên của Người. Mỗi ngày ở đây ghi nhận không biết bao gắng gỏi của cố nhằm cỏi thoát bao tai ách nặng nề cho đám dân chúng nghèo nàn, ngu độn ở nơi đây. Cố ban thuốc chữa bệnh. Cố phân phát tiền bạc và quà cáp. Tục cưới xin gả bán vốn là nguyên ủy của cảnh trai không vợ, gái không chồng, một hủ tục kinh hoàng của xứ sở, nhờ cố đã được thay thế bằng phép bí tích hôn phối giản kiệm trong nhà thờ, tạo nên một hấp lực mạnh mẽ với dân chúng. Cái lợi ở đâu thì dân theo về đó. Cố không đọc sách của Lão Tử nhưng thực hành theo đúng chỉ dẫn của điều dạy nọ. Kẻ nào theo đạo của cố thì được ông bệnh vực, chỗ che khi kiện tụng. Phần sưu thuế của những kẻ cùng hội cùng thuyền với cố cũng được nói giảm do sự can thiệp của ông với các chức dịch lớn trong huyện, vốn cùng nòi *Phăng ki*

như ông. Xưa nay, lòng tốt bao giờ cũng chỉ là phần eo hẹp chỉ đủ để chi dùng cho nội giới!

Ruổi rong trong cuộc đuổi bắt và giành giật linh hồn người xứ sở này, cố Vinh dấn thân vào một sự nghiệp cao cả đầy mê hoặc. Cố sống trong một cơn nhập đồng, chỉ khác với thầy *shaman* mà cố đã miêu tả trong buổi cúng ma nọ, là cơn thăng đồng của cố có độ dài liên tục. Chưa có kẻ ngoại tộc nào mà treo cao gương hỉ xả cho dân Mông đến thế! Bản nào có dám cúng để giải thoát cho người ốm đau thì dẫu xa xôi cách trở mấy, cố cũng lần mò tới. Cố chích mụn nhọt cho ông già bà cả. Cố hút đờm dãi cho trẻ sơ sinh. Cho tiền bạc kẻ nghèo khó, yên ủi người hoạn nạn, cố là hiện thân của đức vị tha cao cả. Cố là thánh thiêng đầy phép lạ, hằng ngày ban sức khỏe và phúc lành cho mọi người!

Tuy nhiên, tất cả những điều kể trên dẫu có được truyền tụng, biến hóa và phóng đại theo quy luật tình cảm, trở thành những biểu tượng siêu phàm thì cũng chưa phải là đã phản ánh đúng công tích chủ yếu của đức cha Ravina, người đã tới đất này khi vua Giàng Say, biểu trưng cho khát vọng muôn đời của bộ tộc Mông, vừa chết. Cố Vinh, người *Phăng ki*, chính thực là cái tổ chất khởi xướng một tôn giáo mới và đã thành công mỹ mãn. Ông cố trẻ tuổi đã đóng trọn vai một nhà truyền giáo vĩ đại, vì đã lập công trạng phi thường: đã di thực một loài thực vật từ một đối khí hậu xa lạ đến và làm cho nó sống tươi tốt ở môi trường này.

Cố Ravina trẻ tuổi xứng đáng hiển thánh ngay từ lúc này. Vì cũng như các thánh nhân xưa nay, ông gây được ảo giác cho con người và dẫn dắt họ đi theo mình. Du hành trong cõi vô hình, đi tới những miền sâu thẳm của tiềm thức, của người dân sở tại, cố đã thu tóm được và hệ thống hóa toàn bộ niềm kinh dị siêu hình của họ. Nhưng hơn tất cả các tiên bối, cố không làm điều phản bác!

Đổ tất cả các nguyên tố hóa chất vào một chiếc bình, cố làm công việc của nhà hóa học tài tình, cố trộn tất cả đám ma lành, ma ác, chúc vị *shaman*, các món phù phép, dị đoan tản mạn vừa thiêng liêng vừa xằng xịt của dân Mông, với các niềm kính tín của chính ông, khuấy đảo, rung lắc, cuối cùng ông tạo ra được một hợp chất mới mẻ và *tả pí lù* nhưng ngon lành, hợp khẩu vị với các đám dân lần đầu tiên được tiếp xúc với những tín điều xa lạ. Cố đóng vai nhà ảo thuật, cố biến đi rồi lại tái sinh trong hình hài mới. Vậy là hệ thống tín điều xưa cũ, truyền thống xưa cũ vẫn còn nguyên vẹn. Không suy suyển! Không đảo lộn! Chỉ có thêm vào, vẻ như không đáng kể, một niềm tin cây mới lạ. Và như vậy, thầy *shaman* vẫn cứ tiếp tục cùng con tuần mã đi xuống cõi âm phủ đánh nhau với các loài ma ác để giành giật các linh hồn người. Tất cả các tập tục vẫn ngày ngày diễn tiến. Tất cả, tất cả vẫn như xưa, khác chẳng bây giờ tất cả đều ở dưới sự chở che an bằng và ban phát của Đức Chúa! Đức Chúa ở trên tất cả. Trên các niềm tin cây. Chúa còn là hiện thân của niềm khao khát về một kẻ đứng đầu bộ tộc tự chủ - một vua Mông vĩnh hằng. Chúa là con ma to nhất, con ma đứng đầu, bao trùm tất cả các loại ma! Lời ông nói khi thăm bệnh, cho thuốc đưa cháu nội hổ pẩu Mã A Thôn ngày nào đã không còn là câu buột miệng ngẫu nhiên.

Vậy là được thiên thời, địa lợi, nhân hòa, đạo như lúa trở bông, như hoa tỏa hương. Đạo soi tỏ mỗi việc làm thiện, ác, len lách vào mỗi góc ngách tâm tư thâm kín, biết được cả lòng tà dâm của kẻ ngó đàn bà mà sinh lòng ham muốn. Đạo được chấp nhận là những quy tắc nghiêm mật để xét xử thân mình.

Hoàn thành việc tập hợp những kẻ cùng căn nghiệp vào một hội đoàn rồi, ông cố tiếp tục lấy lối sống đạm bạc, minh tĩnh và nghiêm cẩn của mình để răn dạy con chiên. Ông dạy họ nếu mất hữu phạm tội thì móc ngay chi thể đó vứt đi, vì tà mất một bộ phận, còn hơn để cả thân thể bị ném vào địa ngục. Ông khuyên họ phải biết yêu kẻ ác vì Chúa vẫn ngày ngày sai

khuyến mặt trời soi cho kẻ ác, vì người thiện vẫn soi cho ma tà, công nghĩa vẫn thường soi cho kẻ bất nhân. Đạo đã lấp đầy khoảng trống hoang sơ bản năng! Tài tình thay!

Ngôn dị hành nan. Cố Vinh hiểu hơn ai hết điều này. Thành ra quá trình truyền dạy lời Chúa cũng là những tháng ngày ông ra sức trau dồi thứ ngôn ngữ bản địa nọ. Công việc búc bách đã khiến ông nảy ra sáng kiến sử dụng các mẫu tự Latinh để ghi âm tiếng nói bộ tộc này. Ông đắm mình trong say mê khoa học sáng tạo thuần túy không vương vấn tí chút vụ lợi, ở việc này cũng như việc ngày càng chăm chỉ sưu tập, ghi chép để hoàn thành tập biên khảo địa lý nhân văn và xã hội học về bộ tộc này. Chẳng bao lâu, với thiên bẩm thông tuệ, lại có nền móng là sự uyên bác do cần cù tích góp từ ngày còn là chú thực tập sinh ở chủng viện, ông đã thành công trong việc chuyển dịch các văn bản về lịch sử Hội Thánh và những bản kinh lễ từ ngôn ngữ phương Tây sang thứ tiếng Mông chưa có quy tắc ngữ pháp thành văn và đang thiếu rất nhiều từ ngữ cùng là những khái niệm tương đương. Công việc thật là khổ cực, thật là mê man, thật là trọng đại! Ông cố Vinh, với công việc dịch thuật nọ, đã hoàn thành một vĩ nghiệp vĩnh cửu mà lúc đó ông chỉ thấy được một phần vinh hiển. Hoàn tất công việc này, lúc đó, ông mới chỉ thấy rằng: ông đã trao cho đám con chiên nghèo khó một công cụ để hàng ngày họ bồi bổ cho đầy ắp đời sống tâm linh của mình. Ông mới chỉ thấy ông đã dự phần vào việc dương triển giáo lý và củng cố đức tin. Trong khi, vì văn tự, chữ nghĩa thực sự là những mắt lưới giăng mắc cùm trói bên chắc hơn mọi dây dợ trên đời, nên thực chất ông đã trao cho những kẻ khó mới gia nhập gia đình Đức Chúa nọ một vùng mỏ đầy báu vật và một lạc viên tươi đẹp để di dưỡng tâm hồn họ!

Ôi chao! Thành ra, bây giờ, sau biết bao nỗ lực phi thường và thành quả trác tuyệt nọ, cố Vinh đang sống trong tâm trạng vô cùng mãn nguyện. Ông thấy lòng thanh thản vô cùng. Nhất

là mỗi khi nghe thấy tiếng chuông rền. Gần một chục tháp chuông trong vùng cùng lên tiếng đưa hồn người vào xứ sở kinh nguyện ngày ngày. Lúc ấy, cố Vinh thấy hồn mình bay lượn ngất ngây. Ông làm dấu thánh và môi lật bật như một phản ứng bất thần.

“Thà linh txi, thà linh tù, thà linh xèng xì bê mbê oa lê. Nhân danh Cha và Con và Thánh thần, a men.”

Ông không đọc kinh bằng tiếng Latinh trong nguyên bản mà ông đã nhuần thấm từ buổi thiếu niên. Ông đọc kinh bằng tiếng Mông, theo bản chuyển ngữ thật sát nghĩa và tài tình của chính ông.

“Thà linh txi, thà linh tù... Nhân danh Cha và Con...”

Đó là tiếng nói của đạo, của văn hóa chế ngự bản năng hoang sơ. Đó là lời kính mộ thâm thì trên môi cố Vinh mỗi khi ông nghe thấy hồi chuông nguyện. Chuông giống giả tiếng vang, lúc vắng đảo rền rã, khi đông đưa êm ả vuốt theo chiều dài trên núi, khi lìm lìm ánh chiều buông, lúc loang loang ánh sáng một ngày mới khai mở.

Ít lâu nay, đã thành thói quen, mỗi khi nghe tiếng chuông vang, cố Vinh thường ngưng việc suy tưởng, đưa mắt tìm kiếm môn đệ của mình, gã trai Sùng Sử, ông muốn dò xét thái độ của y với việc đạo. Hơn năm nay theo hầu ông, trong tư cách là vệ sĩ, là mã phu, là thông dịch viên, là kẻ dẫn đường, thậm chí là cố vấn mạch bảo, Sùng Sử người Mù Cang Chải, chính là kẻ đã gặp ông buổi ông phóng tài hóa thu nhân tâm phiên chợ ngày nào, kẻ lúc nào cũng kè kè con dao quắm cán dài sáng rợn bên mình. Con dao quắm lưỡi sáng rợn gây ớn lạnh kinh dị da cổ cố Vinh ngày nào giờ đây vẫn nguyên vẹn ám ảnh đó khi cố nhìn thấy nó. Con dao quắm sắc có thể chém đứt đôi chồng bạc trắng cùng với sức khỏe và kinh nghiệm đi rừng của Sùng Sử là một bảo đảm an toàn tuyệt đối cho cố Vinh. Y đã chém xả vai một con gấu ngựa khi con thú này chột xỏ ra uy hiếp tính

mệnh cổ Vinh. Cọp, beo, lợn rừng, chó sói, Sùng Sủ cũng từng chạm mặt; y không biết thua chúng, khi y có thứ vũ khí bạch binh thô sơ nọ ở trong tay. Thông minh, khôi ngô, tuấn tú, cố chấp và giáo hoạt, Sùng Sủ kết tình ở trong y những đặc điểm quan trọng nhất của tuổi trẻ Mông nơi rừng rú. Y am hiểu kỹ lưỡng bộ tộc mình. Những trang ghi chép của cổ Vinh về cảnh quan, phong tục, lịch sử, phẩm hạnh, đời sống tâm linh, tín ngưỡng cùng là sự làm ăn, may mặc, yêu đương, hôn thú, ca hát của bộ tộc này có sự đóng góp không nhỏ của y. Đó là lý do chính yếu khiến cổ Vinh, trong vai một nhà khoa học, nhiều lúc phải dằn lòng, bỏ qua những điều bất như ý, để tiếp tục sử dụng y như một kẻ thân tín nhất.

Sùng Sủ, gã trai Mông, biểu trưng của một bản năng tự nhiên bất di bất dịch, vô cảm với các giá trị văn hóa ngoại lai, khác mình. Chà! Thì chính y chả là một nhân vật cổ Vinh dùng để trải nghiệm một khía cạnh của tính cách Mông đó sao! Và ở phần kết thúc của trải nghiệm này, cực chẳng đã, cổ đã phải đưa ra câu kết luận thấm nhiễm tinh thần bi quan của mình: Đạo không tới được, không có ý nghĩa cải hóa gì với những kẻ như Sùng Sủ, một dân Mông nguyên bản mãi mãi chỉ là một thành tố bán thành phẩm của bộ tộc Mông? Là bởi vì, trải nghiệm đã được thực hiện rất nghiêm túc. Đi cùng cổ Vinh được nửa năm, Sủ được cổ đưa về Hà Nội. Ở Hà Nội, Sủ được ở nhà lâu, được hưởng ánh điện và tất cả lợi lộc của nền văn minh cơ khí phương Tây. Thăm dò tư tưởng y, cổ Vinh biết rằng Sủ hết lòng thân phục nước Đại Pháp. “Nước Pháp có cái máy nói chuyện được với người trời, lại có cái thiên lý kính, thật đáng bố mẹ ta rồi.” Sủ nói vậy. Nhưng đó chỉ là cảm giác buổi đầu tiên tiếp xúc của y. Ở Hà Nội một tháng trời, y rầu rĩ tới hai mươi chín ngày rưỡi. Y không nguôi nhớ thương quê núi. “Y rầu rĩ như người nông dân xứ Bretagne trong bài hát nhớ quê.” Cổ Vinh nhận xét vậy và nhận ra Sủ càng lúc càng lủ khủ lủ khủ như một kẻ ốm đứng giữa chốn thị thành đô hội.

Và không thể tưởng tượng được y vui sướng thế nào khi được tin ngày mai sẽ được trở về quê hương. Y vui như một kẻ hết hạn lưu đầy. Xuống tàu lửa ở ga Lào Cai, bỏ mặc cố Vinh đó, y phăm phăm như ngựa chạy, hơn bốn chục cây số đường bộ, liền một hơi tới bản quê. Y vỗ gọn một cô gái chăn bò trên đường, đè cô bé ngay trên nệm cỏ, vừa làm tình với cô vừa gào như điên dại vì phát hiện niềm khoái lạc vô biên ở chốn bản quê. Trả lời câu hỏi khảo sát của cố Vinh, y đáp: “Chả nghĩ đến Chúa hay bất cứ ai cả. Chỉ nghĩ đến chỗ bột ngô và con đàn bà. Chỗ bột ngô để ăn. Con đàn bà để đút vào một phát cho nó sướng, thế thôi, há!” Ôi, Sùng Sủ! Một bản thể xung thiên! Sùng Sủ mãi mãi chỉ là Sùng Sủ! Một người Mông mãi mãi vẫn là dân con của bộ tộc Mông?

Cùng ruổi rong tháng ngày với cố Vinh, ngoài Sùng Sủ, con chiên còn cần phải được sự rèn giũa của Chúa còn có con ngựa đực. Con ngựa đực màu đỏ lửa, mắt xéch xanh dữ tợn, đuôi bờm ruộm rã, bốn tuổi, có nước kiệu êm và nước đại nhanh như gió. Con ngựa rùng rục một khối nóng cháy sức lực, có tiếng hí dài lạnh rợn mỗi khi gặp ngựa cái. Con ngựa đỏ không phải là chiếc ghế băng phủ tấm chăn đỏ trong lễ cúng ma của hố pẫu Mã A Thôn được phong danh là con tuần mã. Tuy vậy con ngựa đực màu đỏ cũng đem lại cho cố Vinh cái hư giác hạnh phúc và oai hùng của *shaman* trong cuộc chinh phục, giành lại các linh hồn khốn khó.

*

Bữa nay cố Vinh và Sùng Sủ rời huyện lỵ Sa Pả từ lúc tan sương. Họ dự định buổi chiều sẽ tới bản Mù Cang Chải để khảo sát cái chết của một con trâu cày; con vật này là hóa thân của một người đàn ông còn chồng chất nợ nần khi trở về

với quê tổ, như đã nói ở trên, trong một trang ghi chép của cổ về đời sống tâm linh của bộ tộc Mông này.

Buổi trưa, đúng với lộ trình, hai thầy trò tới con suối lớn ở đầu bản Lao Chải. Nắng sáng long lanh. Nước suối trong xanh. Hoa trúc đào nở đỏ sậm trên bờ suối xanh mượt cỏ êm. Buộc con ngựa đỏ ở gốc đào, hai người gỡ bánh trái ăn bữa trưa. Cơm nước xong, Sử vác dao quắm tót lên rừng theo thói quen. Cố Vinh trải tấm da bò mang theo cạnh túi mưa dại, nằm nghỉ. Nhạc suối tính tang. Gió mát hiu hiu. Chỉ một thoáng hồn cố Vinh đã bay bổng lên Thiên đường. Cố thấy mình có đôi cánh y như các thiên thần mang gương mặt hài đồng giữa các vầng mây bạc. Ông nhìn thấy những cánh rừng mênh mông toàn một loại cây thân bạc, quả ngọc, cành vàng. Và ở trung tâm, nơi Thiên Chúa ngự, một tòa lâu đài được tạo bằng chín thiên cầu lồng vào nhau tỏa sáng lung linh, trong khi xung quanh bạt ngàn là những đóa hoa hồng xếp cánh, tức các linh hồn xứng đáng đã được Chúa cho gọi về bên Người, đang cùng cất tiếng ca. “Vui đường nào khi thiên hạ bảo tôi: Ta cùng trẩy kêu Đèn Thánh Chúa.” Ôi! Cực kỳ hạnh phúc chính là lúc này đây, cố Vinh trẻ tuổi vội quỳ mọp xuống cạnh một đóa hồng và giữa tiếng hát của bảy nữ đồng trinh, ông nức nở thành lời: “Con là mục tử tốt lành của Người, con xin thí mạng sống vì các con chiên của Người.”

Giấc mộng huy hoàng của cố kéo dài chừng hơn nửa giờ. Lát sau, mơ màng trong trạng thái nửa tỉnh nửa mê, cố nghe thấy tiếng hai người trai gái vừa như giận dữ vừa như vui vẻ ở ngay bên cạnh nơi ông nằm. Thấy họ như đang trong cuộc co kéo. Rồi thấy tiếng bụi cây rập mình và tiếng phụ nữ kêu hăm hức.

Sau cùng tiếng một con ngựa hí thật dài, rơn rớn làm cố Vinh ra khỏi giấc mộng vàng. Ông ngھn cổ và nhận ra, đó là tiếng hí hào hứng và bức bối của con ngựa đỏ thân cận của mình mỗi khi nó gặp ngựa cái. Con ngựa đỏ thật là một con

đực rất dĩ tính. Lần nào gặp ngựa cái nó cũng nổi những cơn cuồng hứng bất tử. Thế nào thì nó cũng tìm cách đến gần được con cái. Ghìm nó thì nó phát điên phát rồ. Nó đá lộn. Nó rúc bụi. Nó cắn. Nó hất cả cổ xuống đất. Lần này thì hình như cơn kịch phát đến bất thần và xem ra dữ dội còn gấp bội phần. Ngựa cổ hí hanh hách một hồi dài nữa, nó bắt đầu héch mông, đá hậu và bật đầu dậy, đòi giật đứt dây cương buộc ở góc trúc đào phóng đi.

Cái gì đã xảy ra thế? Lần đầu tiên cố nhận ra những động tác kích ứng nọ của con ngựa đỏ hình như đang bắt đầu lay nhiễm vào cơ thể mình. Sau một giấc mộng đẹp, cơ bắp thư giãn, tâm hồn thanh thản, bỗng dưng trong cổ đã xuất hiện những háo hức là lạ.

Cố Vinh nhồm hăn dậy.

Con ngựa đỏ vẫn liên tục hất cổ, giựt cương, giậm giật bốn vó, ngoáy đuôi bước tới bước lui với vẻ bức xúc và bứt rứt càng lúc càng tiến tới trạng thái điên khùng. Có một cơn bùng nổ đang giấu mình ở trong nó. Có một nỗi thèm khát cháy bỏng ở trong nó đang đòi được giải tỏa. Cảm nhận điều đó qua bản thân mình hay sao mà cố bỗng dưng đỏ rửng cả gương mặt. Và cùng lúc ông bỗng gằm mặt xuống đất vì thấy xấu hổ và cùng khi thật tự nhiên và bất ngờ, ông nhìn thấy một hiện tượng cực kỳ quái gở ở nơi bụng dưới con ngựa đỏ. Con ngựa đỏ, tên nô lệ tận tụy và cương cường sức lực của cố, sau một hồi quấy đảo, rưng rục như một đám cháy, đã đứng im trên bốn vó căng tràn sức bật và đang lạng lẽ thả ra, thật từ từ nhưng thật rõ rệt, từ bụng dưới của nó, một thỏi thịt gân guốc càng lúc càng dài, càng đỏ bầm và cương tức vô cùng. Khủng khiếp quá! Vì lúc này, như bị kích thích từ bên trong, không thể gằm mặt xuống đất được nữa, ông cố trẻ tuổi chấp choạng đứng dậy và nhận ra sự thể bây giờ lại còn khiếp đảm hơn. Thối thịt thò lò từ dưới háng con ngựa đực đã thả dài tới mức chấm vào ngọn cỏ. Nó đã là cả một khúc thịt vừa trơn nhầy vừa nổi mấu xù

xi. Và cơn tức hừng đã khởi phát, nó, cái khúc thịt ấy một khi chạm vào ngọn cỏ là lập tức trở thành một sinh vật độc lập, cứ tự động giật phất lên, rồi hạ thông xuống, bần bật, bần bật như đánh nhịp liên hồi.

Quả thật đây là lần đầu tiên cố Vinh nhìn thấy cái vật giới của con ngựa đực. Ông không thể tưởng tượng nổi cái vật thể quái quỷ ấy chui lẩn ở đâu mà bây giờ lộ diện lại to gộc, dài ngoẵng và dữ tợn thế. Nó cứ ngật ngưỡng bật lên, hạ xuống, nó không chịu ở yên. Và nguy hiểm quá, nó hút hồn cố. Nó gây ra sức dẫn truyền. Cố bỗng thấy hai bắp vế và bụng dưới ông như dồn máu, chuyển động giần giật và căng tức lạ lùng. Một con vật lâu nay đã bị nhốt kín trong đời sống tuyệt dục, vô hôn, trong mãi mê sự đạo, giờ đây đang cựa quậy thức dậy trong ông.

Vòng hai tay như ôm giữ phần bụng dưới có cơ sắp bung vỡ, cố bỗng thấy mình xa lạ với chính mình và bơ vơ vì kinh hãi.

“Sùng Sủ, người ở đâu?” Định cất tiếng, cố vội đưa tay bịt miệng mình. Lưỡi ông khô ráp, miệng ông đắng ngắt. Cố đã nhận ra tiếng thở gấp, cùng tiếng gầm ghì của gã vệ sĩ. Tiến lên một bước, cố nhận ra, đằng sau con ngựa đỏ đang trình diễn một cách khả ố và thô lỗ cái hoạt cảnh bản năng tình dục không được chế ngự; Sùng Sủ cũng như con ngựa đực, nhưng ở thế chủ động và đang khai triển hành vi tính giao thú vật của y. Y đã đè dập được một thiếu nữ Mông trên bụi cây cỏ hôi. Y hung hãn như thú rừng vô được môi. Ngồi được lên bụng thiếu nữ nọ, y giật tung hai vạt áo khếp của cô ta. Chính lúc ấy cố Vinh cũng như mất Sùng Sủ, hai cặp mắt đồng thời nhìn thấy hai bầu vú xổng xĩnh như hai cái bánh giầy trắng mịn của cô gái. Riêng cố Vinh, cố còn được biết thêm: phụ nữ xứ này không mang *xu chiêng* và nhìn sâu xuống phía bụng dưới thiếu nữ, cố Vinh trẻ tuổi biết thêm rằng: họ chỉ có một lớp váy che ngoài.

- Bỏ ra! Bỏ ra, cho tôi tìm ngựa!

Đáp lại lời kêu rên và vùng vẫy của thiếu nữ, Sùng Sủ trợn mắt, giơ con dao quắm sáng rợn lên cao, rồi y vút dao, ập xuống, rú lên sảng sặc:

- Ngựa của em đây! Anh là con ngựa đực của em đây! Ối cha ôi, sướng quá, cha Vinh ơi!

Mặt cố Vinh tối sầm. Óc ông mù mịt. Ông lều đều quay trở lại và vội nằm úp sấp xuống tấm da bò để chen một sức bút phá nhức nhối vừa bột phát từ bên trong. Nhưng tiếng hí dồn dập, tức tối của con ngựa đực khiến ông lại bật dậy, và sau đó ông vừa quần quai vừa thống thiết gào tên Đức Chúa Trời.

*

Que diêm đã bùng cháy thành ngọn lửa thần.

Điều đó thể hiện trước hết ở con ngựa đỏ. Nó không chịu rời chân khỏi vùng đất quanh gốc trúc đào nọ. Nó khịt mũi, hít thở mùi hoan lạc tỏa ra từ bụi cây cỏ hôi. Sau nữa lộ trình sai hẳn dự định. Hai thầy trò chiều đó dừng lại ở thôn Lao Chải, nơi có ngôi nhà thờ tạo tác từ gỗ pơ mu lão đại bằng lưỡi rìu. Cố Vinh quên phứt mất mục tiêu chuyến đi là bản Mù Cang Chải và sự kiện con trâu trả nợ chết. Ông thấy không còn hứng thú. Trong khi đó Sùng Sủ coi việc ở lại Lao Chải là sự tất nhiên. Cô gái đi tìm ngựa bị y cưỡng ở bụi cỏ hôi, người ở thôn này, không ngờ lại là cả một đồng lửa rấm âm ỉ bao nhiêu là khoái lạc.

Để cố Vinh ở lại với ông trùm trưởng Mã A Thôn, cơm nước xong là Sùng Sủ biến mất. Gần sáng y mới trở về. Trở về y liếm môi liếm mép như vừa ăn xong một bữa tiệc và hai mắt rực sáng. Quái, tình dục bản thổ sao lại có ngọn lửa cháy sáng, bền bỉ thế?

- Cha Vinh à! Gái thôn này đẹp như gà sống thiên cả lượt. -
Sùng Sử cười. - Cha có nhớ buổi nào gặp nhau, cha nói, tôi sửa
lại câu ví đó không?

Cố Vinh ngoảnh mặt vào vách. Ông sợ hai con mất rừng
rực đam mê có sức thôi miên của gã vệ sĩ. Nhưng y không tìm
được. Y cứ chồm tới:

- Nay cha, cha có nhớ đứa con gái tôi 데 ở bờ suối Lao Chải
không? Chà, nó là con ngựa cái.

- Cái gì?

- Nó bảo nó thích cha.

- Hớ!

- Chắc là nó nhìn thấy... cái gì đó của cha...

- Úa!

Bất ngờ phát một tiếng nấc, cố Vinh ngóc dậy. Tên vệ sĩ
đang hùng hực hồi ức cuộc tính giao kia, mi không biết rằng cố
đang trần trọc. Cố đang gắng sức để để lại hình ảnh cô bé có
hai bầu vú trắng mịn nọ ở nguyên vị chỗ bụi cỏ hôi đó hay sao?
Cố đang gắng gỏi chế ngự mình. Cố quát:

- Sùng Sử! Anh không nhớ rằng, chỉ cần ngó đàn bà mà động
lòng ham muốn cũng đủ là kẻ phạm tội tà dâm rồi đó hay sao?

Chà! Lời răn bảo của cố lúc này còn có ý nghĩa gì với Sùng
Sử? Y đang theo đuổi ý tưởng của mình. Y dần tới sát cha.

- Cha ơi, có phải cha nói, thánh *Pao lô*¹ dạy: Tình yêu là
mối dây liên kết hoàn hảo nhất! Đâu có tình yêu, ở đó có Chúa,
ở đó là Thiên đàng?

- Phải!

- Cha ơi, có phải có lần cha nói: Adam và Eva ăn trái cấm
xong thì biết là mình đang trần truồng?

1. Thánh Paul.

- Ta đã nói vậy!

- Còn con. Ngủ với nó ba lần liền con hiểu thế nào là cái khoái thú của đời người, con đã tới Thiên đàng!

- Bay đi lời nói dâm bôn!

- Cha ơi, cha giỏi tiếng Mông, cha có biết câu nói của miệng này không: Đàn ông sung sướng hơn nhau ở người đàn bà!

- Lạy Chúa! Cha không hiểu!

- Đúng là cha không hiểu gì cả. Cha ơi, còn sướng hơn cả ăn uống kia. Ăn uống chỉ sướng miệng một mình mình. Một mình đàn ông thì không thể có sự sung sướng được! Phải có đàn bà!

Gã trai Mông giơ ba ngón tay. Y diễn tả các công năng của đàn ông, đàn bà. Y miêu tả một cách cụ tượng cuộc giao phối. Mắt y lóe sáng. Niềm khoái lạc vô biên tràn trề trong mỗi lời y. Một mình đàn ông thì không thể có sự sung sướng được! Ôi, mệnh đề dân dã hay thánh triết đây, sao mà ghê gớm vậy? Chao ôi! Cố Vinh còn rất trẻ. Cuộc sống phàm tục ông chưa trải. Cuộc sống ấy bấy lâu nay bị ông coi như địa ngục. Và dục năng chính là con quỷ dâm loạn trong quan niệm của ông. Ông có biết đâu, cuộc sống ấy là thường nhật; cuộc sống ấy giờ đây hiện ra với ông lại sát sạt, thiết thân, sục sôi hấp dẫn thế.

Quỳ dập xuống trước tượng Chúa, cố Vinh rên rỉ:

"Thà linh tỳ, thà linh tù... Nhân danh Cha và Con và Thánh thần..."

Lạy Chúa! Sao con nghe rạo rức trong người quá thế? Xưa kia, đã có đôi lúc trong giấc mơ có quỷ ám, con đã từng biết tiết chế, kìm hãm, nay con thật không hiểu trong con đang quấy động những cảm dỗ dâm tiện nhuốc nhơ, hay đang nảy nở những ao ước thần tiên? Con không hiểu trong con có một con quỷ dữ đang hoành hành hay đây là người bạn đồng hành thân thiết của con? Lạy Chúa!

*

Phàm vật gì nó đã sinh ra mà cố tình làm cho nó bé đi thì trái lại, nó càng to lên. Đã có cái khởi đầu tức thì sẽ có bước tiếp theo. Vùng hoan lạc bị nền giáo dục khép kín và khắc kỷ trở thành hoang hóa mở rộng từng ngày, đưa cố Vinh trẻ tuổi vào trạng thái thất thần, lơ đãng.

Nhiều đêm, cố trần trọc, quần quai bên chần gối. Đi tắm, ông ngại ngừng phải cởi bỏ quần chùng áo dài. Ông sợ nhìn thấy đàn bà con gái. Sợ nhìn thấy họ, nhưng lần đầu tiên, do ám thị từ hành vi bản năng của con ngựa đực lông đỏ, ông lại muốn gần gũi họ và thấy họ đẹp mảy may, hoang dại và rất phồn thực. Chà! Cuộc sống phóng dục ở đây diễn ra thật tự nhiên. Gái tắm trường nông nổi bên suối cả bấy. Trai gái yêu nhau là có thể dâng tặng nhau thân thể mình, và trong ngày hội phóng dăng của bản làng, bất kể ai cũng có thể làm tình với ai. Khốn khổ cho cố Vinh, ông nhắm mắt bỏ qua, bịt tai lại không nghe, cũng vô hiệu. Trình diễn trước mặt ông, trong óc ông bây giờ liên tục là cảnh tượng trai gái, đàn ông, đàn bà ái ân hành lạc. Tội nghiệp cho cố, nơi cố nằm là một sàn gác. Đêm đêm từ đó, chỉ cần mở mắt nhìn xuống là cố có thể tận mắt chứng kiến cuộc chung đụng nam nữ của các cặp vợ chồng. Ôi chao! Cái đời sống thường ngày nó là vậy mà sao cố không biết tới, sao cố lại lãng quên? Que diêm đã bùng cháy thành ngọn lửa thần thật rồi. “Cha có nhớ đứa con gái tôi đẻ ở bờ suối Lao Chải không?... Một mình đàn ông thì không thể có sự sung sướng được.” Những âm thanh đã lọt vào óc cuối cùng ngân lên thành một hồi chuông rền trong cố!

Cố Vinh nhận ra ông đã nấn ná ở lại nhà thờ Lao Chải gần tháng trời.

Một bận, trong buổi lễ, cố phát hiện ra, mình đã đọc lẫn lộn lời kinh. Mồ hôi toát ra đầm đìa đúng lúc ông nhận ra một ánh mắt vuốt ve mơn trớn; và vì người nọ quỳ ngay ở hàng ghế đầu nên cố nhận ra, hai vạt áo của cô ta khép không kín, để hở cả một vùng ngực trắng thắm thắm niêm liên tưởng.

Cái gì đã có khởi thủy thì sẽ có chung cuộc.

Buồn thay, người đi cải hóa kẻ mê muội lại bị bọn người bị coi là mê muội gieo hoang mê. Trần thế đầy rẫy sự thể và bọn người chưa được giáo hóa, cần được giáo hóa lại đầy rẫy những bài răn dạy không vòng vèo lý thuyết, chỉ trực giác mà hiệu quả tấp lự! Thiên đường hóa ra cũng có nhiều lối đi lên!

Tan buổi lễ, cố Vinh chờ cho tất cả con chiên ra về mới ra khỏi nhà thờ. Vòng ra sau tháp chuông, trong bóng râm đổ xuống của tòa nhà lấp lánh ánh trắng, cạnh chỗ xếp các *chũ* củi cao vót dũa trứ chống rét cho cả mùa băng giá sắp tới, cố dừng chân bước.

- Cha!

Bật lên một tiếng thiếu nữ gọi nức nở. Người cố chung chiêm như quả chuông lắc. Cố vội đưa tay làm dấu thánh. Nhưng không được. Thiếu nữ Mông nọ đã kéo bàn tay cố và đặt nó vào khuôn ngực ấm áp của mình. Cố vòng tay còn lại ôm trọn tấm lưng thăn lẳn nóng hổi của người đàn bà trẻ và giọng ông như giọng con trai Mông đang trong thời mê đắm:

- Em đẹp như con gà sống thiên. Hồn anh ở vạt áo em, từ buổi thấy em bên bờ suối Lao Chải đó, em yêu.

*

Cố Vinh bị chặt đầu lúc ông đang gập cổ, đâm mình trong cơn ăn năn trước tượng Chúa tại ngôi nhà thờ Lao Chải, một

trong những nơi ông đã dành toàn bộ sức lực và niềm tin cho công nghiệp lấp đầy khoảng trống tâm linh cho đám dân sở tại.

Đầu ông đứt phẳng, lằn lông lóc. Vết chém bằng dao sắc lẹm, đứt gọn. Mắt ông trợn ngược, ngược lên trời xanh, đầy nỗi nghi ngờ và hoang mai.

Hại Chúa chính là thân cận. Không nói ai cũng biết, kẻ sát hại cố Vinh là... Hung khí là con dao quắm. Con dao quắm ngày nào mới... hấy nó cố đã thấy rơn rớn nơi da cổ. Con dao quắm đó chừa đứt đôi chồng bạc trắng, đã chém xả vai con gấu ngựa cỡ đại và cũng là công cụ đe dọa để chiếm đoạt thân xác thiếu nữ Mông nọ. Tên vệ sĩ nổi cơn ghen, theo bản năng bắt tử cố hữu của y.

Giết cố Vinh xong, Sùng Sủ vứt bỏ bộ quần áo đang mặc đầm máu cố Vinh xuống suối, phóng lên núi Rêu gần đỉnh Fansipan lẫn trốn. Y bắt cả thiếu nữ nọ cùng lên đó ăn ở với y.

Đồn binh *Phăng ki* ra lệnh truy nã hung thủ.

Một tháng qua. Sáu tháng qua. Một năm qua. Án nhạt dần.

Sùng Sủ cùng con dao quắm đi các bếp lửa. Y kể: “Buồn cười, có lần tôi hỏi ông: Có thích ăn nấm¹ không? Ông ngần ra không hiểu. Tôi giải thích. Ông cười hiền trong bụng biết yêu chứ. Nhưng cứ gì cứ phải yêu đàn bà mới là yêu. Cho đó, tôi nghĩ thâm, ông không phải giống đực.”

Bật cười ha ha xong, Sùng Sủ tiếp: “Nay thì rõ rồi. Đại nhân và đại ác thì bề ngoài tựa tựa nhau. Ông cũng là đàn ông. Mà còn đàn ông hơn tôi, hơn anh. Ông còn đi xem đàn bà con gái tắm truồng, ông thèm họ hơn tôi, vì chưa được hưởng bao giờ. Ông làm Adam và Eva với cô gái nọ nhiều lần rồi.”

Ngừng lại, tên vệ sĩ quay về sau, nhỏ bọt: “Ông ấy từng bảo: nếu mất bên hữu phạm tội thì hãy móc ngay chi thể đó vứt đi! Thế đấy!”

1. Ý tục.

Mọi người há hốc mồm kinh sợ.

May thay, bọn người dung tục đã lái câu chuyện vào quan hệ đàn ông, đàn bà. Họ bảo: Trời đã sinh ra cái vật gì thì phải sử dụng cái vật đó. Không dùng là phí phạm, là có tội với Tạo hóa. Mỗi người một câu như củi góp vào bếp lửa, chuyện này kéo dài suốt đêm thâu. Đầu câu chuyện là chuyện đạo, cuối câu chuyện nhằng sang chuyện đời, chuyện đàn bà sục sôi mùi sắc dục.

Cố Vinh chết. Sự nghiệp mở mang nước Chúa ở vùng núi non này còn quá mới mẻ hóa ra dang dở. Ông cố mới được cử đến thay thế cố Vinh không có được cái đam mê của kẻ tạo vĩ nghiệp ở bước khởi đầu, lại đã già và chưa dứt khỏi ám ảnh của vụ sát nhân nên sự đạo coi như tuột mất thời cơ hồi phục. Kinh bốn chỉ ít ngày lơ là là quên. Nấm mọc trên mái gỗ. Một bầu ong rừng không hiểu vì nguyên do gì bu lại làm tổ ở cây thánh giá trên gác chuông, người kéo chuông vì vậy đâm ra ngại lắm mỗi lần phải giật dây, rung lên hồi chuông báo.

Cố Vinh chết. Áo giáp mới có đã tan. Khoảng trống tâm linh dân chúng nơi đây chưa kịp lấp đầy. Cái chết của cố có vẻ là ngẫu sự và không tương xứng với tâm cỡ ông. Nhưng đó cũng là sự thật về số phận hẩm hiu, bi đát của các hệ thống tín ngưỡng xa lạ; các hệ thống tín ngưỡng này, đồ sộ thì có đồ sộ thật nhưng nhiều khi quá mê mải lý thuyết mà chúng quên mất cái lẽ tự nhiên của con người. Cố Vinh chết. Đời sống tâm linh bộ tộc Mông ở xứ này coi như lại trở về điểm xuất phát. Khát vọng có được một thủ lĩnh hùng mạnh, một đấng minh quân trị vì bộ tộc mình vẫn còn nguyên vẹn: và đây là một chủ đề trong bản giao hưởng cách mạng mà vào lúc ông cố chết, tức năm 1944, bộ tộc Mông cùng với bộ tộc khác trong vùng đang sửa soạn diễn tấu.

Cố Vinh chết. Ông chết vì thành thật với mình. Chuyện phong tình của ông mờ nhạt dần theo thời gian. Tối nay có lẽ

chỉ còn tôi biết. Sùng Sử, người kể cho tôi nghe chuyện này, cũng đã mất. Tên cố Vinh còn ít người nhớ. Trong văn bản, ông là nhà xã hội học Jean Ravina. Nhà xã hội học, nhà bác học Ravina! Ông để lại nhiều công trình nghiên cứu rất có giá trị về bộ tộc Mông. Trong đó, đặc biệt là bộ sách *Địa lý nhân văn và xã hội học dân tộc Mông* dày hơn một nghìn trang. Ông là tác giả của các bản kinh tiếng Mông dịch từ tiếng Latinh.

Những người biết lai lịch ông, đặc biệt là các cụ bô lão, nhân dịp này, hẹn gặp nhau bàn luận và đang dự định đúc tượng ông, coi ông là bậc danh nhân vì đã có công đầu trong việc sáng tạo ra thứ chữ Mông dựa trên hệ thống mẫu tự Latinh, nay thứ chữ này đang được phổ biến rộng ngoài đời.

Câu hát hết rồi lại chưa hết

Khóm ngải tàn rồi khóm ngải lại xanh.

Đó là một trong cả ngàn câu ca ông đã ghi lại được từ chính tai ông nghe ở thuở ấy, nay người ta định trở khắc ở bức tượng đài hình ông nay mai sẽ được tạo dựng ở phố huyện Sa Pả, theo quyết định của Hội đồng Nhân dân huyện này.

1996 - 2011

THẦY DẠY TƯ

Đó là một vẻ đẹp hoàn mỹ, đẹp thật sự và luôn gây cho Niên cảm giác hoang đường. Hoan đẹp ở vóc dáng, ở gương mặt, ở phong thái cao sang, đài các của phụ nữ thượng lưu thành phố. Chị đẹp từ hình tích đến nét mặt, khéo môi, vòng ngực. Tất cả đều như có hào quang phát tỏa, dị thường và gần với chân lý lạ lùng.

Niên đã nghĩ thầm vậy về người mẹ của chú học trò anh đang kèm cặp tại gia, và nhiều lúc Niên không khỏi chạnh lòng. Niên chạnh lòng, vì tại sao lại có người vừa đẹp vừa giàu như thế? Vì sao lại có những người may mắn và sung sướng đến thế? Niên không mấy may mắn cảm, tự ti. Chạnh lòng là do Niên đứng trên tư cách người quan sát cuộc sống chung của cộng đồng thôi. Là bởi vì người nghèo khổ xung quanh Niên còn nhiều lắm. Niên là ông giáo. Ông giáo lương nhà nước không đủ nuôi thân. Cái đó là sự thật. Nhưng còn một sự thật là dầu thế nào những loại người như Niên vẫn còn là một nhu cầu của xã hội. Niên vẫn còn là cần thiết cho mọi người. Chúng có là Niên vẫn dạy môn Văn ở nhà trường cả chục năm nay. Và tiếng tăm Niên loan truyền rộng đến mức hết người này nhờ cậy đến người kia đón rước về dạy tại nhà cho con em họ. Niên còn là thầy dạy tư. Chứ còn vô khối người đang đứng đường đứng chợ ngửa tay xin từng việc vặt để kiếm ăn từng bữa lần hồi kia. Thất nghiệp có nghĩa là xã hội không hoặc chưa cần

đến mình. Mình còn được trọng vọng tức là mình còn là một giá trị.

Niên là một giá trị, một giá trị thật sự, nhưng thuộc về một hệ quy chiếu khác với hệ quy chiếu anh đang phóng tỏa xuống Hoan, người phụ nữ tươi đẹp này. Một tòa biệt thự. Những tiện nghi hiện đại. Một chúc vụ xã hội kha khá. Một tổ ấm hòa hợp. Một đời sống sung mãn được ánh xạ trên khuôn mặt ngời ngời niềm vui sống vì thành đạt. “Tao đang lo béo đây này. Chưa béo mà ông xã ông ấy đã chê rồi đấy!” Một lần, tại đây, một câu nói với bạn gái của Hoan đã lọt vào tai Niên và Niên càng đĩnh ninh rằng, anh chạnh lòng là phải: Hoan thuộc một phân tầng khác với nhiều người. Niên chạnh lòng cho những kẻ còn đang cơ khổ. Còn với Niên thì dứt khoát không. Bốn mươi ba tuổi, còn lặn lội đường vợ con. Nhà cửa thì chỉ là một căn gác xếp ở nhờ chín mét vuông gói gọn toàn bộ sinh hoạt. Mấy chục năm giảng dạy hết lòng với thiên chức được giao, không chút vị, không danh hiệu, nhưng có hề gì. Cao ngạo một cách lặng lẽ, vì biết giá trị tài năng và tâm hồn mình. Yêu đời, yêu con người, yêu nghề nghiệp, cặm cụi và cô độc nhiều khi trên con đường thiên lý, nhưng không biết đến ngã lòng nản chí. Niên không bao giờ nửa vời. Niên là kẻ luôn tuyệt đối hóa các giá trị tinh thần. Niên là vậy. Niên chỉ chạnh lòng hộ người, cho thế sự thôi. Thì ra ở đời vẫn có những người đạt tới sự trọn vẹn của hạnh phúc, tức là cả trong tình yêu lẫn công việc, họ đều được mãn nguyện. Nghĩa là trái với quy luật, vẫn có những hình cầu lý tưởng. Ôi, tình yêu nói rộng ra là gia đình, công việc, nói đầy đủ hơn là sự nghiệp, có mấy ai cùng lúc đạt tới sự viên mãn, có mấy ai thoát khỏi trạng thái rủi ro, dang dở, khốn khổ đâu?

Nhưng mà Niên đã nhầm. Người phụ nữ ấy không sung sướng như Niên tưởng. Trưa nay, chị đã tách ra khỏi vẻ vô tư đài đẽ thường khi, đột ngột nhìn anh, khổ não và âu sầu:

- Anh đừng bỏ thằng Tuệ, tội nghiệp em. Em biết là nó học quá kém, lại hư. Quả là lúc nó mới sinh, nó có thiếu sữa, ốm

đau quặt quẹo. Nhưng nhiều đứa trẻ khác cũng thế chứ. Mà em thì không phải người quá ngu dần...

Ngắc ngứ, Hoan mân mê ngón tay đeo nhẫn trên bàn tay trái, rồi ngược lên, ngào ngạt:

- Em xin cho nó vào học trường mẫu giáo tốt nhất thành phố. Nó lên cấp một, cấp hai, không thể nói là em lơ là. Như anh biết đấy, em không nghèo. Em làm ra tiền. Bố thằng Tuệ thu nhập cũng cao. Em đã mời các thầy về, dạy thêm nó, từ Toán học đến Ngoại ngữ, Âm nhạc. Nhưng em thật khổ với nó. Chẳng năm học nào em không phải đi xin điểm các thầy cho nó. Em thấy mình thật là cô độc trong việc dạy dỗ nó, trong căn nhà này.

Im lặng mở một khoảng mênh mông trong căn buồng nhỏ. Hoan đâu có phải là biểu tượng của một niềm hạnh phúc hoàn toàn. Cùng với nỗi thống khổ vẽ một khía sâu ở đuôi mắt và trở thành nét cao nhã duy nhất bộc lộ sâu muộn của chị, anh còn thấy chị hiện ra ở độ sâu khác thường về phẩm cách và do vậy bỗng trở nên gần gũi với anh. Anh biết, thế là từ nay anh không thể bỏ rơi thằng Tuệ, dẫu nó là một cá biệt khác thường. Người phụ nữ này, với Niên, đã biểu thị một quyền lực tuyệt đối.

Điều đó càng được khẳng định khi Niên nhìn thấy chị sau khi đã trút hết tâm sự, nhoai nửa thân người thon gọn và mềm mại với một cuốn sách dày ở trên chiếc đôn sứ bên cạnh mình, trên bàn đã thốt kêu thầm vì sung sướng. *Tuyển tập Bunin!* Ôi, Bunin, những trang văn xuôi tuyệt vời, đắm mùi cỏ tươi và hương vị đồng quê thân mật của nước Nga xa xôi. Bunin, vào những ngày thị hiếu tầm thường, vụ lợi đang chế ngự đời sống phố phường này, đã trở thành một chỉ hiệu của một tầng văn hóa cao.

Thanh thảo, Niên ngả người, thả mắt nhìn lên bức tường trước mặt. Trên đó, trong một khung ảnh nạm nhũ vàng kỷ niệm ngày thành hôn, người phụ nữ đang ngồi trước mặt Niên

hiện diện một khuôn mặt mảnh mai, bơ thờ, hoàn toàn lẻ loi, xa lạ và như là gán ghép gương gạo với một gương mặt đàn ông vạm vạp, thô mãng, cộc cằn.

Niên hơi thu người lại, cảm giác như đã gặp người đàn ông này ở đâu đó rồi.

*

Không, Niên chưa hề gặp người đàn ông là chồng Hoan. Niên mới chỉ thấp thoáng thấy đôi ba nét của ông gạn ở một bản sao: thằng Tuệ, con trai ông.

Thằng Tuệ, nó đang ngồi trước mặt Niên đây. Cái đầu múp. Cặp má đầy và mới chỉ mười lăm tuổi nó đã bù bự đầy vẻ nhục cảm ở khuôn mặt phình ra dưới phần quai hàm, dấu hiệu của kẻ hiếu sắc và háo danh. Mũi nó tẹt lại huếch hoác. Mồm nó rộng, bèn bẹt. Răng nó thưa và lúc nào cũng nhe nhe như đang nhai. Nó xấu xí. Nó không thừa kế một nét nào của mẹ nó.

Nó không giống Hoan. “Vì sao?” Một ý nghĩ chợt bật lên và Niên thấy như được an ủi. Niên nhìn thằng Tuệ:

- Thế là bài văn vừa rồi ở trường em lại bị điểm kém?

- Xì.

- Lỗi là tại em, Tuệ ạ. Đây, tôi nói để em rõ. Em không đọc kỹ đầu bài. Khái niệm về thần thoại em không nắm được. Em lại viết sai ngữ pháp rất nhiều.

Niên nói và cố lựa lời. Lựa lời để khỏi nói ra hết sự thật. Sự thật là thằng Tuệ kém quá. Nó không có những kiến thức cơ bản. Nó rỗng không. Và nếu không sợ sự tàn nhẫn của sự thật thì phải nói là nó không học được, nó tối dạ, nó thuộc loại trẻ ngu dần, não đất sét, óc bã đậu. Chẳng phải chỉ là môn Văn của Niên. Toán, Lý, Hóa, thậm chí càng tồi tệ hơn. Lớp mười

rồi mà cửu chương nó còn không thuộc. Tiếng Anh học đã bảy năm nó còn nhầm *goodnight* với *goodbye*...

- Em không bao giờ học môn này cả.
- Vì sao thế?
- Giáo Đô là giáo chỉ thích đếm. Chúng em gọi là giáo *Đô la*.
- Thôi, không ra ngoài đề nữa. Bây giờ em nghe tôi giảng đây.

Niên vào bài giảng. Nhưng ngay lập tức, anh có cảm giác tiếng nói của mình không có đích. Chúng bay vu vơ. Chúng không lọt vào tai, không in vào óc thằng Tuệ. Tuệ đang nghĩ gì? Nó không nghe anh giảng. Nó không có khả năng tiếp nhận. Nó không có thói quen học hành. Mặt nó ngênh ngênh ngơ ngơ. Tay nó nghĩ ngoáy cái bút. Nó đang nghĩ gì? Nó nghĩ đến bọn bạn bè và cuộc đua xe máy. Nó nghĩ đến bố nó. Bố nó, một chức vị lớn trong một ngành kinh tế mũi nhọn rất ít khi có mặt ở nhà. Nó nghĩ lan man và nháy cóc liên hồi. Rồi bỗng nhiên hai con mắt hùm hụp rất giống bố của nó nhếch lên, chớp chớp giật giật liên hồi. Nó đang nhìn cái gì vậy?

Bất giác, Niên ngoái lại về phía sau. Ngoài cửa sổ, một con mèo đen đang leo lên cây bách tán. Mặt thằng Tuệ bưng bưng phấn khích. Mũi nó phập phồng như con thú đánh hơi. Không phải vì con mèo đen. Bên kia con hẻm, trên tầng thượng, một đứa con gái mặc váy ngắn trắng tinh vừa xuất hiện, trông như một bông hoa nhài nõn nạo.

- Tuệ này.
- Dạ.

- Bây giờ ta thỏa thuận thế này nhé! Tôi và em thật tập trung tư tưởng trong nửa giờ. Nửa giờ thôi. Muốn vậy, ta đóng hết cửa lại, được không?

Một không gian kín. Một không gian nghệ thuật không kẽ hở, không để độc giả, khán giả giao tiếp với bên ngoài, đó là điều kiện tối đa và tối thiểu cho việc trình diễn thành công một tác phẩm nghệ thuật. Còn với nghề thầy của Niên? Vấn đề là Niên phải có được một môi trường tĩnh lặng hoàn toàn, để thằng Tuệ hoàn toàn chịu sự chi phối, rèn dạy của anh. Niên là một tài năng. Một tài năng nho nhỏ. Nhưng một tài năng nho nhỏ, cũng đáng giá hơn một chức vị lớn thiếu năng. Tài năng có sức mạnh dẫn dụ, cũng như sắc đẹp có sức cảm hóa. Và đã có được một lần, không, hơn một lần, Niên đã rủ rê được thằng Tuệ nhập vào dòng suy tưởng, cảm xúc của anh. Anh đã sai khiến trí óc nó. Cao hơn nữa kia, anh đã thôi miên được nó. A, thì ra nó chưa hoàn toàn là đồ bỏ đi. Nó có ngu xuẩn, ngu xuẩn từ bản thể, từ cấu trúc sinh học, nhưng nó cũng còn bị tiêm nhiễm các thói tật từ bên ngoài. Bị kích từ trong nó bước ra, cũng có một phần từ bên ngoài bước vào. Và như vậy với tài năng của mình, Niên vẫn có thể cải biến được nó. Nó có thể trở thành một sản phẩm của sự dạy dỗ của Niên.

Niên hơi cúi xuống, diêm đàm với mỗi câu chữ được chọn lựa theo tiêu chuẩn mẫu mực của cái đẹp:

- Tuệ, em hãy đọc khổ thơ đầu của bài *Tây tiến*. Đó là những câu thơ giàu sức biểu hiện với các chi tiết được phóng đại lên những tầm kích lớn lao phi thường.

Nâng cuốn sách trên tay, nhập vào dòng cảm xúc thương nhớ của bài thơ, Niên phân tích từng hình ảnh được mô phỏng ở góc độ tâm tình và bút pháp lãng mạn, tạo nên một độ nhòa mờ giàu sức lan tỏa của nhà thơ. Anh nói về ý nghĩa của từng hình khối, đường nét, màu sắc, việc chuyển đổi mau lẹ của mỗi chi tiết, sự phóng chiếu của trí tưởng tượng với hiệu quả nghệ thuật là sự xuất hiện một bức tranh hoành tráng vô cùng mỹ lệ về núi rừng. Anh nói về thiên nhiên chất phác qua cảm nhận của một hồn thơ tinh tế. Không, anh không chỉ là một tài năng nho nhỏ biết tái hiện những xúc động thần kỳ của nghệ

sĩ, anh còn thổi vào đó nguồn cảm hứng của chính mình. Niên, kẻ say mê đắm đuối cái đẹp của tâm hồn, mỗi lần giảng bài là một lần hóa thân, nhập cuộc. Niên bộc lộ mình nhỏ bé, giản dị, đơn cô nhưng ngạo nghễ, kiêu hùng vì tài hoa, vì yêu mến nồng say cuộc đời này.

Say sưa, đã có lúc Niên quá đà.

Say sưa, đã có lúc Niên sống cho chính mình, như bản chất nghệ thuật là để bày tỏ chính nó. Nhưng cuối cùng thì Niên đã ngừng phất vì bỗng nhận ra, mình chỉ là một kẻ độc diễn đang chơi vơi giữa khoảng không trống rỗng.

Vút cuốn sách xuống mặt bàn, Niên xô lại trước mặt thằng Tuệ, giật giọng:

- Tuệ, em làm cái gì thế?

Ngước hai vòm mắt dày lên, thằng Tuệ vừa kịp rút hai cẳng tay xuống gầm bàn. Một bức tranh đàn bà lỏa thể suột qua mắt Niên. Và mặt Niên đột nhiên như nổi vàng nổi mẩn cộm cộm nặng trĩch. Niên sẽ gầm lên, sẽ gào lên, sẽ thét lên: “Không học thì ra! Không nghe giảng thì bước! Ra khỏi lớp! Ra ngay!” Đã có lần Niên nổi khùng dữ tợn như thế ở lớp chỉ vì có hai đứa con gái chuyên thư cho nhau lúc anh đang giảng bài. Học sinh lớp anh im thít tiếp nhận cơn cuồng nộ của anh. Chúng hiểu: Anh chỉ có một giá trị duy nhất được tôn thờ, không kẻ nào được xúc phạm tới.

Còn bây giờ? Nhất định là Niên không yên lặng, dẫu có kìm nén tối đa thì Niên cũng sẽ chỉ vào mặt tên học trò tư bất trị kia và nói rằng: “Mi thật tồi tệ, mi không xứng đáng để ta mất công, dù là một giây nữa.” Và Niên sẽ nhặt cuốn sách, cắp vào nách và quay lưng đi thẳng ra cổng. Ra cổng và không bao giờ quay lại nữa.

Nhưng mọi mô hình đã trở nên bất cập.

Linh giác mách bảo và như một năng lượng đã giảng Niên ra khỏi cơn giận dữ. Niên quay về phía bên trái. Trời! Ở đó,

trên những tầng bậc cuối cùng của chiếc cầu thang bay, từ lúc nào không ai hay, Hoan trong chiếc váy hoa và áo trắng cổ mở hình lá sen, đơn sơ, nhỏ nhắn như một nữ sinh, tay tựa lan can đứng như tượng đài, nước mắt đỏ chan chan.

*

- Nghe anh giảng, có lúc em không cầm được nước mắt. Hồi đi học, em rất yêu môn Văn. Thầy giáo chủ nhiệm bảo em: “Cô nên thi vào Khoa Văn Đại học Tổng hợp.” Thế mà không hiểu tại sao, em lại vào trường Bách Khoa. Thi sĩ làm thơ họ có nghĩ mình tài thế không, anh? Chà, những câu thơ đẹp kỳ lạ: *“Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa. Kìa em xiêm áo tự bao giờ. Khèn lên man điệu nàng e ấp. Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ...”*

Hoan nói vậy vào hôm sau, trước khi ý nhị đặt vào cuốn vở ghi bài soạn của Niên một phong bì nhỏ. Niên hiểu đó là tiền công chị trả anh, mặt Niên liền đỏ bừng vì xấu hổ và anh vội đứng lên, cáo từ ra về.

Niên không thể ngờ số tiền thù lao Hoan trả lớn đến thế. Những năm triệu đồng! Gấp đôi số lương tháng của anh. Ấy náy quá, nhưng hôm sau thoáng thấy Niên có ý định trả lại số tiền nọ, Hoan đã hắt tay, bảo anh rằng: “Anh cứ yên tâm, em rất giàu.”

Từ hôm ấy, bỗng nhiên giữa hai người tuy vẫn tồn tại một khoảng cách tế nhị nhưng ở đó liên tục đã xuất hiện sóng giao thoa ngầm. Chị hiện ra ở một nỗi buồn thăm thăm và vẻ đẹp ở chị do vậy, đối với anh trở nên đáng trân trọng khác thường.

Họ đã xích lại gần nhau. Những buổi giảng dạy của Niên với thăng Tuệ vượt qua mọi trở ngại, hào hứng dần. Anh lập một kế hoạch luyện tập thật cơ bản cho nó. Kiên nhẫn, anh dìu nó đi từng bước và cảm thấy hình như đã thuần phục được

kẻ bất kham này. Áo giắc của anh xây đắp trên một hiện thực, anh đã trở thành một diễn viên có khán giả và thính giả hâm mộ mê say. Nhiều buổi anh dạy thằng Tuệ, Hoan đã xin nghỉ việc ở cơ quan. Chị ngồi trong căn buồng cạnh đó, lắng nghe như uống từng lời giảng của anh.

Một ngày mùa đông nọ có nắng vàng xôn xao sẽ là một kỷ niệm bằng vàng đầy luyến nhớ và bí ẩn vô cùng với hai người. Bởi vì thật sự là Hoan thật không hiểu sao, buổi trưa Chủ nhật ấy, vừa đẩy cánh cửa buồng bước ra, trông thấy Niên từ đầu hành lang đang đi tới, chị bỗng giật mình dừng lại, tim đập trĩu nặng một bên ngực, mặt bừng lên như hơi lửa và có cảm tưởng như đang sống trở lại thời thiếu nữ đã xa mờ.

- Có một số sách mới tìm được...

Một gương mặt trái xoan hồng hậu, với hai vệt lông mày xanh đậm thắm và đường sống mũi mảnh dẻ. Một vóc người cao mảnh và nhẹ nhõm như một linh hồn trong treo. Trong tay, một túi bạt căng phồng toàn sách, Niên hiện ra trong lớp nắng sáng mỏng như tơ, đường đột và phấp phồng lạ thường. Cảm giác đây là cuộc gặp gỡ không hẹn mà đợi mong lập tức chế ngự cả hai người.

Niên đặt cái túi lên bàn và thọc cả hai tay vào lòng túi, nâng lên. Ôi, Bunin. Lại cả Dostoyevsky, Chekhov, Daudet, Anatole France, Hemingway, Lorca, Márquez... Cả một gia tài văn hóa đồ sộ cao ngất rung rinh trên tay Niên. Bất giác, Hoan hơi lui lại, động tác như dẫn lối mời anh vào căn buồng nhỏ của chị. Và thật sự cả hai không hiểu điều gì đã xảy ra. Điều gì đã xảy ra và sẽ xảy ra? Mãi mãi họ không hiểu vì sao cánh cửa mở ra hướng ngoài bỗng chuyển nhẹ một vòng khép lại. Và chồng sách trên tay Niên bỗng nghiêng chao rồi đổ ụp toàn bộ xuống nền nhà. Mãi mãi cả hai đều không giải thích được: vì sao có tình huống ấy, vì sao cả hai lại như rơi vào chiêm bao, mộng mị, như tự nguyện chấp nhận sự sai khiến của một đấng

quyền năng vô hình, cùng quỳ xuống, cùng đưa tay tìm kiếm và quờ quạng. Kỳ lạ thay, văn học lúc này thực sự đã đóng trọn vai một nhịp cầu giao cảm. Cuối cùng họ đã tìm được tay nhau và cả hai cùng đứng dậy, song song dịch lùi vào góc hẹp của cánh cửa vừa khép hờ rồi cùng lúc, thốt nhiên ôm choàng lấy nhau. “Anh!” Chị vỗ một tiếng gọi. Còn Niên thì có cảm giác một bức tường ngăn cách đã sụp đổ để lại một khoảng không trống toang.

- Mẹ ơi! O, sách ở đâu rơi tung tóe nhiều thế này?

Đúng lúc ấy, thật trớ trêu, thằng Tuệ thành linh từ đâu đó, tay ôm quả bóng tròn, nhảy bổ tới, đứng sững ở trước cửa buồng, kêu to.

Hoan ngồi vội xuống, đưa đôi tay quơ quơ, không thật hơi:

- Sách thầy cho mượn, mẹ đánh rơi! Nhặt hộ mẹ với, Tuệ!

*

Đó là những ngày sống trong mê sảng, thăng thốt. Niên thoát vui, thoát buồn, thốt nhiên ngơ ngẩn, lo sợ như kẻ vừa đánh mất vật quý. Cái Tết ập đến. May mắn, nó trở thành thời gian cho Niên trốn lẫn. Hăm năm tháng Chạp, anh đáp tàu về quê. Nằm bẹp ở một xóm nhỏ với vợ chồng cô em, anh trách mình là gã đàn ông sa đọa. Nhưng Ba mươi Tết anh lên tàu trở về thành phố, giấu kín mình trong căn buồng chín mét vuông chật chội, tự xỉ vả mình là một kẻ hèn hạ, bỉ ổi.

Mồng Ba Tết anh nhận được thư Hoan. Thư nói chị đang đau đớn. Chị như con thuyền không bến. Chị thất vọng vô cùng. Không một lời quy kết nhưng anh nhận ra mình là một kẻ thật vô trách nhiệm rất đáng trách. Anh hiểu, thế là đã có một sự sắp xếp và anh không thể không trở lại và chia sẻ với chị.

*

Hai tháng sau, một bước nhảy vọt trong quan hệ giữa hai người đã xuất hiện. Ngoài các buổi Niên dạy thằng Tuệ, họ đã có những cuộc hẹn hò. Công viên Lenin. Vườn hoa Lê Thánh Tông. Cửa hàng sách Tràng Tiên. Rặng liễu bên hồ. Đại lộ Trần Phú... Tháng Tư lá sấu quay tròn như những đồng tiền vàng trong cơn lốc nhỏ. Một vệt hoa giấy tím sẫm kết đọng niềm thương nhớ băng khuâng. Tiếng ve ran khúc nhạc hè rạo rục. Văn cảnh như chọn lựa để hồi thúc gợi mở tâm tình. Họ đã nói với nhau những tâm sự thâm kín và đổi trao những ao ước xa xôi. Niên hiểu ra: Hoan là một phụ nữ bất hạnh. Hôn nhân của chị là một tấm thảm kịch thời đại, trong đó có đầy đủ những khía cạnh dơ bẩn nhất của lòng người: cưỡng ép, lừa dối, phụ bạc. Và nếu không sợ là nhấn tâm, tự trong sâu xa, chị coi thằng Tuệ là cái nghiệt căn của nỗi đau đời chị phải đeo đẳng giống một án khổ sai chung thân. Còn bây giờ, với Niên, đây không phải là cuộc trắng gió của một tâm hồn đa cảm hoặc cơn cuồng hứng lấp chỗ trống của một mệnh phụ lắm của nhiều tiền. Đây là một tình yêu thật sự mà Hoan ao ước sở cầu. “Em sẽ may cho anh hai bộ *com lê* thật đẹp.” Một lần chị nói, anh chối từ vì cho rằng đàn ông được chăm sóc sẽ trở nên yếu đuối. Nhưng lần sau, chị nói sẽ mua một căn buồng cho anh thì anh thoát đầu kinh ngạc và sau đó thì siết tay chị; không hề có cảm giác đang tung mình vào cuộc phiêu lưu ái tình, anh run rẩy vì sung sướng. Anh cần chị xiết bao. Bao nhiêu năm nay, anh không có bạn đời.

Tình yêu gây hoang giác. Giờ đây Niên thấy cuộc sống thật dễ chịu. Cả với thằng Tuệ, những buổi dạy dỗ vẫn có chuyện trực trặc này nọ nhưng đã trở nên bình thường.

Một hôm anh đến, ngồi chờ đã quá mười lăm phút mới thấy thằng Tuệ đi từ gác xuống.

- Cháu phải nói chuyện với ba cháu. Ba cháu sắp về rồi nhé!

Niên giở sách, yên lặng. Thằng Tuệ hếch một bên mắt:

- Chú có biết ba cháu không? Hắc lắm nhé!

- Thôi học đã.

- Học để làm gì, thầy Niên?

Nghe trong giọng thằng Tuệ có ý khác lạ, Niên cau mày. Nhưng Niên chưa kịp nói, nó đã nhe răng, nghênh ngáo:

- Bố cháu nông dân gốc. Học có lớp bảy trường làng mà vẫn là giám đốc. Hơn đứt thầy rồi đấy. Oách lắm. Ô tô riêng hẳn nhiên rồi. Còn nước ngoài thì vi vu suốt. Việc gì phải học. Việc gì phải bằng cấp. Quan trọng nhất là bằng lòng ông tổng cục. Vấn đề là “đầu tiên”, thầy ạ.

Niên nhăn mặt. Cái lý sự bợm bãi đã quá quen nhàm của thời đoạn, nhưng ở khung cảnh này, lại từ mồm một đứa thiếu niên nói ra với dụng ý hình như là để khiêu khích Niên thì thật bất nhẫn và ghê tởm. Niên khe khẽ rít qua hai hàm răng nghiền chặt:

- Bây giờ là giờ học, tôi yêu cầu em mở sách ra.

Nhếch mép cười khẩy, thằng Tuệ cúi xuống lật loạt soạt trang sách. Niên cầm cuốn sách giáo khoa trên tay, cố lấy lại cảm hứng đã bị mất, cất giọng đọc thật diễn cảm.

Nhưng lần này thì Niên thất bại hoàn toàn. Anh chỉ đọc nổi ba dòng văn hay nhất của cây bút văn xuôi bậc thầy Nguyễn Tuân đã phải dừng; và nhìn xuống thằng Tuệ, anh liền giật thốt mình.

Thằng Tuệ không theo dõi bài văn, đã đành là vậy. Nhưng giá như nó lơ đãng, nó ngủ gật, hoặc nó đánh tia mắt với con bé mặc váy trắng ở tầng thượng căn nhà đối diện. Đằng này quá đáng, nó đang ngậm và hí hóp thổi cái bao cao su đàn ông vẫn dùng trong khi ngủ với đàn bà để tránh thai và không lây bệnh. Mắt cháy đỏ, Niên xáp ngay tới với một tiếng gầm cuộn

tròn trong cổ họng. Và thằng Tuệ như đã đề phòng, tức thời giật lùi lại cùng với hai cánh tay văng ra thật mạnh để đỡ gạt, đối phó.

- Ông làm cái gì thế?

- Tuệ, em còn muốn học nữa hay thôi?

- Cái này của mẹ tôi chứ không phải của ông. Can gì đến ông nào? Hay là ông vẫn dùng nó mỗi khi gặp mẹ tôi?

Lạng một bên người như vừa nhận một mũi dao đâm trúng tim, Niên cố giấu cơn đau, nghiêm giọng nhưng nhận thấy ngay là vô ích. Cái ẩn kín đã tới lúc phải bộc lộ. Mọi người đều là con nợ của chính mình. Thằng Tuệ, cái mầm oan nghiệt của Hoan, đã đến lúc phải là hiện thân trọn vẹn của một nguyên bản tội lỗi xấu xa.

- Tôi là thầy dạy.

- Thầy gì! Thầy đói rách! Thầy ăn xin!

- Im ngay!

- Bố mẹ tôi bỏ tiền ra thuê ông. Ông không có quyền. Mà đừng có xí xốn, mó phải dái ngựa đấy! Hừ, đừng có tưởng bở nhé!

Gương mặt trái xoan của Niên tím ngắt ngắc. Môi Niên bặm chặt nhợt tía và thân hình mảnh khảnh của Niên rung lên từng đợt như sắp bung vỡ từ nỗi đau đớn ở bên trong.

Niên không còn đắn đo gì nữa. Nỗi căm giận, từ rất lâu rồi, ở ngoài tất cả sự chi phối của hư giá, nỗi căm giận với thói đời bỉ tiện, bất công điên đảo, đã lặng lẽ tích tụ trong lồng xương ống máu, đã dâng tới trạng thái không thể nhẫn nhịn. Hơn tất cả mọi cơn khùng nộ, Niên xô tới và dang thẳng tay. Niên nhất quyết nhân danh ông thầy chân chính bị sỉ nhục trừng phạt nó. Nhưng tiếc thay, chính là vào cái lúc đòn trừng phạt sắp giáng xuống ấy, Niên bỗng có cảm giác như kẻ bước hụt. Các khớp xương như long ra, rời rã, anh thấy mệt mỏi lạ lùng.

Thằng Tuệ vừa nhồm dậy gọi: “Mẹ ơi!” Và ngoài sân có tiếng Hoan vang bỗng trong ngần, vô cùng hoan hỉ:

- Tuệ ơi! Ba đã về! Ra đón ba, Tuệ ơi!

Cổng mở. Từ chiếc Nissan bóng nhẫy chui ra một người đàn ông sáu mươi tuổi trán hói, mặt sần sùi, mồm rộng, vai u, vập vập như đồ vật. Y đặt cái cặp khóa điện tử xuống đất, dang rộng hai cánh tay vì cả Hoan và thằng Tuệ cùng lúc nhao tới với tiếng reo mừng bột phát không giấu giếm.

Hai cánh tay lực lưỡng của người đàn ông như cái đai lớn bó thít cả ba cá thể thành một khối dính liền. Đáp lại tiếng gọi nao nức của thằng Tuệ, y gật gật. Mũi y chồm lên chiếc vành tai trắng hồng của người phụ nữ xinh đẹp đang ngả đầu âu yếm vào bờ vai y. “Anh đã mua đầy đủ các đồ em bảo. Hà hà... Em vẫn xinh đẹp và mạnh khỏe nhỉ?”

Niên đi qua bên cạnh họ lúc đó, nghe rất rõ giọng nói khàn rè, trong đó thanh ngã và thanh hỏi lẫn lộn mang đặc trưng thổ ngữ của người đàn ông và tiếng nói nũng nịu của Hoan: “Anh xem, em còn béo như hồi nào anh chê không?”

Từ đó Niên không bao giờ trở lại ngôi biệt thự nọ để làm thầy dạy tư cho thằng Tuệ nữa. Hai hôm sau, anh nhận được thư Hoan hẹn gặp nhau ở cửa hàng sách Tràng Tiền vào hồi năm giờ chiều lúc tan tầm, như thường lệ. Vào đúng giờ nọ, anh đứng trên một căn gác cao nhìn xuống nơi hẹn bóng Hoan vào ra ngóng đợi, bối rối. Cuộc sống thật đa tạp và phức cảm là một trạng thái sống phổ biến, có thực, biết vậy nhưng Niên đã không xuống. Đó là lần cuối cùng anh trông thấy Hoan.

10/12/1992

HOA NHÀ BUỒI SỚM MAI

Nhung cầm tay tôi, mân mê rồi thỉnh linh nhâng lên và áp nhẹ vào khuôn ngực mình. “Anh xem!” Vừa hào hển thở nằng vừa lập cập bật hàng khuy áo. Tay tôi lập tức như một sinh vật nhỏ nằm im ngoan ngoãn với cảm giác mát lịm mê man trong khi bên tai tôi là cái giọng chênch chao ngọt lịm của nàng: “Cái lão thầy tử vi thật tinh quái! Lướt qua lá số tử vi của em một cái là lão phán: Sao Long Trì cư ở cung Thân, cô có đôi nhũ hoa đẹp no đây.” Em cho anh ngắm đấy!”

Run lên từ xúc giác nổi bâng hoàng kinh dị, tôi đã bắt gặp điều ao ước siêu thường. Khuy áo đã buột hết. Hai vạt áo như hai cánh màn toang mở một cung điện giữa thanh thiên. Vùng ngực Nhung mừng mẩy, bông bênh hư ảo và ngầy ngậy hương thơm của da thịt đàn bà đang mùa yêu. “Cho anh hôn đấy!” Thì thảo bên tai tôi, Nhung khích lệ tôi. Vú đàn bà, quàn đàn ông. Tôi nghe trong mình một con sóng dâng trào. Và nhận ra, khoái cảm nhục thể của đàn ông là có thật, nó đơn thuần và dai dẳng như liên tục bị đánh thuốc mê, nhất là ở lúc này, khi được tiếp giáp sát sạt với một cơ thể phụ nữ đẹp như Nhung, một con rồi mà hình như Nhung còn gợi cảm và quyến rũ hơn. Eo thắt, hông tròn, bồng bồng trên làn da vẫn còn phong tuyết nhụy là cơn hưng phấn đang ở điểm cao trào. Và ngắm nhìn Nhung, tôi có cảm giác từng nét đẹp giới tính trong mỗi chi tiết trên cơ thể nàng đã phát lộ đến tận cùng và nàng chẳng những

không muốn giấu giếm, trái lại còn muốn đem ra phô phang. Sau hơn một năm trời gặp lại, Nhung hình như còn trẻ hơn và mới lạ tinh khôi nồng nàn hơn.

Nhung vừa riết chặt lưng tôi đến mức cho tôi nhận được sự êm ái ấm áp và sôi nổi từ ngực mình truyền sang, Nhung bỗng nói lỏng vòng ôm và đặt một tay lên ngực tôi, khẽ đẩy tôi ra xa và huấy đầu, chép miệng:

- Chưa chi tim đã đập thành thành! Chán anh bỏ xừ đi! Chẳng bù với...

Chẳng bù với ai? Chẳng bù với lão Sanh biệt hiệu Sanh cóc, với thằng Bồn còn gọi là Bồn mèo, với gã chủ dép nhựa tên Miêu, những tên đàn ông hiếu dục, hễ cứ thấy Nhung là tìm mọi cách sấn đến, tranh thủ thời cơ gõ gạc, hoặc ôm choàng lấy nàng hôn đại một cái, hoặc sờ sẹt thân thể nàng và đè ép nàng vào tường; hoặc không được nữa thì cũng tìm cách thể hiện thói khẩu dâm, toang toang liên hồi thứ ngôn ngữ gọi tình lỗ mãng? Sanh là phó giám đốc cơ quan tôi, thằng cha mất thâm, môi dày, mặt sạm, mồm cá ngão, ăn nhiều của đứt quá, xây xong cái nhà ở Quỳnh Lôi là công an xịch đến xịch tay đưa vào Hỏa Lò bóc lịch hai năm liền vừa mới hết hạn trở về. Bồn là gã lái xe mới nứt mắt đã lê la qua khắp các động mại dâm vừa bị phát hiện là nhiễm virus HIV, nhưng vẫn chứng nào tật ấy, gặp đàn bà có tí nhan sắc là như quạ thấy gà con. Còn Miêu chủ dép nhựa diện mạo khôi ngô, vóc hình thanh nhã mà hễ mở mồm là toàn chuyện đàn ông ngủ với đàn bà. Bọn người này thuộc hạng xuẩn động dâm dăng và họ dám dỏ trò sàm sỡ với Nhung có lẽ vì nghĩ, Nhung cũng thuộc một đẳng cấp như họ. Ôi, Nhung! Cái đẹp thuần túy đàn bà là nàng. Cái đẹp thể chất tự nhiên không biết kìm nén là nàng! Ngực nàng lớn, eo nàng thon và vùng hông nàng rộng, đôi mắt lá răm của nàng lấp lánh ngọn lửa tình. Nàng đẹp cái đẹp của da thịt ham muốn, của bản thể phụ nữ thuần khiết trong lành. Nàng trong lành như tôi hằng nghĩ, chứ không chìm đắm trong bản năng

mây mù như bọn Miêu, Bồn, Sanh, lũ đàn ông phóng dục, tưng dục, háo dục hằng nghìn về nàng.

- Anh Thành, anh còn yêu em không? Nói đi! Này, em nói cho mà biết. Con trai em em đặt tên là Công. Tức là tên nó nối liền với tên anh đấy. Thành Công mà anh!

Ôm riết trở lại lưng tôi, Nhung thì thâm và áp đầu vào ngực tôi, khe khẽ run rẩy vì cảm động và sung sướng. Đó là lần đầu tiên nàng ôm tôi và thổ lộ tâm tình công khai, mạnh mẽ với tôi. Cũng là lần đầu tiên, sau những năm tháng yêu thâm nhớ vụng nàng, tôi hôn nàng.

Nhung chỉ làm việc ở cơ quan tôi, thời tôi làm lãnh đạo ở đây, có hơn một năm trời. Từ nông thôn lên, thoát đầu cô bé mười sáu tuổi giữ chân phụ giúp việc trông cháu, đỡ đần chị gái và anh rể. Hai năm sau, nhờ thông minh, khéo léo, nàng qua một lớp học đánh máy chữ và vào nhận chân nhân viên đánh máy ở cơ quan tôi. “Anh ạ, hồi em học lớp bảy, thầy giáo văn hay khen văn em là *súc tích*. Em chẳng hiểu *súc tích* là cái gì! Em hỏi. Thầy bảo: là tình cảm dồn nén!” Đó là lần đầu tiên nàng nói chuyện tay đôi với tôi, nhân lúc nộp trở lại một tờ công văn tôi thảo vừa được nàng đánh máy xong. Nàng nói, cùng là công văn mà sao tôi viết lại nhিপ nhàng thế, du dương thế! “Em chẳng biết thế nào là văn hay đâu!” Chi tiết ấy khiến tôi là lạ và sau này tôi nhận ra, nó giống một luồng sáng rọi sâu, xuyên qua lớp biểu bì của vật thể, cho ta thấy phần ẩn kín ở phía sau mỗi cuộc đời.

Nhung đẹp cái đẹp của một bông hoa nhài sớm mai sau một đêm ủ ấp nấu nung để khai mở. Có cái vẻ tươi mới, rười rượi trong mắt nàng. Có niềm háo hức bùng nổ ở ngoại diện nàng. Nàng xổng xĩnh và không giấu giếm niềm khát khao vui sống. Nàng là cái đẹp của sắc hình, sinh lực; tỏa ra từ nàng là cái khát muốn của nhục thể trẻ trung, hồn nhiên. Nàng sống với cơn nhiệt hừng của tình cảm. Và có cảm giác tình yêu

ở nàng chan chứa tràn đầy nên bất cứ lúc nào nàng cũng có thể vỗ vập và chan hòa.

Tiết thay, hoàn cảnh đã chẳng giúp cho nàng hoàn thiện vẻ đẹp của mình. Hoàn cảnh lợi dụng vẻ đẹp thuần chất của nàng. Chúng coi nàng là một bản thể tối tăm đang tìm chỗ bộc lộ và tìm cách lợi dụng. Gã đàn ông đầu tiên làm việc ấy là tên anh rể nàng. Y ngó trộm nàng tắm. Y ăn cắp áo lót, quần lót của nàng. Y gạ gẫm nàng và khi bị nàng phản đối thì chửi nàng là “c. nát mà còn đòi có chóp”. Rồi y dùng bạo lực định cưỡng bức nàng. Tiết thay, người chị đã đánh mất vai kẻ trên, chỉ thuần túy là con đàn bà trong cơn ghen nồng, gọi nàng là con yêu nữ hiện ra để mê hoặc chồng thì, đã xua đuổi nàng đi khỏi căn nhà của mình sau vài lần chứng kiến thói dè chó của chồng mình.

Tuần trước đám cưới của Nhung, tôi mới biết tất cả những chuyện đó. Và những tưởng cuộc hôn nhân của nàng là một sự giải phóng. Nào ngờ hóa ra lại là một lần nàng dán thân bất đắc dĩ vào cũi vô vọng. “Em buồn lắm, anh ạ!” Nàng nhìn tôi mắt vời vời ngấn nước, hàm ẩn nỗi ai oán, khi đưa tôi cái thiệp mời. Nàng lấy chồng vì cần phải lấy chồng, vì tuổi con gái của nàng có hạn định vậy thôi. Buồn quá! Tin nàng lấy chồng gây hẫng hụt sứt mẻ trong tôi từ tâm hồn. Không phải chỉ là cái hẫng hụt, sứt mẻ thông thường của thằng đàn ông mỗi khi thấy một phụ nữ đẹp thân quen mình từ nay thuộc sở hữu riêng một kẻ khác. Mất mát này nặng nề hơn, đau đời hơn vì cảm giác tuyệt vọng đè nặng, vì thấy ở nhân tiên là tình trạng tội tệt không thể cứu vãn được, do thấy mình bất lực và vì vậy nỗi ân hận sẽ là một ám ảnh dằng dai.

Gã đàn ông mà Nhung lấy làm chồng là thằng Nhỏn, giữ chân bảo vệ cơ quan tôi. Hơn Nhung mười lăm tuổi, y còn già hơn cả tuổi bốn mươi. Từ quê hương miền Trung, y lang thang ra Hà Nội, như một tên du thủ du thực, sau nhờ ông cậu có chức tước lớn trong Liên đoàn Lao động, y được nhận vào làm

ở cơ quan tôi. Học chưa hết lớp ba bổ túc văn hóa, y chỉ được cái khỏe và có dăm ba miếng võ. To ngang, lưng dài, chân ngắn ngùn, mặt bự thịt, con người dị dạng này hội đủ các thói tệ xấu xa ở đời. Nốc một lúc cả lít rượu, y thường say bết nhè và hay gây gổ. Y ăn nói thô tục, y giao du với bọn vô lương và có quan hệ với cả gái điếm.

Chúng ta sẽ đặt ra câu hỏi, chúng ta không thể tin rằng, một kẻ thô lỗ như thế lại có thể được Nhung chấp nhận làm chồng? Hỏi như thế và không tin là không nhận thấy tình trạng vợ chồng cộc cách so le, thậm chí đối chọi, khác nhau một trời một vực đã và đang là cái nghịch cảnh phổ biến ở cõi đời này. Cạnh nhà tôi có một hiệu thuốc. Chủ hiệu là một viên được sĩ trẻ trai. Vợ y lạ thay lại là một người đàn bà tuổi lớn gấp đôi y, và mắc bệnh ngậy đại từ lúc trẻ. Lúc đầu tôi chẳng thể tin. Sau hỏi ra mới biết, viên được sĩ lấy bà vợ này là lấy cái gia sản kếch sù hai tỉ của vợ y. Bởi vì y là một kẻ nghèo khó, tốt nghiệp Đại học Dược ra trường, một xu dính túi cũng không, y đang bơ vơ tìm việc ở đất thủ đô thì có người mách mối. Đang buồn ngủ lại gặp mảnh chiếu rải sẵn thì còn gì bằng nữa mà y không tranh thủ cướp giật lấy. Cứ biết cái trước mắt đã. Còn những cái khác, hạ hồi lo tiếp. Đó là một ví dụ về cái ngẫu sự đang chi phối cuộc sống này!

Có bao nhiêu là cái ngẫu sự trong đời mỗi người, trong đời Nhung? Có vô số tình huống có thể dùng lời lẽ giải tỏ được. Nhưng cũng còn có bao nhiêu điều bí ẩn và trở trêu nằm trong sự huyền bí của cuộc sống và con người chỉ có thể chấp nhận thôi. Buồn đau đến mức suy sụp tinh thần, sau ngày Nhung lấy chồng, lấy có công tác cần, tôi đã bỏ đi Hà Tĩnh một tuần. Buồn thay, cuối cùng, ngày trở về cơ quan tôi được biết: Ngay đêm tân hôn, Nhỏ đã đánh đập vợ một trận thật là tàn nhẫn vì lý do: Nhung đã không còn trinh trắng khi về với y!

Cuộc sống của Nhung từ đó là thảm cảnh. Tên đàn ông háo sắc theo lối bọn hạ tiện dùng ngay cơn phóng dục và bêu

riếu vợ để hành tội vợ. Còn Nhung, hình như đã nhận ra cái giá của sự nôn nóng lẫn nhẹ dạ và học được bài học quan trọng nhất của đời người là hãy tiếp cận kinh nghiệm về sự thật, nên trước hành vi vũ phu của Nhổn, nàng lại tỏ ra có bướng bỉnh, gan lì hơn bao giờ hết! Nàng không thềm khóc lóc, không hề rầu rĩ, van xin. Điều đó gần giống như một cách biểu lộ sự khinh miệt, cao ngạo và thách thức. Nên tên hung đồ càng lúc càng trở nên điên rồ, tàn bạo. Giờ thì y bất cứ lúc nào cũng có thể nổi cơn khỏ dâm, bắt trói nàng, gọt tóc nàng và có bận còn lột quần áo nàng, đuổi nàng đi. “Này, thấy đỏ đũng ngõ là chín mà ăn đòn đấy!” Nhổn đã ra khỏi cơ quan tôi, y ở nhà ăn bám vợ, và đã có lần đến cơ quan tôi, bóng gió xa xôi răn đe tôi. Hình như y biết, thi thoảng Nhung vẫn đến thăm tôi.

Nhung vẫn lên đến với tôi, nhất là khi nàng đã thôi việc, với danh nghĩa nhân viên cũ đến thăm thủ trưởng cơ quan. Qua phòng thường trực, rẽ vào các phòng thăm đồng nghiệp cũ, Nhung vẫn vui vẻ bình thường như không có chuyện gì. Nàng kể chuyện công việc của nàng ở công ty du lịch quận, nơi nàng mới xin sang với mức lương một vé một tháng. Trả lời câu hỏi: Nhổn giờ thế nào, nàng đáp thản nhiên: “Anh ấy đã chuyển sang bộ phận kho, sức khỏe bình thường, đi làm đều đặn và đã bớt uống rượu nhiều rồi.” Gặp dịp, những lúc ấy, bọn Sanh, Bồn, Miêu lập tức sấn đến, nhấp nháy con mắt, đưa lời bình luận, tán tỉnh đều giả và tục tĩu, nhưng trong vị thế đàn bà đã yên bề gia thất, nàng tỏ ra không chút khe khát, thậm chí có lúc còn sẵn sàng suông sã hòa theo. Nhung chỉ thật sự trở lại là con người nàng khi cánh cửa buồng tôi đã khép lại sau lưng. Lúc này, nàng tự bóc ra khỏi mình các lớp vỏ che đậy. Nàng vừa khóc vừa kể lại các nỗi nhục nhã ê chề trong cuộc sống chung. Nàng nói, Nhổn buộc nàng phải xin chuyển sang làm nhân viên ở một khách sạn và gợi ý nàng hãy sử dụng sắc đẹp để moi tiền của những thằng cha đại gái. “Thì làm điểm cũng được chứ sao! Anh nghe hán nói có ghê tởm không?”

Nàng lên cơn tử hờn, nàng vừa khóc như mưa như gió vừa cởi áo, xây lưng lại cho tôi xem vết roi quật, vết cái ghế đập tím bầm trên da thịt nàng. Nàng tự hỏi không hiểu sao hồi ấy nàng u mê đến mức nào mà lại bằng lòng lấy Nhỏ? “Anh ơi, em phải đưa đơn ra tòa ly dị nó thôi!” Nàng nức nưởi than van và khi thấy tôi im lặng thì đứng vụt dậy, bỏ đi, sau khi để lại trên mặt tôi một vết mắt buồn ai oán.

Bây giờ sau một năm, Nhung lại đến với tôi. Nàng đã có con, tên con nàng thể hiện tình yêu của nàng sâu đậm chừng nào với tôi. Quan trọng hơn, nàng đã ly dị chồng. Nàng nhìn tôi cái nhìn thật náo nức rồi nôn nao cất tiếng hỏi:

- Anh nghĩ về em thế nào, anh Thành?

*

Ôi, tình yêu của Nhung, tình yêu của đam mê tột cùng và bốc lửa. Tình yêu đúng nghĩa với tình yêu tiên khởi là xa lạ với sự toan tính. Tình yêu của nàng, tình yêu đàn bà. Vì trong tình yêu chân thành, đàn bà bao giờ cũng bạo dạn hơn đàn ông. Nàng đắm đuối và không cách bức. Với nàng, tình yêu là chuyện giữa hai người nam nữ, là lãnh địa nàng thể hiện khát muốn phần thực dồi dào của chính nàng. Với nàng, tiên khởi của tình yêu là tặng hiến, tặng hiến từ mỗi tế bào trên thân xác da thịt tới cõi sâu xa của tâm hồn. Với nàng, trong tình yêu, chủ động là biểu hiện cao nhất của khả năng, của quyền lực, nó diễn tả sức sống linh hoạt và mạnh mẽ của con người, của chính nàng!

Còn tôi, tôi rụt rè toan tính cả khi nhận lãnh. Như lúc này đây, tim tôi đập thình thịch, vang động cả khuôn ngực của nàng, người phụ nữ giờ đây đang ở trong hoàn cảnh đơn chiếc, không may bị ràng buộc.

- Anh Thành à! - Dụi mặt vào ngực tôi, Nhung thỏn thức. - Em không thể sống một mình được đâu!

“Không thể sống một mình được!” Nhắc đi nhắc lại hai, ba lần ý tưởng nọ, ngược lên thấy tôi im lặng, nàng lại gục mặt xuống ngực tôi, sụt sịt và nói tiếp, rằng ông thầy tử vi quái kiệt nọ, người đã đoán chắc là nàng có đôi nhũ hoa tuyệt đẹp, đã phán rằng: Nàng có đồng hỉ loan phượng, nghĩa rằng là trái tim nàng đồng vọng với ai thì tùy nhưng nàng được rất nhiều người mến mộ và toàn là bậc quân tử cả. Nàng không bao giờ được giữ vai người có cấp chức lãnh đạo, nhưng nàng luôn ở cạnh những người như thế. Và nói vậy thôi, chứ trong sâu thẳm nàng không có ý muốn nhờ cậy. Nàng chỉ biết yêu là yêu thôi!

Cuối cùng, Nhung vòng tay ôm riết tôi một lần nữa và nói rằng muốn hỏi ý kiến tôi về một việc hệ trọng. Tôi giục: “Em nói đi!” Nhưng để tôi giục già tới hai lần và còn dằn dặt một lát nữa, rồi nàng mới nói rằng, có một anh thợ may góa vợ ở cạnh nhà nàng, sau khi nàng ly dị Nhỏn đã đặt vấn đề xây dựng với nàng. “Anh ấy bảo”, nàng nói tiếp, “anh ấy sẽ coi thẳng Công như con anh ấy. Và nếu em bằng lòng thì sau khi lấy nhau, anh ấy sẽ đưa mẹ con em vào Đà Nẵng sinh sống. Ý anh thế nào?”

“Ý anh thế nào?” Ngược lên nhìn tôi, Nhung day đi day lại câu hỏi nọ ba lần. Và nhận ra giọng nói không giấu giếm sự nôn nả và khẩn cầu của nàng, tim tôi liền rung lên từng hồi nhói giật. Nhưng đã bộc lộ toàn bộ con người nàng. Nàng muốn nói rằng: “Còn chờ đợi gì nữa, anh yêu.” Nàng nồng nã bày tỏ mình. Rồi như để chứng minh cho tình yêu thật sự của mình, nàng hấp tấp rút từng chiếc khuy trên chiếc áo hoa và trút hai ống tay áo ra khỏi vai. Tiếp đó, không cần để ý đến cơn run rẩy vừa mạnh nha xuất hiện trong tôi, nàng khom người xuống và bằng một động tác dứt khoát, kéo căng cặp chiếc quần đen may bằng loại vải kép, trong khi tôi mỗi lúc một dấn sâu vào trạng thái hải hùng, lúng ta lúng túng đưa tay định

ngăn trở động tác cuối cùng để tiến tới ý định khóa thân của nàng. Nhưng mà... không! Kẻ thích phô phang đôi nhũ hoa no đầy của mình giờ đây quyết đi tới cùng của sở thích. Nàng quyết thực hiện cuộc phô bày toàn bộ, cả hình vóc ngọc ngà gái một con tuyệt mỹ, một phương diện của khát muốn phần thực rừng rực yêu đương lẫn tình yêu thánh thiện trong trẻo của mình!

- Anh Thành, anh làm sao thế?

- Anh Thành! Anh trả lời em đi! Có phải anh coi thường em không? Hay là người ta thường không yêu người nào yêu mình quá?

- Trời ơi! Tội nghiệp em!

Nửa người trên hoàn toàn trần truội, lồ lộ cặp vú của gái một con nhấp nhóang ánh mỡ hôi, đỏ hồng, vồng vênh và bồn ngộn, Nhung áp sát vào tôi, nức lên từng hồi, hai con mắt đỏ đợc ánh giận hờn tủi phận và thấp thoáng niềm trách móc.

Mệt lả như trong cơn say thuốc, người tôi xệp lại hết một cái bong bóng xì hơi. Tôi đâu có ý nghĩ coi thường Nhung. Không một mảy may! Có chăng với tôi lúc đó chỉ là cảm giác hoang mang sợ hãi tột cùng, như đang đứng trước một cái gì đó quá tầm cảm nhận, không thể điều khiển được mình. Sụp ngay xuống chân nàng, tôi như một thân chuối đã ải mục hoàn toàn!

*

Nhung không trở lại gặp tôi lần nào nữa. Qua điện thoại, nàng từ biệt tôi để chuyển vào sống ở Đà Nẵng. Nàng nói, nàng đã quyết định lấy người thợ may góa vợ nọ. Vì nàng không thể sống thiếu một người đàn ông, nhất là bây giờ nàng còn có một đứa con phải nuôi nấng, dạy dỗ nó. Tin Nhung lấy chồng lan rộng cả cơ quan. Bọn Sanh, Bồn, Miêu cười ha ha đùa giỡn

nói rằng lão thợ may già ấy có cái bướu ở lưng. Rồi bình luận: “Thằng thợ may gù thế mà bỏ! Nhưng ông con giời ấy được ba bảy hăm một ngày là thành bã thôi!”

Tôi rùng mình run rẩy và giấu mặt vào đôi bàn tay úp. Bây giờ thì tôi hiểu rồi, với Nhung, tôi chỉ là một kẻ tầm thường, kém cỏi, chưa thể hiểu nổi một hình thái tình yêu thật sự trong sáng mà lại có độ mạnh mẽ bộc trực, vẻ như đơn giản mà thuần khiết tuyệt đối như thế! Khí chất của tôi chỉ vừa tầm với những trạng thái tình cảm thông thường, vừa phải, quen nhàm, nửa đời nửa đoạn, không bao giờ dám bày tỏ hết mình, không bao giờ dám đặt chân tới giới hạn cuối cùng; trong khi đó, Nhung, người con gái bình dân, bất hạnh lại như là biểu trưng của một tình yêu thuần phác như thiên nhiên, vô cùng say đắm, mãnh liệt một nguyên khối và chưa hề vong thân.

Rất nhiều năm về sau, kể cả khi đã lập gia đình, tôi vẫn không nguôi nhớ thương Nhung. Nhung vẫn tái hiện trọn vẹn trong nỗi u hoài kín đáo thâm lặng của tôi. Nhung, một tình yêu nồng nàn và thuần khiết. Nhung, đóa hoa nhài buổi sớm mai.

20/4/2001

BỮA ĂN TRƯA Ở QUÁN CÂY XOÀI

Qua điện thoại, Đại mời tôi đi ăn trưa và hẹn gặp tôi ở cơ quan anh lúc chín giờ sáng. Tôi nói: “Ăn trưa sao mà phải sớm thế, với lại em còn đang may đồ phục trang cho một vở kịch lịch sử.” Đại áp ứng: “Ấy là vì anh muốn anh em mình có thì giờ trò chuyện với nhau.” Cuối cùng chúng tôi thống nhất: Mười giờ sáng hôm đó tôi tới cơ quan anh.

Đúng giờ hẹn, xuống xe tôi đã thấy Đại áo *sơ mi* trắng, quần *téc gang* nâu dáng vẻ ngượng nghịu như kẻ mới tập ăn mặc đom dáng và lần đầu tiên đón bạn gái, đứng chờ. Theo chiếc xe anh dắt hộ, đi vào khảng sân trơ trống mấy cây đại già cành nhánh cụt lủn, cảm giác vắng vẻ đã chế ngự tôi. Cảm giác này càng tăng khi tôi leo lên gác, đi dọc theo hành lang và bước vào căn buồng sàn lát gỗ lim nâu thẫm, rộng thênh của anh. “Anh em trong cơ quan đi đâu hết, anh Đại?” Câu hỏi nghi ngại của tôi rơi vào khoảng trống trải và không có lời đáp, vì lúc đó chợt có tiếng khách gõ cửa:

- Anh Đại ơi, anh cho em hỏi một tí.

- Cái gì thế? À, cậu Hoàn. Để lúc khác nhé! Mình đang bận mà.

Một cái đầu trai trẻ xoắn tít ngó vào rồi lập tức rút lại, kéo theo cả Đại bước ra. Ngoài cánh cửa khép hờ rì rầm tiếng của hai người, trong đó nghe rõ tiếng Đại: “Thôi, thế thôi, đi nhé”

hai, ba lần. Rồi xa dần bước chân người trai trẻ, Đại đẩy cửa bước vào, nhanh nhẹn xoay người đẩy then cửa và xoa xoa hai bàn tay nhìn tôi, rất tự nhiên.

- Cái thằng Lộc say ở cạnh cơ quan anh chuyên đi xin tiền để uống rượu, không được lại xoay ra xin thuốc lá. Lấy đâu ra của mà cho được. Ô, em đã pha nước giúp anh rồi cơ à?

Khẽ reo hoan hỉ, Đại nhẹ nhàng bước lại, ghé hông lên bành da bọc của chiếc ghế tôi đang ngồi. Khuỷu tay anh như vô tình chạm khẽ vào vai tôi, khiến tôi giật mình phải thu người lại.

- Anh Đại, anh còn muốn em đến đây nói chuyện với anh nữa không?

- Tất nhiên!

- Thế thì anh mở cửa ra và ngồi sang ghế bên đi!

Đại hất tóc, cười khẽ một tiếng rồi đứng ngay dậy, không hề tỏ ra tự ái, bảo tôi:

- Em cứ yên tâm, hôm nay cơ quan anh đi Chùa Hương hết, anh chỉ muốn đề phòng cái tay bọm rượu nó đến vùi vãnh, làm phiền mình thôi!

Tôi im lặng, chỉ ngại làm anh bẽ. Anh lúng túng, vụng về vô cùng. Mới thế mặt anh đã đỏ rửng. Rồi nhấc tay xem đồng hồ, anh như gỡ được thế bí:

- Quần quanh thế mà gần trưa rồi. Bây giờ anh mời em ăn cơm trưa, Yên à!

Tôi đứng dậy, xuống thang gác. Đại dắt chiếc xe Babetta sơn long lở đến một gốc cây đại, đứng chờ. Rồi anh leo lên yên, mammals, còng lưng dận bàn đạp. May, động cơ xe rên rã một hồi rồi phát nổ phành phạch.

- Mọi khi Yên ăn trưa ở đâu?

- Hồi còn đi diễn ở Nhà hát Ca kịch, mẹ em chưa mất, em đem theo cặp lồng cơm. Còn từ ngày em nghỉ ở nhà thì em nấu ăn cùng với hai đứa cháu.

- Cháu ai thế?

- Con ông anh em. Ông ấy mất đã ba năm. Vợ anh ấy bỏ con đi lấy chồng.

- Em lên xe đi, anh sẽ đưa em đến ăn ở một quán bình dân, quán Cây Xoài, vừa rẻ vừa ngon.

Quán Cây Xoài! Thành phố từ khi vào cơ chế thị trường, các hàng quán mở la liệt và chỉ cần nhìn tên hiệu cũng thấy được không khí tự do dân chủ đã tràn lan xứ sở. Riêng các quán ăn tên đặt phát triển theo hai hướng. Thứ nhất càng thô mãng càng gây ấn tượng. Như Tư béo, Ba mập, Bảy xôm. Thứ hai là tựa vào thiên nhiên thực vật mà làm dấu ghi nhớ. Như các quán Cây Bàng, Cây Dừa, Cây Sấu. Nhưng cây bàng, cây dừa, cây sấu thì khắp phố xá đâu cũng có nên đã trở thành thông thường phổ biến. Riêng quán Cây Xoài thì chỉ có một quán này. Vì thật tình xoài là thứ cây mọc hiếm ở đất Bắc.

Quán nhỏ, mái bằng, bốn bề để trống, lịch sự và giản dị, dựng cạnh một cây xoài, gắn biển tên Việt và tên Anh: *Restaurant Mango*. Mango này thân tày ôm, ngọn đâm cao bằng nhà hai tầng, lá xanh đậm. Lúc này đang là mùa xuân, hoa xoài trắng tinh nở li ti khắp vòm lá, gặp cơn gió nhẹ rơi xuống như tô điểm mặt đất. Hoa xoài tô điểm cả chiếc bàn ăn chúng tôi chọn ngồi. Đại đưa tay phỉa hoa, tôi bảo đừng. Anh nói: “Không thể ngờ, cái hoa bé tí mà kết quả to đùng.” Tôi nghĩ, hoa rụng nhiều hơn hoa kết quả.

- Em thích ăn gì thì gọi đi! Ở đây món ăn vừa rẻ vừa ngon.

Đại nói, nhấn mạnh một lần nữa hai đặc điểm rẻ và ngon của thức ăn ở đây, khiến tôi phải cười thầm. Anh thật thà, vụng về làm sao!

Tôi nói, tôi ăn gì cũng được. Anh cười tán thưởng: “Anh cũng thế.” Vì anh bận lắm, có hôm nấu một bữa ăn hai. Bận đến mức vừa xúc cơm ăn vừa đọc sách. Anh đang làm một công trình nghiên cứu về đặc điểm tính cách người Việt. Công trình có quy mô lớn. Viết ra phải hơn một ngàn trang. Và một khi công trình hoàn thành thì chắc chắn anh sẽ giành được học vị tiến sĩ. Công việc quan trọng bậc nhất hiện thời với anh là tư liệu và câu chữ.

- Nó phải là một áng văn, Yên à! - Anh nói và rót bia cho tôi.

Tôi từ chối, anh uống một mình, uống rất từ tốn, từng ngụm nho nhỏ.

Tôi thấy thoải mái, dễ chịu. Vì thái độ thân tình của anh. Vì bữa cơm giản dị. Thịt chân giò luộc, cá kho, canh rau ngót và cà. Thực đơn như một bữa ăn gia đình. Anh gọi thêm đậu rán và giải thích: Mẹ anh rất thích món này. Đặc biệt anh rất thích ăn ớt. Anh sẽ cả nửa đĩa ớt vào bát nước mắm và gọi nhà hàng cho thêm, rồi vừa ăn vừa xuyết xoa, chảy cả nước mắt nước mũi.

- Em có tưởng tượng được không, có bữa anh chỉ ăn cơm với nước mắm ớt thôi.

Anh nói rồi và cơm. Trông anh ăn rất gọn và ngon như một anh lực điền sau buổi làm cật lực gặt lúa.

Anh vừa rút khăn tay lau mũi vừa vẫy cô phục vụ lại, thoáng chút ngê ngà vì hơi bia:

- Hết bao nhiêu tất cả, cô em?

Rồi phẩy tay ra dáng người đàn ông sang trọng bảo tôi cất đi khi tôi rút ví từ trong xắc tay định lấy tiền trả.

- Dạ, tất cả là mười ngàn năm trăm ạ.

- Hà, có thể thôi à? Rẻ thật, rẻ thật đấy!

Đầu gật gật đắc ý, Đại móc túi lấy tiền. Tiền dính, anh nhấm nước bọt vào đầu ngón tay để dễ đếm, rồi bỗng ngẩng mặt và quay sang tôi:

- Em có năm trăm lẻ không?

Tôi móc túi lấy tờ bạc lẻ, găm mặt, cố nhin cười. Ôi, con người thật thà và vụng dại! Thật thà, vụng dại hiện ra ở cái vóc tầm thước nhưng to ngang, với đôi vai rộng, đôi bàn tay dày có những ngón tay trùng trục của anh. Mặt anh tròn, mắt anh thô lỗ và dưới cái mũi lớn là đôi môi ho hó rất trẻ con. Gương mặt anh bộc lộ tính nết anh. Anh gây ấn tượng đặc biệt với tôi ngay buổi tiếp xúc đầu tiên, khi anh đem một cái quần đến chữa ở tiệm may của tôi. Cái quần dạ không hiểu anh kiếm được ở đâu, thuộc loại ngoại cỡ, quá rộng, quá dài so với thân hình anh. Phải tóp ống, lên gấu, bóp bụng lại. Việc chẳng đáng là bao mà anh hỏi giá. Hỏi giá xong lại mặc cả. Tôi phì cười nói: “Em làm giúp anh thôi.” Đến ngày anh lấy quần, tôi giữ đúng lời hứa, không lấy tiền công, anh gãi đầu gãi tai, rồi bắt tôi phải đi ăn trưa với anh. Năm lần bảy lượt hẹn mới có bữa ăn này.

*

Quán Cây Xoài các trưa thứ Bảy hằng tuần thành nơi gặp gỡ của chúng tôi. Bữa cơm mở lối đi vào trái tim, người đời thường nói vậy. Bữa ăn là khoảnh khắc giao lưu cộng cảm. Qua bữa ăn, con người biết sở thích, tính tình của nhau. Trong bữa ăn, tôi và Đại lần lần hiểu biết hoàn cảnh của nhau. Anh quê ở một huyện nghèo tỉnh Hà Nam. “Quê anh chỉ có mỗi một sản phẩm là đá núi!” Anh nói, rồi tiếp: Vì thế người đi tha phương nhiều. Ông bố anh vào tận Sài Gòn kiếm sống từ năm 1954. Anh vào bộ đội, giải phóng Sài Gòn tìm đến nhà bố thì bố và vợ sau của ông cùng lũ con gái, ông sinh con một bề, đã

đi Mỹ. Anh vẫn nhận được tin tức, thư từ của bố anh. Ông là chủ một công ty ở California. Anh nói: “Chưa biết chừng anh trở thành tỉ phú lúc nào không biết! À, lúc ấy ta sẽ không ăn ở quán Cây Xoài bình dân nữa đâu nhé!”

Tôi cười thâm. Anh hồn nhiên, chất phác ghê. Hồn nhiên, chất phác trong cuộc đời là cái phẩm cách thường thấy ở các nhà nghiên cứu khoa học, các trí thức, văn nghệ sĩ. Vì bao tình anh, hồn vía họ đã trút hết vào công việc và hoài bão lớn lao của họ rồi còn đâu.

Tôi đặc biệt quý trọng những con người như Đại. Có lẽ cũng vì tôi sinh ra và lớn lên trong một gia đình lao động lương thiện, bố mẹ hiền lành, cả đời không biết ganh ghét đố kỵ, làm điều xấu, điều ác cho ai. Tôi học hết trung học, tự thấy có năng khiếu ca hát, thi vào trường nghệ thuật, sau ba năm ra trường trở thành diễn viên ca kịch dân tộc. Môi trường nghệ sĩ tiếng thế cũng là nơi con người sống trung hậu, ngay thẳng, không biết đến sự sai ngoa, cao ngạo, ích kỷ hại người. Trớ trêu, năm hai mươi tuổi tôi gặp phải thằng Sở Khanh. May mà biết nó là thằng Sở Khanh, khi tình yêu của tôi vừa chớm nở với nó. Nó nói năng hoạt bát quá. Nó lại có cái mẽ ngoài ưa nhìn. Nó còn tỏ ra rất hào phóng. Mỗi lần đến chơi là một lần quà tặng, nhỏ là hộp bánh gói kẹo, lớn là cái đồng hồ, cái khăn quàng. Nó lại có chức tước lớn. Mới ba mươi lăm mà đã làm vụ trưởng tài chính một bộ lớn mà không to ư? Lễ dạm hỏi của nhà trai và nhà gái vừa xong thì vợ nó từ nhà quê lồng lên đánh ghen và tố cáo. Mới dạm chân bước vào đời đã gặp quân lương đảo, tôi liêu xiêu cả thể xác lẫn tâm hồn suốt mấy năm trời. Trở lại trạng thái bình ổn thì vụt cái mười năm qua. Hai cái đại tang ập đến. Tiếp đó là cảnh xẻ nghé tan đàn của gia đình ông anh trai với hậu quả tôi phải nhận là một gánh nặng đặt trên vai: nuôi hai đứa cháu. Tôi đã bỏ nghề diễn viên về với cái máy khâu cắt may vặt trong một ngõ nhỏ để nuôi dạy hai đứa cháu nhỏ côi cút. Ba mươi lăm tuổi rồi, đôi mắt đã khía sâu nét nhăn, đời

đàn bà chả mấy chốc mà tàn úa, vậy còn mong gì hơn có được một người đàn ông tử tế, hiền hậu, thật lòng yêu mình và được mình yêu lại làm bạn đời.

Tôi đã yêu Đại.

Tình yêu được ghi dấu bằng nỗi nhớ khi Đại đi xa. Trưa thứ Bảy sau bữa ăn đầu tiên ở quán Cây Xoài một tháng, Đại chia tay tôi đi Sài Gòn, anh nói là đi vì có việc cần và quan trọng. Tôi và anh đã hôn nhau dưới gốc xoài. Và một cánh hoa xoài già đã rơi, đậu xuống tóc tôi.

*

Thời hiện đại, mỗi giây sống dồn nén bao năng lượng khiến cho tôi có cảm giác sau hai tháng xa cách dài dằng, thời gian đã trả lại cho tôi một Đại khác hoàn toàn với Đại tôi đã quen. Trước hết là một giọng nói đầy uy lực, vang vọng khi trưa ấy Đại đột ngột xộc vào nhà tôi.

- Yên! Taxi đậu ở ngoài ngõ kia rồi!
- Em còn phải chờ hai đứa cháu đi học về.
- Ôi trời, chờ thì đến bao giờ. Mà taxi thuê tính giờ! Em có hiểu tính giờ là như thế nào không?

Đại hiện diện nửa cau có nửa náo nức, nét quen chen nét lạ. Gò má Đại trơn lì như vừa được bào giũa. Vệt ria mép lún phún chóm bạc gia thêm vẻ nam nhi phong trần, làm khác lạ gương mặt xưa kia. Bộ *com lê* đen, chiếc *sơ mi* vàng và cái cà vạt đỏ chóa trên người anh trông vừa sang trọng vừa chường chường thế nào. Động tác mu bàn tay phải đập liên tiếp vào lòng bàn tay trái, cùng với nét mặt nhăn nhó biểu hiện nỗi sốt ruột và tiếc tiền của anh với tôi lúc này là điệu bộ xa lạ, nhưng kỳ chưa, vẫn mang hơi hướng quen thuộc từ trong ký ức tôi!

- Đi khách sạn Hồ Gươm!

May mà hai đứa trẻ đi học về sớm và chúng tôi tất tả chạy ra ngõ sau đó có mười lăm phút, Đại trở lại vui vẻ khi cùng tôi ngồi vào băng ghế sau chiếc taxi đỏ chót và ra lệnh cho tài xế.

Bây giờ tôi mới nhận ra hai chiếc nhẫn lớn đeo ở hai ngón tay ở bàn tay trái Đại. Cổ anh thông một vòng xích vàng. Và ở cổ tay trái lủng liếng một sợi xích bạc ky gió theo một thời thượng.

- Sao, em lạ à? - Đại hất hàm, nhìn tôi, vẻ ngạo mạn.

Tôi gật đầu và anh đưa tay quàng vai tôi bóp mạnh, cử chỉ tự nhiên khác hẳn trước, rồi thao thao. Đại vừa có một bước nhảy vọt. Đại đã giàu, rất giàu. Đó là một sự thực, một sự thực đã được phỏng đoán một cách đùa bốn hôm nào. Anh đã được nhận quyền thừa kế một tài sản lớn của bố anh ở Hoa Kỳ. Ông cụ vừa mất. Từ một kẻ nghèo túng anh đã trở thành một đại gia sở hữu một tài sản hai trăm nghìn *đô la*. Nhờ đó anh đã tậu được hai tòa biệt thự ở Sài Gòn và một ở Vũng Tàu. Cười hờ hờ, anh bảo: Con người ta mạnh mẽ nhờ ba yếu tố: trí tuệ, quyền lực và tiền bạc. Giờ, anh không những thoát cảnh nghèo hèn, anh còn là người mạnh mẽ nữa. Vì giàu có là một giá trị lớn hơn tất cả các giá trị khác!

Chúng tôi lên tầng hai khách sạn năm sao Hồ Gươm, tầng sang nhất khách sạn, tất cả đều vàng chóa một sắc màu vương giả, từ khăn trải bàn đến lớp kim loại ốp cầu thang và yếm ngực của các cô phục vụ.

Hai ngón tay nhóp một chiếc nem nhỏ quệt vào bát nước chấm, không mời tôi một câu, Đại đút tằm vào mồm. Đập tay xuống bàn ra hiệu gọi, anh lừ mắt với cô phục vụ, gần:

- Bỏ cái bia phải gió này đi!

Rồi thò tay vào túi, vẫn là cái điệu bộ của ngày còn nghèo túng, kéo ra một điều thuốc lá 555, cắm vào miệng. Tôi vội ngoảnh mặt đi nơi khác. Khổ, tôi có hút thuốc đầu mà anh phải hành động như vậy!

- Này cô kia! - Đột ngột, Đại gõ tay xuống mặt bàn gọi cô phục vụ. Rồi trở ngón tay vào đĩa chả nướng và miếng chả anh vừa nhè ra, hất hàm. - Món gì đây?

- Dạ, đúng món bác gọi đấy ạ.

- Chả này chó ăn nó cũng chê, cô ạ.

Tôi gằm mặt xuống bàn, hai tai như bị vò đỏ rửng. Tôi nghĩ cô phục vụ cũng ngượng như tôi. Quả nhiên, cô bé cũng gằm mặt xuống bưng đĩa chả đi, nhưng vừa đi được hai bước đã bị Đại gọi giật:

- Này, đừng có tính tiền món ấy đấy nhé!

Bàn ăn đặt sáu món chứ không ít. Nhưng Đại không ăn. Có lẽ là Đại đã ăn ở đâu rồi. Còn bây giờ, qua làn khói thuốc anh nghiêng đầu nhìn tôi ăn như người ta ngắm nhìn một con mèo đi lạc đói khát mới tìm về.

- Ô kìa, ăn đi chứ, Yên!

- Em không muốn ăn!

- Ăn đi! Chả lẽ lại cho vào túi *ni lông* mang về à? Ăn đi, em, không phí!

Im lặng. Đại búng tàn thuốc. Tôi lấy giấy lau miệng. Xung quanh năm, sáu chiếc bàn ăn đều trống khách. Tôi có cảm giác trơ trổng và bất bình đẳng trước bao con mắt bí ẩn xung quanh. Khác hẳn những lúc ăn những bữa cơm đơn sơ ở quán Cây Xoài. Cảm giác bất bình đẳng, thấy mình bị coi thường đè ép lên tôi nặng dần. Khi ta bất nhả với bất cứ ai trước mặt người thân là chính ta đang tỏ ra kiêu ngạo với người thân ta đó. Bởi vì khi ta tự cho ta cái quyền được hung bạo là ta đã hạ thấp phẩm cách của người bạn ta. Con người phải biết biểu hiện mình thật đẹp đẽ, đặc biệt là trước mặt người mà ta yêu. Bữa ăn đã để lại cái gì đó thật bất nhẫn trong lòng tôi, khiến mặt tôi như sần sùi nổi mụn.

- Yên này, anh có một điều rất thắc mắc về em.

- Anh cứ nói.

- Là từ khi anh ngộ ý yêu em, không hề thấy em yêu cầu, đòi hỏi ở anh một cái gì cả.

- Ý anh là...

- Phải, ý anh là em cần phải đòi anh mua cho cái này, sắm cho cái kia, em phải biết làm nũng...

Tôi lắc đầu:

- Em không quen thế!

Tưởng Đại tiếp tục truy đuổi, không ngờ anh ngả người, cười hắc một tiếng cụt ngủn:

- Em không yêu cầu gì ở anh. Vậy bây giờ anh yêu cầu, anh đòi hỏi em đây.

Rồi không kịp để tôi kịp chờ đợi, anh đã xích ghế, ghé tai tôi, với một cánh tay quàng qua vai tôi, kéo ép lại.

- Trưa nay, anh về ở với em nhé!

Tôi không hiểu mình đã nói gì, nhưng ngay sau đó, tôi thấy hai con mắt thô lỗ của Đại đỏ vằn lên, anh quát:

- Đuổi cổ hai thằng nhóc ấy đi! Cô nên nhớ chúng không là cái gì với tôi cả. Mà cô cũng nên nhớ: không phải là tôi không có tiền thuê buồng để ngủ với cô. Vấn đề là...

Tôi ngẩng lên, tắc nghẹn nơi cổ họng:

- Anh Đại, anh nói gì thế?

- Tôi nói là tôi có quyền. - Đại đứng dậy, tay chống bàn, mắt gườm gườm nhìn tôi như nhìn một kẻ dưới quyền, một tên nữ nô. - Cô tưởng tôi không kiếm được một con trẻ đẹp hơn cô, hả? Nói cho cô biết, hôm qua có một con mới hai mươi tuổi đến nhà tôi tự nguyện hiến thân cho tôi và tôi đã đuổi nó đi. Cô có biết vì lý do gì không? Nó cởi hết váy áo, nằm lên giường, giơ tay đón tôi, đáng lẽ phải cầm mồm thì nó lại toe toe: “Anh yêu, anh nhớ sang tên cho em cái xe Dream II nhá!” Nó biết tôi đã

lên cục trưởng và còn lên nữa, còn nhiều bổng lộc nữa. Thế là tôi sống lại, quát: “Đứng dậy, mặc váy áo vào! Cút!”

Tôi đứng phắt dậy ngay khi Đại vừa dứt lời và vội đưa hai tay bịt miệng, nhưng không kịp, tôi nôn thốc nôn tháo ra sàn nhà.

Đại đập bàn gọi cô chạy bàn, quát:

- Thức ăn thức uống thế nào mà vừa ăn vào đã bị ngộ độc thế này, hả? Lôi thôi là tôi không thanh toán tiền đâu!

*

Đại nói hôm ấy anh bị say vì mấy ly rượu mạnh uống trước đó. Tôi không đáp. Nhưng không bao giờ gặp lại Đại nữa. Kẻ nghèo hèn gặp cơ hội giàu bốc lên, lại thêm tí quyền hành thì trên cái gốc gác nghèo nàn quê kệch, nó còn sinh ra lắm trò bỉ tiện hơn nữa cơ. Tôi nhớ nhiều đến cơn nôn ọe hôm đó. Kỷ niệm về mối quan hệ của tôi với Đại là một nỗi buồn ngơ ngẩn, may thay vẫn còn bóng một cây xoài lá xanh đậm, mùa xuân hoa nở trắng ngà và vào hè kết quả xanh như ngọc, trông giống hình những nốt nhạc.

8/6/1999

TRÁI CHÍN CÂY

Thật tình là bà cụ Hàn không giấu được nỗi vui khi Quyên vừa ngỏ ý muốn mời mẹ về ở cùng, dẫu rằng là đằng sau nỗi vui vẫn thấp thoáng một chút sương mờ vân vi. Vân vi vì đã ngoại tám mươi rồi. Lưng đã còng. Miệng đã móm, miếng cơm phải đánh nhuyễn mới nuốt được. Và dẫu rằng mẹ già trăm tuổi thì vẫn là thương con tám mươi, nhưng đã như trái chín cây, đèn trước gió, thân mình sống nhờ con cái còn chưa xong, biết giúp gì được cho chúng. Lại nữa, nơi ở hiện thời dẫu có là căn buồng hơi hám, chật chội với bao ỉ eo bức bối trong mối quan hệ mẹ chồng nàng dâu thì cũng đã là quen. Thành ra, mừng thì mừng đấy mà vẫn không thể không đà đặn, đắn đo: “Này, gái này, mẹ biết lòng con rồi, nhưng mà...” Để đến nỗi Quyên sau một hồi tha thiết bày tỏ đã phải nguẩy mặt đi, xẵng giọng:

- Thôi, mẹ đừng có phân vân, nghĩ ngợi gì nữa. Con đã nói chuyện với anh Đăng rồi. Anh ấy đã bằng lòng và hứa sẽ bảo cho chị ấy biết. Hơn nữa, mẹ ở với anh chị ấy đã từng ấy năm. Chả lẽ con lại không trông nom nuôi dưỡng mẹ được ngày nào ư? Với lại, mẹ ơi, con về hưu rồi. Từ nay con không đi làm nữa.

Nói những câu sau cùng, Quyên bật lên nức nở thật bất ngờ, rồi kìm nén lại, cay sè đến mức Quyên không nói thêm được gì nữa. Nhưng từ điểm nhìn nghiêng, thấy mặt Quyên ở

thế bán diện trong trạng thái buồn thăm thẳm là một đường cắt gãy gù, đơn lẻ, xanh xao, bà cụ Hàn bỗng động lòng. Quyên, con gái bà chẳng còn trẻ nữa. Quyên đã bốn mươi lăm tuổi rồi.

- Kìa, mẹ định đi đâu bây giờ?

Đặt hai bàn chân xuống nền nhà, chợt nhận ra giọng Quyên lại một lần nữa như thất thần, tủi phận, bà cụ Hàn liền quay lại, đặt tay lên vành khăn nâu, to tiếng:

- Ô hay, thế mà vừa chẳng bảo với mẹ rằng là mẹ phải đến ở với con ngay hôm nay là gì! Mà tưởng mẹ quyến luyến vợ chồng thằng Đăng lắm à?

Mất ăng ạng lệ, miệng nhếch cười, Quyên đưa tay ôm ngang lưng mẹ. Và bà cụ Hàn chỉ chờ có vậy là kiễng chân lên, co ngón tay lại, cốc khế vào đầu con gái:

- Bằng sao bằng gậy từ lúc nào rồi, còn bé lắm đấy mà mau nước mắt thế!

- Mẹ để con ra ngõ gọi xích lô.

- Vẽ! Đừng chê mẹ còng. Mẹ còn khỏe chán. Mẹ còn đỡ dần được. Mà lấy chồng, để liên hai năm hai đứa mẹ cũng bế ẵm được. Nào, đi!

Hơi chậm chạp vì dò dè khi bước xuống bậc tam cấp thôi, còn thì sau đó, bà cụ bước thoăn thoắt. Cây gậy nhỏ trong tay như chỉ cốt làm dáng. Đã thế, tay lại còn đánh ve vé, dẻo kẹo. Đã thế, gương mặt đầy đặn hồng hào lại tươi mướt như con gái buổi hội hè. Nhất là từ lúc bước vào cái ngõ dẫn vào căn nhà xưa của gia đình, nơi Quyên đang cư ngụ. Thôi thì đủ cả lúu tíu ríu ran đáp trả, hỏi han giải bày, cứ như người thân trong nhà mới đi xa về.

Cũng chẳng có gì là lạ. Vì cũng vẫn là những cụ, những ông, những bà láng giềng xưa rày vốn quen thân. Quen thân từ hồi là con gái dưới ô Đồng Lầm về làm dâu nhà ông Quảng

tài xế xe hỏa ở công ty Việt - Điện trong ngõ này. Cha nào con ấy. Chồng bà cụ cũng một tính một nết như ông bố, hiền lành, mộc mạc, khỏe khoắn như cái đầu tàu. Cả một đời cặm cụi làm ăn, trên kính dưới nhường, không một lời nặng tiếng nhẹ với vợ con. Quen thân lắm đến mức biết hết cả tông ty lai lịch họ hàng gần xa. Biết cả anh con cả tên Đăng ký sư ngành đường sắt, người mảnh mai nhẹ nhõm, kiệm lời, tốt nhin, lấy phải cô vợ mồm miệng vanh vách, chao chát, mẹ đẻ bán thịt quay ở đầu ngõ này. Biết cả Quyên đẹp người tốt nết, tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân, làm việc ở phòng kế toán Nhà máy Cơ khí thành phố, người yêu kẻ chiều nướm nượp vào ra đưa đón mà giờ vẫn lặn lội đường chồng con.

Biết cả, biết hết, nhưng vừa mới đơn đả cất lời chào bà cụ, bà cụ đã đứng lại, sau mấy câu đáp lễ là thông thốc liên hồi. Rằng: “Tôi bỏ vợ chồng thằng Đăng về ở với cái Quyên đây, các bá ạ. Một sự nhin là chín sự lành. Vẫn biết vậy mà không được. Vì rằng nó là cái sự nhận sống với ruồi, tiên ở với cú, người cười với ma. Chứ đâu có phải mình là người độc ác như nó đóng gông sống cho. Nào đâu phải là mình độc ác mà con gái không lấy được chồng! Nó là cái sự quá đáng, các bá ạ. Vì nó đúng là loại đàn ông mắt sâu râu rậm, không biết lễ phép trên dưới là gì.” Ấy thế, đang chuyện nọ lại xọ sang chuyện kia. Đang nói về con dâu, lại nói về cái thằng cha căng chú kiết nào đó, hôm Quyên xuống nhà anh Đăng chơi, mò đến cầu thân. Lừng lững như cây cột nhà cháy đi vào, chẳng chào hỏi ai lấy một câu, hất hàm trích thượng: “Tôi cần gặp cô Quyên!” “A, mày có là ông tướng ông tá gì thì cũng phải hiểu đây là nhà tao. Có mặt tao mà mày ăn nói trống không thế thì có đáng đuổi ra khỏi nhà không? Mày rút ra khỏi nhà tao ngay! Cút! Ấy thế, ngấm đi nghĩ lại thì chẳng ai bằng con gái mình, các bá ạ. Chứ còn con giai ấy à, mình có chết nó cũng bỏ thôi mình đấy. Tôi về là để tôi lấy chồng cho con gái tôi, để tôi chết ở nhà

con gái tôi, như người ta nói, để con gái sướng cho đến lúc chết là đúng đấy, các bá ạ.”

Chà chà... Tám mươi tuổi mà tiếng nói rộn rảng như tiếng chuông. Như phản hồi của một dao động nguyên thủy. Như tiếng dội của một quyền năng. Bà cụ nói như trong cơn thăng đồng.

*

“Thiên hạ nói, để con giai, chết rồi mới sướng, còn để con gái thì sướng cho đến tận lúc chết kia. Là bởi vì cũng thì là con nhưng con gái nó có tình, lại là đồng giới nên nó mới biết thương, biết quý mẹ nó. Lúc mẹ nó ốm đau, nó mới nâng giắc thuốc thang, bụng bô đổ vệt, giặt giũ cho. Chứ còn con trai như cái thằng Đăng kia, tiếng là hiền như đất nhưng trên là giỏi, dưới là vợ nó. Vợ nó là nhất, là người nó còn bận hầu hạ dạ vâng. Đây chẳng phải là ghen, duyên ai phận nấy, ghen mà làm trò cười à. Mà là mục sở thị. Mà vì nó là đứa vai u thịt bắp, ngu si hưởng thái bình. Ăn nói đã chổng lỏn, lại sống lưng, động tí là dài mồm kêu một nhọc. Đàn bà gì mà cơm nước xong, buông đĩa buông bát là ghếch chân lên cái ghế bành, bật ti vi xem ca kịch với biểu diễn thời trang, mặc thằng chồng hiền giả hóa ngu một thân một mình hết cỡ dành con bé lại dạy con lớn học, rồi đến tận khuya còn lụi cùi rửa bát, cọ nồi, giặt giũ cả đồng áo quần, trong đó có cả quần lót của vợ. Đàn bà ấy là thứ đàn bà trắc nết. Trắc nết nên thằng chồng nó ốm đau nhọc mệt có há mồm ra kêu nó cũng kệ. Ốm, khắc đi mà mua thuốc. Có mua cho bát phở thì nguội tanh nguội ngắt, ăn bỏ dở nó cũng chẳng đoái hoài. Nhìn con giai gầy gò vắt vẻo mà ai oán quá, xót xa quá. Khổ! Cũng loại tay thầy thuốc thợ, làm ra đồng tiền bát gạo chứ hèn kém gì. Vậy mà quanh năm suốt tháng quần đi quanh lại vẫn nhất bộ bảo hộ lao động lôi thôi, lếch thếch có khác gì thằng thợ xẻ. Hỏi ra mới biết bao

nhiều tiền lương, tiền thưởng chồng làm ra một tay con vợ thu về hết. Ấy thế, một khi nó giữ quyền thu quyền phát là nó lên mặt choảnh hoảnh làm bà chủ liên. Nó làm bà chủ thì mẹ chồng nó hóa thành kẻ ăn nhờ ở đậu rồi còn gì. Ôi, đã là kẻ ăn nhờ ở đậu thì đáng cay cũng phải ngậm miệng, ăn thì ăn vậy, chứ ngon gì mà ngon!”

*

Bây giờ thì bà cụ Hàn không còn phải chịu cảnh ăn nhờ ở đậu, ngậm đắng nuốt cay nữa. Bây giờ bà cụ Hàn về ở với con gái. Con gái bà mãi mãi là con gái bà, là Quyên dịu hiền, nét na đang cần bà chia sẻ, đỡ đần.

- Mẹ nghỉ đi, để mọi thứ đấy con dọn dẹp cho.

- Để chừng bao lâu nay không ăn cơm nhà, hả? Cái bếp ba tảng muối nhỏ, bắc thối mủn hết cả.

- Một thân một mình tiện đâu con ăn đấy.

- Từ nay, đi đâu thì đi nhưng trưa chiều hai buổi về đây, tôi nấu cho mà ăn. Ăn hàng ăn quán vừa tốn tiền vừa không ra gì, người không xất xeo lại tôi chớ kể. Mà sao ăn ở chẳng được cái nét nào của ba mi. Nhà cửa sao tuềnh toàng, luộm thuộm quá thế. Giá có người đàn ông nào nó thương, nó cũng sợ phát khiếp!

- Mẹ để đấy con dọn dần. Vừa rồi con bận tối mắt với đoàn kiểm tra rồi tiếp đó lại bàn giao công việc để nghỉ hưu.

- Đã đến tuổi đâu mà vội vàng nghỉ sớm thế?

- Chậc! Nó là cái việc không dừng được mẹ ạ. Làm ăn bây giờ khó lắm. Theo họ thì lương tâm mình không yên ổn. Không theo họ thì khó dễ mọi điều.

- Ừ, thì tùy con. À, nhà Tâm bên hàng xóm còn nuôi lợn nái không?

- Còn, mẹ ạ.

- Để mẹ đặt vai nước gạo. Vừa đỡ phí cơm thừa canh cặn, vừa hàng tháng có cái chổi rể họ cho. À, mèo nhà Đăng vừa đẻ bốn con. Phải nuôi lấy một con, sợ mất thì xích vào, chứ tao thấy xó xỉnh nào cũng có mùi chuột, con ạ. Này, để có đến vài năm nay cô mình không quét nhà, hả?

Nghiêng người, ghé mặt, lia ngọn chổi đốt vào gầm chiếc tủ đứng, bà cụ kéo ra một đồng rác tướng gồm toàn giấy vụn, tóc rối và giẻ rách. Hót đi xong, bà cụ lại len vào khe hở ở giữa đầu chiếc giường ngủ và bức tường, đưa chiếc chổi rơm lấp cán dài, quơ mạng nhện. Cái lưng còng gập khiến người bà thu nhỏ lại. Bà len lỏi vào các góc ngách căn buồng. Bà lọ mọ như bò từ góc này sang góc kia. Quét quáy, xếp dọn, sang sửa không chứa một đồ vật nào, bà xa xắn lúc ở trong buồng ngủ, khi ở hàng hiên, lúc ở trong nhà tắm, khi ở dưới căn bếp. Nhất là ở dưới căn bếp nhỏ xíu. Sắp lại bát đĩa, cọ rửa xoong nồi, cạo mặt thớt, lau chùi sàn đá, chỉ một buổi sáng, nhờ tay bà căn bếp nhỏ đã sáng choang vì sạch sẽ và ngăn nắp; và lát sau đã nhộn nhịp vì tiếng mõ sôi nổ lạch tách, tiếng chày giã bậm bịch và mùi vùng rang bốc tỏa thơm lừng.

Đến khi thấy mẹ lò dò từ bếp lên, mâm cơm bung nâng trên tay mà như đội trên đầu, Quyên liền rút bỏ công việc đang làm dở, chạy lại đưa tay đón đỡ; và khi đặt mâm cơm xuống, mở lồng bàn, cảm xúc mạnh nha đã trở thành đậm đà, Quyên chìm ngập hoàn toàn vào mối tình mẫu tử của mẹ, bấy lâu đã trở nên xa vắng do đời sống độc thân, biếng nhác kéo dài.

Mâm cơm thật giản dị, nhưng thật sự là từ bàn tay mẹ. Một đĩa đậu mướt rôm phồng vàng ruộm. Khúc cá thu kho khô đỏ sậm trên lòng đĩa trắng phau. Nhộng rang trong cái bát chỉ xanh. Mấy ngọn rau kinh giới điểm những đường nét xanh lục trên cái nền xanh rền của rau muống luộc vừa độ chín, cạnh một lọ vùng rang thơm phức. Tất cả đều xinh xắn và tỏa ra tình âu yếm rủ rê con người trở về nơi đầu nguồn, miền tuổi thơ an lạc.

- Ba mày xưa chỉ thích món đậu mơ rán. Nhưng nước mắm không có ớt đỏ là không ăn. Kỹ tính lắm. Học được ông ấy chỉ có thằng Đăng. Mà sao cái thằng lại lấy phải con vợ...

- Ô kìa, mẹ ăn đi chứ!

- Tao chả muốn ăn.

- Không ăn sao mẹ bày vẽ ra lắm món thế!

- Dáng chừng bấy lâu có nấu lấy cũng chỉ nhất món thôi chứ gì?

- Mẹ đừng lo cho con.

- Cô tưởng cô lớn lắm rồi đấy hả? Đây, mẹ bảo...

- Mẹ bảo gì con?

Đặt bát cơm xuống mâm, Quyên nghiêng mặt nhìn ra khuôn cửa đã ngập ánh nắng chiều. Quyên biết mình đang ở trong vòng ngắm nghía, dò đoán, dự định, suy tưởng và băn khoăn của mẹ. Gương mặt của Quyên, vóc hình của Quyên, cử chỉ hành vi của Quyên, khao khát ước muốn của Quyên, Quyên biết chưa bao giờ thôi là niềm lo toan của mẹ, cũng như cuộc tình của Quyên suốt mấy chục năm qua gặp ghềnh trắc trở luôn luôn là nỗi khắc khoải nhiều khi gắt gao đến thái quá của mẹ khiến Quyên vừa thấy sung sướng vừa thấy khó chịu, vì có cảm giác mình vừa là người được yêu thương vừa là kẻ bị kiểm soát. Bút ra khỏi tâm trạng lưỡng phân ấy, Quyên liền quay lại, nhìn mẹ, lảng chuyện:

- Thằng Rình con anh chị Đăng hồi này nó học hành thế nào, mẹ?

Đang bóp bàn tay nắm những miếng sém, bà cụ Hàn chợt hăng một nhịp thở, tinh ý nhận ra ngay ý định giải tỏa của con gái, lập tức bắt ngay vào câu chuyện:

- Học đã kém lại mãi chơi. Bố thì cấm cúi với công việc. Mẹ thì có cũng như không!

- Hôm rồi con vào thăm cô bạn làm ở Công viên Thống Nhất. Thấy nó đang tắm ở hồ thả cá với mấy đứa bạn. Gọi mãi nó mới chịu lên. Nhưng lên bờ một cái là díu lấy cô, nâng nấc đòi cô về nhà ăn cơm.

- Ấy, chỉ được cái quyến luyến với họ hàng ruột thịt là không ai bằng! Chả bù với con mẹ nó. Rồi ngày một ngày hai thế nào nó cũng lên đây đòi bà về ở với nó cho mà xem. Nó lên mẹ sẽ bảo nó bắt cho con mèo con đem về đây nuôi, con ạ.

*

Nhưng thằng Rình con trai vợ chồng Đăng chưa kịp lên đòi bà cụ Hàn về ở cùng thì ngày trưa hôm sau, bố nó đã có mặt ở nhà Quyên. Năm mươi tuổi, tóc còn đen, vóc cao, da ngăm, mặt vuông, đường mày, nét miệng ngang bằng, rõ người đúc độ, khoan hòa. Đứng ở hàng hiên, đầu là cửa nhà Quyên đang mở, anh vẫn ý tứ đưa tay khe khẽ gõ nhẹ vào cánh cửa để gọi em.

- Anh vào nhà đi. Mẹ sang chơi nhà bà Tâm bên hàng xóm.

Đang đọc báo, Quyên lỏng ngay ra cửa, vồn vã và nhận ra ngay vẻ lúng túng, ngượng ngập trên gương mặt thuần hậu của anh trai.

- Anh ở Vinh ra thì mẹ đã lên ở với em rồi.

- Em bắt đầu nghỉ việc từ tuần này. Em buồn quá nên...

- Anh biết trước sau thế nào mẹ cũng bỏ anh chị. Anh thì bần bịu quá vì công việc. Cũng chẳng hiểu vì sao lại thế, trong khi người khác cũng cương vị như mình mà họ nhàn nhã, thanh thoi. Ấu cũng là cái số kiếp vất vả! Vì vậy trong chuyện gia đình, anh thật sự chỉ muốn trong ấm ngoài êm. Con người ta, mỗi người một tính một nết. Sống với nhau yêu thương nhau, phải chín bỏ làm mười, không thể kỳ cùng chi li được.

- Em cũng nghĩ như anh thôi.

- Chị Thảo như em biết đấy, không phải là vợ anh mà anh bênh che. Chị ấy xuất thân là người lao động, học hành không nhiều, nhưng không phải là con người độc địa, chua ngoa, không biết điều hơn lẽ thiệt. Căn bản chị chỉ là con người dễ dàng, tuềnh toàng, vô tâm, đơn giản nên nhiều lúc sinh ra vô ý vô tứ, lại mang tiếng là hỗn hào, ỷ thế hành chồng. Mà cụ thì vốn hay xót con. Cũng lại có mặc cảm thường xuyên là mình mất quyền sai khiến, dạy bảo, bị coi thường. Rồi từ đó sinh ra xét nét quá quắt. Đấy, hôm vừa rồi, bà cụ ốm, chị mua tim gan nấu cháo cho cụ, thấy cụ không ăn, chị mới quát: “Cụ muốn chết hay sao mà không ăn?” Nào ngờ cụ làm ầm lên: “Ôi bà con ơi, con Thảo nó muốn tôi chết để khỏi vướng mắt nó đây này!” Anh sợ quá. Khám Đông y ông thầy bảo cụ thuộc đối dương, chân thận kém, phải người ái kỷ gặp cơn nhiều tâm bột phát, dễ bị đột quy lắm.

Vừa dứt lời, thấy máy mất, Đăng liền quay ra cửa. Hóa ra bà cụ Hàn đã dò dẫm trở về từ lúc nào, đang tay chống gối, tay chống gậy, bước lên thêm nhà.

- Mẹ!

Bước ra cửa, mặt râu râu đầy vẻ ân hận, đôi tay Đăng chưa kịp đưa ra đón mẹ đã phải rút lại vì cái gạt tay phũ phàng của bà cụ.

- Chào anh! Anh vẫn còn dám vác mặt lên đây gặp tôi à?

- Kia mẹ!

Bỏ qua lời can của con gái, bà cụ dựa chiếc gậy vào bờ tường, chậm rãi đưa tay cởi cái khăn quàng thâm buộc ở cổ, giũ đánh phạch và ngược lên nhìn anh con trai đang đứng đờ, hai con mắt già quắc lên như hai hạt bạc:

- Anh đã lên đây thì tôi nói cho anh biết, rồi tôi có chết tôi cũng cam. Một là... anh là con tôi. Hai là cái con mặt sứa gan lim ấy nó là vợ anh!

- Mẹ cho con nói.

- Anh đừng giả dại làm ngây nữa. Anh có biết tôi đứt từng khúc ruột như thế nào không? Cái con thần nanh đỏ mỗ ấy nó ngồi chảnh chọe trên cái ghế bành xem ti vi, rồi nó giàng hênh giàng háng ra ngoạo đầu ngoạo cổ ngáy âm âm. Còn anh, mười hai giờ đêm anh còn lọ mọ ngoài sân trong bếp, hết rửa bát đĩa lại giặt giũ, giặt từ cái *xi líp* cho nó. Hừ, ngày nào mới lấy anh, nó như cái sào chọc buổi, giờ nó như chó ghẻ có mỡ đằng đuôi chưa! Rõ là giàu hời, khó phiền chưa! Tôi động nói là anh thanh minh thanh nga cho nó. Rằng nó vốn vô tâm vô tính, hiền lành. Nó hiền lành trước mặt, làm giặc sau lưng. Anh đừng tưởng tôi không biết. Nó cự anh tức là nó cãi tôi. Rằng nó đẻ con, nó nuôi con, nó mệt nhọc, nó có quyền nghỉ ngơi. Ối giời ôi! Đẻ! Đẻ thường thế gian này chỉ có mình nó biết đẻ! Đẻ thường chỉ có mình nó nuôi con!

- Mẹ cho con nói thế này...

- Anh hãy về nói với con vợ anh ấy. Anh hãy hỏi nó xem. Có phải nó bảo tôi lắm điều nhiều lời, là ngựa vảy húng dừ không! Ôi giời! Nó bảo rằng tôi đâm bị thóc chọc bị gạo. Rằng tôi xui chồng nó bỏ nó, rằng chửi gần chửi xa để nó đau buồn đến nỗi có lần phải sẩy thai!

- Mẹ!

Cả Quyên và Đăng cùng thất thanh. Nhưng cả hai người con đều bất lực, họ không thể kìm giữ bà cụ. Cơn giận dữ được nuôi dưỡng bằng tiếng vọng động trong ký ức đã bột phát. Bà cụ đẩy hai người con ra, hai bàn chân giậm lạch bạch liên hồi và tiếng nói như âm thanh vọng lại từ quyền năng siêu thường, rang rang hơi đồng:

- Thằng Đăng kia! Con vợ mày là con quạ mượn lông công, ngoài hình xinh đẹp trong lòng xấu xa. Mày được cái l. xỏ rồi nên mày bỏ cái l. chui. Mày là đứa úp mặt vào l. vợ. Nhưng mày phải nhớ, dù bây giờ mày là ông gì thì mày cũng từ lỗ đít tao chui ra nhé!

Câu nói bạo liệt trong cơn phẫn khích đã rút kiệt sức lực bà cụ. Thấy mẹ tắc nghẹt như ngạt thở và loạng choạng chực ngã, Quyên vội ôm chầm lấy bà cụ, rồi cùng anh trai đỡ mẹ lên giường nằm. Bà cụ nằm cong queo như cái rễ cây khô quắt. Không thể hiểu nổi, vì sao mẹ lại có thể trở nên tai ngược đến mức quái dị, phi phạm như thế. Hai anh em vừa kinh hoàng vừa lo sợ nghĩ đến mẹ với cái kết cục bi thảm của cơn nhiều động tâm thể đã được báo trước.

*

Hóa ra cơn nhiều động của con người ái kỷ chỉ là một thoáng phù du của đời sống hiện thực, không dẫn ngay đến một kết thúc đau buồn nào. Sáng hôm sau, trở dậy, bà cụ Hàn lại tỉnh táo như thường khi, chuyện xảy ra hôm qua như chuyện của kiếp trước, lại thấy bà cụ rập mình lia từng nhát chổi trên sân và lát sau, cắp cái bị, lưng còng gập, cổ ngồng như con cò lò dò đi chợ. Chính Quyên cũng đã có lúc cố tình khuây quên, gạt đi những cảm giác xa lạ để hưởng trọn vẹn một đời sống tràn đầy tình yêu với mẹ.

Tuy nhiên cuối cùng thì soi chiếu vào bức tranh hiện thực chi li của những ngày vừa qua trở lại nơi đầu nguồn, trong mịt mù và hoang mang, đã có lúc Quyên tự hỏi: Mẹ vẫn là mẹ, bao giờ cũng là mẹ thân yêu, nhưng sao có những lúc mẹ lại như là tự phủ định mình? Hay đó là sự phân thân vốn dĩ ở con người? Mẹ vừa là người mẹ thân thương vừa là con người ích kỷ, vừa là người mẹ bao dung cao cả, nhưng cũng là người mẹ chuyên chế, hẹp hòi, cay nghiệt, thích chiếm đoạt, độc quyền, luôn luôn muốn ghìm con cái ở trình độ con trẻ? Hay trạng thái đối nghịch song song ấy chỉ là nhất thời, phản ánh cơn nhiều loạn tâm thần khi tuổi già bước vào thời đoạn tính khí thất thường, trái tính trái nết? Đang “mẹ mẹ con con” thoát cái bà cụ lại

“chị chị tôi tôi”. Hiền từ đấy mà nanh nọc ngay đấy. Vui vẻ đấy mà lập tức vì những duyên cớ không đâu, là đối mặt dần dần như con trẻ ngay được.

Đó là một buổi chiều sớm đông, gió bắc ù ù thổi vào ngô lạnh rượi, Quyên đi thăm bạn về, thấy mẹ đắp chăn kín đầu, nằm một khối tròn thu lu trên giường, đã chợt dạ sinh nghi.

- Mẹ, mẹ làm sao thế?

Ngồi xuống cạnh giường, lật chăn, Quyên chưa kịp sờ đầu mẹ đã thấy bà cụ chống tay ngồi dậy, thao láo hai con mắt, giọng ráo hoảnh:

- Tôi chả làm sao cả. Chị nhấc thằng Rinh lên đây cho tôi.

- Mẹ gọi thằng Rinh lên làm gì?

- Tôi gọi nó lên, tôi dặn dò nó. À mà khoan. Tôi hỏi chị, chị có biết khi chị đi vắng, có một người đàn ông đến tìm chị không?

- Ai thế hả mẹ?

- Trông thì nhang nhác như đã gặp ở đâu đó nhiều lần rồi. Xưng là Thạc, nói là bạn cũ, thân thiết với chị. Tôi thấy cũng là người hiền lành tử tế, chứ không như cái gã rậm râu sâu mắt hồi nào đâu. Nhà chả còn ấm chè nào, tôi phải nhảo sang hàng bà Tâm mua một hộp chè xanh, giá hai chục ngàn.

- Đây, con trả tiền mẹ đây. Anh ấy là bạn cùng học hồi ở đại học, rồi cùng làm việc ở Nhà máy Cơ khí, sau anh ấy chuyển vào Đà Nẵng.

Cơ hai chân, vòng tay qua hai ống đồng như hình cái chum, bà cụ ngất ngư:

- Thôi, chị cứ cầm lấy tiền đi. Tôi coi như cho chị vay. Chị Quyên này, đêm qua tôi nằm tôi nghĩ. Không hiểu chị còn nhớ không, chứ tôi thì tôi nhớ như in. Là cái năm chị vừa tốt nghiệp trường Đại học Kinh tế. Ba chị mất đã lâu rồi. Người ta phân công chị lên làm trường Hữu Lũng trên Lạng Sơn. Tôi phải đưa chị đi. Lúc tôi về, chị cứ níu lấy tôi, nước mắt ngấn,

nước mắt dài. Tôi thương chị quá nên về đến nhà tôi lại phải lồng lên, nhờ ông trưởng ga Lạng Sơn vốn quen với ba chị, để ông ấy nói với ông giám đốc lâm trường để chị chỉ phải công tác ở nơi rừng xanh núi đỏ đó hai năm thôi.

- Con nhớ!

- Chị có nhớ không? Cái lúc Tàu đổ ở Bắc Giang, chị bị kẻ cướp nó rạch túi lấy hết cả tiền. Chị khóc òa lên. Tôi phải cho chị năm mươi đồng. Năm mươi đồng lúc đó là hai chỉ vàng. Chị còn nhớ là hồi thằng Đăng lấy vợ tôi cũng cho con vợ nó cái nhẫn hai chỉ không?

- Con nhớ chứ!

- Chị và thằng Đăng nói thế chứ có nhớ gì đâu. Ngày giỗ ba chị sắp tới rồi mà tôi không có thấy chị hỏi tôi qua một lời là thế nào? Tôi nằm mê thấy ông ấy hiện về, đến bộ quần áo bảo hộ lao động cũng không có ở trên người. Ông ấy đói, ông ấy rét. Ông ấy đứng ở cửa khóc. Thì ra tháng Bảy vừa rồi anh chị mãi làm mãi ăn, không làm lễ cúng cơm cúng cháo cấp mã cho ông ấy. Khổ thân ông ấy. Còn nhớ năm nào không, tôi tin anh chị, để anh chị lên chùa cúng phổ hệ gia tiên, anh chị tiếng là có làm lễ cấp mã cho ông ấy, nhưng lại quên không gửi tặng sớ giả là ông Vũ Lâm coi kho nên ma đói, ma khát nó xông vào cướp hết cả.

Vừa nói bà cụ vừa đưa tay sờ rằm đầu giường tìm cái túi nhỏ đựng đồ nữ trang, đặt chân xuống sàn nhà. Thờ cơ Quyên liền chen tới, đà đặn:

- Con có điều gì không phải mẹ cứ bảo con.

- Chị có nhớ bữa cơm chiều hôm qua không? Chị xới cho tôi một bát cơm đầy. Tôi hỏi vì sao lại xới nhiều thế. Chị bảo: "Vì con muốn mẹ ăn nhiều để mẹ khỏe, mẹ sống lâu với chúng con." Tôi ứa nước mắt sung sướng, vì chị là đứa con hiếu thảo. Thằng Đăng là đứa ăn không biết giở đầu đũa. Nó chỉ phục dịch con vợ nó, tức là l. cười với cu thôi.

- Chúng con không yêu mẹ thì yêu ai!

- Chị đừng nói thế! Chị tưởng tôi không biết gì hay sao?

- Giờ con nói một ví dụ để mẹ nghe nhé. Mẹ ốm, con nấu cháo cho mẹ, mẹ không ăn. Con sốt ruột sốt gan, con lo lắng, con xót xa, con gắt: “Mẹ ơi, mẹ thích ốm mãi hay sao mà thế!” Thế là con yêu quý mẹ hay con ghét bỏ mẹ nào?

- Từng này tuổi đầu, kể miệng lỗ rồi sao tôi không biết. Con vợ thằng Đăng nó xối cho tôi bát cơm chỉ lưng lưng một thôi. Tôi biết ý chứ. Là nó muốn tôi phải ngửa tay xin nó, để tôi ngượng vì mình ăn nhiều.

- Ối mẹ ơi, nếu cứ kiểu suy luận như thế thì mẹ cũng có thể nói: “Con Quyên nó xối bát cơm đầy cho tôi là nó có ý bảo tôi ăn tham, ăn lấp mầy lấp miệng.” Nhưng thôi mẹ ơi, con nghe mẹ, kiểu gì thì mẹ cũng là mẹ con. Xanh mẹ bảo là đỏ con cũng bằng lòng.

Cười vui, Quyên vòng cả hai tay ôm lưng mẹ và dịch sát mình dụi mặt vào vai mẹ. Cảm nhận ngay được sự triu mến của con gái, bà cụ quay lại, đưa tay quệt đuôi mắt và ngược lên đôi mắt già đã nhót nhất ánh lệ, giọng hạ xuống trầm trầm:

- Quyên à, mẹ còn khỏe. Mẹ sẽ giúp con. Cái số con không được thông dong. Đó là nợ nần con phải gánh trả. Họ tộc nhà mình, có một năm ông tổ làm liên ba đám cưới. Thế là tham. Nên giờ con phải chịu hẩm phận. Vậy con cứ ăn bớt bớt, nói bớt lời rồi giờ sẽ thương con.

- Con hiểu.

Khe khẽ đáp, Quyên nhận ra hai con mắt mẹ như soi vào mắt mình, vừa dịu dàng thương mến, lại vừa quyết đoán, hà khắc. Quả nhiên, Quyên đã không lầm. Trạng thái lưỡng phân đã thể hiện ngay ở giọng nói dứt nổi, bất định của bà cụ:

- Con ơi, nước mắt chảy xuôi, mẹ không thương xót các con thì còn thương xót ai. Bây giờ mẹ về đây với con, để lo toan việc

chồng con cho con đấy, Quyên à. Ừng ai, con cứ lấy đi. Như cái anh Thạc vừa rồi ấy. Mẹ hỏi thì biết anh ấy có ý mến con. Mà hai đứa yêu nhau từ mấy chục năm rồi mà sao không nên vợ nên chồng là do trắc trở gì? Cứ cho mẹ biết mẹ cõi gỡ cho. Lấy chồng rồi, con cứ đẻ đi. Cứ đẻ đi! Đẻ một, hai, ba đứa ngay một chắc cũng được. Mẹ sẽ bế ẵm chúng, nuôi dưỡng chúng. Nhưng mẹ nói trước, lấy những người như anh Thạc thì được, chứ với những thằng đàn ông như gã rậm râu sâu mắt là bị mẹ đuổi ra khỏi nhà đấy. Tao ngồi đấy mà nó đứng ở giữa nhà, nghênh ngáo hất hàm: “Tôi cần gặp cô Quyên!” A, mày tưởng mày quyền cao chức trọng là mày muốn xác láo ngạo ngược ra sao cũng được à? Con tao là cành vàng lá ngọc. Chứ mày với con vợ thằng Đãng đừng có hòng bén gót. Mày đòi lấy con tao thì để tao chém chết nó đã. Tao phải chém chết nó!”

Bỗng dưng như bị một sức đẩy vô hình, bà cụ bật ra khỏi Quyên cùng với hàng khuy áo buột mở, để hở một vùng ngực già nhăn nheo cùng cặp vú beo chảy dài, thâm sì. Tình yêu luôn bị tuyệt đối hóa và chuyển đổi liên tục các trạng thái biểu lộ. Và như bản chất của nó, những khát khao bao giờ cũng đòi hỏi thỏa mãn ngay tức khắc, bà cụ ưỡn ngực thật thẳng, bất thành linh gào lớn:

- Quyên! Mày hãy trông đây. Chúng mày đã hút cạn sữa của mẹ. Chúng mày là con của mẹ, phải ăn nhờ mẹ. Phải nghe mẹ, Quyên à.

- Mẹ!

Cùng với tiếng thét kinh hoàng, Quyên vội xáp tới đỡ vai mẹ, vì bà cụ đã ngật đầu ra sau, mắt nhắm nghiền, miệng há tròn, tiếng nói phều phào thoát ra như tiếng vọng lại từ một nơi xa thẳm mỗi lúc một sai lạc, nhòa mờ.

Bà cụ Hàn mất vào hồi nửa đêm. Cái chết được giải thích, là cơn đột quỵ, hậu quả của một chấn động tâm thể ở một cơ thể già nua mang những khuyết tật của tuổi tác và khí chất. Quyên chỉ biết mẹ mất khi theo thường lệ trở dậy lúc sáu giờ đến vắt màn đánh thức bà cụ.

Bà cụ Hàn đi về cõi hư vô trong thế nằm co, nghiêng một phía. Lưng cong một bán cung, tay chân quắp chặt, thu lại trước ngực, thể hình giống như một trái quả. Trái chín trên cây đã tròn đầy chín nục, chín nẫu và đã tự rụng. Tình yêu đã đi đến đầu mút của sự biểu hiện. Chứ không phải chỉ là cơn động loạn tâm thể thông thường của một kẻ ái kỷ cực đoan. Vì tình yêu, nói cho cùng, chính là nỗi đam mê cá nhân với cá nhân, ngay cả khi được chiều sâu tình cảm điểm tô thì cũng vẫn là những tình cảm tự nhiên của cá nhân. Tình yêu được thực hiện trong nguyên lý danh dự. Nó không sống cho riêng nó. Nó tìm thấy ở người khác nguồn gốc tồn tại của mình. Nó vui sướng và đau đớn vì sự thể hiện ở người khác. Nó là ngọn đuốc cháy ở người khác. Huống hồ đây là tình yêu của mẹ với con, một sứ mệnh trần thế cao cả, một tình yêu thực sự là một cơn giằng xé quyết liệt từ trong tâm linh, nó đòi hỏi trọn vẹn, tuyệt đối, nó vô hạn và triệt để tự do.

Nhận ra độ sâu tận cùng của cái chết tử vì đạo của mẹ, Quyên gục trên thân mẹ, vật vã:

- Ôi mẹ ơi, sao mẹ tôi khổ thế này! Ôi mẹ ơi, mẹ mất rồi, con còn có ai ở trên đời này áp ủ chỗ che chỉ bảo cho con nữa, mẹ ơi! Sao sống khổ, chết khổ thế này, hả giờ!

Đắm chìm trong xót đau, Quyên không nhớ đến cả việc báo tin cho gia đình anh trai biết, nhưng khi ngẩng lên đã thấy căn nhà lạnh băng nhập nhòa bóng người ruột thịt thân quen. Mặt bần thần, hai mắt quíp thâm quầng, Đẳng ngồi xuống bên mẹ, cạnh em, giọng như đang trong chiêm bao:

- Đêm qua quăng gần sáng, con bỗng thấy người bồn chồn không sao ngủ được. Con liền trở dậy định sang với mẹ ngay, mẹ ơi! Quyên em ơi, qua cầu nào biết cầu ấy, giờ mới hiểu mẹ thì mẹ không còn nữa, ơi mẹ ơi!

Trần ngập trong căn nhà cảm giác tê dại về sự hụt hẫng, mất mát, mọi người vừa đánh mất một cái gì đó quá lớn lao chỉ có thể ví với sự đánh mất Thiên đường hay thời đầu nguồn trong trẻo của con người. Thành Rinh gầy gù đứng úp mặt vào tường, nó run bật bật và vừa ti tỉ khóc vừa gọi “bà ơi”, tiếng như mê hoảng.

Vợ Đăng tóc rũ rượi, quần xốc xếch, áo xống xềnh, mặt tròn trịa đầm đìa nước mắt, ngẩng lên giọng thật tỉnh táo:

- Anh Đăng, cô Quyên. Lấy ít gừng giã ra cho vào rượu rồi bóp tay chân cho bà duỗi ra. Để ít nữa là khó đấy.

Rồi quỳ xuống chân giường bà cụ, vợ Đăng lên giọng thật thống thiết:

- Ôi mẹ ơi, sao mẹ nỡ bỏ chúng con mẹ đi, mẹ ơi! Chúng con non người trẻ dạ, ăn không biết đường ăn, nói không biết đường nói! Không có mẹ lấy ai là người dạy bảo chúng con, mẹ ơi...

20/11/1998 - 15/8/2013

THẦY THẾ ĐI CHỢ BÁN TRỨNG

Ai ơi chó lấy thầy đồ.

- Anh còn nhớ chỗ em vẫn ngồi bán hàng không? Ở khu vực thực phẩm, bên cạnh là cô bé Thuận bán đậu phụ ấy. Anh đi cẩn thận khi qua cái cầu sắt, có chỗ mục ả rồi, khéo tụt chân xuống thì khổ!

Nâng cái làn cói đầy ấp trứng gà lên, ngoắc vào ghi đông chiếc xe đạp, còn cố quai tay ra sau rút một quyển sách dày cộm vào túi quần, thầy Thế mới quay lại nhìn vợ, gật gật đầu:

- Em cứ yên tâm, đừng lo gì cho anh cả.

- Kìa, đã đi bán hàng lại còn mang cả sách đi theo để đọc! Quyển gì thế? Không rời ra được à? Hay là thôi, nghỉ một buổi cũng đã sao nào!

- Chậc! Quyển sách bàn về văn học của Jean-Paul Sartre anh mới mượn được ấy mà. Không sao đâu. Nhưng mà chân em hôm nay thế nào rồi?

- Hơ lá láng không ăn thua. Nhưng già nghề đắp lên thì thấy êm êm, không đau nhức nữa, có lẽ chỉ trưa nay là em có thể nhúc nhắc được rồi.

- Nhúc nhắc là nhúc nhắc thế nào. Bong gân, kinh nghiệm rồi, phải án binh bất động ít ra là một tuần.

- Tuổi tác rồi, sợ ý bước hụt một cái là mang họa cho cả anh. Thật tình, để anh đi, em áy náy lắm.

Rút phụt cuốn sách ở túi quần sau, chạy vào nhà đặt lên bàn, thầy Thế quay ra, nắm ghi đông xe, quay lại nhìn vợ, mắt hấp háy ánh cười:

- Thế nào, hết áy náy chưa, đã yên trí chưa? Ui dào, bán mấy quả trứng mà lại toàn khách quen của em! Khó đến dạy ngữ pháp Việt Nam anh cũng còn chẳng sợ nữa là. Thôi, nắng rồi, anh đi đây!

Chiếc xe lăn theo sức đẩy của hai cánh tay gầy.

Đường làng khắp kênh mất một quãng. Lại gặp cây cầu sắt cũ và hai cái làn trứng ngoắc hai bên xe kênh càng quá nên tay lái có lúc bị kẹt cứng rất khó điều khiển. Nhưng rồi cũng quen, nhất là khi xe đã lăn trên khúc đường nhựa đầu làng.

Tuy vậy từ đây, thầy Thế có cảm giác ngất ngư là lạ như đang ở trong một thực tại chưa từng được biết đến. Chưa từng biết đến cả đám sương mù dày đặc phủ kín những khu vườn quả, tiếng bánh xe lao vun vút qua hai bên như những sinh vật đang ra sức bày tỏ ý chí của mình bằng hành động. Chưa từng biết đến, rồi sẽ có lúc mình bước vào cuộc mưu sinh, nghĩa là tạo ra một bản chất mới cho mình, bằng việc đi chợ bán hàng thay vợ như lúc này.

Hừ, sáu mươi hai tuổi, rồi bực giảng đã hai năm trời, là người lao động tự do rồi, thế mà mới nhóm chân vào cuộc kiếm sống đã thấy ngượng ngập, lạ lẫm quá! Nhâm, vợ thầy, giản dị hơn. Mới buôn viên phấn, vở soạn bài một tuần, cô đã thon thón hai đầu đòn gánh hai sảo đậu giá ra chợ xã, tìm chỗ ngồi, hớn hở chào mời: “Em mua giá cho cô đi! Giá cô ngâm nước sạch đấy!” Ấy thế! Phụ nữ chính là bản thân cuộc sống tự nhiên vậy. Họ ở trong lòng nó, họ sống với nó. Ngơ ngác là cái anh đàn ông. Dang dang dở dở là cái anh đàn ông. Ngang ngang ngửa ngửa là cái nhà ông giáo về hưu ở thôn quê! Ở đây

trẻ con chẳng cần học thêm làm gì. Chúng đào đâu ra tiền để trả công cho thầy. Mà thầy thì ngoài công việc dạy trẻ con học ra còn làm gì nên? Quét cái nhà còn bẩn. Giặt quần áo xong, vợ còn phải giữ lại. Cả đời mới chỉ làm đến chức tổ phó công đoàn phụ trách việc thu đoàn phí mà cứ nhăm lẩn lung tung cả. “Chỉ được mỗi cái tài dạy văn, chỉ được mỗi cái đầu ngẫm nghĩ giỏi hơn người thôi, ông ơi!” Cô giáo Nhâm rên, trách yêu chồng. Trách yêu thật! Vì học trò trong lớp ngồi nghe thầy giảng mà cứ như nhập đồng vào một thế giới khác. Mê mẩn cả tâm trí, có đứa mắt gà gà sắp ngủ, bị hỏi còn đồ tại vì thầy dạy hay quá. Trách yêu thật! Vì đó là cái đầu có sức nghĩ sức cảm sâu xa khác thường, như nhìn qua hoa hồng thấy sự thủy chung, nhìn quả trứng thấy con gà sắp nở và cái lý sự con gà có trước hay quả trứng có trước?

- Chào thầy Thế! Thầy thay cô đi chợ đấy à?

Chiếc xe như vấp phải vật chướng. Nhìn sang ngang, thầy Thế cố giữ vẻ tự nhiên. Lời chào hình như phát ra từ một cái quán bên đường tùm tùm bốn, năm người đang vây quanh cái bàn cờ tướng vẽ trên nền đất. Hình như thôi, vì thấy trong đám đông chơi cờ ở cái quán nọ, hình như có bộ mặt rất xác xược của Khởi, gã thuế vụ, tên học trò bất trị ngày xưa của thầy. Hình như thôi, vì nó giống như từ tâm trạng thầy phát ra, và giống như một lời động vọng vắng tối và ngay sau đó, nghe thấy tiếng còi xe máy thúc ở phía sau, thầy liền gật đầu nhẹ một cái để giữ phép lịch sự rồi đẩy chiếc xe đi, với cảm giác như đã bước lên bục giảng, nghĩa là vào cuộc rồi.

Sương đang bốc lên từ mặt đất như một hồn thơ phiêu lãng. Bên trái là dãy hàng quà sáng nhộn nhịp đông ken thực khách. Phở, bún, bánh cuốn, mì vằn thắn, bún chả, xôi giò, bánh bao ngào ngạt mùi vị. Như một vế đối, để chứng tỏ rằng sau cái ăn là cái mặc, đối diện với dãy hàng quà là dãy áo quần mùa đông đang ra sức phô trương màu sắc và kiểu loại. Treo trên dây căng, mắc áo, chất chồng tú ụ từng đồng như rau dưa,

hoặc gấp nếp xếp từng hàng tằm tấp là áo quần đủ kiểu, từ *măng tô*, vét khuy chéo, *blouson*, tối *sơ mi*, áo lót, *xu chiêng*, quần sịp của các hãng nội địa, của Mỹ, Thái, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan. Chợ quê mà sang quá! Đang cũ rét, hàng nào cũng đông. Nhất là hàng thùng, hàng *second-hand*. Trông hơi cũ một tí nhưng chất liệu vải ngoại, kiểu dáng và màu sắc lạ mắt. Dãy hàng này vừa xuất hiện ở bên cổng chợ đã như một tú thơ rủ rê hồn người, khiến thầy vội bóp chặt tay phanh để hãm chiếc xe trứng lại; mãi nhìn mấy cái áo quần nọ, suýt nữa thì thầy đâm phải một gánh rổ rá ở bên phải đường.

“Chỗ này đây!”

Như đã tìm được chủ đề của bài thơ, thầy Thế cho dừng xe đúng vào khoang đất trống ở đầu dãy hàng thực phẩm tươi sống. Dựng chân chống, mắt môi mắt lợi, nhưng gượng nhẹ nhấc hai chiếc làn ra khỏi ghi đông xe, đặt xuống đất, thầy thở phào. Thật khéo, vừa lúc một thiếu nữ áo len màu huyết dụ, tóc búi cao, mặt nhẹ nhõm, chạy từ trong chiếc lều lợp tôn ra, miệng kêu liên tiếp: “Để em đỡ một tay”, rồi hai tay hai làn trứng nhanh nhẹn xách vào.

- Chỗ ngồi của cô em ở đây ạ. Em tên là Thuận, học trò cũ của cô. Thầy dạy lớp trên chắc thầy không biết em đâu. Cô đau thế nào, hả thầy? Thầy vào trong lều này, ngồi nghỉ, để em xếp trứng ra cho.

Nhanh nhẩu và khéo léo quá. Thò tay vào trong làn, nhấc ra, làn nào cũng như làn nào, năm quả trứng xinh một ổ gọn trong bàn tay xòe của Thuận lại được đặt êm ru xuống lòng một cái sảo tre lớn. Lúng túng, thầy Thế chỉ còn biết đứng nhìn. Rồi sau một lần Thuận giục nữa, thầy đành bước vào trong lều.

- Trứng bán thế nào đây?

Hàng vừa bày xong đã có khách. Nhìn ra, thầy Thế thấy một thiếu phụ, váy dài xẻ cạnh, áo *măng tô* tím, kính râm to,

vai tòng teng chiếc ví đầm, điệu bộ rất đài các. “Câu khai đề thế là đã có rồi đây.” Thầy Thế nghĩ vui vẻ, nhưng chưa kịp đáp, Thuận đã ngẩng lên, nhanh nhẩu:

- Trứng tươi lắm. Cô mua mở hàng cho cháu đi!

- Tươi hay là ung thối?

- Bốn trăm quả, cháu soi không sót quả nào. Quả nào cũng trong suốt, không hề có tí tia dây nào đâu cô ạ.

- Không khéo bị mày lừa, trứng gà ta không mua lại mua phải trứng gà Tam Hoàng thì bỏ mẹ.

- Cô ơi, trứng gà Tam Hoàng trông cái là biết ngay chứ. Trứng gà ta hai đầu nó thon thon thế này cơ mà.

Kéo váy, người thiếu phụ ngồi xuống. Môi bùi bùi như phải làm một việc cực chẳng đã, tay trái ôm ví, bàn tay phải có hai cái nhẫn mặt ngọc to sêu, xanh đỏ cạnh nhau, lẩn rờ trên sảo trứng, rồi bất ngờ giật lên như chạm phải gai, chùi vào cặp sảo, nhăn nhó:

- Khiếp quá! Trứng dính cả c. à? Trứng này thì bán bao nhiêu?

- Cô ơi, cô cứ đi khắp chợ mà xem, chả có hàng nào được như của cháu đâu. Cô lấy cho cháu đi! Đúng giá mười ba, cô ạ.

- Mười ba? Mày bán cho ai giá ấy?

- Cô ơi, giá ấy là mềm nhất rồi đấy, cô ạ.

- ĐỪNG có qua mặt tao! Ranh con! Nói thách tao vạch vào mặt bây giờ. Chín rưỡi!

Quái, sao lại có cảm giác như đang đọc một đoạn kịch ấy nhỉ? Thầy Thế nheo mắt. Thầy nhận ra cái mặt vênh vênh, cái điệu bộ, cái giọng nói ngoa ngoắt của ả khách kia sao có nét quen quen. Hay là cô ta từ một trang văn nào đó bước ra?

- Tao cho mày nói lại. Bao nhiêu?

- Cháu không nói thách đâu, cô ạ.

- Thì một chục chẵn đấy. Mà định chém đẹp tao bao nhiêu nữa, hả con ranh?

- Cô ơi, cô chửi thì cháu nghe, chứ không có giá ấy cô ạ. Cô xem trứng cháu mười quả như cả mười. Cô cứ lấy đi. Nếu cô mua ở đâu rẻ hơn thì cô đến giả lại cháu, cháu xin làm con cô.

Hừ, một tiếng kêu đau đớn là dấu hiệu của nỗi đau. Nhưng một tiếng hát đau đớn thì vừa chính là nỗi đau vừa là cái gì cao hơn nỗi đau. Thầy Thế nghĩ tới một câu văn trong một cuốn sách lý luận văn học, và nhìn theo người khách đàn bà nọ quay ngoắt đi, thầy bỗng chưng hửng vì Thuận vừa phúi tay đã chửi ả nọ là “con đĩ, mới sớm ra đã ám hàng bà”, vừa xé mảnh giấy báo, bật lửa đốt, huơ trên mặt hai sảo trứng, miệng lầm nhảm như đọc thần chú, rồi bất thành linh nhấc một bên chân ném tờ giấy đang cháy nọ qua háng mình. Động tác đột vĩa đột vang ấy là lạ với thầy Thế, nhưng thầy nhận ra nó đã đem lại hiệu quả rõ rệt. Chẳng khác gì một nhân vật kịch từ cánh gà bước ra sân khấu, khách là một người đàn ông đội mũ cối từ hàng bên đã bước tới. Và ông mới chỉ kịp nói: “Cho tôi ba chục quả nào”, thầy Thế đã bật reo to:

- Kìa, ông Chủ tịch Quát.

- Ôi, thầy Thế! Sao lại gặp thầy ở đây nhỉ?

Thuận cười cười:

- Để em chọn cho bác Chủ tịch huyện nhé! Thầy cứ nói chuyện với bác đi.

- Chủ tịch huyện gì nữa đâu. Về hưu nửa năm nay, giờ là phó thường dân rồi. Nghĩ cũng có cái sướng của nó, thầy Thế ạ. Cô đâu mà thầy phải đi chợ?

- Nhà tôi bước hụt xuống cái rãnh nước, bị bong gân chân. Thế em Tường có được đơn vị cho nghỉ phép Tết không, bác?

- Dạ, em nó mới về hôm qua. Tít tịt Trường Sa, lại đang lúc phải trực chiến, được về phép coi như được đơn vị khen

thường. Cháu nó được phong trung úy rồi. Về đến nhà là hỏi thăm thầy cô. Để tối nay em nó sang thăm thầy cô nhé!

Ba chục quả trứng đã được bọc gọn trong túi *ni lông* trao cho khách. Thuận nhận tiền, dúm vào túi áo vét của thầy Thế, khe khẽ: “Thầy giữ cẩn thận. Kẻ cắp ở đây sẵn lắm đấy!”

Nắng đã hoe vàng trên nóc các ngôi chợ xây. Ông Quát đi thì lớp khách khác đến. Đến cùng một lúc những ba người. Đến là ngồi xuống tự chọn, rồi móc túi trả tiền, không mà cả, so đo. Chà! Ba người này vừa đi thì đồn đến mấy người khách đi xe *mini*, đi xe máy. Thì ra đa phần là khách quen. Khách quen là khách nhớ nhà hàng, là khách tin cậy. Tin cậy ở cô giáo. Cô giáo không bao giờ sai ngoa. Khách quen đến là bảo: Đếm hộ chục quả, hai chục quả, không yêu cầu chọn lựa. Có người đến trả nốt tiền hôm qua còn thiếu. Cũng có người nắc nỏ khoe rằng hôm qua mua được mấy quả hai lòng hoặc hên ngày ấy ngày nọ để dành cho mấy chục quả thật tươi. Cũng có nhiều người trả tiền xong, ngừng lên nhìn mặt Thuận, mới ngơ ngác: “Ủa, hôm nay cô giáo Nhâm đi đâu mà mày lại bán thay cô, hả con?”

Trong cái đồn dập của văn cảnh, thầy Thế có cảm giác như đây là một câu chuyện ăm ắp các chi tiết nghệ thuật làm mê mẩn người đọc mà thầy chỉ là kẻ quan sát. Nói đúng hơn thầy chỉ là cái túi đựng tiền mà cô bé Thuận ních vào mỗi lúc một đầy. Thầy là cái túi. Ý nghĩ ấy khiến thầy bất giác nhớ tới một câu triết lý trong cuốn sách thầy vừa đọc của Jean-Paul Sartre: “Điều đáng kể trong cái lọ lục bình là cái rỗng không ở giữa.”

Chà! Xung quanh cái rỗng không, tức thầy Thế đầu óc toàn tư tưởng và kiến thức sách vở, lúc này là bức tranh sinh hoạt đầy màu sắc lạ lùng mà bây giờ thầy mới nhận ra. Đúng là cái tổ ong nhộn nhịp, tấp nập một cuộc sống thường nhật lý thú mà thầy chưa bao giờ để ý tới. Tít tít người qua kẻ lại, huyền não

tiếng nói tiếng cười, lời gắt gỏng, câu rửa sả. Hàng rau, hàng măng, hàng cà, hàng bí, hàng bầu san sát chen nhau. Dưa hấu được mùa tròn thu lu to như cái nồi đất. Những bó măng tươi vàng ươm ươm. Cà rốt đỏ gạch. Cà chua đỏ hồng. Trắng phau là những rổ cà pháo đầy có ngọn và xanh tươi đủ các sắc độ là đậu cô ve, rau cải, rau ngót và cải xoong. Bên hàng thịt, hàng cá nối tiếp đó cũng chẳng kém phần chen đua.

Thầy Thế có cảm giác bị lạc trí. Ôi! Lại cũng là cái thói quen và tài nghệ nhìn quả trứng thấy con gà cùng mệnh đề triết học: con gà có trước hay quả trứng có trước và bên kia hoa hồng là sự chung thủy, thầy nhận ra cái khung cảnh chợ búa tấp nập, nhỏ nhặt vui vẻ và thiết cốt hóa ra là một hiện thực phản ánh trong nó tính đa dạng muôn màu của cuộc sống và thầy bao lâu nay có vẻ như chỉ là một khách du đứng ở bên lề đường!

Ánh nắng một ngày đông tận đã tưới lên khu chợ một sắc vàng màu mỡ.

Người mua kẻ bán lúc này đều như đã vào guồng, nhịp nhàng trong một hoạt động hài hòa. Nhìn hoạt cảnh này, thầy Thế nghĩ, đúng như người xưa đã nói, những việc khó nên được hoàn thành vào lúc dễ nên bây giờ tất cả đã trôi chảy, hoàn bị như một tác phẩm thơ kiệt xuất, nghĩa là không thể làm được cái gì hơn thế nữa.

Nhưng vào quãng mười giờ hơn, khi hai sảo trứng chỉ còn ba chục quả thì giống như một vĩ thanh của một câu chuyện, trước mắt thầy Thế lại là người khách nữ mặc váy dài đen đã xuất hiện ở đầu buổi chợ. Câu chuyện chưa xong đâu. Đầu vở kịch có khẩu súng thì cuối vở kịch sẽ có tiếng nổ. Đó là quy tắc nghiêm ngặt của nghệ thuật. Ở đời cũng vậy chẳng?

- Ai bán trứng đi đâu rồi? - Người thiếu phụ kênh kiệu hỏi, lộ lộ vẻ hoang mang.

- Tôi đây.

Lần này thì thầy Thế xưng danh. Thuận đã phải quay sang bán món hàng đậu phụ của em.

- Còn toàn trứng ôi. Chín mươi tất cả, tôi lấy nốt.

- Vâng, cô lấy đi.

Đúng là đi vàng về xanh, đi hơn về kém. Người đàn bà kéo váy ngồi xuống, đưa tay nhót trứng vào cái túi vải in hình con vịt Donald nhãn hiệu Mỹ. Rồi phúi tay đứng dậy móc ví lấy tiền. Trong động tác đứng lên, cái kính râm như dán vào mắt bỗng trĩu xuống, hai con mắt chị đột ngột hất cái nhìn như hai tia chớp vào gương mặt người đàn ông bán hàng. Thốt nhiên, thầy Thế như muốn giật lui một bước. Giây phút giao nhau của hai luồng mắt chấm dứt bằng việc thầy Thế ngoảnh sang bên tìm Thuận, lơ ngơ như cầu cứu và người đàn bà vội xách túi trứng đi. Thuận ngoảnh ngay mặt lại, hơi bất ngờ:

- Thầy Thế, sao thầy bán rẻ thế?

- Ờ... ờ...

- Bán thế thì lỗ vốn, thầy ạ.

- Ờ... ờ...

- Kìa, thầy cầm lấy tiền con mẹ ấy nó trả ở sảo trứng đi! Nghèo rớt mồng tơi mà điệu chảy nước ra! Cáo chết ba năm lại quay đầu về núi. Em biết ngay mà.

Đúng là nước vừa chảy vừa nương theo những chỗ gồ ghề ở đáy sông. Ngẩn ngơ vì một mệnh đề cổ văn vừa sực nhớ, thầy Thế cứ để mặc Thuận vừa càu nhàu vừa vơ số tiền nọ đút vào túi áo thầy.

- Ô kìa, cô Nhâm!

Quay lại, ra khỏi tất cả mọi ý nghĩ vẩn vơ, thầy Thế nhận ra vợ mình tay dắt xe, chân tập tễnh đang đi tới trong tiếng gọi reo vui của cô bé Thuận.

- Cô xem, thầy em có duyên bán hàng chẳng kém cô đâu. Hết sạch cả mấy trăm quả rồi đấy!

Cô giáo Nhân quệt một giọt nước mắt tưởng tượng ở gò má, sụt sịt:

- Nằm ở nhà sốt ruột quá. Cô cảm ơn em, Thuận!

Rồi quay sang chồng, giọng cô sụt hẫng nao nao:

- Anh nghỉ đi. Để các thứ đấy em thu dọn cho.

Thầy Thế đứng ngây. Cái gì vừa xảy ra nhỉ? Gái thương chồng đang đông buổi chợ. Bên kia màu hồng của hoa là biểu trưng của tình chung thủy. Quả trứng đã nở thành con gà. Cuộc đời không thể là cái chợ lộn xộn đâu. Tất cả đều có trật tự, *logic* của nó đấy. Và chung quy, con người vẫn là kẻ cần được sự thương yêu, nâng đỡ của đồng loại! Mải nghĩ ngợi, cho tới lúc vợ thầy giật tay thầy hỏi: “Có chuyện gì thế, hử anh?”, thầy mới nhìn vào cặp mắt vợ, lòng dâng lên nỗi xôn xao trắc ẩn, ngập ngừng:

- Nhân à, em có nhớ cái Tý Tửu không? Con bé loắt choắt, mồ côi cha mẹ ấy. Ở với vợ chồng anh trai, nó bị chị dâu hành hạ đến là khốn khổ. Có bận nó bị lột trần, đuổi ra khỏi nhà đã chạy đến nhà mình, anh và em đã cho nó quần áo mặc, cho nó ăn ở ở nhà mình gần tháng trời. Sau, anh nó buôn ma túy bị đi tù. Chị dâu nó bắt nó phải tiếp khách, nó trốn ra thành phố, ít lâu sau lấy một người Mỹ già. Rồi theo chồng về quê. Vừa nãy anh thấy nó đến mua trứng. Khổ! Chẳng hiểu nó lênh đênh chân trời góc biển, ba chìm bảy nổi, giờ sinh sống thế nào mà xem ra cũng tội nghiệp lắm!

Tiếng thầy Thế chìm trong tiếng ồn ào của buổi chợ đang cũ đông rồi đột ngột bị ngắt quãng. Thuận vừa chống tay lên sườn, nhìn ra trước cửa hàng, chao chát:

- Ông Khởi, đừng có giở trò hặc sách! Thầy cô tôi mua vé chợ, đóng thuế chợ đầy đủ rồi!

Trước hai cái sảo tre trống không là gương mặt to như cái tráp của một gã đàn ông. Gã tên Khởi, nhân viên thuế vụ, tên học trò hư đốn, lười biếng đã bị thầy đuổi học, cách đây hơn

chục năm. Thầy đã nhắc thấy bóng gã ở cái quán bên đường lúc dẫn xe trứng vào chợ. Giờ, chẳng lẽ là lúc gã đến quấy rầy thầy và cô? Giờ, chẳng lẽ theo quy tắc nghệ thuật là nhân vật nổi loạn, cưỡng lại ý định ban đầu của nhà văn ư?

Không! Không có cuộc nổi loạn của nhân vật. Vì gã đã gạt gạt đầu quay đi, vì Thuận đã vừa lườm gã vừa nhét vào túi gã tờ giấy năm ngàn rồi đập tay vào vai gã, suồng sã quát: “Thôi đi đi, tình huống nó vừa vừa thôi!”

Hà Nội, 19/7/2000

LÃO SIỂN

- Con hai đâu? Tiên sư con đĩ! Mày bỏ tao đi với thằng nào rồi, hở? Vào đây với tao, nhanh lên!

Nghe tiếng gào khan khô khô của lão Siễn, bà cả Thìn đang đứng vội nước bể ra chậu, liền vớt cạch cái gáo dừa lên mặt bể, vẩy tay, cau cau mặt:

- Thôi, đóng cái miệng lại cho tôi được nhờ. Rõ thật, kẻ cỏi truồng, người xấu hổ chưa! Con hai nó còn bận đi làm đi ăn. Thèm cái gì thì nuốt vào bụng. Không nhịn được nữa thì ra đầu ngõ chịn vào bờ tường ấy. Hiểu chưa?

Trong nhà thấy im im. Có lẽ lão già đã nghe ra. Nghĩ vậy nên bà cả Thìn bẻ lưng, cúi xuống bê chậu quần áo lên, chậm rãi đi qua chái nhà, ra sân sau. Lối đi qua trước cửa buồng lão Siễn hẹp vì gian bếp mới xây lấn sát nên tới đây bà phải đổi thế, đưa cái chậu đồng cỡ đại từ sườn ra phía trước bụng. May cho bà, chính vì động tác chuyển đổi ấy mà bà hụt bước và kịp giật thột mình, bật lui về phía sau. Vụt! Một chiếc cốc màn đầu nhọn, như một mũi tên đỏ, vừa từ buồng lão Siễn vọt ra, sượt qua mặt bà.

Lão chồng già khốn kiếp. Bị chứng bệnh thấp khớp mãn tính hành hạ, hai đầu gối sưng u tím mọng, hai bàn tay co quắp như hai củ gừng già, các khớp cổ, vai, khuỷu tay đều tấy đỏ nhức nhối, nằm liệt cả tuần nay rồi, thế mà lão còn bò dậy

phục sẵn ở cửa với cái cọc màn nhọn chờ bà vợ cả đi qua để trả thù. Đòn thù này may mà không trúng, chứ không thì oan gia. Cái con người không biết gì là nghĩa lý, đã rơi vào vòng tằm tối của cơn dục động lại trở thành điên khùng độc ác rồi!

Tuy nhiên chiếc cọc màn lao ra, không trúng đích làm hao hụt sức lực của Siển đã khiến lão già mất đà ngã chổng queo, cẳng chân còn ở trong nhà, nhưng nửa người đã vất ra ngoài thêm. Khe hẹp giữa chái nhà và căn bếp tối âm âm. Trông lão như khúc củi khô cháy dở lem nhem. Con chó Vàng từ trong bếp nghe động len lén đi vào, thấy lão quờ tay liền tiến lại, lập tức bật lui hất hơi đánh xịch. Nằm dưới đất, người lão Siển bốc mùi tanh khẳm như cái xác chết thối, nhưng hai con mắt ti hí của lão vẫn sục sục không yên.

- Con hai đâu?

- Nó còn phải đi buôn đi bán kiếm tiền đổ vào cái lỗ mồm ông.

- Tối rồi sao nó còn chưa về?

- Thật quý sứ chứ không phải là người nữa. Ốm đau bệnh tật thì cũng phải biết kiêng cử nghỉ ngơi chứ!

- Ông ốm bao giờ? Đứa nào bảo ông ốm?

Quát tướng lên hai câu, như lấy lại được khí lực phương cường, Siển chống tay, đứng dậy. Hai con mắt đỏ khé đang sục sục quay đảo lập tức như hai mũi dao nhọn cùng hai bàn tay như hai túm rễ sắn khô cắm ngay vào ngực bà vợ già. Cơn phúng dục của lão già đã tới hồi kịch phát.

- Ôi giờ ôi! Sắp kề miệng lỗ rồi mà còn ham thế hả? Đồ ma tịt! Tham thì thâm, đa dâm thì chết đấy! Hiểu chưa?

- Mặc kệ tao.

- Này đây! Hai cái vú beo đây. Làm gì thì làm đi!

Cười ngật nghẻo và nhể nhại, bà cả Thìn lật hai vạt áo. Ngực bà già sáu mươi ba tuổi thông thẹo hai bầu vú teo dài như hai quả mướp. Không cần biết đang đứng ở giữa lối đi và

những đứa con bé đã đi học về đang đứng rửa chân ở bể nước ngó lại, hai bàn tay lão Siễn lập tức sục sạo, vắn vò hai bầu vú bà già.

Lão Siễn họ Bần, tổ tiên từ Quảng Đông sang đất Việt đã vài trăm năm. Người họ Bần ở ngõ nhỏ này chỉ có dăm bảy hộ và không ai là không hai vợ. Hai vợ là công khai ăn ở và con cái mang khai sinh họ bố. Chứ còn nhân tình nhân ngãi chung chạ dăm bữa nửa tháng thì phải kể tới con số hàng chục. Dòng giống này chẳng hiểu được tạo ra từ chất liệu đặc biệt gì mà đường tình dục của họ phát mạnh, trội nổi khác thường quá. Như cái anh Tư Ngộ năm mươi tuổi mới lấy vợ, một năm có ba trăm sáu mươi lăm ngày thì đủ từng ấy đêm, không ngưng nghỉ vắn vũ thân xác vợ. Đến nỗi bà vợ gặp lúc ốm đau, hoặc phải chu kỳ kinh nguyệt, phải trốn về nhà mẹ đẻ mà cũng không được yên. Đàn ông dòng họ này là những đám lửa tình dục không bao giờ hạ ngọn, là cơn túng dục vô hạn độ. Họ trông bề ngoài cũng khôì ngô, dĩnh ngộ và trí tuệ, khí chất cũng trác việt, hoạt bát ra dáng, khối người cũng có được cấp chức khá, tương tự như giám đốc xí nghiệp, chủ tịch thị xã, thậm chí tổng giám đốc công ty, chủ tịch tỉnh, nhưng cuối cùng như bị cái vòng định mệnh chụp phải, không sao thoát ra được, thấy đều bị cơn dục năng lôi kéo vào thói vô luân, phạm pháp, khiến bao nhiêu công lao, tài sức phút chốc đổ xuống sông, trôi ra biển cả. Đàn ông ở dòng họ này là vậy. Họ khác mọi người lắm, khác từ cách cư xử đến lời nói hằng ngày. Họ nói: Đàn ông quý ở cổ tam sự hùng mạnh. Ngôn ngữ thường ngày của họ đại để như sau: “Đ. mẹ, mày tính hai con đi nó hành cả ngày lẫn đêm, không kể bồ bịch thì làm gì mà chẳng ra bã!” Ca dao, khúc hát bình dân của họ là: “Bà rằng bà chẳng sợ ai. Sợ thằng uống rượu đ. dai đầu l.” Họ hát: “Ước gì lấy được thợ cưa. Cưa đi cưa lại dãi đưa lòng thông. Mẹ ơi con lấy thợ bào. Trượt lên trượt xuống nhát nào cũng êm...”

Trong dòng họ Bần ở ngõ nhỏ này, về mặt quan hệ làng nhàng với đàn bà, lão Siễn là bậc cao thủ. Ngoại bảy mươi tuổi rồi mà cơn háo dục chưa hề suy giảm, trái lại lại như càng lúc càng hưng tận hơn mới lạ. Đối với bà cả Thìn vợ lão thì việc ấy nó quá đáng hoặc bất cập thế nào cũng chẳng nên nói làm gì. Có bị người ta chửi suốt ngày úp mặt vào bẹn vợ thì cũng thấy kệ. Đàng này lão lại giở thói dâm cuồng với cô Nàng, cháu gái gọi lão là ông trẻ mới khốn nạn chứ. “Mày là người hay là gà là chó, hả?” Bà cả Thìn chửi. Chửi thế chứ chửi nữa lão cũng không tha cô cháu.

Bà cả Thìn đẻ đứa con thứ mười hai khi tuổi đã năm mươi tám, lực kiệt cạn, người gầy xác ve, thở không ra hơi, đi phải lê từng bước, đành phải gọi đứa cháu gái lên giúp cơm nước, giặt giũ. Đứa cháu tên Nàng mười sáu tuổi, mặt đầy, mông đặc như hai quả bí, ngực ụ ụ nhìn nịch như hai nắm cơm, người ngậy đơ. Lên ở với ông bà được sáu tháng, bỗng một đêm nằm với bà cả Thìn, Nàng vạch áo mình, hỏi:

- Bà ạ, không hiểu sao ngực cháu bỗng dưng nặng như đắp đất mà lại nhưng nhức nữa.

Ánh đèn soi rõ hai núm vú thâm sì như hai quả cà. Bà cả Thìn chồm dậy, giặt đùng đùng:

- Lão Siễn nó làm gì mày rồi?

- Cháu cũng không hiểu.

- Giời ơi! Con ngựa xéo, con voi giày!

- Cháu không biết thật. Mọi khi cháu tắm, ông cứ vào tắm chung với cháu, kỳ cọ hộ cháu, cháu chả thấy bận gì. Một hôm cháu kêu đau bụng. Ông bảo cháu vào buồng ông chữa cho. Cháu vào, ông bảo cháu cởi hết quần áo ra, nằm lên giường, rồi ông nằm úp lên trên. Cháu kêu tức bụng. Ông bảo để yên rồi sẽ quen. Cháu không chịu. Ông cứ lực sức, ngọ nguậy. Cháu đẩy ra. Ông bảo: Để yên sẽ khỏi đau bụng. Rồi cháu ngủ lúc nào không biết!

- Mày ngậy ăn người! Con khốn nạn! Đồ thối thây! Đồ lợn giống! - Bà cả Thìn giật tóc cô cháu, xĩa xối, rửa sả.

Uất tức vì lão chồng già dâm dê lại còn uất tức cô cháu mới tí tuổi đầu đã ngứa nghề. Nhường ăn nhường mặc thì được chứ xưa nay ai đã chịu nhường chồng cho ai. Xót xa quá! Ê chê quá! Hóa ra hai bà cháu cùng chung một chồng. Hóa ra lão Siễn vô luân đang ở vị trí người ông bỗng chốc tụt xuống thành người chồng của cô Ngàng.

Bao nhiêu ngày sau bà cả Thìn cứ nhè cô Ngàng chửi. Cô Ngàng khóc lóc mãi, khóc lóc cho đến lúc sinh nở mới thôi, mới coi như chuyện đã rồi, nợ nần đã trả xong, ngang nhiên “chị chị em em” với bà cả. Còn lão Siễn, nghe bà cả Thìn rửa, cười trơ lợi:

- Ừ, tao không phải giống người. Tao là con cháu loài rồng đa dâm. Nó phủ ngựa, đẻ ra giống lông câu. Nó ngủ với chim đẻ ra giống phượng hoàng. Nó ăn nằm với con lợn, con lợn đẻ ra ông voi. Mẹ tao cởi quần áo nằm tênh hênh ở bờ sông Châu Giang kia, nửa đêm có con rồng từ trên gòi hạ xuống, đè lên người, ít lâu sau có chúa, đẻ ra tao đấy.

*

Lão Siễn khỏe lắm. Bảy mươi lăm tuổi lão còn đẩy bằng bằng cái xe ba gác chất đầy hàng họ, đồ đạc. Từ lúc còn là trai trẻ đến giờ, lão chỉ chuyên một nghề cửi vụn, chuyển vụn ấy thôi. Bữa thường lão ăn một lúc bảy bát cơm. Hồi hai mươi tuổi, có bạn nhận thách đố, lão vác một phuy xăng hai trăm lít, rồi ngồi nghỉ ăn hết cả mâm xôi và cái thủ lợn. Nguyên là anh lực điền, do chiến tranh ở vùng giáp ranh không còn công ăn việc làm phải dồng ra thành phố ở, thoát đầu lão Siễn chỉ là anh chàng nhà quê có sức vóc hơn người, nhưng ngọc nghếch, ngu ngơ lắm. Lão cao lớn, vai u, cổ đầy, ngực dẹt nhưng mặt

thì ngắn chùn chùn, dị hình dị tướng, từ hai con mắt ti hí như hai vết nứt tới cái mũi tròn có khía như quả cà chua đỏ hỏn, trông rất nghịch mắt.

Các nhà kinh điển nghiên cứu con người đều nhất trí cho rằng con người là một sản vật tự nhiên đồng thời lại là một sinh vật xã hội, nhưng hai mặt này xuyên thấm vào nhau, tạo nên một thể thống nhất. Nếu vậy thì ở lão Siễn hai mặt này không hài hòa, không xuyên thấm vào nhau và nảy nở xộc xệch khác thường.

Chính là một bà buôn vải, có cửa hàng lớn nhất ở chợ Đồng Xuân thời Pháp tạm chiếm Hà Nội đã chứng kiến việc lão Siễn vác phuy xăng và ăn hết mâm xôi, cái thủ lợn và bà quyết định thu nhận Siễn đang cầu bơ cầu bất thành một thằng ở. Bà buôn tuổi ba lăm phây phây béo đỏ, ngực bụ, hông lớn tham tiền lấy phải chú Chiệc - cũng người Quảng Đông như Siễn - giàu có, nhà cửa ba dãy bảy tòa nhưng nghiện oạt xà lai, năm mươi tuổi đã xỉu như dải khoai héo.

Việc của Siễn là giúp bà chủ dọn hàng buổi sớm và thu hàng về lúc chiều. Ngoài hai thời điểm đó thì quanh quẩn ở chợ để sai bảo. Một trưa, đang ở chợ thì có người từ nhà ra truyền đạt lệnh của bà chủ: “Bà chủ vừa mới nuôi chim khiếu, vậy từ trưa nay trở đi, cứ mười hai giờ rưỡi là Siễn phải về nhà cho chim uống nước.”

Trưa ấy, ở cửa hàng có chú Chiệc nghiện ngồi trông, Siễn về nhà chủ. Nhà chủ cửa khép hờ. Đẩy cửa vào, chỉ thấy tối om, ắng lặng tịnh không một tiếng chim nháy chuyên hoặc kêu hót. Đang lấy làm lạ thì nghe thấy một tiếng tách, công tắc bật và căn buồng trong sáng lóa cùng lệnh ban: “Đóng cửa, vào đây!”

Buồng trong, trên cái đệm trắng muốt phủ kín mặt giường đôi là thân hình bà chủ không mảnh vải che, trắng ngon. Thấy vậy, Siễn vội nép vào bờ tường, run lật bật:

- Chết thôi, sao di thể cha mẹ để lại cho bà lại phơi bày ra thế?

Nói vừa hết câu lại thấy bà chủ vẫn thế nằm chềnh ềnh, lại diêm nhiên khoanh tay vòng lên đầu làm gối, nhướng cao bộ ngực đồ sộ, cười khàn khạch, càng cười lớn hơn khi Siễn hỏi: Chim đâu để cho nó uống nước?

- Chim đây chứ đâu!

Lần này thì bà chủ chồm dậy. Siễn vội khom người che chắn, nhưng không kịp. Cục bấu của Siễn đã bị bà nhao tới thỉnh linh tóm chặt. Trời đất! Siễn tái mét mặt mày, cục bấu nhéo nhéo bé sun như kẻ thất đảm kinh hồn.

- Việc gì mà sợ thọt dái lên cổ thế!

Bà chủ cười và kéo mạnh tay. Lạ thay, có hơi tay đàn bà, vật bấu của Siễn đang xiu xiu lạnh ngắt bỗng ấm nóng dần rồi vồng phồng lên, trương căng lên, như có phép thần thông biến hóa, phút chốc như nổi cơn tức giận và trở nên dữ tợn quá. Dữ tợn quá thật, vì nó chẳng biết nể sợ, nó cứ phưng phưng co đi kéo lại, ăm ắp, oàm oạp phát tiếng. Còn bà chủ thì cười rung từng đợt kêu rằng: “Nơi đây non bồng cây cỏ sinh sôi, chim muông chả đến vui vậy mê mẩn là gì, ới anh Siễn con dê đực, con lợn lòi, con ngựa hoang của em ới!”

Hoạt cảnh vu sơn cho chim uống nước diễn đi diễn lại nhiều lần, càng lúc càng sôi sục hoang tàng, bệnh hoạn đã thúc dậy những ham muốn bấy lâu thiu thiu ở Siễn.

Tuy nhiên hành vi dâm dăng của cặp nam nữ này đã bị bắt quả tang. Chú Chiệc thuê bọn côn đồ nện cho Siễn một trận bò lê bò càng rồi thương tình là người đồng hương, dẫn đến đồn binh Pháp cho Siễn đăng lính. Còn bà buôn, sau khi mặc quần áo sửa sang đầu tóc, ngồi vắt vẻo ở chiếc ghế cổ, soi soi nhìn chú Chiệc, thẳng thắn nói rằng: “Lỗi là ở ông chứ không phải thằng Siễn.” Rồi sau đó vài năm gả cô Thìn con nuôi cho Siễn để có cố tiếp tục cuộc đàn dúi. Lúc này, sau hai năm ở đoàn

Patidăng lính ngự chuyên đi càn quét, bắt bớ, giết chóc, hăm hiếp, Siễn đã trở nên một hung thần của đàn bà con gái.

Bà chủ cửa hàng vải tếch đi Sài Gòn năm 1954 khi hòa bình lập lại. Siễn cùng vợ dọn về ngõ này, ngõ có nhiều người họ Bần cùng quê ở trong một ngôi nhà nhỏ của bà chủ cũ.

*

Cô Ngàng đẻ như máy năm một. Tám năm, tám đứa, chia đều gái trai, tất cả đều như cây cỏ trong rừng, không cần nâng niu, săn sóc, tự lớn lên, hơn nữa lạ thay, học hành đều tấn tới, đến tuổi đi làm đều có công có việc, nay ở nhà chỉ còn hai đứa con gái, đứa mười sáu, đứa mười bảy!

Cô Ngàng bỏ được tính ngây, biết chạy chợ, buôn bán cũng nuôi được mình và lũ con cái qua ngày. Lũ con chỉ quần quýt với mẹ, nhiều lúc ngác ngơ không hiểu sao lại có một ông bố là lão Siễn. Lão Siễn quái đản. Lão Siễn, cái sản vật tự nhiên thuần túy vẫn chỉ một mục tiêu theo đuổi sự sung sướng cho xác thịt bản thân, lăm lăm như con thú động dục gây náo loạn cả ngõ xóm. Lão tàng tị suốt lượt với các bà góa ở trong ngõ. Lão ngủ cả với mấy mụ ăn mày, dính dấp cả với một bà điên hay cời trườn đứng múa hát huyền thiên ở cửa ngõ.

Lão là cái quái trạng tình dục phi tự nhiên. Buồn thay, tám mươi tuổi lão vẫn y trạng một cái hố lửa ngàn ngạt cháy nóng đêm ngày. Nhục nhã, ê chề hơn, lão còn trở thành cái trò cười bêu riếu của trẻ con, người lớn trong ngõ xóm. Thấy lão là họ cao rao: “Ông Siễn ơi, bà lão Nhợ đau bụng muốn nhờ ông chữa đấy!”, “Ông Siễn ơi, hôm nay ông cho chim uống nước chưa?” Cực chẳng đã, bà cả Thìn và lũ con cái, những kẻ ra đời ngẫu nhiên, những người có nhân cách, trong cơn đau lòng triền miên, phải bàn cách đối phó. Họ mua thuốc tiết chế dục năng lừa cho lão uống. Không ăn thua! Họ trộn thuốc ngủ vào

thức ăn cho lão ăn. Vô tác dụng! Cuối cùng, họ chỉ còn cách kêu trời, nhờ trời thôi! Nhờ trời là nhờ vào quy luật thải hồi của tự nhiên! Nghĩa rằng là: con người ta có lúc mạnh khỏe, có lúc ốm đau. Hình tròn sức khỏe thế nào cũng có lúc méo mó, con người chớ nên cậy sức, vì thế nào mà chẳng có lúc suy sụp vì tật bệnh.

Ai mà không có bệnh tật, không có khiếm khuyết của tự nhiên. Lão Siễn cũng vậy thôi. Lão Siễn bị bệnh thấp khớp chạy vào tim ở thể nhẹ từ hồi lão còn là anh lực điền mười bảy tuổi chuyên đào đất, vượt thổ thuê ở nhà quê nó hành. Nay tim lão nhiều lúc đã lạc nhịp và óc nhiều lúc nhói đau, rồi người như mê thiếp đi đến vài chục giây. Chơi bởi vô độ, có lần lão Siễn mắc bệnh lậu, cục bấu sưng to bằng cái ấm tích, phải nằm liệt. Bà cả Thìn mời bác sĩ đến tận nhà khám cho lão. Xác định bệnh, ghi đơn xong, trả lời câu hỏi của bà: Vì sao mà ốm yếu bệnh tật đây người thế mà lão vẫn còn háo dục thế, bác sĩ bảo: “Ông nhà bị mắc chứng đa năng sinh lý.” Trả lời thế cũng như không trả lời. Bà cả Thìn buồn rầu nghĩ: “Hắn là lão bị cái con mẹ buôn vải nó cho ăn cái gì rồi. Cái gì đây có thể là lá con dê đực vẫn ăn, là máu con bò đực, thịt con đười ươi, vôi con bạch tuộc? Hay là lão lây nhiễm tính tình của chính con mẹ dâm phụ vợ chú Chiệc nọ? Hay vì lão đi lính *Patidăng*, học lính Tây đen làm tình với cả trâu bò lợn mà nhiễm phải cái tính dâm bôn ấy? Đau buồn thay, người chẳng chế ngự được người!”

*

Hôm nay đây, hai đầu gối sưng vù như hai cái bát úp, vai nhức, cổ cứng đờ, lưng không không, hai chân lê dịch khó nhọc lắm mà Siễn vẫn cầm cái cộc màn đi đi lại lại, miệng gào liên tục: “Con hai đầu?”, phớt lờ cả lời trách cứ và can ngăn của bà cả Thìn.

- Con hai đầu?

Cuối cùng khi trời đã tối mịt, dừng lại ở căn buồng của lão, lão quát. Thấy không có tiếng đáp, lão liền đẩy cửa, lệnh khệnh bước vào. Trong ánh đèn từ đầu hồi hắt lại mờ mờ, lão nhìn thấy hai đứa con gái nằm hai bên đang ôm choàng như che chắn cho mẹ nó nằm ở giữa.

- Chúng mày cút hết đi!

- Bố!

Hai đứa con gái, đứa mười sáu, đứa mười bảy chồm dậy. Trên người lão Siễn còn độc chiếc may ô gấu dài lông thông. Thấy hai cẳng chân khẳng kheo của lão hơi chùng xuống, định leo lên giường, cả hai đứa con gái cùng thất thanh:

- Bố, bố không được thế! Mẹ con ốm!

Lão Siễn vung cái cộc màn, hét khan khan:

- Đứa nào muốn thay mẹ bay thì ở lại. Còn không thì cút! Đ. mẹ! Tám mươi tuổi là mo phú tấ. Có chửi vua, vua cũng tha tội! Luật là thế, hiểu chưa!

Hai đứa con gái lập tức xô tới, tóm được đầu chiếc cộc màn trong tay bố. Lão già dâm ác và bấy bữa giật mạnh, nhưng hai bàn tay bị thấp khớp co quắp như củ gừng già báo hại lão; cây cộc màn đã buột khỏi tay lão. Con chó Vàng từ đầu chạy lại nghech mõm sủa văng. Lão Siễn giật mình ngã đánh ịch, đầu đập xuống đất ngất lịm.

Nửa đêm hôm đó lão Siễn chết!

"Tử giả tận dã", Khổng Tử đã nói, chết là hết vậy. Và nói thêm, với người hiền, chết là nghỉ ngơi; với kẻ ác, chỉ cái chết mới bắt nó thôi làm điều ác. Cái chết hay vậy. Cái chết của lão Siễn, thảm kịch của lòng ham muốn vô độ, sự trừng phạt đích đáng với cái phi tự nhiên được bà cả Thìn nhắc tới, trong tiếng hò buồn thê thiết: "Ông Siễn ơi, thật là thân làm tội đời nên mới đến nông nổi này đây, ông ơi!"

Hà Nội, 1/5/2002

NỮ HỌA SĨ VẼ CHÂN DUNG

Khách hàng đầu tiên đến thuê Huê vẽ chân dung là một anh chàng người Mỹ, tên William Peter. Cao lêu nghêu đến trên hai mét, như một cây sào chọc buổi. Mặt ngựa. Mũi hếch. Hai con mắt trũng trũng xanh lét như mắt mèo. Anh chàng sang đây để học tiếng Việt và đã qua cái thời kỳ bập bẹ; thời kỳ nhầm lẫn ý nghĩa hai từ “chúng tôi” và “chúng ta” trong Việt ngữ, vì ở tiếng Mỹ chúng vẫn là “we”; thời kỳ dùng từ ngô nghê, tức cười ở các đại từ nhân xưng, nhất hạng ở ngôi thứ ba, chẳng hạn, đã từng nói: “Nhà này lắm chuột quá. Họ chạy lung tung!”; thời kỳ gọi cô giáo là “mày”, xưng “tao” và tưởng thế là thân mật; thời kỳ ngô ngọng, định nói: “Tôi muốn làm con rể cù” mà lại hóa thành: “Tôi muốn làm con dê cù”.

Bây giờ thì Peter sử dụng tiếng Việt thành thạo rồi. “Có thể chửi nhau với mấy con mẹ hàng tôm hàng cá được!” Peter tự giễu mình. Tự giễu mà cũng là để nói một sự thật. Ngôn ngữ đâu có phải chỉ là cái vỏ vật chất của khái niệm. Nó là bản thân sự thông thái. Sự thông thái hòa tan ở trong nó. Thành ra khi đến nhà nữ họa sĩ chuyên vẽ chân dung nổi tiếng ở thành phố này, thoát nhìn thấy chó Bốp lông trắng khoang đen, Peter đã lập tức đứng khựng lại và vừa ngật ngà ngật ngưỡng vừa cao hứng búng tay, nháy mắt: “Nhất bạch, nhì vàng, tam khoang... Con này được mấy bát?” Đúng là giọng điệu, ngôn từ của những tay sành điệu món “cờ tây”!

Huê không ưa thái độ ấy của Peter. Không một ai tự cho mình là người có văn hóa lại nói đến chuyện thịt con chó của chủ nhân khi nó cùng chủ nhân ra đón mình cả.

Nữ họa sĩ đổi mặt lạnh lùng. Vì lẽ ra với một thái độ như thế với con chó của mình, người ta có thể đổi bạn thành thù được.

- Xin mời ông ngồi vào chiếc ghế kia.

Nhận ngay ra vẻ khó chịu của Huê và thấy nữ họa sĩ đã ngồi xuống trước tấm *toile* căng trắng ngà, tay cầm cọ, Peter liền xuống giọng:

- Tôi xin lỗi, nếu có gì thất thố. Thông cảm cho tôi vì tôi đang hứng khởi khi trông thấy con chó của cô.Ồ, sang đây ở với người Việt thú thật tôi học được nhiều điều bổ ích. Về khoa ẩm thực chẳng hạn. Thế giới đâu đã biết tới món đặc sản thịt chó.Đâu đã hiểu được cái chân lý chứa đựng ở câu ca dân gian này: Sống trên đời ăn miếng dồi chó. Chết xuống âm phủ hỏi có gì không? Chà! Cây tơ bảy món...

- Xin ông ngồi lui vào lòng ghế và thảng người lên.

- Một lần nữa tôi xin lỗi nữ họa sĩ.

- Chúng ta đã bắt đầu vào việc.

- Vâng! Nhưng thưa nữ họa sĩ, xin phép cho tôi nói một ý tưởng nữa. - Peter lắc lư cái đầu quả dưa, miệng múm mím thú vị. - Vừa rồi tôi có viết một lá thư cho mẹ tôi. Trong thư tôi có tả lại cái ngon không thể tả được của bảy món thịt chó của người Việt chế tác mà tôi đã từng được thưởng thức nhiều lần. Họa sĩ có biết mẹ tôi nói thế nào không? Mẹ tôi nói: “Trên đồng đô la Mỹ có ghi câu: “Từ nhiều người trở thành một”. Tự do cá nhân của con mẹ tôn trọng. Nhưng mẹ muốn khuyên con trước khi con ăn, con ca ngợi món thịt chó của người Việt thì con hãy xin lỗi con Kít nhà ta.”Ồ, Kít của tôi, một chú chó lai đẹp và thông minh hết sảy. Tuy nhiên điều tôi muốn nói là ở chỗ này kia: Qua lời khuyên của mẹ tôi, nữ họa sĩ có thấy người Mỹ chúng tôi là dân tộc văn minh không?

- Peter! Anh ngồi thẳng lên, lui vào và không động đậy để tôi vẽ.

Huê mím mím môi, nửa thân trước cùng cánh tay hơi rướn lên, bắt đầu đi những đường cọ phác thảo đầu tiên khuôn mặt Peter. Nữ họa sĩ tập trung sức chú ý. Hai con mắt đen thẳm sau mỗi lần lướt qua mặt Peter lại một lần cố gắng để lại một dấu vết tinh thần trên tấm *toile* gai vô tri. Cuộc chuyển hóa thật âm thầm nhưng là một cuộc sinh nở lớn lao. Hội họa, nghệ thuật biểu hiện cái bên trong không thấy qua những đường nét hữu hình.

Tuy vậy, sự chú mục đôi khi cũng bị ngắt đoạn. Đó là lúc họa sĩ phải dừng cây bút, giậm giậm bàn chân nhìn xuống sàn nhà, khe khẽ gất:

- Bốp! Bốp! Im lặng nào, con.

Bốp nằm cạnh chân chiếc giá vẽ, thân và chiếc đuôi xù duỗi dài trông như cái phất trần. Trên khuôn mặt lút trong cái bòm sư tử rất đẹp, hai con mắt tròn như hai hột nhãn của Bốp thi thoảng lại ngược lên nhìn anh chàng người Mỹ nọ. Những gì cốt yếu nhất trong thần thái của Bốp đều thể hiện ở hai con mắt này, hai con mắt đầy vẻ cảnh giác và căm hận. Đừng nên nghĩ Bốp không thông tỏ ngôn ngữ của con người. Đó, sau lời nói của Huê, nó đã chẳng thôi hất mồm lên và ngậm miệng lại, không nhe ra hàm răng trắng nhọn lợi hại, tắt hẳn dòng âm thanh gừ gừ sôi cuộn từ cổ họng phát ra đó sao.

Anh chàng Mỹ cao kêu hiểu cái nhìn và tiếng gầm gừ không thân thiện của Bốp. Và chẳng anh đến đây để được vẽ một bức chân dung. Và ngồi bất động là yêu cầu đầu tiên duy nhất phải thực hiện, cuối cùng đã được anh thực hiện nghiêm chỉnh, dấu họa sĩ lắm lúc phải thường xuyên nhắc nhở. Anh rất muốn để mắt tới con chó.

Một tuần lễ qua. Bức chân dung Peter đã hoàn thành mỹ mãn. Trên cái nền màu nâu sáng là một gương mặt Peter trẻ trung, thông minh, hoạt ngôn láu cá và hơi tự thị.

Trao bức vẽ cho chủ nhân của nó, nữ họa sĩ nhận tám trăm đô la tiền công và nói:

- Peter! Anh biết một mà chưa biết hai. Biết mà chưa ngộ. Anh khoe mẹ anh khuyên anh xin lỗi con Kít nhà anh khi ca ngợi món thịt chó. Nghĩa là để biểu lộ sự tôn trọng con Kít. Còn người Việt chúng tôi, khi phải giết mổ một con chó hay một con gà, đều nói: “Gà ơi, chó ơi, tao hóa kiếp cho mày. Kiếp sau được làm người chứ không phải làm gà, làm chó nữa nhé!”

*

Người thứ hai đến nhờ nữ họa sĩ vẽ chân dung mình là một người đàn ông đã ngoài sáu mươi. Ông tên là Choan. Tráng kiện. Sức lực phương cường. Ông là phi công về hưu. Phong tư có vẻ như là kẻ có oai vọng, cốt cách có nét giống người có tư chất thanh kỳ xuất tục. Nhưng gương mặt tròn phính và hai con mắt thô lỗ - một gương mặt giới họa sĩ cho là nó trẻ con cho đến già đã phản lại ấn tượng ban đầu từ ông. Hơn nữa, khuôn miệng rộng như mồm cá trê và cái hàm bạnh cóc hạ ông xuống hạng người cực kỳ dung phạm.

Ông là hàng xóm với Huê. Vợ ông cùng tuổi với ông. Ông thường chửi vợ: “Tiên sư bà! Có mỗi một việc là nằm ngửa ra mà cũng không làm được thì còn được việc gì nữa!” Và ông tưởng Huê không nghe thấy câu chửi cửa miệng này của ông.

Ông bảo Huê: “Nghe Huê gọi: “Bóp ơi, về đi con!”, thoát đầu anh cứ tưởng là em đã có gia đình, có con thật rồi. Thì ra tình yêu với loài vật là tình yêu của người có tấm lòng nhân hậu. Nghệ sĩ là người thấu hiểu trái tim muôn loài.” Và ông tưởng Huê chỉ lọt tai những câu nói ấy. Cũng như ông tưởng

Huê chỉ nghe thấy những câu ông tâm tình bên giá vẽ của Huê: “Chúng ta hãy kiến tạo một đời phàm êm êm, một đời tinh thần thật thú vị, Huê à!”, hoặc: “Trời cho con người thể xác, không lý do gì không làm cho thể xác đạt sự lạc thú, Huê nhỉ!”

Bốp không có cảm tình với ông Choan. Không đến nỗi thù địch nhưng nó nhìn ông bằng con mắt gườm gườm kỳ thị. Đang nằm, thấy ông sang là nó chồm dậy. Ông đi tới đâu, nó theo sát ông tới đấy. Ông vào *toilet* cởi quần dài, tổng ngồng đứng trước gương, nặn mụn ở mặt, oang oang: “Tội nghiệp! Thế em sống một mình bao lâu rồi, Huê?”, rồi ngó ra, chờ câu trả lời của nữ họa sĩ thì thấy Bốp, mặt sư tử ngồng cổ sửa một tràng dài phản đối.

Lâu nay, ông Choan vẫn có ý săn đuổi Huê. Lần này chẳng hiểu vì cơn cố gì ông nổi cơn hứng, sang nhà Huê yêu cầu họa sĩ vẽ cho mình một bức chân dung. “Vẽ cái người thường không nhìn thấy đó, Huê à.” Ra vẽ hiểu biết, ông phi công hưu trí nói và ngồi xuống đây phê một cổ trong cái ghế bành mây ở giữa nhà.

Bốp từ nhà trong lưng thũng đi ra, nằm ạch xuống ngay chân chiếc ghế bành. “Sống một mình buồn lắm, Huê ạ!” Nghe ông nói, Huê không đáp, cứ cầm cúi sửa soạn bút vẽ và màu. Sống đồng nghĩa với chấp nhận. Cảm hứng là điều kiện để làm tác phẩm lớn - niềm mơ ước của họa sĩ vốn rất hiếm. Trong khi đó, người ta vẫn phải sống. Huê phải nuôi một bà mẹ già ốm liệt giường đã cả chục năm nay. Hơn nữa, là họa sĩ thì nàng phải vẽ, phải vẽ. Như nàng đang vẽ chân dung ông Choan đây - một khuôn mặt tròn vành, hai con mắt thô lỗ - một khuôn mặt trẻ con cho tới khi về già.

Cho tới khi nghe thấy một tiếng kêu thất thanh, Huê vội quay lại và nàng nhận ra, ông Choan vừa co giật bàn tay trái lên, mặt nhăn nhúm hốt hoảng miệng xuýt xoa, nhưng cố lấy lại vẻ oai vệ, chắc chắc lưỡi: “Mày đớp tao như muối đốt gổ thôi, Bốp ạ.” Rồi cười nhả nhỏ.

Huê vội bước lại.

- Em quên không bảo bác, con Bốp này khó tính lắm. Nó chỉ cho mình em vuốt ve nó thôi!

- Không sao! Không sao! Đừng lo cho anh. Anh nói điều này từ đáy lòng: Em sống một mình bấy nhiêu năm, phí hoài quá. Phí hoài là có tội với mình, với mọi người đấy!

Nữ họa sĩ lắc lắc đầu:

- Em có sống một mình đâu. Em có Bốp là con. Em có người thân đấy chứ!

Rồi chợt kêu to:

- Kìa tay bác chảy máu!

Tay ông Choan bị Bốp đập sơ sơ thế mà chảy máu thật. Ông phải đi tiêm phòng dại ba tuần liền. Trước khi đi, ông sang nhà Huê chửi con chó một hồi dài, ông dọa: “Tao mà có mệnh hệ gì thì mày chết với tao.” Rồi ông nhìn Huê, hạ giọng: “Huê ạ. Không nên tự đẩy dọa mình bằng một đời sống khép kín như thế. Hay nghệ sĩ là con người có cuộc sống nội tâm sâu kín? Huê đã thuộc về một người vô hình vô ảnh? Chứ đâu có phải là đã có Bốp là người thân duy nhất!”

*

Tình thân thiết của Bốp đối lại với Huê nếu không hơn thì cũng chẳng kém tình thân yêu của nữ họa sĩ với chú khuyển của mình. Có thể lấy một ví dụ gần đây nhất để minh chứng. Một hôm, cho Bốp ăn cơm, Huê bỗng phát hiện cái đuôi bông trắng loang đen của nó không vẫy. Nàng vội tìm hiểu thì thấy ở chót khấu đuôi Bốp có một cái mụn đang chảy máu. Suốt một tuần lễ liền, nàng bôi mọi thứ thuốc cho Bốp mà nốt mụn vẫn nguyên trạng. Lo lắng quá vì lần này khác với hồi Bốp mới về ở cùng bị bệnh viêm chân lông, khắp người mụn nhọt

rỉ nước vàng, phải mua đến cả thuốc đặc hiệu của Mỹ tiêm cả tháng trời mới khỏi. Sợ hãi quá, vì sợ Bốp mắc một thứ bệnh nan y. Và thế là nàng tha Bốp đi đến khắp các bác sĩ thú y giỏi nhất của thành phố để chữa chạy. Rồi cuối cùng ôm Bốp đến cả Bệnh viện K để trị xạ và cắt cái chót đuôi bị bệnh ấy đi. Tốn kém không biết bao nhiêu mà kể, nên nàng đã phải bán đi từ chiếc bàn là du lịch, cái lò vi sóng, sợi dây chuyền mặt ngọc *ruby* và cả bức tranh tốt nghiệp ra trường mà Bảo tàng Mỹ thuật đang muốn mua nhưng từ lâu rồi nàng không chịu vì muốn dành để tặng mẹ mình, một bà già ốm đau liệt bệt khi vào tuổi chín mươi. Nay thì chính mẹ nàng cũng thông cảm với nàng. Mẹ nàng nói: “Coi như mẹ nhận bức tranh đó rồi. Mẹ cho lại con để con bán đi cứu Bốp.”

Với Bốp, Huê là người duy nhất ở trong trí nhớ tiềm ẩn của nó. Nàng không ra khỏi trí não nó, mãi mãi ở trong đầu nó, ở cõi vĩnh hằng, nơi không có cái kết thúc và chỗ bắt đầu!

Sự thực thoát đầu Bốp chỉ là một chú khuyển con lạc đến nhà nữ họa sĩ. Một chiều, đi dạy một lớp vẽ cho thiếu nhi về, mở cửa, Huê đã thấy Bốp như một bùm lông đen pha trắng đứng vẫy đuôi. Và hơn thế nữa, ở cả hai, trong tâm thức cùng lúc như vừa bừng ngộ, họ chồm tới nhau, cử chỉ vô vập và cảm động không nói lên lời, như hai kẻ thân thiết bị chia cách, nay mới lại đoàn tụ vậy.

- Chết thôi, con từ đâu đến đây thế, Bốp?

Cả đến cái tên và từ con thân thiết cũng như buột ra từ cõi nhớ sâu thẳm của nữ họa sĩ. Còn Bốp thì run rẩy từng ngón chân, cứ thế rúc vào ngực Huê, nức nở trong những tiếng kêu nho nhỏ kéo dài.

Bốp đã từ một nơi xa lạ đến nhà Huê. Nói cho đúng Bốp đã phải vượt qua một địa ngục trần gian để đến được với nữ họa sĩ, vì vừa lọt lòng và mở mắt, Bốp đã phải sống ở cái thế giới toàn là những điều độc ác ghê rợn rồi. Nhà có năm người

đàn ông lớn tuổi và năm thằng con trai tuổi từ năm đến mười. Chúng vật mẹ Bốp ra làm thịt khi mẹ Bốp còn đang trong thời kỳ cho con bú. Còn Bốp thì: “Đứa nào làm vỡ cái lọ hoa đây? Bốp!”, “Đứa nào tha chiếc dép của tao đi đâu rồi? Bốp!”, “Đứa nào đái ra làm ướt nền nhà đây? Bốp!”. Ôi! Bốp là kẻ phải gánh chịu tất cả. Bốp là thủ phạm duy nhất của tất cả mọi sai sót. Hơn nữa, Bốp là nguyên nhân của mọi sự thất bại. Một con đề trượt ra khỏi tầm tay. Một canh bạc bị thua. Một cuộc lừa bịp không thành. Thậm chí một bữa rượu say xỉn. Một cơn đói thuốc cồn cào điên dại. “Đ. mẹ. Chỉ tại mày, lỗi con!” Những cú đá bất thần xóc xáo cả lục phủ ngũ tạng Bốp nối tiếp. Cho đến một ngày, một gã trẻ nhất trong năm gã đàn ông bừng tỉnh sau một cơn phê thuốc, reo to: “Ồ, thằng chó con lớn thành chó dế rồi, loại này thịt nằm của nó ngon quên chết đấy!”

Giờ thì Bốp đã sống ở một thế giới khác. Với nó, không còn quá khứ tăm tối, bất công, độc ác nọ. Với nó, Huê là mẹ thân yêu duy nhất. Một người mẹ hiền hậu, dịu dàng, tài hoa và nó là đứa con thân yêu thì nó phải tận tụy bảo vệ và chia sẻ. Cách nào khác được. Thái độ mẹ nó với anh chàng Mỹ Peter cũng là thái độ của chính nó. Với ông Choan, còn hơn thế, nó phải bảo vệ mẹ nó!

Còn bây giờ, sáng nay, khi mẹ nó nghe chuông reo, mở cửa, bước ra, mặt sáng tươi như vừa rửa nước lạnh, mừng mừng rỡ rỡ, hơi thở nọ lấp hơi thở kia, ôm choàng lấy một người đàn ông cao gầy xanh xao đeo chiếc *ba lô* bạt sau lưng thì nó rối rít cuống cuống chạy vòng quanh hai người với những bước nhảy lắt cẳng sai nhịp.

- Anh! Thế là đã gần hai mươi năm rồi em mới gặp anh. Hai mươi năm trời. Hết cả tuổi trẻ rồi. Nhưng em tin, em tin... - Nữ họa sĩ nghẹn ngào.

Còn người đàn ông thì đứng đưng, nắm chặt tay nữ họa sĩ:

- Anh chia tay em ngày ấy đi xa. Rồi anh trở lại thành phố này. Anh vẫn dõi theo từng bước em đi. Anh xem tranh em bày trong các cuộc triển lãm. Nhưng anh không dám tin, rồi sẽ có ngày hôm nay.

Nước mắt ngấm ngập trong mi, nữ họa sĩ nói:

- Anh! Anh có tin không? Khi anh bị người ta bắt đi, em vẫn không sao hiểu nổi. Và em vẫn hằng tin: Rồi oan khiên sẽ được giải. Anh sẽ trở về toàn vẹn như anh ở trong trí nhớ của em mãi mãi. Anh ở cõi vĩnh hằng, nơi không có cái kết thúc, cái chết, ở trong em.

Nói xong câu nói tâm sự gan ruột nọ, nữ họa sĩ ngẩng phắt đầu lên, hai con mắt khô ráo long lanh ánh cười. Nàng nhìn người yêu, tiếp:

- Người yêu nhau thường không nhìn rõ mặt nhau đâu, anh à. Nhưng đã có câu nói này: Hãy nhìn hai lần để thấy đúng và chỉ nhìn một lần thôi để thấy đẹp. Và như vậy, em đã lưu giữ gương mặt tuyệt đẹp của anh trong ký ức vĩnh viễn của em. Còn bây giờ anh hãy nhìn thẳng mặt em đây, để em đối chiếu thử xem, để em sửa soạn làm một cái phác thảo chân dung anh bằng cả hiện thực lúc này và những điều em hằng ghi nhớ.

- Chà! Cô học trò bé nhỏ của anh. Khi anh bị người ta đến bắt, em có nhớ, lúc đó anh đang ở trên giảng đường. Và anh đã nhìn em lần cuối để ghi nhớ mãi bóng hình em. Với anh, em là cái đẹp vững bền, vĩnh cửu.

Người đàn ông vừa nói vừa trút hai quai cái *ba lô* khỏi vai, rồi dang rộng hai cánh tay ôm trọn thân hình bé nhỏ của nữ họa sĩ. Chính lúc ấy, Bốp đứng ngậy người. Một tình cảm xa lạ đang nhập vào nó. Con say đắm nảy sinh từ hai con người tràn vào Bốp nỗi triu mến, dịu dàng. Nhưng thốt nhiên như có gì đó vừa được sơ ngộ, trước mặt Bốp bừng sáng một cảnh giới lạ lùng hiếm hoi, Bốp liền nhảy lên, hé răng, đập nhẹ vào

cổ tay phải người đàn ông, khi ông vừa áp mạnh tay vào phần eo hông của nữ họa sĩ sau bao nhiêu năm đợi chờ mà vẫn mượt mà, mềm mại. Nó có cảm giác bị tước đoạt.

- Bốp! Sao lại thế con?

Nữ họa sĩ quay lại, rồi cúi xuống, một tay xốc con chó ngược lên. Và người đàn ông thấu hiểu hết nguồn cơn, tay vẫn ôm chặt người phụ nữ yêu dấu, nhưng ngoảnh mặt lại nhìn xuống Bốp, âu yếm và dịu dàng:

-Ồ! Bốp đấy à! Bốp ơi, người ba đáng, vật ba loài. Bốp là hạng thượng, ta và Huê xếp lớp ưu tú. Chúng ta là bạn bè chí cốt với nhau mà.

1/6/2005

THÁNG BẢY Ở CHÙA LÀNG

Coong coong coong...

Chuông đổ một hồi dài báo hiệu lễ tan, Đài mới từ thành phố dắt xe về đến chùa làng. Để xe ở nhà tổ, vội vã đi lên ngôi thượng điện vừa lúc gặp vợ bung đồng mã đã ra tới sân ngoái lại giục vào lễ tạ, anh liền né người, qua cửa, bước vào gian đặt bàn thờ Phật.

Phần chính của buổi lễ Vu Lan rằm tháng Bảy ta hằng năm của họ tộc Đài đã xong. Lễ cúng cơm, cúng cháo, cấp mã cũng đã hoàn thành. Người dự lễ đã ra sân, đang lũ lượt kéo đến đài hỏa, nơi đốt mã cho người thân dưới âm, đặt ở góc sân trái, điểm dừng cuối cùng của hàng đại cổ thụ vạm mình, trở hoa trông giống như bầy thiếu nữ trong một vũ khúc cổ. Trước chiếu lễ, cạnh cái mõ lớn hơn quả dưa đại, chiếc chuông treo còn lắc lư trong một dao động phản hồi, tỏa ra cái cảm xúc rung rung, và tôn nghiêm vốn là cái không khí đặc trưng của chiếc bàn thờ lớn chiếm cả một gian giữa lộng lẫy vàng son, ngần ngật ảnh tượng Phật Tổ, các chư Phật và các đồ thờ, lúc này đang mờ mờ khói hương và phảng phất những ngọn bạch lạp cháy dựng đứng hình búp đa.

Bàn vong đặt ở phía trái ngôi thượng điện. Ở đó, mấy người phụ nữ đang cúi húi thu dọn nốt đồ mã còn ngổn ngang bên

cạnh bàn thờ. Và mặc dầu buổi lễ kéo dài gần hết buổi sáng đã qua hồi kết thúc, một người phụ nữ tuổi ngoại năm mươi, vóc hình đầy đặn, mặc áo nâu dài, vắn tay chấp trước ngực, mắt đang ngược lên phía trên bàn vong, nơi gắn hình tượng và tên tuổi của cả trăm người đã khuất, đang gửi gắm linh hồn ở nơi đây, khẩn lời cuối cùng, rồi nhắc chiếc đĩa men xanh trên mặt bệ thờ, nâng lên ngang ngực, miệng xuyt xoạt thành kính, tay sờ soạng tìm nhặt hai đồng trinh đã đặt sẵn trong lòng đĩa. Hai tiếng cạch khô khan của hai đồng trinh gieo dội lên mờ mờ hóa ra lại là hai tín hiệu vui mừng. Người phụ nữ vừa xin âm dương có khuôn mặt tròn đầy, nở một nụ cười thật tươi, quay lại nheo nheo hai con mắt âu yếm như bất chợt nhìn thấy Đài:

- Cậu Đài! Chị khẩn rồi. Các cụ ở dưới âm mừng lắm. Lần này chắc chắn các cụ sẽ nhận được tất cả các đồ mã chị em mình gửi xuống đấy, cậu ạ.

- Chị Na, em có việc đột xuất phải lên họp ở trên Bộ nên về chậm.

- Mợ Thu nói rồi. Nay, cậu Đài này. Lần trước các em cúng mã quên không khẩn gửi ông Vũ Lâm nên các vong hồn vô thừa nhận họ cướp mất cả. Ông Vũ Lâm là quan coi kho ở dưới đó mà, em.

Góc trái sân chùa, thấp thoáng bóng mấy người phụ nữ trong ánh lửa đốt mã nhấp nháy, chợt vang vang giọng một người đàn ông:

- Các bà cứ đốt đi. Coi như ở trên trần họp xong các cụ được nhận phong bì tiền thù lao. Không sợ nhầm đâu. Xuống đấy rồi các cụ đổi cho nhau cũng được.

- Bô lô ba la cái gì ngoài ấy thế không biết, cái ông Cách nhà này!

Người phụ nữ vừa xin âm dương đặt chiếc đĩa nguyên vị hai đồng trinh ngửa như hai miệng cười, lầu bầu một mình, rồi chờ Đài lễ tạ xong, bảo Đài cùng đi ra sân chùa.

Nơi đốt mã, trừ vợ Đài ăn mặc kiêu thành thị, còn ba, bốn bà đều quần thâm áo nâu dài đang lúi cúi cầm que cời cho mã cháy đều. Đứng cạnh họ là ông Cách, chồng chị Na. Ông Cách, cao một mét bảy mươi lăm, râu quai nón đen rậm, dữ tướng, mặc áo the đen ngắn cũn cỡn, chom chỏm vành khăn xếp trên cái đầu hói bóng, trắng kiện và nghênh ngang, tay chấp sau lưng, đứng như người vãn cảnh, thấy Đài bước ra liền quay lại.

- Chào anh Cách ạ.

- Cậu mới đến ạ? Các cụ chuyển này tha hồ mà tiêu xài nhé! Dưới âm cũng toàn cầu hóa nên có cả *đô la*. Tiền âm phủ mà đẹp y như tiền thật, cậu Đài ạ.

Đài bắt tay ông Cách, ngồi xuống cạnh đồng mã chưa hỏa thiêu lỏng chống cạnh đài hỏa. Hai chú ngựa. Một cái xe máy. Một chiếc ti vi. Chồng đồng, ngổn ngang quần áo, mũ măng, giày dép, bạc nén, dinh vàng.

- Giở đi cho chín đều, cháy hết, mợ Thu. Cả năm được rằm tháng Bảy. Dịp này là dịp để gửi đồ cho các vong, nên đồ mã nhiều, em à.

Chị Na giành cái que cời trong tay vợ Đài, mặt hồng trong ánh lửa vàng rượm từ miệng lò hắt ra, tay gạt nhoay nhoáy mấy xếp vàng lá, miệng lầm nhảm:

- Con lạy các cụ, các ông các bà, cô dì chú bác. Ti vi con gửi xuống để xem chung. Còn hai con ngựa để các cụ giao lưu sơn thủy ạ.

Đang khấn thâm chột ngưng, người phụ nữ quay sang Đài, mặt trầm trầm xa lắc:

- Ba em ngày trước dặn chị: Sau này có con thì phải nuôi chúng tử tế, không được để chúng khổ. Chị cứ nhớ mãi, em ạ. Lạy cậu! Lạy cậu! Con biết cậu thích mặc *badđoxuy*¹, đội mũ phớt. Năm nay chúng con gửi xuống để cậu dùng. Này, các em, giở đều cho mã cháy hết, rồi chị thu tàn đưa ra ao đình.

Lửa loang loáng một ánh vàng ôm choàng những xấp bạc lá. Lan sang xấp tiền vàng, lửa liếm từng tờ tiền giấy, tàn uốn cong xanh đen màu thiếc cháy. Khối vàng dính đứt dây, tung tở từng thoi lem lém cùng hai con ngựa, chiếc ti vi, cái xe máy bắt lửa lòe cháy đùng đùng, phát tiếng ù ù như reo vui.

- Cũng tốn khối tiền đấy nhỉ! - Ông Cách ngửa ngực, tay chắp sau lưng, ngật ngà ngật ngưỡng nhìn đám mã hỏa thiêu bùng một lời bình.

Chị Na chưa kịp trách ông chồng ngộc nghếch vô ý vô tứ đã nghe thấy tiếng gậy chống lộc cộc ở phía sau, liền quay lại và chưa kịp cất tiếng chào đã thấy tiếng Đài reo:

- Cô Quỳnh!

Bà cụ chít khăn mỏ quạ, lưng còng, tay chống gậy trúc, ngược hai con mắt sập mi lên, hấp háy nhìn Đài.

- Cô nhấp nhô ngoài ngõ. Quý hóa quá còn nhận ra cô. Anh là Đài, con ông Hai Yên, hở?

- Vâng, con đây, cô không nhận ra con à?

- Sáng nay cô thấy người vàng vắt khó chịu, giờ mới tới được. Cháu đứng tên cúng gia tiên, hả? Thế thì vào bàn thờ tổ cùng cô để cô lễ tạ các cụ nào.

Đỡ bà cô lên bậc, dắt bà vào gian thờ, thay bà cắm nén tâm nhang lên bát hương lớn, Đài cùng bà đứng trước bàn Tam Bảo. Ngoài vườn, chập chờn cơn mưa tháng Bảy nước lên,

1. Pardessus.

nghe như có hạt nước rơi nhẹ nhẹ trên tàu chuối, vòm nhãn, giàn trâu, búi nhót, cành cau, ngọn tháp. Trong gian thờ, nhìn khói hương tỏa lan những sợi tơ mỏng mảnh như bay về một cõi giới vô hình, Đài bồng rung rung một nỗi sợ sệt trước cái bao la vô tận của một không gian đã vượt khỏi mọi phép tính toán đo lường và giới hạn. Đã bắt gặp những ý tưởng vượt không gian. Đã bắt gặp những hình tượng siêu thời gian. Đài có cảm giác qua những cái bình thường và đơn điệu đang tham dự vào sự vĩnh hằng và lòng dâng lên niềm tôn kính khi ngược lên bàn thờ biểu trưng của sự thiêng liêng được thờ phụng đang hừng sáng trong ánh hồi quang tự cõi xa tỏa về, như từ ngoài đài hỏa hắt vào.

*

Mọi việc đã hoàn tất. Mâm cơm cúng trên bàn thờ Tam Bảo hạ xuống cùng mấy mâm cơm chay từ nhà tổ bung lên, đặt một dãy dài trên vệt chiếu hoa rải dọc hành lang ngôi thượng điện. Chị Na từ ngoài sân chùa bước vào, xắm xắn và bao quát theo thói quen của chị cả, yêu cầu các em, kể từ vợ chồng Đài trở xuống, mời các cụ, các bác và sư thầy, nhất là sư thầy, lên ăn cơm. Sư thầy mới về trụ trì ở làng ta còn trẻ nhưng có uy tín lắm. Chị nói: “Mùa này, người làng đến xin cúng lễ rất đông. Vì chẳng đã có câu: cả năm được rằm tháng Bảy, cả thầy được rằm tháng Giêng đấy như? Sắp xếp được sư thầy giúp cho một buổi cúng gia tiên lúc này là phải khéo lắm. Hơn nữa, lúc này các sư còn đang luân phiên nhau đi học hạ ở Chùa Quán Sứ.”

Đó cũng là những điều bà Quý nói với mọi người lúc này đã tụ tập đông đủ trước điện thờ. Mặc cái áo dài *xa tanh* màu huyết dụ, bà cô đã ngoại chín mươi tuổi của Đài lưng còng

gập, mắt sập mi, mặt vẫn hồng hào, sáng tươi, lấp lánh hai chấm hoa tai mặt đàn, vừa lụng bụng nhai trầu vừa nói rằng lúc này ai đi xin số nói thế nào để số ghi tên cụ ông thứ sáu là Dầm thành Đầm, để sư thầy theo số cứ thế đọc, nay cần phải đính chính.

- Thôi, cụ cũng đánh chữ đại xá, bỏ qua cho sơ suất nhỏ. - Ông Cách xoa xoa hai bàn tay dày nặng trước bà cô, cười hề hề.

Bà cụ vuốt quệt trầu, lụng búng:

- Lại còn thanh bông hoa quả, bánh trái trên bàn thờ nữa. Đã dặn rồi. Tíu tíu một cái là quên cả lộc thầy. Lộc thầy phải lấy ở bàn Tam Bảo chứ, lấy ở bàn vong là thầy không nhận đâu.

- Xin tiếp thu ý kiến của bà!

Ông Cách rụt chân đứng nghiêm, trịnh trọng và pha trò. Ánh lửa đốt mã đã tắt hẳn. Quay lại thấy vợ chồng Đài đang cùng sư thầy bước lên hành lang, ông Cách liên nủ tay bà cô:

- Thôi, mời cụ và vợ chồng Đài ngồi mâm này cùng con tiếp sư thầy. Nào mời, sư thầy.

Không còn áo cà sa vàng, sư thầy hóa ra lại là một trang nam nhi tuấn tú, tóc đen nhánh, mặt trái xoan, môi đỏ, gọn ghẽ trong cái sơ mi trắng cổ cứng và cái quần pha len tím. Ai dám bảo là sư thầy, vì cũng kính gọng vàng, bút Pilot cài túi, đồng hồ Seiko lũng lảng trên cổ tay trái. Tượng khác lạ, nhưng cũng là đời thường, ở cái cầm lẹm có miếng vá đen sì bằng ngón tay lồi xồm lông râu.

Trật cái khăn xếp đặt lên đùi, ông Cách vỗ bộp vai sư thầy, cười hà hà, nghiêng ngả:

- Trẻ, đẹp trai nữa mới chết chứ! Ba mươi chứ mấy! Về chùa làng này lâu chưa?

Sư thầy gãi gãi cổ, nhỏ nhẹ:

- Dạ, em là người làng này. Đúng ba chục rồi ạ.

Ông Cách trợn trừng:

- Ở làng này sao tớ không biết? Tớ là Cách. Cách xôm, Cách cắt tóc. Năm 45, tớ đeo mã tấu, cầm cờ dẫn đầu trai đình làng này ra đầu ô đón Việt Minh, rồi qua chùa này, rủ các sư các vãi ra đình *mít tinh*. Chùa làng mình hồi ấy đẹp, to nhất vùng này.

Các mâm ở phía dưới đã xếp đủ người, đang bắt đầu ran ran câu chuyện về thời tiết, xóm làng, bà con họ hàng xa gần, ai còn ai mất, ai làm gì ở đâu. Chị Na đứng dậy, bước tới, đập khê vào vai ông chồng ra hiệu yên lặng, rồi chấp tay, trân trọng ngập ngừng:

- Dạ, cũng đã trưa rồi. Để mời sư thầy thụ trai cùng với gia đình họ tộc chúng tôi ạ.

Sư thầy hơi ngẩn lên, hít hà:

- Bác Na, bác chu đáo quá!

Rồi quay lại nhìn ông Cách:

- râu anh đẹp như râu ông Fidel ấy nhỉ! Làm quan có dạng, làm dáng có hình. Anh mà đi bộ đội phải lên tướng một sao là bét nhất.

Ngửa người, ông Cách cười thật giòn. Sau chén rượu đầu, ông cười càng giòn, càng to. Rượu làm ông bùng lên vẻ đẹp đàn ông. Người ông như nở thêm ra, vạm vỡ, rắn rỏi. Mặt ông đầy tràn sinh khí, rực hồng. Mắt ông lóng lánh hòa hợp với bộ râu quai nón rậm rì oai nghi. Ôi, ông Cách, đại đội trưởng mũi nhọn mác xung kích tung hoành trên mặt trận Đông Bắc những năm 48 - 50! Ông Cách, tiểu đoàn trưởng pháo cao xạ hiên ngang giăng lưới lửa trên vòm trời Điện Biên. Ông Cách, thủ trưởng trung đoàn tên lửa, vóc hình sừng sững, râu tóc oai vệ như lãnh tụ Cuba, rang rang tiếng cười vang miền đất đỏ

Vĩnh Linh, ngày đầu tiên bắn rơi pháo đài bay B52 Mỹ. Ông Cách ăn to nói lớn, bạo tợn, ngang tàng, khí phách, bất chấp hiểm nguy. Ông Cách ngay thẳng, ông Cách hồn hậu, hơn bốn chục năm chiến trận, lập toàn công lớn, bạn bè thấy đều lên chức tướng, phục viên về làng chỉ với chức trung tá, sau bao nhiêu thiệt thòi thua kém, không may mắn hận đời, hoặc rầu rĩ than thân trách phận, hôm nay khuôn mình trong bộ áo the, khăn xếp, trở thành một thành viên giản dị trong phả hệ gia tộc, như một con người hòa tan tự ngã vào hoàn cảnh.

- Cậu Đài lúc ấy chắc còn nhỏ nhỉ?

- Năm nào hả, anh?

- Năm 45 ấy. - Ông Cách quay mặt lại. - Chùa làng mình xưa đẹp lắm. Tiếc là năm 46, kháng chiến bùng nổ, Tây đánh về đốt mất. Tôi nhớ vẫn là chỗ này, nhưng từ ngoài đi vào qua gác chuông, đến nhà bia, tiền đường thiên hương, thượng điện, người cứ mê đi! Hai dãy hành lang chạy suốt từ hai nhà bia đến giáp hậu đường toàn tượng Phật đẹp không nơi nào bằng, các cậu ạ.

Ông Cách ngھn người, trở tay ra bên ngoài. Sư thầy buông đũa. Và Đài, vốn con người đa cảm, đã lại như bị ông anh họ từng trải, quảng giao, đa sự lôi cuốn. Lại như thấy hiện hiện khung cảnh những mái chùa nhấp nhô với hai hàng tháp đá cao vút giữa một vùng cây cối ẩm áp và gần gũi. Lại như thấy cái phức diệu, tinh tế trong bố cục tổng thể, trong ánh hào quang nơi thượng điện tỏa ra từ bức tượng Phật Quan Âm nghìn mắt nghìn tay, từ các pho Tuyết Sơn, Quan Âm Tọa Sơn, Văn Thù, Phổ Hiền, các Kim Đồng - Ngọc Nữ, từ hai vị hộ pháp khuyến thiện đứng gác hai bên cửa, mình mặc áo giáp kiểu võ sĩ, tay nâng viên ngọc báu, tay cầm binh khí, ngồi trên con sơn, đến các ván ngưỡng, câu đầu, kẻ bảy cửa tòa tiền đường chạm khắc hình rồng bay mây xoắn, đao mác, hoa

lan. Lại một lần nữa rừng rưng rưng trong Đài cái cảm xúc thiêng liêng của cuộc giao kết gia tộc nhân ngày lễ tháng Bảy này. Ôi, gia đình, họ tộc, tổ tiên, người mất, người còn một dòng chảy quyền luyến ngoài thời gian, bền vững, vô tận!

- Tôi nhớ, hai bên chùa là hai dãy quán lát ván. Mỗi khi hội chùa, người ngồi xem trưng lễ, rước lễ đông nghìn nghịt.

Nảy nhẹ hai đánh đùi, tiếp tục dòng ký ức đầy vẻ khoái hoạt, ông Cách cao giọng vừa định tiếp thì chị Na từ mâm dưới đã quát với lên:

- Này, ông râu rậm, bô lô ba la mãi thôi, không nghe thấy bà hỏi, à?

Không để ông Cách kịp hỏi, bà Quý đã ghềnh ghềnh cổ trong mớ khăn quàng lòng nhùng:

- Này! Anh Cách, thế tôi hỏi anh, anh có nhớ cụ đời thứ mười chín họ ta tên là gì không?

- Thưa bà, cụ tên là Đinh Trọng Sớm ạ!

- Đúng rồi. Cụ tên là Sớm. Vì thế họ tộc ta khi gặp chữ “sớm” đều nói là “sủa” cả.

Rung đùi, ông Cách vượt chòm râu, khoái trá:

- Thế con đỡ bà, trong họ tộc ta to nhất về đường võ bị là ai nào?

- À, thằng này nó định lên mặt với bà!

- Thì con thử đỡ xem bà có biết không?

- Là cái thằng ở bang lang tổng, bông lông xã tên là Cách, quan năm, tức trung tá bộ đội tên lửa bắn rơi B52. Thằng Cách bạt tử, rách giới rơi xuống, cầm đầu trai làng này đánh nhau với trai làng Trung Tử bên kia ô. Chính mày ném cái cối đá xuống ao đình, thế bao giờ cối đá nổi mới giao hảo thân tình trở lại.

- Thôi thôi... Con xin bà.

- Đây, nghe bà nói hết đã, làm quan có mả, kẻ cả có dòng đấy, con ạ, không phải bà nói nịnh mày.

Ông Cách đặt chén rượu, cười hờ hờ, ghé sang Đài, như lảng chuyện:

- Cậu đã tắm ao đình chưa? Cạnh ao đình xưa có cái giếng đình nước ngọt lắm. Mỗi bận đi cắt tóc từ đầu ô về, tớ xuống, lấy cái lá đa khoanh lại thành cái bồ đài múc uống, mát đến tận gan ruột.

Ngừng lời, nhìn sang bà Quỳ, ông Cách nhường hai con mắt, cao giọng trở lại câu chuyện:

- Bà ơi, có giặc thì đi, hết giặc lại về làng. Trước sau con cũng chỉ là thằng thợ cắt tóc thôi. Còn to nhất bây giờ là cậu Đài, bà ạ.

Đài lắc lắc đầu, chặc lưỡi:

- To gì!

Ông Cách trợn mắt:

- Vụ trưởng một vụ lớn ở Bộ Văn hóa, loại bộ sang trọng nhất nước mà còn không to?

Tay chim chim nắm xôi, bà Quỳ nghiêng sang bên Đài:

- Thế anh sắp về hưu chưa?

- Con còn dăm năm nữa. Nhưng có lẽ...

Câu nói ngập ngừng của Đài khiến ông Cách hơi nhồm dậ, có lẽ ông định chen ngang, nhưng bà Quỳ đã đưa tay xua xua:

- Đây, tao hỏi: Thế thằng Thủy lấy vợ chưa hay mới chỉ có mình con Ngân lấy chồng?

- Lấy thì phải mời cô đi dạm hỏi, làm chủ lễ cho chú! Cô là bậc cao niên nhất dòng họ ta bây giờ. Mọi việc trong họ sao lại vắng cô được?

- Tôi năm nay chín ba rồi. Cô Dinh kém tôi hai tuổi. Có mời cũng khó đi đấy.

- Cô còn sống đến ngoài một trăm. Cô ơi, thế cô Dinh cháu đâu?

- Bà ấy hẹn chốc nữa đến. Hừ! Chồng thế, thế là lên ông rồi nhỉ? Thế con cái Ngân nó biết làm gì rồi?

- Nó biết dối. Nó biết tiêu tiền. Biết cả nói tục, hát bậy nữa, bà ạ.

Hơi ngẩn dậy, bà Quý đưa tay gài mấy sợi tóc vương bên tai, cười nhè nhẹ:

- Nghe cái giọng, cái cách anh nói tôi lại nhớ bố anh. Y như là thấy lại thời tôi còn nhỏ, bố anh đi làm sỏ ở trên phố về, gặp tôi đứng chơi ở đường Tàu điện, thế là quát: “Lại đem tiền đi ăn quà rồi, hả?” Anh và anh Thế em anh là giống bố anh nhất.

Ông Cách nhìn Đài gật gù:

- Chú Thế hy sinh ở Quảng Trị năm 1972 nhỉ? Năm đó tôi ở Vĩnh Linh, có được biết tin.

- Vâng, em và nhà em vừa rồi vào trong đó tìm được hài cốt chú ấy, đưa được về nghĩa trang Từ Liêm. Còn vong cũng đưa lên chùa làng rồi.

- Này!

- Cô bảo gì con ạ?

- Lần sau về làng thì cho con cháu nó về cùng nhá! Không nó quên cả tổ tông họ hàng thì sao!

Ông Cách đưa tay nắm nắm xôi:

- Quên là quên thế nào, bà! Vong hồn cha mẹ quy tụ về đây cả. Con cháu đi xa, ở nơi khác, trước sau rồi cũng quay về đây thôi. Có phải không, sư thầy?

Sư thầy, từ lúc vào mâm cơm vẫn ngồi chíp chíp môi sau mỗi lần nhấp một ngụm nước cam, trước cái bát được ông Cách tiếp đầy ụ thức ăn, giờ như linh hoạt hẳn lên:

- Em đồng ý với bác Cách đấy. Em cũng có cảm giác như thế. Thành ra, em ở bộ đội về, bố em bảo: “Bây giờ ở chùa làng khuyết sư, mày xin đi học rồi về chùa làng đi”, lúc đầu em chối phắt, sau em nghĩ lại...

Sư thầy gieo một nốt nhạc buông. Im vắng chạy suốt hàng hiên đầy bóng người đang vừa râm ran. Nghe thấy bóng nắng len trên những tàu chuối vàng nõn màu tơ lụa. Tiếng rúc của một con chích chòe rơi vào thăm thẳm và nghe mơ hồ trong thanh tĩnh đến vô cùng tiếng cựa động của đàn gà con nằm bên gà mẹ dưới gầm bụi nhót xanh rậm. Xa cách tất cả rồi! Xa cách tất cả phồn tạp nhộn nhàng để về đây, để trở lại làm người con, người cháu bé nhỏ trong cộng đồng gia tộc, trong một khoảnh khắc sống thật cân bằng và thanh sạch; đó là điều, sau bao nhiêu biến động thăng trầm của cuộc sống riêng Đài mới nhận ra.

*

- Này, anh Đài, anh còn nhớ ai đây không?

Một bàn tay nhỏ vừa đặt nhẹ lên vai Đài. Đài quay lại sau. Một bà lão hom hem, móm mém, tóc cùn cụt thò ra ngoài vành khăn, mắt cặp kèm đang ngược nhìn Đài. Cạnh bà lão là hai người phụ nữ tuổi cũng đã ngoài bảy mươi.

- Cô Dinh! - Đài thốt gọi.

- Còn đây?

- Dì Bưởi.

- Đây nữa?

- Dì Hoài.

Bà lão đưa tay quệt đuôi mắt.

- Cứ tưởng anh quên chúng tôi, những người nghèo khó, ăn bữa sáng lo bữa tối rồi.

- Kìa, cô!

- Anh Đài ơi, trông thấy anh tôi lại thấy xấu hổ, lại muốn chết đi cho xong đời, anh ơi!

- Cô!

- Khổ nhục lắm, anh ơi! - Bà cô gầy gù, đưa tay che khuôn mặt khô xác, khổ ải chột như nghen ắng, nấc mấy tiếng ngắn rồi ngửa mặt lên hờ.

Ông Cách nắm tay Đài và Đài hiểu rằng bà cô của anh đang nói về thằng con cả hư đồn của bà. Thằng con hư đồn của bà không hiểu nó nảy nòi từ đâu ra. Nó buôn thuốc phiện, nó dùng súng bắn trả công an. Nó làm tủi hổ vong linh ông bà, tổ tiên. Nó làm khổ mẹ nó, nó làm bà hổ thẹn trước mọi người trong họ tộc. Dường như đã nghe qua nhiều lần câu chuyện, không chịu nổi cái giọng kể cà kẻ khổ nọ, bà Quý buông bát, chống gậy đứng dậy, giật tay bà Dinh, mặt cau cau:

- Ô hay! Cô Dinh! Tôi đã nói rồi, năm ngón tay có ngón ngắn ngón dài. Mọi người đều hiểu cả. Than vãn mãi mà làm gì!

Rồi quay ngang quay ngửa, bà cao rao, cố tình chuyển đổi không khí có phần u ám lúc này:

- Nay, ông tướng văn với ông tướng võ, hai bố trẻ Cách và Đài, hai bố tướng có biết vì sao lại có ngày lễ Vu Lan không nào?

Ông Cách chấp hai tay, đổi giọng diễn tuồng:

- Chúng thần xin nghe lời dạy bảo của mẫu hậu ạ!

Bà Quỳ phì cười:

- Chỉ được cái bẻm mép. Không biết thì nghe đây, rồi về truyền lại cho con cái chúng biết nhé!

Rồi chuyển giọng nhần nha:

- Tích truyện đời cổ là thế này. Ngày xưa có một người đàn bà ác độc lắm, tên là Thanh Đề. Bà không biết xót thương người nghèo khổ, kẻ ăn xin vào đến cổng nhà bà cũng dừng hông bà bố thí cho miếng cơm thừa, bát canh cạn. Đã thế bà lại còn hay chọc ghẹo các sư thầy, các nữ tu, báng bổ Đức Phật, xúc phạm các cô hồn...

Im lặng chạy suốt chiều dài hành lang ngôi thượng điện ngan ngát mùi khói hương, phản ánh cái nhu cầu tìm về cội nguồn của tâm khảm mỗi người. Im lặng đến vô thanh sau những ồn ã biểu lộ cái nhu cầu lặn lội vào miền nội tâm sâu thẳm của chính Đài. Một lần nữa Đài hiểu thêm cuộc đời ở những lớp lang khác trong sự chiếu rọi của một ngọn đèn nhân sinh thấp sáng bằng ngọn lửa tâm linh. Không chịu ngồi yên, người động cựa duy nhất trong lúc này là ông Cách. Ông ghé sang bà Đình, tay che miệng, lì thì: “Chả ai sung sướng đâu, bà ơi. Bà quên nó đi! Nó có tội nó phải chịu!” Bị bà vợ cấu vào sườn nhắc nhở, ông mới quay trở lại, dục dợn sửa thế ngồi, giả vờ lim dim mắt lắng nghe. Cũng là lúc bà Quỳ kể tới đoạn truyện bà Thanh Đề chết xuống âm phủ phải chịu tội ngồi trên chiếc giường toàn đinh nhọn, trên đầu đội cái thống đầy máu, quanh năm suốt tháng phải đói khát vì đồ ăn hễ cứ đưa lên miệng là biến thành máu me và bốc cháy cả.

- A, thế thì con nhớ rồi, bà ơi! - Đột nhiên, ông Cách vỗ đùi đánh bốp.

Bà Quỳ vuốt hai bên mép:

- À, thế thì anh kể tiếp thay cô đi. Có nước cho bà xin một hùm nào!

- Có phải thế này không bà? - Ông Cách hơi ngả người ra sau, sáng khoái hoạt bát. - Con trai bà Thanh Đề là Mục Kiều Liên, một nhà sư có đạo hạnh cao khi còn ở trên trần đã hết mức khuyên nhủ mà bà không nghe nên bây giờ, khi đã tu thành chánh quả, nghĩa là có thể nhìn xuyên từ cõi trần đến cõi thiêng, như bây giờ có *ra đa* mất thần của bộ đội tên lửa tụi con ấy, nhìn thấy cảnh mẹ bị đầy đọa vậy nên ngài rất xót đau.

- Phải rồi!

- Vì vậy ngài mới xin với Đức Phật là để mình thay mẹ chịu thọ phạt. Đức Phật thấu lòng hiếu thảo của ngài, nhưng bảo ngài về trần làm lễ Vu Lan vào rằm tháng Bảy xá tội vong nhân và bố thí cô hồn. Vì vậy...

- Đi bộ đội, qua bao nhiêu trận mạc mà anh còn nhớ nhỉ?

Bà Dinh ngược hai con mắt cặp kèm nhìn ông Cách lắm thâm thán phục. Đài ghé tai ông anh họ:

- Bây giờ em mới được nghe tích truyện này đấy.

Ông Cách rung đùi:

- Chuyện, trước Cách mạng, cậu còn bé tí.

Mọi người râm ran cười nói. Có vẻ như ai cũng thích thái độ vui vẻ chan hòa của ông Cách. Càng thích cách nói năng gọn ghẽ, khúc chiết, cái lối ví von ngộ nghĩnh của ông. Ông nhận ra điều đó. Nhưng ông như sức nhớ, quay sang, bá vai Đài, ngắt nga ngắt ngửng:

- Nay, lúc này anh định nói với cậu mà chưa kịp. Anh biết đời cậu có nhiều oan ức. Thế chớ nào mà chúng nó dám đặt chuyện ông cụ, bà cụ cậu là người Tàu rồi đẩy cậu lên miền núi hơn chục năm nhỉ? Thật là không thể tưởng tượng được.

Nhưng mà cuộc đời nó có cái hay là, đã có cái biến thì lại có cái bất biến. Cậu biết không, cũng như cậu, thế quái nào mà có thằng cấp to hăn hoi nó còn vu tố là con trai một lão Tây thuộc địa rồi đòi cách chức trung đoàn trưởng của tớ. Nhưng mà thôi, cái đều giả ở đời xưa nay đâu có thiếu. Nói đến nó làm cóc gì. Nó vô nghĩa. Nó là bèo bọt. Nó không còn lại.

Đột ngột dừng lời, ông Cách lại trợn trừng như lần đầu tiên ông nhìn thấy Đài trong trang phục quần âu, áo sơ mi hoa:

- Này, lần sau lên chùa cậu có định đóng bộ áo the khăn xếp quốc phục như anh không? Để anh sắm cho. Rẻ hơn bộ *com lê* nhiều. Đây, cái khăn xếp anh đội đây giá có hai chục ngàn. Mặt cậu tròn, đội đẹp phải biết. Nhưng mà có dám không đã?

- Ai bạt tử bằng anh mà anh còn mặc được nữa là em. - Đài đáp, nhìn bà vợ ngồi cạnh cô Dinh như có ý tiếp tục an ủi cô và cùng xao xuyến vì câu chuyện nguồn gốc của lễ rằm tháng Bảy.

Tiếng chuông vừa thỉnh một hồi dài ở trước bàn thờ Phật.

Coong coong coong...

Tiếng chuông chùa, tiếng bạc và tiếng đồng, mặt chú của Phật, phản hồi của một dao động nguyên thủy, tiếng dội của một đấng quyền năng vào cõi nhân sinh, trong giây phút đã nói rộng không gian làm tiêu tan những giới hạn nhất thời của mỗi thân phận riêng lẻ.

Hà Nội, 5/2/2001

TÌNH BIẾN

Chính là chiếc áo tắm nữ đen tuyền ấy đã lên tiếng mách bảo. Chính là chiếc áo tắm nữ đen tuyền căng trên sợi dây phơi giăng qua cái sân gạch rộng mênh mông của khu nhà nghỉ lúc này chỉ còn có độc mình Khang nằm an dưỡng đã gây nên niềm phấp phỏng mơ hồ cho Khang. Và cuối cùng thì chiều ấy, mọi sự mập mờ thế là được giải tỏa.

Bữa cơm chiều, trên cái bàn tròn lớn trong nhà ăn khác hẳn mọi khi đã có tới hai suất cơm. Và khi Khang trong cảm giác hoàn toàn khoan khoái sau lúc tắm biển về, ngồi xuống bàn ăn, vừa ngẩng lên thì ở phía đối diện anh, giống như một cái bóng trắng từ trên cao vừa nhẹ nhàng hạ xuống, một thiếu phụ thanh mảnh trong sắc áo lụa bạch, đã khe khẽ cất tiếng chào:

- Chào anh ạ!

- Chào chị. Chị mới đến chiều nay?

Lạch bạch từ gian bếp đi lên, đặt xuống rìa bàn một đĩa lớn dưa hấu đỏ hồng đã xắt thành từng miếng quân cờ, chị Lộc cấp dưỡng nhìn Khang, chànch một nụ cười rộng miệng:

- Thế là anh Khang có bạn rồi nhé. Anh Khang là nhà văn đó, chị An. Chị An xơi cơm đi! Chị ăn xem có vừa miệng không?

- Chà! Thật vinh hạnh cho em.

- Chị An xơi cơm đi...

Ngước lên nhìn Khang cái nhìn thật kính trọng, người phụ nữ nhỏ nhỏ:

- Vào tận cực Nam Trung Bộ này mà còn được ăn canh rau muống nấu gừng với cà pháo trắng phau thế kia thì còn gì bằng, anh Khang nhỉ?

- Đó là yêu cầu của anh Khang đấy, chị ạ.

- Cám ơn anh Khang, cám ơn chị Lộc nhiều.

- Sáng mai anh chị thích điểm tâm món gì? Phở, bún bò, bánh cuốn, xôi dừa hay mì vằn thắn?

Khang mím môi im lặng. Người thiếu phụ ngoảnh lại nhìn chị Lộc, khe khẽ đáp. Một giọng nói dịu dàng. Một cái cằm xinh xắn trắng xanh và cái vẻ nồn nà của làn da cổ không thật hòa hợp vì những đường gân xanh mờ cùng khuôn ngực vốn phồng nở giờ hạ thấp như một ngọn lửa tàn. Khang nhận ra, bóng hình chiếc áo tắm gợi nhớ so với trực giác lúc này đã sai lệch nhau hoàn toàn. Tuy vậy tổng thể hình ảnh người phụ nữ lại đã đạt đến mục đích cuối cùng là truyền đạt một ấn tượng khiến Khang không khỏi ngỡ ngàng: Ta đã gặp người phụ nữ đẹp nhưng mảnh mai và yếu đuối này ở đâu rồi nhỉ?

- Anh từ ngoài Bắc vào đây nghỉ đã lâu chưa?

- Vừa đúng một tuần.

- Chắc hồi chiến tranh anh ở đây?

- Đâu có. Tôi là một kẻ lạc dòng. Suốt mấy chục năm chiến tranh tôi dạy học ở một bản người Dao. Tôi có cầm súng nhưng là đi săn cây, cáo bảo vệ mùa màng, gia súc. Còn chị?

- Dạ. Thành phố này, em đến cũng đã một tuần. Em ở nhà một người bạn cũ trước cùng trong đơn vị thanh niên xung phong. Hồi chiến tranh, cách đây hơn ba chục năm, đơn vị em đóng quân ở vùng này.

- Mời chị.

- Mặc em! Anh cứ tự nhiên nhé!

Tiếng người thiếu phụ bật đi trong hơi gió biển tạt qua cửa sổ vào nhà ăn. Nghe tiếng chân bước nặng nề, quay lại Khang nhận ra chị Lộc đang đi tới với một đĩa dưa muối vàng hươm. Cuối tháng Tám, dầu là phương Nam quanh năm nắng gió, các nhà nghỉ cũng đã vắng ngơ. Có lẽ là vì trẻ con đã trở lại trường học và lúc này chỉ còn lại ở bãi biển, nhà nghỉ những kẻ không có mối liên hệ với chúng, những người độc thân?

- Ô kìa chị An, chị ăn đi chứ!

Nghe tiếng chị Lộc, Khang nhận ra bát cơm An xối vẫn còn nguyên vẹn. Và An vừa chống tay đứng dậy, mặt trắng bệch, tay áp hai bên má, chân dích ra khỏi bàn ăn.

- Để tớ đỡ. Cậu chóng mặt à?

- Không sao! Không sao! Khó chịu một tí thôi. Anh Khang ăn đi! Chán thế, vừa mới được làm quen với anh.

Ngoài kia, biển thốc gió ào ào, sóng dựng ngọn đổ ầm ầm lên bãi cát. Rặng dừa trước nhà nghỉ xòa lá rung xào xạc. Và trên cái dây phơi giăng chéo qua sân nhà nghỉ, chiếc áo tắm nữ màu đen tuyền căng phồng trong hơi gió biển lật phật bay như một sinh vật nhỏ ứ đầy sự sống, nhìn thấy nó Khang lại vội lảng mắt đi.

*

Thành phố nhỏ nhỏ đẹp mong manh, đáng để một nghệ sĩ nhiếp ảnh tiêu pha vào đó cả một đời người. Gió thổi. Sóng xô. Mùi biển và mùi cá chượp nồng nàn. Mặt trời nhuộm vàng bãi cát. Xa xa, những hòn đảo đầy chim yến nhấp nhô như đang trôi dạt. Bóng người nhấp nhোạng trong hoàng hôn ngửa ngực kéo lưới. Rập rình ánh lửa đèn trên những chiếc thuyền câu mực đêm trùng khơi. Khung cảnh đánh thức một nhu cầu tâm linh thoát khỏi thế tục và lúc này, giống như một ngẫu nhiên

số học, cuộc gặp gỡ tình cờ với người phụ nữ xinh đẹp, xanh xao nọ bỗng trở thành một ám ảnh khôn nguôi trong Khang.

Văn chương là một nguồn chảy ngọc nhiên trong xanh, xuyên qua cái thực thể đơn điệu, nó nhìn thấy cái vô hình đa tạp. Và thế là trong Khang một cuộc săn đuổi đã bắt đầu. Đêm đã biến thành thời khắc nối dài của ban ngày, giấc ngủ không đến như thường lệ, Khang trỗi dậy, bật đèn, như ngày nào còn dạy học ở làng Dao, cùng bạn bè đội cái đèn ló lên đầu, xách khẩu súng đi săn đêm; trong những đêm đen đó, mắt con cây, con cáo ăn đèn lóe sáng hai chấm nhỏ xanh lét. Còn lúc này đêm không phải là con thú mà là một bóng hình còn đang ẩn hiện, nhưng mẫn cảm đã mách bảo, rằng đó là một thực tại, một điểm tựa thực sự cho tinh thần để Khang mê mải kiếm tìm.

- Mời anh xuống ăn sáng ạ.

Trời sáng lóa nơi cửa sổ cùng tiếng nói hậu tình của chị Lộc đã đánh thức cơn mê man trong viết lách và suy đoán suốt đêm dài của Khang. Chân bước thận trọng trên mỗi bậc cầu thang, Khang sững lại trước cửa buồng ăn. Vắng lặng, trên cái bàn tròn rộng lớn quen thuộc, chiếc lồng bàn nhựa đựng một khối đồ tròn cô độc.

- Hôm nay ăn xong anh có đi chơi đâu không?

Cái lồng bàn mở, giữa bàn là đĩa bánh cuốn lớn đầy ụ, bát nước chấm, một khoanh giò. Khang ngược nhìn người nữ cấp dưỡng tận tình vừa cất tiếng hỏi.

- Cám ơn chị Lộc. Hôm nay tôi ở nhà thôi. Chết, sao nhiều bánh và giò thế?

- Anh không thích bánh cuốn trong này à? Nó gần giống bánh cuốn Thanh Trì ngoài đó. Năm ngoái, có ông nhà văn ngoài ấy vào đây ở một tháng liền, ngày nào ông cũng đòi ăn bánh cuốn. Ông ấy dầm cả chiếc bánh vào bát nước chấm, tở nó ra, lật đi lật lại như kiểu ta giữ quần áo, rồi mới nhấc lên đút miệng.

- Tôi cũng thích bánh cuốn trong này chứ. Nhưng sao mà nhiều thế? Chị An đâu? - Cố ghìm nén, bây giờ Khang mới bật lên tiếng hỏi.

Và người nữ nhân viên nhà nghỉ chống tay lên mặt bàn, cố giữ giọng bình thường:

- Chị ấy đi tắm biển sớm lắm. Tắm về đến nhà thì bị ngất. Em vội gọi xe cấp cứu đưa đi bệnh viện. Khổ, từ ngày ở đơn vị thanh niên xung phong với em, chị ấy bị hơi bom, cũng đã yếu lắm rồi.

Miếng bánh nghen ứ ở cổ Khang, ngoài sân là chiếc áo tắm nữ ướt rượt, đen nhánh như một nét phác thảo một ảo hình phụ nữ căng phồng trong gió biển, hạt hờ lay động. Không có một mối liên hệ nào giữa An và hình hài người phụ nữ do chiếc áo tắm nọ gợi niềm liên tưởng trong Khang.

*

Không có mối tương liên nào, sự hòa hợp nào, dù là hồ hững hoặc lấy lệ được thiết lập giữa An hiện hữu với cái ảo hình phụ nữ do chiếc áo tắm nọ gợi nên, kể cả chiều ấy, sau một tuần lễ An nằm viện đã phục hồi, Khang ra biển tắm và bắt gặp chị ngồi trên cái mom đá, mắt đang hướng ra dãy đảo chim đen mờ bập bênh ngoài khơi xa.

An gầy gù và xanh lợt, đơn độc một dáng hình vọng phu. Nhưng thấy từng con sóng lớn đập vỗ tung tóe dưới chân giông đá chị ngồi, Khang bỗng nhận ra, biển không còn là cái lớn lao được phóng chiếu đến vô lượng, biển còn nhỏ bé và ngoan ngoãn nữa.

- Chào chị An.

- Chào anh Khang, anh tắm rồi à?

- Chị có thấy lạnh không? Ở đây gió quá, chênh vênh quá nhỉ?

- Em quen với nguy hiểm rồi. Anh ngồi xuống đây ngắm đảo Chim xem có giống con cá đang bơi không. Anh thông cảm cho em. Vừa mới quen mà đã làm phiền anh.

- Phiền gì mà phiền.

- Cả tuần lễ phải qua lại thăm nom em làm mất bao nhiêu thì giờ của anh. Anh đã viết được nhiều chưa?

Người phụ nữ quay lại. Đôi mắt hai mí thật dịu hiền chớp chớp trên một gương mặt nhỏ nhắn thấp thoáng ánh hồi quang của một câu chuyện dài thật buồn bã.

Chẳng có gì là hòa hợp và không có mối liên hệ nào, dù là mơ hồ giữa cái thân thể mà chiếc áo tắm đen tuyền ôm ấp với cái vóc hình mảnh mai gầy gù bệnh tật trong cái áo dài lụa bạch lúc này của An cả. Khang nghĩ giữa hư ảnh và hiện thực. Anh nhớ tới ảnh hình một thiếu phụ thanh nhã một vẻ gia giáo và cổ kính như vừa từ một trang sách cổ xưa bước ra. Đã có một lần, sau một buổi tự giới thiệu một tác phẩm của mình mới viết ở thư viện Đà Lạt, một công việc điên rồ của một thời trai trẻ háo danh và lảm điên, một thiếu phụ như thế, nhỏ nhắn trong chiếc áo dài vàng mơ nhẹ như một chiếc bóng từ hàng ghế đầu đã bước tới trước anh, cúi đầu thi lễ và nhỏ nhẹ: "Thưa quý anh văn sĩ. Tôi là thứ nữ của Á Nam Trần Tuấn Khải..." Ôi, Á Nam Trần Tuấn Khải, thi sĩ tài danh của nước Việt đầu thế kỷ XX này. Giá như An giờ đây nhìn Khang e lệ xưng danh như thế thì Khang hoàn toàn tin tưởng, hoàn toàn tin tưởng, ôi cái bóng hình nhỏ bé, yếu nhược vô cùng của An!

*

Nhưng An không phải là một ái nữ khuê các của một thi nhân thời cận đại. An là một thiếu nữ nông thôn, cách đây ba mươi năm là một đại đội trưởng thanh niên xung phong ở mặt trận cực Nam Trung Bộ này. Dạo đó chị mới hai mươi hai tuổi,

mập mạp và đỏ hồng như rất nhiều thôn nữ từ nhỏ đã quen với công việc lao động nơi thôn làng. Có điều khác với bè bạn là chị không biến thành dị hình vì công việc lao động nặng nhọc sớm hôm. Chị thừa hưởng sắc đẹp của một bà mẹ nghệ nhân chèo và một ông bố nghệ sĩ nghiệp dư chơi đàn nguyệt. Chị đẹp và thân hình chị lúc đó còn nhờ chiếc áo tắm thủy chung, không biết dối trá, lưu giữ cho đến nay.

Chị năng động, hoạt bát và khỏe mạnh. Chị hát chèo, diễn kịch và đóng cả các vai hề. Các bạn bảo: “Con An là một nửa đại đội.” Quả thật, chị làm được bao nhiêu việc cho mọi người, cho đơn vị. Kể từ nhiệm vụ đảm bảo thông xe, san lấp hố bom đến việc xin gạo ruốc, lương khô của cánh lái xe và hạch tội những gã trai si tình bạc bội với chị em. Bạn bè chị nói: “Mỗi khi cái An ốm, trông nó càng xinh hơn.” Lúc ấy cái đẹp sắc sảo ở chị hài hòa với vẻ hiền dịu của một tâm hồn đa cảm, mặn mà. Chị có một cuộc tình lãng mạn với một anh đại đội trưởng vận tải cùng quê. Họ đã yêu nhau từ ngày cùng học ở trường cấp ba huyện nhà. Chiến tranh, anh ra mặt trận trước chị và họ đã gặp nhau đúng như lời hẹn hò trong thư trao đổi. Đêm ấy là đêm chia tay để ngày mai anh vào chiến trường. Trong khu rừng thưa dãi bóng trăng mờ, tay trong tay, ngực kề ngực, mắt nhìn mắt, đã có lúc xúc cảm dâng lên thành cơn vật vã cận kề với niềm dâng hiến, trao tặng. Ghì chị vào thân một cây gu đay bánh tẻ, anh lần từng chiếc khuy áo của chị, bóc từng lớp áo chị như bóc bẹ măng. Đê mê trong nhục cảm tự nhiên và trong lành, chị để mặc anh vực mặt vào khuôn ngực nhuỷ nhuỷ muốt mát như bẹ cau non của mình. Nhưng khi hai cánh tay anh tiếp tục cơn mê man ghì riết chị vào thân cây gu đay nọ, làm chị đau nhói ở phần ngực, rồi thỉnh thoảng chị xuống nền lá khô của cánh rừng và nôn nóng chồm lên tấm thân trần trụi mát mẻ của chị thì chị bỗng như buột ra khỏi tình trạng đồng lõa, đột ngột biến tính thành một kẻ đối lập hoàn toàn. Cuộc vật lộn giằng co kết thúc bằng sự thua cuộc giận dữ và

uất hận của anh. Không nói lời chia tay, kẻ thất bại là anh quay ngoắt đi, không một lời từ biệt. Éo le và khùng khiếp quá! Ngay đêm ấy, chiếc xe của anh trúng bom giặc! Lồng lên như con thú dữ bị thương khi nhận được hung tin nọ, đau đớn và điên cuồng, chị chạy đến cây gu đay nọ, hai tay bóp chặt thân nó, nghiêng rặng đồn sức lay vật nó. Chị là cơn lốc rừng, là trận bão biển, là cơn cuồng phong, là trận lôi đình của trời đất, là cuộc nổi loạn của con tim trúng thương, là hung tính hủy diệt, là niềm uất nghẹn của ái tình bị chặn lối, là nỗi ân hận vò xé ruột gan, là cơn chấn thương hoảng loạn tâm thần. Cây gu đay nghiêng ngả, run lên bần bật vì sợ hãi và lã chã rụng lá, răng rắc gãy cành. Cây gu đay là thủ phạm! Chính nó khiến chị trong cơn ghì siết mê man của anh bỗng nhận ra cái đau đớn của thực thể và thế là cơn mê ngọt ngào thấm đậm sắc màu nhục cảm đang dâng lên đỉnh điểm bỗng dừng bị ngắt đoạn, tan tành. Trời ơi! Cây gu đay tưởng là hiền lành mà độc ác! Cây gu đay mắc trọng tội phải bị chị trừng trị. Cây gu đay phá vỡ hạnh phúc dâng trào của anh và chị phải nhận mức án cao nhất! Khi mọi người đến tìm chị thì cây gu đay đã bật rễ, to tướp như một tử thi nằm rạp trên mặt đất. Còn chị thì tóc tai bơ thờ, áo quần tơi tả, thân sắc ngác ngơ; giống như một gốc cây bị lưỡi tầm sét đánh trọng thương. Niềm vui sống, sự yên bình và toàn bộ vẻ đẹp của chị kể từ lúc ấy đã rời khỏi chị ra đi. Trận ốm sau đó vì hơi bom đã góp thêm sức tàn phá, biến đổi chị từ hình hài đến tính nết, chị sống lủi thủi cô đơn như một kẻ có tì vết tiềm ẩn, mặc dù từ trong đáy lòng chị em đồng đội, mọi người đều nói chị không sai, đều rất thương yêu và đồng cảm với chị.

Đó là chuyện một đoạn đời của An, Khang được biết qua lời kể của chị Lộc trong ngày cuối cùng theo hạn định của anh ở nhà nghỉ này.

- Chào chị An nhé. Ngày mai tôi phải ra Bắc đây, hết hạn được an dưỡng mất rồi. - Khang nói, chìa tay và ngập ngừng. - Liệu ta còn gặp nhau được không?

Một tay vò chiếc áo tẩm, tay kia như chiếc lá xanh trong suốt của An lọt thỏm vào lòng tay vạm vỡ của Khang. An ngước lên, hai con mắt lớn vời vời, mệt mỏi:

- Em thì ở ngoài Bắc không còn có ai thân nữa!

Một thoáng rùng mình chạy dọc sống lưng Khang. Lời nói là một khoảng cách nhất định của hành động và chỉ có thể hiểu nó cùng với hành động. Nhưng Khang đã nghe được tiếng nói ở sau những con chữ và âm thanh ấy, anh hiểu rằng cuộc chia tay nếu có sẽ là một nỗi buồn thăm thẳm của chính anh.

Nha Trang, 1997 - Hà Nội, 27/9/2010

THẮP MỘT TUẦN HƯƠNG

Tôi phải cố ghì mình. Nếu không, tôi sẽ văng ra lời bất nhã và cũng có thể là sẽ thô bạo hơn: leo lên, giật đứt và đập tan cái loa kim công cộng treo ở góc buồng - vật bất khả xâm phạm của ông Tương Bằng, một người sống cùng một căn buồng tập thể với tôi. Cái loa léo nhéo ngày bốn buổi: sáng, trưa, chiều, tối; rất những khi tôi cần nghỉ ngơi tĩnh lặng. Ổn ỉ, lẳng xẳng ở cơ quan, phố xá suốt cả ngày rồi còn chưa chán hay sao!

Nhưng mà cuối cùng thì cái loa vẫn còn đó!

Ấy là vì, hễ cứ thấy ông Tương Bằng hiện diện một thân xác già nua, còm nhom là tôi lại động lòng và ngơ ngẩn: Đòi một con người sao mà có lăm lăm phân thân! Ông Tương Bằng, hai mươi năm trước, hiển hiện một trang thanh niên nước Việt khôi ngô, tuấn tú, ngời ngời một vẻ đẹp nam nhi! Praha, Moskva, Budapest, Sofia... trong những tấm ảnh đã ngả màu, tuyết mùa đông phủ trắng các ngọn tháp và tượng đài. Bên các bạn bè châu Âu mũi nhọn, tóc vàng, ông Tương Bằng sáng tươi gương mặt một chàng trai châu Á điển hình: tóc đen, mặt tròn, tam đình, ngũ nhạc phân minh, tinh tướng đang hoàng, sang trọng lắm! Ông Tương Bằng, một tên tuổi trong các tổ chức Công đoàn thế giới, một người có danh vọng, bậc tai mắt của xứ sở, giờ sao lại có cái hình dong thảm hại thế này: mặt

tóp, mũi khoằm, mắt quằm quặm, đã thấp bé còi cọc lại hơi gù, còn phong độ tính tình thì lấm lức như một chú hề, như một lão già dở tính, vừa nhâng nháo, thô vụng vừa tinh ranh, cổ quái lạ lùng.

Tôi về nhận việc ở cơ quan này và vừa được phân về ở cùng một buồng với ông trong khu tập thể, đã có người rỉ tai: “Này, ở với lão già ấy thì nhớ thực hiện “ba đừng”. Cụ thể là: Đừng bao giờ mua bán hộ. Đừng bao giờ cho vay cho mượn bất cứ cái gì. Và đừng có trò chuyện nhỏ to tâm sự với lão. Lão bủn xỉn, có tính gian, hay thóc mách và lối bịch lăm!”

Quả nhiên, vừa thấy mặt tôi, ông Tương Bằng đã lên mặt cha chú, hất hàm hỏi tuổi tôi, rồi buông một câu thật khinh nhờn: “Còn kém tuổi con gái tớ!” Tôi im. Với các vị cao niên, các bậc lão thành cách mạng tốt nhất là kính nhi viễn chi.

May là tuy ở cùng buồng, nhưng tôi và ông Tương Bằng ít khi giáp mặt nhau. Tôi đi làm thì ông ở nhà. Ngoại trừ buổi đêm, còn tôi về buồng cũng chẳng mấy khi gặp ông. Ông đã quá tuổi hưu trí, giờ đang nghỉ chế độ, làm thủ tục, để lĩnh sổ. Thực ra thì ông phải nghỉ hưu cách đây bảy, tám năm rồi. Nhưng có khúc mắc gì đó nên cứ dây dưa lần lữa, nửa như chờ nghỉ, nửa như vẫn còn đang đi làm. Và tiếng là đang nghỉ chế độ mà cứ bận rộn hết việc này đến việc khác, cứ như là đang còn tại chức vậy. Ông đi suốt. Đến bệnh viện khám sức khỏe tranh thủ lĩnh ít thuốc bổ thì chẳng nói làm gì. Bận rộn là gần như ngày nào ông cũng có việc đến gặp hết vị chức sắc này đến ngài thủ trưởng đơn vị kia và trở về thì mặt mũi lúc nào cũng đầy khí giận, chí ít cũng râu rĩ bực dọc, không hề có cái vẻ thanh thoi của người đã hoàn tất trách nhiệm, giờ thông dong hưởng thụ sự thanh nhàn.

Mỗi người mỗi việc, mỗi tuổi mỗi tính, tôi mặc ông. Kể cả những lúc ông gây điều khó chịu cho mình. Chẳng hạn, ông rất hay tọc mạch dò hỏi quan hệ của tôi với Giang, nữ bác sĩ.

Chúng tôi yêu nhau là phải tường trình với ông chắc? Chẳng hạn, đêm chẳng mấy khi ông yên giấc. Khậm khoặc ho. Khạc nhổ liên hồi. Rên rầm và nói mê âm ỉ. Hút thuốc ào sòng sọc. Đánh trung tiện liên tục. Chưa kể mỗi đêm là bảy, tám lần đái tồ tồ vào cái xô để ở gầm giường. Gây còm nhưng ông ham ăn và ăn khỏe lắm. Lót dạ phải hai gói mì tôm. Mỗi bữa một bát rưỡi gạo. Ông sống chẳng mấy khi yên ổn với mọi người. Vài ngày, buồn thế, tôi lại phải chứng kiến một cuộc đôi co, thậm chí cãi cọ đến mức vắng tục giữa ông và một đồng nghiệp. Mà toàn là chuyện nợ nần, vay mượn nhau từ đời tám hoánh nào; ông nói thế này, bà nói thế nọ, chẳng bên nào chịu bên nào. Phiền não hơn là không mấy khi ông yên lặng. Ông nói suốt, nếu không phải là lúc sau bữa cơm, nằm ngửa trên giường, tay lót gáy, mắt lim dim nghe loa. Ông nói xấu, rửa sả, chê trách hết người này đến người khác. Mà toàn là bạn bè cùng trang lứa một thời, nhưng giờ đây đã thoái hóa biến chất, thành tên cơ hội, đứa vong ân bội nghĩa, thằng ăn cướp, lũ lừa thầy phản bạn, đều giả ba que...

Già quá hóa trẻ... con. Đó là lúc các khuyết tật thời trẻ được dịp tích tụ. Đó cũng là lúc nhăm lẩn và u mê. Nghĩ loáng thoáng vậy, lại cũng là kẻ lâu nay đang tập trung vào công việc viết lách, thêm nữa, suy cho cùng quan hệ tôi và ông chẳng qua là sự ghép đôi mang tính ước lệ trong một không gian mười mét vuông trong chốc lát chứ có gì là quan trọng mà phải quá phiền lòng. Nghĩ vậy nên cuối cùng mọi sự khó chịu cũng qua, cuộc đời nên chẳng cần coi như là một vở hài kịch được xem không mất tiền?

*

Khó chịu cuối cùng có chăng chỉ còn là cái loa kim!

Cái loa kim, di vật cuối cùng của một thời nghèo khổ, một thời coi trọng sự truyền thông đại chúng và tính đồng nhất tuyệt đối của đời sống tinh thần.

Cái loa kim bắt vào đường dây trực tiếp của đài phát thanh thành phố biết rằng mình sắp hết thời rồi hay sao mà dạo này nó hùng dũng và to tiếng khác thường thế! Năm giờ kém mười lăm sáng, trời còn nhá nhem mà nó đã khua tôi dậy trong tiếng nhạc hiệu đình tai nhức óc của nó. Khổ nữa là từ năm giờ chiều đến mười một giờ đêm là lúc tôi cần yên tĩnh để chìm vào dòng tư duy sáng tạo; mà ác cái, tai không như mắt, có thể nhắm mắt làm ngơ.

Tôi cần nhằn với ông Tương Bằng:

- Hồi còn chế độ bao cấp, cỡ cán bộ như bác hẳn là đã được mua đài theo giá cung cấp chứ ạ?

- Hẳn rồi! Tôi được mua những bốn cái kia. Orionton. Mẫu đơn. Xiong Mao. National.

- Sao bác không đem ra mà nghe?

- Tôi bán rồi! Tốn tiền pin lắm!

Hừ, có đài cung cấp, bán đi để nghe loa công cộng, để khỏi tốn tiền mua pin! Ông khôn, tôi cũng chẳng dại. Bắc ghế lên, tôi dùng kéo cắt bẻng một đoạn dây, vút đi. Thấy loa mất tiếng, ông lập cập leo lên ghế, lần mò tìm ra nguyên nhân, rồi lọ mọ đi xin dây, nối lại. Cáo sùnn, tôi cầm cái dùi thọc bậy vào lòng loa. Ông lại leo lên, kiểm tra dây dợ, gõ gõ một chập, áp tai một hồi, không thấy tiếng liền gõ xuống, cuốc bộ hai cây số đến Đài Phát thanh thành phố yêu cầu sửa lại.

Năm lần bảy lượt như vậy, kết cục kẻ thua cuộc là tôi. Cái loa lại oang oang. Đam mê quả là một sức mạnh vô địch thật!

Thật điềm tĩnh và khách quan dõi theo mới biết ông Tương Bằng gắn bó với cái loa - gắn bó với thế sự mật thiết đến dường nào. Cứ tưởng ông chỉ chú tâm đến những điều lặt vặt xảy ra

hằng ngày quanh mình, nào ngờ ông nhập tâm chẳng sót một tin tức, một bài xã luận, một thông cáo nào đã phát trên đài. Ông chửi rửa thật độc địa Pinochet độc tài và lên án gay gắt tổng thống Mỹ đương thời không chịu hủy bỏ lệnh cấm vận với nước ta. Ông xúc động vô cùng trước thảm họa núi lửa ở Philippines bỗng nhiên hoạt động trở lại. Và viết thư cho đồng bào Sơn La, ông chia buồn về cơn hồng thủy vừa tàn hại vùng này. Ông bàn luận về biến động chế độ chính trị trên bình diện thế giới và đề xuất một đề án chấn chỉnh quy mô tầm cỡ vũ trụ. Ông viết bài hưởng ứng các cuộc thi tìm hiểu về luật Công đoàn, về lịch sử Đoàn Thanh niên, về Hội Phụ nữ. Ông quan tâm đến tin trẻ lạc và người điên mất tích. Đặc biệt hễ có dịp là ông viết bài bày tỏ quan điểm tư tưởng, bệnh vực điều này, phản bác luận điểm kia rất hăng hái. Vài ngày ông lại hoàn thành một bài báo để gửi báo này, tạp chí nọ. Chỉ tiếc, chúng chẳng có được một hồi âm. Cáo tiết, ông chửi vung: “Mẹ chúng nó chứ! Chúng nó quên mình là ai rồi!” Cáo vậy, chửi bậy vậy, nhưng ông không thối chí. Ông là sản phẩm đích thực của cuộc sống đầy phong ba bão táp của xã hội ta mấy chục năm qua. Ông phản ánh tập trung nhất đặc điểm tinh thần của mỗi cá thể chúng ta: Ông là cách mạng gia, là nhà chính trị nòi, ông nảy sinh từ cái gốc cắm sâu vào các phong trào, các cuộc vận động xã hội. Đời ông đã được định hướng. Ông như con tàu đã được đặt trên hai thanh ray. Giờ, con tàu chỉ việc chạy. Chạy theo thói quen, theo quán tính đã ăn sâu vào máu thịt, đã trở thành một bản thể tự nhiên, không thể khác được. Chạy, dẫu có tàn hơi kiệt lực cũng cứ chạy.

Quán tính là một sức mạnh vô hình, nó có sức chi phối đến mức ông Tương Bằng không tự biết. Nghỉ việc, sửa soạn nhận sổ hưu rồi, ra khỏi quỹ đạo của chức trách rồi, vậy mà cứ dăm bữa nửa tháng, ông lại nai nịt gọn gàng, đeo cái *ba lô* lên vai, xách chiếc cặp da trên tay, trịnh trọng bảo tôi: “Này, có ai hỏi thì cậu bảo tớ lên làm việc với Thủy điện Hòa Bình. Ai gửi cái

gì thì cậu nhận, giữ hộ nhé!” Lâu dần, hết cả ngạc nhiên, tôi chỉ còn tùm tùm cười thầm.

*

Ông Tương Bằng sống theo quán tính, tự tạo hư giác cho mình mà không hay. Còn tôi, tôi sống theo trực giác đời thường. Ông ra khỏi nhà là tôi ngắt dây loa và *phone* ngay cho Giang.

Giang, nữ bác sĩ, xinh đẹp cỡ hoa hậu quận, người yêu của tôi đã hai năm nay. Cơ hội và địa điểm gặp nhau thật hiếm. Chín muôi để nên vợ nên chồng rồi mà vẫn không thành hiện thực, chỉ vì chúng tôi không một chốn nương thân. Giờ, vắng chúa nhà gà vọc niêu tôm; ông Tương Bằng đi vắng, chúng tôi đã có một giang sơn riêng.

Giang dắt chiếc xe Honda 81 đời chót vào, khóa cổ xe thật cẩn thận xong là tôi kéo nàng đến bên giường. Thôi thì tha hồ. Chúng tôi quần lấy nhau. Tôi vốn là kẻ háo sắc. Còn Giang, học ở Pháp về, tính âm mạnh mẽ, cách sống hiện đại có thừa. Làm đủ trò yêu đương cho thỏa nỗi nhớ mong xong, chúng tôi mới bắt đầu công việc nhóm bếp dầu nấu ăn.

- Ông Tương Bằng đi Bắc Thái mấy hôm, anh?

- Một tuần.

- Thú vị nhỉ! Ông ấy bao nhiêu rồi mà vẫn chưa chịu về hưu?

Tôi đáp. Giang đưa tay vén tóc mai, khuôn mặt mảnh mai hoá nhẹ một núm đồng tiền:

- Người đâu mà đại thế! Năm tháng còn lại được bao nhiêu lâu nữa đâu!

- Em nói thế nào chứ, anh thấy ông ấy còn khỏe, còn hăng hái lắm!

Giang lắc đầu, lạnh lùng:

- Gặp ông ấy vài lần, nhìn thoáng qua là em biết chứ. Cách đây mười hai năm, ông ấy đã mổ tim. Quá *date* rồi! Giờ, lục phủ ngũ tạng thầy đều đã suy. Thiên quý đã hết nên râu tóc bạc cả. Gân xương rã rời, đi đứng đâu còn vững. Anh có để ý không, ấn đường ông đã có dấu vết hôn ám. Em lo ông thọ chẳng được bao lâu nữa đâu!

Trời! Nói về cái chết của một người mà sao giọng lại nhẹ tênh và giá lạnh thế! Nhận ra cái rùng mình của tôi, Giang mỉm cười:

- Sao, anh sợ à?

Tôi im lặng. Nhìn Giang, bỗng thấy hàm răng trắng lóa đều tăm tắp của Giang và đôi mắt rất đẹp của Giang sao lạnh tanh vô cảm thế!

- Hôm nay em vừa mổ chết một lão già tám mươi. - Giang nói tiếp. - Đã bảo mổ là chết mà người nhà không nghe. Thành ra động dao vào, đóng bụng lại là chết ngay. Trách ai được!

Không để ý tới cơn run rẩy chạy dọc sống lưng tôi, Giang nhìn quanh căn buồng như đo đạc kích thước của nó, rồi nhìn tôi, nhoen cười:

- Ông Tương Bằng mà chết thì anh được ở cả căn buồng này nhỉ?

Nhìn tôi chớp chớp mắt quay đi, Giang tiếp, giọng vẫn tênh tênh:

- Anh đã nghe chuyện ông nội em và bố em chưa? Cả hai đều mệnh Thiên Y, đúng giờ Ngọ mỗi ngày, gọi từng người trong gia tộc đến, xét đoán người này người nọ thọ yếu ra sao, chính xác từng ngày từng giờ. Em được hưởng cái tiên thiên bẩm sinh của hai cụ, và đi vào ngành Y là theo hướng nghiệp của các cụ đấy. Để em đoán vận số của ông bạn già cùng buồng với anh nhé...

Tai tôi ù ù như có gió thổi. Nỗi sợ khiến tôi tê liệt cả thính giác. Xung quanh tôi là cái chết mênh mông.

*

Thính lực của tôi phục hồi hoàn toàn khi tôi nghe thấy tiếng chân bước trở về của ông Tương Bằng; và sau đó nhận ra bóng hình ông còm cõi lẩy bẩy trên cái ghế đầu đang nổi lại sợi dây loa trong buồng. Chiếc loa lại kêu oang oang trong tiếng ho khục khoặc đầy đờm dãi của ông. Đột đi này ông hao tổn nhiều sức lực quá. Ông viêm họng, ngáy ngáy sốt. Lại thêm bàn chân trái bong gân vì bước trượt trên cầu tàu, sưng u, đỏ tấy.

Ấm ảnh về phán định của Giang, khiến tôi thấy không khỏi không lo lo cho ông. Nhưng thật may, tôi đã thả phào. Giang của tôi nói vậy là nói trên đại thể thôi. Chứ sống là khó mà chết cũng đâu có phải là trò chơi dễ dãi của Tạo hóa! Con người ta còn ẩn tàng một năng lực sống, một năng lượng chống trả cái chết nữa, chứ đâu có yên phận một bề. Thanh minh cho thái độ vô tâm của Giang, tôi sung sướng vì nhận ra, sau ba ngày khạc khờ, thậm chí cơm không một hạt, li bì, liệt bệt, tưởng phải đưa vào bệnh viện cấp cứu, ông Tương Bằng như nhận được phép thần, đã khỏe mạnh trở lại. Ông Tương Bằng đã khỏe mạnh trở lại như thường khi. Thả vào cổ họng mấy viên thuốc Cảm Xuyên Hương lẫn với kháng sinh Ampicillin và chục viên Vitamin C và B1, đơn giản vậy thôi, ông đã trút hết bệnh tật ra khỏi người, như ta cởi bỏ một bộ quần áo bẩn đang mặc vậy. Ông lại như mọi ngày. Lại cười khề khề: “Tớ trước nay, kể cả thời lặn lội trong rừng Việt Bắc, sốt rét rung lún trại, cũng không bao giờ nằm quá một tuần.” Ông Tương Bằng lại nghe đài. Lại bàn luận mọi việc. Lại viết, lại sống hăm hở theo cái quán tính đã nhập vào ông, đã dẫn dắt ông bấy lâu.

Không thể quan niệm được một ông Tương Bằng khác với chính ông. Ông trung thành với chính mình. Trước sau ông vẫn là một chính trị gia, một nhà cách mạng chuyên nghiệp. Và hẳn là ông nghĩ, nếu ông không tiếp tục những công việc ông đã từng làm thì đời ông sẽ rất vô vị, sẽ rỗng tuếch, sẽ chẳng có nội dung gì cả. Chả nên khắt khe với ông. Chỉ có điều đáng buồn là khi đã ra khỏi guồng máy rồi thì ông coi như đã bị loại thải, chẳng còn có cơ hội thi thố tài năng lực và biểu hiện cái bản thể đã được hình thành, ngoài những công việc lật vật ở khu tập thể cơ quan, nơi ông tá túc những ngày đã về hưu. Vâng, những việc lật vật bàn cả đời không hết. Như chuyện dạy dỗ con trẻ, phòng chống mất cắp, giữ gìn an toàn trật tự vệ sinh, xây dựng gia đình văn hóa mới...

Ông Tương Bằng nổi lên như một nhân vật quan trọng số một trong những cuộc họp dân phố bàn bạc những chuyện lật vật ấy. Ông đến sớm. Ngồi ở hàng ghế trên. Bao giờ ông cũng là người phát ngôn đầu tiên. Và không chỉ nói một lần. Ông nói như lâu nay bị triệt khẩu. Giọng the thé và quyết đoán. Lại kèm các động tác vung tay, đảo mắt, đánh vai, lắc đầu. Ông sống lại trong các hồi ức một thời chuyên đứng trên các bục diễn giảng, hô hào, cổ động, đọc diễn văn. Mê man trong hoài niệm nên mặc dầu cử tọa chỉ là các bà nội trợ, ngồi nghe mà tâm trí để hết vào chuyện chợ búa, giá cả hoặc đường kim đan len... và chỉ là một đề tài cón con như vệc cấm để chó thả rông, hoặc việc xích mích giữa hai hộ trong việc tranh nhau hứng nước máy, ông cũng tràng giang đại hải, cao đàm khoát luận cả nửa tiếng đồng hồ. Gặp phải cuộc họp có anh thích đùa dai, nó vờ vịt phản đối ông, hăng tiết lên, ông lại tiếp tục hùng hồn một cách không đúng chỗ, không biết là mình đang làm trò cười cho thiên hạ.

Quán tính suy cho cùng cũng là một sức mạnh tối tăm. Tính ái kỷ lại là sức mạnh truyền thống của những kẻ quen hoạt động trong phong trào. Và chỉ cần quá đà một chút là họ

đã trở thành một kẻ dị dạng, một ca bệnh lý tâm thần, một bức tranh biếm họa tự vẽ mà không biết.

Khổ thân ông Tương Bằng, người bạn cao niên sống cùng một căn buồng với tôi. Ông Tương Bằng ơi! Lý thuyết nhân sinh đang phổ biến quan niệm rằng: đời người nên chia làm ba giai đoạn. Từ lên một đến tuổi hăm nhăm là thời kỳ tích lũy dự vọng. Từ hăm nhăm đến ngũ tuần là giai đoạn sức sôi thực thi dự vọng. Còn sau khi đã qua tuổi tri thiên mệnh rồi thì dứt khoát là phải bước vào thời đoạn giải tỏa dự vọng, tĩnh tâm dần dần, trở lại với vô vi. Cổ xưa thiếu gì gương sống. Đạo làm người quan trọng nhất là ở chỗ biết mình là ai và đang sống ở thời điểm nào. Ra sân khấu lúc nào và khi nào thì rút vào hậu trường là cả một nghệ thuật lớn. Nhầm lẫn lớn nhất một đời người là nhầm lẫn về thời gian. Tài cán dẫu có được thiên phú thì cũng chỉ là hữu hạn trong vòng trời đất khôn cùng mà thôi. Ham hố cũng chẳng được. Mê muội càng không nên.

Ông Tương Bằng sắp vào tuổi cổ lai hy rồi sao không hiểu điều sơ giản ấy! Cho rằng lý thuyết nhân sinh ấy là cổ giả, phản động thì cũng phải tính đến một thực tế sò sò là: ông còn đâu sức lực nữa mà theo đòi dự vọng. Mỗi ngày ông hao kiệt thêm một tí. Cái cơ thể đếm được hai trăm linh sáu cái xương lớn bé của ông ít nhất cũng có đến hai căn bệnh có thể gây đột tử tức thời: trái tim sau hơn chục năm giải phẫu sửa chữa đã đến lúc ọp ẹp và căn bệnh huyết áp cao là tử thần sẵn sàng kết thúc đời ông vào bất cứ lúc nào. Chưa kể, những căn bệnh mãn tính tiềm tàng ở ông, như đau dạ dày, phì đại tuyến tiền liệt và đái tháo đường...

Nghĩ vậy nên càng lúc tôi càng hoang mang trước những chứng nghiệm suy đoán nghe ra không phải không có lý của Giang. Nhất là gần đây, có lúc thấy ông đang nói, bỗng ngắc lại, ứ nghẹn hàng giờ. Đó là theo Giang nói, lưỡi ông bất thần bị rút lại do gốc bệnh có ở tâm thần. Mỗi bữa ăn, ông mắc nghẹn đến vài lần. Nhiều hôm trở trời, thấy ông nằm liệt hoặc

ngồi thừ lừ ôm cái mặt bỗng dưng ứ huyết trở nên húp híp như phù nề - cơn dở chứng của con tim đau yếu, nghĩ đến lời cảnh báo của Giang, tôi không khỏi kinh hoàng và xót xa!

Bác Tương Bằng ơi!

Một đời người mấy ai được như bác đâu. Mấy ai mới hăm mốt tuổi đầu mà đã đảm nhiệm nổi chức trách chủ nhiệm tỉnh bộ Việt Minh một tỉnh lớn ở đồng bằng Khu 3. Hăm hai tuổi là bí thư tỉnh ủy, chỉ huy cuộc kháng Pháp suốt một rẻo biên giới Lào Cai - Hà Giang. Rồi lắm liệt trong vai tướng soái, đứng đầu bộ tư lệnh tiểu phỉ, đập tan âm mưu gây phản loạn của hai tên đế quốc đầu sỏ Pháp, Mỹ cùng lũ chúa đất, thổ ty. Suốt mười năm trai trẻ đứng vững trên cương vị chủ tịch tỉnh trong tuyến đầu chống Mỹ ở một địa bàn trọng yếu sát nách thủ đô đâu phải là ai cũng có thể đảm trách được! Cũng có được mấy người như bác vào tuổi trung niên đã hoàn thành trọng trách nhiệm vụ đối ngoại của một đoàn thể lớn là tổ chức Công đoàn. Đi công tác nước ngoài liên tục như con thoi trên khung dệt. Trước đối phương gian ngoan, xảo quyệt thì tỉnh táo, sắc bén và vững vàng; trước cám dỗ và sa sẩy không một lời ong tiếng ve; gương trung thành, liêm chính vằng vặc như gương treo giữa trời. Huân chương, huy chương đeo phải đầy ngực. Công tích đáng hạng danh nhân đất nước. Giờ đây, dẫu có một tuổi già vô dụng như mèo già vuốt cùn răng rụng thì cũng chẳng có gì mà phải ngượng ngùng tủi hổ cả. Bác có thể cứ an nhiên sống đúng với tuổi tác, không việc gì phải gắng gượng lên gân lên cốt, để mất đi cái tự nhiên, vốn là điều quý giá của đời người!

Chao ôi! Tôi biết, dẫu có vang lên bên tai ông Tương Bằng cả ngàn lần những lời vừa nói trên thì cũng vô ích thôi! Làm sao mà có thể ngăn cản nổi cái đà xung trận, nhập cuộc của ông; ghê gớm thay, nó cũng đã trở thành một sức mạnh không cưỡng lại của tự nhiên rồi.

Thế đấy, ông thợ mộc làm việc ở xí nghiệp, sáu mươi tuổi về hưu, vẫn cứ là cầm cửa đục được đi! Cũng vậy thôi, ông thợ điện, thợ xây và cả ông nhà văn, nhà thơ nữa. Ai cấm họ hành nghề khi vào tuổi hưu trí. Oái oăm thay cái lẽ tự nhiên ấy lại thiếu hẳn đi yếu tố tự nhiên ở ông Tương Bằng. Là bởi vì thợ mộc thì có cửa đục. Nhà văn thì có bút mực. Còn ông Tương Bằng, nhà cách mạng chuyên nghiệp tiếc thay về hưu lại tay trắng, nghĩa là ông chẳng còn có công cụ nào trong tay cả. Không có công cụ trong tay nhưng thói quen ham mê điều hành chỉ huy người khác thì lại là một ám ảnh lâu dài, không dễ gì dứt bỏ được.

Ông Tương Bằng vẫn một nếp sống không thay đổi. Một hôm, sau ba ngày đi vắng, trở về căn buồng của tôi và ông, nhìn thấy chiếc Honda 81 của Giang gửi ở góc nhà, ông liền lừ mắt một cái, rồi nằm lăn ra giường:

- Thật là chó chứ không phải là người nữa!

Đang đọc sách, nghe tiếng ông quát gằn, tôi giật thột mình, quay lại:

- Có chuyện gì đấy, bác?

- Đúng là chó chứ không phải là người!

Vừa hết câu, ông liền vùng dậy, tay nắm cái cốc màn, để khỏi chệnh choạng, rồi hỗn hà hỗn hển:

- Tôi nói là nói cái thằng ấy đấy!

- Thằng nào, hử bác?

- Cái thằng đeo kính trắng, trông rất là thư sinh mà chó má, cái thằng hôm rồi nó vừa đến đòi nợ tiền tôi ấy!

Thấy tôi im lặng, vẻ như tảng lờ, không muốn dây vào câu chuyện, ông liền tiến về phía tôi, hạ giọng:

- Để tôi kể cho cậu nghe. Cái thằng ấy, hồi tôi làm bí thư tỉnh ủy, nó chỉ là thằng phó bí thư cấp huyện, sau thấy nó có khẩu khiếu, tôi mới đưa nó vào thường vụ tỉnh, cho nó phụ

trách tuyên giáo. Cái thằng ấy vừa rồi nghe tôi nói định phát đơn kiện mấy cha tỉnh ủy nọ dính tay vào đồng tiền bát gạo của dân, nó liền trừng mắt hỏi tôi: “Liệu bác có đủ đạn không mà theo đòi vụ kiện?” Một thằng thường vụ mà ăn nói thế thì có đúng là chó, là lưu manh không, hả cậu? Nhưng mà cậu ơi, thằng cha ấy giờ chết mẹ nó rồi. Chết mẹ nó rồi!

- Chết rồi?

- Thì chết rồi, chứ sao! - Ông Tương Bằng nhếch miệng đầy vẻ khoái trá rồi xìa môi. - Tiên sư các anh! Anh nào định từ bỏ lý tưởng thì hãy trông gương thằng này! Thằng này chết vì con đĩ Lộc đấy! Con đĩ Lộc là con đĩ thập thành ở tỉnh tôi. Nó có cả tá nhân tình, nhân ngãi. Vừa rồi thằng chồng nó lăn cổ ra chết vì sốc ma túy. Thế là lập tức thằng cha này sán lẫn vào. “Anh sẽ từ bỏ tất cả để làm nô lệ cho em.” Nó tuyên bố thế đấy, cậu xem có tởm lợm không?

Vung cao tay, mặt bừng bừng như hơi lửa, ông Tương Bằng cao giọng, pha chút hả hê:

- Nhưng mà lần này thì ông con giời chết mẹ nó rồi! Chết vì sao, cậu biết không? Cùng với con đĩ này cầm đầu một đường dây buôn bán ma túy xuyên quốc gia. Cả hai đang bị công an theo dõi từ lâu và hôm qua vừa có lệnh khám nhà. Chưa hết, nghe đâu, anh chàng còn dính HIV AIDS nữa mới bỏ mẹ cơ! Ha ha... Tiên sư anh! Anh từ bỏ lý tưởng. Anh đặt *lờ* con đĩ Lộc lên bàn thờ. Anh chết vì cái *lờ* của nó thì khốn nạn cái thân dê chó của anh rồi. Ha ha... Nhưng mà kìa, cái loa kim, tại sao lại không kêu?

Đang hào hứng trong phần khích, như sức nhớ, nhà cách mạng về hưu chợt dừng lời và nhìn lên góc buồng, nơi treo cái loa kim đang nói bỗng tâm tịt, quát to:

- Không được! Phải lên tiếng tố cáo, phê phán, lên án, cảnh tỉnh. Phải gióng lên hồi chuông báo động sự xuống cấp nghiêm

trọng của đạo đức! Cậu có đồng ý với tôi không? Đồng ý hả? Bắt tay cậu một cái nào!

Cái bắt tay là nhịp cầu giao lưu thân tình đã được bắc qua quan hệ giữa tôi và ông Tương Bằng. Từ hôm đó, thôi thì chẳng còn thiếu gì chuyện ông kể cho tôi nghe. Một ông bạn đương chức dẫn gái điếm về nhà bị bắt quả tang. Một chiến hữu làm chủ nhiệm hợp tác xã tín dụng bị bắt vì tham ô một tỉ đồng, vào tù, bị bọn đầu gấu lột truồng ra làm nhục. Bạn ông, kẻ trốn chạy ra nước ngoài vì xù nợ bạn bè; người bê tha sống trác trụy với bồ bịch. Đồng chí ông, kẻ bỏ rơi các giá trị tinh thần, quay về với cuộc sống sùng bái đồng tiền. Người phản bội đồng nghiệp, ngang nhiên chà đạp lên luân thường đạo lý. Cả một trang lứa, một lớp người nếu không sa sút về phẩm cách thì đang qua ngày trong trạng thái bàng quan mũ ni che tai, hoặc buồn nản, vô vọng, thây kệ mọi sự! Cuối cùng, chỉ còn lại mình ông tả xung hữu đột, chống chọi với mọi sự suy đồi, giữ trọn đạo lý, kỷ cương lễ luật cuộc đời!

Một hôm, ông đi viếng một đám tang về. Thấy ông lủ lủ, tôi hỏi, ông thều thào đáp:

- Khốn nạn! Bỏ ngử với con gái. Bị phát hiện, thất cổ tự vẫn. Thế đấy! Ra khỏi chức vị một cái là trở thành chó má ngay!

*

Mùa đông về với ngọn gió lạnh thổi dài thê thảm.

Dần dà tôi nhận ra, đã phai nhạt dần vẻ biếm họa trong chân dung ông Tương Bằng. Phần vì ông bỗng trở nên ít nói hẳn đi. Phần vì sức khỏe ông sa sút trông thấy. Không còn những ngày đi xa với công kia việc nọ tự mình bày đặt ra nữa. Ông quần quanh ở trong mấy căn nhà ở khu tập thể. Đi lại mỗi lúc một khó khăn. Leo thang gác chỉ mười bước là dừng chân,

thở dốc. Mặt thi thoảng lại đỏ rửng như sung huyết vì cơn kích phát của áp huyết tăng.

Đêm ấy, ông đi nằm từ lúc chập tối, vì ngực bỗng thấy đau thắt và các khớp gối thì tấy, đỏ và rất nhức nhối. Tôi nằm, không ngủ được, phần vì nghe tiếng ông rên, phần vì cơn xung khắc xảy ra hồi chiều với Giang. Chiều, Giang đến lấy chiếc xe Honda 81 gửi từ hôm nàng đi biệt phái vào Thanh. Dắt chiếc xe ra sân, lật yên xe lên Giang bỗng hoảng hốt kêu: “Cái nắp bình xăng đâu mất rồi?” Tôi lật đật chạy ra. Mặt Giang tím tái. Tôi ngu ngơ. Ai lấy cái nắp bình xăng ở xe của Giang? Chẳng lẽ lại là tôi? Chẳng lẽ một tên kẻ trộm nào đó đã lọt vào căn buồng của tôi và ông Tương Bằng chỉ là để lấy cắp cái nắp bình xăng? Mất Giang lừ lừ. Con mắt lạnh như băng, có sức thấu thị siêu phàm, có thể nhìn thấu tới vận số của con người, có thể soi tỏ tới đáy tâm địa con người. “Hơn chục nghìn đồng cái nắp bình xăng đấy, ít của à! Kẻ nào lấy của tôi, trời hại nó!” Buông một lời rửa độc, Giang quay ngoắt dắt xe đi. Tôi tê điếng cả người.

Nửa đêm, thiếp đi trong chốc lát, tôi bỗng thức giấc.

- Cậu Thước ơi...

Ông Tương Bằng vừa cất tiếng khàn khàn mệt nhọc gọi tôi, sau khi vất vả lắm mới chống tay ngồi dậy được và đang khua chân tìm dép.

- Có chuyện gì thế, bác?

Tôi phát ngay dậy, nhận ra ngay tiếng ông già nghe là lạ; và đưa mắt, tôi nhận ra, ông hiện lên trong một hình khối u uẩn lơ mờ, tay đang lập cập mở chiếc nắp cặp lồng nhôm rỗng không.

- Tôi thấy... khó ở quá! Nhưng mà... cậu có còn gạo không? Hay là mì ăn liền cũng được!

Chỉ thoát ra được từng ấy câu đứt nối, ông Tương Bằng đã lại nằm vật xuống. Khổ, ông vừa ốm lại vừa đói! Đói! Không! Cảnh ngộ còn bi đát, thảm thương chưa chát hơn bội phần. Ông đâu chỉ có già yếu bệnh tật và hoang tưởng. Ông còn

nghèo khổ, khánh kiệt nữa. Gia sản ông đã cạn kiệt cùng sức khỏe và năng lực của ông. Ông thất thế lạc loài, cô đơn giữa dòng thác tàn nhẫn của lịch sử xưa nay vốn ghẻ lạnh với các số phận cá nhân khi đã hết vai trò. Cái đỉnh ốc làm gì còn có giá trị khi rời khỏi cổ máy. Giờ đây, sau mấy chục năm trường dâng hiến toàn bộ sức lực và tài năng cho lý tưởng, ông chỉ còn lại một thân xác già nua, ốm o, nghèo khổ và đơn độc; ông chỉ còn là một thứ đồ đã bị loại thải.

- Bác cứ nằm nghỉ đi. Để tôi nấu bát mì cho bác ăn.

Tôi vội vã nhóm bếp dầu, trong nỗi nhen ngào bất nhẫn. Và lát sau, ông ngồi dậy, đón bát mì nóng hổi từ tay tôi, khe khẽ rên: “Cám ơn cậu. Nhưng mà sao cậu nấu cho tôi nhiều thế? Những hai gói Miliket cơ à?” Ông đang ở trong cơn sốc tim mạch. Nhưng cảm giác đói ở một cơ thể ham sống, đòi sống đã chế ngự ông gay gắt hơn. Ông đói đã hai ngày. Gạo hết. Tiền không. Giờ, ông khua đũa vào thành bát. Ông và, ông lừa cả búi mì tướng vào miệng. Ông húp súp sọp. Ông nuốt ừng ực. Rồi sau khi rên to một tiếng mãn nguyện, ông đặt cái bát sạch trơn xuống mép giường và nằm ạch xuống chiếu.

- Bác còn ăn được nữa không?

- Thôi, no lắm rồi. Cám ơn cậu!

Vừa dứt lời, tôi chưa kịp quay đi thì khủng khiếp quá, ông đã nhoai người ra cạnh giường, oằn lưng, thót bụng, há miệng nôn thốc nôn tháo một hồi.

Tất cả những gì vừa được nuốt vào bụng ông, nghĩa là tất cả số lượng hai gói mì đã được ông ăn, giờ vẫn còn nguyên từng sợi lớn nhón cùng với thứ nước vàng vàng lợn cợn những hạt máu đỏ tía tung tóe trên nền nhà.

- Cám ơn! Cám ơn! Nhưng mà nôn được là đỡ rồi! Tiên sư nó! Có lẽ là bị cảm nhập lý! Hừ, nhưng mà sao lại tức ngực quá. Tức ngực quá. Chẳng lẽ lần này là gục thật à? Không! Không thể gục được!

- Thôi, bác đừng nói nữa. Bác nằm nghỉ đi!

- Ừ... ừ...

- Bác ngủ đi. Sáng mai, tôi sẽ đưa bác đi bệnh viện. Không thể chủ quan được đâu!

Một nhọc và kinh sợ, tôi thiếp đi. Và tôi đã giật thót mình khi vùng dậy nhìn sang ông. Mới chỉ qua mấy tiếng đồng hồ, ông Tương Bằng đã biến đổi thành một hình hài hoàn toàn khác lạ. Mặt ông phù thũng, nặng bình bịch. Tóc râu ông khô xác. Rùng mình, tôi nghĩ tới lời phán định cay nghiệt của Giang ngày nào: ông đã tiêu pha đến kiệt cùng thân, khí, sắc, và chút thiên quý cuối cùng của thân xác ông rồi. Nhưng mà kìa, có lẽ là tôi đã nhầm. Ông đâu có chịu gục ngã như ông đã nói. Ông vốn gan góc và bền dai. Hai mắt ông vừa mở. Ngoạo đầu nhìn tôi, ông đang vận dụng nội lực để khơi lại nguồn sinh lực vẫn còn sót lại đâu đó trong mình.

- Cậu Thuộc đừng lo! Tôi ngấp nghé cái chết nhiều lần rồi. Một lần bị bọn thổ phỉ phục kích ở Sín Chéng, Lào Cai bắn vỡ một bên vai. Một lần chết ngất trên mình ngựa giữa đèo Ma Ngán Chải trong lúc truy đuổi tướng phỉ Vàng Lao Phu. Một lần thổ huyết vì sức ép của bom Mỹ. Rồi tim sưng, phế mãn. Rồi tràn dịch màng phổi. Rồi mổ tim. Thế mà cậu có biết không, tôi đã nghiêng rãng lại mà chịu đựng, phải rồi, nghiêng rãng lại vì nghĩ: đau đớn là việc của căn bệnh, còn mình thì phải chịu đựng và tập rèn để vượt qua. Và thế rằng, dù chỉ còn một lá phổi, một cánh tay, một cẳng chân, một con mắt... thì cũng vẫn phải sống!

Một cơn co thắt đột ngột chẹn ngang ngực đã khiến ông ngưng lời. Xoa ngực cho ông, tôi ứa nước mắt thương ông. Có cảm giác như đã phần nào nhận ra chân dung ông bên cạnh những ấn tượng không hay về ông, tôi thành thật khuyên ông, rằng sau đợt đau ốm này nên thôi hẳn việc đi lại, nói năng, bực

bổ vô bổ đi, rằng ông nên trở lại trạng thái yên hòa, thư nhàn là nền tảng của sức khỏe tuổi già.

- Có phải là mình đi chơi không đâu, Thuộc!

Cơn đau đã dịu. Ông nhìn tôi râu rầu, khế khàng. Thì ra ông chưa chịu nhận lĩnh sổ hưu, ông còn đi đây đi đó là để đòi người ta phải xác minh lại giá trị của ông ở hai điểm. Một là, ông đã là cách mạng chuyên nghiệp trong Hội Ái hữu thợ dệt, từ trước năm 1945, tiền khởi nghĩa; điểm này quan trọng lắm vì nó có quan hệ đến phụ cấp lương bổng, và khi chết được chôn ở khu nghĩa trang A. Hai nữa, năm 1953, ông bị án kỷ luật cảnh cáo vì quan hệ với một nữ đồng chí; nay, theo quan điểm mới thì phải xóa án cho ông.

Tôi an ủi ông:

- Thôi, bác ạ. Những cái đó giờ đây còn có gì là quan trọng lắm đâu. Bây giờ, quan trọng là bác về với bác gái, với các anh chị con bác là có đủ niềm vui sống rồi. Lấy cái vui đó, thêm cái tự hào vì cả cuộc đời cống hiến cho cách mạng lấn át cái buồn rầu, cái thiệt thòi lật vặt đi, bác ạ.

Ông Tương Bằng nằm im. Ông không đủ hơi sức phản bác lại tôi rồi? Hay là nhà cách mạng chuyên nghiệp này, trong giây phút cuối đời đã nhận chân ra giá trị của mình và chấp nhận ý kiến của tôi, một gã trai tuổi chưa bằng con gái ông? Dự đoán trong hoang mang, tôi bỗng chồn chợn, nổi da gà sợ hãi, khi bỗng thấy ông he hé mở hai con mắt đỏ ké với hai hàng mi ướt nhoèn.

- Bác Tương Bằng!

- Cậu Thuộc...

Hai con mắt ướt nhoèn nhó nháy của ông già lướt đi lướt lại trên mặt tôi khiến tôi bủn rủn cả chân tay. Nhưng tôi chưa kịp ghé xuống đã thấy ông khe khẽ lắc đầu:

- Cậu Thuộc à. Có lẽ trong đời tôi lúc này tôi chỉ còn có cậu là người thân thiết gần gũi nhất thôi.

- Bác Tương Bằng!

Tôi kêu to một hơi và nắm chặt tay ông. Ông nghiêng mặt. Từ cặp mắt ướt của ông tọt ra hai giọt nước mắt giá lạnh lăn tuột xuống gối:

- Nhà tôi, bà ấy chết rồi! Còn con gái tôi, nó từ bỏ tôi từ lâu rồi, cậu Thuộc ơi!

Trong cuộc đời mình, đây là giờ phút tôi bị nổi ân hận giằng xé đau nhức nhất. Bởi tôi nhận ra, bấy lâu nay, tôi chỉ là một kẻ sống hời hợt, không hề biết chia sẻ, giao tiếp với đồng loại của mình. Tôi không hề biết đến nỗi đau đời khủng khiếp nhay nhức suốt đời ông Tương Bằng, không hề biết rằng mỗi con người là một cuộc đời với bao khổ đau cay đắng mà đồng loại cần phải sẻ chia, giao cảm. Vợ ông, một nữ chiến sĩ cách mạng đã chết rồi. Chết khi bà vừa sinh đứa con gái đầu lòng được một năm và sau đó, nhận quyết định từ ông để con lại cho bà ngoại, vào vùng địch, thực hiện mỹ nhân kế nhằm mê hoặc và tiêu diệt một tên tướng phi. Khổ! Khi quyết định giao nhiệm vụ trên cho bà, ông đâu có nghĩ rằng, đứa con gái duy nhất của ông sẽ oán hận ông suốt đời.

- Cậu Thuộc ơi...

Rưng rưng trong thương cảm, tôi cúi xuống bên ông già và nhận ra, những tàn lực cuối cùng đã bùng dậy trong tiếng nói phản tỉnh nức nở, dầm vẻ hoang mang của ông:

- Cậu Thuộc ơi! Cả một đời hoạt động cách mạng, tôi không làm điều gì sai trái với lương tâm đạo đức. Vậy mà tôi đã làm hại chính vợ con mình. Nhưng mà cậu có hiểu cho tôi không? Tình thế lúc ấy phải làm vậy. Phải làm vậy, vì chẳng lẽ lại dùn đẩy cái gian khó, hiểm nguy cho người khác. Cậu có thông cảm cho tôi không? Ô kìa, tại sao cậu không nói? Tại sao lại im

vắng thế? Cái loa đâu, tại sao nó không kêu? Cậu nối dây loa đi, cậu Thước...

Không thể ngờ, đó lại là những câu nói cuối cùng của ông Tương Bằng. Ông rơi vào cơn hôn mê sâu ngay sau khi nói những lời trên. Tôi vội gọi xe cấp cứu, nhưng vào đến bệnh viện, một tiếng sau thì ông mất. Bệnh án ghi, ông bị đột tử vì nhồi máu cơ tim.

Đám tang ông lèo tèo vài chục bạn bè đồng nghiệp. Càng buồn vì phải nghe một bài điệu văn nhặt nhẻo như được viết theo một khuôn mẫu có sẵn. Mọi cái chết đều cô đơn. Nhà cách mạng chuyên nghiệp này chết trong cô đơn hơn bất cứ ai. Tôi lập bàn thờ ông tại một góc buồng, nơi ông đã cùng tôi chung sống những ngày qua. Thắp tuần hương đầu tiên cho ông, tôi khóc òa, như khóc thương một người cha. Một người cha đã chết như một kẻ bị loại thải, bị lãng quên. Nhưng quan trọng hơn, một người cha trước khi chết đã sống một cuộc sống thật sự. Sống như đã hằng sống, sống với đặc điểm là lòng ham mê lý tưởng và sự quên mình đến khốn khổ.

Gia tài, di vật ông để lại được bàn giao cho người con gái một tuần lễ sau khi ông mất mới trở về thọ tang cha chỉ là một cái *va li* cũ nát, vài bộ quần áo rung rúc, mấy tấm ảnh, vài chiếc huân chương, kỷ niệm chương, ba quyển sổ công tác, một cuốn sổ tiết kiệm có số dư một ngàn rưỡi đồng, vừa tiền một bát phở. Dưới đáy *va li* ông còn có một vật lạ mà vừa nhìn thấy tôi đã nhanh tay chớp lấy và giấu biến đi; đó là cái nắp bình xăng ở chiếc Honda 81 của Giang trị giá hơn chục nghìn đồng. Chúng ta sống với nhiều bi kịch chứ đâu có nhiều hài kịch như lúc đầu tôi tưởng.

Hà Nội, 12/1990 - 2000

MỘT SỚM MÙA THU

Không nợ nần nhau kiếp trước, không phải vợ chồng kiếp này. Không ân oán đời trước, không phải cha con đời nay. Có phải như dân gian vẫn nói thế không mà Nguyệt lại có một anh chồng so với Nguyệt cộc cạch về đủ mọi phương diện như thế nhỉ? Như đôi đũa lệch. Như cơm tám thối nổi đồng điệu lại chan nước cà. Như một sự lắp ghép vụng về, như thói trêu người của Ông Tạo, lại giống như một trò đùa oái oăm của định mệnh. Ấy là cảm giác của mọi người khi nhìn thấy vợ chồng Nguyệt.

Quả là so với Nguyệt, chồng Nguyệt chẳng được một mặt nào thật. Nguyệt là một đàn bà nhan sắc nổi trội hơn người. Mười tám tuổi nàng đã làm náo động cả tỉnh trường một huyện lỵ sầm uất miền biên. Vẻ đẹp của cơ thể không một khiếm khuyết của nàng, cặp mắt dong đưa của nàng đã sản sinh ra cả một tá thi sĩ phủ huyện và tạo nên cơn ghen tuông hiềm khích của mấy vị chức sắc địa phương và ở cơ quan thương mại của nàng, nơi nàng giữ chân nhân viên kế toán.

Đàn bà đẹp thường tối dạ. Nguyệt không thế. Ông trời cho nàng cả sắc đẹp lẫn tài trí. Nàng thông minh, tháo vát, khôn ngoan, sắc sảo trong ứng xử, tính toán và cả trong ngôn ngữ. Miệng nàng tươi như hoa. Con chim đẹp, đẹp từ màu lông vũ, tiếng hót đến cái lông. Nguyệt đã đẹp, đã khéo, lại còn giàu

nữa. Giàu từ trong trứng giàu ra. Giờ ở Hà Nội cùng chồng, có một cửa hàng điện tử ở chợ Ngọc Hoa, Nguyệt còn sở hữu ba quả đồi cọ, một khu đất ở huyện lỵ quê hương, trị giá cả tỉ bạc.

Nhưng buồn sao là cái thói chơi khăm của ông trời! Ông cho Nguyệt rất nhiều thứ, nàng giàu có, nàng xinh đẹp, nàng thông minh nhưng ông lại ghép cho nàng một anh chồng hèn kém, cùn nhụt đủ mọi mặt. Chao ôi là cái oái oăm, cái ác độc, xỏ xiên của ông Trời bà Nguyệt! Cạnh nàng hồng nhuận thắm lắn, tươi giòn, nở nang, tướng mạo vượng phu ích tử, vừa đoan trang vừa đa tình là chồng nàng cùn cộc, thấp bé, héo hắt, buồn tẻ như một dải khoai héo, trông chẳng khác tên đầy tớ hèn mọn của một phu nhân đài các là nàng. Ngực lép. Đít hóp. Mặt tóp. Hai con mắt bên ngưỡng thiên bên ngưỡng địa, lại gián nhảm. Cái miệng lại loe loe với cái hàm răng *cà la vâu* lúc nào cũng nhoe nhoét dốt dãi. Tướng mạo ấy dù có khoác lên người bộ đại lễ phục, dù đã hưởng hàm trưởng phòng, vụ trưởng thì vẫn cứ lồ lộ vẻ tôi đòi, bần tiện. Thành ra nhìn cái vẻ bề ngoài cóm róm, dị ngòm, uột èo, chán ngắt của y, chẳng anh đàn ông chân chính nào mà không thấy chạnh lòng, khó chịu và tiếc rẻ, tiếc rẻ quá thật!

Nhưng mà đã nói đi thì cũng cần nói lại. Rằng biết đâu đó chẳng qua chỉ là cái bề ngoài lừa dối, cái bề ngoài thuần túy chỉ là hình thức, nó không phản ánh bản chất con người y? Thật sự y có duyên lặn, y là kẻ sống có đức độ, có tài ngầm, y tầm ngầm tầm ngầm đâm chết voi, và ở cái khoản giới tính của đàn ông y mạnh mẽ khác thường? Quan hệ vợ chồng, cái đó có ý nghĩa lắm đấy! B. to không lo đấy! Thì chẳng đã có cái thành ngữ dân gian ấy là gì! Không! Không có những chuyện ấy. Vì đã là hàng xóm của Nguyệt hơn ba năm, vô tình nhưng không ít hơn cả chục lần, chính tai tôi đã nghe thấy từ miệng Nguyệt thốt ra lời phàn nàn, trách cứ những nhược điểm về tính tình tài cán, sức lực của y! Rằng y là một kẻ vô tích sự, chưa đi đến chợ đã hết tiền; rằng vợ chồng Nguyệt cho đến nay vẫn vô sinh

mà nguyên nhân chính là thuộc về y; rằng không hiểu sao đã từng là nhân viên trong ngành Ngoại giao mà sao y kém cỏi thế cả về phương diện giao tiếp, lễ tân. Và đã từ lâu rồi, nàng đã áp dụng phép dùng ngoại vật để cải đổi nội lực y, nghĩa là giúp đỡ y, kể từ việc may cho y những bộ cánh sang trọng. Vậy mà vẫn chẳng ăn thua. Người ta có giày adidas thì y cũng có; người ta có đồng hồ Rado thì y cũng có; nàng dạy y từ cách cho áo vào trong quần sao cho khi thắt lưng không bị phùng; từ việc bảo y cách làm lông trà trước khi pha trà. Nàng cắt cho y cái lông mũi quá dài. Nàng ngâm cho y hàng bình rượu thuốc với đầy đủ ngọc dương, dâm dương hoắc, tắc kè và Minh Mệnh thang, để y có thể đóng trọn vai một trang nam nhi trong cái lột èo uột vốn dĩ.

“Kìa, quần áo rõ đẹp mà sao trông vẫn như thằng lái xe ôm ấy nhỉ?” Nhưng mà than ôi, đã không ít lần nhìn chồng xúng xính trong bộ quần áo mới, Nguyệt đã phải kêu thầm vậy. Và chính là một lần, giữa một đêm hè vắng vặc trăng sao, Nguyệt kéo chiếc ghế tựa ra sân, ngả người nhìn trời và tôi là người hàng xóm của nàng đã nghe được trọn vẹn lời than van thảm thiết của nàng: “Trời ơi! Cái số quạ mỏ của tôi! Tôi ăn phải bùa mê thuốc lú nào mà lấy ông làm chồng, hử ông Mào ơi?” Ôi! Ông cao xanh trên kia, ông có nghe thấy tiếng kêu than đau đớn của một phận đàn bà!

*

Đúng là đã ăn phải bùa mê thuốc lú thật! Nếu không thì tại sao Nguyệt lại bằng lòng lấy anh chàng Mào làm chồng? Đúng là đã ăn phải bùa mê thuốc lú, đã có sự dẫn lối đưa đường của ma quỷ nên Nguyệt đã từ chối, đã ngoảnh mặt đi trước bao nhiêu lời tỏ tình, cầu hôn của không ít gã đàn ông tử tế, giàu sang, có chức vị ở huyện lỵ này, để chấp nhận làm

vợ anh chàng Mào, một gã đàn ông xấu xí và kém cỏi đủ mặt, hơn nữa, một tên xâm lược. “Tên ngoại bang xâm lược!” Tất cả các gã đàn ông đã mơ tưởng Nguyệt ở huyện miền biên này hồi đó đều gọi Mào một cách căm hận như thế. Tại sao lại thế? Hay là họ đã nhận ra trong cái bộ dạng tầm thường của y có linh hồn của một kẻ lăm mưu mẹo gian ngoan, thủ đoạn? Hay đơn thuần họ chỉ muốn nói y không phải dân bản địa huyện này? Y chỉ là một kẻ từ nơi khác đến để chiếm đoạt? Thực tình, lúc này Mào chỉ là một gã nhân viên tạp vụ của sứ quán ta ở Italia, nhân ngày xuân đi phép, Mào nổi cơn ngẫu hứng, lên huyện lỵ này thăm một người bà con quê ở Thái Bình chuyển cư tới đây lập nghiệp. Thật tình là hồi đó tên ngoại bang trông cũng lạ mắt. Vì trừ cái miệng dẩu ướm nhoét, y cũng là sản phẩm của một nền văn hóa mới lạ thật. Thì mới từ Rome về còn gì! Áo lông. Mũ lông. Giày lót lông. Mấy vì tính xách tay. Và cả một chiếc Spring bệ vệ như ngồi trên *xa lông*. Với một huyện lỵ miền biên xám nhờ những căn nhà tường xăm đá, mái lợp cỏ và cánh đàn ông cũ kỹ là những bóng hình trộn lẫn vào nhau, mùa đông sùm sụp cái mũ bông bịt tai cỏ úa, mười anh hút thuốc lào cả mười một thì Mào là cả một hiện tượng. Nhất là khi y tự xưng là bí thư thứ nhất Đại sứ quán ta ở Rome thì lòng thiếu nữ nào mà chẳng xao xuyến!

Nguyệt đã nhẹ dạ cả tin. Mào xấu xí đã đành. Mà chỉ là anh nhân viên tép riu thì sao lại có thể giàu được. Nguyệt đã bị lừa. Bị chính con tim non dại của mình lừa mình. Thành ra bị lừa mà nàng đành phải âm thầm ngậm bồ hòn làm ngọt. Và thế là nàng khởi động một thời kỳ ghìm nén nỗi đau đời, lặng lẽ và nỗ lực san lấp khoảng cách chênh lệch. Nguyệt ra sức dạy dỗ, sửa sang, sắm sửa, tô điểm cho chồng, để cải đổi hoàn cảnh sống của mình!

Cải đổi hoàn cảnh sống! Việc này khó lắm! Vô cùng khó! Và chẳng bao lâu chính nàng cũng nhận ra tính chất vô vọng, không tưởng của dự định. Con người ta xuất thân thế nào thì

mãi mãi nó là thế thôi! Sửa đổi nó là việc bắc thang lên trời! Và thế là bỏ công sức ra mà không có hiệu quả, mãi rồi thì cũng đến lúc chán nản! Chán nản mãi thì tuyệt vọng. Tuyệt vọng càng lúc càng tăng, vì theo thời gian khoảng cách giữa nàng và Mào mỗi lúc một doãng rộng thêm. Nhất là lúc này, nàng đang bước vào thời đoạn thịnh đạt, như phát tiết anh hoa, sắc đẹp bùng nổ đến độ rực rỡ và về mặt quan lộ, sự thành đạt và giàu sang đã tới đỉnh cao; nàng được bổ nhiệm giữ chức giám đốc một công ty.

Bây giờ Nguyệt đi làm bằng ô tô cơ quan. Một ngày nàng thay váy áo tới ba, bốn lần. Sáng nàng có bác sĩ tư đo áp huyết, chiều cũng lại vậy. Một tuần một lần, một người thợ ở mỹ viện đến sửa móng tay, móng chân cho nàng. Đêm ngủ nàng bôi kem dưỡng da hoặc dán đầy mặt các lát dưa chuột cắt mỏng. Nguyệt đẹp viên mãn, thuần thực, mỡ màng ở tuổi ba mươi lăm.

Trong khi đó buồn thay, Mào chồng nàng, lại phát triển theo chiều đối cực với nàng. Xí nghiệp cơ khí ở đó Mào làm phó phòng hành chính, sau thời kỳ làm ăn thua lỗ liên tục cả chục năm trời đã giải thể. Mào về hưu non. Lương sống đã chẳng đáng kể lại còn phải nuôi thêm hai đứa cháu con ông anh mồ côi mẹ, và vào tuổi bốn lăm, các tật bệnh trong người y như gặp cơ hội tha hồ phát lộ. Vừa khởi phát bệnh hen suyễn y lại tái phát chứng thấp khớp, hai bàn tay co quắp như củ gừng, thân đau, đốt sống cổ vôi hóa, đi đứng đều lom khom trông càng thêm dị mọ. Tên ngoại bang xâm lược giờ đây hiển nhiên đã biến thành kẻ ăn bám vợ xo xúi, kém hèn rồi!

Bây giờ thì Nguyệt không thể giấu nổi cơn bất mãn, bức dọc ngày càng thường xuyên của mình nữa rồi. Mà giấu làm gì nữa. Nó sờ sờ ra đấy, ai người ta chẳng biết. Thêm nữa, vợ chồng là kẻ ăn cùng mâm, ngủ cùng giường. Huống hồ, gái có chồng còn như gông đeo cổ. Làm sao mà lờ đi, mà quên khuây được, dù là trong chốc lát!

“Không hiểu kiếp trước tôi nợ nần gì mà ông trời lại ghép đôi tôi với ông Mào thế nhỉ?” Chao ôi! Nguyệt than thân trách phận. Nguyệt không cần giấu giếm nỗi uất tức nữa. Ở thế thượng phong, nàng giữ quyền cao ngạo, khinh miệt chồng. Nàng liên tục kể xấu chồng. Nàng nói nàng ê chề vô cùng vì một lần đi xem kịch ở Nhà hát Lớn, giữa thế giới thượng lưu cao sang mà Mào lại ngửa đầu lên ghế ngủ ngáy kho kho. Nàng gọi Mào là thằng cha thối kèn Tây để chế giễu chứng hen suyễn của chồng. Nàng bảo: “Giá Mào lấy được cô vợ hen có phải là đêm nằm cò cử như kèn có đôi không?” Ngôn ngữ linh hoạt dồi dào, nàng sáng tác cả những truyện cười về chồng. Chẳng hạn, vì mất chàng cái ngưỡng thiên, cái ngưỡng địa nên trong bữa cơm chàng định gấp món đậu mà lại thọc đũa vào món rau. Cũng thế, chàng đã bị ăn đấm oan, vì một lần đi chơi chợ, chàng ngênh ngáo nhìn đó đây mà một tên du côn lại tưởng chàng đang theo dõi hành vi chôm chĩa đạo tặc của nó.

May mắn đã không xảy ra phản ứng gì từ Mào. Dường như nhận ra sự hèn kém, không tương xứng của mình, Mào lặng lẽ chấp nhận thân phận phụ thuộc của mình. Y câm lặng như một kẻ vô cảm, cặm cụi làm đủ mọi việc trong nhà, từ đi chợ, nấu ăn đến quét dọn, giặt giũ. Như một tên đầy tớ tận tụy, y vội vã chạy ra mở cổng khi có khách gọi. Dẫn khách vào, pha trà mời khách xong y đi xuống bếp. Và ở đó trong tư thế sẵn sàng chạy lên khi Nguyệt ngoảnh xuống, réo: “Ông Mào, lấy hộ mấy lon bia trong tủ lạnh lên đi. Nhanh lên một tí! Sao mà lù rù như chuột chù phải không thế!”

Trước mọi lời trách mắng thô lậu của vợ, y im lặng như một kẻ tốt nhặn, lại cũng giống như một thằng đàn. Và đó chính là điều kiện để Nguyệt càng lúc càng trở nên dạn dĩ, bất cần, nghĩa là nàng tha hồ khinh nhờn chồng, nàng coi y chẳng còn là một giá trị gì nữa. Nhất là từ khi nàng dò la đây đó và tỏ tường lai lịch y. Y là đứa con bị bỏ rơi của một gã đập xích lô và một ả gái điếm. Rồi sau những ngày sống vất vưởng nơi đầu

đường xó chợ được một người tài xế ở cơ quan ngoại giao đem về nuôi, cho ăn học. Nghĩa là bây giờ nàng có thể tự cho mình cái quyền được thỏa sức ăn nói, chửi đổng, thậm chí mắng mỏ, chì chiết, đay đả Mào, để xả cơn uất tức, để hả nỗi đau đời mà nàng đã phải chịu nhận bao năm trời. Đã giận y, đã hận y, đã khinh bỉ y, bây giờ nàng cảm ghét y!

- Ôi giời, chẳng phải là một ngày tựa mạn thuyền rồng đâu, nhưng một khi gặp người tâm đầu ý hợp, vừa lứa xứng đôi thì đây ấy à, sẵn sàng ngồi xổm lên dư luận! Nghĩa là cứ giường cao chiếu rộng mời chàng chứ không có thêm rúc bờ rúc bụi đâu!

Nguyệt chao chát cao rao vậy với âm lượng hết cỡ, như cốt để Mào ở dưới bếp nghe thấy, trong một lần trò chuyện với bạn gái về chủ đề ngoại tình. Chẳng còn gì phải giữ gìn nữa, giờ đây nàng có thể bấu môi bấu mỗ quay đi khi bỗng thấy Mào xí xốn phởn phơ vì một nỗi vui vô cớ nào đó. Nàng gọi y là đồ c. nát còn có chớp khi thấy y đứng trước gương nắn lại chiếc cà vạt trước khi đi đến nhà bạn, hoặc y nổi cơn hưng phấn bất thần, ư ử hát thầm bài dân ca Italia: “Có biết bao giờ lại gặp cô em thời ấu thơ.”

Đã thôi hẳn việc ăn nằm với chồng, giờ đây Nguyệt như kẻ chân son mình rồi, đêm hôm khuya khoắt đi về tự do, thoải mái; lại nhiều lần vin vào lý do công việc, nàng không ngủ nhà có khi cả tuần liền. Chưa hết! Một chiều mùa hè, tới sang nhà Nguyệt mượn tờ báo. Đưa tờ báo, tay nàng đồng thời nhắc cái túi xách tay, rồi vừa mở nắp thò tay vào, nàng đã ngoảnh xuống bếp gọi chồng lên và giọng giật dưng dưng:

- Ông Mào! Một triệu đồng tôi để trong túi này, sao giờ chỉ còn bảy trăm ngàn là thế nào?

Mào lụng thụng trong cái áo nâu màu cổ vịt, gãi đầu lí nhí đáp rằng y không biết và chỉ đợi có thể là nàng bất cẩn biết

đến sự có mặt của người khách là tôi, lập tức chồm lên mặt bàn, rít chối tai:

- Sanh không thủng cá đi đàng nào! Hả? Giời ơi! Bao năm trời tôi ngâm đắng nuốt cay! Sao cái thân tôi khổ thế này, hả giời!

*

Cái nhọt bọc căng nhúc nung mủ trước sau rồi cũng đến lúc vỡ bọc thôi! Đình ninh vậy, nhưng nghe trong lời xì xầm bàn tán của hàng xóm láng giềng, được biết cô vợ đã viết đơn ly hôn không ít hơn chục lần và anh chồng cương quyết không chịu ký nên lại thấy phân vân, không hiểu rồi vỡ bi hài kịch còn nhùng nhằng lâu nay sẽ kết thúc thế nào!

Mùa thu ấy, cái kết thúc của câu chuyện đã đến. Như sự tuần hoàn của thời tiết từ hạ sang thu, đến thật chùng chình, nhưng lại giống như cái kết của một cái truyện ngắn tài tình, nghĩa là rất có lý mà lại hoàn toàn bất ngờ. Mùa thu ấy đến chậm rãi và dừng đỉnh như những trang văn của một tiểu thuyết cổ điển. Tuy vậy tiết thu vừa chớm đã đạt ngay đến sự dịu dàng, mát mẻ hiếm hoi và mọi người có cảm giác được đền bù thật thỏa đáng sau những ngày hè nấu nung. Chỉ tiếc sáng thu ấy giống như một nốt nhạc lạc điệu trong âm hưởng êm đêm, trong mát của khúc nhạc thu dịu dặt mỗi sớm mai. Chúng tôi thức giấc vì nghe thấy tiếng đập cửa âm âm và tiếng hò hét hung hăng của anh chàng Mào, chồng Nguyệt. Bước ra cửa, xem có chuyện gì, chúng tôi tất thấy đều ngơ ngác tưởng đang sống giữa chiêm bao.

Mào lẻo khoẻo quắt queo trong bộ đồ thể thao áo thun, quần thun tím sọc trắng, chân đi dày adidas, đầu đội mũ Biti's, toàn những thứ hợp thời trang vợ y mới sắm cho, đứng cạnh cái túi du lịch căng phồng, tay chống háng, ra oai cóc tía, mồm dẫu,

xỉa hàm răng cà la vâu về trước, trong khi chân phải y liên tục đá thình thình vào cánh cửa khóa trái bên trong.

Anh chàng mới đi du lịch đâu đó về, đang gọi vợ dậy mở cửa ư? Đúng! Đúng là từ mấy hôm trước đã nghe phong thanh là sắp tới Mào sẽ đi du lịch Cát Bà. Và tối hôm qua, lúc chín giờ mọi người còn thấy chị vợ đi xe máy đèo chồng ra ga để đi chuyến tàu tốc hành xuống Hải Phòng! Nhưng đúng vậy mà cũng không phải vậy. Vì lọt vào cửa ga xong là Mào lập tức lủi ngay vào bóng đêm giữa hai đoàn tàu, rồi lát sau, quay trở ra, tìm nhà trọ ngủ qua đêm chứ không lên tàu. Để bây giờ tang tảng sáng một ngày thu mát mẻ y bất ngờ trở về và đang đá thình thình vào cửa nhà mình.

- Mở cửa! Mở cửa! Làm cái gì mà lúng túng, không ra mở được thế, Nguyệt?

- Mở cửa! Hừ, chưa mặc kịp áo quần hả? Hừ, rõ đẹp mặt chưa! Nào, mời bà con láng giềng lại đây xem con vợ tôi nó xinh đẹp, giỏi giang và chính chuyên như thế nào nào!

- Nào, có mở cửa không? Hay là để tao vào tao trối cả hai đứa gian phu dâm phụ rồi dong lên công an phường nào? Hứ! Bao lâu nay cô tưởng tôi là đứa ngô ngọng, ngu si, dần dộn không biết gì, hả? Hứ! Rõ là giường cao chiếu sạch con đi tha hồ đú đởn với giai như tuyên ngôn hôm nào nhé!

- Nguyệt, cả đêm đú đởn với nhau chưa đã, sáng rồi còn gõ gạc tiếp hả? Một... hai... ba... Già lừa ưa nặng, tao phá cửa đây!

Hai cánh cửa bị chân Mào đạp mạnh, mở rộng toang toàng. Mào nhảy tót vào giữa nhà, mặt đỏ hăm, chân giày dận phịch phịch xuống đất, há miệng thật to, gào đến vỡ họng:

- Thế nào? Đồ dĩ thối thây! Ai là chủ cái nhà này, hả? Tao hỏi, ai là chủ cái nhà này, hả? Trả lời đi thì tao tha. Ai là chủ cái nhà này?

Mào đã ra tuyên ngôn xác lập vị thế của mình. Mào đã ra khỏi thân phận. Mào đảo ngược được tình thế. Mào kịch được

y dần dựng thật tài tình. Y là tác giả của một truyện ngắn có cái kết thúc quá xuất sắc. Hóa ra tên ngoại bang xâm lược thâm hiểm, lắm mưu mẹo, chứ đâu có vụng dại, ngu dốt. Hóa ra kẻ xuất thân hà tiện có lá gan to, dám làm cả những chuyện phi đạo lý động trời. Y đã thắng to, bất chấp cả sự chê bai của miệng thế và lòng tự trọng thông thường của người đàn ông.

Giờ đây, là ông chủ thực sự của căn nhà, y đi đi lại lại, vênh vang tự đắc và thỉnh thoảng lại như kẻ động kinh, ngoác miệng thét lớn, tiếp tục ra oai, để xác định dứt khoát quyền uy của mình. Tuy nhiên nhiều lần gào thét xong, y lại đứng ngẩn. Vẫn còn đâu đây cái cảnh Nguyệt chồm dậy từ đám chăn nệm nhàu nát, vội vàng choàng tấm khăn mỏng qua tấm thân lỏa lồ của mình chạy tới quỳ trước mặt y, lập bập xin y tha tội, trong khi gã tình nhân run rẩy bầy trong gầm giường. Y không hiểu mình là ai. Như kẻ phải đóng một vai kịch lạ, y ngơ ngẩn vì thấy mình chưa nhập vai. Vai trò mới của y lạ lắm quá! Y ngơ ngác không hiểu vì sao tình thế lại đổi thay nhanh thế. Và nhất là người đàn bà vợ y đang mạnh mẽ, kiêu căng là thế mà thoát cái lại có thể yếu ớt, yếu nhược đến thế!

Yếu ớt, yếu nhược quá là Nguyệt lúc này. Giờ đây, ở trong nhà thì nàng lủi thủi một mình một bóng như con sen con ỏ, ra ngoài đường ngõ thì nàng gằm mặt xuống đất, không dám nhìn ai. Nàng như kẻ biết mặt mình nhỏ nhem, bản thủ. Nàng đã bị trúng đòn hiểm. Nàng đã thất bại hoàn toàn trong mưu toan cải đổi hoàn cảnh sống. Thất bại ê chề đến trong có nháy mắt. Thất bại của nàng là thất bại của chính con người.

Tam Đảo, 15/8/2003

TÓC HUYỀN MÀU BẠC TRẮNG

Đó là một gương mặt đàn ông đẹp. Đẹp từ tuổi tráng niên đến lúc từ già cõi trần, tôi xin cam đoan vậy. Và nếu khoa tướng mạo học chia mặt người thành mặt nguyệt diện, mặt hiền triết, mặt công khanh thì gương mặt ông Thại hàng xóm của tôi thuộc loại hình thứ ba, hết sức sang trọng.

Mặt ông có đến hàng chục cái quý tướng. Tai ông to. Thùy châu ông bậu. Nhân trung ông sâu. Ấn đường lộ. Lông mày con tằm. Mệnh cung ông sáng bóng... Mỗi người đều có thể ngắm nghía và tán tụng mỗi nét trên gương mặt, vóc dáng, thần thái ông theo quan niệm chí thú của mình. Chẳng hạn có thể nói: Quai hàm ông nở tức là ông có quyền uy. Tai ông đóng cao hơn mắt là ông cực kỳ xuất sắc về mặt công danh. Cũng có thể có người xét đoán một cách tổng quát, nói ông có tam bảo: thần, khí, sắc; dáng đi chững chạc, đàn ông hoàng, tiếng nói ôn hòa, ấm áp, phong thái chính trực, phong lưu, ông là người giàu ở làng, sang ở nước. Ông là một khách tài tử. Một chính nhân quân tử. Một *gentleman*!¹ Một người gặp là có thiện cảm, là muốn giao tiếp, kết thân. Một người có sức hút kỳ lạ đối với cả cánh đàn ông. Cánh đàn ông ở quán bia, khi thấy ông tới, thế nào cũng có người sán đến: “Bác ơi, cho tôi uống với bác

1. Có nghĩa là lịch sự, hào hoa, phong nhã.

một vại nào!” Yêu cái thanh sáng tươi đẹp là khuynh hướng tự nhiên chẳng phải của riêng ai!

Khi tôi nhận ra ông, khu biệt ông với mọi người thì ông đã là một ông già sáu mươi lăm tuổi, hàng xóm của tôi. Ông ở trong một căn buồng nhỏ chừng hơn chục mét vuông. Ngoài hiên có một chiếc xích đu, đệm ngồi là một cái mền chần cũ. Khéo thu xếp trong không gian chật, ông cũng có một cái sân nhỏ đặt loáng thoáng hơn chục chậu hoa, thứ nồng, thứ đậm như cúc, nhài, hồng, hương thơm tao nhã quần quýt ngày đêm.

Ông sống một mình. Một ông già độc thân, cũng là sự thường tình như cái chết vốn cô đơn. Cô đơn bỗng trở nên một trạng thái cần được chia sẻ, đặc biệt là khi tôi thấy ông lăm lăm một mình nhặt sâu, tưới hoa, trong không khí lặng tờ chỉ nghe thấy tiếng nước phun rò rò qua chiếc hoa sen bình tưới, vắng vẻ đến rợn người. Kể cả khi thấy ông lom khom đứng ở trước cửa nhà bà Loan bên cạnh, khẽ khàng như sợ có người nghe thấy: “Bà Loan, có phiền bà quá không? Nhân tiện bà ra chợ, lúc về bà mua hộ tôi ba trăm dưa cải, một chai tương ớt nhé!”

Bà Loan là bà giáo, chồng là đại tá công binh, hy sinh ở mặt trận K, ba con gái đã thành gia thất, giờ về hưu, vui với cảnh chùa chiền, chợ búa và bạn hàng. Bà là một phụ nữ đẹp, vẻ thanh nhã, quý phái vẫn phảng phất trên mỗi nét điệu; con mắt tuy đuôi rạn chân chim nhưng lòng mắt vẫn trong trẻo như mắt người trinh nữ.

Tất nhiên là bà Loan không bao giờ từ chối lời nhờ vả của ông Thại. Người đàn bà đẹp, đa cảm này còn kín đáo gửi niềm mến yêu của mình với ông Thại khi có dịp nữa kia. Còn tôi, tôi mong thầm, mình sẽ thấy đến một ngày họ thật sự gần gũi nhau.

Một người phụ nữ nữa hay giúp ông Thại mua bán là vợ tôi: Nhân. Nhân quý mến ông thật tình. Mỗi khi nhà có giỗ hoặc nấu nướng được món gì đặc biệt, Nhân đều múc riêng

một bát, đơm riêng một đĩa nhỏ đưa sang biếu ông, tình cảm như con cháu trong nhà. Nhưng lần nào cũng giống lần nào, hễ cứ mua bán hộ, hoặc biếu tặng ông một món gì đó về, thế nào Nhân cũng chép miệng ái ngại:

- Khổ! Không hiểu sao mà em thấy ông già tội nghiệp quá!

Tội nghiệp! Một tuổi già tội nghiệp! Nhiều lần nghe Nhân lặp lại câu nói, tôi nhập tâm. Nhưng cũng không chỉ một lần, tôi đã không ngại ngần phản bác lại chính mình. Vâng, ông Thại hàng xóm của tôi không thể là một ông già tội nghiệp! Và đã biết thế nào mà thương hại ông. Cứ quan sát ông kỹ lưỡng một chút mà xem. Gương mặt ông trong sáng lắm. Chẳng có nét nào, kể cả nét khuất, trên gương mặt ông nói lên cái lặn đạn, hao tán, bại xuội của tâm hồn, thể xác, của đời ông cả. Vả chăng, ngoài cái việc cơm nước một mình, một cái thú thẩm mỹ chưa biết chừng thì chỉ có cái việc nhò vả mua bán mớ rau, miếng thịt lật vật là thấy nó tội thế nào đó thôi. Chứ phong vẻ ông vẫn là phong vẻ con nhà. Ông sống ung dung, sinh hoạt ăn ở rất nền nếp, cẩn trọng. Ra khỏi nhà không bao giờ mặc quần đùi, áo may ô, thậm chí *pyjama*. Đã mặc *com lê* là đi giày mồm vuốt và đội mũ phớt. Mùa hè áo cộc tay ống rộng bao giờ cũng buông vạt ngoài quần để che bộ mông, chứ không như nhiều ông quan chức bây giờ, cứ nhét tuốt vào trong quần và cho thế là lịch sự!

Quan sát lớp bạn đồng liêu của ông mới thấy họ khác ông lắm. Tất nhiên cũng vì đồng lương chật hẹp, nhưng lắm cụ về già bỗng phát sinh thói tham tiền quá đáng. Bảy mươi rồi, lắm cụ còn lao vào thương trường, giở đủ trò mánh mung đến nỗi vỡ lở, phải vào ngồi nhà đá. Có ông hôm qua còn đương chức thì co ro cúm rúm trước thủ trưởng, hôm nay ra khỏi vòng đã hạ ngay cũng con người ấy xuống bậc “thằng”. Ý lão mãi lão, lắm cụ bán cả thanh danh mình mà không biết, khi phủ định tuốt tuốt những năm tháng tuổi trẻ hào hùng của mình. Có cụ về nghỉ rồi vẫn chưa nhạt thói háo danh. Vẫn thích làm ông

nợ, bà kia, động nói là lên mặt dạy đời. Lại có ông buông thả hoàn toàn, về nghỉ là coi như rũ nợ đời, lu bù bồ bịch, sớm tối chỉ rượu chè, bài bạc. Nói tóm lại, còn chưa thoát vòng mê chấp, lòng còn nhiều vọng động và bị ngoại vật chi phối hoàn toàn.

Ông Thại không như vậy, ông vẫn cặm cụi với đèn sách. Sau cái ưu tư về học thuật là một tâm tình phẳng lặng như mặt hồ thu. Ông không sống với thế sự, môi trường. Ông ở trên những buồn phiền, lo âu, ở ngoài những nhọc nhằn, đau đớn. Ông không rơi vào trạng thái cần cá, rối ren trong oán hận, bực bội. Ông chăm chỉ và vẫn thông dong. Sáng, sau khi điểm tâm, ông ngồi vào bàn đọc, viết lách, ghi chép đến trưa. Nghỉ trưa dậy, ông dạy một lớp trẻ con bổ túc tiếng Pháp, không lấy tiền. Chiều, ông chăm chút mấy chậu hoa, đi bách bộ ngoài công viên. Tối, ông thăm bạn bè, dự sinh hoạt câu lạc bộ, hoặc theo các lớp học chuyên đề.

Ôi chao, cái nhịp sống với tâm thái yên hòa như thế là cái cây xanh quý hiếm với bất cứ ai, ở lúc này, giữa thời buổi giao tranh hỗn tạp các quan niệm nhân sinh, không ngờ lại bén rễ, đâm cành, mọc lên từ đời ông Thại, một đời người dằng dặc những tai biến, oan khổ, đớn đau, hơn hai chục năm liền!

- Ấy thế, chính tôi nhiều lúc cứ ngăn người ra nghĩ, không hiểu vì sao tôi lại bị tù, anh ạ. Tù ở đây là tù của chế độ ta ấy chứ anh!

Ông Thại nói với tôi, môi phẳng phất một ánh cười lặng lẽ.

Chuyện ông Thại bị tù rất lạ. Đạo đó ông mới ba mươi tuổi. Tướng mạo học đã chứng tỏ không hoàn toàn chỉ là những điều nhảm nhí. Không là hạng công khanh, giữ chức thượng thư bộ trưởng thì ông cũng là cán bộ cấp cục, cấp vụ, loại rường cột quốc gia. Trẻ tuổi, chức vụ như thế ở một Bộ lớn, ông đang rất được trọng vọng. Năm ấy, máy bay Mỹ đã bắt đầu oanh tạc thành phố. Các cơ quan rục rịch sơ tán. Ông cũng đang sửa soạn thì dùng cái, nhận được giấy gọi tập trung lên khu Công

an. Ở khu Công an, người chỉ huy đọc lệnh cải tạo dài hạn và dồn ông cùng mọi người lên một chiếc xe buýt kín. Không kịp xin về nhà lấy thêm quần áo thì xe đã chạy. Nửa đêm, xe dừng trước một cái cổng sắt. Nhìn ra thấy mây sương trắng lóa và núi đồi nhấp nhô. Một người lính gác ra nhận hiệu lệnh, rồi mở cổng. Xe ô tô lọt vào một cái sân rộng. Chưa hiểu mô tê gì giáp thì được lệnh xuống xe và một sĩ quan cầm đèn bão giơ cao, tự giới thiệu là giám thị. Rồi nói: “Từ nay các anh là phạm nhân. Đây là trại tù. Ở đây phải mặc quần áo phạm. Phải gọi quản giáo là ông, là bà.” Ấy thế!

Vài mẩu vụn sinh hoạt chốn lao tù ông kể mà tôi nghe cứ rợn tóc gáy đến tận giờ.

- Ngay tuần lễ đầu tôi bị liên tiếp mấy trận kinh hoàng, anh ạ. - Ông Thái nói. - Tôi bị giam riêng trong một buồng hẹp. Đến bữa, được phát một bát cơm nhỏ, một bát canh và một cái thìa. Bữa ấy, tôi vừa cầm thìa xúc cơm ăn thì một gã quản giáo đi qua. Theo phép lịch sự thông thường, tôi đứng dậy, lễ độ: “Tôi xin mời ông xơi cơm ạ.” Quản giáo chừng mười tám tuổi, mặt non choẹt, béo ú, đưa mắt ti hí lườm xéo tôi, rồi xịt tia nước bọt qua kẽ răng: “Đ. mẹ mày. Cơm như cho chó ăn mà cũng mời với mọc!” Trời, tôi buột rơi cái thìa, rồi mặt gằm xuống, run lấy bầy, không biết mình đang sống ở thời nào, chốn nào! Hôm sau, cũng đang ăn cơm thì lại chính gã nọ đi qua. Rút kinh nghiệm, mình gằm mặt xuống ăn, không mời. Thì chính quản giáo ấy lại lừ mắt nhìn vào buồng, rồi quay mặt ra sân, chống tay lên háng và cũng lại xịt một tia nước bọt, buông thông một câu: “Đ. mẹ mày chú. Sắp mặt xuống ăn như chó, không kịp ngẩng lên mời bố mày một câu nữa!”

- Trời! - Tôi kêu đau đớn.

Ai có thể bịa ra được cảnh huống ấy. Và nhìn ông Thái, tôi vừa thương ông quá, vừa băn khoăn không hiểu rồi lần sau ông gặp tình huống ấy ông sẽ xử sự thế nào?

Ông Thại chép miệng:

- Thì cũng phải quen và khôn ra. Quen với thân phận thằng tù và khéo léo trong ứng đối. Lần sau, thấy gã ấy đi qua đang lúc mình ăn cơm, tôi liền đặt bát cơm xuống, đứng dậy, thật nghiêm nghị: “Thưa cán bộ, con đang ăn cơm, xin phép cán bộ cho con ăn tiếp ạ.”

Tôi thở ra thào thào:

- Hay quá! Thằng cha ấy chịu chứ?

- Nó ngây mặt.

- Hết cách!

- Ấy, cũng tưởng nó hết cách. Ai ngờ nó vẫn kiếm được có hoạnh mình. “Ăn đi! Sao ăn chậm thế? Người ta ăn xong hết cả rồi kia kia!” Nó đằng hắng, rồi kéo liền một hơi.

- Chà! Thằng cha cũng đáo để nhỉ!

- Nhưng mình cũng nhanh trí. Mình đáp: “Báo cáo cán bộ, tôi bị đau dạ dày, phải nhai kỹ nên chậm ạ.”

- Bác cũng chẳng vừa thật!

- Nhưng cuối cùng mình vẫn thua nó. Quả là thiên hạ bách nghệ và nó có nghề hạch lạc thật. Nó quát liên: “Đau dạ dày sao không báo cáo, hả?” Thế là mình lại bị đẩy vào thế bị động. Nó có quyền, mà là quyền lực tuyệt đối, nó mạnh hơn hẳn mình!

Nhà tù là nơi anh đến để cải hóa. Ở đó, bất kể trước đây anh là ai, giờ anh cũng chỉ là thằng tù. Anh là kẻ có tội. Tương quan giữa anh và kẻ cai quản anh hoàn toàn chênh lệch. Vẫn biết là như vậy nhưng tôi vẫn không thể không động lòng trước cảnh tủ nhục ê chề của ông Thại, dù biết rằng đâu phải quản giáo nào cũng như gã nọ.

Tôi gằm khe khẽ:

- Thế thì cũng có lúc phải kêu lên, tìm mọi cách mà kêu lên chứ, bác?

- Thì mình cũng có miệng, có chữ nghĩa chứ. - Ông Thái nói. - Lời kêu cứu to nhất của tôi là: “Hãy giải thích cho tôi rõ, tại sao lại bắt tôi?” Tôi viết đơn. Đơn được gửi lên tận cấp thượng đỉnh thật. Và người ta cử người đi kiểm tra thật.

- Thế mà...

- Đời là những ngẫu sự chấp nối là vậy, chú à. Người đi kiểm tra để giải mã việc tôi bị bắt là người tốt. Anh ấy mất nhiều công sức vào việc tìm kiếm tư liệu lắm. Đang là lúc chiến tranh, các cơ quan phân tán, tài liệu rải rác, thành ra công việc phải kéo dài ra. Ba năm trời, công việc còn chưa đâu với đâu thì anh ấy được lệnh đi chiến trường B. Người được anh ấy bàn giao lại bắt tay vào công việc với tất cả bộ gõ ban đầu. Nhưng lần này, lại xảy ra điều rủi ro nữa, việc đang dang dở thì một lần trên đường đi công tác ở Khu 4, người này bị máy bay Mỹ oanh tạc chết. Tài liệu điều tra về việc tại sao tôi bị bắt giam anh mang theo thế là cùng chung số phận với anh, tan thành hư vô. Tiếp đó...

Tôi thở rất ngực:

- Thế là kéo dài hơn hai chục năm!

- Biết thế nào được! Vài lần sơ sẩy là xong một đời người là vậy. Ngoảnh đi ngoảnh lại cũng không ngờ hơn hai chục năm trôi qua. Ở tù, năm đầu thấy dài đến ngột ngạt. Năm sau thấy đỡ dài hơn. Năm sau nữa, ngắn hơn. Mỗi năm qua nhanh hơn lên một tí. Bỏ hy vọng bớt dần, chờ đợi cũng ít dần. Sau cùng thì chẳng có cái gì để hy vọng nữa nên lại thấy thanh thản.

Ông Thái dừng, cười nhè nhẹ, tiếp:

- Đến một hôm, ông giám thị gọi lên, đọc lệnh, rồi nói: “Anh Thái, anh được tự do.” Mình còn cứ ngỡ ngơ. Chẳng hiểu vì sao lại được tự do. Hơn hai mươi năm bị giam cầm rồi ngay lập tức được tự do. Lạ quá! Sao tự do lại được hưởng một cách dễ dàng và đơn giản thế nhỉ?

Cuối cùng thì ông Thại trở về buồng giam, ôm túi quần áo, đi ra cổng trại. Ông đi được mấy bước, gặp luồng gió bắc, đứng lại, thấy trời quá nên một lúc sau, lại quay đầu đi vào cổng trại. May, lúc ấy có xe ô tô ông giám thị đi công tác về thành phố bon ra cổng. Xe đỗ. Ông giám thị ngoái ra: “Anh Thại, lên xe đi!” Như một kẻ vô hồn, ông Thại leo lên xe. Ông xin xuống xe ở trụ sở cơ quan cũ. Chà! Cơ quan cũ! Nhưng có còn gì nữa đâu. Hai mươi năm đã trôi qua rồi! Cán bộ, nhân viên đều đã thay đổi. Chỉ còn ông bảo vệ mặt rỗ, tay khoèo, bị cụt chân trái hồi máy bay Mỹ ném bom thành phố là còn quen. Ông bảo vệ ôm ông, khóc: “Bác đi đâu lâu thế? Sao chẳng có thư từ tin tức gì? Giờ định về đâu? Khổ, râu tóc bạc hết rồi!” Chia tay ông bảo vệ, ông lẳng lặng đi. Rồi ngơ ngác nhìn lên trời. Về đâu bây giờ? Chợt nhớ đến địa chỉ người con gái đã yêu ông, tên Huyền, thợ dệt Nhà máy mồng 8 tháng 3, liền đi tới. Nhưng hỏi tên Huyền ở ngõ ấy, mọi người ngó ra một lúc rồi bảo: “Cô ấy lấy chồng, theo chồng, hay đi đâu, không rõ, chỉ biết đã gần hai chục năm nay cô ấy không còn ở đây nữa.” Bước vô định, ông Thại tha thẩn ra công viên N. Ở đó có một chiếc ghế đá là còn quen. Hơn hai mươi năm rồi, chiếc ghế đá vẫn nghiêng một bên do một bên chân nó bị lún. Đó là nơi ông thường ngồi trò chuyện với Huyền những tối thứ Bảy, những ngày đã rất xa. Chiếc ghế đá nghiêng, chỉ nó là còn nguyên vẹn.

*

Dấu vết nhà tù còn lại duy nhất là ban đêm ngủ bao giờ cũng phải thấp đèn. Ông Thại nói. Còn thì gương mặt ông, tâm trạng ông, lạ sao vẫn hoàn toàn thanh thản. Câu chuyện ông nói tiếp, cứ nhẹ tênh, như chuyện của ai khác vậy:

- Kể ra thì cũng chẳng muốn nói lại chuyện đã qua làm gì. Nhưng đã trót kể một phần cho chú nghe rồi thì tôi đành kể

nốt vậy. Đầu đuôi nó là thế này. Chú biết rằng hồi đó tôi là vụ trưởng một vụ lớn ở một Bộ Kinh tế khá quan trọng. Tôi thuộc hạng vua biết mặt, chúa biết tên. Tôi thường được dự các cuộc họp, nghe các đồng chí lãnh đạo cao cấp nói chuyện. Tất nhiên được tiếp xúc với các đồng chí ấy là một vinh dự. Họ thuộc về một thế hệ đáng kính. Chí ít thì họ cũng là những người dám đánh đổi cả mạng sống của mình, để giành lấy quyền lợi cho đa số. Phần lớn họ đều bị đế quốc bắt bớ, khảo tra, giam cầm, nhiều người đã bị kết án tù chung thân hoặc tử hình. Một hôm có một đồng chí cán bộ lãnh đạo cỡ như vậy đến thăm cơ quan Bộ tôi. Chỉ có cán bộ cấp vụ trở lên được dự cuộc tiếp xúc này nên phòng họp nhỏ chỉ chứa chừng hơn hai chục người, ai cũng nhìn rõ mặt nhau cả. Trong buổi gặp gỡ, tôi để ý, cứ thấy đồng chí lãnh đạo nọ thỉnh thoảng lại liếc về phía mình. Nghĩ thoáng: Chắc là đã có lần mình gặp đồng chí ấy nên đồng chí ấy nhận ra và có thiện cảm. Nhưng rồi việc này dần việc kia, khuấy quên đi. Tôi cũng là người vô tâm, chẳng để ý đến nữa! Cho đến một lúc bỗng nhận ra, các buổi họp hành, giao ban cấp vụ thường không thấy có tên mình trong danh sách triệu tập. Tất nhiên, thoát đầu cũng chỉ nghĩ là họ sơ ý bỏ quên thôi. Đến khi rộ lên một loạt tin đồn. Nào mình sắp phải chuyển công tác, nào mình sắp được cử đi hạ phóng cơ sở thì mới chợt giật mình. Tại sao lại thế nhỉ? Tiếp đó là chiến tranh. Rồi có lệnh tập trung lên khu Công an như tôi đã có lần kể chú nghe đấy.

Ông Thái lắc đầu, cười khan một tiếng:

- Hóa ra mọi sự thật là đơn giản!

- Thật là đơn giản?

- Đúng thế! Đơn giản đến mức không thể tin là thật được! Vì tất cả nguyên do chỉ là bắt đầu từ câu nói của một đồng chí lãnh đạo cao cấp nọ. Mà nói cho thật chính xác thì chung quy là tại... cái mặt mình. Cái mặt mình đây, chẳng đến nỗi xấu xí gì có phải không, chú, vậy mà không hiểu sao nó lại giống

mặt một thằng cai tù. Một thằng cai tù mồ ma thời đế quốc thực dân. Thế có chết mình không chứ! Vậy nên suốt buổi họp hôm ấy, thấy đồng chí lãnh đạo nọ thì thoảng lại đưa mắt nhìn mình, mà mình cứ tưởng đó là cái nhìn thiện cảm; chứ đâu có biết đó là cái nhìn nghi ngờ, cái nhìn thẩm tra; để rồi sau đó, tan họp, trước khi ra về, đồng chí ấy ghé tai một ông lãnh đạo Bộ nói thầm: “Này, kiểm tra lại xem. Cái cậu tên Thái, vụ trưởng kia, sao giống cái thằng cai tù vẫn đánh đập tra hỏi mình hồi mình bị giam ở Hỏa Lò thời trước Cánh mạng thế?”

Trời! Thằng cai tù có gương mặt phong lưu, quân tử, đường hoàng, chính trực! Tôi sống người. Ông Thái như đọc được ý nghĩ của tôi, chép miệng:

- Ở tù cùng với mình có một cậu họa sĩ trẻ. Cậu này bị bắt vì đi theo mấy bậc đàn anh vẽ tranh đàn bà khỏa thân. Gặp mình ở nơi tập trung trên khu Công an, cậu ta hỏi mình: “Giấy lệnh của bác màu gì?” Mình ngớ ra! Nghĩ mãi mới mang máng nhớ là màu hồng. Cậu nọ liền ôm lấy mình, ứa nước mắt: “Anh à, mỗi màu là một ý. Cũng như đơn thuốc bình thường và đơn thuốc độc ấy! Hồng tức là bệnh nặng rồi. Hai anh em mình giống nhau.” Trong tù mình và cậu ấy quăn quýt nhau lắm. Cậu ấy cứ buồn rồi là vẽ chân dung mình. Mỗi lần vẽ là một lần cậu ấy cố khám phá ra một cái gì đó ẩn khuất ở mình. Cậu ấy bảo: “Em thấy rất lạ đấy, chân dung anh tiêu biểu cho một người may mắn và hiển đạt cơ mà!” Nhưng một lần, đang vẽ cậu ấy liền buông bút, ngẩng mặt lên trần nhà, than: “Trời ạ, Ông Tạo oái oăm quá! Không cho ai cái toàn vẹn bao giờ.” Mình hỏi thế là thế nào? Cậu ấy bảo: Tượng mình cực kỳ quý nhưng bị triệt trừ cạn kiệt từ gốc, vì cái nghiệp khinh bạc lẫn vào một nét khuất trong pháp lệnh. Cái ấy tưởng nhỏ nhưng là cái lấy. Nó làm nên cá tính. Tai vạ làm xô lệch đời người là do nó. Thường, anh nào mang danh kẻ sĩ, trí thức đều có cái nét dị biệt này...

Ông Thại nheo mắt hóm hỉnh, như tự giễu mình, rồi tiếp:

- Mình chẳng biết gì về tướng số với tử vi. Nhưng nghe cậu họa sĩ nói, cũng dịu nhẹ nổi lòng. Mà nghĩ cho kỹ, lỗi cũng không phải do đồng chí lãnh đạo cao cấp nọ. Ông ấy chỉ nghi ngờ và yêu cầu kiểm tra lại xem kia mà! Hà, hóa ra tai ương nằm trong định mệnh, trăm sự là từ nghiệp chuồng thân mình mà ra. Làm hết sức mình nhưng kết quả thế nào thì giao phó cho mệnh. Họa không thể tránh, phúc không thể cầu thì oán hận ai, oán hận mà làm gì! Ấy thế! Thành ra chính cậu họa sĩ cũng thanh thoát. Anh chàng quản giáo mắng sa sả cậu ấy là tên dân ô đồi trụy. Rồi cao giọng chửi rửa: “Tôi không thể hiểu nổi các người nữa. Một con đàn bà có cái gì mà già trẻ lớn bé, hết thế hệ này đến thế hệ khác, các người cứ hăm hở lột truồng nó ra để vẽ, cắm đầu vào mà vẽ!” Cậu họa sĩ chỉ im lặng cười. Tranh cái gì được ở đây nhỉ? Mà chẳng phải chỉ ở đây! Có ai đi tranh cãi với lịch sử không? Không thể đã không là lịch sử. Lịch sử nó cao hơn *logic*, thậm chí cao hơn cả lẽ phải. Một bận, anh chàng quản giáo đồn cậu họa sĩ, bắt cậu ấy phải tham gia đối thoại. Cục chẳng đã cậu ấy mới phải nói. Cậu ấy nói thế này: “Tôi nghĩ tôi là người có nhân cách. Nhưng tôi hiểu, có một dòng sông đẹp nhưng tôi chỉ nên dừng lại ở bờ bên này thôi, sang bờ bên kia là nguy hiểm chết người đấy! Hà!”

Chuyện đời ông Thại ám ảnh tôi mấy năm liền. Giữ mãi trong lòng thì thành kén. Cái kén vũ hóa thành cái truyện ngắn chẳng mấy sắc sảo, vui mắt. Tất nhiên, vì là sáng tác nên truyện ngắn này có thêm bớt chút ít chỗ này chỗ kia, nhưng căn bản không xa chuyện thực.

Truyện gửi đi, báo này chối từ, lại tìm tạp chí kia. Bị khước từ, lại bỏ báo chuyên, tạp chí lớn, nhằm các sách tầm tầm, đại chúng in không định kỳ của địa phương gửi, vì trộm nghĩ: có

khi họ đang bí bài! Nhưng kết cục mèo lại hoàn mèo, bản thảo vẫn chỉ là bản thảo!

Tôi đem chuyện đó nói với ông Thại. Nhân vật nguyên mẫu của tôi bảo:

- Viết làm gì, có lợi gì cho xã hội mà viết!

Bụng tôi nghĩ: “Hóa ra con người ông Thại cũng là lịch sử rồi”, nhưng miệng lại nói:

- Họ không hiểu ý tôi. Qua chuyện của bác, tôi chỉ muốn nói rằng, người là con vật có lý trí và rất biết uyển chuyển. Nó biết cách sống cả trong những hoàn cảnh khủng khiếp nhất! Chứ tôi không đề cập đến bất cứ một khía cạnh thế sự nào. Văn chương là văn chương ở chỗ đó. Nhưng hầu hết các tổng biên tập đều nói như bác, hoặc giả im lặng, làm thinh.

Sau hôm tôi than phiền chuyện trên với ông Thại thì nhà ông có thêm một người đàn bà. Đó là một bà sư trạc năm năm, năm sáu tuổi, lúc nào cũng bịt đầu bằng chiếc khăn len nâu. Bà có cặp mắt bồ câu, hay nhìn xuống, hơi buồn. Còn đôi môi thì đầy đặn, nhiễm vẻ trần tục, cứ tươi đỏ như màu son mới quét ở tượng Phật Bà Quan Âm.

Bà sư đến ở với ông Thại chừng một tuần thì công an hộ khẩu đến hỏi. Ông Thại đáp:

- Đây là vợ chưa cưới của tôi. Tên cô ấy là Huyền.

Tôi và Nhân mừng vô kể. Hiển nhiên ai cũng đoán ra một câu chuyện mang dáng dấp một thiên tình sử đẹp nhất thế gian này! Những người yêu nhau hơn hai mươi năm trước đã trở về với nhau! Ông thì vượt qua song sắt nhà tù. Bà thì ra khỏi cánh cửa Phật. Đời sống trần gian dẫu sao cũng vẫn là chốn thiên thai. Riêng ông Thại, ông đã được đền bù. Từ nay, chắc hẳn ông không còn lẻ bóng. Không còn phải ngượng ngùng mỗi khi phải nhờ vả bà Loan hàng xóm hoặc Nhân vợ

tôi mua hộ tí rau dưa lật vật như xưa. Một người đàn bà có thể đánh đổi được tất cả thua thiệt, mất mát, cân bằng lại cả cuộc đời đã xô lệch của người đàn ông là thế! Cả bà giáo Loan, người có ý yêu thầm ông Thái, là người chúng tôi muốn ghép đôi với ông, cũng mừng lắm. Chúng tôi giục ông bà tổ chức lễ cưới. Ông Thái gật đầu, đáp vui vẻ:

- Các bạn hãy cùng tôi chờ Huyền có một mái tóc dài đã nhé!

Tóc bà Huyền rậm rì mọc ngày mọc đêm. Nhân của tôi dõi theo tốc độ mọc của mái tóc bà. Tóc bà Huyền lun phun đã kín đầu, đã chớm vành tai, đã chạm da gáy, đã chấm bờ vai. Nhưng một ngày kia nhìn mái tóc mình, bà bỗng bưng mặt khóc òa. Tóc bà đã bạc trắng! Ngày qua tóc bà như từ một nguồn suối ngầm đùn lên đều đặn, càng dài càng trắng xóa một màu tóc tang. Ôi, có sự sinh sôi nào mà buồn thảm thiết như sự mọc tóc của bà Huyền! Tóc bà, những sợi nhỏ cam lạng, vô hồn như những người im lặng đang chiếm số đông, đang hằng hà sa số, đếm không xuể trong nhân dân chúng ta.

Những người im lặng. Họ thật nhiều

Họ chiếm số đông

Hầu như nhân loại là những người im lặng

Chúng ta sắc sảo ào bắng nhắng.¹

Tôi hào hứng viết lại chuyện ông Thái, thêm đoạn cuối miêu tả cuộc đoàn viên của ông với bà Huyền, đặt tên truyện là “Tóc Huyền màu bạc trắng”. Số phận truyện ngắn này cũng không hơn cái trước. Các tổng biên tập báo lớn, tạp chí nhỏ, chuyên đề hoặc tổng hợp, cùng các xuất bản phẩm không định

1. Thơ của Boris Slapski (nhà thơ Nga).

kỳ trung ương và địa phương như đã hội ý hay sao mà cùng nhất trí tâng lờ. Bị chất vấn, đành phải lên tiếng thì họ nói:

- Cuộc đời vốn nghiêm túc mà viết như đùa bỡn. Đoàn đoàn viên vừa chua chát vừa sái vừa vô lý như cuộc tái hợp Kiều - Kim. Thà cứ để bà giáo Loan lấy ông Thại, hai cuộc đời lỗ dỏ vá vúi đắp đổi cho nhau, xem ra còn có lý hơn!

10/1993

HOA NỎ VƯỜN ĐÊM

Đông nhớ như in rằng lúc ấy anh đã đặt chén nước xuống và cảm thấy mình bình tĩnh vô cùng. Vì sao anh lại có thể bình tĩnh đến gần như thần nhiên như thế nhỉ? Sau, anh nghĩ có lẽ là nhờ ở mảnh vườn nhỏ trước nhà. Mảnh vườn có một cây bồ kết hoa vàng, hai gốc cam sành, một cây ổi, một cây mít tơ, vài cây cau và chen chúc ở dưới tầng thấp là được thảo và hoa các loài, với hàng rào râm bụt vây quanh ba phía. Mảnh vườn chỉ có vậy, nhưng toàn bộ hiện thực hình như lại không nằm trong cái hiện hữu đo đếm được, nó còn tồn tại ở dạng tiềm ẩn, như một tiếng nói thầm chưa được phát ra. Mảnh vườn được chăm tĩa kỹ càng nhưng vẫn có cảm giác nó tồn tại chỉ là để nhằm trình bày một trạng thái cân bằng, điềm đạm và mơ màng ước vọng thôi. Mảnh vườn tỏa bóng vào tâm hồn Đông, vật phân thân của anh!

- Hoa à! Anh muốn nói với em một câu nữa. Em hãy nghĩ lại một lần nữa đi!

Tiếng Đông nhẹ như hơi gió từ mảnh vườn thổi qua khuôn cửa, lạc lối vào nhà. Và anh biết, cũng như hơi gió vô tình kia thổi, đó là một lời nói vô nghĩa. Hoa, người vợ sắp chia tay anh, một vóc hình đầy đặn, một khuôn mặt trắng rằm, không đáp lời anh, lặng lẽ xếp nốt mảnh áo mưa vào chiếc va li đã mở nắp trong cái dáng hơi cúi xuống, lộ vầng trán phẳng và cái

dọc mũi cao xinh xắn lấm tấm mồ hôi. Có lẽ lúc đó chị cũng có phần xúc động. Anh hiểu chị. Chị là nữ diễn viên chèo. Chị đa cảm như bản chất nghệ sĩ!

Chị đang xúc động, anh nhận ra điều ấy, vì nhìn thấy mắt chị đẹp như mắt vẽ lúc này nhót nhất ánh nước. Anh nhận ra thế, khi chị ngẩng lên, đưa mắt nhìn căn buồng nhỏ, cái nhìn lần cuối trước khi ra đi. Nghĩa là khi dứt áo ra đi chị cũng áy náy, cũng bứt rứt, dù là tí chút. Nghĩ vậy, anh thở ra nhẹ nhẹ, anh thấy được an ủi. Có thể chứ! Vì lẽ nào chị không hiểu rằng những ngày gian khó nhất của chị và anh đã qua. Ôi, lấy nhau mười năm thì năm năm trời là vật lộn với miếng ăn, việc nuôi nấng hai đứa con thơ. Anh dạy học. Lương ông giáo trợ hoàn không đủ dứt miệng. Chị theo đoàn đi diễn, dù là đóng đến vai chính như Xúy Vân, cũng không đủ ăn, nếu không biết chắt bóp tần tiện, bòn mót bán từ quả cam, quả ổi, mớ bồ kết trong mảnh vườn nhỏ này.

Nhưng mà chẳng lẽ trong tâm ức chị chỉ rất những kỷ niệm u buồn? Không, những ngày gian khó nhất đã qua đi như tất yếu của phép biện chứng khổ tận cam lai. Hai đứa con sồn sồn. Anh đỡ gầy gù, dẫu anh đã sống với một tình yêu có đặc điểm là từ bỏ bản thân mình. Còn chị, lúc này chị đã có thể chuyên tâm vào vai diễn của mình. Xúy Vân, một vai diễn nặng, riêng màn nàng giả dại mệt bằng cả một đêm diễn các vai khác. Chị vào vai nhuần nhuyễn đến mức mỗi đêm diễn xong, măn nguyện sung sướng như biến đổi cả tâm tính. “Anh à, diễn xong, em vào hậu trường thì có một ông trung niên bước vào: “Thưa chị, chị cho phép tôi hỏi: Mái tóc dài mượt như huyền thoại của chị là thật hay là giả?” Anh có biết em trả lời ông ta thế nào không? Em bỏ cặp, thả cả mớ tóc xõa xuống tận khoeo chân em. Cả một thác nước đen huyền. “Trời!” Người nọ kêu to sung sướng. Anh có biết bí quyết gì mà tóc em dày và mượt thế không?” Chị lay vai anh và nhí nhảnh như thiếu nữ bảo rằng: Đó là vì chị năng gội đầu bằng quả bồ kết hái từ cây

bồ kết ở trong vườn nhà. Náo nức hiện ra ở trong giọng nói. Chị bỗng biến thành kẻ đa ngôn và nhiều khi sâu sắc nữa. Vai diễn đầu có phải chỉ là những câu hát và những động tác hình thể. Chị khoe với anh rằng, chủ đề của vở chèo Xúy Vân trước đây chị vẫn đóng là phê phán thói bạc tình của đàn ông. Còn bây giờ, sợ dĩ chị đóng vai này trọi bật hẳn lên là vì ông đạo diễn đã xoay đổi chủ đề vở diễn sang trách cứ người đàn bà nhẹ dạ, và chị là người đầu tiên thể hiện thành công chủ đề này.

Cầm chùm bồ kết, từ mảnh vườn, anh bước vào nhà và đặt nó lên chiếc *va li* đã đóng nắp của chị. “Cám ơn anh.” Chị nói khe khẽ, không ngẩng lên. Rồi nhắc chùm bồ kết bỏ vào túi xách tay và đứng dậy, nhìn đồng hồ tay. Còn một giờ nữa. Mười giờ có chuyến bay Hà Nội - Paris!

*

Chuyện buồn thế mà không lọt ra khỏi cửa, nếu không phải là người có gan lớn thì ắt hẳn còn có lý do ngoại cảnh. Đông là thế. Ngoài giờ dạy, anh chăm chút mảnh vườn. Hái hoa kim ngân, tỉa lá cây bạch đồng nữ, vun gốc cam, bẻ cành khô cây bồ kết, công việc quay vòng tuần hoàn. Cây lá không chỉ là cây lá. Cây lá còn là hương thơm, sắc màu, là nhịp điệu thời gian và hy vọng. Thêm nữa, về lâu dài, con người không thể sống mãi trong khinh miệt và hận thù. Huống hồ, cạnh anh còn bạn bè.

Ông giáo Tuân, bạn anh, có căn nhà hai tầng, một bạn đi dạy học về, giữa ban ngày bắt gặp cảnh vợ mình đang say đắm trong cuộc tình với người học trò cũ. Lặng lẽ ông đi lên gác trên và từ đó lấy căn gác làm nơi trú ngụ, sau khi được người vợ trả lời rằng: Chị không còn yêu ông, chị đã yêu người học trò nọ.

- Tình yêu bao giờ cũng đi xa hơn lẽ phải thông thường. - Đến chơi với Đông, ngồi uống nước trà ở hàng hiên, nhìn ra mảnh vườn yên tĩnh đã thừa lá khi vào thu, ông giáo Tuân nói.

Hai người đàn ông quay lại nhìn nhau. Liệu có ai trên thế gian này có nỗi đau đời ê chề hơn họ không?

Đông lẩm bẩm nhắc lại câu nói của ông giáo Tuân, rồi khe khẽ thở dài. Thật sự anh vẫn nhớ Hoa nỗi nhớ nôn nao. Nhưng trong cảm nhận sự trống vắng bóng hình người phụ nữ vẫn thấy nó hao hao giống như những ngày chị đi diễn ở những nơi xa.

- Thời gian là ngọn gió lớn, dai dẳng, nó sẽ sẵn sàng thổi tắt ngấm những cuộc tình ngắn ngủi.

Bất thần, nghe câu nói gần như buột miệng của Đông, ông giáo Tuân liền bỏ cặp kính viễn, ho hó cặp môi nhỏ, khe khẽ kêu:

- Sao? Anh định nói gì, Đông?

- Đó là một câu thơ của một nhà thơ tôi yêu.

- Tôi biết. Nhưng sự thể câu chuyện là thế nào? Chẳng lẽ chỉ là do một lần chị ấy lưu diễn ở Paris?

Ông giáo Tuân nói vội vã. Vội vã vì biết rằng Đông sẽ không bao giờ trả lời. Đừng động vào cây mùa lá rụng. Lại một tứ thơ của một nhà thơ Đông yêu như chợt đến với anh.

Trên mảnh vườn, trời thu lúc ngả chiều ngổn ngang mây xám.

*

Thương Đông gặp điều bất hạnh, bà nội từ Hưng Yên lên đón hai đứa con anh về quê. Bà cụ bàn, hay là bán mảnh vườn, căn nhà này đi, xin chuyển về dạy ở trường huyện, phần nữa cũng là để Đông kế thừa mảnh vườn, căn nhà của mẹ ở làng quê. Bà cụ có còn ai là con trai nữa đâu, ngoài anh. Thấy anh im lặng, bà cụ chép miệng. Người tiếc còn chẳng được, tiếc

gì đất đai, nhà cửa. Đông vẫn không nói. Lòng dạ dẫu ngổn ngang vẫn đang rì rầm chảy một dòng hoài niệm trong trẻo thương nhớ. Con người sống theo cảm xúc bằng bản năng, có biết đâu là đại, biết đâu là khôn, là may, là rủi mà lường!

Hết giờ dạy học, soạn bài, chấm bài, Đông lại một mình một bóng tha thần trong mảnh vườn. Bồ kết ra hoa, bồ kết kết quả. Quả bồ kết xanh xanh ngả sang vàng tro, rồi đen bóng như sừng. Ông giáo Tuân đến xin mấy quả về đốt trong buồng thangka cháu nội ba tuổi đang lên sỏi.

- Bồ kết làm không khí thanh sạch. - Đông nói. - Hồi chiến tranh, tôi làm cần vụ kiêm trợ lý văn hóa cho một ông tướng, cứ ba ngày một lần tôi phải đốt bồ kết xông căn nhà hầm trong hang đá cho ông.

Câu chuyện chỉ dừng ở đó. Còn đoạn Đông gặp Hoa trong đoàn văn công đến biểu diễn ở binh trạm, anh không nói. Những ngày ấy nhẹ và thơm như một làn hương vương vấn mãi và mơ hồ như không có thực.

Ông giáo Tuân nói:

- Đứa cháu nội là một liều tiên dược với tôi. Càng sống càng thấm thía cái nghĩa sâu kín của cuộc đời đi mãi vẫn không hết.

Đông im lặng. Đông biết, cũng như Đông, ông vẫn không nguôi thương nhớ người vợ bạc bẽo nọ. Gần đây, chị cùng gã chồng trẻ chuyển cư vào Sài Gòn. Gã đàn ông thật sự là một kẻ cả thèm chóng chán. Mà tình yêu thì không phải là một cuộc phiêu lưu, không phải một sự việc tự đặt ra để thỏa mãn tính tò mò. Nghe nói, giờ chị sống trong sự hắt hủi của gã. Thành cha trẻ hơn chị cả chục tuổi. Bốn mươi năm tuổi, chị đã ở dốc bên kia của đời người rồi.

- Khi cô ấy chuyển cư vào Nam, rao bán cái căn nhà dưới, tôi đã có ý khuyên nên giữ lại để phòng thân. - Ông giáo Tuân kể. - Nhưng cô ấy không nghe. Chắc là sợ tôi chiếm lại. Chắc, ra tòa rồi, nhà cửa, tài sản chia đôi hết, tôi chiếm lại sao được.

Anh có biết cái bi hài khi phân chia tài sản không? Hai tầng nhà, mỗi bên một. Hai cái nồi, mỗi bên một. Cứ thế, đến cái quạt tai voi. Cô ấy bảo: “Anh lấy cái cánh, tôi lấy cái bầu.” Thật là cửa đúc đục suốt, thật là cạn tàu ráo máng!

- Trời!

- Tất nhiên, ai lại thế. Tôi bảo: “Thôi, cô lấy hết đi. Tôi cho cô tất. Hừ, người còn không tiếc nổi, huống hồ...”

Thốt kêu thâm trong lòng, Đông ngẩn ngơ trong xót xa và đăm đăm nhìn ông giáo, bỗng thấy kính trọng ông vô cùng. Dẫu sao thì Đông vẫn còn may mắn hơn ông. Đông chưa mất hết. Đông còn mảnh vườn, mảnh vườn cho anh sự cân bằng, yên tĩnh và những ước ao, mơ mộng.

Mùa đông năm ấy rét se sắt. Cây cối trong vườn rụng lá nhiều hơn mọi năm. Riêng hàng rào râm bụt vây quanh hoa nở rộ, đỏ gay gắt, xa xỉ và phung phí vô cùng, đến độ mỗi sáng trở dậy, ra vườn thấy chúng, Đông lại ngẩn ngơ: Hoa định kết thành dải băng lớn đón chào nổi vui nào vậy? Một đêm cuối mùa đông, đang hậm hùi lao lười thuổng để bưng đi một gốc cau ra khỏi bóng râm của cây mít, Đông bỗng dừng tay. Hình như có tiếng ai đó vừa mở cửa vườn bước vào. Thốt tim, Đông đứng lặng. Lạnh rợn mà trán Đông nháng một lớp mồ hôi mỏng. Cạnh nơi anh đứng, hoa nhài nở trắng rười rụi, loá loá sáng cả một vùng đất. Sát khóm nhài, trên cái chồi lớn xanh ngắt, một đoá ngọc trầm đang xòe cánh, trắng và lớn như hoa đại. Vương vương trong không khí anh hít thở là hương thơm của các loài hoa nở đêm. Hoa không chỉ là hoa, hoa còn là giấc mơ của con người.

- Ai đó?

Thảng thốt, Đông quay lại phía sau, ngơ ngác như giữa chiêm bao. Cuộc sống, nếu không còn mong ước thì chẳng có gì để mất cả, thì thật sự là chẳng nên sống làm gì nữa!

Mùa đông năm ấy qua, mùa xuân năm sau tới, như đêm qua ngày tới, không hấp tấp, vội vàng, vì chẳng có toan tính, cũng chẳng vì xót thương ai. Thời gian như ngọn gió lớn thổi bên bờ qua tất cả những ngọn lửa tình. Càng nghĩ càng thấy cái nghĩa sâu kín của đời sống ân tình chẳng bao giờ đi thâu tới tận cùng được. Đêm ấy, Đông mơ một giấc mơ rất kỳ lạ. Anh đang đánh cây cau non trong vườn thì Hoa vợ anh đẩy cánh cửa vườn bước vào. Ôi, Hoa đã về! Vợ anh, người anh yêu quý không gì sánh nổi đã trở về. Vẫn gương mặt hồng hậu xinh đẹp ấy. Vẫn mái tóc dài mượt mà như huyền thoại được nuôi dưỡng bằng nước bồ kết hái trong vườn nhà. Nhưng chị khác ghen ngào và day dứt. Chị nói: “Anh mắng em đi! Anh đánh em đi. Em đã phản bội anh. Sao em ngu dại, hư hỏng thế!”

Ông giáo Tuân đến chơi. Đông kể lại giấc mơ nọ cho ông nghe. Nghe xong, ông nói: “Tôi tin sẽ là như thế!”, rồi ông ngả người lên lưng chiếc ghế mây, đưa mắt lặng lẽ ngắm nhìn mảnh vườn trước mặt. Ông ước có được một mảnh vườn nhỏ nhỏ như của Đông.

6/2002

BUỔI BÌNH MINH HUYỀN THOẠI

Lật trái, lật phải, nghiêng rồi ngửa, liên tục đổi thay để có được một tư thế dễ chịu nhất, để từ từ trôi trượt êm dềm vào giấc ngủ, vẫn không được! Hai con mắt nhắm nghiền đã như mỗi lần rồi mà quái lạ óc tôi vẫn cứ ong ong sáng như có cái đèn lồng lễ hội thấp ở bên trong. Bên trong đầu tôi vẫn qua qua lại lại những bóng người, những gương mặt, những ý định. Vậy thì hãy xoa hai gan bàn chân và bấm huyết hợp cốc ở cạnh ngón tay cái. Không ăn thua. Tôi xoay ra đếm một, hai, ba... nhưng càng đếm càng tỉnh. Thế thì thư giãn theo lối tự kỷ ám thị vậy: “Tôi thấy tay tôi, chân tôi rời ra từng khớp xương và nóng dần lên...” Nửa giờ sau, tôi trở dậy, nhét vào miệng hai viên Sen vòng. Tiếp đó nghĩ tới bài quảng cáo viên Rotunda an thần chiết xuất từ cây bình vôi không độc hại, tôi chiêu nước liền bốn viên, gấp đôi liều lượng thông thường.

Vô tác dụng! Cái thằng mất ngủ trong tôi vẫn cứ trơ trơ. Nó cứng đầu cứng cổ quá thể. Nó không biết nao núng, không chịu tiếp nhận sự rủ rê. Quát tháo nó không xong và vỗ về nựng nọt nó cũng không nổi. Nó là thằng bất trị. Còn tôi, không trị được nó, tôi là kẻ bất lực, tôi là thằng hèn yếu. Hèn yếu nên hay hoang mang, dao động, hay nghĩ ngợi vẩn vơ. Sao tôi hay nghĩ ngợi vẩn vơ thế? Buồn cũng nghĩ vẩn vơ xa gần mà vui cũng nghĩ ngợi gần xa vơ vẩn. Rồi chẳng vui chẳng buồn thì cũng lại phát sinh ý nghĩ: Tại sao lại lúng lờ cá vàng thế này? Tôi vốn là thằng khó ngủ. Đêm nằm trần trọc, giấc ngủ đứt nối vài

ba bạn là thường xuyên. Còn nằm trong màn, tắt đèn rồi, thao thức vài ba tiếng đồng hồ như hôm nay cũng là bình thường. Ngày hôm nay, nhà tôi có giỗ. Mọi người đến ăn giỗ xong đã ra về. Ông bác tôi bảy mươi hai tuổi ở tận Lào Cai về chơi thường nói rằng đêm đêm chỉ chợp một, hai tiếng đồng hồ vậy mà lúc này đã ngáy pho pho. Ở lại nhà tôi đêm nay còn có cô Tường tôi ở Hà Nam lên. Tối cô kêu đau răng vì ăn thịt gà, cô tắm tức khóc một lúc rồi cô cũng đã thiếp đi.

Cả căn buồng màn căng trắng xóa, nhìn chỉ thấy mờ mờ thân người duỗi thẳng đuồn đuột, im phắc. Chỉ còn mình tôi chưa ngủ được. Chỉ còn mình tôi thao thức trong căn buồng này, trong căn nhà này, ở ngõ phố này. Chỉ còn mình tôi tỉnh thức trong cái đêm vắng lặng này. Chỉ còn mình tôi đối mặt với không gian, với thời gian. Lúc này không gian rộng không, không giới hạn, không tận cùng. Và thời gian lúc này là một độ dài thuần túy, không đầu không cuối, cũng rộng không từng giây, bò lê chậm chạp, cùng tôi côi cút giữa bao la. Giữa bao la, tôi cô độc. Chỉ có con người, sinh thể duy nhất trong muôn loài, có được cảm giác đơn côi, và đó sẽ là điều kinh khiếp nhất một khi họ nói hạnh phúc lớn nhất của họ là sự hòa hợp. Tôi cô độc đến tận cùng vì lúc này chẳng hề có sự chia sẻ, kể cả một tiếng gà gáy sang canh, một tiếng mèo gào gọi bạn tình. Thành phố đã quên tập quán nuôi gà. Còn mèo thì đã bị tàn sát bởi tay lũ chủ quán tiểu hổ độc ác.

Tôi bơ vơ một thân kiếp lẻ loi trong khúc hát *Chỉ đường* gọi hồn người chết của dân ca Mông tôi đã từng biết từ thuở nào: “Mình chết thật hay mình chết giả? Mình chết giả thì mình dậy đi. Lúc này người và vũ trụ đều u mờ lạnh ngắt.”

Tôi bơ vơ giữa vũ trụ u mờ lạnh ngắt. Vậy mà các bạn có biết không, tôi đã vùng dậy đột ngột. Vâng, tôi đã bật dậy đột ngột như một tù nhân trong ngục thất bỗng nghe thấy tiếng gọi được phóng thích. Không! Còn hơn thế nữa!

“Ai bánh mì nóng giòn dê!”

Tiếng rao của một giọng bé gái non tơ run rẩy cả bình minh một ngày mới kích thích tôi tung người dậy, hét vang nhà. Ôi! Người, sự sống! Người ơi, sự sống ơi, ta chào đón người đã cả thế kỷ nay rồi. Và ký ức tôi lập tức vang trầm một câu văn trong sách triết đã đọc từ lâu rồi: “Và con người xuất hiện, từ đó thiên nhiên thấm đậm bản chất người.”

*

Đứa bé gái cất tiếng rao bánh mì buổi sáng giàu chất huyền thoại ấy hiện đang ở trong nhà chúng tôi, trong vai một cháu gái giúp việc. Một ngẫu nhiên số học đã đưa nó đến với chúng tôi. Vợ tôi nói: “Em thấy nó xinh xắn và sạch sẽ. Cầm tờ bạc nó không quặn tròn lại như mọi người. Nó vuốt thẳng tờ bạc, dấu chỉ là tờ một trăm, và xếp vào một cái cặp bìa cứng bọc *ni lông*.” Còn tôi, thoát đầu nhìn con bé đã rung rung một linh cảm và vội chủ động ngắt đoạn ngay nỗi ngờ ngợ muốn sai khiến tôi, đẩy tôi tới để ôm chầm lấy nó, vuốt ve, âu yếm nó.

Cái Hà mười bốn tuổi, nhỏ người nhưng xinh xắn. Mặt nó tròn, tóc nó dài mượt, búi một nắm ở sau gáy. Nó đã trở thành thiếu nữ sớm hơn tuổi ở cả sự hình thành làn sóng ngực nhú cao. Nhất là ở mỗi cử chỉ thành thực, gọn ghẽ trong khi quét nhà, rửa bát, nấu ăn và sẵn sóc đứa con trai mới được sáu tháng của vợ chồng tôi. Thằng bé bị tiêu chảy do một lần bất cẩn của vợ tôi, để lại di chứng khốn khổ về đường ruột và ở lớp bì phu. Chính là một hôm sau khi bán chiếc bánh mì cuối cùng cho tôi, thấy vợ tôi đang loay hoay tắm cho đứa con trai bị bỏng rạ phỏng rộp cả người, con bé đã bước tới, đòi thay vợ tôi làm công việc nọ và sau mấy phút kỳ cọ tắm rửa cho đứa nhỏ với những động tác hết sức khéo léo, tinh xảo, nó còn le te ra chợ xách về một túi lá lấu để từ bận sau vợ tôi nấu tắm cho em bé.

Có cái gì đó như là cái duyên số hòa hợp lạ kỳ giữa nó và đứa con trai của chúng tôi. Thằng bé thường khi tắm rửa là khóc thét váng nhà, còn lúc bình thường chẳng mấy khi nó

thôi rên rĩ, ỉ eo. Nhưng đó là lần đầu tiên thằng bé không khóc khi tắm. “Ôi, chị thương em bé của chị. À, xong, chị bế em bé của chị ra siêu thị mua con gấu Misa, con vịt Nick Carter nhé!” Thì cũng là những lời giản dị thông thường ấy và những động tác tiếp xúc với da thịt đứa bé bình dị như bao người, mà sao đứa nhỏ lại im bật tiếng khóc và sau đó còn u ơ bất chuyện nữa! Đã quá quen thuộc với cái phổ biến và hệ tư duy đơn giản, chỉ chấp nhận những chân lý thông thường, chúng tôi đã hết sức kinh ngạc khi thấy thằng con trai bé nhỏ đáng thương của chúng tôi đang thiu thiu bỗng chồm dậy, thét lên, đau đớn như bị tước đoạt mất cái gì đó vô cùng quý giá, khi cái Hà vừa bê cái thúng đựng bánh mì, chào tạm biệt chúng tôi, ra đi. “Ồ... ờ... Em Tồ ngủ ngoan nhé! Mai bán hết bánh chị lại đến chơi với em mà!” Con bé cúi xuống cái cũi đặt thằng nhỏ. Nhưng lần này nữa, đã là lần thứ năm, thứ sáu, thằng con của chúng tôi không chịu. Sau cùng, trước lời khấn khoản của vợ tôi, cái Hà đã ở lại nhà chúng tôi hôm ấy. Và những ngày tiếp sau.

Sự bó bện của cái Hà với thằng con trai chúng tôi hiển nhiên là một điều kỳ diệu. Thằng bé từ hôm ấy quán lấy cái Hà. Nó không cho con bé rời nó. Bột, cháo nó chỉ ăn khi cái Hà bón. Nó ngủ ngon giấc bên cái Hà. Các vết phỏng rộp mọng nước như bong bóng vỡ ra đau rát là thế mà khi cái Hà chấm thuốc cho, nó không hề kêu rên. Kỳ lạ sao, chưa hề biết nói nhưng nó nằm mắt mở thao láo, như một đứa trẻ đã có ý thức và ngôn ngữ, chăm chú lắng nghe cái Hà kể chuyện, hết *Cóc kiện trời*, lại đến *Thạch Sanh*. Rồi thiu thiu ngủ với cảm giác tuyệt đối an toàn trong tiếng hát ru bài ca dao cổ rất lạ tai của cái Hà: “Trèo lên cây thị nửa ngày...” Chẳng bao lâu, nhờ cái Hà dạy, nó biết làm mặt xấu, đi chợ, phun mưa và nhận diện từng người, biết tên mỗi đồ vật trong nhà. Thằng con chúng tôi đã vượt qua tật bệnh, khỏe mạnh trở lại. Và giống như sự sắp xếp có tính quy luật của tự nhiên, cái chưa tròn đầy thì phải tròn đầy, chỗ thừa phải san bớt xuống chỗ thiếu, chẳng bao lâu cái Hà đã trở thành một thành viên trong cái cấu trúc tròn vẹn của gia đình chúng tôi, đôi lúc bất giác ý tưởng của tôi còn đi

xa hơn: Đúng ra vốn nó đã là một phần tử của bức tranh này, và vì một nguyên cớ nào đó đã xảy ra sự chia lìa và bây giờ, nó đã trở về đúng chỗ!

Trong cuộc sống, mỗi con người là biểu trưng cho một cái gì đó chưa được biết tới. Tôi tin là như thế, ở cả trường hợp cái Hà. Nhớ đến cảm giác ấm áp đầy nhân tính ở cái buổi sáng sau đêm mất ngủ bỗng nghe thấy tiếng rao bánh mì của cái Hà, sau hơn tháng trời con bé đến ở với chúng tôi, khi đã hiểu hoàn cảnh sống của nó, tôi càng định ninh rằng: Nó chính là cái phân số bổ sung cho cái hiện thực mang tính người mà tôi chưa thấu gom đầy đủ trong tâm thức mình. Ông bà nó hưởng ứng lời kêu gọi đi khai hoang ở vùng Hữu Lũng, Lạng Sơn. Đó là những năm 60. Ở đó, bố mẹ nó ra đời. Rồi đến lượt nó được sinh ra. Và bố nó được lệnh nhập ngũ, đi về phía Nam biên biệt cả chục năm. Trong khi ở nhà ông bà nó lần lượt mất. Mẹ nó già yếu dần. Và đất thì mỗi ngày một cằn cỗi, giống má mỗi ngày một thoái hóa. Ăn không đủ, hai chị nó phiêu dạt đi kiếm sống ở các thị trấn mới thông thương ở biên giới. Mẹ nó ở nhà vừa tự chống trả với bệnh thấp khớp chạy vào tim vừa lần hồi qua ngày. Và nó, cuối cùng cũng phải tìm một phương thức để tồn tại.

Tôi đã rùng mình thật sợ hãi khi hỏi nó: “Vậy bố cháu đâu?” và được nó trả lời rằng: Từ khi nhập ngũ, bố nó không có một tin tức gì. Ôi, cái Hà! Nó không phải là một phần tử ta vẫn thường thấy trên phim ảnh, ti vi, những em thiếu nhi trang phục trắng bốp đánh trống thổi kèn trong các lễ hội từng bừng, những đứa trẻ sạch sẽ, giỏi giang trong các kỳ thi Olympic, trong các trò chơi ở VTV3, những đội viên, đoàn viên, công nhân, trí thức có đoàn thể và nhà nước bảo trợ, được săn sóc từ miếng cơm manh áo đến lý tưởng hoài bão. Nó xa lạ với mọi sự quan tâm. Nó là một cá thể trong lớp chúng sinh nghèo khó đông đảo bị che khuất. Nó là mảnh hiện thực bị lãng quên. Nó là cái phần đời bị lịch sử che giấu. Nó là một phần tử bơ vơ, cô cút. Nhưng nó ở trong cái lớp chúng sinh đã quen sống trong môi trường không nơi dựa cậy nên cả ngàn năm nay đã

biết tự lo cho sự tồn tại của mình và để tồn tại, nó đã hơn rất nhiều kẻ ăn bám, bóc lột, tham nhũng, nó thực hiện một công cuộc lao động thật vĩ đại ngay từ nhỏ để nuôi sống mình. Sáu tuổi nó đã chăn trâu thuê. Tám tuổi nó chẻ nan bán cho hợp tác xã sản xuất mành mành ở huyện. Mười hai tuổi nó đã biết cấy, gặt, gồng gánh thuê. Và bây giờ, sau khi tất cả những điều kiện trên đã triệt tiêu, mảnh đất vùng sâu vùng xa nơi ông bà nó đến lập nghiệp và gửi thân lại, đã kiệt lực tàn tạ, chỉ còn là một chốn hoang dã cô liêu thì nó đông ra thành thị. Đông ra thành thị cả một dòng người ô ạt tạp sắc đủ hạng, từ người lớn đến trẻ em, từ người lao động lương thiện đến lũ lưu manh nơi thôn xóm.

- Thế bán bánh mì rong như thế thì một ngày cháu kiếm được bao nhiêu? - Vợ tôi hỏi.

Hà đáp:

- Cũng đủ sống, cô ạ.

- Mà lại giữ ý với cô à?

- Không! - Hà cười. - Để sống được thì không khó cô ạ. Cháu với cái Ngàn hai đứa mỗi bữa chỉ ăn hết một ngàn đồng. Hai bữa hai ngàn. Còn ngủ, thuê một chỗ cho hai đứa mất một ngàn nữa là ba. Trừ đi, mỗi đứa chúng cháu mỗi ngày cũng để dành được một chục ngàn.

- Sao lại dúi với cái Ngàn nào thế?

- Nó ở cạnh nhà cháu. Hoàn cảnh nó đáng thương lắm. Bố nó bỏ mẹ nó đi theo bọn buôn lậu rồi bị họ đánh chết, cướp hết tiền bạc. Mẹ nó lên Lạng Sơn kiếm sống, bị lừa bán sang Quảng Đông, làm vợ một ông già Tàu bảy mươi tuổi.

- Khổ! Thế bây giờ định thế nào?

- Cái Ngàn với cháu như chị em ruột thịt, như khúc ruột trên với khúc ruột dưới, không bỏ nhau được.

- Khiếp, mà ăn nói như bà cụ.

- Mẹ cháu bảo cháu từ hồi cháu còn nhỏ là con mẹ hoặ, là cái thảo mai, là không giống tính ai.

- Sao lại thế được?

- Thật đấy cô ạ. Mẹ cháu thì ăn nói vụng về lắm. Còn bố cháu thì lì lì cả ngày chẳng nói một câu, mà động nói là nói lắp. Mẹ cháu bảo: Cháu giống cô ruột cháu, cô tên là Huệ. Cô Huệ cháu đẹp lắm. Da trắng như trứng gà bóc, mắt đen, môi đỏ tươi, trông như người trong tranh vẽ ấy. Cô Huệ cháu hay nói và hát hay lắm. Hồi cháu bé tí bằng em bé nhà mình bây giờ, cháu đã được nghe tiếng cô cháu nói, cô cháu hát. Cô cháu hát bài *Ba mươi sáu thứ quả*: “Trèo lên cây thị nửa ngày. Thị thơm muốn hát sợ thay cô Hồng. Cô cậy cô đã có chồng. Chơi cho một chút thỏa lòng chanh chua...” Cô Huệ cháu mất rồi. Mất hồi mới có mười sáu tuổi sau buổi đi làm đồng về, nằm ngủ rồi thiên hóa luôn.

- Bị cảm à?

- Cháu không biết. Hôm ấy là rằm tháng Bảy. Có người nói lúc cô nằm, có một con hươu con lạc mẹ đi qua, cô còn nhồm dậy gọi nó. Người ta bảo mất hôm rằm thiêng lắm. Cháu nằm mơ gặp cô Huệ cháu luôn, cô ạ.

Rất nhiều lần tôi đã nằm im lặng trong căn buồng riêng dõi theo các cuộc trò chuyện tâm tình giữa vợ tôi và cái Hà với cảm giác đang đọc một cuốn tiểu thuyết, mỗi trang lại mở ra một chiều rộng mới lạ về cuộc sống của con người. Và nếu như ngôn ngữ là sự kiện có đẳng cấp cao nhất trong sự tồn tại của con người thì cái Hà, chính nó, đã nhờ ở lời ăn tiếng nói để trở nên khôn ngoan, để trụ lại được ở cuộc đời này. Hóa ra nó còn một bà bác buôn bán giàu có ở chợ Đồng Xuân. Người đàn bà này xưa kia đã bỏ rơi bố mẹ và các em nghèo khó, nay khi đã có bạc tỉ trong tay mới chợt nhớ đến luật đời không thiên lệch, vợ và tử ra sốt sắng với các công việc từ thiện.

- Giàu có thế đã là gì, cô! Cô Huệ cháu vẫn thường nói: “Ba quan đã tưởng là giàu. Một con nhúc đầu hết sáu mươi quan.” Thế mà đúng, cô ạ.

Cái Hà nói và kể rằng: Cuộc đại hỏa hoạn chợ Đồng Xuân năm nào đó đã tiêu hủy gần như sạch sành sanh vốn liếng cơ nghiệp của bà bác. Tiếp đó, ông chồng bà mắc bệnh tim, bà phải đi vay giạt hơn năm ngàn đô để đưa ông đi phẫu thuật tại Sài Gòn, kết quả ông vẫn không qua được căn bệnh hiểm. Còn bà thì bây giờ đang trốn lẩn vì các con nợ lòng tìm. “Cô cháu vẫn thường gặp cháu, cô cháu nói không sai câu nào.” Cái Hà nói tiếp. “Ví dụ hồi đầu năm nay, cô cháu bảo: Tháng Tư con sẽ gặp người tốt. Quả nhiên cháu gặp cô chú.” Vợ tôi hỏi: “Thế cháu vẫn gọi vong cô cháu đấy à?” Cái Hà không đáp vì lúc ấy có tiếng chuông gọi cửa, nó vội chạy ra. “Cháu tưởng cái Ngân bạn cháu, hóa ra ông đưa thư, cô ạ.” Quay vào, nó nói. Và vợ tôi quên khuấy luôn câu chuyện dang dở. Còn tôi từ hôm ấy, hệ quả của tất cả những cảm nhận đã khiến tôi lúng túng vô cùng, tôi đang gặp khó khăn trong việc thực hiện phép đo. Cái Hà dường như không còn là một đứa bé gái tôi vẫn hằng quen biết.

*

Cảm giác về cái Hà như một thực thể quá khổ bấy lâu không được biết đã trở thành nỗi phấp phỏng trong tôi, cuối cùng đã được xác nhận. Sau một tuần tôi đi công tác xa trở về, cái Hà đã không còn ở nhà tôi nữa. Nó đã đi rồi. Vợ tôi rầu rĩ:

- Khổ! Thằng bé nhớ chị gào khóc cả ngày. Mà em nói thế nào nó cũng chỉ mỗi một câu: “Thôi, cô chú cho cháu đi!”

- Hay là mình có sơ suất gì với nó?

Tôi hỏi như lấy lệ. Câu chuyện một đứa nhỏ giúp việc rồi phật lòng vì sự đối xử tàn tệ của chủ nhà, phần chí bỏ ra đi đã là đề tài của bao truyện ngắn truyện dài cũ mèm, nhàm chán quá rồi còn gì!

Vợ tôi buồn bã tiếp:

- Em đã nói hết với nó rồi. “Cháu cứ ở đây với cô chú và em. Gọi là công xá thì không đáng, nhưng cô chú cũng phải có trách nhiệm với cháu. Mỗi tháng cô gửi cháu năm trăm ngàn đồng để cháu giúp thêm cho mẹ cháu. Khi nào em lớn đi nhà trẻ, cô chú sẽ cho cháu đi học một lớp thợ may nếu cháu thích. Rồi sau đó hoặc cháu sẽ xin vào một xí nghiệp may mặc hoặc cháu mở cửa hàng riêng cũng được.” Nó nghe rồi nói cảm ơn, nhưng vẫn khẳng khái ý định ra đi.

Tôi ngồi lặng, nhớ tới cái rừng rưng rưng ngờ ngợ do linh giác khơi nguồn ở phút đầu tiên gặp mặt cái Hà. Nếu đứa nhỏ đầu lòng của tôi không sa sẩy lúc mới lọt lòng thì nó cũng bằng cái Hà. Tôi nói với vợ tôi điều bấy lâu tôi vẫn giữ kín. Không ngờ nghe xong vợ tôi liền bật khóc nức nở. Nàng cũng có cảm giác như tôi. Cái Hà, mối quan hệ ruột thịt bỗng tìm thấy và vừa bị đứt đoạn. Cuối cùng, dường không thể chịu nổi cơn xung động tâm thần, vợ tôi vừa khóc suốt muốt vừa vội vã khăn áo đi tìm cái Hà. Ngày nào cũng vậy, sau khi gửi được thằng bé vào nhà trẻ là nàng đi tới các phường xung quanh. Nàng đi tìm đứa con gái bị lạc của mình.

*

Cái Ngàn, quan hệ với cái Hà như khúc ruột trên với khúc ruột dưới, đến nhà chúng tôi hơn tháng trời sau đó. Nó khác hẳn cái Hà. To béo phịch phịch, cơ thể nó phát triển sớm, tuy cùng tuổi với cái Hà nhưng đã là một thiếu nữ thuần vẹn. Nó hồn nhiên hơn cái Hà và hấp dẫn người khác bằng tính khí sôi nổi, vui vẻ và sự tường tận đến các ngõ ngách cuộc sống xung quanh. Nó là cái khía cạnh tinh khôn, tự lực, tự do của cuộc đời. “Cháu cũng biết trông em, giặt giũ, nấu nướng như cái Hà. Con nhà nghèo không thể thì chết. Nhưng thôi, cháu đi bán bánh mì quen rồi.” Nó trả lời vậy, sau khi ru thằng bé con chúng tôi ngủ bằng bài ca dao cổ: “Trèo lên cây thị nửa

ngày...”, nhất là khi tôi và vợ tôi ngỏ ý muốn nó ở lại cùng gia đình chúng tôi.

Nó đã quen tự kiếm sống rồi! Tôi nghĩ vậy, trong sự khải quát hóa muốn giải thích cả trường hợp ra đi của cái Hà, thì đột ngột cái Ngân nói:

- Cái Hà nó không ở với cô chú, một phần vì nó cũng giống cháu, chúng cháu thích tự lập, một phần khác vì nó còn có một việc phải làm là đi tìm bố nó. Người ta bảo bố nó hy sinh rồi. Nhưng mà không phải thế. Cô Huệ bảo: Bố nó lập một chiến công rất lớn là bắn B40 tiêu diệt cả một trung đội biệt kích ở biên giới, rồi một mình bố nó bơi mủng qua sông thì bị quân địch bắn lén. Ngã xuống sông, bố nó còn bơi được lên bờ. Bố nó chưa chết. Vì ở dưới âm không có bố nó. Cô Huệ bảo thế. Nhưng hiện thời bố nó ở đâu thì còn phải cất công tìm. Cô Huệ thiêng lắm, cô chú ạ.

Tôi ngồi im lặng giữa những lời kể náo nức của đứa con gái bán bánh mì rong. Rồi ý nghĩ của tôi lượn bay trở lại cái cảm giác thiêng liêng buổi bình minh giàu chất huyền thoại hôm nào. Ôi! Một thiên nhiên thấm đượm bản chất người. Những con người nguyên khối chưa bị vong thân, những con người tự do. Họ có thể là những đứa con thất lạc của chúng ta. Nhưng chắc chắn hơn là giống như Đức Chúa Trời được gọi là một đấng tự hữu, họ cũng là những con người không ai sinh ra, tự mình mà có, tự lực sống, tự tìm lấy niềm kính tìn và bước đi. Nghĩ đến họ, tôi như thấy được cổ vũ, như được thấy cuộc sống thật sinh động phong phú, được khắc khảm bằng những nét mạnh mẽ và tràn đầy niềm lạc quan.

25/5/1999

MỤC LỤC

MẤY LỜI THƯA CÙNG BẠN ĐỌC.....	5
NGHỆ THUẬT TRUYỆN NGẮN MA VĂN KHÁNG	7
MỘT VẰNG NẮNG NHỎ	19
NGƯỜI BỊ RUỒNG BỎ	28
MÃ ĐẠI CÂU, NGƯỜI QUÉT CHỢ MUỒNG CANG.....	44
THÍM HOÓNG	58
MỘT CHỖN NƯƠNG THÂN	76
MẢNH ĐẠN	97
NGƯỜI GIÚP VIỆC.....	116
TÀU THÔNG QUA GA NHỎ	134
LỖ LÀNG.....	145
NGƯỜI CUỐI CÙNG VỀ LÀNG LẬM.....	159
NGƯỜI ĐÁNH TRỐNG TRƯỜNG	179
ANH CẢ TÔI, NGƯỜI SUNG SƯỚNG.....	199
ÔNG LÃO GÁC VƯỜN VÀ CHÓ PHÚM.....	219
VÒNG QUAY CỔ ĐIỂN.....	240
BẾN BỜ	258
CHỢ HOA PHIÊN ÁP TẾT	276

CÁI BUỒM TUNG TẮNG	288
NGƯỜI LÀM CÂU ĐỐI Ở TỈNH NHỎ.....	302
CHUYẾN XE ĐÊM	316
CỐ VINH, NGƯỜI XỨ LẠ.....	329
THẦY DẠY TƯ	361
HOA NHÀ BUỔI SỚM MAI	375
BỮA ĂN TRƯA Ở QUÁN CÂY XOÀI	385
TRÁI CHÍN CÂY.....	396
THẦY THẾ ĐI CHỢ BÁN TRỨNG.....	413
LÃO SIỄN	424
NỮ HỌA SĨ VẼ CHÂN DUNG.....	434
THÁNG BẢY Ở CHÙA LÀNG	444
TÌNH BIỂN	460
THÁP MỘT TUẦN HƯƠNG	469
MỘT SỚM MÙA THU	489
TÓC HUYỀN MÀU BẠC TRẮNG.....	499
HOA NỞ VƯỜN ĐÊM	513
BUỔI BÌNH MINH HUYỀN THOẠI.....	520

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

65 Nguyễn Du - Hà Nội

Tel & Fax: 024.38222135

Email: nxbhoinhavan@yahoo.com.vn

<http://nxbhoinhavan.net>

Chi nhánh miền Nam

371/16 Hai Bà Trưng - Quận 3 - TP. Hồ Chí Minh

Tel & Fax: 028.38297915

Email: nxbhvn.saigon@gmail.com

Chi nhánh miền Trung và Tây Nguyên

277 Trần Hưng Đạo - Thành phố Đà Nẵng

Tel: 0236.3849516

Email: nxbhvn.mientrungtaynguyen@gmail.com

Chi nhánh miền Tây Nam Bộ

314C Hoàng Lam - Thành phố Bến Tre

Tel: 075.3812736 - 016.998.083.86

Email: nxbhnmekong@gmail.com

Chi nhánh NXB Hội Nhà văn khu Đông Bắc

114 Phố Hải Phúc - Phường Hồng Hải -

TP. Hạ Long - Quảng Ninh

Tel: 090.3409142 - 091.4660592

ĐƠN VỊ LIÊN KẾT XUẤT BẢN VÀ PHÁT HÀNH



Tri thức Nhận niềm tin
ĐINH TÍ BOOKS
SHARING KNOWLEDGE, RECEIVE BELIEF

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VĂN HÓA ĐINH TÍ

Trụ sở chính:

Số 14-A11, KĐT Đầm Trấu, P. Bạch Đằng, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

ĐT: (+84)24. 39 334 889 Fax: (+84)24. 39 334 943

Website: www.dinhitibooks.com.vn

Email: contacts@dinhitibooks.com.vn / sales_hn@dinhitibooks.com.vn

Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh:

Số 78 đường số 1, P. 4, Q. Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (+84)28. 35 886 686 Fax: (+84)28. 35 886 687

Email: sales_hcm@dinhitibooks.com.vn

MA VĂN KHÁNG

100 truyện ngắn ②

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng Biên tập NGUYỄN QUANG THIỀU

Biên tập : NGUYỄN THỊ ANH THU

Bìa : KIM DUẨN

Chế bản : DƯƠNG THÙY

Sửa bản in : THÙY DƯƠNG - PHẠM NHÂN

In 1500 cuốn khổ 16cm x 24cm - Công ty CP In và Thương mại Quốc Duyệt

Đ/C: Số 9 ngách 130/1 ngõ 130 Đốc Ngủ, Ba Đình, Hà Nội

Xưởng in: Trại cầu N25, đường Tân Xuân, P. Đông Ngạc,

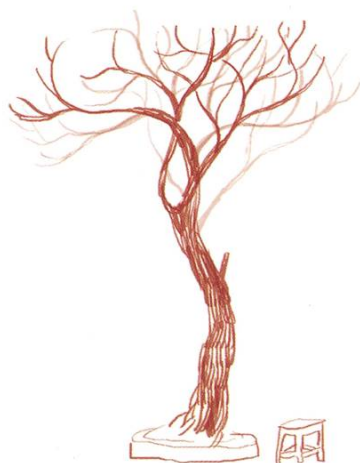
Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Số ĐKXB: 1712-2017/CXBIPH/08-46/HNV ngày 31-5-2017

Quyết định xuất bản của NXB Hội Nhà văn số: 910/QĐ-NXBHNV ngày 17-7-2017

Mã số ISBN: 978-604-53-8923-2

In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2017.



Các tác phẩm của nhà văn Ma Văn Kháng do DinhTiBooks ấn hành:

- *Mùa lá rụng trong vườn* (tiểu thuyết): Giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật đợt 1 năm 2001

- *Đám cưới không có giấy giá thú* (tiểu thuyết)

- *Một mình một ngựa* (tiểu thuyết): Giải thưởng Tiểu thuyết Hội Nhà văn Hà Nội năm 2009

- *Đồng bạc trắng hoa xòe* (tiểu thuyết): Giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật đợt 1 năm 2001.

- *Gặp gỡ ở La Pan Tản* (tiểu thuyết): Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học Nghệ thuật đợt 4 năm 2012

- *100 truyện ngắn Ma Văn Kháng* (tập 1, 2, 3) (truyện ngắn): Tập 1 - Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học Nghệ thuật đợt 4 năm 2012



Trào **tri** thức Nhận **Niềm tin**
DINH TI BOOKS
SHARING KNOWLEDGE, RECEIVE BELIEF

“Tác phẩm của ông với những điển hình tốt độ, nghệ thuật diễn đạt tinh vi, kỳ diệu của một nghệ sĩ tài ba, đặc biệt là về sự tinh xảo của ngôn ngữ... đã đem lại cho người đọc biết bao rung cảm, xúc động, gieo vào lòng người niềm tin, khát vọng và thối bùng cả những ngọn lửa căm hờn đối với cái ác, góp phần đấu tranh thúc đẩy xã hội đi tới, ngày càng tiệm cận chân lý và cái đẹp.”

Nhà giáo Khánh Tình



Hãy cùng chúng tôi
bảo vệ quyền lợi của tác giả và bạn đọc
bằng cách nói **KHÔNG** với sách lậu.

